

Atlas Vươn Mình

Phần 1: Phi mầu thuần

Tác giả Ayn Rand

Người dịch Zanglink

Atlas vươn mình

Phần I: Phi mâu thuẫn

Chương I: Nhạc hiệu



Người dịch: Zanglink

"John Galt là ai?"

Ánh sáng mờ dần, Eddie Willers không thể nhận ra khuôn mặt của gã ăn mày. Hắn hỏi một câu đơn giản, không chút cảm xúc. Ở phía cuối con đường, ánh hoàng hôn từ xa rọi tới, những tia nắng vàng phản chiếu trên đôi mắt hắn—đôi mắt nhìn thẳng về phía Eddie Willers, chế nhạo và lặng thinh, giống như chính câu hỏi đã gửi đến anh trong nỗi lo âu vô cớ.

"Tại sao anh lại hỏi vậy?" Eddie Willers căng thẳng hỏi lại.

Hắn dựa người vào lối đi, phía sau là mảnh kính vỡ phản chiếu màu vàng thép của bầu trời.

"Câu hỏi đó làm phiền anh sao?" hắn hỏi tiếp.

"Không hề," Eddie Willers đáp.

Hắn chặn anh lại, vội vàng chìa ra cái bao của mình xin vài đồng lẻ, rồi tiếp tục nói chuyện như thể muốn xóa đi khoảnh khắc ấy và trì hoãn vấn đề tiếp theo. Những lời cầu xin trên đường phố đã quá đỗi quen thuộc đến nỗi anh chẳng còn muốn nghe bất kỳ lời giải thích nào về sự tuyệt vọng của họ nữa.

"Đi mua cà phê uống đi!" anh nói, tay đưa đồng xu mà không nhìn mặt.

"Cảm ơn ngài," giọng nói vang lên không chút hứng thú, đầu cúi xuống trong giây lát. Khuôn mặt r ám nắng hiện rõ vẻ mệt mỏi và hoài nghi, nhưng đôi mắt lại ánh lên sự lạnh lẽo.

Eddie Willers tiếp tục bước đi, tự hỏi về cảm giác bất an vô cớ đang dâng lên trong lòng. Không, anh nghĩ, không phải là sợ hãi—chẳng có gì phải sợ cả—mà chỉ là một nỗi lo âu không rõ nguồn gốc. Dù đã quen với cảm giác này, anh vẫn không thể lý giải được nó. Từ khi gã ăn mày nói chuyện như thế hắn hiểu được tâm trạng của

anh, Eddie cứ nghĩ rằng hẳn phải có người nào đó cũng cảm nhận được điều này và biết rõ nguyên nhân.



Eddie Willers kéo thẳng vai trong một cử chỉ tự kỷ luật. Anh phải dừng suy nghĩ vẩn vơ lại—anh đang để trí tưởng tượng đi quá xa. Liệu anh có luôn mang cảm giác này không? Giờ anh đã 32 tuổi rồi. Anh cố nhớ lại. Không, anh không thể xác định được

nó bắt đầu từ khi nào. Cảm giác ấy cứ đến bất chợt, và dạo gần đây nó xuất hiện thường xuyên hơn. Nó giống như hoàng hôn, anh nghĩ. Và anh ghét hoàng hôn.

Những đám mây và những tòa nhà chọc trời với buồng thang máy của chúng chuyển dần sang màu nâu, như một bức tranh sơn dầu cổ đang phai màu. Những vệt bụi bẩn kéo dài từ những chiếc đinh ghim xuống các bức tường mỏng manh đã bị xói mòn. Trên cao, nơi sườn một tòa tháp, một vết nứt hình tia sét chạy dài mười tầng, bất động. Một vật thể gỗ ghề cắt ngang bầu trời phía trên mái nhà—một nửa tấm biển quảng cáo vẫn giữ ánh vàng của hoàng hôn, trong khi nửa còn lại đã bong tróc. Ánh sáng đỏ rực như phản chiếu từ một ngọn lửa: không phải ngọn lửa đang cháy, mà là ngọn lửa sắp tàn—quá muộn để cứu vãn.

Không, Eddie Willers nghĩ, chẳng có gì đáng lo ngại khi nhìn thành phố cả. Nó vẫn như xưa.

Anh bước nhanh hơn, nhắc nhở bản thân rằng mình đang trễ giờ về văn phòng. Dù không thích những công việc đang chờ đợi, anh vẫn phải hoàn thành chúng. Vì vậy, anh cố không để chậm trễ thêm nữa, khiến bước chân càng thêm vội vã.

Anh quay mặt vào một góc tường. Qua khoảng không hẹp giữa bóng tối của hai tòa nhà, như một khung cửa, anh nhìn thấy một cuốn lịch khổng lồ treo lơ lửng trên bầu trời. Đây là cuốn lịch mà thị trưởng New York cho dựng năm ngoài trên nóc tòa nhà, để người dân có thể xem ngày trong tháng cùng lúc họ xem giờ trên tòa tháp công cộng. Một hình chữ nhật màu trắng treo cao, đủ để những người đi đường bên dưới nhìn thấy. Trong ánh hoàng hôn mờ ảo, hình chữ nhật hiển thị: ngày 2 tháng 9.

Eddie Willers nhìn xa xăm. Anh chưa bao giờ ưa cuốn lịch khổng lồ đó. Nó khiến anh bối rối theo một cách mà anh không thể giải thích hay định nghĩa được. Một cảm giác khó chịu mơ hồ cứ đeo bám.

Anh chợt nghĩ đến những câu thành ngữ, những đoạn trích dẫn dường như gợi ý về cuốn lịch ấy. Nhưng anh không thể nhớ ra. Anh tiếp tục bước đi, lần bước xuống dốc

với tâm trạng trống rỗng. Anh không thể lấp đầy hay xua tan cảm giác đó. Anh ngoảnh lại. Hình chữ nhật trắng vẫn đứng trên mái nhà, hiển thị điều bất biến: ngày 2 tháng 9.

Eddie Willers liếc nhìn xuống đường, thấy một chiếc xe đẩy rau đậu sau ngôi nhà đá nâu. Anh nhìn thấy màu vàng tươi của cà rốt và màu xanh mướt của hành tây. Một tấm màn trắng tinh đang tung bay nơi khung cửa sổ. Một chiếc xe buýt ôm của điều luyện ở góc phố. Anh tự hỏi vì sao mình lại cảm thấy an tâm, vì sao lại dấy lên một khao khát bất ngờ không thể lý giải.

Khi đến Đại lộ Năm, anh nhìn vào từng cửa sổ của các cửa hàng mình đi qua. Anh chẳng cần mua gì cả, chỉ thích ngắm những món hàng được chế tác và trưng bày ở đó. Anh tận hưởng khung cảnh phố xá nhộn nhịp, chỉ có vài cửa hàng đóng cửa, tối om và trống trải.

Anh không hiểu sao mình lại chợt nghĩ đến cây sồi. Anh nhớ về những mùa hè thời thơ ấu ở khu đất nhà Taggart. Anh đã dành phần lớn tuổi thơ bên những đứa trẻ nhà Taggart, và giờ đây anh đang làm việc cho họ, giống như cha và ông nội anh đã từng làm việc cho thế hệ cha ông nhà Taggart trước đó.

Một cây sồi cổ thụ đứng lạc lõng trên ngọn đồi Hudson thuộc khu đất nhà Taggart. Lúc lên bảy tuổi, Eddie Willers thường đến ngắm nhìn cây sồi ấy. Nó đã đứng đó hàng trăm năm, và cậu tin rằng nó sẽ mãi đứng vững nơi này. Rễ cây bám chặt vào ngọn đồi như một bàn tay khổng lồ với những ngón tay ghì sâu vào lòng đất. Cậu nghĩ rằng dù có một gã khổng lồ đứng trên đỉnh đồi, hắn cũng không thể nhổ được cây sồi lên—nhiều lắm là làm nó và cả mảnh đất xung quanh rụng quả mà thôi. Sự hiện diện của cây sồi mang đến cho cậu cảm giác an toàn, một điều dường như bất biến. Đó là biểu tượng sức mạnh vĩ đại nhất trong tâm trí cậu bé.

Một đêm nọ, sét đánh vào cây sồi. Eddie nhìn thấy nó vào sáng hôm sau. Cây nằm đổ gục, gãy làm đôi, và khi nhìn vào thân cây, anh thấy như đang nhìn vào miệng một đường hầm đen ngòm sâu thẳm. Thân cây chỉ còn là một cái vỏ rỗng—có lẽ trái

tim của nó đã mục nát từ lâu—bên trong chỉ còn những hạt bụi xám mỏng manh đang bay tứ tung trong gió nhẹ. Sức sống đã biến mất, và cái vỏ bọc bên ngoài không thể tự đứng vững nếu thiếu đi phần lõi bên trong.

Sau nhiều năm, anh nghe nói rằng trẻ em cần được bảo vệ khỏi những cú sốc—from lần đầu tiên nhận thức về cái chết, nỗi đau hay nỗi sợ hãi. Nhưng những điều đó chưa bao giờ khiến anh sợ; cú sốc của anh đến khi anh đứng lặng người nhìn vào lỗ đen sâu thẳm của thân cây. Đó là một sự phản bội khủng khiếp, càng đáng sợ hơn vì anh không thể hiểu được điều gì đã bị phản bội. Không phải bản thân anh, anh biết thế, cũng không phải niềm tin của anh; mà là một điều gì đó khác. Anh đứng đó một lúc, không nói lời nào, rồi quay về nhà. Từ đó về sau, anh chưa từng kể lại chuyện này với ai.

Eddie Willers lắc đầu khi tiếng báo của cột đèn giao thông rí rít ngăn anh lại ở lề đường. Anh tự giận mình. Chẳng có lý do gì để nhớ về cây sồi đó tới nay. Nó không còn ý nghĩa gì với anh nữa—chỉ là một nỗi buồn mờ nhạt và đâu đó trong anh, một thoáng đau buốt rồi tan biến, như một giọt mưa trên cửa kính, để lại hình một dấu hỏi.

Anh không muốn gán nỗi buồn với tuổi thơ của mình; anh yêu những ký ức ấy—mỗi ngày trong ký ức dường như đều tràn ngập ánh nắng rực rỡ, tĩnh lặng. Với anh, dường như có những tia sáng từ quá khứ chiếu rọi vào hiện tại: không hẳn là tia sáng, mà giống như ánh đèn pin, thỉnh thoảng soi rọi lấp lánh vào công việc của anh, vào căn hộ cô đơn, vào sự tĩnh lặng và những rắc rối đang âm thầm phát triển trong anh.

Anh nhớ về những ngày hè năm mười tuổi. Một ngày nọ, trong khu rừng vắng, một cô bạn thân thuở nhỏ đã hỏi anh rằng sau này lớn lên họ sẽ làm gì. Câu hỏi đơn sơ mà chân thật, như chính ánh nắng vậy. Anh lắng nghe, đầy ngưỡng mộ và kinh ngạc. Khi được hỏi về ước mơ của mình, anh đã trả lời ngay lập tức:

"Bất cứ điều gì đúng đắn," anh tiếp tục. "Cậu phải làm điều gì đó tuyệt vời... ý tớ là, cả hai chúng ta."

"Cái gì cơ?" cô bé hỏi.

"Tớ cũng không biết nữa," anh nói. "Đó là điều chúng ta phải tìm kiếm. Không chỉ đơn thuần là những gì cậu nói, không chỉ là kinh doanh hay kiếm sống. Nó giống như chiến thắng trong một cuộc chiến, cứu người trong đám cháy, hay chinh phục đỉnh núi vậy."

"Để làm gì?" cô bé hỏi tiếp.

"Chủ nhật vừa rồi, ngài bộ trưởng nói rằng chúng ta cần đạt được những điều tốt nhất cho mình. Cậu nghĩ điều gì là tốt nhất cho chúng ta?" anh đáp.

"Tớ không biết."

"Chúng ta sẽ tìm ra thôi."

Cô bé im lặng, nhìn về phía đường ray tàu.

Eddie Willers mỉm cười. Anh đã nói câu "Bất cứ điều gì đúng đắn" cách đây hai mươi hai năm. Từ đó đến nay, anh vẫn giữ nguyên niềm tin ấy; những câu hỏi khác đã phai nhạt trong tâm trí - anh quá bận rộn để đặt ra chúng. Anh vẫn tin rằng con người phải làm những điều đúng đắn. Anh chưa bao giờ học được cách làm khác đi, chỉ biết làm những điều mọi người đã làm. Điều này vừa đơn giản vừa khó hiểu với anh: đơn giản vì đó là lẽ tự nhiên, khó hiểu vì nhiều người lại không nghĩ vậy. Anh biết họ không như thế. Những suy nghĩ này vẫn còn vương vấn trong tâm trí khi anh rẽ vào góc phố, tiến về phía tòa nhà Xuyên lục địa Taggart.

Tòa nhà cao nhất sừng sững trên phố với kiến trúc đầy tự hào. Eddie Willers luôn mỉm cười khi nhìn thấy nó. Những ô cửa sổ dài vẫn nguyên vẹn, khác hẳn với các tòa nhà xung quanh. Những sợi dây điện căng ngang bầu trời, không đứt gãy hay rỉ sét.

Tòa nhà đứng vững qua năm tháng, dường như không hề suy suyển. Nó sẽ mãi đứng đó, Eddie Willers nghĩ vậy.

Mỗi khi bước vào tòa nhà Taggart, anh đều cảm thấy an toàn và thư thái. Đây là nơi toát lên quyền lực và sức mạnh. Sàn hành lang bằng đá cẩm thạch sáng bóng như gương. Những ô cửa kính mờ của các thiết bị điện tỏa ánh sáng rực rỡ. Phía sau tấm kính, các cô thư ký ngồi thành hàng đánh máy, tiếng gõ bàn phím như tiếng bánh xe lửa lướt nhanh. Như một lời đáp lại, những rung động nhẹ truyền qua tường, len lỏi từ dưới tòa nhà, từ những đường hầm của nhà ga lớn, nơi các đoàn tàu xuyên lục địa dừng lại rồi lại khởi hành, thế hệ này qua thế hệ khác. "Xuyên lục địa Taggart," Eddie Willers nghĩ, "Từ Đại dương đến Đại dương" - khẩu hiệu tự hào từ thuở thiếu thời của anh, rực rỡ và thiêng liêng hơn cả những điều răn trong Kinh thánh. Từ Đại dương đến Đại dương, mãi mãi như thế, anh bước qua sảnh không tì vết, tiến vào trung tâm tòa nhà, đến văn phòng của James Taggart - chủ tịch hãng đường sắt Xuyên lục địa Taggart.

James Taggart ngồi sau bàn làm việc. Anh ta trông như người đàn ông gần năm mươi, dù chưa từng trải qua thời thanh xuân. Người nhỏ thó, miệng cau có, mái tóc thưa ôm lầy vàng trán hói. Dáng vẻ của anh ta có điều gì đó lệch lạc, thiếu tập trung, như thể thân hình cao gầy với những đường nét thanh lịch vốn dành cho sự đỉnh đặc quý tộc lại biến thành vẻ xảo quyệt của loài báo. Làn da tái nhợt, mềm nhũn. Đôi mắt nhạt màu ẩn chứa điều gì đó bí ẩn, ánh nhìn di chuyển chậm rãi, dò xét xuyên qua mọi sự phẫn nộ. Vẻ mặt vừa ương bướng vừa từng trải. Anh ta mới chỉ ba mươi chín tuổi.

Có tiếng mở cửa, anh ta khó chịu ngẩng đầu lên, càu nhàu:

"Đừng làm phiền tôi, đừng làm phiền tôi, đừng làm phiền tôi."

Eddie Willers tiến về phía bàn làm việc.

"Chuyện này rất quan trọng, Jim," anh nói.

"Thôi được, là gì vậy?"

Eddie Willers nhìn về phía tấm bản đồ treo trong văn phòng. Tấm bản đồ màu sắc đã phai mờ dưới lớp kính. Anh tự hỏi đã có bao nhiêu đời chủ tịch nhà Taggart ngồi ở đây và trong bao lâu. Hạng đường sắt Xuyên lục địa Taggart, với mạng lưới đường ray đỏ chằng chịt từ New York đến San Francisco, hiện ra như một hệ thống mạch máu. Như thể từ rất lâu, dòng máu đã chảy xuống động mạch chính và dưới áp lực tự nhiên, phân nhánh tại những điểm ngẫu nhiên, lan tỏa khắp đất nước. Một đường chéo đỏ kéo dài từ Cheyenne, Wyoming, đến El Paso, Texas—tuyến Rio Norte. Những đường ray mới được thêm vào gần đây và mở rộng về phía Nam ngoài El Paso—nhưng Eddie Willers vội vã quay đi khi mắt anh chạm đến điểm đó.

Anh nhìn James Taggart và nói:

"Đó là tuyến đường sắt Rio Norte." Anh nhận ra ánh mắt của Taggart hướng xuống góc bàn. "Chúng ta lại gặp hư hỏng đường ray."

"Tai nạn đường sắt xảy ra hàng ngày. Cậu định làm phiền tôi vì chuyện đó sao?" James Taggart nói.

"Ngài biết tôi đang nói về chuyện gì, Jim. Rio Norte đã kết thúc rồi—tuyến đường đó bị tấn công, nó đã thất thủ."

"Chúng ta sẽ xây tuyến đường sắt mới."

Eddie tiếp tục như thể không nghe thấy câu trả lời: "Tuyến đường đó không an toàn. Tàu không thể chạy qua đó được nữa. Mọi người đang từ bỏ việc sử dụng nó."

"Đó không phải tuyến đường trong nước, và tôi chưa thấy chi nhánh nào bị thâm hụt ngân sách. Chúng ta không phải trường hợp duy nhất. Đây là vấn đề quốc gia—chỉ là tạm thời thôi."

Eddie đứng lặng nhìn anh. Điều Taggart không thích ở Eddie Willers là thói quen nhìn thẳng vào mắt người khác. Đôi mắt Eddie to, màu xanh biếc và đầy hoài nghi. Anh có mái tóc vàng và khuôn mặt góc cạnh. Không có gì đặc biệt ngoại trừ vẻ mặt chăm chú, cẩn trọng pha lẫn ngạc nhiên và bối rối.



"Vậy cậu muốn tôi làm gì?" Taggart hỏi.

"Tôi chỉ đến để báo cho ông biết những điều ông cần biết, vì phải có người nói với

ông điều này."

"Lại một tai nạn nữa à?"

"Chúng ta không thể từ bỏ tuyến Rio Norte."

James Taggart hiếm khi ngẩng đầu lên; anh ta nhìn người khác bằng cách nâng đôi mí mắt nặng trĩu và nhìn lên từ dưới vầng trán rộng hói của mình.

"Ai bảo cậu là chúng ta từ bỏ tuyến Rio Norte?" anh ta hỏi. "Ở đây không bao giờ được phép nói đến việc từ bỏ. Tôi thấy khó chịu với lời cậu nói đó. Rất khó chịu."

"Nhưng chúng ta không có lịch trình nào trong sáu tháng qua. Không một chuyến tàu nào hoàn thành mà không gặp sự cố, dù lớn hay nhỏ. Chúng ta đang mất dần khách hàng, từng người một. Liệu chúng ta còn có thể kéo dài tình trạng này bao lâu nữa?"

"Cậu quá bi quan, Eddie. Cậu thiếu niềm tin. Đó là những thứ làm suy yếu một tổ chức."

"Ý ngài là sẽ không có chuyến tàu nào đến Rio Norte nữa."

"Tôi không nói vậy. Chúng ta sẽ sớm hoàn thành tuyến đường sắt mới."

"Jim, sẽ không có tuyến đường sắt mới nào cả." Anh nhìn mí mắt Taggart từ từ nhấc lên. "Tôi vừa từ văn phòng Thép Associated về. Tôi đã nói chuyện với Orren Boyle."

"Anh ta nói sao?"

"Ông ấy nói suốt một tiếng rưỡi mà không cho tôi được một câu trả lời thẳng thắn."

"Cậu đã nói gì với anh ta? Tôi nghĩ đơn hàng đầu tiên của tuyến đường sắt phải đến tháng sau mới giao được."

"Và trước đó, nó đã được lên lịch giao từ ba tháng trước."

"Có những tình huống không lường trước được. Lần này hoàn toàn ngoài tầm kiểm soát của Orren."

"Và trước đó nữa, đã là chuyện từ sáu tháng trước. Jim, chúng ta đã đợi mười ba tháng để Thép Associated hoàn thành tuyến đường sắt đó."

"Vậy cậu muốn tôi làm gì? Tôi đâu thể can thiệp vào việc kinh doanh của Orren Boyle."

"Tôi chỉ muốn ngài hiểu rằng chúng ta không thể chờ đợi thêm nữa."

Taggart hỏi chậm rãi, giọng nửa mỉa mai, nửa thận trọng: "Em gái tôi nói gì?"

"Cô ấy không thể về đến ngày mai."

"Tốt, vậy cậu muốn tôi làm gì?"

"Đó là quyết định của ngài."

"Được, bất kể điều gì cậu nói—và đừng nhắc lại điều này—đó là quyết định của Thép Rearden."

Eddie im lặng một lúc rồi khẽ nói: "Thôi được, Jim. Tôi sẽ không nhắc đến chuyện đó nữa."

"Orren là bạn tôi. Tôi cảm thấy bức bối vì thái độ của cậu. Orren Boyle sẽ hoàn thành tuyến đường sắt đó sớm nhất có thể. Chẳng nào anh ấy chưa bàn giao được, không ai có thể trách cứ chúng ta."

"Jim, ngài đang nói gì vậy? Ngài có hiểu rằng nếu tuyến Rio Norte thất bại, mọi người sẽ đổ lỗi cho chúng ta?"

"Họ sẽ phải chịu đựng thôi—họ buộc phải vậy—nếu không phải vì Phoenix-Durango."

"Phoenix-Durango đang làm rất tốt công việc của họ."

"Thật lố bịch khi nói đến cạnh tranh giữa Phoenix-Durango và Taggart Xuyên lục địa. Mười năm trước họ chẳng là gì cả."

"Giờ đây họ đang dần thôn tóm toàn bộ vận tải ở Arizona, New Mexico và Colorado." Taggart im lặng. "Jim, chúng ta không thể để mất Colorado. Đó là hy vọng cuối cùng của chúng ta—của tất cả mọi người. Nếu không hành động ngay, chúng ta sẽ mất khách hàng lớn nhất của bang vào tay Phoenix-Durango. Chúng ta đã để mất các mỏ dầu Wyatt rồi."

"Tôi không hiểu sao mọi người cứ nhắc mãi về mấy mỏ dầu Wyatt."

"Bởi vì Ellis Wyatt là một người phi thường."

"Ellis Wyatt chết tiệt."

Những giếng dầu đó—Eddie chợt nghĩ—liệu chúng có điểm gì chung với những mạch máu trên bản đồ? Có phải vì thế mà dòng suối đỏ của Taggart Xuyên lục địa đã lan tỏa khắp đất nước nhiều năm trước, như một kỳ tích khó tin vào lúc này? Anh nghĩ về dòng dầu đang phun trào khắp lục địa, nhanh hơn cả tốc độ các đoàn tàu Phoenix-Durango có thể vận chuyển. Mỏ dầu ấy từng chỉ là một vùng đất đá hoang vu trên núi Colorado, đã cạn kiệt từ lâu. Cha của Ellis Wyatt đã cố gắng vắt kiệt những giọt cuối cùng từ những giếng khô cạn trong những ngày cuối đời. Giờ đây, dường như có một luồng sinh khí xuyên qua lòng núi, khiến trái tim của nó rỉ máu—một dòng máu đen chảy qua những tảng đá. Phải, đó là máu—Eddie Willers nghĩ—vì máu nuôi dưỡng sự sống, và đó chính xác là điều Công ty Dầu khí Wyatt đã làm. Nó là một cú sốc cho những sườn đồi trơ trọi còn sót lại, tạo nên những thị trấn mới, những nguồn năng lượng mới, những nhà máy mới ở một vùng đất trước đây còn chưa được đưa vào bản đồ. Những nhà máy mới—Eddie nghĩ—xuất hiện vào lúc doanh thu vận chuyển từ các ngành công nghiệp cũ đang sụt giảm từng năm; những mỏ dầu giá trị mới xuất hiện khi các máy bơm ở những khu vực quan trọng khác đang ngừng hoạt động; một ngành công nghiệp mới của tiểu bang, nơi mà trước đây người ta chỉ trông đợi vào gia súc và củ cải đường. Một người đã làm được

điều đó trong vòng tám năm. Điều này—Eddie nghĩ—giống như trong những cuốn sách anh đọc ở trường và chưa bao giờ thực sự tin: những câu chuyện về những người đàn ông sống trong buổi bình minh của đất nước. Anh ao ước được gặp Ellis Wyatt. Có quá nhiều điều anh muốn nói với ông ấy, nhưng ít ai được gặp ông, và ông hiếm khi đến New York. Người ta nói ông mới ba mươi tuổi và có tính khí nóng nảy. Ông đã tìm ra cách hồi sinh những giếng dầu đã cạn kiệt và đang tiếp tục công việc đó.

"Ellis Wyatt là một tên khốn tham lam, hắn không biết gì ngoài tiền bạc," James Taggart nói. "Với tôi, có nhiều thứ trong cuộc sống này quan trọng hơn tiền bạc nhiều."

"Ngài đang nói gì vậy, Jim? Điều đó chẳng liên quan gì đến việc này."

"Hơn nữa, hắn đã vượt mặt chúng ta. Chúng ta đã phục vụ những mỏ dầu Wyatt tận tình nhất. Vào thời của lão già Wyatt, chúng ta chạy tàu chở nhiên liệu hàng tuần."

"Qua cái thời đó rồi, Jim. Phoenix-Durango chạy hai chuyến mỗi ngày và đúng lịch trình."

"Nếu hắn cho chúng ta thời gian để phát triển cùng hắn thì—"

"Anh ta không có thời gian để lãng phí."

"Vậy hắn mong chờ điều gì? Rằng chúng ta sẽ bỏ hết tất cả các chủ hàng khác, hy sinh lợi ích của đất nước, để dành hết mọi đoàn tàu cho hắn sao?"

"Không đâu. Anh ta chẳng mong chờ gì cả. Anh ta chỉ đơn giản là giao dịch với Phoenix-Durango."

"Còn tôi thì cho rằng hắn là một gã côn đồ phá hoại, một kẻ vô đạo đức. Tôi nghĩ hắn thật vô trách nhiệm, và người ta đang quá đề cao hắn." Một cảm xúc bất chợt ngạc nhiên ẩn trong giọng nói vô hồn của James Taggart.

"Tôi không chắc những giếng dầu của hần mang lại nhiều lợi ích. Với tôi, hần đang làm rối loạn nền kinh tế của đất nước này. Không ai muốn Colorado trở thành một tiểu bang công nghiệp cả. Làm sao chúng ta có thể lập kế hoạch khi mọi thứ cứ liên tục thay đổi như vậy?"

"Chúa ơi, Jim—những gì của anh ta..."

"Phải, tôi biết, tôi biết. Hần làm ra nhiều tiền. Nhưng đó không phải là tiêu chuẩn để đánh giá giá trị một người đàn ông mang lại cho xã hội. Còn về dầu mỏ của hần, hần sẽ phải lê lết đến chỗ chúng ta, đợi đến lượt như những chủ hàng khác. Hần không thể đòi hỏi nhiều hơn phần chia không công bằng về những chuyến tàu—nếu như đó không phải là Phoenix-Durango. Chúng ta không thể giúp gì cho hần khi đang nỗ lực chống lại sự tàn phá của những cuộc cạnh tranh như vậy. Không ai dám trách móc chúng ta."

Eddie Willers cảm thấy áp lực nơi lồng ngực và thái dương—đó là sự căng thẳng từ nỗ lực anh đang làm. Anh quyết định phải làm rõ vấn đề này một lần, vấn đề vốn đã rất rõ ràng. Anh nghĩ, không gì có thể cản trở sự hiểu biết của Taggart, trừ khi đó chính là sự thiếu sót trong cách trình bày của anh. Anh đã cố gắng hết sức nhưng thất bại, giống như mọi cuộc thảo luận khác với họ. Bất kể anh nói về vấn đề gì, họ chưa bao giờ đáp lại đúng chủ đề.

"Jim, ngài đang nói gì vậy? Có chắc là không ai trách móc chúng ta khi tuyến đường sụp đổ không?"

James Taggart mỉm cười, một nụ cười mong manh, thích thú và lạnh lùng. "Thật cảm động, Eddie," ông nói. "Thật cảm động trước sự tận tâm của cậu với hãng Xuyên lục địa Taggart. Nếu cậu không nhìn ra vấn đề, thì cậu sẽ trở thành một kẻ nô lệ phong kiến đích thực."

"Tôi vốn là như vậy mà, Jim."

"Nhưng có lẽ tôi nên hỏi—công việc của cậu có phải là mang những vấn đề này ra thảo luận với tôi không?"

"Không, không phải vậy."

"Vậy sao cậu không học cách hiểu rằng chúng ta có những bộ phận chuyên trách lo những chuyện này rồi? Sao cậu không báo cáo với những người liên quan? Sao cậu không khóc trên vai em gái thân yêu của tôi?"

"Ngài xem, Jim. Tôi biết đây không phải là nơi tôi nên nói chuyện với ngài. Nhưng tôi không hiểu được những gì đang diễn ra. Tôi không biết cố vấn riêng của ngài nói gì, hoặc họ không thể làm ngài hiểu. Vì vậy tôi tự mình cố gắng giải thích cho ngài."

"Tôi đánh giá cao tình bạn thời thơ ấu của chúng ta, Eddie, nhưng cậu nghĩ điều đó cho phép cậu bước vào đây không cần báo trước, bất cứ khi nào cậu muốn sao? Hãy xem xét vị trí của mình—đừng quên tôi là chủ tịch của hãng Xuyên lục địa Taggart."

Điều này thật vô ích. Eddie nhìn ông ấy như thường lệ, không chút đốn đau, chỉ đẩy bối rối và hỏi: "Vậy cuối cùng, ngài sẽ không làm gì với tuyến đường sắt Rio Norte sao?"

"Tôi không nói thế, tôi không hề nói thế." Taggart nhìn về phía tấm bản đồ, vào vết đỏ dài ở phía nam El Paso. "Ngay khi mở San Sebastián đi vào hoạt động và chi nhánh Mexico của chúng ta bắt đầu được thanh toán."

"Đừng nói về chuyện đó, Jim."

Taggart quay người lại, giật mình trước sự giận dữ chưa từng thấy trong giọng nói của Eddie. "Có chuyện gì thế?"

"Ngài biết rõ chuyện gì—em gái ngài đã nói rồi."

"Chết tiệt, em gái tôi," James Taggart gằn giọng.

Eddie Willers đứng im. Anh không đáp lời. Anh nhìn thẳng về phía trước, nhưng không hề nhìn vào James Taggart hay bất cứ thứ gì trong văn phòng.

Một lúc sau, anh cúi đầu và bước ra ngoài.

Trong phòng chờ, các thư ký riêng của James Taggart đang tắt đèn, chuẩn bị ra về. Nhưng Pop Harper, thư ký trưởng, vẫn ngồi tại bàn làm việc, loay hoay với cần gạt của chiếc máy đánh chữ. Mọi người trong công ty đều cho rằng Pop Harper sinh ra để ngồi ở góc làm việc đặc biệt đó và chẳng bao giờ có ý định rời khỏi. Ông đã từng là thư ký trưởng của cha James Taggart.

Pop Harper liếc nhìn Eddie Willers khi anh rời khỏi phòng chủ tịch. Đó là cái nhìn tinh quái, chậm rãi; như thể ông đã biết rõ chuyến viếng thăm của Eddie đến tòa nhà là vì vụ rắc rối đường tàu, biết chắc rằng nó sẽ chẳng đi đến đâu, và hoàn toàn thờ ơ trước những sự thật hiển nhiên ấy. Đó chính là sự thờ ơ hoài nghi mà Eddie đã thấy trong ánh mắt của gã ăn mày ở góc phố.

"Này Eddie, cậu có biết ở đâu bán quần lót ren không?" ông hỏi. "Tôi đã tìm khắp khu phố mà chẳng thấy đâu cả."

"Tôi không biết," Eddie dừng lại, đáp. "Sao ông lại hỏi tôi chuyện đó?"

"Tôi hỏi tất cả mọi người thôi. Biết đâu ai đó sẽ biết."

Eddie nhìn vào khuôn mặt hốc hác, trống rỗng và mái tóc bạc trắng của ông với vẻ khó chịu.

"Mấy cái đầu nối này lạnh quá," Pop Harper nói. "Mùa đông này sẽ còn lạnh hơn nữa."

"Ông đang làm gì vậy?" Eddie hỏi, chỉ vào chiếc máy đánh chữ.

"Cái của nợ này lại hỏng rồi. Không gửi đi sửa được, lần trước phải mất ba tháng. Tôi nghĩ mình đã vá được nó. Chắc cũng không lâu nữa đâu." Ông buông tay xuống bàn phím. "Cậu phải sẵn sàng với đồng đồ phế thải này, bạn già ạ. Thời của cậu đang

được đếm từng ngày."

Eddie giật mình. Đó chính là câu anh cố gắng nhớ lại: Thời của cậu đang được đếm từng ngày. Nhưng anh không thể nhớ ra ngữ cảnh để hiểu được ý nghĩa của nó.

"Chẳng còn gì xài được nữa, Eddie," Pop Harper nói.

"Cái gì không xài được?"

"Tất cả. Mọi thứ."

"Có chuyện gì vậy, Pop?"

"Tôi không xin được cái máy đánh chữ mới. Máy cái máy mới toàn làm bằng thiếc rẻ tiền. Khi mọi thứ hỏng hết, đó là lúc cái máy đánh chữ này cũng tàn đời. Sáng nay có tai nạn tàu điện ngầm, phanh không hoạt động. Cậu nên về nhà đi Eddie, bật radio lên nghe nhạc nhảy. Quên hết đi. Vấn đề của cậu là chẳng bao giờ có sở thích gì cả. Ai đó lại trộm bóng đèn ngoài cầu thang nhà tôi. Tôi đau ngực. Không mua được thuốc vì hiệu thuốc góc phố phá sản tuần trước. Đường sắt Texas-Western phá sản tháng trước. Họ đóng cầu Queensborough để sửa tạm thời. Ôi tuyệt thật, còn cái gì dùng được nữa chứ? John Galt là ai?"

Cô ngồi bên cửa sổ toa tàu, đầu ngoảnh lại, một chân duỗi thẳng về phía trước. Khung cửa sổ rung lập cập theo nhịp tàu chạy. Bên ngoài là màn đêm đen kịt, chỉ thỉnh thoảng lóe lên những vệt sáng nhỏ.

Đôi chân của cô, được tôn lên bởi ánh sáng xuyên qua đôi vớ mỏng, dài và thẳng tắp từ cổ chân đến mũi giày cao gót. Vẻ thanh lịch ấy dường như không hợp với khung cảnh toa tàu bụi bặm, tạo nên sự tương phản kỳ lạ với phần còn lại của cô. Cô khoác chiếc áo lông lạc đà đắt tiền quanh thân hình mảnh mai. Cổ áo kéo cao đến tận vành mũ, một lọn tóc nâu buông xuống, chạm vào bờ vai. Khuôn mặt góc cạnh với đường nét rõ ràng của đôi môi gợi cảm khép chặt. Hai tay đút trong túi áo khoác, cô ngồi bất động với vẻ căng thẳng, như đang bực bội - toàn bộ dáng vẻ toát lên vẻ đẹp nữ

tính.

Cô đang lắng nghe một bản giao hưởng khá hoàn. Những nốt nhạc vút cao, ca ngợi sự thăng hoa, với nhịp điệu ngày càng dồn dập, thể hiện hành động và suy nghĩ bắt nguồn từ khát vọng mãnh liệt. Âm thanh thoát ra, lan tỏa và bùng nổ trong không gian. Bản nhạc tự do tuôn trào với một mục đích khẩn thiết, quét sạch mọi thứ, chỉ để lại niềm hân hoan của một nỗ lực không bị ngăn cản. Âm thanh vang vọng, hòa quyện với tiếng cười kinh ngạc khi nhận ra không còn chút xấu xí hay đau đớn nào - đây là khúc ca của sự giải thoát vĩ đại.

Cô tự nhủ: chỉ trong giây lát này thôi - khi điều này còn kéo dài - thật đúng đắn khi buông bỏ tất cả, để bản thân chỉ còn cảm nhận. Cô nghĩ: Cứ thế - buông bỏ mọi kiểm soát - đây chính là điều đó. Đâu đó trong tâm trí, dưới nền nhạc, cô nghe thấy tiếng tàu. Tiếng bánh xe gỗ đều đặn, cứ mỗi nhịp thứ tư lại mạnh hơn, như nhấn mạnh một mục đích có ý thức. Cô thả lỏng người vì có thể nghe rõ tiếng bánh xe. Cô đắm chìm trong bản giao hưởng và nghĩ: đây là lý do bánh xe sẽ tiếp tục lăn, và đây là đích đến của chúng.

Dù chưa từng nghe nhạc giao hưởng, cô biết đây là tác phẩm của Richard Halley. Cô nhận ra sức mạnh mãnh liệt và sự tuyệt vời trong đó. Cô nhận ra phong cách đặc trưng: giai điệu rõ ràng, nhịp điệu phức tạp - hiếm hoi trong thời đại không còn ai sáng tác nữa. Cô ngược nhìn trần tàu nhưng chẳng thấy gì, quên mất mình đang ở đâu. Cô không rõ mình đang nghe một bản giao hưởng hoàn chỉnh hay chỉ là một đoạn nhạc dạo. Có lẽ cô đang tự tạo nên bản hòa âm trong tâm trí.

Cô nghĩ về những âm vang đầu tiên của giai điệu này trong toàn bộ tác phẩm của Richard Halley, về những năm tháng đấu tranh dài đằng đẵng cho đến khi ông đạt được thành công ở tuổi trung niên. Điều đó - cô nghĩ, việc được nghe những bản giao hưởng này - chính là mục tiêu ông từng phấn đấu. Cô nhớ những nỗ lực trong âm nhạc của ông, những lời hứa hẹn, những giai điệu dang dở chưa từng hoàn thiện. Khi Richard Halley viết bản nhạc này, ông... Cô bỗng ngồi thẳng dậy. Richard Halley

đã viết bản nhạc này khi nào?

Cô chợt nhận ra mình đang ở đâu và lần đầu tiên tự hỏi âm nhạc này phát ra từ đâu.

Cách đó vài bước, ở cuối toa, một người gác phanh đang điều chỉnh máy điều hòa. Anh ta trẻ, tóc vàng, đang huýt sáo theo điệu nhạc giao hưởng. Cô nhận ra đó chính là âm thanh cô đã nghe từ nãy giờ.

Cô nhìn anh ta đầy ngỡ vực và cất tiếng hỏi: "Xin lỗi, anh đang huýt sáo bài gì vậy?"

Chàng trai quay lại. Cô bắt gặp ánh mắt thẳng thắn, cởi mở và nụ cười hào hứng, như thể anh sắp chia sẻ một bí mật với người bạn thân. Cô thích khuôn mặt ấy - những đường nét rõ ràng, chắc chắn mà không thô kệch - đúng kiểu khuôn mặt cô mong muốn thấy ở mọi người.

"Đó là bản hợp tấu của Halley."

"Bản nào?"

"Bản thứ năm."

Cô ngừng một lát rồi nói chậm rãi, cẩn trọng: "Richard Halley chỉ viết có bốn bản hợp tấu."

Nụ cười trên môi chàng trai tắt ngấm. Như thể anh bị kéo về thực tại giống như cô vài phút trước. Gương mặt anh tối sầm lại, trở nên vô cảm, thờ ơ và trống rỗng.

"À, phải rồi," anh nói. "Tôi nhầm."

"Đoạn sau là gì vậy?"

"Tôi nghe ở đâu đó."

"Sao cơ?"

"Tôi không rõ."

"Anh nghe ở đâu?"

"Tôi không nhớ nữa."

Cô đành im lặng bất lực; anh quay lưng lại, không còn để ý đến cô.

"Nghe giống phong cách của Halley," cô nói. "Nhưng tôi biết mọi tác phẩm của ông ấy và ông chưa bao giờ viết như thế này."

Vẫn không biểu lộ cảm xúc, chỉ với ánh mắt chăm chú, anh quay lại hỏi: "Cô thích nhạc của Richard Halley à?"

"Vâng," cô đáp. "Tôi rất thích."

Anh quan sát cô một lúc, có vẻ do dự, rồi quay đi. Cô nhìn theo anh làm việc hiệu quả trong im lặng.

Cô đã không chợp mắt được hai ngày nay, nhưng cô không cho phép mình ngủ. Cô còn quá nhiều việc phải lo và thời gian không còn nhiều—chuyến tàu đến New York sẽ tới ga vào sáng sớm mai. Cô cần thêm thời gian, dù biết đây đã là con tàu Sao Chổi Taggart, con tàu nhanh nhất cả nước, cô vẫn ước nó có thể chạy nhanh hơn nữa.

Cô cố tập trung suy nghĩ, nhưng âm nhạc vẫn vương vấn trong tâm trí, vang vọng đầy đủ hòa âm như từng bước chân không thể dừng lại. Cô lắc đầu giật dữ, hất cái mũ ra và châm một liều thuốc.

Cô sẽ không ngủ, cô tự nhủ; cô có thể cầm cự đến tối mai... Bánh xe lửa vẫn đều đặn lăn. Cô đã quá quen với âm thanh ấy đến mức không còn để ý đến nó nữa, nhưng nó vẫn mang lại cảm giác bình yên... Dập tắt liều thuốc, cô nhận ra mình cần thêm một

thứ khác.

Cô tiếp đi và khi giật mình tỉnh dậy, cô cảm thấy có điều gì đó không ổn. Trước khi kịp nhận ra, bánh xe đã ngừng lăn. Toa tàu đứng im trong ánh đèn ngủ xanh nhạt. Cô liếc nhìn đồng hồ—không có lý do gì để dừng lại. Qua cửa sổ, đoàn tàu vẫn đứng yên giữa cánh đồng trống trải.

Cô nghe tiếng động từ ghế bên cạnh và hỏi: "Chúng ta đã dừng bao lâu rồi?"

Một giọng đàn ông đáp: "Khoảng một giờ rồi."

Người đàn ông kinh ngạc nhìn theo khi cô bật dậy và lao ra cửa.

Một cơn gió lạnh thổi qua vùng đất trống dưới bầu trời quang đãng. Tiếng còi đại xào xạc trong bóng tối. Xa xa, cô thấy bóng những người đàn ông đứng cạnh đầu máy, phía trên là ánh đèn đỏ treo lơ lửng báo hiệu dừng.

Cô nhanh chóng tiến về phía họ, bước qua hàng bánh xe bất động. Không ai để ý đến cô cho đến khi cô đến gần. Các nhân viên và vài hành khách đang trò chuyện dưới ánh đèn đỏ. Họ im bật, như thể đang chờ đợi điều gì.

"Có chuyện gì vậy?" Cô hỏi.

Một kỹ sư quay lại, vẻ ngạc nhiên. Câu hỏi của cô vang lên như một mệnh lệnh, không giống sự tò mò thông thường của hành khách. Cô đứng đó, tay rút túi, cổ áo dựng đứng, gió thổi tung mái tóc ngang mặt.

"Đèn đỏ, thưa bà," anh ta nói và chỉ tay lên.

" Bao lâu rồi?"

"Dạ khoảng một giờ đồng hồ."

"Chúng ta bị trật khỏi đường ray chính, đúng không?"

"Dạ đúng."

"Tại sao?"

"Dạ tôi cũng không biết nữa."

Người lái tàu lên tiếng: "Tôi không nghĩ có ai bị đuổi việc, nhưng công tắc này không hoạt động—mọi thứ đều không hoạt động." Anh ta hát đầu về phía đèn đỏ. "Tôi không nghĩ đèn tín hiệu này sẽ thay đổi. Có lẽ nó đã hỏng."

"Thế ông định làm gì?"

"Chờ nó đổi tín hiệu thôi."

Trong cơn giận dữ của cô, người đốt lò lên tiếng: "Tuần trước, một chuyến tàu ở Nam Đại Tây Dương bị dừng hai giờ đồng hồ—chắc là lỗi của ai đó."

"Đây là đoàn tàu Sao Chổi Taggart," cô nói. "Sao Chổi không bao giờ chậm trễ."

"Con tàu duy nhất của đất nước này đã không còn được như vậy nữa," người kỹ sư nói.

"Phải có lần đầu tiên chứ," người đốt lò nói.

"Thưa cô, bà chưa hiểu rõ về tuyến đường sắt này," giọng một hành khách vang lên. "Vấn đề không phải ở hệ thống tín hiệu hay người lái tàu, mà là ở chất lượng của nó."

Cô không quay lại hay để ý đến anh ta, chỉ nói với người kỹ sư: "Nếu anh biết đèn tín hiệu hỏng, anh định làm gì?"

Anh không thích giọng điệu uy quyền của cô và không hiểu sao cô lại tự nhiên như vậy. Nhìn cô chỉ như một cô gái trẻ. Chỉ có đôi mắt và khóe miệng mới cho thấy cô ngoài ba mươi. Đôi mắt xám đen láy sác sảo và hoài nghi, như thể có thể nhìn thấu mọi thứ, bỏ qua những điều không đáng. Khuôn mặt cô có vẻ quen thuộc, nhưng

anh không thể nhớ đã gặp ở đâu.

"Thưa cô, tôi không dám liều," anh nói.

"Ý anh ấy là," người đốt lò nói, "việc của chúng ta là phải chờ đợi."

"Việc của anh là chạy chuyến tàu này."

"Không thể đi ngược đèn đỏ. Khi tín hiệu báo dừng, chúng ta phải dừng."

"Đèn đỏ nghĩa là nguy hiểm, thưa bà," vị khách nói.

"Chúng ta không có lựa chọn nào cả," người kỹ sư nói. "Phải có ai đó chịu trách nhiệm cho chuyện này, họ sẽ phàn nàn nếu chúng ta di chuyển. Vì vậy chúng ta sẽ đứng im cho đến khi có lệnh."

"Nếu không ai đến?"

"Thế nào cũng có người đến, sớm hay muộn."

"Anh định chờ bao lâu?"

Người kỹ sư nhún vai: "John Galt là ai?"

"Ý anh ấy là," người đốt lò nói, "đừng hỏi những câu không ai trả lời được."

Cô nhìn đèn đỏ, rồi nhìn theo đường ray chạy thẳm sâu vào bóng tối mênh mông.

Cô nói: "Kiểm tra cẩn thận tín hiệu đèn tiếp theo. Nếu an toàn, quay lại đường chính. Sau đó dừng ở trạm đầu tiên."

"Thật sao? Ai ra lệnh vậy?"

"Tôi ra lệnh."

"Cô là ai?"

Có một khoảnh khắc ngập ngừng—một thoáng ngạc nhiên trước câu hỏi cô không ngờ tới. Người kỹ sư nhìn kỹ hơn vào khuôn mặt cô, và ngay khi cô trả lời, anh thở hổn hển: "Ôi, Chúa ơi!"

Cô đáp, không chút xúc phạm, như người đã quá quen với những câu hỏi kiểu này:

"Dagny Taggart."

"Được rồi, tôi sẽ làm vậy—" người đốt lò nói, rồi tất cả im lặng.

Cô tiếp tục, giọng đầy uy quyền nhưng không căng thẳng: "Quay lại đường chính và đưa tàu tới trạm kế tiếp cho tôi."

"Vâng, thưa cô Taggart."

"Anh sẽ cần thêm thời gian. Anh có cả đêm nay. Giữ cho Sao Chổi chạy đúng lịch trình."

"Vâng, thưa cô Taggart."

Khi cô định quay đi, người kỹ sư hỏi: "Nếu có vấn đề gì, cô sẽ chịu trách nhiệm chứ, cô Taggart?"

"Tôi sẽ chịu trách nhiệm."

Người lái tàu theo cô vào toa, ngơ ngác hỏi: "Nhưng... cô chỉ ghé qua một ngày thôi sao, cô Taggart? Làm sao cô đến đây được? Sao cô không cho chúng tôi biết?"

Cô mỉm cười nhẹ: "Không có thời gian làm thủ tục. Tôi có toa riêng ở Số 22 Chicago, nhưng đã dừng ở Cleveland—đến Số 22 thì quá muộn nên tôi để toa đi trước. Sao Chổi sẽ đưa tôi đến đó. Ở đây không còn chỗ ngủ."

Người lái tàu lắc đầu. "Anh của bà—ông ấy không thể chỉ đạo được."

Cô cười. "Không, anh ấy không thể."

Những người đàn ông bên động cơ nhìn cô rời đi. Anh chàng gác phang là một trong số đó. Anh chỉ về phía cô và hỏi: "Ai vậy?"

"Đó là người điều hành hãng đường sắt Xuyên lục địa Taggart," người kỹ sư đáp với giọng tôn trọng chân thành.

"Đó là phó chủ tịch phụ trách vận hành."

Khi đoàn tàu lắc lư lao về phía trước, tiếng còi vang vọng trên cánh đồng, cô nhìn ra cửa sổ và chiêm một điều thuốc khác. Cô nghĩ: nó hư hỏng từng đoạn thế này, khắp đất nước, có thể bắt gặp bất cứ đâu, bất cứ lúc nào. Nhưng cô không cảm thấy giận dữ hay lo lắng; cô không có thời gian để cảm nhận.

Đây chỉ là một vấn đề nữa cần giải quyết cùng những vấn đề khác. Cô biết Tổng giám đốc khu vực Ohio không giỏi và anh ta là bạn của James Taggart. Cô chưa vội đẩy anh ta đi vì không có người nào tốt hơn để thay thế. Một người đàn ông giỏi thật khó tìm. Nhưng cô vẫn sẽ loại anh ta, cô nghĩ, và sẽ gửi hồ sơ cho Owen Kellogg—một kỹ sư trẻ đang làm việc xuất sắc với tư cách trợ lý quản lý nhà ga Taggart ở New York; Owen Kellogg là người vận hành ga cuối đó. Cô đã quan sát anh ấy làm việc một thời gian; cô luôn tìm kiếm ngọn lửa của năng lực, như người tìm kim cương giữa vùng đất hoang không mấy hy vọng. Kellogg còn quá trẻ để trở thành giám đốc một bộ phận; cô muốn cho anh ta thêm một năm nữa, nhưng thời gian không thể chờ đợi. Cô sẽ nói chuyện với anh ta ngay khi trở về.

Một dải đất nhìn rõ từ cửa sổ đang lướt qua nhanh hơn, hòa vào một dòng màu xám. Xuyên qua những công thức tính toán khô khan trong đầu, cô nhận ra mình có chút thời gian để cảm nhận: đó là một thái độ phấn khởi, khó tả.

Sau hồi còi vang lên, Sao Chổi lao vào nhà ga Taggart ở đường hầm phía dưới thành phố New York, Dagny Taggart ngồi thẳng dậy. Cô luôn cảm nhận được điều gì đó khi đoàn tàu đi vào đường hầm—một cảm giác háo hức, hy vọng và phấn khích thầm kín. Nó như một bức ảnh kỳ quái được in tạc, nhưng lại là bản phác thảo sắc nét, làm

cho mọi thứ rõ ràng, tinh tế, quan trọng và đáng làm.

Cô nhìn đường hầm nơi đoàn tàu đi qua: những bức tường bê tông trần, mạng lưới ống nước và dây điện, hệ thống đường ray chằng chịt xuyên trong bóng tối, nơi đèn xanh đỏ treo lơ lửng như những giọt nước. Không có gì khác, không gì có thể lược giản, để người ta chiêm ngưỡng được sự trần trụi và khéo léo của công trình này. Lúc này cô nghĩ đến tòa nhà Taggart đang đứng trên đầu mình, vươn thẳng lên trời, và cô nghĩ: Đây là móng của tòa nhà, như rễ xoắn dưới lòng đất, nuôi sống thành phố này.

Khi tàu dừng lại, cô bước xuống và nghe tiếng bê tông dưới gót chân, cảm thấy nhẹ nhàng, bay bổng, bước chân vội vã. Cô bắt đầu bước nhanh hơn, như thể tốc độ mỗi bước chân lướt qua những hình dạng cô cảm nhận được. Trong một vài khoảnh khắc, cô nhận ra mình đang huýt sáo một đoạn nhạc—bản nhạc hiệu số 5 của Halley.

Cô cảm nhận có ánh mắt ai đó đang dõi theo và quay người lại. Đó là chàng trai trẻ gác phanh đang nhìn cô với vẻ căng thẳng.

Cô ngồi trên tay vịn chiếc ghế lớn, đối diện bàn làm việc của James Taggart, áo khoác xốc xếch để lộ bộ đồ du lịch nhăn nheo. Eddie Willers ngồi ở phía bên kia văn phòng, thỉnh thoảng ghi chép. Với cương vị trợ lý đặc biệt của Phó chủ tịch phụ trách Vận hành, công việc chính của anh là loại bỏ mọi sự lãng phí thời gian. Cô yêu cầu anh tham dự tất cả các cuộc họp không chính thức như thế này, vì cô không cần phải giải thích gì với anh sau đó. James Taggart ngồi tại bàn làm việc, đầu tựa vào vai.

"Tuyến Rio Norte là một đồng đồ nát từ đầu đến cuối," cô nói. "Nó còn tệ hơn em tưởng. Chúng ta phải cứu vãn nó ngay."

"Tất nhiên rồi," James Taggart đáp.

"Một số đoạn đường ray đã bị lấy cắp. Không nhiều và mới xảy ra gần đây. Chúng ta

sẽ bắt đầu đặt đường ray mới ở vùng núi, Colorado trước. Sẽ có đường ray mới trong hai tháng."

"Ồ, Orren Boyle nói vậy à?"

"Em đã đặt hàng đường ray từ hãng Thép Rearden."

Eddie Willers kìm nén tiếng thở gấp và ý định muốn cổ vũ.

James Taggart im lặng một lúc. "Dagny, sao em không ngồi xuống ghế như người bình thường?" ông nói với giọng nhẹ nhàng. "Không ai hợp kiểu này cả."

"Nhưng em thì có."

Cô chờ đợi. Ông hỏi, ánh mắt tránh né, "Em nói em đặt đường ray từ Rearden à?"

"Tối qua em gọi cho ông ấy từ Cleveland."

"Nhưng hội đồng quản trị không cho phép. Anh không cho phép. Em không hề tham khảo ý kiến anh."

Cô bước tới, nhắc điện thoại trên bàn đưa cho ông.

"Gọi cho Rearden và hủy đơn hàng đi," cô nói.

James Taggart ngả người vào ghế. "Anh không thể nói thế," ông đáp giọng giận dữ. "Anh không thể nói những điều như vậy."

"Vậy anh phải nói gì đây."

"Anh vẫn không thể nói được."

Cô quay sang. "Eddie, cần ký hợp đồng với hãng Thép Rearden. Jim sẽ ký." Cô lấy tờ giấy hơi nhàu, đưa cho Eddie. "Đây là số liệu và điều khoản."

Taggart nói: "Nhưng hội đồng quản trị sẽ không chấp nhận—"

"Hội đồng sẽ không làm gì cả. Họ đã ủy quyền cho anh làm đường sắt từ mười ba tháng trước. Anh muốn làm ở đâu tùy ý."

"Anh không nghĩ đây là cách giải quyết đúng đắn khi không cho hội đồng cơ hội xem xét các phương án. Và anh không thấy lý do tại sao anh phải chịu trách nhiệm."

"Em đã quyết định rồi."

"Em đang phung phí đấy."

"Rearden báo giá thấp hơn hãng Thép Associated của Orren Boyle."

"Được thôi, nhưng còn Orren Boyle thì sao?"

"Em đã hủy hợp đồng với họ. Lẽ ra chúng ta nên hủy từ sáu tháng trước."

"Em làm việc đó khi nào?"

"Hôm qua."

"Nhưng anh ấy chưa gọi cho anh để xác nhận."

"Anh ta không làm vậy."

Taggart nhìn xuống bàn làm việc. Cô tự hỏi tại sao ông lại bức bối khi đối phó với Rearden, và tại sao sự tức giận ấy lại quái gở, lảng tránh đến vậy. Hãng Thép Rearden đã là nhà cung cấp chính của hãng Xuyên lục địa Taggart suốt mười năm qua, kể từ khi lò đốt Rearden đầu tiên được thắp lên, thời cha họ còn làm chủ tịch tuyến đường sắt. Trong suốt thời gian đó, phần lớn đường ray của họ đều do hãng Thép Rearden sản xuất. Không nhiều công ty trong nước thực hiện được những gì đã cam kết, nhưng hãng Thép Rearden là một trong số hiếm hoi đó. Nếu mất trí, Dagny nghĩ, có lẽ cô sẽ kết luận rằng anh trai mình ghét đàm phán với Rearden chỉ vì ông ta làm việc quá hiệu quả; nhưng cô không thể tin được một người lại có thể

có cảm giác như vậy.

"Như vậy không công bằng," James Taggart nói.

"Cái gì không công bằng?"

"Việc chúng ta dành tất cả công việc kinh doanh cho Rearden. Chúng ta nên cho người khác cơ hội chứ. Rearden không cần chúng ta, ông ta đã có quá nhiều rồi. Ta cần giúp đỡ những doanh nghiệp nhỏ phát triển. Nếu không, chúng ta chỉ đang khuyến khích độc quyền thôi."

"Đừng nói vô ích nữa, Jim."

"Tại sao ta cứ phải lấy mọi thứ từ Rearden?"

"Vì chúng ta luôn làm thế."

"Anh không thích Henry Rearden."

"Em cũng vậy. Nhưng điều đó có quan trọng không? Chúng ta cần đường ray và ông ấy là người duy nhất có thể giúp được."

"Yếu tố con người rất quan trọng. Em chẳng có chút ý thức nào về yếu tố con người cả."

"Chúng ta đang nói về việc cứu cả một tuyến đường sắt đấy, Jim."

"Đúng, đúng rồi, nhưng em vẫn không quan tâm đến yếu tố con người."

"Phải, em chưa bao giờ quan tâm."

"Nếu ta giao cho Rearden một đơn hàng đường ray thép lớn như vậy—"

"Họ không dùng thép nữa. Giờ họ dùng hợp kim Rearden."

Cô thường tránh những phản ứng cá nhân, nhưng lần này cô không kìm được khi

thấy biểu cảm trên mặt Taggart. Cô bật cười.

Hợp kim Rearden là một loại hợp kim mới, được Rearden tạo ra sau mười năm thử nghiệm. Ông vừa đưa nó ra thị trường, nhưng chưa nhận được đơn đặt hàng nào hay tìm được khách hàng nào.

Taggart không hiểu được sự chuyển biến đột ngột từ tiếng cười sang giọng lạnh lùng, gay gắt của Dagny: "Thôi đi Jim. Em biết anh định nói gì. Chưa ai từng dùng nó. Chưa ai chấp thuận nó. Chẳng ai quan tâm đến nó. Không ai muốn dùng nó. Nhưng tuyến đường sắt của chúng ta sẽ được làm từ hợp kim Rearden."

"Nhưng..." Taggart nói, "chưa ai dùng nó cả."

Ông hài lòng nhìn cô im lặng trong giận dữ. Ông thích quan sát cảm xúc, chúng như những chiếc đèn lồng đỏ treo dọc bóng tối mờ ảo của tính cách người khác, để lộ những điểm yếu. Nhưng việc ai đó có thể có cảm xúc cá nhân về một loại hợp kim mới thật khó hiểu với ông, nên ông không theo đuổi phát hiện của mình nữa.

"Sự đồng thuận của ngành luyện kim là quan trọng nhất," ông nói. "Dường như mọi người đều hoài nghi về hợp kim Rearden, vẫn còn tranh cãi—"

"Thôi đi Jim."

"Được rồi, vậy ý kiến của em là gì?"

"Em không hỏi ý kiến."

"Vậy em định làm thế nào?"

"Quyết định."

"Được, em quyết định với ai?"

"Bản thân em."

"Nhưng em đã tham khảo ai chưa?"

"Không ai cả."

"Vậy em biết gì về hợp kim Rearden?"

"Đó là thứ tuyệt vời nhất từng xuất hiện trên thị trường."

"Tại sao?"

"Vì nó cứng hơn thép, rẻ hơn thép và bền hơn bất cứ loại kim loại nào."

"Nhưng ai nói vậy?"

"Jim, em học kỹ sư ở đại học. Khi thấy điều gì, em sẽ quan sát nó."

"Rồi em thấy gì?"

"Công thức của Rearden và những thí nghiệm ông ấy cho em xem."

"Này, nếu nó tốt thì đã có người dùng rồi, nhưng có ai đâu," ông thấy cô giận dữ và tiếp tục lo lắng. "Làm sao em biết nó tốt? Làm sao em chắc chắn được? Làm sao em có thể quyết định?"

"Ai đó sẽ quyết định những thứ như vậy, Jim. Ai?"

"Được thôi, anh không thấy lý do tại sao chúng ta phải là người đầu tiên thử. Anh không thấy được lợi ích ở đâu cả."

"Anh có muốn cứu tuyến đường sắt Rio Norte không?" Ông không trả lời. "Nếu có đủ khả năng, em sẽ thay thế toàn bộ hệ thống đường ray bằng hợp kim Rearden. Tất cả đều cần được thay thế. Không đoạn nào được phép tồn tại lâu hơn nữa. Nhưng chúng ta không đủ tiền. Chúng ta cần thoát khỏi tình trạng tồi tệ này trước. Anh có muốn chúng ta vượt qua không?"

"Chúng ta vẫn có những tuyến đường sắt tốt nhất cả nước. Những công ty khác còn

tệ hơn nhiều."

"Vậy anh muốn chúng ta cứ mắc kẹt trong tình trạng này sao?"

"Anh không nói thế. Sao em cứ phải phức tạp hóa mọi chuyện vậy? Nếu em lo về tiền bạc, anh không hiểu tại sao em lại phung phí tiền vào tuyến Rio Norte khi Phoenix-Durango đã cướp hết việc của chúng ta. Tại sao phải đầu tư khi ta không thể tự bảo vệ mình trước đối thủ cạnh tranh—kẻ sẽ phá hủy mọi khoản đầu tư của chúng ta?"

"Vì Phoenix-Durango làm một tuyến đường sắt tuyệt vời. Em dự định làm cho Rio Norte còn tuyệt vời hơn thế. Em muốn đánh bại Phoenix-Durango nếu cần—nhưng thực ra không cần thiết, vì Colorado đủ chỗ cho hai hay ba tuyến đường sắt phát đạt. Em đã thế chấp hệ thống để xây dựng chi nhánh quanh Ellis Wyatt."

"Anh ngán ngẩm khi nghe về Ellis Wyatt."

Ông không thích cách đôi mắt cô nhìn chăm chăm về phía mình.

"Anh không thấy cần phải hành động ngay lúc này," ông nói, giọng tỏ vẻ bị xúc phạm.

"Em có ý gì khi nói về tình hình hiện tại của Xuyên lục địa Taggart?"

"Những hậu quả từ chính sách của anh, Jim."

"Chính sách nào?"

"Mười ba tháng thử nghiệm với riêng hãng Thép Associated. Anh bạn người Mexico thảm hại của anh chứ ai."

"Nhưng Hội đồng quản trị đã phê duyệt hợp đồng với Thép Associated," ông vội vàng nói. "Và họ cũng biểu quyết xây dựng tuyến San Sebastián. Hơn nữa, anh không hiểu sao em lại gọi đó là thảm họa."

"Vì chính phủ Mexico sẽ quốc hữu hóa tuyến đường của anh bất cứ lúc nào."

"Láo!" Giọng ông gần như hét lên. "Toàn tin đồn vô căn cứ. Anh có mối quan hệ rất tốt với giới cầm quyền—"

"Đừng tỏ ra sợ hãi, Jim." Cô nói, giọng khinh miệt.

Ông không đáp.

"Giờ không có gì phải hoảng sợ cả," cô nói. "Tất cả những gì ta có thể làm là chấp nhận mất trắng. Đó sẽ là một đòn đau. Bốn mươi triệu đô là khoản lỗ không dễ gì gỡ lại được. Nhưng Xuyên lục địa Taggart đã từng chịu những cú sốc tồi tệ hơn. Chúng ta sẽ vượt qua được."

"Anh từ chối, anh hoàn toàn từ chối xem xét khả năng tuyển San Sebastián bị quốc hữu hóa."

"Được thôi. Cứ phủ nhận đi."

Cô vẫn tiếp tục im lặng. Ông nói với giọng phản đối, "Anh không hiểu tại sao em lại muốn trao cơ hội cho Ellis Wyatt, trong khi chúng ta đang bỏ qua một quốc gia kém may mắn chưa từng có cơ hội."

"Ellis Wyatt chưa bao giờ yêu cầu ai trao cho ông ấy cơ hội. Và em không kinh doanh để tạo ra cơ hội. Em đang vận hành một tuyến đường sắt."

"Đối với anh, đó là một góc nhìn hạn hẹp. Anh không hiểu tại sao ta phải giúp một người thay vì cả một quốc gia."

"Em không quan tâm đến việc giúp đỡ ai. Em muốn tạo ra lợi nhuận."

"Đó là tư duy lỗi thời rồi. Lòng tham ích kỷ vì lợi nhuận đã là quá khứ. Giờ đây, lợi ích xã hội phải đặt lên hàng đầu trong mọi ngành kinh doanh chính thống."

"Anh định nói vòng vo đến bao giờ để trốn tránh vấn đề, Jim?"

"Vấn đề gì?"

"Đơn hàng hợp kim Rearden."

Ông im lặng quan sát cô. Thân hình mảnh khảnh của cô, dù mệt mỏi đến kiệt sức, vẫn giữ thẳng nhờ nghị lực từ đôi vai. Rất ít người ưa khuôn mặt cô: quá lạnh lùng, đôi mắt quá dữ dội, không hề có nét quyến rũ nào. Đôi chân thanh mảnh đặt chéo trên cánh tay ghế khiến ông khó chịu; chúng phá vỡ mọi tính toán của ông.

Cô vẫn im lặng. Ông đành phải hỏi: "Em quyết định đặt hàng qua điện thoại, vào lúc này sao?"

"Em đã đặt hàng từ sáu tháng trước. Em chờ đến khi Hank Rearden sẵn sàng sản xuất."

"Đừng gọi hắn là Hank Rearden. Nghe quá tầm thường."

"Ai cũng gọi anh ấy thế. Đừng lãng tránh nữa."

"Tại sao tối qua em lại gọi cho hắn?"

"Không thể liên lạc với anh ấy sớm hơn."

"Sao em không đợi đến khi về New York và—"

"Vì em đã thấy tuyến Rio Norte."

"Được rồi, anh cần thời gian xem xét mọi việc, bàn bạc với Hội đồng quản trị, tìm cách tốt nhất—"

"Không còn thời gian nữa."

"Em không cho anh cơ hội thay đổi ý kiến."

"Em không cần ý kiến của anh. Em sẽ không tranh luận với anh, với Hội đồng hay các cố vấn của anh. Anh chỉ có một lựa chọn và phải quyết định ngay. Có hoặc

Không."

"Thật vô lý, độc đoán và tùy tiện—"

"Có hay không?"

"Em luôn gây rắc rối. Mọi thứ với em đều là 'Có' hoặc 'Không'. Cuộc sống đâu có tuyệt đối như vậy. Chẳng có gì là tuyệt đối cả."

Cô chờ đợi. Ông không đáp.

"Thế à?"

"Em sẽ chịu trách nhiệm cho việc này chứ?"

"Em sẽ chịu trách nhiệm tất cả."

"Được," ông nói thêm, "nhưng em tự chịu rủi ro. Anh sẽ không hủy nó, nhưng cũng không hứa sẽ nói gì với Hội đồng quản trị."

"Anh muốn nói gì cũng được."

Cô đứng dậy. Ông cúi xuống bàn, miễn cưỡng kết thúc cuộc họp một cách dứt khoát.

"Dĩ nhiên em biết sẽ cần nhiều thủ tục để thực hiện việc này," ông nói, như một hy vọng cuối cùng. "Không đơn giản đâu."

"Ồ, chắc chắn rồi," cô đáp. "Em sẽ gửi anh bản báo cáo chi tiết, Eddie sẽ soạn thảo và anh sẽ đọc nó. Eddie sẽ giúp anh đọc kỹ từng từ. Em sẽ đến Philadelphia tối nay gặp Rearden. Em và ông ấy có nhiều việc phải làm." Cô nói thêm, "Đơn giản là thế, Jim."

Cô quay lưng bước đi, khi ông lên tiếng—những lời dường như không liên quan. "Điều này chỉ phù hợp với em thôi, vì em may mắn. Người khác không thể làm thế được."

"Làm gì cơ?"

"Những người bình thường. Họ nhạy cảm. Họ không thể dành cả đời cho kim loại và máy móc. Em may mắn—vì em chẳng cảm nhận được gì cả. Em sẽ không bao giờ cảm nhận được điều gì."

Khi cô nhìn ông, đôi mắt xám đen chuyển từ ngạc nhiên sang tĩnh lặng, rồi hiện lên một biểu cảm kỳ lạ như mệt mỏi, nhưng còn hơn cả sự mệt mỏi trong khoảnh khắc ấy.

"Không, Jim," cô nói khẽ. "Em đoán là em sẽ không cảm nhận được gì cả."

Eddie Willers theo cô đến văn phòng. Mỗi khi cô trở về, anh đều cảm thấy thế giới trong lành hơn, đơn giản và dễ đối mặt hơn—và anh quên đi những nỗi sợ mơ hồ. Anh là người duy nhất thấy rõ rằng cô xứng đáng làm Phó chủ tịch điều hành của một hãng đường sắt tuyệt vời, dù cô chỉ là phụ nữ. Cô đã từng nói với anh, khi anh mười tuổi, rằng một ngày nào đó cô sẽ điều hành một tuyến đường sắt. Giờ đây điều đó không làm anh ngạc nhiên, cũng như anh đã không ngạc nhiên vào ngày ấy trong rừng.

Khi họ bước vào văn phòng, anh nhìn thấy cô ngồi xuống bàn làm việc và liếc qua những mảnh ghi chú anh để lại. Anh cảm thấy như đang ngồi trên chiếc ô tô đang lao về phía trước khi một chiếc mô tô đuổi kịp.

Khi chuẩn bị rời đi, anh chợt nhớ ra một việc chưa báo cáo. "Owen Kellogg ở bộ phận quản lý Nhà ga muốn xin một cuộc hẹn gặp em," anh nói.

Cô ngược lên, có vẻ ngạc nhiên. "Thú vị đấy. Em sẽ gặp anh ta. Eddie," cô bất chợt nói thêm, "trước khi em bắt đầu, cho em số điện thoại của Công ty Âm nhạc Ayers."

"Công ty Âm nhạc?" anh hỏi lại, ngờ vực.

"Phải. Em có vài điều muốn hỏi họ."

Khi ông Ayers trả lời với giọng háo hức về dịch vụ có thể cung cấp, cô hỏi: "Ông có thể cho tôi biết Richard Halley có viết bản hòa tấu số 5 không?"

"Bản hòa tấu số 5 ư, cô Taggart? Không, ông ấy chưa viết bài mới nào cả."

"Ông chắc chứ?"

"Khá chắc chắn, cô Taggart. Ông ấy đã không sáng tác gì mới trong tám năm qua."

"Ông ấy còn sống chứ?"

"Vâng—nhưng tôi không thể nói chính xác, ông ấy đã ẩn dật một thời gian dài rồi. Tuy nhiên, chắc chắn chúng tôi sẽ biết nếu ông ấy qua đời."

"Nếu ông ấy viết gì mới, ông sẽ biết chứ?"

"Tất nhiên, chúng tôi sẽ là người đầu tiên biết. Chúng tôi xuất bản tất cả tác phẩm của ông ấy. Nhưng ông ấy đã ngừng sáng tác rồi."

"Tôi hiểu. Cảm ơn ông."

Khi Owen Kellogg bước vào văn phòng, cô nhìn anh với vẻ hài lòng. Cô mừng vì mình đã đoán đúng về ngoại hình của anh. Khuôn mặt anh trẻ như chàng trai gác phanh trên tàu—một kiểu người mà cô dễ dàng đối phó.

"Mời ngồi, anh Kellogg," cô nói, nhưng anh vẫn đứng trước bàn làm việc.

"Cô đã từng bảo tôi nói cho cô biết nếu định nghỉ việc," anh nói. "Vì vậy tôi đến đây để thông báo tôi xin nghỉ."

Cô đã mong đợi điều gì khác. Phải một lúc sau cô mới khẽ hỏi: "Tại sao?"

"Vì lý do cá nhân."

"Anh không hài lòng khi làm việc ở đây?"

"Không phải vậy."

"Hay anh nhận được đề nghị tốt hơn?"

"Cũng không phải."

"Vậy anh sẽ làm việc cho hãng đường sắt nào?"

"Tôi sẽ không làm việc cho ngành đường sắt nữa, thưa cô Taggart."

"Vậy anh định làm gì?"

"Tôi chưa quyết định điều đó."

Cô chăm chú nhìn anh, cảm thấy hơi khó chịu. Không có biểu hiện chống đối nào trên khuôn mặt anh, anh nhìn thẳng vào mắt cô, trả lời đơn giản và thẳng thắn. Anh nói như một người không có gì che giấu hay biện minh, khuôn mặt lịch sự và trống rỗng.

"Vậy tại sao anh muốn nghỉ việc?"

"Đó là vấn đề cá nhân."

"Anh bị ốm à? Hay có vấn đề gì về sức khỏe?"

"Không."

"Anh có rời thành phố này không?"

"Không."

"Anh có được thừa kế tài sản để nghỉ hưu sớm không?"

"Không."

"Vậy anh có tiếp tục làm việc để kiếm sống không?"

"Có."

"Trong trường hợp này, hẳn phải có điều gì đó dẫn đến quyết định của anh. Đó là gì vậy?"

"Không có gì cả, thưa cô Taggart."

"Tôi muốn anh nói cho tôi biết. Tôi cần hiểu lý do."

"Cô tin tôi chứ, thưa cô Taggart?"

"Tôi tin."

"Không có ai, không có vấn đề hay sự kiện nào liên quan đến công việc ở đây ảnh hưởng đến quyết định của tôi cả."

"Anh có khiếu nại gì với hãng Xuyên lục địa Taggart không?"

"Không."

"Tôi nghĩ anh nên cân nhắc lại quyết định khi nghe những đề nghị của tôi."

"Tôi xin lỗi, cô Taggart. Tôi không thể."

"Anh có muốn nói cho tôi biết anh đang nghĩ gì không?"

"Vâng, nếu cô muốn."

"Hãy lắng nghe kỹ từng lời tôi nói. Tôi có một đề nghị cho anh, nhưng trước hết anh có muốn hỏi gì không? Tôi muốn biết điều đó."

"Tôi luôn tin tưởng từng lời cô nói, cô Taggart."

"Đây là vị trí Quản lý khu vực Ohio. Nó là của anh, nếu anh muốn."

Khuôn mặt anh không đổi sắc. Những lời nói ấy dường như chẳng có ý nghĩa gì với

anh, như thể anh là người chưa từng nghe đến đường sắt.

"Tôi không muốn nhận vị trí đó, cô Taggart."

Một lúc sau, cô nói, giọng khẽ khàng: "Viết ra đề nghị của anh đi, Kellogg. Giá của anh là bao nhiêu? Tôi muốn anh ở lại. Tôi có thể tìm bất cứ vị trí nào trong ngành đường sắt này phù hợp với yêu cầu của anh."

"Tôi không muốn làm trong ngành đường sắt nữa."

"Tôi nghĩ anh yêu công việc này."

Đây là dấu hiệu đầu tiên về cảm xúc của anh—chỉ là đôi mắt mở to và một sự im lặng kỳ lạ trong giọng nói khi anh đáp: "Đúng vậy."

"Vậy hãy nói cho tôi biết điều gì sẽ giữ được anh ở lại."

Có điều gì đó gượng ép, không tự nhiên khi anh nhìn cô, như thể đã chạm đến trái tim anh.

"Có lẽ không công bằng khi tôi đến đây và nói với cô rằng tôi muốn nghỉ việc, cô Taggart. Tôi biết cô yêu cầu tôi báo trước để cô có cơ hội thuyết phục tôi ở lại. Vì vậy, tôi đến đây, như thể tôi sẵn sàng thương lượng. Nhưng không. Tôi đến đây chỉ vì... tôi muốn giữ lời hứa với cô."

Giọng nói dứt quãng của anh như một tia sáng giúp cô nhận ra sự quan tâm của mình, lời đề nghị của cô có ý nghĩa thế nào với anh. Và quyết định của anh không hề dễ dàng.

"Kellogg, tôi có thể đề nghị điều gì không?"

"Không, cô Taggart. Không có gì trên đời này cả."

Anh quay đi. Lần đầu tiên trong đời cô cảm thấy bất lực và thất bại đến vậy.

"Tại sao?" cô hỏi, không nhìn anh.

Anh dừng lại. Anh nhún vai và mỉm cười—đây là nụ cười kỳ lạ nhất mà cô từng thấy: như một trò đùa bí mật, đau đớn và cay đắng vô hạn.

Anh trả lời:

"Ai là John Galt?"



Atlas vươn mình

Phần I: Không mâu thuẫn

Chương II: Sự trói buộc



Người dịch: Zanglink

Mọi thứ bắt đầu với một ánh đèn nhỏ. Khi đoàn tàu Taggart lăn bánh về phía Philadelphia, vài ánh sáng lấp lánh len lỏi trong đêm tối. Chúng dường như vô định trên cánh đồng trống, nhưng quá mạnh mẽ để không mang mục đích nào. Hành khách chỉ ngồi quan sát một cách vu vơ, không mấy quan tâm.

Một khối kiến trúc đen hiện ra, gần như tan biến trên nền trời, tiếp đến là một tòa nhà lớn sát đường ray. Ánh sáng từ đoàn tàu hắt lên tòa nhà tối om, xuyên qua những lớp kính trên tường.

Một đoàn tàu chở hàng khác che khuất tầm nhìn, tiếng ồn ào ạt tràn qua các ô cửa sổ. Trong những khoảng trống ngắn ngủi giữa các toa tàu, hành khách thoáng thấy những công trình xa xa dưới ánh sáng mờ nhạt, đỏ rực dưới nền trời. Ánh sáng chuyển động theo từng cơn co thắt thất thường, như thể những công trình đang thở.

Khi đoàn tàu chở hàng khuất dần, họ nhìn thấy những tòa nhà góc cạnh được bao phủ bởi những cuộn hơi nước. Ánh đèn mạnh mẽ xuyên qua làn hơi nước đỏ rực như màu trời.

Công trình tiếp theo không giống một tòa nhà thông thường, mà như một khối kính bao quanh sườn nhà, với cần cầu và khung mái vững chãi hiện lên mờ ảo dưới ánh sáng cam chói lọi.

Những hành khách không thể nào hiểu hết được sự phức tạp của những hoạt động đang diễn ra trong thành phố trải dài hàng dặm này - những hoạt động dường như không có bóng người. Họ thấy những tòa tháp như những cao ốc méo mó, những cây cầu treo lơ lửng giữa không trung, và những ngọn lửa bất chợt phun ra từ các bức tường kiên cố. Họ nhìn thấy từng hàng xi-lanh đỏ rực hoạt động suốt đêm, những ống kim loại nóng bỏng.

Một tòa nhà văn phòng hiện ra gần đường ray. Những bóng đèn neon lớn trên mái

nhà chiếu sáng vào khoang tàu khi họ đi qua. Dòng chữ hiện lên: THÉP REARDEN.

Một hành khách, nguyên là giáo sư kinh tế, hỏi người bạn đồng hành: "Tầm quan trọng của một cá nhân trong ngành hóa chất thời đại công nghiệp ngày nay là gì?" Một người khác, một nhà báo, ghi chép cho bài viết tương lai: "Hank Rearden là kiểu người khắc tên mình lên mọi thứ ông ta chạm vào. Từ đó, bạn có thể hình dung được con người Hank Rearden."

Đoàn tàu tăng tốc lao vào màn đêm, khi một ánh đèn đỏ bất chợt lóe lên trên nền trời phía sau một công trình dài. Hành khách chẳng để tâm; sức nóng của thép không phải điều họ quan tâm.

Đó là mẻ đúc đầu tiên của hợp kim Rearden. Những người đàn ông đứng trước cửa lò nung của nhà máy vào buổi sáng ấy, khi lần đầu tiên kim loại lỏng đổ đầy khuôn, cảm thấy vô cùng phấn khích. Những rãnh hẹp khít nhau được lấp đầy bởi kim loại nóng chảy tinh khiết, trắng như ánh sáng mặt trời. Những cuộn hơi nước đen bốc lên, tung tóe những vệt đỏ dữ dội. Tia lửa bắn ra từng đợt như từ một động mạch vỡ toác. Không khí dường như bị xé toạc, phản chiếu ngọn lửa bùng cháy, những đốm đỏ xoáy trên không trung như thể không thể chứa nổi trong khối kiến trúc nhân tạo này, như thể đang tàn phá các cột trụ, khung nhà và những cánh tay cần cầu trên cao. Nhưng dòng kim loại lỏng lại không hề dữ dội. Nó là một đường cong trắng dài với kết cấu mượt mà như lụa satin, thân thiện như một nụ cười. Nó ngoan ngoãn chảy qua cái vòi phủ đất sét, được giữ bởi hai đường viền hai bên, rơi từ độ cao hai mươi feet xuống một cái máng có sức chứa hai trăm tấn. Như một dải ngân hà, nó thoát khỏi sự mượt mà êm đềm, trông tinh tế như một dải băng, tinh khôi như những tia pháo hoa của trẻ thơ. Chỉ khi nhìn kỹ, người ta mới nhận ra những lớp satin trắng đang sôi sục. Những vết bắn văng ra rơi xuống đất - những mảnh kim loại nguội đi ngay khi chạm đất rồi bùng cháy. Hai trăm tấn hợp kim cứng hơn thép này, nóng chảy ở nhiệt độ 4000 độ, có sức mạnh phá hủy mọi công trình và bất cứ ai làm việc ở đây. Nhưng mỗi inch của dòng chảy, mỗi pound áp lực và từng phần tử

cấu thành đều được kiểm soát bởi một ý chí đã hoạt động suốt mười năm qua.



Trong bóng tối của nhà kho, ánh sáng đỏ rực hắt lên gương mặt người đàn ông đứng ở góc xa, dựa lưng vào cột quan sát. Ánh sáng chói lòa lướt qua đôi mắt ông - đôi mắt xanh nhạt như băng - rồi cắt ngang lưỡi cửa của cột kim loại, mái tóc vàng tro, thắt lưng ngoài áo choàng và túi quần đang đút tay. Ông có thân hình cao lớn đầy uy lực, luôn cao hơn hẳn những người xung quanh. Khuôn mặt góc cạnh với xương gò

má nổi bật và đường nét sắc sảo không thể hiện đúng tuổi của ông - chúng khiến ông trông già hơn tuổi hai mươi nhưng lại trẻ hơn tuổi bốn mươi lăm thật. Từ khi có ý thức, ông luôn cho rằng mình có khuôn mặt xấu xí vì vẻ bất khuất, dữ dội và vô cảm của nó. Và giờ đây, khi nhìn vào dòng kim loại, khuôn mặt ấy vẫn không biểu lộ cảm xúc. Ông là Hank Rearden.

Dòng kim loại chảy qua đỉnh cái muôi với vẻ kiêu hãnh phung phí. Những giọt trắng dần chuyển sang màu nâu sáng, và những cột kim loại đen bắt đầu vỡ vụn. Lớp xỉ sắt phủ thành lớp dày màu nâu như vỏ trái đất. Khi lớp vỏ dày lên, một số chỗ bắt đầu nứt ra, để lộ dòng chất lỏng trắng đang sôi sục bên trong.

Người đàn ông lơ lửng trên cao, đứng trên chiếc cần cẩu. Ông kéo đòn bẩy bằng tay: cái móc thép gắn trên dây xích rơi xuống, nắm lấy chiếc muôi và nhấc nó lên để dâng như mức sữa - hai trăm tấn kim loại di chuyển về phía những khuôn đúc đang chờ.

Hank Rearden ngả người ra sau, mắt nhìn lại toàn cảnh. Ông cảm nhận được cây cột rung lên vì tiếng ầm ầm của cần cẩu. Công việc đã xong, ông nghĩ. Một công nhân nhìn ông và cười lớn trong sự thấu hiểu, như một người đồng hành chia sẻ niềm tự hào, người hiểu được lý do tại sao người đàn ông cao lớn tóc vàng này phải có mặt ở đây tối nay. Rearden mỉm cười đáp lại - đó là lời chào duy nhất ông nhận được. Sau đó ông quay về văn phòng, khuôn mặt lại trở nên vô cảm.

Trời đã khuya khi Hank Rearden rời văn phòng, đi bộ từ nhà máy về nhà. Mỗi bước chân qua cánh đồng vắng, ông đều có cảm giác mình đang làm điều gì đó, dù không ý thức rõ ràng.

Ông tiếp tục bước đi, một tay trong túi, ngón tay chạm vào chiếc vòng tay. Nó được làm từ hợp kim Rearden, có hình dạng dây xích. Ngón tay ông di chuyển, cảm nhận kết cấu của chiếc vòng. Mười năm để làm ra chiếc vòng này. Mười năm, ông nghĩ, quả là một chặng đường dài.

Con đường tối đen, hai bên um tùm cây cối. Ngược lên, ông thấy những vì sao lấp lánh qua kẽ lá, những chiếc lá khô xoắn đang chờ rụng xuống. Những ánh đèn le lói từ các ô cửa sổ rải rác trong vùng quê chỉ càng làm nổi bật vẻ hoang vắng của con đường.

Ông chỉ cảm thấy cô đơn khi hạnh phúc. Thỉnh thoảng ông ngoái nhìn về phía nhà máy, nơi ánh sáng đỏ rực vẫn bùng lên trên nền trời.

Ông không nghĩ về mười năm qua. Những gì còn lại của đêm nay chỉ là một cảm xúc không tên - tĩnh lặng và trang nghiêm. Ông chưa bao giờ tính toán mình đã chi bao nhiêu tiền. Nhưng mỗi đồng đã bỏ ra, dù không thể lấy lại, vẫn còn nguyên vẹn trong cảm xúc này. Họ đã trải qua những đêm bên lò thí nghiệm trong nhà máy - những đêm trong phòng làm việc tại nhà, với những tờ giấy đầy công thức rồi bị xé nát trong cơn giận dữ - những ngày các nhà nghiên cứu trẻ trong đội ngũ nhỏ ông tuyển chọn đứng chờ chỉ dẫn như những người lính sẵn sàng cho trận chiến vô vọng, niềm tin đã cạn kiệt nhưng vẫn kiên trì, im lặng, với câu nói không thành lời treo lơ lửng: "Ngài Rearden, việc này không thể thực hiện được -" - những bữa ăn dở dang vì những ý tưởng chợt đến, những ý tưởng cần thử nghiệm ngay lập tức, phải mất hàng tháng để thực hiện rồi cuối cùng bị loại bỏ vì thất bại - những khoảnh khắc vội vã giữa các cuộc họp, những hợp đồng, công việc điều hành nhà máy thép hàng đầu cả nước, những giây phút bị đánh cắp từ một tình yêu bí mật - một ý nghĩ dai dẳng suốt mười năm, ẩn dưới mọi việc ông làm và thấy, một ý nghĩ luôn hiện hữu khi ông nhìn những tòa nhà trong thành phố, những đường ray xe lửa, những ánh đèn từ những nông trại xa xôi, con dao trong tay người phụ nữ xinh đẹp đang cắt trái cây tại bữa tiệc - ý nghĩ về một thứ hợp kim vượt trội hơn thép, được tạo ra từ thép như cách thép được tạo ra từ sắt - những lần tự hành hạ bản thân khi vứt bỏ hy vọng và các mẫu thử, không cho phép mình mệt mỏi hay nghỉ ngơi để cảm nhận, tự mình chịu đựng cơn dày vò: "chưa đủ tốt... vẫn chưa đủ tốt..." và tiếp tục mà không có lý do gì để tin rằng mình sẽ thành công - và cuối cùng, khi mọi thứ hoàn tất, kết quả xuất hiện: hợp kim Rearden - thứ được tôi luyện từ sức nóng trắng, tan chảy rồi

hòa quyện với tâm hồn ông, một hợp kim kỳ lạ mang lại cảm giác bình yên, khiến ông mỉm cười giữa đêm tối nơi thôn quê và tự hỏi tại sao hạnh phúc lại phải chịu nhiều đau đớn đến thế.

Một lúc sau, ông nhận ra mình đang nghĩ về quá khứ, như thể những ngày tháng đã trải qua đang hiện ra trước mắt, đòi hỏi được sống lại lần nữa. Ông không muốn nhìn lại; ông coi thường những ký ức như một sự nuông chiều vô nghĩa. Nhưng rồi ông hiểu rằng những suy nghĩ này là để tôn vinh miếng kim loại trong túi. Và thế là ông cho phép mình đắm chìm trong ký ức.

Ông nhớ lại những ngày đứng trên gờ đá, mồ hôi chảy từ thái dương xuống cổ. Khi mười bốn tuổi, ngày đầu tiên làm việc tại mỏ sắt Minnesota, ông học cách thở trước những cơn đau nhói trong lồng ngực. Ông gượng dậy, nguyên rửa bản thân vì đã tự nhủ không được phép mệt mỏi. Sau đó, khi quay lại làm việc, ông quyết định không để bất cứ cơn đau nào ngăn mình dừng bước.

Một lúc sau, ông nhận ra mình đang nghĩ về quá khứ, như thể những ngày tháng đã trải qua đang hiện ra trước mắt, đòi hỏi được sống lại. Ông không muốn nhìn lại; ông coi thường việc đắm chìm trong ký ức như một sự nuông chiều vô nghĩa. Nhưng rồi ông hiểu rằng những hồi tưởng này là để tôn vinh miếng kim loại trong túi. Và thế là ông buông mình vào dòng ký ức.

Ông nhớ lại những ngày đứng trên gờ đá, mồ hôi chảy từ thái dương xuống cổ. Ngày đầu tiên làm việc tại mỏ sắt Minnesota năm mười bốn tuổi, ông học cách thở trước những cơn đau nhói trong lồng ngực. Ông gượng dậy, nguyên rửa bản thân vì đã nghĩ đến mệt mỏi. Rồi khi quay lại làm việc, ông quyết định không để bất cứ cơn đau nào ngăn mình dừng bước.

Ông nhớ lại ngày đứng trước cửa sổ văn phòng nhìn về phía những hầm mỏ mà ông vừa sở hữu vào một buổi sáng nọ, năm mười ba tuổi. Những gì diễn ra những năm tháng đó không còn là vấn đề, cũng như những nỗi đau thể xác đã không còn ý nghĩa. Ông đã làm việc trong những hầm mỏ, xưởng đúc, nhà máy thép ở phía Bắc,

như một phần trong kế hoạch đã chọn. Tất cả những gì ông nhớ về công việc là trong khi những người khác chẳng biết phải làm gì, ông luôn nhận thức rõ ràng. Ông nhớ mình đã tự hỏi tại sao nhiều mỏ sắt phải đóng cửa, cho đến khi ông tiếp quản chúng. Ông nhìn về những phần đá nhô ra đằng xa. Những người công nhân đang đặt một tấm biển trên cánh cổng cuối con đường: *Khoáng sản Rearden*.

Ông nhớ những buổi tối ngồi sụp xuống bàn trong văn phòng. Trời đã khuya, nhân viên đã về hết, và ông có thể ở đó một mình, không ai làm phiền. Ông mệt mỏi. Như thể ông đã chạy đua với chính cơ thể mình, và sự kiệt sức bao năm qua mà ông từ chối thừa nhận đã tóm được ông, quật ngã ông trên mặt bàn. Ông không cảm nhận được gì ngoài khao khát được nằm yên. Ông không còn đủ sức để cảm nhận, dù không phải chịu đựng thêm điều gì. Ông đã đốt cháy mọi thứ có thể trong mình, đã tạo ra bao tia lửa khi khởi sự - và giờ ông tự hỏi ai có thể mang đến tia lửa ông cần, khi ông không thể vươn mình thêm lần nữa. Ông đã tự hỏi điều gì khiến mình bắt đầu và tiếp tục. Rồi ông ngẩng đầu lên. Chậm rãi, với toàn bộ sức mạnh còn lại của đời mình, ông vươn người cho đến khi có thể ngồi thẳng dậy, chỉ với một cánh tay run rẩy chống lên mặt bàn. Ông sẽ không bao giờ tự hỏi câu hỏi đó nữa.

Ông nhớ lại ngày đứng trên đỉnh đồi nhìn xuống khu đất hoang, nơi một nhà máy thép đang dần hình thành. Nó đã bị bỏ hoang và đóng cửa trước khi ông mua lại đêm hôm trước. Một cơn gió mạnh thổi qua và ánh sáng xám xuyên qua tầng mây. Trong ánh sáng ấy, ông thấy màu nâu đỏ của rỉ sét như máu trên những cần cầu thép khổng lồ, và đám cỏ dại xanh tươi chen chúc mọc trong khoảng trống gần đồng kính vỡ dưới chân tường. Ở cổng xa xa, ông thấy bóng những người đàn ông - những người thất nghiệp từ khu ổ chuột của một thành phố thịnh vượng. Họ đứng lặng nhìn chiếc xe sáng bóng ông để trước cổng nhà máy, tự hỏi liệu người đàn ông họ đang nhắc đến có phải là người đang đứng trên đồi kia không: Hank Rearden, và liệu nhà máy này có thực sự hoạt động trở lại. "Chu kỳ lịch sử của ngành thép ở Pennsylvania đang đi xuống," một tờ báo đã viết, "và các chuyên gia nhận định sự mạo hiểm của Hank Rearden với ngành thép là vô vọng. Bạn sẽ sớm chứng kiến sự

kết thúc đầy cảm xúc của Henry Rearden."

Đó là mười năm trước. Tối nay, cơn gió lạnh thổi qua khiến ông cảm thấy như cơn gió ngày xưa ấy. Ông quay đầu nhìn lại. Ánh sáng đỏ nơi nhà máy như đang thở từng hơi trên nền trời, một cảnh tượng tràn đầy sức sống như ánh bình minh.

Ông bước qua trạm dừng tiếp theo của chuyến tàu tốc hành. Ông không nhớ rõ về những năm tháng ở đây; chúng mịt mờ, vụt qua như chớp mắt.

Dù sao đi nữa, ông nghĩ, tất cả những cố gắng và đau đớn ấy đều xứng đáng, vì chúng đã tạo nên con người ông hôm nay - ngày mà mẻ đúc đầu tiên của hợp kim Rearden được đổ vào, tạo thành tuyến đường ray cho hãng Xuyên lục địa Taggart.

Ông lại chạm vào chiếc vòng trong túi, được làm từ mẻ kim loại đầu tiên ấy. Nó là món quà dành cho vợ ông.

Và khi chạm vào nó, ông chợt nhận ra mình đã nghĩ đến một khái niệm trừu tượng về "vợ" - chứ không phải người phụ nữ thực sự ông đã kết hôn. Ông cảm thấy tiếc nuối và ước gì mình đã không làm chiếc vòng này, để giờ đây khỏi phải chịu những đợt sóng day dứt dâng trào trong lòng.

Ông lắc đầu. Đây không phải lúc để tiếc nuối những nghi ngờ cũ. Ông cảm thấy có thể tha thứ cho tất cả, bởi hạnh phúc là liều thuốc thanh lọc tốt nhất. Ông tin chắc rằng mọi thứ đều đang ủng hộ mình tối nay. Ông muốn gặp ai đó, đối diện với người lạ, cởi bỏ mọi rào cản và thốt lên: "Hãy nhìn tôi đây!" Mọi người, ông nghĩ, đều khao khát được thấy niềm vui như ông vẫn luôn thế - trong từng khoảnh khắc, gạt bỏ những nỗi buồn và đau khổ vô cớ. Ông chưa bao giờ hiểu tại sao con người lại phải bất hạnh.

Con đường tối dần, không còn thấy gì trên đỉnh đồi. Ông dừng lại và quay người. Ánh sáng đỏ chỉ còn là một dải mỏng ở phía Tây xa xăm. Phía trên, cách vài dặm, biển hiệu neon sáng rực trên nền trời đen: THÉP REARDEN.

Ông đứng thẳng người, như đang đối diện với một phiên tòa. Ông nghĩ đến những biển hiệu khác đang sáng lên khắp đất nước đêm nay: Khoáng sản Rearden - Mỏ than Rearden - Đá vôi Rearden. Ông nghĩ về những ngày đã qua và ước gì có thể thêm một biển hiệu nữa: Cuộc đời Rearden.

Ông quay người bước tiếp. Khi gần đến nhà, bước chân ông chậm lại và tâm trạng chùng xuống. Ông cảm thấy một sự miễn cưỡng mơ hồ khi phải bước vào nhà - điều mà ông không muốn cảm nhận. Không, ông nghĩ, không phải tối nay; họ sẽ sớm hiểu thôi. Nhưng ông không biết, chưa bao giờ định nghĩa được, điều gì là thứ ông muốn họ hiểu.

Ông nhìn ánh đèn phòng khách khi tiến gần. Ngôi nhà xây trên đồi, sừng sững trước mặt như một khối hình trắng lớn; nó trông trần trụi, với vài cột kiểu thuộc địa trang trí một cách gượng gạo, toát lên vẻ buồn bã không đáng có.

Ông không chắc vợ mình có nhận ra ông bước vào phòng khách hay không. Bà ngồi bên lò sưởi, đang nói chuyện, cánh tay uyển chuyển theo từng lời. Ông nghe thấy hơi thở hắt trong giọng nói của bà và nghĩ bà đã nhận ra sự hiện diện của mình, nhưng bà không ngược lên mà vẫn tiếp tục câu chuyện; ông lại không chắc về điều đó.

"Nhưng đó chỉ là một người đàn ông văn minh tế nhị với những kỳ diệu của vật chất thuần túy," bà tiếp tục. "Anh ta đơn giản là từ chối bận tâm về hệ thống ống nước."

Rồi bà quay đầu nhìn về phía Rearden trong bóng tối căn phòng, hai tay dang rộng duyên dáng như đôi cánh thiên nga.

"Sao thế anh yêu?" bà nói với giọng vui vẻ. "Về nhà sớm quá phải không? Không còn xỉ sắt để dọn hay ống thép để đánh bóng sao?"

Mọi người đều quay lại nhìn ông - mẹ, em trai Philip và Paul Larkin, một người bạn

cũ.

"Anh xin lỗi," ông đáp. "Anh biết mình đến muộn."

"Đừng xin lỗi," mẹ ông nói. "Con có thể gọi điện mà." Ông nhìn bà, cố nhớ lại điều gì đó. "Con đã hứa sẽ có mặt ở đây để ăn tối."

"Vâng, đúng vậy, con quên mất. Con xin lỗi. Nhưng hôm nay ở nhà máy, chúng con đang luyện kim—" Ông ngừng lại, không hiểu điều gì khiến mình không thể nói ra lý do đến muộn, ông thêm vào, "chỉ là... con quên mất."

"Đó là ý của mẹ," Philip nói.

"Ồ, nhìn anh ấy kìa, anh ấy không thực sự ở đây, tâm trí vẫn còn ở nhà máy," vợ ông vui vẻ nói. "Cởi áo khoác ra đi, Henry."

Paul Larkin nhìn ông chăm chú như một con chó bị quở trách. "Chào Paul," Rearden nói. "Anh về khi nào vậy?"

"Ồ, tôi vừa xuống đây lúc 5:35 từ New York." Larkin mỉm cười biết ơn vì sự quan tâm.

"Có chuyện gì không?"

"Ai mà chẳng gặp rắc rối vào những ngày này?" Nụ cười của Larkin trở nên cam chịu, mang vẻ triết lý. "Nhưng không, không có gì đặc biệt cả. Tôi chỉ muốn đến đây gặp anh thôi."

Vợ ông cười. "Anh đã làm anh ấy thất vọng, Paul." Bà quay sang Rearden. "Đó là mặc cảm thấp kém hay cao thượng đây, Henry? Anh nghĩ rằng không ai muốn gặp anh vì chính con người anh, hay anh tin rằng không ai có thể sống yên ổn nếu thiếu sự giúp đỡ của anh?"

Ông muốn phản đối trong cơn tức giận, nhưng bà ấy nhìn ông mỉm cười như thể đó chỉ là câu đùa. Vì ông không biết cách đáp lại những lời bông đùa vô cớ như vậy, ông

im lặng. Ông đứng nhìn bà, băn khoăn về những điều mà ông chưa bao giờ hiểu nổi.

Lillian Rearden luôn được xem là một người phụ nữ xinh đẹp. Bà có thân hình cao ráo, duyên dáng, rất hợp với những chiếc váy lưng cao kiểu Empire mà bà thường xuyên diện. Về ngoài tinh tế của bà như một ngôi sao điện ảnh: đường nét thuần khiết, kiêu hãnh, mái tóc nâu nhạt bỗng bồng bềnh được trang điểm đơn giản mà cổ điển, toát lên vẻ đẹp mộc mạc, quý phái. Nhưng khi bà quay lại, người ta thường cảm thấy một chút thất vọng. Khuôn mặt bà không đẹp. Đôi mắt là điểm khuyết: chúng nhợt nhạt mơ hồ, không hoàn toàn xám cũng không hoàn toàn nâu, với ánh nhìn trống rỗng vô hồn. Rearden vẫn thường tự hỏi, tại sao bà ấy luôn có vẻ vui vẻ, mà khuôn mặt lại không hề toát lên niềm vui.

"Chúng ta đã từng gặp nhau rồi, anh yêu," bà nói khi thấy ông đang quan sát mình, "dù anh có vẻ không nhớ ra."

"Con đã ăn tối chưa, Henry?" mẹ ông hỏi, giọng vừa thiếu kiên nhẫn vừa trách móc, như thể cơn đói của ông là một sự xúc phạm cá nhân với bà.

"Dạ... không... con không đói."

"Để mẹ mang thức ăn lên cho con."

"Thôi mẹ ạ, không cần đâu, con không sao."

"Đó chính là vấn đề của con." Bà nhìn vào khoảng không thay vì nhìn ông. "Mẹ cố gắng chăm sóc con mà con chẳng biết trân trọng. Mẹ không thể bắt con ăn uống đàng hoàng được."

"Henry, anh làm việc quá sức rồi," Philip nói. "Như vậy không tốt đâu."

Rearden bật cười. "Nhưng anh thích thế."

"Đó là điều anh tự nhủ thôi. Đó là một dạng rối loạn thần kinh đấy. Khi một người đàn ông chìm đắm trong công việc, nghĩa là anh ta đang trốn chạy điều gì đó. Anh

nên tìm một sở thích đi."



"Ôi, Phil, làm ơn đi!" ông thốt lên, rồi hối tiếc vì sự bực bội trong giọng nói của mình.

Philip luôn trong tình trạng sức khỏe bấp bênh, dù các bác sĩ chẳng tìm ra khiếm khuyết cụ thể nào trên thân hình yếu ớt, lênh khênh của ông. Ở tuổi ba mươi tám, sự mệt mỏi triền miên khiến nhiều người tưởng ông già hơn cả anh trai mình.

"Anh nên học cách tận hưởng cuộc sống," Philip nói. "Nếu không, anh sẽ trở nên tê nhạt và hẹp hòi. Anh nên bước ra khỏi cái vỏ bọc nhỏ bé của mình và nhìn ra thế giới. Đừng để cuộc sống trôi qua như thế."

Kìm nén cơn giận, Rearden tự nhủ đây chỉ là sự khiêu khích của Philip. Ông nhắc nhở bản thân rằng sẽ bất công nếu cảm thấy oán giận: họ đều đang cố gắng thể hiện sự quan tâm — và ông ước gì họ không chọn những cách thể hiện như thế.

"Hôm nay anh có một ngày khá vui đấy, Phil," ông mỉm cười đáp lại — và tự hỏi sao Philip không hỏi xem đó là gì.

Ông ước một trong số họ sẽ hỏi ông về điều đó. Ông thấy khó tập trung. Cảnh tượng kim loại nóng chảy vẫn còn rục cháy trong tâm trí, lấp đầy ý thức, không còn chỗ cho bất cứ thứ gì khác.

"Con có thể nói lời xin lỗi, dù chỉ có mẹ biết đó là điều tốt hơn mong đợi." Đó là giọng mẹ ông; ông quay lại: bà đang nhìn ông với ánh mắt thương cảm, thể hiện sự kiên nhẫn lâu dài của một người không có khả năng tự vệ.

"Bà Beacham đã đến ăn tối," bà trách móc.

"Ai cơ?"

"Bà Beacham. Bạn của mẹ, bà Beacham."

"Thật sao?"

"Mẹ đã kể cho con về bà ấy nhiều lần rồi, nhưng con chẳng bao giờ nhớ điều gì mẹ nói cả. Bà Beacham rất muốn gặp con, nhưng bà ấy phải đi sau bữa tối, không thể đợi được—bà ấy là người rất bận rộn. Bà ấy muốn kể cho con nghe về công việc tuyệt vời chúng ta đang làm ở trường giáo xứ, về các lớp học thủ công kim loại và những chiếc tay nắm cửa bằng sắt rèn đẹp đẽ mà lũ trẻ khu ổ chuột đang tự làm."

Ông cân nhắc kỹ rồi đáp bằng giọng đều đều, "Con xin lỗi nếu con làm mẹ thất

vọng."

"Con không cần xin lỗi. Con đã có thể ở đây nếu con muốn. Nhưng con đã bao giờ nghĩ đến ai ngoài bản thân chưa? Con chẳng quan tâm đến ai trong chúng ta hay bất cứ việc gì chúng ta làm. Con nghĩ thanh toán hóa đơn là đủ rồi, phải không? Tiền bạc! Đó là tất cả những gì con biết. Và tất cả những gì con cho chúng ta là tiền. Con đã từng cho chúng ta điều gì khác chưa?"

Ông nghĩ, nếu điều này có nghĩa là bà nhớ ông, thì đó là tình cảm, và nếu đó là tình cảm, thì thật bất công khi ông phải chịu đựng cảm giác âm u, nặng nề khiến ông phải im lặng—vì giọng nói sẽ phản bội rằng cảm giác đó là ghê tởm.

"Con chẳng quan tâm gì cả," giọng bà nửa lạc đi, nửa van xin. "Hôm nay Lillian cần con cho một việc rất quan trọng, nhưng mẹ đã bảo nó rằng nói chuyện với con cũng vô ích."

"Ôi, mẹ ơi, không sao đâu!" Lillian nói. "Không phải với Henry."

Ông quay sang vợ. Ông đứng giữa phòng, vẫn còn nguyên áo khoác, như thể đang mắc kẹt trong một thực tại không thể nào chấp nhận được.

"Không có gì quan trọng đâu," Lillian vui vẻ nói; ông không thể biết giọng bà ấy là hối lỗi hay khoe khoang. "Đây không phải chuyện kinh doanh. Hoàn toàn phi thương mại."

"Là chuyện gì?"

"Em chỉ định tổ chức một bữa tiệc thôi."

"Một bữa tiệc?"

"Ôi, đừng lo, không phải tối mai đâu. Em biết anh đang rất bận, nhưng đó là ba tháng nữa và em muốn nó thật lớn, thật đặc biệt. Vậy anh có hứa sẽ ở đây vào đêm đó,

không phải ở Minnesota hay Colorado hay California không?"

Bà nhìn ông với vẻ kỳ lạ, giọng nói nhỏ nhẹ nhưng kiên quyết, nụ cười toát lên vẻ ngây thơ và ẩn chứa điều gì đó như một con át chủ bài.

"Ba tháng nữa ư?" ông nói. "Nhưng em biết anh không thể đoán trước có việc khẩn cấp nào sẽ kéo anh ra khỏi thành phố."

"Ồ, em biết! Nhưng em không thể hẹn trước với anh một cuộc hẹn chính thức như với các giám đốc điều hành đường sắt, nhà sản xuất ô tô hay đồ bỏ đi — à, ý em là đại lý phế liệu? Họ nói anh chưa bao giờ bỏ lỡ cuộc hẹn nào cả. Dĩ nhiên, em sẽ để anh chọn ngày thuận tiện nhất." Bà ngược nhìn ông, ánh mắt chứa đựng nét quyến rũ nữ tính đặc biệt khi nhìn từ dưới vầng trán lên chiều cao của ông. Bà hỏi, giọng có vẻ hồ hởi nhưng đầy toan tính: "Em đang nghĩ đến ngày 10 tháng 12, nhưng anh thích ngày mừng chín hay mười một hơn?"

"Với anh thì ngày nào cũng được."

Bà nhẹ nhàng nói: "Ngày 10 tháng 12 là ngày kỷ niệm cưới của chúng ta, Henry."

Mọi người đều đang quan sát khuôn mặt ông. Nếu họ mong đợi một cái nhìn tội lỗi, thì thay vào đó, họ chỉ thấy một nụ cười thích thú nhạt nhòa. Ông nghĩ, bà không thể coi đây là một cái bẫy, vì ông có thể thoát ra dễ dàng bằng cách từ chối nhận lỗi về sự đãng trí và bỏ mặc bà. Bà biết rằng tình cảm của ông dành cho bà là vũ khí duy nhất. Ông nghĩ động cơ của bà chỉ là một nỗ lực gián tiếp đầy kiêu hãnh để thử lòng ông và để thú nhận tình cảm của chính bà. Bữa tiệc không phải cách ông muốn ăn mừng, mà là của bà. Nó chẳng có ý nghĩa gì với ông, nhưng với bà, đó là cách tôn vinh tốt nhất bà có thể dành cho ông và cuộc hôn nhân của họ. Ông nghĩ mình phải tôn trọng ý định của bà, dù không chia sẻ quan điểm, dù không biết liệu mình còn quan tâm đến sự tôn vinh nào từ bà nữa hay không. Ông nghĩ mình phải để bà thắng, bởi bà đã phụ lòng thương xót của ông.

Ông mỉm cười, một nụ cười cởi mở, không để lộ sự công nhận chiến thắng của bà. "Được rồi, Lillian," ông nói khẽ, "Anh hứa sẽ ở đây vào tối ngày 10 tháng 12."

"Cảm ơn anh yêu." Nụ cười của bà ẩn chứa điều gì đó khép kín, bí ẩn. Ông tự hỏi tại sao mình lại có cảm giác thoáng qua rằng thái độ của ông đã khiến tất cả họ thất vọng.

Ông nghĩ nếu bà tin tưởng mình, nếu tình cảm của bà còn đó, thì ông phải xứng đáng với niềm tin ấy. Ông cần nói ra điều đó - ngôn từ như một ống kính tập trung tâm trí, và tối nay ông không thể nghĩ đến điều gì khác. "Xin lỗi vì đến muộn, Lillian, nhưng hôm nay tại nhà máy, chúng tôi đã có mẻ nấu đầu tiên của Thép Rearden."

Một khoảnh khắc im lặng. Rồi Philip nói: "Chà, tuyệt thật."

Những người khác không nói gì.

Ông đút tay vào túi. Khi chạm vào chiếc vòng, mọi thứ khác như tan biến; ông cảm thấy như kim loại lỏng đang chảy trong không gian trước mắt.

"Anh có quà cho em, Lillian."

Ông không nhận ra mình đang đứng thẳng người, cử chỉ như một hiệp sĩ thập tự chinh trở về dâng chiến lợi phẩm cho người yêu, khi thả sợi kim loại nhỏ vào lòng bàn tay bà.

Lillian Rearden cầm nó lên, móc vào hai đầu ngón tay và đưa lên ánh đèn. Chiếc vòng có kết cấu vững chắc, được chế tác thô mộc, kim loại sáng bóng mang một sắc thái kỳ lạ màu xanh lục.

"Đây là cái gì vậy?" bà hỏi.

"Món đầu tiên được tạo ra từ mẻ nấu đầu tiên của Thép Rearden."

"Ý anh là," bà nói, "nó cũng giống như một đoạn đường ray xe lửa sao?"

Ông ngơ ngác nhìn bà.



Bà lắc lắc chiếc vòng, làm nó lấp lánh dưới ánh đèn. "Henry, thật tuyệt vời! Thật độc đáo! Em cảm thấy như đang ở New York vậy, đeo trang sức làm từ những thứ như dầm cầu, động cơ xe tải, bếp lò, máy đánh chữ, và — hôm trước anh còn nói gì nữa nhỉ, anh yêu? — à, ấm đun nước?"

"Chúa ơi, Henry, anh thật tự phụ!" Philip nói.

Lillian cười. "Anh ấy là một người đa cảm. Tất cả đàn ông đều vậy. Nhưng anh yêu, em rất cảm kích. Em biết đó không chỉ là một món quà, nó còn mang ý nghĩa đặc biệt."

"Ý nghĩa là sự ích kỷ, nếu con hỏi mẹ," mẹ của Rearden nói. "Một người đàn ông khác sẽ tặng vợ một chiếc vòng kim cương, vì anh ta nghĩ đến niềm vui của vợ, không phải của riêng mình. Nhưng Henry nghĩ rằng chỉ vì đã làm ra một loại thép mới, nó phải quý hơn kim cương đối với tất cả mọi người, chỉ vì chính nó làm ra. Nó đã sống như vậy từ năm tuổi — một thằng bé tự phụ nhất mà ai cũng thấy — và tôi biết nó sẽ lớn lên thành người ích kỷ nhất trên đời."

"Không, anh ấy thật ngọt ngào," Lillian nói. "Thật quyến rũ." Bà đánh rơi chiếc vòng xuống bàn. Bà đứng dậy, đặt tay lên vai Rearden và kiễng chân lên, hôn lên má ông và nói: "Cảm ơn anh."

Ông không cử động, không cúi đầu xuống.

Một lúc sau, ông quay lại, cởi áo khoác và ngồi bên đống lửa, tách biệt với những người khác. Ông chỉ cảm thấy một sự mệt mỏi vô hạn.

Ông không nghe họ nói chuyện. Ông chỉ mơ hồ nghe thấy Lillian đang tranh cãi, bênh vực mình trước mẹ ông.

"Mẹ hiểu nó hơn con đấy," mẹ ông nói. "Hank Rearden không quan tâm đến ai hay cái gì, trừ khi nó liên quan đến bản thân và công việc. Chỉ có thế thôi. Mẹ đã cố hết sức dạy nó khiêm tốn, mẹ đã cố cả đời, nhưng mẹ đã thất bại."

Ông đã cho mẹ đầy đủ phương tiện để sống ở bất cứ đâu bà muốn; ông tự hỏi tại sao bà lại khăng khăng muốn sống với ông. Ông nghĩ, có lẽ thành công của ông có ý nghĩa nào đó với bà, và nếu vậy, đó là mối liên kết duy nhất giữa họ mà ông nhận ra; nếu bà muốn có chỗ trong ngôi nhà của đứa con trai thành đạt, ông sẽ không từ

chối mẹ mình điều đó.

Philip nói: "Đừng hy vọng biến Henry thành thánh nhân, thưa Mẹ. Anh ấy chẳng có ý định trở thành người bình thường."

"Ồ không, Philip, em sai rồi!" Lillian nói. "Em đã sai! Henry có đủ phẩm chất của một vị thánh. Đó mới là vấn đề."

Họ tìm kiếm gì ở ông? Họ theo đuổi điều gì? Ông chưa từng đòi hỏi gì ở họ; chính họ muốn giữ ông, họ ép buộc ông — và yêu cầu đó mang hình thức tình cảm, nhưng là loại tình cảm mà ông thấy khó chịu hơn cả sự thù hận. Ông khinh thường thứ tình cảm vô cớ đó, như ông khinh của cải từ trên trời rơi xuống. Họ tuyên bố yêu ông vì lý do không rõ ràng và phớt lờ mọi điều có thể khiến ông muốn được yêu thương. Ông tự hỏi họ mong đợi nhận được gì từ ông theo cách như vậy — nếu phản ứng của ông là điều họ muốn. Và điều đó đã xảy ra, ông nghĩ; nhưng tại sao lại là những lời than phiền không ngừng, những cáo buộc liên miên về sự thờ ơ của ông? Tại sao có bầu không khí nghi ngờ triền miên đó, như thể họ luôn chờ đợi bị tổn thương? Ông chưa bao giờ muốn làm tổn thương họ, nhưng ông luôn cảm thấy họ phòng thủ và trách móc; họ dường như bị tổn thương bởi mọi điều ông nói, không phải vì lời nói hay hành động của ông, mà gần như... gần như họ bị tổn thương bởi chính con người ông. Đừng tưởng tượng về những điều phi lý — ông tự nhắc nhở một cách nghiêm khắc, cố gắng đối mặt với câu hỏi khắc nghiệt nhất về ý thức công bằng của mình. Ông không thể kết tội họ khi chưa hiểu; và ông không thể hiểu được.

Mình có thích họ không? Không, ông nghĩ; ông đã muốn thích họ, nhưng không giống nhau. Ông muốn điều đó vì một tiềm năng nào đó mà ông từng hy vọng thấy ở mọi người. Giờ đây ông không cảm thấy gì với họ ngoài sự thờ ơ lạnh lùng, thậm chí không có cả tiếc nuối. Mình có cần ai đó trong cuộc đời không? Mình có nhớ cảm giác mình từng muốn không? Không, ông nghĩ. Mình đã từng nhớ nó chưa? Có, ông nghĩ, hồi còn trẻ; nhưng giờ không còn nữa.

Cảm giác kiệt sức của ông ngày càng tăng; ông nhận ra đó chính là sự nhàm chán.

Ông nghĩ mình nợ họ sự lịch thiệp của việc che giấu điều đó — và ngồi bất động, chiến đấu với cơn buồn ngủ đang biến thành nỗi đau thể xác.

Đôi mắt ông đang nhắm nghiền thì cảm thấy hai ngón tay mềm và ẩm chạm vào tay mình: Paul Larkin đã kéo ghế lại gần và đang nghiêng người nói chuyện riêng.

"Tôi không quan tâm ngành công nghiệp nói gì, Hank ạ, anh đã làm ra một sản phẩm tuyệt vời với Thép Rearden, thực sự tuyệt vời. Nó sẽ kiếm được nhiều tiền, giống mọi thứ anh chạm vào."

"Đúng vậy," Rearden nói, "sẽ như thế."

"Tôi... tôi chỉ hy vọng anh không gặp rắc rối."

"Rắc rối gì?"

"Ồ, tôi không biết... tình hình ngày nay... có những người... nhưng biết được đâu... chuyện gì cũng có thể xảy ra..."

"Rắc rối gì?"

Larkin ngồi khom người, ngược đôi mắt dịu dàng cầu xin. Dáng người thấp bé, đầy đặn của ông ta dường như luôn thiếu sự bảo vệ và chưa hoàn thiện, như thể cần một lớp vỏ để co mình lại khi chạm vào điều gì đó. Đôi mắt đắm chiêu và nụ cười lạc lõng, bất lực nhưng hấp dẫn của ông ta như thay thế cho lớp vỏ đó. Nụ cười ấy đang giải giáp, giống nụ cười của một cậu bé ném mình vào lòng thương xót của một vũ trụ không thể hiểu nổi. Ông ta đã năm mươi ba tuổi.

"Quan hệ công chúng của anh không tốt lắm, Hank," ông ta nói. "Báo chí luôn nói những điều tồi tệ về anh."

"Thì sao?"

"Anh không được lòng người, Hank."

"Tôi chưa từng nhận được lời phàn nàn nào từ khách hàng."

"Không phải vậy. Anh nên thuê một đại diện báo chí giỏi để viết về thép của anh cho công chúng."

"Để làm gì? Tôi bán thép mà."

"Nhưng anh không muốn công chúng chống lại mình. Dư luận, anh biết đấy — nó quan trọng lắm."

"Tôi không nghĩ công chúng chống lại tôi. Và tôi không nghĩ nó quan trọng, dù thế nào đi nữa."

"Các tờ báo đang chống lại anh."

"Họ có thời gian để lãng phí. Còn tôi thì không."

"Tôi không thích thế, Hank. Không hay đâu."

"Cái gì?"

"Những gì họ viết về anh."

"Họ viết gì?"

"Anh biết mà. Toàn chuyện khó nghe. Rằng anh tàn nhẫn. Rằng anh không cho ai có tiếng nói trong việc điều hành nhà máy. Rằng mục tiêu duy nhất của anh là luyện thép và kiếm tiền."

"Đúng là mục tiêu duy nhất của tôi."

"Nhưng anh không nên nói thế."

"Tại sao không? Tôi phải nói gì?"

"Ồ, tôi không biết... Nhưng các nhà máy của anh—"

"Chúng là nhà máy của tôi, đúng không?"

"Phải, nhưng — nhưng anh không nên nhắc người ta về điều đó nhiều quá... Anh phải biết thời buổi bây giờ thế nào... Họ cho rằng thái độ của anh là phản xã hội."

"Tôi không quan tâm họ nghĩ gì."

Paul Larkin thở dài.

"Có chuyện gì vậy, Paul? Anh định lái xe đi đâu à?"

"Không có gì... không có gì đặc biệt. Chỉ là người ta không bao giờ biết điều gì có thể xảy ra trong những lúc như thế này... Phải cẩn thận thôi..."

Rearden cười khẽ. "Anh đang lo lắng cho tôi đấy à?"

"Tôi là bạn của anh, Hank. Là bạn thân của anh. Anh biết tôi ngưỡng mộ anh đến nhường nào."

Paul Larkin chưa bao giờ gặp may mắn. Không có việc gì ông ta làm thành công, cũng chẳng có gì thất bại hoàn toàn. Là một doanh nhân, nhưng ông không thể bám trụ lâu trong bất kỳ ngành kinh doanh nào. Hiện tại, ông đang vật lộn với một nhà máy sản xuất thiết bị khai thác nhỏ.

Ông ta đã ở bên Rearden nhiều năm, với một sự ngưỡng mộ gần như sợ hãi. Ông ta tìm đến xin lời khuyên, thỉnh thoảng vay tiền, nhưng không nhiều; các khoản vay đều nhỏ và luôn được hoàn trả, dù không phải lúc nào cũng đúng hạn. Động cơ của ông trong mối quan hệ này giống như một người thiếu máu cần được tiếp sức sống chỉ bằng cách ngắm nhìn một nguồn sinh lực dồi dào.

Nhìn những nỗ lực của Larkin, Rearden cảm thấy như đang theo dõi một con kiến vật lộn dưới đầu que diêm. Điều đó quá khó với ông ấy, Rearden nghĩ, nhưng lại quá

dễ với mình. Vì vậy, ông kiên nhẫn đưa ra lời khuyên và sự quan tâm khéo léo khi có thể.

"Tôi là bạn của anh, Hank."

Rearden nhìn ông ta dò hỏi.

Larkin liếc sang chỗ khác, như thể đang cân nhắc điều gì. Một lúc sau, ông ta thận trọng hỏi: "Người của anh ở Washington thế nào rồi?"

"Ổn, tôi nghĩ vậy."

"Anh nên chắc chắn về điều đó. Nó rất quan trọng." Ông ta nhìn Rearden và nhấn mạnh với vẻ căng thẳng, như đang thực hiện một nghĩa vụ đạo đức đau đớn: "Hank, điều đó thật sự rất quan trọng."

"Tôi cho là vậy."

"Thật ra, đó là điều tôi đến đây để nói với anh."

"Có lý do đặc biệt nào không?"

Larkin cân nhắc và quyết định rằng nhiệm vụ đã hoàn thành. "Không," ông ta nói.

Rearden không thích chủ đề này. Ông biết mình cần có người bảo vệ trước cơ quan lập pháp; mọi nhà công nghiệp đều phải thuê những người như vậy. Nhưng ông chưa bao giờ quan tâm nhiều đến khía cạnh này trong kinh doanh; ông không thể thuyết phục bản thân rằng điều đó cần thiết. Một sự khó chịu không thể giải thích, nửa bực bội nửa chán nản, luôn ngăn ông mỗi khi cố gắng xem xét vấn đề này.

"Vấn đề là, Paul," ông nghĩ rồi nói, "những người mà ta phải chọn cho công việc đó toàn là một lũ tồi tệ."

Larkin nhìn đi chỗ khác. "Đó là cuộc sống," ông ta nói.

"Chết tiệt, tôi chẳng hiểu tại sao. Anh có thể giải thích không? Ngoài kia đang xảy ra chuyện gì vậy?"

Larkin buồn bã nhún vai. "Sao anh lại hỏi những câu vô ích thế? Đại dương sâu bao nhiêu? Bầu trời cao bao nhiêu? Ai là John Galt?"

Rearden ngồi thẳng dậy. "Không," ông nói dứt khoát. "Không. Không có lý do gì để cảm thấy như vậy."

Ông đứng dậy. Con mệt mỏi tan biến ngay khi ông nhắc đến công việc kinh doanh. Một cảm giác mãnh liệt trỗi dậy trong lòng - nhu cầu phải chinh phục và thách thức để khẳng định lại quan điểm sống của mình, cảm giác mà ông đã có khi đi bộ về nhà tối nay nhưng giờ đây dường như đang bị đe dọa một cách mơ hồ.

Ông đi đi lại lại trong phòng, sức sống đã trở lại. Ông nhìn gia đình mình. Họ trông bối rối, như những đứa trẻ bất hạnh - ông nghĩ - tất cả bọn họ, kể cả mẹ ông. Thật ngu ngốc khi ông oán trách sự yếu kém của họ; đó là do bất lực, không phải ác ý. Chính ông phải học cách thấu hiểu họ, bởi ông có quá nhiều thứ để cho đi, và họ không bao giờ có thể chia sẻ niềm vui sướng hay sức mạnh vô biên của ông.

Ông liếc nhìn họ từ phía bên kia phòng. Mẹ ông và Philip đang tham gia một cuộc thảo luận sôi nổi, nhưng ông nhận ra họ không thực sự hăng hái mà đầy lo lắng. Philip ngồi trên chiếc ghế thấp, khom người về phía trước, vai trĩu xuống, như thể cố ý chọn tư thế khổ sở này để trừng phạt những người nhìn thấy.

"Có chuyện gì vậy, Phil?" Rearden hỏi, tiến lại gần. "Em xem như đã xong việc."

"Em vừa trải qua một ngày khó khăn," Philip nói với vẻ ủ rũ.

"Con không phải người duy nhất làm việc vất vả," mẹ ông nói. "Người khác cũng có khó khăn riêng — dù không phải là những vấn đề hàng tỷ đô la, xuyên lục địa như của con."

"Thế thì tốt. Con luôn nghĩ Phil nên tìm một điều gì đó để theo đuổi."

"Tốt ư? Ý con là con thích nhìn em trai mình vất vả vì sinh kế? Điều đó làm con thỏa mãn, phải không? Mẹ luôn nghĩ vậy."

"Không, thưa mẹ. Con chỉ muốn giúp đỡ."

"Con không cần phải giúp. Con không cần phải cảm thấy có nghĩa vụ giúp bất kỳ ai trong chúng ta."

Rearden chưa bao giờ biết rõ em trai mình đang làm gì hay muốn làm gì. Ông đã cho Philip học đại học, nhưng cậu không thể định hình được bất kỳ tham vọng nào. Theo quan điểm của Rearden, có điều gì đó không ổn với một người đàn ông không tìm kiếm công việc hữu ích, nhưng ông không muốn áp đặt tiêu chuẩn của mình lên Philip. Ông đủ khả năng chu cấp cho em trai mà không cảm thấy lãng phí. Cứ để em ấy thoải mái, Rearden đã nghĩ suốt nhiều năm qua, để em ấy có cơ hội chọn lựa sự nghiệp mà không phải lo về miếng cơm manh áo.

"Hôm nay em làm gì, Phil?" ông kiên nhẫn hỏi.

"Chắc anh chẳng quan tâm đâu."

"Anh thực sự muốn biết. Đó là lý do anh hỏi."

"Em phải gặp hai mươi người khác nhau khắp nơi, từ đây đến Redding rồi Wilmington."

"Để làm gì?"

"Em đang cố gắng gây quỹ cho Những người bạn của Tiến bộ Toàn cầu."

Rearden chưa bao giờ theo dõi hết được các tổ chức mà Philip tham gia, cũng như không nắm rõ hoạt động của họ. Ông chỉ nghe Philip nhắc đến việc này một cách mơ hồ trong sáu tháng qua. Dường như đó là một tổ chức tổ chức các buổi thuyết

giảng miễn phí về tâm lý học, âm nhạc dân gian và hợp tác nông nghiệp. Rearden thấy khinh thường những nhóm như vậy và chẳng thấy cần tìm hiểu kỹ hơn về bản chất của chúng.

Ông vẫn im lặng. Philip nói thêm mà không cần nhắc nhở, "Bọn em cần mười nghìn đô la cho một chương trình quan trọng, nhưng việc quyên góp tiền quả là một nhiệm vụ tử đạo. Không còn chút lương tâm xã hội nào trong con người nữa. Khi em nhìn thấy những chiếc ví căng phồng hôm nay — họ chi tiêu nhiều hơn thế cho bất kỳ thú vui nào, vậy mà em không thể vắt nổi một trăm đô la từ họ, dù đó là tất cả những gì em xin. Họ không có chút ý thức đạo đức nào cả, không... Anh đang cười gì vậy?" ông ta hỏi gay gắt. Rearden đứng trước mặt ông ta, cười toe toét.

Rearden nghĩ, thật trẻ con và trắng trợn làm sao, một sự thô thiển bất lực: vừa gợi ý vừa xúc phạm trong cùng một lời. Ông có thể dễ dàng nghiền nát Philip bằng cách đáp trả — bằng một lời đáp trả chí mạng vì nó là sự thật — đến nỗi ông không thể thốt nên lời. Chắc chắn, ông nghĩ, kẻ đáng thương này biết ông đang thương xót, biết ông sẵn sàng chịu tổn thương, nên ông không cần phải làm thế, và việc không làm thế chính là câu trả lời đúng đắn nhất của ông. Ông đã sống trong nỗi khổ sở nào mà để bản thân phải chịu đựng như vậy?

Và rồi Rearden chợt nghĩ rằng mình có thể một lần nữa xoa dịu nỗi khổ triền miên của Philip, mang đến cho em trai một niềm vui bất ngờ, sự thỏa mãn đột ngột của một ước muốn tưởng chừng vô vọng. Ông nghĩ: Ham muốn của nó là gì có quan trọng không? — đó là của nó, như Thép Rearden là của mình — điều đó có ý nghĩa với nó — hãy để nó được hạnh phúc một lần, có thể nó sẽ học được điều gì đó — chẳng phải mình đã nói hạnh phúc là nguồn gốc của sự thanh khiết sao? — mình đang ăn mừng tối nay, hãy để nó cùng chia sẻ — với nó thì nhiều nhưng với mình thì quá ít.

"Philip," ông mỉm cười nói, "ngày mai hãy gọi cho cô Ives tại văn phòng của anh. Cô ấy sẽ chuẩn bị một tấm séc mười nghìn đô la cho em."

Philip ngậy người nhìn ông; không phải vì sốc hay vui mừng; chỉ là một cái nhìn trống rỗng từ đôi mắt như thủy tinh.

"Ồ," Philip nói, rồi thêm, "Bọn em sẽ đánh giá cao điều đó." Không có chút cảm xúc nào trong giọng nói, thậm chí không có cả sự tham lam đơn thuần.

Rearden không hiểu nổi cảm giác của chính mình: như thể có điều gì đó vừa nặng nề vừa rỗng không đang sụp đổ trong ông. Ông biết đó là sự thất vọng, nhưng tự hỏi tại sao nó lại xám xịt và xấu xí đến thế.

"Anh thật tốt, Henry," Philip nói khô khan. "Em ngạc nhiên đấy. Em không ngờ anh lại làm thế."

"Em không hiểu sao à, Phil?" Lillian nói, giọng rõ ràng và lè nhè. "Hôm nay Henry đã đổ mẻ kim loại của anh ấy." Cô quay sang Rearden. "Chúng ta sẽ tuyên bố đây là một ngày trọng đại được chứ, anh yêu?"

"Con là người tốt, Henry," mẹ ông nói và thêm, "nhưng thường thì chưa đủ."

Rearden đứng nhìn Philip, như thể đang chờ đợi.

Philip nhìn sang chỗ khác, rồi ngược mắt lên nhìn Rearden, như thể đang xem xét kỹ lưỡng chính mình.

"Anh không thực sự quan tâm đến việc giúp đỡ những người kém may mắn, phải không?" Philip hỏi — và Rearden nghe thấy, không thể tin nổi, giọng em trai đầy trách móc.

"Không, Phil, anh không quan tâm đến điều đó chút nào. Anh chỉ muốn em được hạnh phúc."

"Nhưng số tiền đó không phải dành cho em. Em không nhận nó vì bất kỳ động cơ cá nhân nào. Em không có lợi ích ích kỷ trong chuyện này." Giọng ông ta lạnh lùng,

mang theo một tia tự hào.

Rearden quay đi. Ông đột nhiên cảm thấy ghê tởm: không phải vì những lời nói đó là đạo đức giả, mà bởi vì chúng là sự thật; Philip thực sự tin vào điều đó.

"Nhân tiện, Henry," Philip nói thêm, "anh có phiền không nếu em yêu cầu cô Ives đưa cho em bằng tiền mặt?" Rearden quay lại nhìn ông, bối rối. "Anh thấy đấy, Những người bạn của Tiến bộ Toàn cầu là một tổ chức rất tiến bộ và họ luôn cho rằng anh là đại diện cho thế lực phản động đen tối nhất trong nước. Vì vậy, sẽ khiến bọn em xấu hổ nếu tên anh xuất hiện trong danh sách những người đóng góp — ai đó có thể buộc tội bọn em nhận tiền từ Hank Rearden."

Ông muốn tát vào mặt Philip. Nhưng một sự khinh bỉ sâu sắc đến mức không thể hàn gắn đã khiến ông nhắm mắt lại thay vì làm vậy.

"Được rồi," ông nói khẽ, "em có thể nhận bằng tiền mặt."

Ông bước đến cửa sổ xa nhất của căn phòng và đứng nhìn ánh sáng rực rỡ của những nhà máy phía xa.

Ông nghe thấy giọng Larkin vang lên đầy phẫn nộ phía sau: "Chết tiệt, Hank, anh không nên đưa tiền cho cậu ta!"

Rồi giọng Lillian cất lên, lạnh lùng và gay gắt: "Anh sai rồi, Paul, anh sai rồi! Sự phù phiếm của Henry sẽ ra sao nếu anh ấy không bắt chúng ta phải nhận bố thí? Sức mạnh của anh ấy sẽ thế nào nếu không có những kẻ yếu đuối để thống trị? Anh ấy sẽ làm gì nếu không giữ chúng ta bên cạnh như những kẻ phụ thuộc? Không sao đâu, thật đấy, tôi không chỉ trích anh ấy — đó chỉ là quy luật tự nhiên của con người."

Bà cầm chiếc vòng tay kim loại lên, để nó lấp lánh dưới ánh đèn.

"Một sợi dây xích," bà nói. "Thật phù hợp, phải không? Đó là sợi dây mà anh ấy trói buộc tất cả chúng ta."

Atlas vươn mình

Phần I: Phi mâu thuẫn

Chương III: Đỉnh cao và vực thẳm



Người dịch: Zanglink

Trần nhà của căn hầm thấp và nặng nề đến nỗi người ta phải khom lưng khi băng qua phòng, như thể trọng lượng của nó đang đè lên vai họ. Những gian hàng hình tròn bọc da màu đỏ sẫm được dựng dọc theo các bức tường đá cũ kỹ, ẩm thấp. Không có cửa sổ, chỉ có những vệt ánh sáng xanh chết chóc phát ra từ các hốc trong khối vữa—thứ ánh sáng thường dùng khi mất điện. Lối vào là những bậc thang hẹp dẫn xuống, như thể đưa người ta sâu xuống lòng đất. Đây là phòng bar đắt nhất ở New York, được xây dựng trên đỉnh một tòa nhà chọc trời.

Bốn người đàn ông ngồi quanh một bàn. Dù ở tầng sáu mươi trên cao, họ không nói to như người ta thường nói khi ở trên cao với không khí và không gian thoáng đãng; họ giữ giọng trầm, phù hợp với bầu không khí của một căn hầm.

"Điều kiện và hoàn cảnh, Jim," Orren Boyle nói. "Điều kiện và hoàn cảnh hoàn toàn nằm ngoài tầm kiểm soát. Chúng tôi đã lên kế hoạch sản xuất những đường ray đó, nhưng đã xảy ra những diễn biến không lường trước được, không ai có thể ngăn cản. Nếu ông cho chúng tôi một cơ hội, Jim."

"Sự mất đoàn kết," James Taggart kết luận, "dường như là nguyên nhân cơ bản của mọi vấn đề xã hội. Em gái tôi có ảnh hưởng nhất định với một số cổ đông của chúng tôi. Chiến thuật gây rối của họ không phải lúc nào cũng có thể ngăn chặn được."

"Tôi đã nói rồi, Jim. Mất đoàn kết chính là vấn đề. Tôi hoàn toàn tin rằng trong xã hội công nghiệp phức tạp của chúng ta, không doanh nghiệp nào có thể thành công nếu không chia sẻ gánh nặng với các doanh nghiệp khác."

Taggart nhấp một ngụm rồi đặt ly xuống. "Tôi ước họ sa thải người pha chế ly này," ông nói.

"Hãy xem Associated Steel chẳng hạn. Chúng tôi có nhà máy hiện đại nhất và được tổ chức tốt nhất cả nước. Đây là sự thật không thể chối cãi, bởi chúng tôi đã đoạt Giải thưởng Hiệu quả Công nghiệp của tạp chí Globe năm ngoái. Vậy nên, chúng tôi có thể khẳng định rằng mình đã cố gắng hết sức và không ai có thể đổ lỗi cho chúng

tôi. Nhưng chúng tôi bất lực trước tình trạng quặng sắt—đây là vấn đề cấp quốc gia. Chúng tôi không thể có được quặng, Jim."



Taggart im lặng. Ông ngồi với hai khuỷu tay dang rộng trên mặt bàn. Chiếc bàn nhỏ đến khó chịu, khiến ba người bạn đồng hành của ông càng thêm bất an, nhưng họ dường như không dám phản đối đặc quyền của ông.

"Không ai có thể kiếm được quặng nữa," Boyle nói. "Ông biết đấy—sự cạn kiệt tài

nguyên của các mỏ, thiết bị hư hỏng, thiếu nguyên liệu, khó khăn trong vận chuyển và những điều kiện bất khả kháng khác."

"Ngành công nghiệp quặng đang sụp đổ. Nó đang kéo theo sự suy tàn của ngành thiết bị khai thác," Paul Larkin nói.

"Người ta đã chứng minh rằng mọi hoạt động kinh doanh đều phụ thuộc lẫn nhau," Orren Boyle nói. "Vì vậy, mọi người phải chia sẻ gánh nặng với nhau."

"Đúng vậy, tôi cũng nghĩ thế," Wesley Mouch nói. Nhưng chẳng ai thêm để ý đến Wesley Mouch.

"Mục đích của tôi là duy trì một nền kinh tế tự do," Orren Boyle nói. "Người ta thường nói rằng nền kinh tế tự do đang được thử thách. Nếu nó không chứng minh được giá trị xã hội và không đảm nhận trách nhiệm xã hội, người dân sẽ không ủng hộ nó. Nếu nó không phát triển vì lợi ích công cộng, nó sẽ thất bại — đừng nhầm lẫn về điều đó."

Orren Boyle xuất hiện như từ hư không cách đây năm năm và nhanh chóng có mặt trên trang bìa của mọi tạp chí tin tức quốc gia. Ông ta khởi nghiệp với một trăm nghìn đô la vốn tự có và khoản vay hai trăm triệu đô la từ chính phủ. Giờ đây, ông đứng đầu một tập đoàn lớn đã thôn tính nhiều công ty nhỏ hơn. Điều này, như ông thường nói, chứng tỏ rằng năng lực cá nhân vẫn có cơ hội thành công trên thế giới.

"Tài sản tư nhân chỉ có thể được biện minh bằng phục vụ công ích," Orren Boyle nói.

"Đúng vậy, tôi nghĩ điều đó hiển nhiên," Wesley Mouch nói.

Orren Boyle uống rượu, tạo ra tiếng ực lớn. Ông ta là người đàn ông to lớn với những cử chỉ thô bạo; mọi thứ về con người ông ta đều tràn đầy sức sống, ngoại trừ đôi mắt đen nhỏ vô hồn.

"Jim," ông ta nói, "Rearden Metal có vẻ chỉ là một trò lừa đảo khổng lồ."

"Ừ-hừm," Taggart nói.

"Tôi nghe nói chưa có chuyên gia nào đưa ra báo cáo ủng hộ về nó."

"Không, chẳng có báo cáo nào cả."

"Chúng tôi đã cải tiến đường ray thép qua nhiều thế hệ và tăng trọng lượng chúng. Giờ có đúng là những thanh ray Rearden Metal này nhẹ hơn cả loại thép rẻ tiền nhất không?"

"Đúng vậy," Taggart nói. "Nhẹ hơn."

"Thật phi lý, Jim. Điều đó không thể được. Cho đường ray chính của ông, với nhiệm vụ khẩn cấp, tốc độ cao?"

"Đúng thế."

"Nhưng như vậy ông đang tự chuốc họa vào thân."

"Là em gái tôi làm vậy."

Taggart xoay xoay chiếc ly giữa hai ngón tay. Một khoảng lặng trôi qua.

"Hội đồng Quốc gia về Công nghiệp Kim loại," Orren Boyle nói, "đã thông qua nghị quyết thành lập ủy ban nghiên cứu về Rearden Metal, vì việc sử dụng nó có thể gây nguy hiểm thực sự cho cộng đồng."

"Theo tôi, đó là quyết định khôn ngoan," Wesley Mouch nói.

"Khi tất cả đều đồng thuận," giọng Taggart bỗng gay gắt, "khi mọi người nhất trí, làm sao một người dám phản đối? Bằng chứng nào là đúng? Đó là điều tôi muốn biết — tôi nói có sai không?"

Mắt Boyle nhìn thẳng vào mặt Taggart, nhưng trong ánh sáng mờ của căn phòng, ông ta chỉ thấy một vệt nhợt nhạt hơi xanh.

"Khi nghĩ đến tài nguyên thiên nhiên trong thời buổi khan hiếm trầm trọng này," Boyle nói nhẹ nhàng, "khi nghĩ đến những nguyên liệu thô quý giá đang bị phung phí vào một thí nghiệm tư nhân vô trách nhiệm, khi nghĩ đến quặng..."

Ông ta bỏ lửng câu nói. Ông ta lại liếc nhìn Taggart. Nhưng Taggart dường như hiểu Boyle đang chờ đợi và tận hưởng sự im lặng.

"Công chúng có quyền lợi quan trọng đối với tài nguyên thiên nhiên, Jim, như quặng sắt chẳng hạn. Công chúng không thể thờ ơ trước sự lãng phí liều lĩnh, ích kỷ của một cá nhân phản xã hội. Xét cho cùng, tài sản tư nhân là tài sản được ủy thác vì lợi ích của toàn xã hội."

Taggart liếc nhìn Boyle và mỉm cười; nụ cười như ngầm báo rằng lời nói của Boyle đã là câu trả lời.

"Loại rượu họ phục vụ ở đây rất ngon. Tôi cho đó là cái giá phải trả để tránh khỏi đám đông ồn ào. Nhưng tôi ước họ hiểu rằng họ đang phục vụ các chuyên gia. Khi nắm giữ quyền chi tiêu, tôi mong nhận được đúng giá trị và niềm vui xứng đáng."

Boyle không trả lời; mặt ông ta trở nên ủ rũ. "Nghe này, Jim..." ông ta cất giọng nặng nề.

Taggart mỉm cười. "Sao vậy? Tôi đang lắng nghe đây."

"Jim, chắc ông cũng đồng ý rằng không gì nguy hại bằng độc quyền."

"Đúng," Taggart nói, "một mặt là vậy. Mặt khác, cạnh tranh không kiểm soát cũng gây tàn phá không kém."

"Đúng, rất đúng. Theo tôi, lựa chọn khôn ngoan luôn nằm ở giữa. Vì vậy, xã hội có nghĩa vụ phải kiểm chế những kẻ cực đoan, phải không?"

Taggart nói: "Đúng vậy."

"Hãy nhìn vào tình hình kinh doanh quặng sắt. Sản lượng quốc gia đang suy giảm nghiêm trọng. Điều này đe dọa sự tồn tại của cả ngành thép. Các nhà máy thép đang đóng cửa khắp nơi. Chỉ có một công ty may mắn không bị ảnh hưởng bởi tình hình chung. Sản lượng của họ dồi dào và luôn đúng hẹn. Nhưng ai hưởng lợi? Chỉ riêng chủ sở hữu. Ông thấy điều đó có công bằng không?"

"Không," Taggart nói, "không công bằng."

"Đa số chúng ta không có mỏ sắt. Làm sao có thể cạnh tranh với kẻ độc chiếm tài nguyên thiên nhiên? Có gì ngạc nhiên khi hắn luôn giao được thép, trong khi chúng ta phải vật lộn, mất khách hàng và phá sản? Có đúng vì lợi ích công cộng mà để một người phá hoại cả ngành công nghiệp không?"

"Không," Taggart nói, "không phải vậy."

"Tôi nghĩ chính sách quốc gia nên hướng đến việc cho mọi người cơ hội chia sẻ công bằng nguồn quặng sắt, nhằm bảo vệ toàn ngành công nghiệp. Ông có đồng ý không?"

"Tôi đồng ý."

Boyle thở dài. Sau đó, ông ta nói thận trọng: "Nhưng tôi e rằng ở Washington không nhiều người hiểu được chính sách xã hội tiến bộ."

Taggart chậm rãi nói: "Có đấy. Tuy không nhiều và khó tiếp cận, nhưng có. Tôi có thể nói chuyện với họ."

Boyle nhấp một ngụm rượu, như thể đã nghe được điều mình cần.

"Nói về chính sách tiến bộ, Orren," Taggart nói, "ông có thể tự hỏi liệu trong thời buổi thiếu hụt đường giao thông này, khi nhiều tuyến đường sắt phá sản và nhiều vùng không có dịch vụ, liệu có vì lợi ích công cộng khi cho phép sự trùng lặp lãng phí và cạnh tranh tàn phá giữa những kẻ mới đến ở những vùng mà các công ty lâu

đời đã có quyền ưu tiên?"

"À," Boyle vui vẻ nói, "đó là một câu hỏi thú vị cần xem xét. Tôi có thể thảo luận với vài người bạn trong Liên minh Quốc gia về Đường sắt."

"Tình bạn," Taggart nói với giọng nhàn nhạt, "quý hơn vàng." Bất ngờ, ông quay sang Larkin. "Ông nghĩ sao, Paul?"

"Sao... vâng," Larkin ngạc nhiên nói. "Phải, tất nhiên."

"Tôi đang trông cậy vào ông đấy."

"Hả?"

"Tôi tin tưởng vào mạng lưới quan hệ rộng rãi của ông."

Họ dường như đều hiểu tại sao Larkin không trả lời ngay; vai ông ta co rúm, như muốn thu mình sát bàn hơn. "Nếu tất cả cùng hướng đến một mục đích chung, sẽ không ai bị tổn thương cả!" ông ta bật thốt, giọng điệu bất ngờ đầy tuyệt vọng. Thấy Taggart đang quan sát, ông ta thêm vào, giọng van nài: "Tôi ước gì chúng ta không phải làm tổn thương bất kỳ ai."

"Đó là thái độ phản xã hội đấy," Taggart nói. "Người không dám hy sinh ai đó thì đừng nói chuyện mục đích chung."

"Nhưng tôi là sinh viên lịch sử mà," Larkin vội vã đáp. "Tôi hiểu được tính tất yếu của lịch sử."

"Tốt," Taggart nói.

"Tôi đâu thể đi ngược lại xu thế của cả thế giới, phải không?" Larkin như đang cầu xin, nhưng lời cầu xin không nhắm đến ai cụ thể. "Làm sao tôi có thể chứ?"

"Ông không thể đâu, ông Larkin," Wesley Mouch nói. "Ông và tôi không đáng bị

trách móc, nếu chúng ta..."

Larkin giật đầu né tránh; cử chỉ gần như một cơn rùng mình; ông ta không chịu nổi việc phải nhìn Mouch.

"Mexico thế nào, Orren, vui chứ?" Taggart đột ngột hỏi, giọng to và thản nhiên. Tất cả dường như đều hiểu rằng mục đích cuộc gặp đã đạt được, và những gì cần hiểu thì đã rõ.

"Tuyệt vời, Mexico thật tuyệt vời," Boyle hớn hỏ đáp. "Kích thích tư duy lắm. Tuy nhiên, đồ ăn của họ khủng khiếp. Tôi bị đau bụng. Nhưng họ đang nỗ lực để đất nước vững mạnh hơn."

"Tình hình dưới đó ra sao?"

"Khá ấn tượng, với tôi thì rất ấn tượng. Mặc dù hiện tại họ... Nhưng điều họ hướng tới là tương lai. Nhân dân Nhà nước Mexico có tương lai rực rỡ. Vài năm nữa họ sẽ vượt qua tất cả chúng ta."

"Ông có xuống thăm mỏ San Sebastián không?"

Cả bốn người trên bàn đều ngồi thẳng dậy, xích lại gần hơn; tất cả đều đã đầu tư nhiều vào cổ phiếu của mỏ San Sebastián.

Boyle im lặng một lúc, khiến giọng nói của ông ta càng thêm bất ngờ và to bất thường khi cất lên: "Ồ, dĩ nhiên rồi, đó là điều tôi muốn xem nhất."

"Thế nào?"

"Sao ạ?"

"Mọi việc thế nào?"

"Tuyệt vời, tuyệt vời. Chắc chắn họ có những mỏ đồng lớn nhất thế giới trong núi

đó!"

"Họ có vẻ bận rộn chứ?"

"Tôi chưa từng thấy nơi nào bận rộn đến thế."

"Họ bận làm gì vậy?"

"À, ông biết đấy, với cái kiểu giám đốc người bản xứ họ có ở đó, tôi chẳng hiểu được một nửa những gì ông ta nói, nhưng họ chắc chắn rất bận rộn."

"Không gặp vấn đề gì sao?"

"Vấn đề ư? Ở San Sebastián thì không. Đó là tài sản tư nhân, mảnh đất cuối cùng còn lại ở Mexico, và điều đó tạo nên sự khác biệt."

"Orren," Taggart thận trọng hỏi, "còn những tin đồn về việc họ định quốc hữu hóa mỏ San Sebastián thì sao?"

"Vu khống," Boyle giận dữ nói. "Hoàn toàn là vu khống. Tôi biết chắc chắn điều đó. Tôi đã ăn tối với Bộ trưởng Văn hóa và ăn trưa với tất cả những người còn lại."

"Cần phải có luật chống những lời đồn đại vô trách nhiệm," Taggart ủ rũ nói. "Hãy uống thêm một ly nữa đi."

Ông cúi kính vẫy tay gọi người phục vụ. Trong góc tối của căn phòng có một quầy bar nhỏ, nơi một người phục vụ rượu tóc bạc đứng im lìm như pho tượng. Khi được gọi, ông ta di chuyển với vẻ chậm chạp khinh bỉ. Công việc của ông ta là phục vụ niềm vui và thư giãn cho khách, nhưng cách ông ta phục vụ giống như một gã lang băm đang chăm sóc những căn bệnh tội lỗi.

Bốn người đàn ông ngồi im lặng chờ đồ uống. Những chiếc ly đặt trên bàn tạo nên bốn đốm sáng xanh lam mờ ảo trong bóng tối, như những tia lửa khí yếu ớt. Taggart với lấy ly và bỗng mỉm cười.

"Hãy nâng ly vì những hy sinh cần thiết của lịch sử," ông nói, mắt nhìn Larkin.

Một khoảnh khắc im lặng; nếu căn phòng sáng hơn, người ta sẽ thấy đây là cuộc đối đầu giữa hai người đàn ông. Nhưng ở đây, họ chỉ nhìn vào hốc mắt của nhau. Rồi Larkin cầm ly lên.

"Tôi mời các vị," Taggart nói khi họ uống.

Không ai tìm được chủ đề để nói, cho đến khi Boyle cất tiếng với vẻ tò mò hồ hững: "Này Jim, tôi muốn hỏi, có chuyện gì với dịch vụ đường sắt của ông trên tuyến San Sebastián vậy?"

"Sao, ý anh là gì? Có vấn đề gì à?"

"Chà, tôi không rõ, nhưng chỉ có một chuyến tàu khách mỗi ngày thì—"

"Một chuyến tàu?"

"—Đúng là một dịch vụ khá thú vị đấy, với tôi thì thế! Những toa xe đó chắc ông thừa hưởng từ ông cố, và hẳn ông ấy đã dùng chúng khá tệ. Còn đầu máy chạy than đó ông lấy từ đâu vậy?"

"Đầu máy than?"

"Đúng vậy, đầu máy than. Tôi chưa từng thấy nó ngoài đời, chỉ thấy trong ảnh thôi. Ông đào nó ra từ viện bảo tàng nào vậy? Thôi nào, đừng giả vờ không biết, cứ nói thật đi?"

"Được rồi, tất nhiên tôi biết," Taggart vội đáp. "Chỉ là... Ông tình cờ đi đúng tuần chúng tôi gặp chút rắc rối với động cơ — động cơ mới đang đặt hàng nhưng bị chậm trễ — ông biết chúng tôi đang gặp vấn đề gì với các nhà sản xuất đầu máy mà — nhưng đó chỉ là tạm thời thôi."

"Dĩ nhiên," Boyle nói. "Chậm trễ là không tránh khỏi. Tuy nhiên, đó là chuyến tàu kỳ

quắc nhất tôi từng đi. Suýt nữa thì lộn hết ruột gan."

Chỉ vài phút sau, họ nhận ra Taggart đã trở nên im lặng. Ông như đang đắm chìm trong suy nghĩ riêng. Khi ông đột ngột đứng dậy không một lời xin lỗi, những người khác cũng đứng theo, như thể đó là mệnh lệnh.

Larkin lẩm bẩm với nụ cười gượng gạo, "Thật vinh hạnh, Jim. Một buổi tối tuyệt vời. Đúng là những dự án lớn thường nảy sinh từ những cuộc nhậu với bạn bè."

"Cải cách xã hội cần thời gian," Taggart lạnh lùng đáp. "Phải kiên nhẫn và thận trọng." Lần đầu tiên, ông quay sang Wesley Mouch. "Điều tôi thích ở ông, Mouch, là ông không nói nhiều."

Wesley Mouch chính là người của Rearden ở Washington.

Ánh hoàng hôn vẫn còn vương vất trên bầu trời khi Taggart và Boyle bước xuống phố. Sự thay đổi từ căn phòng bar tối om khiến họ choáng váng - không gian kín đáo gợi cảm giác của đêm khuya hơn là chiều tà. Một tòa nhà vươn cao trên nền trời như một lưỡi gươm sắc lẹm. Xa xa, một tờ lịch đang treo.

Taggart cúi kính lần tay cài khuy áo khoác để chống lại cái lạnh. Ông không định quay lại văn phòng tối nay, nhưng không còn cách nào khác. Ông phải gặp em gái mình.

"...Một nhiệm vụ khó khăn đang chờ chúng ta, Jim," Boyle nói. "Một nhiệm vụ khó khăn, đầy rẫy nguy hiểm, phức tạp và nhiều rủi ro..."

"Tất cả còn phụ thuộc," James Taggart đáp từ tốn, "vào việc ai có thể biến nó thành hiện thực... Đó mới là điều quan trọng — ai là người làm được."

Lúc lên chín tuổi, Dagny Taggart quyết định một ngày nào đó mình sẽ điều hành Tuyến đường sắt xuyên lục địa Taggart. Cô tự nhủ điều này khi đứng một mình giữa

đường ray, nhìn hai đường thép thẳng tắp chạy về phía chân trời và gặp nhau tại một điểm. Cô cảm thấy niềm tự hào dâng trào khi nhìn con đường xẻ dọc khu rừng: nó không hề hòa lẫn với những cây cổ thụ, với những tán lá xanh rủ xuống bụi cây và những bông hoa dại đơn độc - nhưng nó hiện diện ở đó. Hai đường ray lấp lánh dưới nắng, và những thanh tà vẹt đen như những bậc thang cô phải leo lên.

Đó không phải quyết định bộc phát, mà là khoảnh khắc cô đặt tên cho điều mình đã biết từ lâu. Trong sự thấu hiểu thâm lắng, như bị ràng buộc bởi lời thề không cần nói ra, cô và Eddie Willers đã gắn bó với tuyến đường sắt từ những ký ức đầu đời.

Cô cảm thấy thờ ơ và chán ngán với thế giới xung quanh, với cả trẻ con lẫn người lớn. Cô xem đó như một tai nạn đáng tiếc phải chịu đựng - việc bị giam giữa những người tầm thường. Cô đã thoáng thấy một thế giới khác và biết nó tồn tại đâu đó, thế giới đã tạo ra tàu hỏa, cầu cống, dây điện báo và đèn tín hiệu nhấp nháy trong đêm. Cô tự nhủ mình phải đợi và lớn lên cùng thế giới đó.

Cô chưa bao giờ cố giải thích vì sao mình yêu thích đường sắt. Dù người khác nghĩ gì, cô biết đây là cảm xúc riêng của mình. Cô cũng trải nghiệm cảm giác tương tự trong lớp toán, môn học duy nhất cô yêu thích. Cô cảm thấy phấn khích khi giải quyết vấn đề, vui sướng khi đương đầu với thử thách và vượt qua một cách dễ dàng, háo hức đón nhận những bài toán khó hơn. Đồng thời, cô càng ngày càng kính trọng đối thủ của mình - một môn khoa học tinh khiết, nghiêm ngặt và sáng suốt. Khi học toán, cô nhận ra điều đơn giản và hiển nhiên: "Thật tuyệt vời khi con người đã tạo ra điều này" và "Thật tuyệt vời khi mình giỏi về nó". Đó là niềm vui của sự ngưỡng mộ và năng lực cá nhân cùng phát triển. Cảm xúc của cô với đường sắt cũng vậy: tôn thờ kỹ năng đã tạo ra nó, sự khéo léo của trí tuệ tinh tường, cùng với nụ cười thâm lắng hứa hẹn một ngày nào đó cô sẽ làm nó tốt hơn. Cô lượn lờ quanh những đường ray và depot như một học trò khiêm nhường, nhưng chính sự khiêm nhường ấy nuôi dưỡng niềm tự hào về tương lai - niềm tự hào xứng đáng có được.

"Mày tự phụ không chịu nổi," là một trong hai câu cô thường nghe trong thời thơ ấu,

dù cô chưa bao giờ khoe khoang về năng lực của mình. Câu còn lại là: "Mày thật ích kỷ." Cô hỏi điều đó nghĩa là gì, nhưng không bao giờ nhận được câu trả lời. Cô nhìn những người lớn, tự hỏi sao họ có thể nghĩ rằng cô sẽ cảm thấy tội lỗi vì những lời buộc tội mơ hồ như vậy.



Năm mười hai tuổi, cô nói với Eddie Willers rằng mình sẽ điều hành đường sắt khi lớn lên. Năm mười lăm tuổi, lần đầu tiên cô nhận ra rằng phụ nữ không được làm

việc trong ngành đường sắt và mọi người có thể phản đối. Cô suy nghĩ về điều này đến kiệt sức - rồi không bao giờ lo lắng về nó nữa.

Cô bắt đầu làm việc cho Taggart Transcontinental từ năm 16 tuổi, với sự cho phép và niềm tò mò thích thú của cha.

Ban đầu, cô làm nhân viên điều hành ca đêm tại một nhà ga nhỏ ở nông thôn. Cô làm việc đêm trong những năm đầu, song song với việc theo học một trường cao đẳng kỹ thuật. Cùng thời điểm đó, James Taggart—khi ấy 21 tuổi—cũng bắt đầu sự nghiệp đường sắt của mình tại Sở Quan hệ Công chúng.

Sự thăng tiến của Dagny trong hàng ngũ điều hành Taggart Transcontinental diễn ra nhanh chóng và tự nhiên. Cô nhận lãnh những vị trí quan trọng đơn giản vì không còn ai khác đảm nhận được. Xung quanh cô có một số ít người đàn ông tài năng, nhưng số lượng họ ngày càng thưa thớt. Những cấp trên nắm quyền lực dường như e ngại việc thực thi quyền hạn, họ chỉ biết trốn tránh quyết định. Vì thế, cô đành phải chỉ đạo mọi người—và họ làm theo. Ở mỗi bước thăng tiến, cô đã thực hiện công việc từ lâu trước khi được trao chức danh chính thức. Như thể cô đang bước qua những căn phòng trống—không ai phản đối, nhưng cũng chẳng ai tán thành sự tiến bộ của cô.

Cha cô tỏ ra vừa ngạc nhiên vừa tự hào, dù ông không nói gì và luôn mang một ánh mắt buồn khi nhìn cô trong văn phòng. Khi cô 29 tuổi, cha cô qua đời. "Luôn phải có một người nhà Taggart điều hành đường sắt"—đó là những lời cuối cùng ông nói với cô, kèm theo một cái nhìn kỳ lạ mang đầy tính chất của lời chào tạm biệt và lòng trắc ẩn.

Cổ phần kiểm soát của Taggart Transcontinental được để lại cho James Taggart. Ở tuổi 34, anh trở thành Chủ tịch công ty đường sắt. Dagny đã đoán trước việc Hội đồng quản trị sẽ bầu anh, nhưng không hiểu được sự hăng hái của họ. Họ viện đến truyền thống—rằng chủ tịch phải là trưởng nam của gia tộc Taggart. Họ bầu James Taggart như cách họ tránh đi dưới thang—vì một nỗi sợ mơ hồ tương tự. Họ ca ngợi

"tài năng quảng bá đường sắt", "khả năng được báo chí ưu ái" và "mối quan hệ tốt ở Washington" của anh. Quả thật, anh tỏ ra rất khéo léo trong việc tranh thủ sự ủng hộ từ Cơ quan Lập pháp.

Dagny chẳng hiểu gì về "mối quan hệ ở Washington" hay hàm ý của nó. Nhưng có vẻ đó là việc cần thiết, nên cô gạt nó sang một bên, tự nhủ rằng có những công việc khó chịu nhưng không thể thiếu như việc thông cống—ai đó phải làm, và Jim dường như thích việc đó.

Cô chưa bao giờ muốn làm chủ tịch; Ban điều hành mới là mối quan tâm duy nhất của cô. Khi cô đi thị sát tuyến đường, những nhân viên đường sắt kỳ cựu—những người ghét Jim—thường nói: "Sẽ luôn có một người Taggart điều hành đường sắt" và nhìn cô như cách cha cô đã nhìn. Cô đối đầu với Jim vì tin rằng anh không đủ thông minh, có thể gây nhiều tổn hại cho công ty, và cô sẽ luôn phải sửa chữa những thiệt hại anh gây ra.

Ở tuổi 16, ngồi tại bàn điều hành và nhìn ánh đèn từ những chuyến tàu Taggart lăn bánh, cô tưởng mình đã bước vào thế giới của riêng mình. Nhưng những năm sau đó cho cô thấy điều ngược lại. Đối thủ mà cô buộc phải đương đầu chẳng đáng để chiến đấu hay đánh bại—không phải một đối thủ xứng tầm mà cô có thể tự hào khi đối đầu, mà là sự thiếu cẩn trọng—một lớp màng xám mềm nhũn, vô hình dạng, không thể chống cự bất cứ điều gì nhưng lại trở thành rào cản. Cô đứng trước câu đố về điều gì khiến việc này có thể xảy ra, nhưng không tìm được lời giải.

Trong những năm đầu, đôi khi cô thậm chí hét lên khi thoáng thấy tiềm năng của con người, những năng lực tinh khiết, cứng rắn và rạng rỡ. Cô khao khát đến đau đớn một người bạn hoặc kẻ thù có trí tuệ vượt trội hơn mình. Nhưng khao khát ấy dần phai nhạt. Cô có công việc phải làm. Cô không còn thời gian để đau đớn thường xuyên nữa.

Chính sách đầu tiên James Taggart áp dụng cho đường sắt là xây dựng Tuyến San Sebastián. Nhiều người phải chịu trách nhiệm về dự án này, nhưng với Dagny, một

cái tên được khắc ghi trên toàn bộ liên doanh—một cái tên có thể xóa nhòa tất cả những cái tên khác mỗi khi cô nhìn thấy. Nó hiện diện trên năm năm đấu tranh, trên những dặm đường ray lãng phí, qua những con số tổn thất của Taggart như một dòng máu đỏ rỉ ra từ vết thương không bao giờ lành—trên những băng ghi chép giao dịch cổ phiếu còn sót lại trên thế giới—trên làn khói trong ánh lửa đỏ rực của lò nung đồng—trên những tiêu đề gây tai tiếng—trên những trang da cổ ghi lại vinh quang qua nhiều thế kỷ—trên những tấm thiệp đính hoa trong những bình rượu của phụ nữ rải rác khắp ba châu lục.

Cái tên đó là Francisco d'Anconia.

Năm hai mươi ba tuổi, khi thừa kế tài sản, Francisco d'Anconia đã nổi danh là vua đồng của thế giới. Giờ đây, ở tuổi ba mươi sáu, anh là người giàu nhất và là tay ăn chơi nổi tiếng nhất trên trái đất. Là hậu duệ cuối cùng của một trong những gia tộc quý tộc lâu đời nhất Argentina, anh sở hữu các trang trại chăn nuôi, đồn điền cà phê và phần lớn mỏ đồng ở Chile. Anh nắm giữ một nửa số mỏ ở Nam Mỹ, trong khi các mỏ rải rác khắp nước Mỹ chỉ là phần nhỏ trong tài sản của anh.

Khi Francisco d'Anconia bất ngờ mua hàng dặm đất núi hoang ở Mexico, tin đồn rò rỉ rằng anh đã phát hiện một mỏ đồng khổng lồ. Anh không vội bán cổ phần trong liên doanh; thay vào đó, khi cổ phiếu tuột khỏi tay anh, anh chỉ chọn những người mình muốn ưu ái trong số những người nộp đơn. Tài năng tài chính của anh được coi là phi thường - chưa ai từng đánh bại anh trong bất kỳ thương vụ nào. Mỗi giao dịch anh chạm đến, mỗi bước đi anh thực hiện đều làm gia tăng khối tài sản khổng lồ của anh, dù có khó khăn đến đâu. Những người theo dõi anh sát sao nhất đều nhắm đến cơ hội từ tài năng của anh, hy vọng được chia phần tài sản mới. James Taggart, Orren Boyle và những người bạn của họ nắm giữ cổ phần lớn nhất trong dự án mà Francisco d'Anconia đặt tên là Mỏ San Sebastián.

Dagny không thể hiểu điều gì đã thúc đẩy James Taggart xây dựng nhánh đường sắt từ Texas đến vùng hoang vu San Sebastián. Dường như chính anh ta cũng không rõ

- như cánh đồng không có hàng rào chắn gió, anh ta dễ dàng bị tác động bởi mọi luồng gió, và quyết định cuối cùng dường như được đưa ra một cách ngẫu nhiên. Một số ít giám đốc của Taggart Transcontinental phản đối dự án này. Công ty cần toàn bộ nguồn lực để xây dựng lại Tuyến Rio Norte và không thể làm cả hai việc cùng lúc. Nhưng James Taggart là tân chủ tịch. Đó là năm đầu tiên anh ta nắm quyền. Và anh ta đã thắng.

Chính phủ Nhân dân Mexico tỏ ra nhiệt tình hợp tác và ký kết hợp đồng bảo đảm quyền sở hữu hai trăm năm cho tuyến đường sắt của Taggart Transcontinental - trong một quốc gia không công nhận quyền sở hữu tư nhân. Francisco d'Anconia cũng nhận được bảo đảm tương tự cho các mỏ của mình.

Dagny đã phản đối lại việc xây dựng Tuyến San Sebastián. Cô cố gắng làm mọi người lắng nghe, nhưng với vị trí trợ lý phòng điều hành, còn quá trẻ và thiếu thẩm quyền, không ai quan tâm đến ý kiến của cô.

Cô không thể hiểu động cơ của những người ủng hộ dự án này. Ngồi như một khán giả bất lực, một thành viên thiểu số trong các cuộc họp Hội đồng quản trị, cô cảm nhận một sự né tránh kỳ lạ trong không khí, trong mọi bài phát biểu, trong mọi cuộc tranh luận - như thể lý do thực sự cho quyết định của họ không bao giờ được nói ra, nhưng hiển nhiên với tất cả mọi người trừ cô.

Họ nói về tiềm năng thương mại tương lai với Mexico, về dòng hàng hóa dồi dào, về doanh thu khổng lồ được đảm bảo cho nhà vận chuyển độc quyền từ nguồn đồng vô tận. Họ viện dẫn thành tích trong quá khứ của Francisco d'Anconia làm bằng chứng. Họ không đề cập đến bất kỳ dữ liệu địa chất nào về Mỏ San Sebastián. Thông tin khan hiếm; những gì d'Anconia cung cấp đều mơ hồ; nhưng họ dường như không cần sự thật.

Họ chủ yếu nói về sự nghèo đói của người Mexico và nhu cầu cấp thiết về đường sắt. "Họ chưa bao giờ có cơ hội." "Nhiệm vụ của chúng ta là giúp đỡ một quốc gia kém may mắn phát triển. Đối với tôi, đất nước này dường như là thủ phủ của các nước

láng giềng."

Cô ngồi lắng nghe và nghĩ về những ngã rẽ mà Taggart Transcontinental đã phải từ bỏ; doanh thu của tuyến đường sắt lớn đã suy giảm nhiều năm qua. Cô nghĩ đến tình trạng sửa chữa đáng lo ngại khi họ bỏ mặc toàn bộ hệ thống. Chính sách bảo trì của họ không phải là một chính sách thực sự, mà chỉ là một trò đùa — như thể họ đang kéo căng một miếng cao su, từng chút một, rồi lại từng chút một.

"Với tôi, người Mexico là một dân tộc cần cù, nhưng bị nền kinh tế lạc hậu kìm hãm. Làm sao họ có thể công nghiệp hóa nếu không ai giúp đỡ?" "Khi xem xét đầu tư, theo tôi, ta nên ưu tiên con người hơn là những yếu tố vật chất thuần túy."

Cô nghĩ đến chiếc động cơ nằm trong mương bên Tuyến Rio Norte, hậu quả của một thanh ray bị nứt. Cô nghĩ về năm ngày giao thông tê liệt trên Tuyến Rio Norte, khi bức tường chắn sụp đổ, đổ hàng tấn đất đá lên đường ray.

"Vì con người phải nghĩ đến điều tốt cho anh em trước khi nghĩ đến bản thân, một quốc gia cũng phải đặt lợi ích các nước láng giềng lên trước lợi ích của mình."

Cô nghĩ về Ellis Wyatt, một nhân vật mới nổi đang được mọi người chú ý, bởi hoạt động của ông là giọt nước đầu tiên báo hiệu dòng hàng hóa sắp bùng nổ từ vùng Colorado đang suy tàn.

Tuyến Rio Norte đã bị bỏ mặc cho số phận, ngay khi nó sắp đạt được hiệu suất cao nhất.

"Lợi nhuận vật chất không phải là tất cả. Còn những lý tưởng phi vật chất cần cân nhắc." "Thật xấu hổ khi nghĩ rằng chúng ta có cả một mạng lưới đường sắt khổng lồ, trong khi người Mexico chỉ có một hai tuyến đường không đủ dùng." "Lý thuyết kinh tế tự cung tự cấp đã lỗi thời. Không thể để một quốc gia thịnh vượng giữa thế giới đói nghèo."

Cô nghĩ về việc xây dựng Taggart Transcontinental thuở ban đầu, từ rất lâu trước

thời của cô, đã cần mọi đường ray, cọc tiêu và đồng đô la có sẵn — dù lúc đó chẳng có bao nhiêu.

Trong cùng phiên họp, cùng bài phát biểu, họ ca ngợi hiệu quả của chính phủ Mexico, kẻ nắm quyền kiểm soát tuyệt đối. Mexico có tương lai rạng rỡ, họ nói, và sẽ trở thành đối thủ đáng gờm trong vài năm tới. "Mexico có kỷ luật," các thành viên Hội đồng quản trị nói tiếp, giọng đầy ghen tị.

James Taggart đã khéo léo ám chỉ — qua những câu nói dang dở và gợi ý mơ hồ — rằng những người bạn không tên ở Washington của ông mong muốn thấy một tuyến đường sắt được xây dựng ở Mexico, rằng tuyến đường này sẽ giúp ích cho quan hệ ngoại giao, rằng thiện chí của dư luận thế giới sẽ là phần thưởng xứng đáng cho khoản đầu tư của Taggart Transcontinental.

Họ đã bỏ phiếu xây dựng Tuyến San Sebastián với chi phí ba mươi triệu đô la.

Khi Dagny rời phòng họp và bước vào không khí trong lành, lạnh giá của phố xá, hai từ vang vọng rõ ràng, dai dẳng trong tâm trí tê cóng của cô: Cút đi... Cút đi... Cút đi.

Cô lắng nghe, kinh hoàng. Ý nghĩ rời bỏ Taggart Transcontinental vượt quá sức tưởng tượng của cô. Điều khiến cô khiếp sợ không phải ý nghĩ đó, mà là việc tự hỏi điều gì đã khiến nó nảy sinh. Cô giận dữ lắc đầu; tự nhủ rằng giờ đây Taggart Transcontinental cần cô hơn bao giờ hết.

Hai giám đốc đã từ chức; Phó chủ tịch phụ trách vận hành cũng vậy. Một người bạn của James Taggart được bổ nhiệm thay thế.

Đường ray thép được đặt trên sa mạc Mexico — trong khi các đoàn tàu trên Tuyến Rio Norte phải giảm tốc độ vì đường ray hư hỏng. Một nhà kho bê tông cốt thép với cột và gương cảm thạch mọc lên giữa lớp bụi của quảng trường không lát đá ở một làng Mexico — trong khi một đoàn xe bồn chở dầu lao xuống mái dề và đâm vào đồng rác đang cháy, vì một đoạn ray bị gãy trên Tuyến Rio Norte. Ellis Wyatt không

đội tòa án phán xét liệu vụ tai nạn có phải là thiên ý như James Taggart tuyên bố. Ông chuyển việc vận chuyển dầu sang Phoenix-Durango, một tuyến đường sắt nhỏ nhưng hoạt động hiệu quả. Một chuyến tàu tốc hành đã đưa Phoenix-Durango lên đường thành công. Từ đó, nó phát triển mạnh mẽ cùng các giếng dầu Wyatt mọc lên, cùng các nhà máy lớn trong thung lũng lân cận — đường ray chồng chéo nhau mở rộng với tốc độ hai dặm mỗi tháng, băng qua những cánh đồng ngô Mexico.

Khi Dagny ba mươi hai tuổi, cô thông báo với James Taggart về việc từ chức. Suốt ba năm làm việc tại Phòng điều hành, cô không có chức danh, tín nhiệm hay quyền hạn chính thức. Cô đã kiệt sức vì phải lãng phí từng giờ, từng ngày, từng đêm để vượt qua sự can thiệp của người bạn của Jim—người giữ chức Phó chủ tịch phụ trách chiến dịch. Người đàn ông này không có chính sách gì rõ ràng, và dù hầu hết quyết định của ông ta thực chất là của cô, ông ta chỉ đưa ra sau khi đã cố hết sức cản trở việc thực hiện chúng. Cô đưa cho anh trai một tối hậu thư. Ông ta thở dốc: "Nhưng Dagny, em chỉ là một phụ nữ! Một phụ nữ làm Phó Giám đốc Điều hành? Chưa từng có tiền lệ! Hội đồng sẽ không bao giờ chấp nhận!"

"Vậy thì em sẽ khiến họ chấp nhận," cô đáp.

Cô không biết mình sẽ làm gì với phần đời còn lại. Viễn cảnh rời khỏi Taggart Transcontinental như thể đang chờ đợi một cú cắt đứt; cô nghĩ mình sẽ để nó xảy ra, rồi sau đó tìm cách vực dậy những gì còn lại.

Cô không bao giờ hiểu được tại sao Hội đồng quản trị lại nhất trí bầu cô làm Phó giám đốc phụ trách điều hành.

Chính cô là người cuối cùng cứu vãn tuyến đường San Sebastián. Khi tiếp quản, dự án đã kéo dài ba năm với chỉ một phần ba đường ray được lắp đặt và chi phí vượt xa ngân sách. Cô sa thải những người bạn của Jim và tìm được nhà thầu hoàn thành công việc trong vòng một năm.

Tuyến San Sebastián đi vào hoạt động, nhưng không có sự gia tăng thương mại qua

biên giới hay chuyến tàu chở đồng nào. Chỉ thỉnh thoảng có vài chiếc xe tải từ San Sebastián xuống núi. Theo Francisco d'Anconia, các mỏ vẫn đang trong giai đoạn phát triển. Trong khi đó, thua lỗ ở Taggart Transcontinental vẫn tiếp diễn không ngừng.

Tối nào cô cũng ngồi tại bàn làm việc, cố tìm ra những chi nhánh nào có thể cứu vãn hệ thống và trong bao lâu.

Tuyến Rio Norte, một khi hoàn thành, sẽ bù đắp được phần thua lỗ còn lại. Nhìn vào bảng số liệu thông báo lỗ ngày càng tăng, cô không nghĩ đến sự thống khổ kéo dài, vô nghĩa của liên doanh Mexico. Thay vào đó, cô nghĩ về cuộc điện thoại: "Hank, ông có thể cứu chúng tôi không? Ông có thể cung cấp đường sắt với thông báo ngắn nhất và tín dụng nhiều nhất có thể không?" Một giọng nói trầm tĩnh, chắc chắn đáp: "Tất nhiên rồi."

Ý nghĩ đó như một điểm tựa. Cô cúi xuống những tờ giấy trên bàn, bỗng thấy dễ tập trung hơn. Ít nhất vẫn còn một thứ có thể tin cậy được khi cần.

James Taggart bước đến văn phòng Dagny, vẫn giữ vẻ tự tin có được từ cuộc gặp với những người bạn tại quán bar nửa giờ trước. Nhưng khi mở cửa, sự tự tin ấy tan biến. Ông ta băng qua phòng đến bàn cô như đứa trẻ bị lôi ra trừng phạt, áp ủ nỗi oán hận cho những năm tháng sau này.

Ông ta nhìn thấy một cái đầu đang cúi xuống những tờ giấy, ánh đèn bàn lấp lánh trên mái tóc rối, chiếc áo sơ mi trắng ôm lấy vai cô, những nếp gấp buồng thông càng làm nổi bật vóc dáng mảnh mai.

"Chuyện gì vậy, Jim?"

"Em đang tìm cách níu giữ tuyến San Sebastián làm gì?"

Cô ngẩng đầu lên. "Níu giữ? Tại sao?"

"Tại sao chúng ta phải lên lịch trình và chọn loại tàu chạy ở đó?"

Cô bật cười khô khốc, mệt mỏi. "Anh nên đọc các báo cáo gửi đến văn phòng tổng thống thỉnh thoảng đi, Jim."

"Ý em là gì?"

"Chúng ta đã chạy theo lịch trình và các chuyến tàu đó trên tuyến San Sebastián trong ba tháng qua rồi."

"Một chuyến tàu khách mỗi ngày?"

"Đúng, vào buổi sáng. Và một chuyến tàu chở hàng mỗi đêm."

"Chúa ơi! Trên một nhánh quan trọng như vậy?"

"Chi nhánh 'quan trọng' này thậm chí không đủ doanh thu để trang trải cho hai chuyến tàu đó."

"Nhưng người dân Mexico mong đợi dịch vụ thực sự từ chúng ta!"

"Em chắc họ mong đợi thế."

"Họ cần tàu!"

"Để làm gì?"

"Để... để giúp họ phát triển các ngành công nghiệp địa phương. Làm sao em mong họ phát triển nếu chúng ta không cung cấp phương tiện di chuyển?"

"Em không mong họ phát triển."

"Đó chỉ là ý kiến cá nhân của em. Em không có quyền cắt giảm lịch trình của chúng ta. Chỉ cần một tuyến vận chuyển đồng thời cũng đủ bù đắp tất cả."

"Khi nào?"

Ông nhìn cô, vẻ mặt đắc thắng như thể sắp nói điều gì đó có sức công phá. "Em không nghi ngờ sự thành công của những mỏ đồng đó sao? Khi mà chính Francisco d'Anconia đang điều hành chúng?" Ông nhấn mạnh cái tên, dò xét phản ứng của cô.

Cô đáp, "Ông ta có thể là bạn của anh, nhưng—"

"Bạn anh? Anh cứ tưởng ông ấy là bạn của em."

Cô nói đều đều, "Không phải trong mười năm qua."

"Tiếc thật, phải không? Dù sao ông ấy vẫn là một trong những nhà điều hành tài ba nhất thế giới. Chưa từng thất bại trong bất kỳ dự án kinh doanh nào — ý anh là liên doanh kinh doanh — và ông ấy đã đổ hàng triệu đô của mình vào những mỏ đó, nên chúng ta có thể tin tưởng vào phán đoán của ông ấy."

"Bao giờ anh mới nhận ra Francisco d'Anconia đã trở thành một kẻ vô tích sự?"

Ông mỉm cười. "Anh vẫn luôn nghĩ đó là bản chất của ông ấy. Nhưng em lại không đồng ý. Em thì ngược lại. Chúa ơi, thật mỉa mai! Chắc em còn nhớ những cuộc cãi vã của chúng ta về chuyện này? Anh có thể nhắc lại những gì em đã nói về ông ấy không? Anh chỉ có thể đoán về những việc em đã làm."

"Anh muốn thảo luận về Francisco d'Anconia? Đó là lý do anh đến đây?"

Mặt ông sa sầm vì thất bại — bởi cô không hề biểu lộ cảm xúc. "Em biết rõ tại sao anh đến!" ông quát. "Anh nghe được những chuyện kinh khủng về đoàn tàu của chúng ta ở Mexico."

"Chuyện gì?"

"Em đang dùng loại toa xe nào ở dưới đó?"

"Thứ tồi tệ nhất mà em có thể tìm được."

"Em thừa nhận luôn sao?"

"Em đã ghi rõ trong các báo cáo gửi cho anh."

"Có đúng là em đang dùng dầu máy đốt than không?"

"Eddie tìm được chúng trong một nhà ga bỏ hoang ở Louisiana. Anh ấy thậm chí không biết tên công ty đường sắt nào đã sở hữu chúng."

"Và đó là thứ em cho tàu Taggart chạy?"

"Đúng vậy."

"Ý đồ quái quỷ gì thế? Chuyện gì đang xảy ra vậy? Anh muốn biết chuyện gì đang diễn ra!"

Cô nhìn thẳng vào ông, giọng điềm tĩnh. "Nếu anh muốn biết, em chỉ để lại những thứ vô giá trị trên tuyến San Sebastián, càng ít càng tốt. Em đã di chuyển mọi thứ có thể — từ động cơ, thiết bị, đến cả máy đánh chữ và gương — ra khỏi Mexico."

"Tại sao phải vội vàng thế?"

"Để bọn cướp không có nhiều thứ để lấy khi chúng quốc hữu hóa tuyến đường."

Ông bật dậy. "Em sẽ không thoát được đâu! Lần này em sẽ không quên đâu! Thật không thể tin nổi... chỉ vì vài tin đồn độc địa, trong khi chúng ta có hợp đồng hai trăm năm và..."

"Jim," cô nói chậm rãi, "chúng ta không còn lấy một chiếc xe, một động cơ hay một tấn than dự trữ nào trên toàn hệ thống."

"Anh không chấp nhận! Anh hoàn toàn không chấp nhận chính sách cực đoan như vậy đối với những người bạn đang cần sự giúp đỡ của chúng ta. Tiền bạc không phải

là tất cả. Còn những giá trị tinh thần nữa, dù em không hiểu được điều đó!"

Cô kéo tập giấy về phía mình và cầm bút chì lên. "Được rồi, Jim. Anh muốn em cho chạy bao nhiêu chuyến tàu trên tuyến San Sebastián?"

"Huh?"

"Anh muốn em cắt tuyến đường nào để có được đầu máy diesel và người lái tàu cho Mexico?"

"Anh không muốn cắt tuyến nào cả!"

"Vậy em lấy thiết bị cho Mexico ở đâu?"

"Đó là việc của em. Em phải tự tìm cách."

"Em không thể làm được. Anh sẽ phải quyết định."

"Lại chiêu cũ của em rồi — đẩy trách nhiệm cho anh!"

"Em đang đợi chỉ thị của anh, Jim."

"Anh sẽ không để em bầy anh đâu!"

Cô đánh rơi cây bút chì. "Vậy thì lịch trình San Sebastián sẽ giữ nguyên."

"Đợi đến cuộc họp Hội đồng quản trị tháng sau đi. Anh sẽ yêu cầu họ quyết định dứt khoát về việc em đã vượt quá thẩm quyền của Phòng điều hành đến đâu. Em sẽ phải giải trình về việc này."

"Em sẽ giải trình."

Cô quay lại làm việc trước khi cánh cửa đóng lại sau lưng James Taggart.

Khi xong việc, cô gạt đồng hồ sang một bên và ngược lên. Bầu trời bên ngoài cửa sổ đã tối đen, và thành phố giờ là một dải ánh sáng rực rỡ trải dài không ngừng.

Cô miễn cưỡng đứng dậy. Cô thấy tức giận vì sự mệt mỏi đã khiến cô thất bại, dù chỉ là một thất bại nhỏ, nhưng cô biết mình đã đến giới hạn tối nay.

Văn phòng bên ngoài tối om và vắng lặng; nhân viên đã về hết. Chỉ còn Eddie Willers ngồi bên bàn làm việc trong phòng kính, trông như một khối sáng trong góc căn phòng rộng. Cô vẫy tay chào anh khi đi ra.

Thay vì đi thang máy xuống sảnh tòa nhà, cô đi về phía phòng chờ Nhà ga Taggart. Cô thích đi bộ qua đó trên đường về nhà.

Cô luôn cảm thấy phòng chờ như một ngôi đền. Nhìn lên trần nhà xa xa, cô thấy những vòm mái mờ ảo được đỡ bởi những cột đá granite khổng lồ, và đỉnh của những ô cửa sổ lớn lấp lánh trong bóng tối. Không gian rộng lớn mang vẻ trang nghiêm của một thánh đường, trải rộng bên trên dòng người hối hả bên dưới.

Một bức tượng của Nathaniel Taggart, người sáng lập ra tuyến đường sắt, đứng uy nghi giữa phòng chờ, dù hầu hết du khách đều lướt qua nó như một thói quen. Dagny là người duy nhất còn nhớ về nó và chưa bao giờ xem nó như điều hiển nhiên. Nhìn bức tượng mỗi khi đi qua phòng chờ là hình thức cầu nguyện duy nhất mà cô biết.

Nathaniel Taggart xuất thân là một nhà thám hiểm không xu dính túi từ một nơi nào đó ở New England và đã xây dựng một tuyến đường sắt xuyên lục địa vào thời kỳ đầu của những đường ray thép. Đường sắt của ông vẫn tồn tại; cuộc chiến xây dựng nó đã trở thành huyền thoại, bởi người ta không muốn hiểu hay tin rằng điều đó có thể xảy ra.

Ông chưa bao giờ chấp nhận niềm tin rằng người khác có quyền cản trở mình. Ông đặt ra mục tiêu và tiến thẳng về phía trước, con đường của ông thẳng tắp như những đường ray của mình. Ông không bao giờ xin vay mượn, trái phiếu, trợ cấp, đất đai hay ưu đãi pháp lý từ chính phủ. Ông lấy tiền từ những người có tiền, đi từ nhà này sang nhà khác — từ những cánh cửa gỗ gụ của các chủ ngân hàng đến những

cánh cửa ván của những trang trại hẻo lánh. Ông không bao giờ nói về lợi ích công cộng. Ông chỉ nói với mọi người rằng họ sẽ kiếm được lợi nhuận lớn từ đường sắt này, giải thích lý do tại sao ông tin vào lợi nhuận đó và đưa ra những luận cứ của mình. Những luận cứ đó đều vững chắc. Qua bao thế hệ sau đó, Taggart Transcontinental là một trong số ít tuyến đường sắt chưa từng phá sản và là tuyến duy nhất có cổ phần kiểm soát vẫn nằm trong tay con cháu của người sáng lập.

Trong cuộc đời mình, cái tên "Nat Taggart" không nổi tiếng mà khét tiếng. Người ta nhắc đến ông không phải với lòng kính trọng, mà với sự tò mò pha lẫn phần nộ. Nếu ai đó ngưỡng mộ ông, họ ngưỡng mộ như thể ngưỡng mộ một tên cướp thành danh. Tuy nhiên, không một đồng xu nào của ông có được bằng vũ lực hay gian lận - tội duy nhất của ông là kiếm được tài sản và luôn nhớ rằng đó là của riêng mình.

Nhiều câu chuyện được rỉ tai về ông. Người ta kể rằng tại vùng hoang dã Trung Tây, ông đã sát hại một nhà lập pháp tiểu bang. Người này đã cố thu hồi giấy phép đã cấp khi đường sắt của Taggart mới xây được một nửa - một âm mưu của các nhà lập pháp nhằm trục lợi từ việc bán khống cổ phiếu Taggart. Dù bị truy tố về tội giết người, cáo buộc không bao giờ được chứng minh. Từ đó, ông không còn gặp rắc rối với giới lập pháp nữa.

Nat Taggart nhiều lần đặt cược mạng sống mình cho đường sắt, nhưng có một lần, ông đánh cược còn nhiều hơn thế. Trong cơn túng quẫn khi dự án bị đình trệ vì thiếu vốn, ông đã ném một quý ông xuống ba tầng cầu thang vì người này đề nghị cho vay từ ngân quỹ nhà nước. Sau đó, ông đem vợ mình đi cầm cố để vay tiền từ một triệu phú - người vừa ghét ông vừa say đắm vẻ đẹp của vợ ông. Ông trả nợ đúng hạn mà không mất khoản cầm cố. Thỏa thuận này được thực hiện với sự đồng ý của vợ ông - một mỹ nhân xuất thân từ gia đình quyền quý nhất miền Nam, người đã bị tước quyền thừa kế vì bỏ trốn theo Nat Taggart khi ông còn là một nhà thám hiểm trẻ tuổi nghèo khó.

Đôi khi Dagny tiếc rằng Nat Taggart là tổ tiên của mình. Tình cảm cô dành cho ông

không nên là thứ tình cảm gia đình bắt buộc. Cô không muốn cảm xúc của mình là món nợ phải trả cho một người chú hay người ông nào đó. Cô không thể yêu bất cứ điều gì không do mình lựa chọn, và cô khó chịu với việc ai đó đòi hỏi tình cảm từ mình. Nhưng nếu được chọn tổ tiên, cô sẽ chọn Nat Taggart, với lòng kính trọng tự nguyện và tất cả sự biết ơn của mình.

Bức tượng Nat Taggart được tạc theo bản phác thảo duy nhất còn lưu giữ về diện mạo của ông. Dù ông sống đến tuổi già, nhưng người ta chỉ nhớ về ông qua bức phác thảo ấy - hình ảnh của một người đàn ông trẻ tuổi. Trong thời thơ ấu, bức tượng này là khái niệm đầu tiên của Dagny về sự tôn nghiêm. Khi được đưa đến nhà thờ hay trường học, nghe người ta nhắc đến từ đó, cô nghĩ mình hiểu họ muốn nói gì: cô nghĩ đến bức tượng.

Bức tượng khắc họa một thanh niên cao gầy với khuôn mặt góc cạnh. Ông ngẩng cao đầu như thể đang đối diện một thử thách và tìm thấy niềm vui trong khả năng vượt qua nó. Tất cả những gì Dagny khao khát trong đời đều chứa đựng trong khát vọng được ngẩng đầu như thế.

Tối nay, khi đi ngang qua phòng chờ, cô ngược nhìn bức tượng. Đó là giây phút thư thái; như thể một gánh nặng vô hình được nhấc khỏi vai và một làn gió nhẹ vuốt ve trán cô.

Ở góc phòng chờ, cạnh lối vào chính, có một sạp báo nhỏ. Người chủ sạp - một người đàn ông lịch thiệp, trầm lặng và có phong thái thanh tao - đã đứng sau quầy suốt hai mươi năm qua. Trước đây ông từng sở hữu một nhà máy thuốc lá nhưng đã phá sản, và giờ đây ông cam chịu sự cô độc nơi góc đứng nhỏ bé giữa dòng người xa lạ không ngừng trôi. Ông không còn gia đình hay bạn bè. Niềm vui duy nhất của ông là sở thích sưu tầm thuốc lá từ khắp nơi trên thế giới; ông biết mọi thương hiệu đã và đang tồn tại.

Dagny thường dừng lại ở quầy báo của ông ta trên đường ra ngoài. Ông ta như một phần của Nhà ga Taggart, tựa con chó canh gác già yếu không còn đủ sức bảo vệ nó,

nhưng vẫn trung thành hiện diện. Ông thích nhìn thấy cô đến, vì chỉ mình ông biết tầm quan trọng của người phụ nữ trẻ trong chiếc áo khoác thể thao và mũ nghiêng, người lướt nhanh qua đám đông.

Như thường lệ, tối nay cô dừng lại mua một gói thuốc lá. "Bộ sưu tập thế nào rồi?" cô hỏi. "Có mẫu mới nào không?"

Ông cười buồn, lắc đầu. "Không, cô Taggart. Không có nhãn hiệu mới nào được sản xuất ở bất kỳ đâu trên thế giới. Ngay cả những loại cũ cũng đang dần biến mất. Giờ chỉ còn năm sáu loại đang bán. Trước đây từng có hàng chục. Người ta không còn tạo ra thứ gì mới nữa."

"Họ sẽ tạo thêm. Đây chỉ là tạm thời thôi."

Ông liếc nhìn cô và im lặng. Sau đó ông nói, "Tôi thích thuốc lá, cô Taggart. Tôi thích nghĩ về ngọn lửa trong tay người đàn ông. Lửa—một năng lượng nguy hiểm—đã được thuần hóa trong tầm tay. Tôi thường nghĩ về những phút giây khi người đàn ông ngồi một mình, nhìn khói thuốc và suy tư. Tôi tự hỏi bao nhiêu điều tuyệt vời đã nảy sinh từ những giờ phút như vậy. Khi một người đàn ông suy nghĩ, trong tâm trí anh ta có một đốm lửa sống—và điểm cháy của điều thuốc chính là biểu tượng cho điều đó."

"Họ có còn suy nghĩ không?" cô hỏi, rồi dừng lại; câu hỏi là nỗi dẫn vật riêng của cô và cô không muốn bàn về nó.

Ông già như nhận ra sự ngập ngừng và hiểu được điều đó; nhưng ông không gọi chuyện về nó. Thay vào đó, ông nói: "Tôi không thích điều đang xảy ra với mọi người, cô Taggart."

"Sao vậy?"

"Tôi không biết. Nhưng tôi đã quan sát họ ở đây suốt hai mươi năm và tôi thấy sự thay đổi. Ngày xưa họ lướt qua đây, thật tuyệt khi nhìn ngắm—đó là sự vội vã của

những người biết mình sẽ đi đâu và háo hức đến đó. Giờ đây họ vội vã vì sợ hãi. Không phải mục đích thúc đẩy họ nữa, mà là nỗi sợ. Họ chẳng đi đến đâu cả, họ đang chạy trốn. Và tôi nghĩ họ cũng chẳng biết mình đang trốn chạy điều gì. Họ không nhìn nhau. Họ giật mình khi chạm vào nhau. Họ cười quá nhiều, nhưng là kiểu cười xấu xí: không phải niềm vui, mà là sự van xin. Tôi không hiểu điều gì đang xảy ra với thế giới." Ông nhún vai. "Ồ, vậy John Galt là ai?"

"Đó chỉ là một cụm từ vô nghĩa!"

Cô giật mình vì giọng mình quá gay gắt và nói thêm như xin lỗi, "Tôi không thích thứ tiếng lóng trống rỗng đó. Nó có nghĩa gì? Nó từ đâu ra?"

"Không ai biết," ông từ tốn đáp.

"Tại sao mọi người cứ nói vậy? Dường như chẳng ai giải thích được nó nghĩa là gì, vậy mà ai cũng dùng như thể họ hiểu ý nghĩa của nó."

"Sao nó lại khiến cô khó chịu vậy?" ông hỏi.

"Tôi không thích ý của họ khi nói ra câu đó."

"Tôi cũng vậy, cô Taggart."

Eddie Willers đang ăn tối trong nhà ăn tự phục vụ dành cho nhân viên ở Nhà ga Taggart. Mặc dù có một nhà hàng sang trọng trong tòa nhà dành cho các giám đốc điều hành Taggart, anh lại thích nhà ăn này hơn. Nó là một phần của tuyến đường sắt, và anh cảm thấy như đang ở nhà.

Nhà ăn nằm dưới lòng đất. Đó là một căn phòng rộng với những bức tường ngói trắng lấp lánh dưới ánh đèn điện, trông như một tấm gương bạc. Trần cao, các quầy thủy tinh và crom sáng bóng tạo cảm giác thoáng đãng.

Ở đây có một người công nhân đường sắt mà Eddie thỉnh thoảng gặp. Eddie thích khuôn mặt của ông ta. Từ một cuộc trò chuyện tình cờ, họ đã có thói quen ăn cùng nhau mỗi khi gặp mặt.

Eddie không nhớ mình đã từng hỏi tên hay công việc cụ thể của người công nhân; anh đoán công việc của ông ta khá vất vả, nhìn từ bộ quần áo thô ráp dính dầu mỡ. Đối với Eddie, ông ta không phải một nhân vật đặc biệt, mà chỉ là một sự hiện diện trầm lặng, người chia sẻ niềm đam mê sâu sắc với điều quan trọng nhất trong cuộc đời anh: Taggart Transcontinental.

Tối hôm đó, Eddie nhìn thấy người công nhân ngồi ở một góc vắng. Eddie mỉm cười vui vẻ, vẫy tay chào và bung khay thức ăn đến bàn.

Trong góc riêng tư ấy, Eddie thả lỏng người sau một ngày dài căng thẳng. Anh có thể nói chuyện thoải mái như chưa từng nói ở nơi nào khác, thổ lộ những điều chưa từng chia sẻ với ai, và để suy nghĩ tuôn trào khi nhìn vào đôi mắt chăm chú của người đối diện.

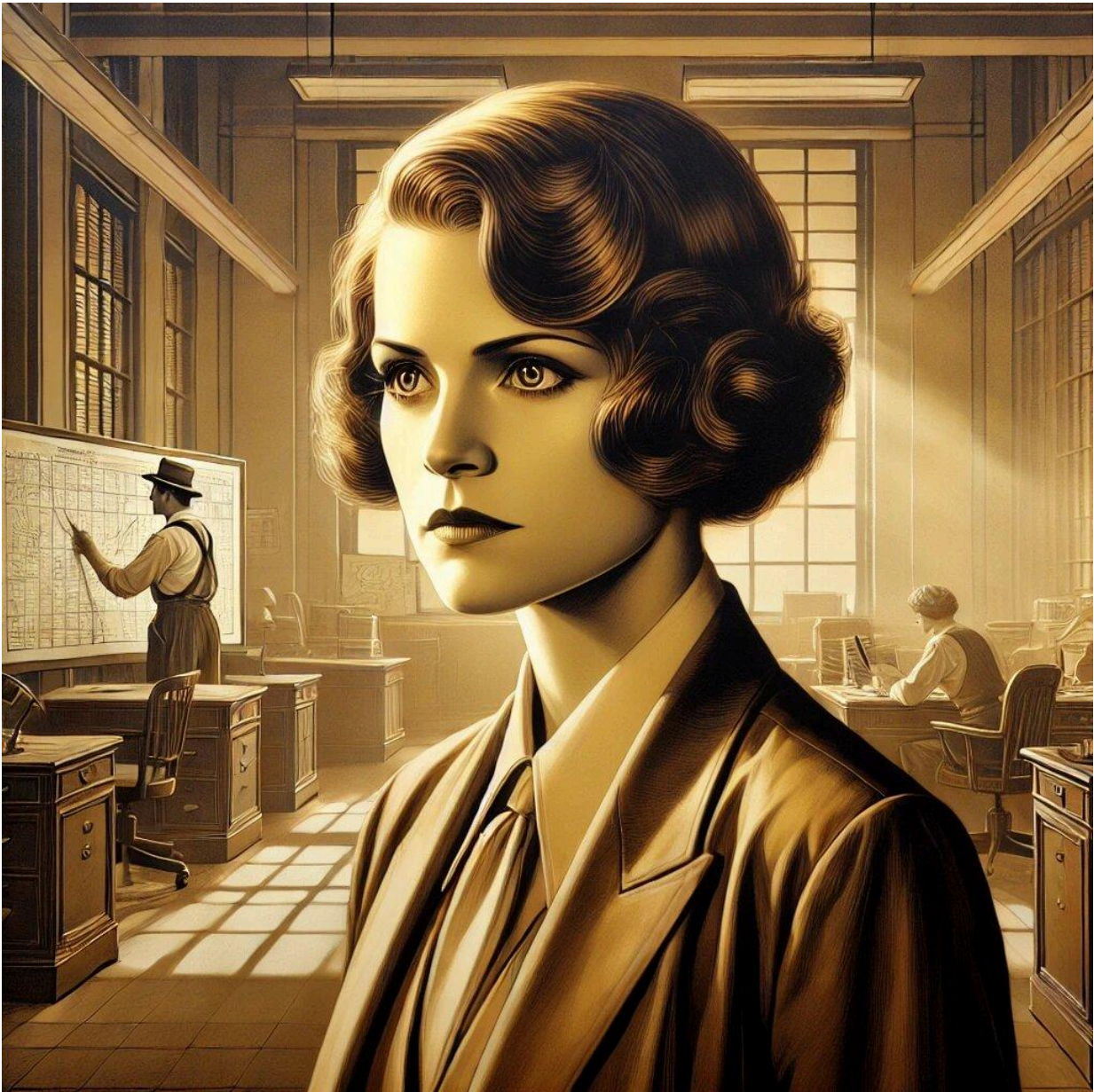
"Tuyến Rio Norte là hy vọng cuối cùng của chúng tôi," Eddie nói. "Nhưng nó sẽ cứu chúng tôi. Ít nhất chúng tôi sẽ có một chi nhánh hoạt động tốt, đó là điều cần thiết nhất và nó sẽ giúp cứu vãn phần còn lại... Nghe buồn cười nhỉ? Nói về 'hy vọng cuối cùng' cho Taggart Transcontinental. Giống như khi ai đó nói một thiên thạch sẽ hủy diệt Trái đất vậy... Tôi cũng thấy vô lý... 'Từ Đại dương đến Đại dương, mãi mãi' — đó là điều chúng tôi được nghe từ thuở nhỏ, cô ấy và tôi. Họ không nói 'mãi mãi', nhưng đó là ý nghĩa... Ông biết không, tôi không phải người phi thường. Tôi không thể xây dựng tuyến đường sắt đó. Nếu nó biến mất, tôi không thể tái tạo nó. Tôi sẽ phải ra đi cùng nó... Đừng để ý lời tôi. Tôi không biết sao lại nói những điều như vậy. Có lẽ tôi hơi mệt tối nay... Vâng, tôi làm việc muộn. Cô ấy không yêu cầu tôi ở lại, nhưng dưới khe cửa phòng cô ấy vẫn còn ánh đèn, lâu sau khi mọi người đã về... Vâng, giờ cô ấy đã về nhà... Rắc rối ư? Ồ, văn phòng lúc nào chẳng có rắc rối. Nhưng cô ấy không lo. Cô ấy biết mình có thể vượt qua... Đúng là tình hình tệ thật. Chúng tôi gặp nhiều tai

nạn hơn bao giờ hết. Tuần trước, mất thêm hai đầu máy Diesel. Một chiếc vì quá cũ, chiếc kia trong vụ va chạm trực diện... Phải, chúng tôi đã đặt động cơ diesel từ United Locomotive Works, nhưng đã đợi hai năm rồi. Không biết có bao giờ nhận được không... Chúa ơi, chúng tôi cần chúng biết bao! Sức mạnh động cơ – ông không thể tưởng tượng được tầm quan trọng của nó. Đó là cốt lõi của mọi thứ... Ông cười gì vậy?... Như tôi nói đó, tình hình tệ thật. Nhưng ít ra tuyến Rio Norte đã được quy hoạch. Chuyến hàng đầu tiên sẽ đến trong vài tuần nữa. Một năm nữa, chúng tôi sẽ chạy tàu trên đường mới. Lần này không gì có thể cản trở chúng tôi... Chắc chắn rồi, tôi biết ai sẽ đặt đường ray. McNamara, ở Cleveland. Ông ấy là nhà thầu đã hoàn thành Tuyến San Sebastián cho chúng tôi. Ít ra ông ấy là người thực sự hiểu việc. Vì thế chúng tôi yên tâm. Chúng tôi tin tưởng ông ấy. Giờ không còn nhiều nhà thầu giỏi... Chúng tôi vội vã như chạy trốn địa ngục, nhưng tôi thích thế. Tôi đến sớm hơn thường lệ một giờ, vậy mà cô ấy đã có mặt rồi. Cô ấy luôn đến trước... Gì cơ?... Tôi không biết cô ấy làm gì vào ban đêm. Chắc không nhiều... Không, cô ấy chẳng bao giờ đi chơi với ai cả. Phần lớn thời gian cô ấy ở nhà nghe nhạc. Nghe đĩa hát... Ông muốn biết đĩa gì ư? Richard Halley. Cô ấy yêu nhạc của Richard Halley. Ngoài đường sắt, đó là điều duy nhất cô ấy say mê."

Atlas vươn mình

Phần I: Phi mâu thuẫn

Chương IV: Những động lực bất biến



Người dịch: Zanglink

Động lực - Dagny nghĩ, khi nhìn lên Tòa nhà Taggart vào lúc chạng vạng - là thứ đầu tiên tòa nhà cần đến. Động lực để giữ cho tòa nhà đứng vững; chuyển động để giữ nó vững vàng. Nó không phải nằm yên như thể được đóng cọc vào đá granit; nó tồn tại nhờ những động cơ lăn bánh trên khắp lục địa.

Cô cảm thấy bồn chồn. Cô vừa trở về sau chuyến đi đến nhà máy của United Locomotive Works ở New Jersey, nơi cô đã gặp trực tiếp chủ tịch công ty. Cô chẳng thu được thông tin gì: không có lý do cho sự chậm trễ hay bất kỳ dấu hiệu nào về ngày sản xuất động cơ Diesel. Dù chủ tịch công ty đã nói chuyện với cô trong hai giờ, nhưng không câu trả lời nào của ông ta thực sự liên quan đến câu hỏi của cô. Mỗi khi cô cố gắng đưa cuộc trò chuyện vào những điểm cụ thể, thái độ của ông ta toát lên vẻ trách móc trịch thượng, như thể cô đang vi phạm những quy tắc bất thành văn mà ai cũng phải biết.

Trên đường đi qua nhà máy, cô nhìn thấy một bộ máy móc khổng lồ bị bỏ hoang ở góc sân. Đó là một loại máy công cụ chính xác cổ, thuộc loại hiện nay không thể tìm mua được ở đâu. Nó không phải hư hỏng vì sử dụng, mà là mục nát vì bị bỏ xó, bị ăn mòn bởi rỉ sét và những vệt dầu đen bẩn. Cô quay mặt đi. Cảnh tượng ấy khiến đôi mắt cô tối sầm, cơn giận trong lòng bùng lên dữ dội. Cô không hiểu tại sao; cô không thể định nghĩa cảm xúc của mình; cô chỉ biết rằng đó là tiếng thét phẫn nộ trước sự bất công, một phản ứng cô dành cho mọi thứ, không riêng gì một cỗ máy cũ.

Khi cô bước vào văn phòng, các nhân viên đã về hết, chỉ còn Eddie Willers đang đợi cô. Qua cách anh nhìn và lặng lẽ theo cô vào văn phòng, cô lập tức hiểu có chuyện chẳng lành.

"Có chuyện gì vậy, Eddie?"

"McNamara bỏ cuộc rồi."

Cô ngỡ ngác nhìn anh. "Ý anh là gì, bỏ cuộc?"

"Đúng vậy. Ông ấy đã nghỉ hưu. Rút lui khỏi công việc kinh doanh rồi."

"McNamara, nhà thầu của chúng ta ư?"

"Đúng."

"Nhưng điều đó không thể nào!"

"Tôi biết."

"Chuyện gì đã xảy ra? Tại sao?"

"Chẳng ai biết cả."

Khựng lại một lúc, cô cởi áo khoác ra, ngồi xuống bàn làm việc và bắt đầu cởi găng tay. "Eddie, ngồi xuống đi. Kể lại đầu đuôi câu chuyện."

Giọng anh nhỏ nhẹ, nhưng anh vẫn đứng. "Tôi đã nói chuyện với kỹ sư trưởng của ông ấy qua điện thoại đường dài. Anh ấy gọi từ Cleveland để báo tin. Chỉ có vậy thôi. Anh ấy không biết gì thêm."

"Anh ta nói sao?"

"McNamara đã đóng cửa công ty và biến mất."

"Đi đâu?"

"Anh ấy không biết. Không ai biết cả."

Cô chợt nhận ra mình đang cầm một chiếc găng tay đã cởi được một nửa, hai ngón tay trống không. Cô kéo nốt chiếc găng và đặt nó lên bàn.

Eddie nói, "Ông ta đã ký những hợp đồng đáng giá cả gia tài. Ông ta còn có danh sách khách hàng chờ đợi trong ba năm tới..." Cô vẫn không nói gì. Anh nói thêm,

giọng trầm xuống, "Tôi sẽ không sợ nếu tôi hiểu được điều này... Nhưng nó không thể xảy ra vì bất kỳ lý do nào..." Cô vẫn im lặng. "Ông ta là nhà thầu giỏi nhất cả nước."



Họ nhìn nhau. Cô muốn thốt lên "Ôi Chúa ơi, Eddie!" nhưng thay vào đó, cô chỉ nói, "Đừng lo. Chúng ta sẽ tìm một nhà thầu khác cho Tuyến Rio Norte."

Khi cô rời văn phòng, trời đã khuya. Đứng trên vỉa hè bên ngoài tòa nhà, cô dừng lại

nhìn đường phố. Cô chợt cảm thấy kiệt sức, mất hết mục tiêu và tham vọng, như một động cơ đã cạn nhiên liệu phải dừng lại.

Một luồng sáng nhạt chiếu từ sau những tòa nhà lên bầu trời - phản chiếu của hàng nghìn ánh đèn xa xăm, như nguồn năng lượng của thành phố. Cô khao khát được nghỉ ngơi, được tìm kiếm niềm vui ở đâu đó.

Công việc vốn là tất cả với cô. Nhưng có những lúc, như đêm nay, cô bỗng cảm thấy một sự trống rỗng lạ lùng - không phải sự trống vắng đơn thuần mà là sự tĩnh lặng, không hẳn tuyệt vọng mà là bất lực, như thể không có gì tan vỡ trong lòng, nhưng mọi thứ vẫn nguyên vẹn. Rồi cô khát khao được tìm thấy niềm vui thoáng chốc bên ngoài, được làm khán giả thụ động trước một điều gì đó vĩ đại. Cô nghĩ: không phải để thay đổi, mà để chấp nhận; không phải để khởi đầu, mà để đáp lại; không phải để sáng tạo, mà để đắm say. Cô nghĩ mình phải tiếp tục, vì niềm vui chính là nhiên liệu của con người.

Cô thường nhắm mắt lại với nụ cười nhạt vừa thích thú vừa đau đớn - đó là nguồn động lực cho hạnh phúc của cô. Lần đầu tiên, cô thực sự muốn được tiếp thêm sức mạnh từ thành tựu của người khác. Như những người đàn ông trên cánh đồng đêm, say mê ngắm nhìn ánh đèn từ những ô cửa sổ tàu lướt qua - đó là thành quả của cô, sức mạnh và mục đích ấy khiến họ cảm thấy an tâm giữa đồng không mông quạnh. Vì thế cô cũng muốn cảm nhận điều đó trong một khoảnh khắc, một lời chào thoáng qua, chỉ để vẫy tay và nói: Ai đó đang đi đâu đó...

Cô bước đi chậm rãi, hai tay đút túi áo khoác, bóng chiếc mũ nghiêng trên khuôn mặt. Những tòa nhà xung quanh cao đến nỗi cô không thể nhìn thấy bầu trời. Cô nghĩ: phải mất bao nhiêu công sức để xây dựng thành phố này, hẳn nó phải có nhiều điều để cống hiến.

Phía trên cửa một cửa hàng, cái lỗ đen của chiếc loa phát ra những âm thanh ồn ào trên phố. Đó là tiếng của một buổi hòa nhạc giao hưởng phát từ đâu đó trong thành phố. Những tiếng kêu la vô hình hài, như thể quần áo và thịt bị xé nát một cách ngẫu

nhiên. Chúng rời rạc, không giai điệu, không hòa âm, không nhịp điệu. Nếu âm nhạc là cảm xúc và cảm xúc đến từ suy nghĩ, thì đây là tiếng thét của hỗn loạn, của phi lý, của bất lực, của sự tự thoái vị nơi con người.



Cô tiếp tục bước. Cô dừng lại trước cửa sổ một hiệu sách. Bên trong trưng bày một khối kim tự tháp màu nâu tím với dòng chữ: Kền kền đang lột xác. "Cuốn tiểu thuyết của thế kỷ," một tấm biển ghi. "Nghiên cứu sâu sắc về lòng tham của một doanh nhân. Một tiết lộ không sợ hãi về sự sa đọa của con người."

Cô đi ngang qua một rạp chiếu phim. Ánh đèn chiếu một nửa, để lại một bức ảnh khổng lồ và vài chữ cái lơ lửng giữa không trung rực lửa. Bức ảnh chụp một phụ nữ trẻ đang cười; nhìn khuôn mặt cô ta, người ta cảm thấy mệt mỏi vì đã thấy nó quá nhiều năm, ngay cả khi mới nhìn lần đầu. Dòng chữ viết: "...trong một bộ phim truyền hình quan trọng đưa ra câu trả lời cho vấn đề lớn: Một người phụ nữ có nên nói không?"

Cô đi qua cửa một câu lạc bộ đêm. Một cặp đôi loạng choạng bước ra từ chiếc taxi. Cô gái có đôi mắt lơ đãng, khuôn mặt đầm mồ hôi, chiếc áo choàng dạ dài và váy dạ hội xinh đẹp tuột một bên vai như chiếc áo choàng tắm của một bà nội trợ lảng lơ, để lộ bộ ngực một cách thờ ơ như thể đã mệt mỏi. Người hộ tống nắm chặt cánh tay trần của cô; khuôn mặt anh ta không mang vẻ chờ đợi một cuộc phiêu lưu lãng mạn, mà là cái nhìn ranh mãnh của một đứa trẻ đang viết những lời tục tĩu lên hàng rào.

"Mình đang hy vọng tìm thấy điều gì đây?" cô nghĩ và bước tiếp. Đây chính là những thứ đàn ông sống với nó—hình thức tinh thần, văn hóa và thú vui của họ. Trong nhiều năm qua, cô chẳng thấy gì khác ở bất cứ đâu.

Đến góc phố nơi cô ở, cô mua một tờ báo rồi về nhà.

Căn hộ của cô gồm hai phòng trên tầng cao nhất của một tòa nhà chọc trời. Những tấm kính ở góc phòng khách khiến nó trông như một con tàu đang chuyển động, với ánh đèn thành phố lấp lánh như những tia sáng lân tinh trên những con sóng đen của thép và đá. Khi cô bật đèn, những bóng đèn hình tam giác dài cắt ngang các bức tường trần, tạo những tia sáng hình học bị phá vỡ bởi vài món đồ nội thất góc cạnh.

Cô đứng giữa phòng, một mình giữa bầu trời và thành phố. Chỉ có một thứ có thể mang lại cảm xúc mà cô khao khát đêm nay—hình thức hưởng thụ duy nhất mà cô

tìm thấy. Cô quay sang máy quay đĩa và mở nhạc của Richard Halley.

Đó là bản Concerto thứ tư, tác phẩm cuối cùng của ông. Tiếng đổ vỡ của hợp âm mở đầu cuốn phăng hình ảnh đường phố khỏi tâm trí cô. Concerto vang lên như một tiếng hét nổi loạn—một từ "Không" được ném vào không trung như một lời tra tấn, một sự từ chối đau đớn, một sự phủ nhận kìm nén nổi thống khổ trong cuộc đấu tranh hướng tới tự do. Những âm thanh ấy như một giọng nói vang vọng: Không cần thiết phải đau đớn—vậy tại sao nỗi đau tồi tệ nhất lại dành cho những người không chấp nhận sự cần thiết của nó? Chúng ta, những người nắm giữ tình yêu và bí mật của niềm vui, phải chịu án phạt gì, và bởi ai? Những âm thanh của sự tra tấn biến thành thách thức, lời tuyên bố về nổi thống khổ trở thành bài thánh ca cho một viễn cảnh xa vời—vì lợi ích của họ, mọi thứ đều đáng để chịu đựng, kể cả điều này. Đó là khúc ca của sự nổi loạn—và của một nhiệm vụ tuyệt vọng.

Cô ngồi yên, mắt nhắm nghiền, lắng nghe.

Không ai biết chuyện gì đã xảy ra với Richard Halley, hay tại sao. Câu chuyện đời ông như một bản tóm tắt về cái giá phải trả cho sự vĩ đại đã bị nguyên rửa. Đó là cuộc hành trình dài trong những chiếc áo choàng và tầng hầm, những năm tháng phủ màu xám của những bức tường giam cầm một người đàn ông có âm nhạc tràn ngập sắc màu mãnh liệt. Đó là màu xám của cuộc đấu tranh—chống lại những chuyến đi dài trên bậc thang tối tăm, chống với hệ thống ống nước đóng băng, chống lại giá của một chiếc bánh sandwich trong tiệm ăn hơi hám, chống lại những khuôn mặt trống rỗng của những người nghe nhạc. Một cuộc đấu tranh không có sự xoa dịu của bạo lực, không có niềm an ủi khi nhận ra kẻ thù có ý thức, chỉ có một bức tường cách âm để đập vào—bức tường hiệu quả nhất: sự thờ ơ nuốt chửng mọi nốt nhạc, hợp âm và tiếng hét. Một trận chiến của im lặng, đối với người đàn ông có thể tạo ra âm thanh hùng hồn hơn họ từng mang—sự im lặng của mù mịt, của cô đơn, của những đêm khi một dàn nhạc hiếm hoi nào đó chơi tác phẩm của ông và ông nhìn vào bóng tối, biết rằng linh hồn mình đã tan biến trong vòng tròn run rẩy, lan tỏa từ tháp phát thanh xuyên qua không trung thành phố, nhưng không có máy

thu nào được chỉnh để nghe thấy.

"Âm nhạc của Richard Halley mang đậm chất anh hùng. Tuổi thơ của chúng ta đã lớn lên cùng thứ âm nhạc đó," một nhà phê bình nói. "Âm nhạc của Richard Halley không còn phù hợp với thời đại của chúng ta nữa. Nó có một giai điệu của sự ngất ngây—mà ngày nay, ai còn quan tâm đến sự ngất ngây?" một nhận xét khác đáp lại.

Cuộc đời ông là một bản tóm tắt về số phận của những người chỉ được tưởng thưởng bằng tượng đài trong công viên một trăm năm sau khi phần thưởng đó còn ý nghĩa—nhưng Richard Halley không chết sớm. Ông sống để chứng kiến đêm định mệnh khi quy luật lịch sử được chứng thực, dù ông không được phép nhìn thấy. Ông bốn mươi ba tuổi vào đêm công diễn Phaëthon, vở opera ông viết ở tuổi hai mươi tư. Ông đã biến đổi câu chuyện thần thoại Hy Lạp theo cách riêng: Phaëthon, con trai của thần Mặt trời Helios, đã đánh cắp cỗ xe của cha và với tham vọng táo bạo, cố điều khiển mặt trời trên bầu trời. Nhưng trong vở opera của Halley, Phaëthon không phải hy sinh như trong huyền thoại—anh đã thành công. Vở opera được trình diễn mười chín năm trước và đóng cửa sau một đêm, giữa những tiếng la ó phản đối. Đêm đó, Richard Halley đã đi lang thang trên đường phố đến tận bình minh, tìm kiếm câu trả lời cho một câu hỏi mà ông không thể giải đáp.

Vào đêm vở opera được trình diễn lại, mười chín năm sau đó, những nốt nhạc cuối cùng vang lên giữa tràng vỗ tay lớn nhất mà nhà hát opera từng chứng kiến. Những bức tường cổ kính không thể ngăn được tiếng hoan hô vang vọng ra hành lang, xuống cầu thang, tràn ra đường phố—đến với người đàn ông đã từng lang thang trên chính những con phố ấy mười chín năm trước.

Dagny có mặt trên khán đài trong đêm vinh quang đó. Cô là một trong số ít người đã sớm nhận ra âm nhạc của Richard Halley, nhưng chưa từng gặp ông. Cô nhìn thấy ông bị đẩy ra sân khấu, đối diện với rừng tay vỗ và những cái cúi đầu nhiệt liệt. Ông đứng bất động, một người đàn ông cao lớn, tiêu tụy với mái tóc hoa râm. Ông không cúi đầu, không mỉm cười; ông chỉ đứng đó, nhìn vào đám đông. Khuôn mặt ông

mang vẻ trầm lặng, nghiêm túc của một người đang đối diện với một câu hỏi.

"Âm nhạc của Richard Halley," một nhà phê bình viết vào sáng hôm sau, "thuộc về nhân loại. Nó là sản phẩm và biểu hiện của sự vĩ đại của con người." "Cuộc đời Richard Halley là một bài học đầy cảm hứng," một bộ trưởng phát biểu. "Ông ấy đã trải qua một cuộc đấu tranh khủng khiếp, nhưng điều đó có nghĩa lý gì? Thật cao cả khi ông ấy chịu đựng đau khổ, bất công, và sự ngược đãi từ chính anh em đồng loại—để làm phong phú cuộc sống của họ và dạy họ trân trọng vẻ đẹp của âm nhạc tuyệt vời."

Nhưng chỉ một ngày sau buổi ra mắt, Richard Halley tuyên bố nghỉ hưu.

Ông không đưa ra lời giải thích nào. Ông chỉ nói với các nhà xuất bản rằng sự nghiệp của mình đã kết thúc. Ông bán bản quyền các tác phẩm với giá khiêm tốn, dù biết rằng tiền bản quyền lúc này có thể mang lại cho ông cả một gia tài. Rồi ông biến mất, không để lại địa chỉ. Đó là tám năm trước; không ai gặp lại ông từ đó.

Dagny lắng nghe bản Concerto thứ tư, ngửa đầu ra sau, mắt nhắm nghiền. Cô nằm nghiêng trên góc ghế dài, cơ thể thả lỏng và tĩnh lặng; nhưng sự căng thẳng hiện rõ trên nét mặt, trên khuôn mặt bất động, như một hình dạng gợi cảm được vẽ nên bởi những đường nét khao khát.

Một lúc sau, cô mở mắt. Cô nhận ra tờ báo mình đã ném xuống ghế. Cô lơ đãng với lấy nó, muốn xua những dòng tit mờ nhạt khỏi tầm mắt. Tờ báo rơi mở ra. Cô thấy một khuôn mặt quen thuộc và dòng tit của một bài báo. Cô đóng sập các trang lại và ném sang một bên.

Đó là khuôn mặt của Francisco d'Anconia. Tiêu đề thông báo ông đã đến New York. Sao cơ? - cô tự hỏi. Cô sẽ không phải gặp ông. Cô đã không gặp ông nhiều năm rồi.

Cô ngồi nhìn tờ báo dưới sàn. Đừng đọc nó, cô tự nhủ; đừng nhìn vào nó. Nhưng khuôn mặt ấy, cô nghĩ, vẫn không đổi thay. Làm sao một khuôn mặt có thể giữ

nguyên khi mọi thứ khác đã biến mất? Cô ước họ đừng chụp ông ta khi đang cười. Nụ cười ấy không nên xuất hiện trên những trang báo. Đó là nụ cười của người có thể nhìn thấy, hiểu được và tạo ra vinh quang của sự tồn tại. Đó là nụ cười giễu cợt, thách thức của một trí tuệ lỗi lạc. Đừng đọc nó, cô tự nhủ; không phải lúc này—không phải khi đang nghe âm nhạc này—ôi, không phải âm nhạc này!

Cô vội lấy tờ báo và mở ra.

Câu chuyện kể rằng Señor Francisco d'Anconia đã trả lời phỏng vấn báo chí trong phòng khách sạn Wayne-Falkland. Ông nói mình đến New York vì hai lý do: một cô gái mặc áo dài ở Câu lạc bộ và quán rượu ở Moe's Delicatessen trên Đại lộ Thứ ba. Ông không bình luận về vụ ly hôn sắp tới của vợ chồng Gilbert Vail. Vài tháng trước, bà Vail—một quý bà thuộc dòng dõi danh giá với vẻ quyến rũ khác thường—đã nổ súng vào người chồng trẻ nổi tiếng, tuyên bố muốn từ bỏ ông ta vì người tình Francisco d'Anconia. Bà đã kể chi tiết với báo chí về mối tình bí mật, kể cả chuyện đêm Giao thừa năm ngoái tại biệt thự của d'Anconia trên dãy Andes. Chồng bà sống sót sau vụ nổ súng và đệ đơn ly dị. Bà đáp trả bằng việc kiện đòi nửa triệu đô tài sản của chồng, kèm theo những tiết lộ về đời tư khiến bà có vẻ vô tội. Câu chuyện đã tràn ngập các mặt báo nhiều tuần. Nhưng khi được hỏi, Señor d'Anconia không đưa ra bình luận. Các phóng viên hỏi liệu ông có phủ nhận câu chuyện của bà Vail không. "Tôi không bao giờ phủ nhận điều gì cả," ông đáp. Họ ngạc nhiên về việc ông đột ngột xuất hiện, nghĩ rằng ông sẽ tránh mặt khi vụ bê bối sắp bùng nổ trên trang nhất. Nhưng họ đã lầm. Francisco d'Anconia chỉ thêm một nhận xét về lý do đến đây: "Tôi muốn chứng kiến trò hề."

Dagny để tờ báo rơi xuống sàn. Cô ngồi xuống, cúi đầu gối lên cánh tay. Cô bất động, chỉ có những lọn tóc xõa xuống đầu gối thỉnh thoảng run lên.

Những giai điệu tuyệt vời của Halley vang vọng, tràn ngập căn phòng, xuyên qua cửa kính, lan tỏa khắp thành phố. Cô lắng nghe. Đó là nhiệm vụ của cô, tiếng khóc của cô.

James Taggart nhìn quanh phòng khách căn hộ, tự hỏi mấy giờ; ông không muốn nhúc nhích để tìm đồng hồ. Ông ngồi trên ghế bành trong bộ đồ ngủ nhàu nát, chân trần—tìm dép quả là phiền phức. Ánh sáng xám xịt ngoài cửa sổ làm đau mắt ông, vẫn còn ngái ngủ. Trong đầu, cảm giác nặng nề khó chịu sắp chuyển thành cơn đau. Ông bực bội tự hỏi sao lại ra phòng khách. À phải, ông nhớ ra, để xem giờ.

Ông nghiêng người qua tay ghế nhìn đồng hồ trên tòa nhà đằng xa: mười hai giờ hai mươi phút trưa.

Qua cửa phòng ngủ đang mở, ông nghe tiếng Betty Pope đánh răng trong phòng tắm. Thất lưng của cô nằm trên sàn cạnh đồng quần áo, vỏ bọc màu hồng nhạt với những sợi cao su đứt.

"Nhanh lên được không?" ông càu nhàu. "Tôi cần mặc quần áo."

Cô không đáp. Cửa phòng tắm mở, ông nghe tiếng súc miệng.

Tại sao ta lại làm những chuyện này? ông nghĩ về đêm qua. Nhưng tìm câu trả lời thật mệt mỏi quá.

Betty Pope bước vào phòng khách, kéo theo những nếp gấp chiếc áo choàng sa tanh ca rô cam tím. Taggart thấy cô trông thật kinh khủng trong bộ đồ ở nhà; cô đẹp hơn nhiều khi cưỡi ngựa trong những bức ảnh trên trang xã hội. Cô là cô gái cao lêu nghêu với những cử động vụng về thiếu nhịp nhàng. Cô có khuôn mặt thô kệch, làn da xấu và ánh nhìn thờ ơ—điều dễ hiểu khi cô xuất thân từ một trong những gia đình giàu có nhất.

"Ôi, chết tiệt!" cô càu nhàu vô cớ, vươn vai nhăn nhó. "Jim, đồ cắt móng tay của anh đâu? Em cần cắt móng chân."

"Không biết. Tôi đau đầu. Về nhà mà cắt."

"Anh trông chẳng được tí nào vào buổi sáng," cô thờ ơ nói. "Như con ốc sên ấy."

"Tại sao em không im đi?"

Cô lang thang không mục đích trong phòng. "Em không muốn về nhà," cô nói một cách thờ ơ. "Em ghét buổi sáng. Lại một ngày nữa chẳng có gì để làm. Em có buổi trà chiều ở nhà Liz Blane. Chắc cũng vui, dù sao Liz cũng chỉ là đồ hư hỏng." Cô cầm ly lên và uống cạn phần còn lại. "Sao anh không gọi người đến sửa máy lạnh? Chỗ này có mùi khó chịu."

"Em còn ở trong phòng tắm bao lâu nữa?" ông hỏi. "Tôi cần mặc quần áo. Hôm nay tôi có cuộc họp quan trọng."

"Vào đi. Em không phiền đâu. Em sẽ dùng chung phòng tắm với anh. Em ghét phải vội vã."

Trong khi cạo râu, ông nhìn thấy cô đang mặc đồ trước cửa phòng tắm đang mở. Cô loay hoay với chiếc áo nịt ngực, móc dây nịt vào vớ, rồi khoác lên người bộ đồ vải tuyết trắng tiền mà vô duyên. Chiếc áo khoác lửng, được chọn từ quảng cáo trên tạp chí thời trang sành điệu nhất, trông như bộ đồng phục mà cô biết sẽ được mong đợi trong những dịp nhất định - cô mặc nó một cách nghiêm túc cho mục đích cụ thể rồi sẽ vứt bỏ.

Mối quan hệ của họ cũng mang giá trị tương tự. Không có đam mê, không ham muốn, không khoái cảm thực sự, thậm chí không có cả xấu hổ. Với họ, chuyện ân ái chẳng phải niềm vui hay tội lỗi. Nó vô nghĩa. Họ nghe nói đàn ông và phụ nữ phải ngủ với nhau, nên họ làm vậy.

"Jim này, sao anh không đưa em đến nhà hàng Armenia tối nay?" cô hỏi. "Em thích shish-kebab."

"Tôi bận," ông cúi kính đáp qua lớp bọt cạo râu. "Tôi có cả ngày bận rộn phía trước."

"Sao anh không hủy đi?"

"Hủy cái gì?"

"Bất cứ thứ gì cũng có thể hủy được mà."

"Nó rất quan trọng, em yêu. Đó là cuộc họp Hội đồng quản trị."

"Ôi, đừng có nghiêm trọng quá về cái đường sắt chết tiệt của anh. Chán ngắt. Em ghét đám doanh nhân. Họ thật nhạt nhẽo."

Ông không đáp.

Cô liếc nhìn ông ranh mãnh, giọng bỗng sôi nổi hẳn khi nói, "Jock Benson bảo dù sao anh cũng nên nhẹ tay với cái đường sắt ấy đi, vì chính em gái anh mới là người điều hành mọi thứ."

"À, hẳn nói thế à?"

"Em thấy em gái anh thật tệ. Em nghĩ thật kinh tởm - một người đàn bà cứ hành động như con khỉ béo và tạo dáng như một giám đốc điều hành lớn. Thật vô lý. Dù sao thì cô ta cũng nên biết thân biết phận chứ?"

Taggart bước ra ngưỡng cửa. Ông dựa vào thanh chắn, quan sát Betty Pope. Một nụ cười nhạt, vừa mỉa mai vừa tự mãn, nở trên môi ông. Ông nghĩ, họ có điểm chung.

"Em sẽ thích nghe điều này đây, em yêu," ông nói. "Tôi đang chuẩn bị hạ bệ em gái tôi chiều nay."

"Thật sao?" cô phấn khích hỏi. "Anh không đùa chứ?"

"Đó chính là lý do cuộc họp Hội đồng quản trị này rất quan trọng."

"Anh thực sự định tống cổ cô ta đi sao?"

"Không. Điều đó không cần thiết, cũng chẳng khôn ngoan. Tôi chỉ định đặt cô ta về

đúng vị trí thôi. Đây là cơ hội tôi đang chờ đợi."

"Anh phát hiện được điểm yếu nào của cô ta à? Có bẽ bối gì không?"

"Không, không. Em sẽ không hiểu đâu. Đơn giản là cô ta đã đi quá xa, và lần này cô ta sẽ phải trả giá. Cô ta đã tự ý thực hiện một hành động không thể biện minh mà chẳng thèm hỏi ý kiến ai. Đó là sự xúc phạm nghiêm trọng đến các nước láng giềng Mexico. Khi Hội đồng quản trị nghe về việc này, họ sẽ thông qua một số quy định mới cho Ban điều hành, giúp cô ta dễ quản lý hơn một chút."

"Anh thật thông minh, Jim," cô nói.

"Tốt hơn là tôi nên mặc quần áo." Ông tỏ vẻ hài lòng. Ông quay lại chậu rửa, vui vẻ nói thêm, "Có lẽ tối nay tôi sẽ đưa em đi ăn shish-kebab."

Điện thoại reo.

Ông nhấc máy. Tổng đài báo có cuộc gọi đường dài từ Mexico City.

Giọng hoảng loạn vang lên trong điện thoại là của viên chính khách Mexico.

"Tôi bắt lực rồi, Jim!" anh ta nói nghẹn ngào. "Tôi bắt lực rồi!... Chúng tôi không được báo trước, tôi thề có Chúa, không ai nghi ngờ, không ai thấy nó đến, tôi đã cố hết sức, anh không thể trách tôi, Jim, nó đến như sét đánh! Nghị định được ban hành sáng nay, mới có năm phút trước, họ ập đến chúng tôi, không hề báo trước! Chính phủ Nhân dân Mexico đã quốc hữu hóa Mỏ San Sebastián và Đường sắt San Sebastián."

"...và do đó, tôi có thể đảm bảo với các ngài trong Hội đồng quản trị rằng không cần phải hoảng sợ. Sự kiện sáng nay là một diễn biến đáng tiếc, nhưng tôi hoàn toàn tin tưởng—dựa trên hiểu biết của tôi về các quy trình định hình chính sách đối ngoại ở Washington—rằng chính phủ chúng ta sẽ đàm phán một thỏa thuận công bằng với

chính phủ Nhà nước Nhân dân Mexico, và chúng ta sẽ nhận được bồi thường đầy đủ cho tài sản của mình."

James Taggart đứng ở bàn dài, phát biểu trước Hội đồng quản trị. Giọng ông đều đều và chính xác, ngụ ý sự an toàn.

"Tuy nhiên, tôi rất vui được báo cáo rằng tôi đã lường trước khả năng xảy ra những biến cố như vậy và thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa để bảo vệ lợi ích của Taggart Transcontinental. Cách đây vài tháng, tôi đã chỉ thị Bộ phận điều hành cắt giảm lịch trình trên Tuyến San Sebastián xuống còn một chuyến tàu mỗi ngày và di dời khỏi tuyến này toàn bộ động cơ, đầu máy tốt nhất cùng mọi thiết bị có thể di chuyển được. Chính phủ Mexico chỉ có thể thu giữ một vài toa gỗ và một đầu máy cũ. Quyết định của tôi đã tiết kiệm cho công ty hàng triệu đô-la—tôi sẽ tính toán con số chính xác và gửi đến các ngài. Tuy nhiên, tôi cho rằng các cổ đông có quyền mong đợi những người chịu trách nhiệm chính cho liên doanh này phải gánh chịu hậu quả do sự thiếu sót của họ. Do đó, tôi đề nghị yêu cầu ông Clarence Eddington, cố vấn kinh tế đã đề xuất xây dựng Tuyến San Sebastián, và ông Jules Mott, đại diện của chúng ta tại Mexico City, từ chức."

Những người đàn ông ngồi quanh bàn dài, lắng nghe. Họ không nghĩ về việc phải làm gì, mà nghĩ về những điều sẽ phải nói với những người họ đại diện. Bài phát biểu của Taggart đã cho họ thứ họ cần.

Orren Boyle đã đợi sẵn khi Taggart quay về văn phòng. Khi chỉ còn hai người, thái độ của Taggart thay đổi hẳn. Ông dựa vào bàn, người chùng xuống, mặt tái nhợt.

"Anh ổn chứ?" Boyle hỏi.

Boyle giơ tay bắt lặc. "Tôi đã kiểm tra rồi, Jim," anh ta nói. "Không có gì phải lo: d'Anconia đã mất mười lăm triệu đô-la tiền của chính mình trong những mỏ đó."

Không, không có gì mờ ám cả, anh ta không dùng thủ đoạn nào hết, đó là tiền mặt của anh ta và giờ anh ta đã mất tất cả."

"Vậy hắn ta định làm gì đây?"

"Điều đó... tôi không biết. Không ai biết cả."

"Hắn sẽ không để mình bị cướp trắng đầu, phải không? Hắn quá thông minh để để điều đó xảy ra. Hắn phải có điều gì đó giấu giếm."

"Tôi cũng hy vọng vậy."

"Hắn từng qua mặt những tay kinh doanh xảo quyệt nhất trên đời. Hắn sẽ để một lũ chính trị gia Mexico hạ gục bằng một sắc lệnh sao? Hắn chắc chắn có một kế hoạch, và sẽ là người thắng cuộc—chúng ta phải chắc chắn mình cũng được hưởng lợi!"

"Điều đó phụ thuộc vào anh, Jim. Anh là bạn của anh ta mà."

"Bạn bè cái quái gì! Tôi ghét hắn đến tận xương tủy."

Ông bấm chuông gọi thư ký. Người thư ký bước vào với vẻ không chắc chắn, có phần lo lắng; anh ta còn trẻ nhưng không quá trẻ, với khuôn mặt nhợt nhạt và phong thái ngoan ngoãn của người xuất thân từ gia đình nghèo.

"Cậu đã hẹn được với Francisco d'Anconia chưa?" Taggart hỏi cộc cằn.

"Chưa, thưa ông."

"Nhưng, chết tiệt, tôi đã bảo cậu gọi..."

"Tôi không thể, thưa ông. Tôi đã cố rồi."

"Vậy thì gọi lại đi."

"Ý tôi là tôi không thể xin được cuộc hẹn, thưa ông Taggart."

"Tại sao không?"

"Ông ấy từ chối gặp."

"Ý cậu là anh ta từ chối gặp tôi?"

"Vâng, thưa ông, đúng vậy."

"Anh ta sẽ không gặp tôi sao?"

"Không, thưa ông, ông ấy sẽ không gặp."

"Cô có nói chuyện trực tiếp với anh ấy không?"

"Không, thưa ngài, tôi đã nói chuyện với thư ký của ông ấy."

"Anh ta đã nói gì với cô?" Người đàn ông trẻ tuổi lưỡng lự, vẻ mặt càng thêm bất an.

"Anh ta đã nói gì?"

"Anh ấy bảo rằng Señor d'Anconia nói ngài làm ông ấy khó chịu, thưa ngài Taggart."

Đề xuất mà họ thông qua được gọi là "Quy tắc Anti-dog-eat-dog". Khi bỏ phiếu, các thành viên của Liên minh Đường sắt Quốc gia ngồi trong hội trường lớn dưới ánh hoàng hôn sâu thẳm của một buổi tối cuối thu, không ai nhìn vào mắt người khác.

Liên minh Quốc gia về Đường sắt được thành lập, theo tuyên bố, để bảo vệ phúc lợi của ngành đường sắt. Mục tiêu này đạt được thông qua việc phát triển các phương pháp hợp tác vì mục đích chung và cam kết của mọi thành viên đặt lợi ích của toàn ngành lên trên lợi ích riêng. Lợi ích của toàn ngành sẽ được xác định bằng đa số phiếu, và mọi thành viên cam kết tuân theo quyết định của đa số.

"Những người cùng nghề phải đoàn kết với nhau," các nhà tổ chức của Liên minh tuyên bố. "Chúng ta có chung vấn đề, chung lợi ích, chung kẻ thù. Thay vì lãng phí

sức lực đấu đá lẫn nhau, chúng ta nên tạo thành một mặt trận thống nhất trước thế giới. Cùng nhau, tất cả chúng ta đều có thể phát triển và thịnh vượng." Khi một người hoài nghi hỏi: "Liên minh này được tổ chức để chống lại ai?", câu trả lời là: "Không, nó không 'chống lại' ai cả. Nhưng nếu ông muốn nói theo cách đó, thì nó chống lại những chủ hàng, nhà sản xuất cung ứng hay bất kỳ ai có thể lợi dụng chúng ta. Bất kỳ công đoàn nào chẳng phải đều được tổ chức để chống lại ai đó sao?" "Đó chính là điều tôi băn khoăn," người hoài nghi đáp.

Khi Quy tắc Anti-dog-eat-dog được đưa ra biểu quyết tại cuộc họp thường niên của Liên minh Đường sắt Quốc gia, đây là lần đầu tiên nó được công khai đề cập. Tuy nhiên, mọi thành viên đều đã nghe nói về nó - nó đã được thảo luận kín trong một thời gian dài và ngày càng gay gắt trong những tháng gần đây. Những người ngồi trong hội trường - các chủ tịch đường sắt - không ưa gì Quy tắc này và đã hy vọng nó sẽ không bao giờ được đề xuất. Nhưng khi nó được đưa ra, họ vẫn bỏ phiếu ủng hộ.

Không một tuyến đường sắt nào được nêu đích danh trong các bài phát biểu trước cuộc bỏ phiếu. Các diễn giả chỉ đề cập đến vấn đề phúc lợi công cộng. Họ lập luận rằng trong khi phúc lợi công cộng đang bị đe dọa bởi tình trạng thiếu phương tiện đi lại, các tuyến đường sắt lại đang tự hủy hoại nhau qua cạnh tranh khốc liệt, theo "chính sách tàn bạo của chó ăn thịt chó". Trong lúc một số khu vực thiếu vắng dịch vụ đường sắt, những nơi khác lại có hai hay nhiều tuyến đường tranh giành lượng hành khách chỉ đủ cho một tuyến. Họ nói rằng các tuyến đường sắt mới có cơ hội lớn ở những vùng bị bỏ rơi. Dù những khu vực này hiện thiếu động lực kinh tế, họ cho rằng một tuyến đường sắt công cộng nên đảm nhận việc phục vụ những người dân đang gặp khó khăn, bởi mục đích chính của đường sắt là phục vụ công chúng chứ không phải lợi nhuận.

Tiếp đó, người ta nhấn mạnh rằng các hệ thống đường sắt lớn đã được thiết lập là thiết yếu cho phúc lợi công cộng; sự sụp đổ của bất kỳ hệ thống nào cũng sẽ là thảm họa quốc gia. Và nếu một hệ thống như vậy phải gánh chịu thua lỗ nặng nề

trong nỗ lực đóng góp cho thiện chí quốc tế, họ xứng đáng nhận được sự ủng hộ của công chúng để vượt qua khó khăn.

Không tuyến đường sắt nào được nêu tên. Nhưng khi chủ tọa giơ tay ra hiệu bắt đầu bỏ phiếu, mọi ánh mắt đều hướng về Dan Conway, chủ tịch Phoenix-Durango.

Chỉ có năm người bất đồng chính kiến bỏ phiếu chống. Khi chủ tọa thông báo biện pháp đã được thông qua, không có tiếng hoan hô, không có tiếng tán thành, không có cử động nào—chỉ có sự im lặng nặng nề. Đến phút cuối cùng, mỗi người đều hy vọng ai đó sẽ cứu họ khỏi điều này.

Quy tắc Anti-dog-eat-dog được mô tả như một biện pháp "tự điều chỉnh cần thiết" nhằm "thực thi tốt hơn" các luật mà Cơ quan lập pháp quốc gia đã thông qua từ lâu. Quy tắc cấm các thành viên Liên minh Đường sắt Quốc gia tham gia vào "cạnh tranh phá hoại". Trong các khu vực bị hạn chế, chỉ một tuyến đường sắt được phép hoạt động, với quyền ưu tiên thuộc về tuyến đường lâu đời nhất. Những tuyến đường mới, được xem là xâm phạm lãnh thổ một cách bất công, phải ngừng hoạt động trong vòng chín tháng sau khi có lệnh. Ban điều hành Liên minh có toàn quyền quyết định khu vực nào sẽ bị hạn chế.

Khi cuộc họp kết thúc, mọi người vội vã rời đi. Không có thảo luận riêng tư, không có chuyện trò thân mật. Đại sảnh vắng lặng một cách bất thường. Không ai nói chuyện với Dan Conway.

Tại sảnh tòa nhà, James Taggart gặp Orren Boyle. Họ không hẹn trước, nhưng Taggart nhận ra dáng người đồ sộ dựa vào bức tường cẩm thạch trước khi thấy mặt. Họ tiến lại gần nhau, và Boyle nói, nụ cười kém dịu dàng hơn thường lệ: "Tôi đã giao hàng. Giờ đến lượt anh, Jimmy." "Anh không cần phải đến đây. Sao anh lại đến?" Taggart ủ rũ hỏi. "Ồ, chỉ để cho vui thôi," Boyle đáp.

Dan Conway ngồi một mình giữa những hàng ghế trống. Ông vẫn ở đó khi người phụ nữ đến dọn dẹp hành lang. Khi cô gọi, ông ngoan ngoãn đứng dậy và bước ra cửa. Đi

ngang qua cô, ông lần mò trong túi và đưa cho cô tờ 5 đô-la, im lặng, nhu mì, không nhìn mặt. Ông dường như không biết mình đang làm gì—như thể đang ở một nơi nào đó mà phép lịch sự buộc phải đưa tiền boa trước khi rời đi.

Dagny đang ngồi tại bàn làm việc thì cửa văn phòng bật mở, James Taggart bước vào. Đây là lần đầu tiên ông xuất hiện với thái độ như vậy. Mặt ông đỏ bừng như đang sốt.

Cô chưa gặp ông kể từ vụ quốc hữu hóa tuyến San Sebastián. Ông không muốn thảo luận, và cô cũng không đề cập đến nó. Cô đã chứng minh mình đúng một cách hùng hồn, và cô cho rằng không cần bình luận thêm. Một phần vì lịch sự, một phần vì thương hại, cô không nói với ông kết luận hiển nhiên từ các sự kiện. Về mặt lý trí và công lý, chỉ có một kết luận ông có thể rút ra. Cô đã nghe về bài phát biểu của ông trước Hội đồng quản trị. Cô nhún vai, thích thú một cách khinh thường—nếu việc chiếm đoạt thành tựu của cô phục vụ mục đích nào đó của ông, thì ít nhất vì lợi ích của chính ông, ông sẽ để cô tự do đạt được thành tựu từ nay về sau.

"Vậy cô nghĩ mình là người duy nhất đang làm việc cho tuyến đường sắt này?"

Cô nhìn ông, hoang mang. Giọng ông chói tai; ông đứng trước bàn làm việc của cô, căng thẳng vì phẫn khích.

"Cô nghĩ tôi đã hủy hoại công ty, phải không?" ông hét lên. "Và giờ cô là người duy nhất có thể cứu chúng ta? Nghĩ rằng tôi không có cách nào bù đắp cho thất bại ở Mexico?"

Cô chậm rãi hỏi: "Anh muốn gì?"

"Tôi muốn báo cho cô một tin. Cô còn nhớ đề xuất Anti-dog-eat-dog của Liên minh Đường sắt mà tôi đã nói với cô mấy tháng trước không? Cô không thích ý tưởng đó. Cô không thích nó chút nào."

"Em nhớ. Rồi sao?"

"Nó đã được thông qua."

"Cái gì đã được thông qua?"

"Quy tắc Anti-dog-eat-dog. Vừa được thông qua tại cuộc họp. Chín tháng nữa, sẽ không còn Đường sắt Phoenix-Durango nào ở Colorado!"

Một chiếc gạt tàn thủy tinh rơi xuống sàn khi cô đứng bật dậy.

"Anh là đồ khốn nạn!"

Ông đứng bất động, mỉm cười.

Cô biết mình đang để lộ cảm xúc, không hề phòng bị trước ông, và đây chính là điều ông thích thú, nhưng cô không quan tâm. Rồi cô bắt gặp nụ cười của ông - và bỗng nhiên cơn giận dữ tan biến. Cô không còn cảm xúc nào. Cô nhìn nụ cười đó với vẻ tò mò lạnh lùng, đầy ẩn ý.

Họ đứng đối diện nhau. Lần đầu tiên, ông tỏ ra không còn sợ cô nữa. Ông đang hả hê. Sự kiện này có ý nghĩa với ông nhiều hơn việc tiêu diệt một đối thủ cạnh tranh. Đó không phải chiến thắng trước Dan Conway, mà là chiến thắng trước cô em gái của mình. Cô không hiểu tại sao hay bằng cách nào, nhưng cô chắc chắn ông đã biết.

Trong thoáng chốc, cô nhận ra rằng ở đây, ngay trước mặt cô, trong con người James Taggart và điều khiến ông ta mỉm cười, ẩn chứa một bí mật mà cô chưa từng ngờ tới, và việc hiểu được nó là điều cấp thiết nhất. Nhưng ý nghĩ ấy vừa lóe lên đã vụt tắt.

Cô quay người về phía tủ và giật lấy áo khoác.

"Cô định đi đâu?" Giọng Taggart hạ xuống, thoáng vẻ thất vọng và lo lắng.

Cô không trả lời. Cô lao ra khỏi văn phòng.

"Dan, ông phải chiến đấu với họ. Tôi sẽ giúp ông. Tôi sẽ chiến đấu vì ông bằng tất cả những gì tôi có."

Dan Conway lắc đầu.

Ông ngồi tại bàn làm việc, trước mặt là khoảng trống của một tờ giấy mờ nhạt, một ngọn đèn yếu ớt thấp sáng nơi góc phòng. Dagny đã lao thẳng đến văn phòng thành phố của Phoenix-Durango. Conway đang ở đó, ngồi như thể đang chờ đợi cô tìm đến. Ông mỉm cười khi cô bước vào và nói, "Thật buồn cười, tôi biết cô sẽ đến," giọng ông nhẹ nhàng, vô cảm. Họ không quen biết nhau nhiều, chỉ gặp nhau vài lần ở Colorado.

"Không," ông nói, "chẳng ích gì đâu."

"Vì thỏa thuận Liên minh ông đã ký sao? Nó sẽ không đứng vững đâu. Đây rõ ràng là sự tước đoạt. Không tòa án nào sẽ ủng hộ nó. Nếu Jim cố núp bóng sau khẩu hiệu 'phúc lợi công cộng' của bọn cướp thông thường, tôi sẽ đứng ra tuyên bố rằng Taggart Transcontinental không thể xử lý toàn bộ giao thông của Colorado. Và nếu có bất kỳ phán quyết nào chống lại ông, ông có thể kháng cáo và tiếp tục kháng cáo trong mười năm tới."

"Đúng vậy," ông nói, "Tôi có thể... Tôi không chắc mình sẽ thắng, nhưng tôi có thể cố gắng và bám trụ trên đường sắt thêm vài năm nữa, nhưng... Không, không phải vấn đề pháp lý khiến tôi bận tâm. Không phải thế."

"Vậy là sao?"

"Tôi không muốn chiến đấu nữa, Dagny."

Cô nhìn ông đầy hoài nghi. Đó là câu nói mà cô chắc chắn ông chưa từng thốt ra;

một người đàn ông không thể tự đảo ngược bản thân khi đã quá muộn trong đời.

Dan Conway đã gần năm mươi tuổi. Ông có khuôn mặt vuông vức, cứng cáp, bướng bỉnh của một kỹ sư vận tải hàng hóa, hơn là một chủ tịch công ty; khuôn mặt của một chiến binh, với làn da rám nắng trẻ trung và mái tóc xám. Ông đã tiếp quản một tuyến đường sắt nhỏ đang lung lay ở Arizona, một tuyến đường có doanh thu thấp hơn cả một cửa hàng tạp hóa thành công, và đã xây dựng nó thành tuyến đường sắt tốt nhất miền Tây Nam. Ông ít nói, ít đọc sách, chưa từng học đại học. Mọi nỗ lực của nhân loại, trừ một ngoại lệ, đều khiến ông thờ ơ đến ngậy đại; ông chẳng màng đến thứ người ta gọi là văn hóa. Nhưng ông hiểu đường sắt.

"Tại sao ông không muốn chống lại chuyện này?"

"Bởi vì họ có quyền làm điều đó."

"Dan," cô hỏi, "ông có bị mất trí không?"

"Tôi chưa bao giờ rút lại lời nói của mình," ông nói. "Tôi không quan tâm tòa án quyết định thế nào. Tôi đã hứa sẽ tuân theo số đông. Tôi phải tuân theo."

"Ông có mong đợi đa số sẽ làm điều này với ông không?"

"Không." Một cơn giật nhẹ thoáng qua khuôn mặt cương nghị. Ông nói khẽ, không nhìn cô, vẻ ngạc nhiên bất lực vẫn còn nguyên. "Không, tôi không mong đợi điều đó. Tôi đã nghe họ nói về nó hơn một năm nay, nhưng tôi không tin. Ngay cả khi họ đang bỏ phiếu, tôi vẫn không tin."

"Vậy ông đã mong đợi điều gì?"

"Tôi đã nghĩ... Họ nói tất cả chúng tôi đều vì lợi ích chung. Tôi nghĩ những gì tôi làm ở Colorado là tốt. Tốt cho tất cả mọi người."

"Trời ơi! Ông không thấy sao? Ông đang bị trừng phạt chính vì điều đó—vì ông đã

làm tốt?"

Ông lắc đầu. "Tôi không hiểu," ông nói. "Nhưng tôi không thấy lối thoát."

"Ông đã hứa để họ tiêu diệt chính mình sao?"

"Dường như không ai trong chúng ta có lựa chọn nào khác."

"Ý ông là gì?"

"Dagny, cả thế giới đang trong tình trạng tồi tệ. Tôi không biết chuyện gì đang xảy ra, nhưng có điều gì đó rất không ổn. Mọi người phải đoàn kết và tìm ra lối thoát. Nhưng ai là người quyết định chọn cách nào, nếu không phải là đa số? Tôi đoán đó là phương pháp duy nhất hợp lý, tôi không thấy cách nào khác. Tôi nghĩ ai đó phải hy sinh. Nếu đó là tôi, tôi không có quyền phàn nàn. Lẽ phải đứng về phía họ. Mọi người phải đoàn kết."

Cô cố gắng nói chuyện bình tĩnh, dù đang run lên vì tức giận. "Nếu đó là cái giá phải trả để đoàn kết, tôi thà không sống trên cùng trái đất với bất kỳ ai! Nếu những người còn lại chỉ có thể sống sót bằng cách tiêu diệt chúng ta, tại sao ta phải mong họ sống sót? Không gì có thể biện minh cho việc tự thiêu. Không gì có thể cho họ quyền biến con người thành vật tế thần. Không gì có thể biến việc phá hủy những điều tốt đẹp nhất thành đạo đức. Không ai có thể bị trừng phạt vì họ tốt. Không ai có thể bị trừng phạt vì họ có năng lực. Nếu điều đó đúng, chúng ta nên bắt đầu tàn sát lẫn nhau đi, vì chẳng còn quyền gì trên thế giới này nữa!"

Ông không trả lời. Ông bắt lực nhìn cô.

"Nếu đó là một thế giới như vậy, làm sao chúng ta có thể sống trong đó?" cô hỏi.

"Tôi không biết..." ông thì thầm.

"Dan, ông có thực sự nghĩ điều đó đúng không? Thật lòng mà nói, tận sâu trong

thâm tâm, ông có nghĩ vậy không?"

Ông nhắm mắt lại. "Không," ông nói. Rồi ông nhìn cô, và lần đầu tiên cô thấy một ánh nhìn như bị tra tấn. "Đó là điều tôi đang ngồi đây cố hiểu. Tôi biết tôi nên nghĩ điều đó đúng—nhưng tôi không thể. Như thể lưỡi tôi không thể thốt ra được. Tôi cứ nhìn thấy từng thanh tà vẹt dưới đường ray, từng đèn tín hiệu, từng cây cầu, từng đêm tôi đã trải qua..." Đầu ông gục xuống cánh tay. "Ôi Chúa ơi, thật là oan uổng!"

"Dan," cô nói qua kẽ răng, "hãy chiến đấu với nó."

Ông ngẩng đầu lên. Đôi mắt ông trống rỗng. "Không," ông nói. "Như thế sẽ sai. Tôi chỉ ích kỷ thôi."

"Ôi, cái thứ thói tha chết tiết đó! Ông biết rõ hơn thế!"

"Tôi không biết..." Giọng ông mệt mỏi. "Tôi đã ngồi đây, cố gắng nghĩ về nó... Tôi không biết điều gì là đúng nữa..." Ông nói thêm, "Tôi không nghĩ mình còn quan tâm nữa."

Cô chợt nhận ra rằng mọi lời nói thêm đều vô ích và Dan Conway sẽ không bao giờ hành động nữa. Cô không biết điều gì khiến cô chắc chắn về điều đó. Cô nói, giọng trầm ngâm, "Ông chưa bao giờ bỏ cuộc trước một trận chiến nào cả."

"Không, tôi đoán thế..." Ông nói với vẻ ngạc nhiên lặng lẽ, thờ ơ. "Tôi đã chống chọi với bão lũ, trượt đá và nứt đường sắt... Tôi biết cách làm điều đó, và tôi thích làm điều đó... Nhưng trận chiến này — đây là trận chiến mà tôi không thể đấu tranh."

"Tại sao?"

"Tôi không biết. Ai biết được tại sao thế giới lại thế này? Ôi, John Galt là ai?"

Cô nhăn mặt. "Vậy ông định làm gì?"

"Tôi không biết..."

"Ý tôi là—" Cô dừng lại.

Ông hiểu cô muốn nói gì. "À, luôn có việc để làm..." Ông nói không chút nhiệt huyết. "Tôi đoán họ chỉ hạn chế ở Colorado và New Mexico thôi. Tôi vẫn còn tuyến đường ở Arizona để điều hành." Ông nói thêm, "Như hai mươi năm trước... Chà, điều đó sẽ khiến tôi bận rộn. Tôi mệt mỏi rồi, Dagny. Tôi không để ý đến nó, nhưng tôi đoán là vậy."

Cô không thốt nên lời.

"Tôi sẽ không xây đường sắt qua một trong những vùng hoang tàn của họ," ông nói với giọng thờ ơ như cũ. "Đó là thứ họ cố gắng dụ tôi làm, nhưng tôi nghĩ đó chỉ là chuyện phiếm. Không ai có thể xây đường sắt ở những nơi không có một mét đường nào và nông dân không đủ sức tự nuôi mình. Không thể xây một con đường mà không thu được gì. Nếu không có lợi nhuận, ai sẽ đến? Điều đó vô nghĩa với tôi. Họ không biết mình đang nói gì."

"Ôi, quý tha ma bắt những vùng đất cằn cỗi của họ đi! Tôi đang nghĩ đến ông." Cô buộc phải nói thẳng. "Ông sẽ làm gì với chính mình?"

"Tôi không biết... À, có nhiều việc tôi chưa có thời gian làm. Câu cá chẳng hạn. Tôi luôn thích câu cá. Có lẽ tôi sẽ bắt đầu đọc sách, điều mà tôi luôn muốn làm. Có lẽ giờ tôi sẽ có thời gian. Chắc là tôi sẽ đi câu cá. Ở Arizona có nhiều nơi đẹp, phong cảnh tuyệt vời, yên tĩnh và quan trọng là không gặp ai trong bán kính cả cây số..." Ông ngược nhìn cô và nói thêm, "Thôi bỏ đi. Sao cô phải lo cho tôi?"

"Không phải vì ông, mà là... Dan," cô buột miệng, "tôi hy vọng ông hiểu rằng không phải vì lợi ích của ông mà tôi muốn giúp ông chiến đấu."

Ông mỉm cười; một nụ cười thân thiện yếu ớt. "Tôi biết," ông nói.

"Không phải vì thương hại hay từ thiện hay bất kỳ lý do đáng khinh nào như thế. Nghe này, tôi đã định giao cho ông trận chiến của đời mình ở Colorado. Tôi đã định

xâm nhập vào công việc kinh doanh của ông, dồn ông vào chân tường và đẩy ông ra ngoài, nếu cần."

Ông cười nhạt; đó là sự đánh giá cao. "Cô hẳn sẽ làm tốt việc đó," ông nói.

"Chỉ là tôi không nghĩ điều đó sẽ cần thiết. Tôi nghĩ ở đó đủ chỗ cho cả hai chúng ta."

"Phải," ông nói. "Đúng vậy."

"Tuy nhiên, nếu tôi thấy không đủ, tôi sẽ chiến đấu với ông, và nếu tôi có thể làm tuyến đường của mình tốt hơn của ông, tôi sẽ đánh bại ông mà không quan tâm điều gì xảy ra. Nhưng điều này... Dan, tôi không nghĩ tôi muốn nhìn vào tuyến Rio Norte của chúng ta lúc này. Tôi... Ôi lạy Chúa, Dan, tôi không muốn trở thành kẻ cướp bóc!"

Ông lặng lẽ nhìn cô một lúc. Đó là ánh nhìn kỳ lạ, như thể từ một khoảng cách rất xa. Ông nói nhẹ nhàng, "Đáng lẽ cô nên sinh ra cách đây một trăm năm, cô bé ạ. Lúc đó cô mới có cơ hội."

"Chết tiệt với điều đó. Tôi sẽ tự tạo cơ hội cho mình."

"Đó cũng là điều tôi đã nghĩ ở tuổi cô."

"Và ông đã thành công."

"Tôi đã thành công sao?"

Cô ngồi im, bất động.

Ông ngồi thẳng dậy và nói sắc lạnh, gần như ra lệnh. "Cô nên chăm lo kỹ hơn cho tuyến Rio Norte của mình, và tốt hơn hết là làm ngay—nhanh lên. Chuẩn bị sẵn sàng trước khi tôi rời đi, bởi nếu không, đó sẽ là dấu chấm hết cho Ellis Wyatt và tất cả những người còn lại ở đó—họ là những người giỏi nhất còn sót lại trong cả nước. Cô

không thể để điều đó xảy ra. Giờ tất cả phụ thuộc vào cô. Đừng phí công giải thích với anh trai cô rằng mọi thứ sẽ khó khăn hơn nhiều khi không có tôi cạnh tranh. Nhưng cô và tôi đều biết điều đó. Vì vậy, hãy tiến lên. Dù làm gì đi nữa, cô sẽ không phải là kẻ cướp bóc. Không kẻ cướp bóc nào có thể điều hành đường sắt ở vùng đất đó và tồn tại lâu dài. Bất cứ điều gì cô làm ở đó, cô đều phải tự kiểm lấy. Dù sao thì anh trai cô cũng không quan trọng. Tất cả giờ phụ thuộc vào cô."

Cô ngồi nhìn ông, tự hỏi điều gì đã đánh bại một người đàn ông như thế này; cô biết chắc rằng không phải James Taggart.

Cô thấy ông đang nhìn mình, như thể ông đang vật lộn với một câu hỏi riêng. Rồi ông cười, và cô ngạc nhiên nhận ra nụ cười ấy ẩn chứa nỗi buồn và lòng thương xót.

"Tốt hơn là cô đừng cảm thấy có lỗi với tôi," ông nói. "Tôi nghĩ trong hai chúng ta, chính cô mới là người gặp nhiều khó khăn hơn phía trước. Và tôi e rằng cô sẽ còn khổ sở hơn cả tôi."

Cô gọi điện cho các nhà máy và hẹn gặp Hank Rearden vào chiều hôm đó. Cô vừa gác máy và đang cúi xuống xem bản đồ tuyến Rio Norte trải trên bàn thì cánh cửa bật mở. Dagny giật mình ngẩng lên; cô không ngờ có người vào văn phòng mà không báo trước.

Người đàn ông bước vào là một người lạ. Anh ta trẻ, cao, và toát lên vẻ gì đó bạo liệt, dù cô không thể xác định chính xác đó là gì, bởi ấn tượng đầu tiên về anh ta là sự tự chủ gần như kiêu hãnh. Anh ta có đôi mắt đen, mái tóc rối, và bộ quần áo đắt tiền nhưng mặc như thể không hề để tâm đến nó.

"Ellis Wyatt," anh tự giới thiệu.

Cô bất giác đứng dậy. Cô hiểu tại sao không ai có thể ngăn anh ta vào văn phòng.

"Mời anh ngồi, anh Wyatt," cô nói kèm nụ cười.

"Không cần," anh không đáp lại nụ cười. "Tôi không định ở lâu."

Chậm rãi và có chủ ý, cô ngồi xuống, ngã người ra sau và nhìn anh.

"Anh khỏe chứ?" cô hỏi.

"Tôi đến gặp cô vì tôi hiểu cô là người duy nhất có đầu óc trong cái công ty thối nát này."

"Tôi có thể giúp gì cho anh?"

"Cô có thể nghe một tối hậu thư." Anh nói từng từ rõ ràng, nhấn mạnh từng âm tiết một cách khác thường. "Tôi kỳ vọng Taggart Transcontinental, trong chín tháng tới, sẽ chạy tàu ở Colorado theo yêu cầu kinh doanh của tôi. Nếu việc loại bỏ Phoenix-Durango là để các người tránh phải nỗ lực, thì tôi nói cho cô biết rằng cô sẽ không thoát được đâu. Tôi đã không tìm đến cô khi cô không thể cung cấp dịch vụ tôi cần. Tôi đã tìm được người có thể. Giờ cô muốn ép tôi phải giao dịch với cô. Cô mong áp đặt điều kiện bằng cách không cho tôi lựa chọn nào khác. Cô kỳ vọng tôi sẽ giữ công việc kinh doanh ở mức độ kém cỏi của cô. Tôi nói cho cô biết rằng cô đã tính sai."

Cô nói chậm rãi, cố gắng kiềm chế, "Tôi có nên nói cho anh biết kế hoạch của chúng tôi về dịch vụ ở Colorado không?"

"Không. Tôi không quan tâm đến thảo luận và dự định. Tôi cần phương tiện vận chuyển. Cách cô cung cấp và thực hiện nó là việc của cô, không phải của tôi. Tôi chỉ đưa ra cảnh báo. Ai muốn giao dịch với tôi phải theo điều kiện của tôi hoặc không giao dịch. Tôi không chấp nhận sự kém cỏi. Nếu cô muốn kiếm tiền từ việc vận chuyển dầu của tôi, cô phải giỏi trong công việc của mình như tôi giỏi trong công việc của tôi. Tôi mong cô hiểu điều này."

Cô khẽ nói, "Tôi hiểu."



"Tôi sẽ không lãng phí thời gian giải thích tại sao cô nên nghiêm túc với tối hậu thư này. Nếu cô đủ thông minh để giữ cho tổ chức thối nát này hoạt động, cô đủ thông minh để tự đánh giá. Chúng ta đều biết nếu Taggart Transcontinental chạy tàu ở Colorado như cách đây năm năm, nó sẽ hủy hoại tôi. Tôi biết đó là điều cô định làm. Cô có thể vất kiệt tôi khi còn có thể rồi tìm con mồi khác sau khi đã đốt xong. Đó là

cách hành xử của phần lớn nhân loại ngày nay. Vậy nên, đây là tối hậu thư của tôi: giờ cô có quyền năng tiêu diệt tôi; tôi có thể phải ra đi; nhưng nếu tôi đi, tôi sẽ đảm bảo kéo theo tất cả những người còn lại của cô."

Ở một nơi nào đó trong cô, dưới lớp tê dại đang bao trùm sau cú sốc, cô cảm thấy một điểm đau nhói, nóng bỏng. Cô muốn kể cho anh nghe về những năm tháng cô đã dành để tìm kiếm những người như anh để cộng tác; cô muốn nói với anh rằng kẻ thù của anh cũng là kẻ thù của cô, rằng cô đang chiến đấu cùng một trận chiến; cô muốn thốt lên: Tôi không phải là một trong số họ! Nhưng cô biết mình không thể. Cô gánh vác trách nhiệm đối với Taggart Transcontinental và mọi việc được thực hiện dưới danh nghĩa của nó; cô không có quyền biện minh cho bản thân lúc này.

Ngồi thẳng lưng, đáp lại ánh nhìn thẳng thắn của anh, cô nói đều đều: "Anh sẽ có được phương tiện vận chuyển mà anh cần, anh Wyatt."

Cô nhận thấy thoáng ngạc nhiên trên khuôn mặt anh; đây không phải phản ứng hay câu trả lời anh đã dự đoán; có lẽ điều khiến anh ngạc nhiên nhất chính là những gì cô không nói - cô không hề bào chữa. Anh im lặng một lúc để quan sát cô. Rồi anh nói, giọng bớt gay gắt:

"Được rồi. Cảm ơn cô. Chúc một ngày tốt lành."

Cô nghiêng đầu. Anh cúi chào và rời khỏi văn phòng.

"Đó là tình hình, Hank. Tôi đã lên kế hoạch gần như bất khả thi để hoàn thành Tuyến Rio Norte trong mười hai tháng. Giờ tôi phải làm trong chín tháng. Ông đã hứa cung cấp đường ray trong một năm. Ông có thể rút ngắn xuống chín tháng không? Nếu có bất kỳ cách nào để làm được, xin hãy làm. Nếu không, tôi sẽ phải tìm giải pháp khác."

Rearden ngồi sau bàn làm việc. Đôi mắt xanh lạnh lùng như hai vết cắt ngang trên

khuôn mặt hốc hác; chúng vẫn nằm ngang, khép hờ thờ ơ; ông nói đều đều, không nhấn nhá:

"Tôi sẽ làm."

Dagny ngã người ra ghế. Ba từ ngắn gọn ấy khiến cô choáng váng. Không chỉ vì nhẹ nhõm: mà còn vì nhận ra đột ngột rằng không cần gì thêm để đảm bảo việc này sẽ được thực hiện; không cần bằng chứng, không cần câu hỏi, không cần giải thích; một vấn đề phức tạp có thể được giải quyết bằng ba âm tiết từ một người đàn ông hiểu rõ điều mình nói.

"Đừng để lộ vẻ nhẹ nhõm như thế." Giọng ông mĩa mai. "Dù không quá rõ ràng." Đôi mắt nheo lại nhìn cô với nụ cười châm biếm. "Tôi có thể nghĩ rằng mình đang nắm cả Taggart Transcontinental trong tay."

"Dù sao ông cũng biết điều đó mà."

"Đúng vậy. Và tôi định bắt cô phải trả giá."

"Tôi đoán thế. Bao nhiêu?"

"Thêm 20 đô la mỗi tấn cho đơn hàng giao sau hôm nay."

"Khá đắt đấy, Hank. Đó là giá tốt nhất ông có thể đưa ra sao?"

"Không. Nhưng đó là giá tôi sẽ lấy. Tôi có thể đòi gấp đôi và cô vẫn sẽ trả."

"Vâng, tôi sẽ trả. Và ông làm được. Nhưng ông sẽ không làm thế."

"Tại sao tôi lại không?"

"Bởi vì ông cần xây dựng Tuyến Rio Norte. Đây là màn ra mắt đầu tiên của Rearden Metal."

Ông ta cười khúc khích. "Đúng rồi. Tôi thích giao dịch với người không ảo tưởng về

việc được ưu đãi."

"Ông có biết điều gì khiến tôi nhẹ nhõm khi ông quyết định tận dụng lợi thế đó không?"

"Điều gì?"

"Cuối cùng tôi cũng được đối mặt với một người không giả vờ ban ơn."

Nụ cười của ông mang một vẻ rõ ràng: đó là sự thích thú. "Cô luôn thẳng thắn, phải không?" ông hỏi.

"Tôi chưa từng thấy ông làm khác."

"Tôi nghĩ tôi là người duy nhất có đủ khả năng."

"Theo nghĩa đó, tôi không dễ bị khuất phục đâu, Hank."

"Tôi nghĩ một ngày nào đó tôi sẽ khuất phục được cô — theo nghĩa đó."

"Tại sao?"

"Tôi luôn muốn thử."

"Xung quanh ông không đủ những kẻ hèn nhát sao?"

"Đó là lý do tôi muốn thử với cô — vì cô là ngoại lệ duy nhất. Vậy, cô nghĩ đúng là tôi nên vắt kiệt từng xu lợi nhuận trong tình thế khản cấp của cô?"

"Dĩ nhiên. Tôi không ngạc. Tôi không nghĩ ông kinh doanh vì sự thuận tiện của tôi."

"Cô không ước là vậy sao?"

"Tôi không phải kẻ lừa đảo, Hank."

"Cô sẽ không gặp khó khăn khi trả tiền chứ?"

"Đó là việc của tôi, không phải của ông. Tôi cần những đường ray đó."

"Thêm hai mươi đô la một tấn?"

"Được, Hank."

"Tốt. Cô sẽ có đường ray. Tôi có thể thu được khoản lợi nhuận kếp xù — hoặc Taggart Transcontinental sẽ sụp đổ trước khi tôi kịp thu."

Cô nói, không hề cười: "Nếu tôi không xây dựng tuyến đường đó trong chín tháng, Taggart Transcontinental sẽ sụp đổ."

"Nó sẽ không sụp đổ, miễn là cô còn điều hành nó."

Khi không cười, khuôn mặt ông trở nên vô cảm, chỉ còn đôi mắt là sống động, lấp lánh với vẻ lạnh lùng, sắc sảo của tri giác. Nhưng những gì ông cảm nhận từ những điều ông nhận thức, không ai được phép biết, cô nghĩ, có lẽ ngay cả bản thân ông.

"Họ đã cố hết sức gây khó dễ cho cô, phải không?" ông nói.

"Đúng vậy. Tôi đã trông cậy vào Colorado để cứu hệ thống Taggart. Giờ thì tôi phải cứu Colorado. Chín tháng nữa, Dan Conway sẽ đóng cửa tuyến đường của ông ấy. Nếu tuyến của tôi chưa sẵn sàng, việc hoàn thành nó sau đó cũng vô ích. Ông không thể bỏ mặc những doanh nhân đó không có phương tiện vận chuyển dù chỉ một ngày, chứ đừng nói đến một tuần hay một tháng. Với tốc độ phát triển của họ, ông không thể để họ ngưng hoạt động rồi mong họ tiếp tục sau đó. Như thể dừng đột ngột một động cơ đang chạy hai trăm dặm một giờ vậy."

"Tôi hiểu."

"Tôi có thể điều hành một tuyến đường sắt tốt. Nhưng tôi không thể vận hành nó trên một lục địa toàn những nông dân không đủ khả năng trồng nổi củ cải. Tôi cần những người như Ellis Wyatt để sản xuất hàng hóa cho đoàn tàu chở. Vì vậy, tôi phải cung cấp cho anh ta một tuyến đường sắt trong chín tháng tới, cho dù có phải ném

tất cả những người khác xuống địa ngục!"

Ông mỉm cười, thích thú. "Cô cảm thấy rất mạnh mẽ về điều đó, phải không?"

"Ông thì không?"

Ông không trả lời, chỉ giữ nụ cười.

"Ông không lo lắng về nó sao?" cô hỏi, gần như giận dữ.

"Không."

"Vậy ông không nhận ra ý nghĩa của nó?"

"Tôi nhận ra rằng tôi sẽ cung cấp được đường ray và cô sẽ hoàn thành tuyến đường trong chín tháng tới."

Cô mỉm cười, thả lỏng người, mệt mỏi và hơi áy náy. "Đúng vậy. Tôi biết chúng ta sẽ làm được. Tôi biết thật vô ích khi nổi giận với những người như Jim và bạn bè anh ta. Chúng ta không có thời gian cho việc đó. Trước tiên, tôi phải sửa chữa những gì họ đã làm. Rồi sau đó—" cô dừng lại, trầm ngâm, lắc đầu và nhún vai—"sau đó, chúng sẽ không còn là vấn đề nữa."

"Đúng thế. Họ sẽ không còn là vấn đề. Tôi đã phát ngán khi nghe về cái luật 'Anti-dog-eat-dog' đó. Nhưng đừng lo về lũ khốn kiếp ấy." Hai từ cuối nghe bạo liệt đến kinh ngạc, bởi vẻ mặt và giọng nói của ông vẫn bình thản. "Cô và tôi sẽ luôn ở đây để cứu đất nước khỏi hậu quả việc làm của họ." Ông đứng dậy, đi quanh văn phòng. "Colorado sẽ không bị dừng lại. Cô sẽ vượt qua được. Rồi Dan Conway sẽ quay lại, và những người khác cũng vậy. Tất cả sự điên rồ này chỉ là tạm thời. Nó không thể kéo dài. Nó phi lý đến mức tự nó sẽ thất bại. Cô và tôi chỉ cần làm việc chăm chỉ hơn một thời gian ngắn mà thôi."

Cô nhìn theo bóng dáng cao lớn của ông di chuyển quanh văn phòng. Căn phòng rất hợp với ông—chỉ có vài món đồ nội thất cần thiết, tất cả đều được đơn giản hóa tối

đa cho mục đích thiết yếu, nhưng đều có chất lượng vật liệu và thiết kế hảo hạng. Căn phòng trông như một động cơ—một động cơ được đặt trong khung kính của những ô cửa sổ rộng. Nhưng cô nhận ra một chi tiết bất ngờ: một bình ngọc bích đặt trên tủ hồ sơ. Chiếc bình là một khối đá xanh lục sẫm nguyên khối được chạm trổ trên bề mặt nhẵn bóng; những đường cong mượt mà của nó khơi gợi một ham muốn không cưỡng nổi được chạm vào. Nó thật khác thường trong văn phòng này, không hợp với sự nghiêm khắc của mọi thứ còn lại: đó là một biểu hiện của nhục cảm.

"Colorado là một nơi tuyệt vời," ông nói. "Nó sẽ là đấu trường vĩ đại nhất cả nước. Cô nghĩ tôi không quan tâm sao? Tiểu bang đó đang trở thành một trong những khách hàng tốt nhất của tôi—cô hẳn biết điều đó nếu đã đọc các báo cáo lưu lượng hàng hóa của mình."

"Tôi biết. Tôi đã đọc chúng."

"Tôi đang cân nhắc xây một nhà máy ở đó trong vài năm tới. Để giảm chi phí vận chuyển cho họ." Ông liếc nhìn cô.

"Ông sẽ mất một khoản lớn từ vận chuyển thép nếu làm vậy."

"Cứ tiếp tục đi. Tôi sẽ hài lòng với việc vận chuyển hàng hóa và tạp phẩm cho công nhân của cô, cùng với cước phí từ các nhà máy sẽ theo chân cô đến đó—và có lẽ tôi sẽ không có thời gian để nhận ra mình đã mất đi vận chuyển thép của cô... Cô cười gì vậy?"

"Thật tuyệt vời."

"Cái gì?"

"Cách ông phản ứng khác hẳn mọi người."

"Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận rằng hiện tại ông là người gửi hàng đơn lẻ quan trọng nhất của Taggart Transcontinental."

"Cô có cho là tôi biết không?"

"Vì vậy, tôi không thể hiểu tại sao Jim—" Cô dừng lại.

"—cố gắng hết sức để làm hại công việc kinh doanh của tôi? Bởi vì anh trai cô là một kẻ ngốc."

"Anh ấy đúng là vậy. Nhưng còn hơn thế nữa. Có điều gì đó tồi tệ hơn cả sự ngu ngốc."

"Đừng lãng phí thời gian để tìm hiểu về anh ta. Cứ để anh ta làm theo ý mình. Anh ta chẳng gây nguy hiểm cho ai cả. Những người như Jim Taggart chỉ làm xáo trộn thế giới thôi."



"Tôi cũng nghĩ vậy."

"Nhân tiện, cô sẽ làm gì nếu tôi nói rằng tôi không thể giao đường ray sớm hơn cho cô?"

"Tôi sẽ tháo dỡ các tấm ván hoặc đóng cửa một số đường nhánh, bất kỳ đường nhánh nào, và tôi sẽ dùng những thanh ray đó để hoàn thành tuyến đường Rio Norte đúng hạn."

Ông khẽ cười. "Đó là lý do tại sao tôi không lo lắng về Taggart Transcontinental. Nhưng cô sẽ không cần phải tháo dỡ những đường ray cũ đâu. Tôi sẽ sớm giao hàng thôi."

Cô chợt nhận ra mình đã nhầm về vẻ lạnh lùng của ông: ẩn sau phong thái ấy là niềm vui thích. Cô nhận ra mình luôn cảm thấy thoải mái khi ở bên ông và biết rằng ông cũng vậy. Ông là người đàn ông duy nhất mà cô có thể trò chuyện mà không cần căng thẳng hay gắng sức. Cô xem ông như một tâm hồn đáng kính trọng, một đối thủ xứng tầm. Tuy nhiên, giữa họ vẫn còn một khoảng cách kỳ lạ, như thể có một cánh cửa đóng kín; có điều gì đó kiêu hãnh trong con người ông, một phần không thể chạm tới được.

Ông dừng lại bên cửa sổ, đứng im một lúc, nhìn ra ngoài. "Cô có biết lô hàng đường ray đầu tiên sẽ được giao cho cô hôm nay không?" ông hỏi.

"Tất nhiên là tôi biết."

"Lại đây."

Cô đến bên ông. Ông lặng lẽ chỉ tay. Xa xa, bên ngoài các công trình của nhà máy, cô thấy một dãy toa gondola đang đậu trên đường ray. Cản cầu vắt ngang bầu trời phía trên. Nó đang chuyển động. Nam châm khổng lồ của nó giữ chặt một chồng đường ray bằng lực hút trên bề mặt tiếp xúc. Dù không thấy mặt trời trong làn mây xám, nhưng những thanh ray vẫn lấp lánh như thể hút ánh sáng từ không gian. Kim loại có màu xanh lục. Sợi xích lớn dừng trên một toa xe, hạ xuống, giật nhanh rồi rời khỏi đường ray trong xe. Cản cầu di chuyển trở lại với vẻ uy nghi thờ ơ; trông nó như một định lý hình học khổng lồ chuyển động trên đầu con người và mặt đất.

Họ đứng bên cửa sổ, im lặng quan sát. Cô không nói gì cho đến khi một khối kim loại xanh lục-lam khác chuyển động trên bầu trời. Và những lời đầu tiên cô thốt ra không phải về đường sắt, đường ray hay đơn hàng đúng hạn. Cô nói, như thể chào đón một hiện tượng mới của tự nhiên:

"Rearden Metal..."

Ông nhận ra điều đó nhưng không nói gì. Ông liếc nhìn cô rồi quay lại cửa sổ.

"Hank, điều này thật tuyệt."

"Đúng vậy."

Ông đáp một cách đơn giản, thẳng thắn. Không có vẻ tự mãn trong giọng nói, cũng không có sự khiêm nhường. Cô biết đây là một sự tôn vinh hiếm có mà người ta dành cho nhau: sự tự do thừa nhận sự vĩ đại của chính mình, biết rằng điều đó được thấu hiểu.

Cô nói, "Khi tôi nghĩ về tiềm năng của kim loại này... Hank, đây là điều quan trọng nhất đang diễn ra trên thế giới ngày nay, vậy mà không ai biết điều đó."

"Chúng ta biết."

Họ không nhìn nhau. Họ đứng xem cần cầu. Từ xa, cô có thể nhận ra các chữ cái TT trên đầu máy. Cô thấy rõ đường ray của khu công nghiệp sôi động nhất trong hệ thống Taggart.

"Ngay khi tìm được nhà máy có thể sản xuất," cô nói, "tôi sẽ đặt hàng đầu máy Diesel làm từ Rearden Metal."

"Cô sẽ cần chúng. Hiện giờ tàu của cô chạy nhanh đến đâu trên đường ray Rio Norte?"

"Bây giờ ư? May lắm là hai mươi dặm một giờ."

Ông chỉ về phía những toa xe. "Khi đường ray mới hoàn thành, cô có thể cho tàu chạy hai trăm năm mươi dặm một giờ, nếu muốn."

"Tôi sẽ làm thế trong vài năm tới, khi chúng ta có những toa xe bằng Rearden Metal - nhẹ bằng nửa thép nhưng an toàn gấp đôi."

"Cô nên để mắt đến ngành hàng không. Chúng tôi đang phát triển một hợp kim Rearden Metal mới. Nó gần như không có trọng lượng. Rồi cô sẽ thấy thời đại của vận tải hàng không đường dài đến sớm thôi."

"Tôi đã nghĩ về những gì kim loại này sẽ làm được cho động cơ - bất kỳ loại động cơ nào mà người ta có thể thiết kế."

"Còn hàng rào dây thép gà thì sao? Chỉ một hàng rào đơn giản bằng Rearden Metal cũng sẽ có giá vài xu một dặm và tồn tại được hai trăm năm. Rồi những dụng cụ nhà bếp có thể truyền từ đời này sang đời khác. Và những con tàu biển mà ngư lôi không thể đánh chìm."

"Tôi có kể với ông về việc tôi đang thử nghiệm dây liên lạc bằng Rearden Metal không?"

"Tôi cũng đang tiến hành nhiều thử nghiệm để chứng minh cho mọi người thấy tiềm năng và cách ứng dụng của nó."

Họ thảo luận về kim loại và những khả năng dường như vô tận của nó. Như thể họ đang đứng trên đỉnh núi, phóng tầm mắt xuống một đồng bằng mênh mông với vô số con đường trải dài khắp hướng. Tuy nhiên, cuộc trò chuyện của họ chỉ xoay quanh những con số - trọng lượng, áp suất, lực cản và chi phí.

Cô quên hết về người anh trai và Liên minh Quốc gia của anh ta. Cô quên đi mọi rắc rối, con người và sự kiện phía sau - tất cả đều mờ nhạt trong tâm trí cô, trở thành quá khứ thoáng qua, bị gạt sang một bên, chưa bao giờ là chung cuộc, chưa bao giờ hoàn toàn hiện hữu. Cô nhận ra đây mới là thực tại - cảm giác về sự rõ ràng, về mục

đích, về sự nhẹ nhõm, về hy vọng. Đây là cách sống mà cô hằng mong ước - không một giây phút nào lãng phí, không việc gì có ý nghĩa hơn thế này.

Cô nhìn ông đúng lúc ông quay sang nhìn cô. Họ đứng rất gần nhau. Trong mắt ông, cô thấy được cùng cảm xúc như mình. Cô nghĩ, nếu niềm vui là mục đích và cốt lõi của sự tồn tại, và nếu khả năng tạo ra niềm vui là điều bí mật sâu kín nhất của mỗi người, thì trong khoảnh khắc đó, họ đã nhìn thấy được bản chất thật của nhau.

Ông lùi lại một bước và thốt lên với giọng điệu kỳ lạ đầy ngạc nhiên: "Chúng ta là những kẻ vô lại, phải không?"

"Sao ông lại nói vậy?"

"Chúng ta chẳng có mục tiêu hay phẩm chất tinh thần nào cả. Tất cả những gì chúng ta theo đuổi là vật chất. Đó là tất cả những gì chúng ta quan tâm."

Cô nhìn ông, không hiểu. Nhưng ông đang nhìn thẳng về phía trước, về phía cần cầu đằng xa. Cô ước ông đã không nói ra điều đó. Lời buộc tội chẳng làm cô bận tâm - cô chưa bao giờ nghĩ về bản thân theo cách đó và hoàn toàn không có khả năng cảm thấy tội lỗi cơ bản. Nhưng cô cảm thấy một nỗi lo ngại mơ hồ không thể định nghĩa, gợi ý rằng có điều gì đó nghiêm trọng đã khiến ông nói ra điều đó, điều gì đó nguy hiểm đối với ông. Đó không phải lời nói vô tình. Nhưng trong giọng nói của ông không có cảm xúc nào, không van xin hay xấu hổ. Ông nói điều đó một cách thân nhiên, như thể đó là một sự thật hiển nhiên.

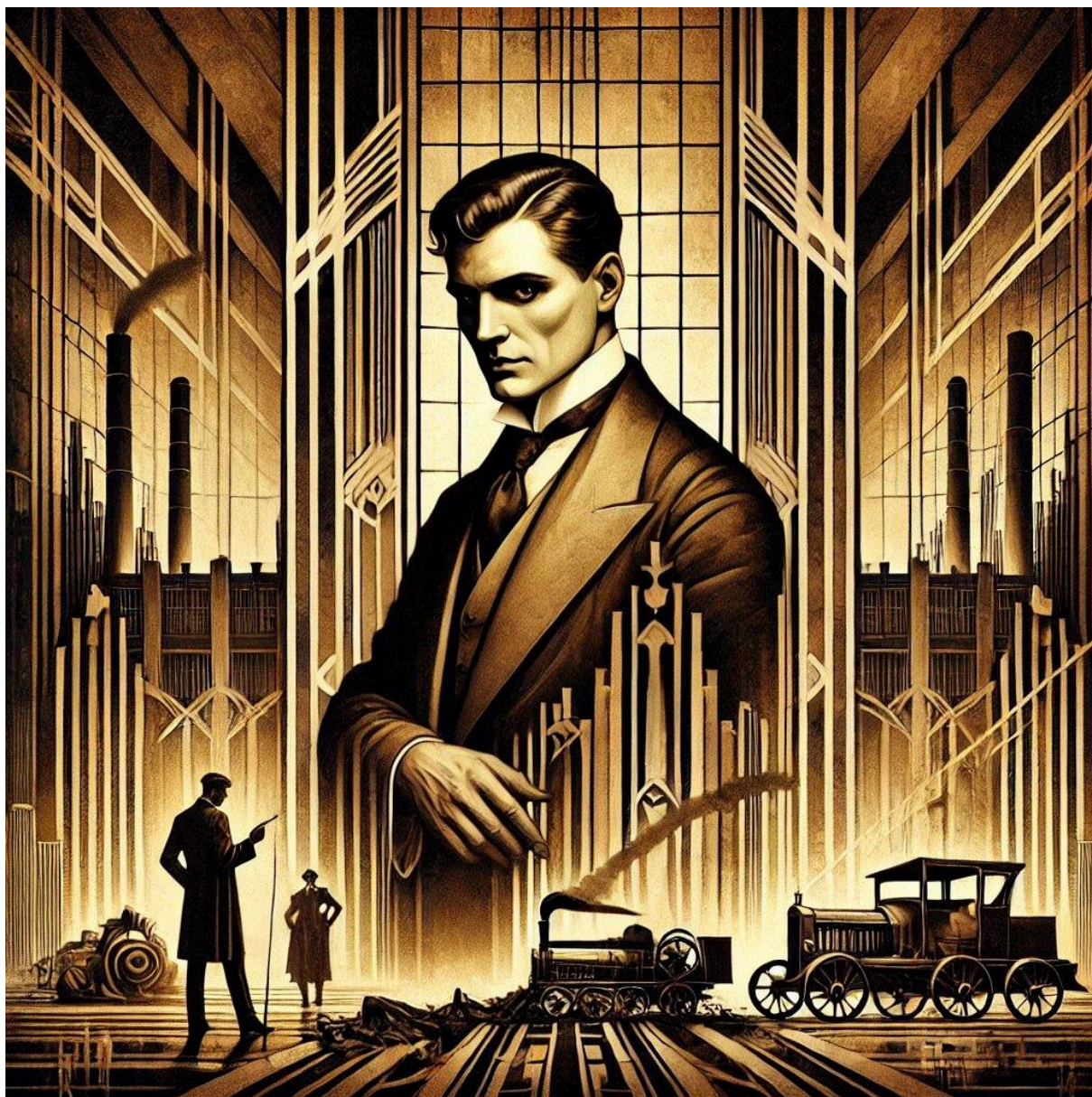
Rồi khi nhìn ông, nỗi lo ngại của cô tan biến. Ông đang nhìn những nhà máy của mình qua cửa sổ; trên gương mặt không có dấu hiệu của tội lỗi hay nghi ngờ, chỉ có sự bình thản của một niềm tự tin không thể lay chuyển.

"Dagny," ông nói, "dù chúng ta là ai đi nữa, chính chúng ta là người vận hành thế giới và chính chúng ta sẽ là người chiến thắng."

Atlas vươn mình

Phần I: Phi mâu thuẫn

Chương V: Cực điểm của D'Anconias



Người dịch: Zanglink

Tờ báo là thứ đầu tiên cô chú ý. Nó được nắm chặt trong tay Eddie khi anh bước vào văn phòng. Cô ngược nhìn khuôn mặt anh — trông rất căng thẳng và hoang mang.

"Dagny, cô đang rất bận phải không?"

"Có chuyện gì vậy?"

"Tôi biết cô không thích nói về anh ấy. Nhưng có điều gì đó ở đây tôi nghĩ cô nên xem."

Cô lặng lẽ đưa tay ra lấy tờ báo.

Câu chuyện trên trang nhất thông báo rằng khi tiếp quản Mỏ San Sebastián, chính phủ Bang Nhân dân Mexico đã phát hiện ra rằng nó hoàn toàn vô giá trị — một cách trắng trợn và không thể cứu vãn. Năm năm làm việc và hàng triệu đô la đã bỏ ra chỉ để lại những hố đào trống rỗng. Vài dấu vết đồng tìm thấy không đáng để khai thác. Không có mỏ kim loại lớn nào tồn tại hay có thể tồn tại ở đó, và không có dấu hiệu nào cho thấy bất kỳ ai có thể bị lừa dối về điều này. Chính phủ Bang Nhân dân Mexico đã tổ chức các phiên họp khẩn cấp, làn sóng phản nộ dâng cao — họ cảm thấy mình đã bị lừa.

Quan sát cô, Eddie nhận ra Dagny đã ngồi nhìn tờ báo rất lâu sau khi đọc xong. Anh biết mình đã đúng khi cảm thấy lo sợ, dù không thể giải thích được điều gì trong câu chuyện khiến anh sợ hãi.

Anh chờ đợi. Cô ngẩng đầu lên nhưng không nhìn anh. Đôi mắt cô dán chặt, tập trung, như thể đang cố gắng nhận ra điều gì đó ở một khoảng cách rất xa.

Anh nói, giọng trầm xuống: "Francisco không phải là kẻ ngốc. Dù anh ấy có thể như thế nào, dù anh ấy đã chìm đắm trong sự sa đọa nào — và tôi cũng đã từ bỏ việc tìm hiểu lý do — nhưng anh ấy chắc chắn không phải kẻ ngốc. Anh ấy không thể mắc sai lầm kiểu này. Điều đó không thể. Tôi không hiểu nổi."

"Tôi đang bắt đầu suy nghĩ."

Cô ngồi dậy, giật bắn người vì một chuyển động đột ngột chạy dọc cơ thể như một cơn rùng mình. Cô nói:

"Gọi cho anh ta tại Wayne-Falkland và nói với tên khốn rằng tôi muốn gặp hắn."

"Dagny," anh nói một cách buồn bã, trách móc, "đó là Frisco d'Anconia."

"Đúng vậy."

Cô đi qua những con phố chạng vạng của thành phố để đến khách sạn Wayne-Falkland. "Anh ấy nói sẽ gặp bất cứ lúc nào cô muốn," Eddie đã nói với cô. Những ánh sáng đầu tiên lấp lánh trên các ô cửa sổ cao dưới những đám mây. Các tòa nhà chọc trời như những ngọn hải đăng hoang phế, phát ra những tín hiệu yếu ớt, tàn lụi trên vùng biển trống vắng, nơi không còn tàu thuyền qua lại. Vài bông tuyết rơi xuống, lướt qua những cửa sổ tối của các cửa hàng trống trải, rồi tan chảy trong bùn trên vỉa hè. Một chuỗi đèn lồng đỏ cắt ngang phố, vụt tắt vào màn đêm âm u.

Cô tự hỏi tại sao mình lại muốn chạy, cảm thấy mình nên chạy; không, không phải xuống con phố này, mà xuống sườn đồi xanh mượt dưới ánh nắng chói chang, đến con đường bên rìa Hudson dưới chân khu điện trang Taggart. Đó là cách cô vẫn thường chạy mỗi khi Eddie hét lên "Đó là Frisco d'Anconia!" và cả hai cùng lao xuống đồi để đón chiếc ô tô đang tiến đến trên con đường bên dưới.

Anh ấy là vị khách duy nhất mà sự xuất hiện trở thành một sự kiện lớn nhất trong thời thơ ấu của họ. Việc chạy ra đón anh đã trở thành một cuộc thi giữa ba người. Có một cây bạch dương trên sườn đồi, giữa đường và nhà; Dagny và Eddie luôn cố gắng chạy đến cây đó trước khi Francisco leo lên đồi gặp họ. Qua bao nhiêu ngày, bao nhiêu mùa hè, họ chưa bao giờ đến được cây bạch dương trước; Francisco luôn

đến đó đầu tiên và chặn họ lại. Francisco luôn chiến thắng, bởi anh ấy chiến thắng trong mọi thứ.



Cha mẹ anh là bạn cũ của gia đình Taggart. Là con trai duy nhất, anh được nuôi dưỡng khắp nơi trên thế giới; người ta nói rằng cha anh muốn anh xem thế giới như tương lai của mình. Dagny và Eddie không bao giờ biết chắc anh sẽ trải qua mùa đông ở đâu; nhưng mỗi năm một lần, vào mùa hè, một gia sư người Nam Mỹ nghiêm

khắc lại đưa anh đến điền trang Taggart trong một tháng.

Francisco chọn những đứa trẻ nhà Taggart làm bạn đồng hành: chúng là người thừa kế của đế chế Taggart Transcontinental, như anh là người thừa kế của d'Anconia Copper. "Chúng ta là tầng lớp quý tộc duy nhất còn sót lại trên thế giới – tầng lớp quý tộc ham tiền," anh nói với Dagny một lần, khi anh mười bốn tuổi. "Đó là tầng lớp quý tộc thực sự duy nhất, nếu mọi người hiểu được ý nghĩa của nó, nhưng họ không hiểu."

Anh có hệ thống đẳng cấp riêng: với anh, những đứa trẻ nhà Taggart không phải là Jim và Dagny, mà là Dagny và Eddie. Anh hiếm khi để ý đến sự tồn tại của Jim. Eddie đã hỏi anh một lần, "Francisco, cậu thuộc tầng lớp quý tộc cao quý lắm phải không?" Anh đáp, "Chưa đâu. Lý do gia đình tôi tồn tại lâu đến vậy là vì không ai trong chúng tôi được phép nghĩ mình sinh ra đã là một d'Anconia. Chúng tôi được kỳ vọng phải trở thành một d'Anconia." Anh phát âm tên mình như thể muốn người nghe vừa bị tát vào mặt vừa được phong tước hiệp sĩ bởi âm thanh ấy.

Sebastián d'Anconia, tổ tiên của anh, đã rời Tây Ban Nha nhiều thế kỷ trước, khi Tây Ban Nha là quốc gia hùng mạnh nhất thế giới và ông là một trong những nhân vật đáng tự hào nhất của xứ sở này. Ông ra đi vì lãnh chúa của Tòa án Dị giáo không chấp nhận cách suy nghĩ của ông và đề nghị, trong một bữa tiệc của triều đình, rằng ông nên thay đổi. Sebastián d'Anconia ném ly rượu vào mặt lãnh chúa Tòa án Dị giáo và trốn thoát trước khi bị bắt. Ông để lại tài sản, gia sản, cung điện đá cẩm thạch và người con gái ông yêu – rồi dong buồm đến một thế giới mới.

Bất động sản đầu tiên của ông ở Argentina là một lán gỗ dưới chân núi Andes. Mặt trời chói lọi như ngọn hải đăng trên chiếc áo khoác bạc của d'Anconia đóng đinh trên cửa lán, trong khi Sebastián đào mộ đồng đầu tiên của mình. Ông dành nhiều năm, tay cầm cuốc, phá đá từ bình minh đến hoàng hôn, với sự giúp đỡ của vài kẻ lạc loài: những người đào ngũ từ quân đội đồng hương, những tội phạm đang trốn chạy, và những người da đỏ đói khổ.

Mười lăm năm sau khi rời Tây Ban Nha, Sebastián d'Anconia đã gửi thư cho người con gái ông yêu—người vẫn kiên nhẫn đợi ông. Khi đến nơi, bà thấy chiếc áo khoác bạc treo trên lối vào của một cung điện đá cẩm thạch, những khu vườn của một điền trang rộng lớn, và những ngọn núi điểm tuyết những hố quặng đỏ ở xa xa. Ông bế bà qua ngưỡng cửa. Ông trông còn trẻ hơn lần cuối bà gặp.

"Tổ tiên của tôi và của bạn," Francisco nói với Dagny, "hẳn đã rất hợp nhau."

Suốt những năm tháng thơ ấu, Dagny sống trong tương lai—trong một thế giới cô mong đợi sẽ tìm thấy, nơi cô không phải cảm thấy khinh miệt hay chán nản. Nhưng một tháng mỗi năm, cô được tự do. Một tháng ấy, cô có thể sống trong hiện tại. Mỗi khi chạy xuống đồi gặp Francisco d'Anconia, cô cảm tựa như được thoát khỏi nhà tù.

"Chào Slug!"

"Chào Frisco!"

Ban đầu, cả hai đều phẫn nộ với những biệt danh đó. "Ý cậu là gì?" cô giận dữ hỏi. Anh đáp, "Nếu cô chưa biết, 'Slug' nghĩa là ngọn lửa lớn trong hộp cứu hỏa đầu máy xe lửa." "Cậu học từ đó ở đâu?" "Từ mấy quý ông dọc tuyến đường Taggart." Anh nói được năm thứ tiếng, và nói tiếng Anh không có trọng âm—một thứ tiếng Anh chuẩn mực, văn hóa nhưng cố tình pha trộn với tiếng lóng. Cô trả đũa bằng cách gọi anh là Frisco. Anh cười, vừa thích thú vừa bức bối. "Nếu lũ man rợ các người nhất định phải xúc phạm tên một thành phố vĩ đại, thì ít ra đừng làm vậy với ta." Nhưng rồi họ dần yêu thích những biệt danh ấy.

Mọi chuyện bắt đầu vào mùa hè thứ hai bên nhau, khi anh mười hai tuổi và cô mười tuổi. Mùa hè ấy, Frisco bắt đầu biến mất mỗi sáng vì một lý do bí ẩn. Anh đạp xe đi từ trước bình minh, rồi quay về đúng lúc bữa trưa được dọn trên bàn trắng pha lê ngoài sân thượng, với phong thái lịch thiệp đúng giờ và vẻ mặt ngây thơ vô tội. Anh chỉ cười, không trả lời khi Dagny và Eddie tra hỏi. Họ từng thử theo dõi anh một lần, lần mò qua bóng tối lạnh lẽo trước bình minh, nhưng đành bỏ cuộc—không ai có thể

theo dõi được anh khi anh không muốn bị theo dõi.

Sau một thời gian, bà Taggart bắt đầu lo lắng và quyết định điều tra. Bà không bao giờ biết được cách anh lách qua mọi luật lao động trẻ em, nhưng bà đã tìm ra nơi Francisco làm việc—qua một thỏa thuận không chính thức với người điều phối—như một cậu bé trực tổng đài cho Taggart Transcontinental tại một bộ phận trong khu vực. Người điều phối sững sốt trước chuyến thăm của bà; anh ta không hề biết cậu bé của mình là khách của nhà Taggart. Nhân viên đường sắt địa phương biết cậu với tên Frankie, và bà Taggart không muốn tiết lộ tên thật của cậu. Bà chỉ giải thích rằng cậu đang làm việc mà không có sự cho phép của cha mẹ và phải nghỉ việc ngay lập tức. Người điều phối rất tiếc phải sa thải cậu; Frankie, anh ta nói, là cậu bé giỏi nhất họ từng có. "Tôi thực sự muốn giữ cậu ấy lại. Có lẽ chúng ta có thể thương lượng với cha mẹ cậu ấy?" anh ta đề nghị. "E là không được," bà Taggart nhẹ nhàng đáp.

"Francisco," bà hỏi khi đưa anh về nhà, "bố cháu sẽ nói gì về việc này nếu ông ấy biết?"

"Cha cháu sẽ chỉ hỏi liệu cháu có làm tốt công việc đó hay không. Đó là tất cả những gì ông ấy quan tâm."

"Thôi nào, cô đang nói nghiêm túc đấy."

Francisco nhìn bà với vẻ lịch thiệp, phong thái của anh gợi nhớ về những phòng khách quý tộc và nhiều thế hệ nuôi dạy; nhưng trong ánh mắt anh có điều gì đó khiến bà không chắc về sự lễ độ ấy. "Mùa đông năm ngoái," anh đáp, "cháu đã trốn đi làm phụ tá trên một tàu chở đồng của d'Anconia. Cha cháu tìm cháu suốt ba tháng, nhưng khi cháu về, đó là điều duy nhất ông ấy hỏi."

"Vậy đó là cách cậu dành thời gian mùa đông của mình?" Jim Taggart nói, nụ cười của anh ta lộ rõ vẻ đắc thắng khi tìm được lý do để khinh miệt.

"Đó là mùa đông năm ngoái," Francisco vui vẻ đáp, giọng vẫn hồn nhiên, bình thản. "Mùa đông trước đó tôi ở Madrid, tại dinh thự của Công tước Alba."

"Tại sao cậu lại muốn làm việc cho đường sắt?" Dagny hỏi.

Họ đứng nhìn nhau: ánh mắt cô đầy ngưỡng mộ, còn anh thì như đang trêu đùa; nhưng đó không phải sự chế giễu ác ý - mà là tiếng cười của một lời chào.

"Để hiểu nó hoạt động thế nào, Slug à," anh đáp, "và để nói với cô rằng tôi đã làm việc cho Taggart Transcontinental trước cả cô."

Dagny và Eddie đã dành cả mùa đông rèn luyện những kỹ năng mới, hy vọng có thể làm Francisco kinh ngạc và đánh bại anh, dù chỉ một lần. Họ chưa bao giờ thành công. Khi họ dạy anh chơi bóng chày, một môn anh chưa từng chơi, anh chỉ quan sát họ vài phút rồi nói: "Tôi nghĩ tôi đã hiểu rồi. Để tôi thử." Anh cầm gậy và đánh quả bóng bay vút qua hàng cây sồi cuối sân.

Khi Jim được tặng một chiếc thuyền máy nhân dịp sinh nhật, mọi người đứng trên bến theo dõi bài học, trong khi người hướng dẫn chỉ Jim cách điều khiển. Chưa ai từng lái thuyền máy trước đó. Chiếc thuyền trắng bóng hình viên đạn cứ lắc lư trên mặt nước, động cơ rền rĩ một hồi rồi tắt ngấm, trong khi người hướng dẫn liên tục phải giật lấy tay lái từ Jim. Bỗng nhiên, Jim ngẩng đầu lên và quát vào mặt Francisco: "Cậu nghĩ cậu làm được tốt hơn không?" "Tôi làm được." "Vậy thử đi!"

Khi thuyền quay lại và hai người bước ra, Francisco trượt vào sau tay lái. "Khoan đã," anh nói với người hướng dẫn vẫn đứng trên bến. "Để tôi xem nào." Rồi trước khi người hướng dẫn kịp phản ứng, chiếc thuyền đã phóng ra giữa sông như một mũi tên. Nó biến mất trước khi họ kịp hiểu chuyện gì đang xảy ra. Khi nó thu nhỏ dần trong tầm mắt dưới ánh nắng, Dagny chỉ thấy ba đường thẳng: tiếng gầm của động cơ, vệt sóng trắng xóa, và bàn tay Francisco trên tay lái.

Cô nhận ra vẻ mặt kỳ lạ của cha khi ông nhìn theo chiếc thuyền đang xa dần. Ông

không nói gì, chỉ đứng nhìn. Cô nhớ đã thấy cha nhìn như vậy một lần trước đó. Đó là khi ông xem xét hệ thống ròng rọc phức tạp mà Francisco, khi mới mười hai tuổi, đã dựng lên để làm thang máy lên đỉnh tảng đá - nơi ông dạy Dagny và Eddie lặn xuống sông Hudson. Những ghi chép tính toán của Francisco vẫn còn vương vãi trên mặt đất; cha cô nhặt lên, xem xét rồi hỏi: "Francisco, cháu học đại số được mấy năm rồi?" "Dạ hai năm ạ." "Ai dạy cháu làm cái này?" "Ồ, cháu tự nghĩ ra thôi ạ." Cô không biết rằng những ghi chép trên tờ giấy nhàu nát kia chính là dạng đơn giản nhất của một phương trình vi phân.

Những người thừa kế của Sebastián d'Anconia là những người con trai đầu lòng, những người biết cách mang tên ông một cách xứng đáng. Theo truyền thống gia đình, người thừa kế phải giữ cho tài sản d'Anconia không nhỏ hơn khi nhận được, nếu không sẽ là nỗi ô nhục. Qua nhiều thế hệ, điều này chưa từng xảy ra. Một truyền thuyết Argentina kể rằng bàn tay d'Anconia có sức mạnh kỳ diệu như các vị thánh — không phải để chữa bệnh, mà để tạo ra của cải.

Dù các người thừa kế d'Anconia đều phi thường, không ai sánh được với những gì Francisco d'Anconia hứa hẹn. Như thể hàng thế kỷ đã tinh lọc phẩm chất gia đình qua một tấm lưới mịn, gạn bỏ mọi thứ tầm thường, yếu kém, chỉ để lại thuần túy tài năng. Như thể một lần, họ đã tạo ra một con người hoàn hảo không phải do tình cờ.

Francisco có thể làm bất cứ điều gì anh đảm nhận, làm tốt hơn bất kỳ ai và làm mà không cần nỗ lực. Anh không khoe khoang hay so sánh. Thái độ của anh không phải "Tôi làm được tốt hơn bạn" mà đơn giản là "Tôi làm được." Và điều gì anh làm, anh đều làm xuất sắc.

Dù kế hoạch giáo dục của cha anh đòi hỏi kỷ luật nghiêm khắc, Francisco đều làm chủ mọi môn học một cách nhẹ nhàng. Cha anh rất tự hào nhưng giấu kín, vì ông biết mình đã sinh ra ngôi sao sáng nhất của một dòng họ lừng lẫy. Francisco được coi là đỉnh cao của dòng họ d'Anconia.

"Tôi không biết gia huy d'Anconia có khẩu hiệu gì," bà Taggart từng nói, "nhưng chắc

chấn Francisco sẽ đổi thành 'Để làm gì?' Đó là câu hỏi đầu tiên anh đặt ra với mọi hoạt động — và anh sẽ không dừng lại nếu tìm được câu trả lời thỏa đáng. Anh bay qua những ngày hè như tên lửa, nhưng nếu bị chặn lại, anh luôn có thể nói rõ mục đích của từng khoảnh khắc. Có hai điều anh không thể: đứng yên hoặc hành động vô định.

"Hãy cùng tìm hiểu" hoặc "Hãy làm cho nó" là động lực anh truyền cho Dagny và Eddie trong mọi việc. Đó là niềm vui duy nhất của anh.

"Tôi làm được," anh nói khi đang xây thang máy, bám vào vách đá, đóng những thanh sắt vào đá. Cánh tay anh chuyển động nhịp nhàng như chuyên gia, máu nhỏ giọt từ băng cổ tay mà anh chẳng để ý. "Không, Eddie, chúng ta không thể thay phiên. Em chưa đủ lớn để cầm búa. Chỉ cần dọn cỏ dại và giữ đường thông thoáng cho anh, phần còn lại để anh lo... Máu á? Không sao đâu, chỉ là vết cắt hôm qua thôi. Dagny, chạy về nhà lấy băng sạch cho anh."

Jim quan sát họ. Họ để anh ta một mình, nhưng thường thấy anh ta đứng từ xa nhìn Francisco với vẻ kỳ lạ đặc biệt.

Anh ta hiếm khi nói chuyện trước mặt Francisco. Nhưng sẽ kéo Dagny vào góc, cười nhạo: "Em cứ làm ra vẻ là cô gái thép có đầu óc riêng! Em chỉ là con rối không xương sống. Thật kinh tởm khi em để thằng kiêu ngạo đó sai khiến. Nó có thể vặn em quanh ngón tay út. Em chẳng có chút tự trọng nào cả. Cứ chạy theo tiếng huýt sáo của nó! Sao em không đánh giày cho nó luôn đi?" "Vì anh ấy chưa bảo em làm thế," cô đáp.

Francisco có thể thắng mọi trò chơi trong các cuộc thi địa phương, nhưng anh không bao giờ tham gia. Anh có thể thống trị câu lạc bộ đồng quê, nhưng chưa từng đến đó, bỏ qua mọi nỗ lực mời gọi người thừa kế nổi tiếng nhất thế giới của họ. Dagny và Eddie là bạn duy nhất của anh. Họ không biết mình sở hữu anh hay thuộc về anh; điều đó không quan trọng, vì cả hai đều khiến họ hạnh phúc.

Ba người họ bắt đầu cuộc phiêu lưu của riêng mình vào mỗi buổi sáng. Một lần, một giáo sư văn học lớn tuổi, bạn của bà Taggart, nhìn thấy họ trên đỉnh một đồng rác trong một bãi rác, đang tháo dỡ xác một chiếc ô tô. Ông dừng lại, lắc đầu và nói với Francisco, "Một thanh niên ở vị trí của cháu nên dành thời gian đến thư viện, tiếp thu văn hóa của thế giới." "Ông nghĩ cháu đang làm gì?" Francisco hỏi.

Không có nhà máy nào trong khu vực lân cận, nhưng Francisco dạy Dagny và Eddie ăn trộm trên các chuyến tàu từ Taggart đến các thị trấn xa xôi, nơi chúng trèo rào vào các bãi nhà máy hoặc treo mình trên ngưỡng cửa sổ, xem máy móc như những đứa trẻ khác xem phim. "Khi tôi điều hành Taggart Transcontinental. . ." Đôi khi Dagny sẽ nói. "Khi tôi điều hành d'Anconia Copper. . ." Francisco nói. Họ không bao giờ phải giải thích phần còn lại với nhau; họ biết mục tiêu và động cơ của nhau.

Thình thoảng, những người dẫn đường sắt đã bắt gặp chúng. Sau đó trưởng ga tàu cách đó hàng trăm dặm gọi về cho bà Taggart: "Chúng tôi tìm thấy ba đứa trẻ trên đường mòn ở đây và chúng nói chúng là—" "Đúng vậy," Bà. Taggart thở dài, "Chúng là con tôi. Hãy gửi chúng lại".

"Francisco," Eddie hỏi anh ta một lần khi họ đứng cạnh đường ray của nhà ga Taggart, "bạn đã đi khắp mọi nơi trên thế giới. Điều quan trọng nhất trên trái đất là gì?" "Cái này," Francisco trả lời, chỉ vào biểu tượng TT trên mặt trước của một động cơ. Anh ấy nói thêm, "Tôi ước mình có thể gặp Nat Taggart."

Anh nhận thấy Dagny đang liếc nhìn anh. Anh ta không nói gì nữa. Nhưng vài phút sau, khi họ đi qua khu rừng, đi xuống một con đường hẹp với đất ẩm, cây dương xỉ và ánh sáng mặt trời, anh ấy nói, "Dagny, tôi sẽ luôn cúi đầu trước một vòng tay. Tôi sẽ luôn tôn thờ những biểu tượng của sự cao quý. Tôi không phải là một quý tộc sao? Chỉ có điều tôi không quan tâm đến những tháp pháo ăn thịt bướm đêm và những con kỳ lân tay mười. Những chiếc áo khoác trong thời đại của chúng ta sẽ được tìm thấy trên các bảng quảng cáo và trong các quảng cáo của các tạp chí nổi

tiếng. " "Ý bạn là gì?" Eddie hỏi. "Các nhãn hiệu công nghiệp, Eddie," anh ta trả lời. Francisco mười lăm tuổi, vào mùa hè năm đó.



“Khi tôi điều hành d’Anconia Copper. . .” “Tôi đang nghiên cứu về khai thác và khoáng vật học, bởi vì tôi phải sẵn sàng cho thời gian khi tôi điều hành d’Anconia Copper. . .” “Tôi đang học kỹ thuật điện, vì các công ty điện lực là khách hàng tốt nhất của d’Anconia Copper. . .” “Tôi sẽ học triết học, vì tôi sẽ cần nó để bảo vệ Đồng

d'Anconia. . . ”

"Bạn có bao giờ nghĩ về bất cứ điều gì ngoài d'Anconia Copper?" Jim đã hỏi anh ta một lần.

"Không."

"Đối với tôi, dường như có những thứ khác trên thế giới."

"Hãy để người khác nghĩ về chúng."

"Đó không phải là một thái độ rất ích kỷ sao?"

"Đúng vậy."

"Bạn đang muốn gì?"

"Tiền bạc."

"Bạn không có đủ tiền à?"

"Trong lịch sử dòng họ tôi, mỗi thế hệ đã nâng sản lượng Đồng d'Anconia lên khoảng 10%. Tôi định nâng nó lên 100%."

"Để làm gì?" Jim hỏi, giọng mỉa mai bắt chước Francisco.

"Khi tôi chết và lên thiên đường—bất kể đó là địa ngục nào—tôi muốn có thể trả được giá vào cửa."

"Đức hạnh mới là giá vào cửa," Jim đáp ngạo mạn.

"Chính xác, James. Vì thế tôi muốn chứng minh đức hạnh cao quý nhất—khả năng kiếm tiền."

"Bất kỳ kẻ tham nhũng nào cũng kiếm được tiền."

"James này, một ngày nào đó anh nên học cách dùng từ cho chính xác."

Francisco mỉm cười; một nụ cười chế giễu rạng rỡ. Nhìn thấy vậy, Dagny chợt nhận ra sự khác biệt giữa Francisco và Jim. Cả hai đều có kiểu cười chế nhạo. Nhưng Francisco dường như cười vào vạn vật vì anh nhìn thấy điều gì đó vĩ đại hơn. Jim cười như thể muốn phủ nhận mọi điều vĩ đại.

Cô lại nhận ra điều đặc biệt trong nụ cười của Francisco vào một đêm, khi cô ngồi cùng anh và Eddie bên đống lửa họ đã đốt trong rừng. Ánh lửa bao quanh họ trong một hàng rào những dải sáng chập chờn, ôm lấy những thân cây, cành lá và những ngôi sao xa xăm. Cô cảm thấy như bên ngoài hàng rào đó chỉ có khoảng không đen kịt, ẩn chứa một lời hứa hẹn nghệt thở nào đó... như tương lai vậy. Nhưng tương lai, cô nghĩ, sẽ giống như nụ cười của Francisco—mang trong mình chìa khóa và lời báo trước về bản chất của nó. Khuôn mặt anh trong ánh lửa dưới những tán thông khiến cô bỗng tràn ngập một niềm hạnh phúc không thể kiềm nén, không thể chịu đựng vì quá đầy ắp đến nỗi cô không tìm được cách bày tỏ. Cô liếc nhìn Eddie. Anh đang nhìn Francisco. Theo cách riêng lặng lẽ của mình, Eddie cũng cảm nhận được như cô.

"Tại sao cậu thích Francisco?" cô hỏi anh vài tuần sau, khi Francisco đã đi.

Eddie có vẻ ngạc nhiên; anh chưa từng nghĩ cảm xúc ấy cần phải được giải thích. Anh đáp, "Cậu ấy khiến tôi cảm thấy an toàn."

Cô nói, "Cậu ấy khiến tôi mong đợi những điều phấn khích và nguy hiểm."

Francisco mười sáu tuổi vào mùa hè năm sau, ngày họ đứng một mình trên đỉnh vách đá bên sông, quần áo rách tả tơi sau khi leo lên. Họ nhìn xuống sông Hudson; nghe nói vào những ngày quang đãng có thể nhìn thấy New York từ đây. Nhưng họ chỉ thấy một màn sương mờ được dệt từ ba luồng sáng hòa quyện: dòng sông, bầu trời và mặt trời.

Cô quỳ trên tảng đá, nghiêng người về phía trước, cố bắt được hình bóng thành phố, gió thổi tung tóc qua mắt. Cô ngoái nhìn lại—và thấy Francisco không nhìn về phía xa xăm: anh đang nhìn cô. Một cái nhìn kỳ lạ, chủ ý và không vui. Cô đứng yên, hai tay đặt phẳng trên đá, căng người chống đỡ. Không hiểu sao, ánh mắt anh khiến cô chột ý thức về dáng vẻ của mình—bờ vai lộ ra qua lớp áo rách, đôi chân dài rám nắng, trầy xước vất từ tảng đá xuống đất. Cô giận dữ đứng bật dậy, lùi xa khỏi anh. Và khi ngẩng đầu lên, ánh mắt phần nộ chạm phải vẻ nghiêm nghị nơi anh, dù tin chắc đó chỉ là ánh mắt kết tội và thù địch, cô nghe chính mình hỏi, giọng cười thách thức:

"Bạn muốn gì ở tôi?"

Anh cười; cô kinh hoàng tự hỏi điều gì đã khiến mình thốt ra câu đó. Anh đáp, "Tôi thích ở bạn điều này," và chỉ về phía những đường ray lấp lánh của nhà ga Taggart phía xa.

"Nó không phải của tôi," cô nói, giọng thất vọng.

"Những gì tôi thích là nó sẽ thuộc về cô."

Cô mỉm cười, thừa nhận chiến thắng của anh bằng niềm vui hiện rõ trên nét mặt. Cô không hiểu vì sao anh lại nhìn cô với ánh mắt kỳ lạ đó; nhưng cô cảm nhận được rằng anh đã thấy một mối liên hệ nào đó—một điều cô chưa nắm bắt được—giữa thân thể cô và một sức mạnh tiềm ẩn bên trong, thứ sẽ giúp cô làm chủ những đường ray đó một ngày nào đó.

"Hãy xem chúng ta có thể nhìn thấy New York không," anh nói rõ ràng, rồi kéo tay cô về phía mép vách đá. Cô nghĩ anh không nhận ra mình đang giữ cánh tay cô theo một cách đặc biệt, áp sát vào thân mình; khiến cô đứng kề bên anh, cảm nhận được hơi ấm từ làn da chân anh chạm vào chân cô. Họ nhìn về phía chân trời xa xăm, nhưng chỉ thấy một quang sáng mờ ảo.

Khi Francisco rời đi vào mùa hè năm đó, cô nghĩ sự ra đi của anh như một cuộc vượt biên kết thúc thời thơ ấu: anh sẽ bắt đầu vào đại học vào mùa thu. Rồi sẽ đến lượt cô. Cô cảm thấy một sự háo hức xen lẫn phấn khích và lo sợ; như thể anh đang lao vào một mối nguy hiểm chưa biết. Giống như khoảnh khắc nhiều năm trước, khi cô nhìn anh lần đầu lặn từ tảng đá xuống sông Hudson, thấy anh biến mất dưới làn nước đen và đứng đó, biết rằng anh sẽ nổi lên ngay lập tức—và sau đó sẽ đến lượt cô theo sau.

Cô gạt bỏ nỗi sợ hãi; với Francisco, mọi nguy hiểm chỉ là cơ hội để tỏa sáng; không có trận chiến nào anh không thể thắng, không có kẻ thù nào có thể đánh bại anh. Rồi cô chợt nhớ về một nhận xét đã nghe cách đây vài năm. Đó là một nhận xét kỳ lạ—và điều còn lạ hơn là những từ ấy vẫn đọng lại trong tâm trí cô, dù lúc đó cô cho rằng chúng vô nghĩa. Người nói là một giáo sư toán cũ, bạn của cha cô, người chỉ ghé thăm nhà họ một lần duy nhất. Cô thích khuôn mặt ông, và giờ đây cô vẫn có thể thấy nét buồn khác thường trong đôi mắt ông khi ông nói với cha cô vào một buổi tối, ngồi trên hiên nhà dưới ánh đèn nhạt dần, tay chỉ về bóng Francisco trong vườn: "Cậu bé đó dễ tổn thương. Nó có khả năng vui mừng quá lớn. Nó sẽ làm gì với bản thân trong một thế giới có quá ít cơ hội cho nó?"

Francisco đã vào một trường đại học xuất sắc ở Mỹ, nơi cha anh đã chọn từ lâu. Đó là Đại học Patrick Henry ở Cleveland, cơ sở đào tạo nổi tiếng nhất còn lại trên thế giới. Anh không ghé thăm cô ở New York vào mùa đông năm đó, dù chỉ cách một đêm đường. Họ không viết thư cho nhau, chưa bao giờ làm thế. Nhưng cô biết anh sẽ về nước trong một tháng hè.

Vài lần trong mùa đông đó, cô cảm thấy một nỗi lo âu mơ hồ: những lời của vị giáo sư cứ vang vọng trong tâm trí như một lời cảnh báo không thể giải thích. Cô gạt chúng đi. Khi nghĩ về Francisco, cô cảm thấy chắc chắn rằng mình sẽ có thêm một tháng nữa như bước đệm cho tương lai, như bằng chứng rằng thế giới cô nhìn thấy phía trước là có thật, dù đó không phải là thế giới của những người xung quanh.

"Xin chào, Slug!"

"Xin chào, Frisco!"

Đứng trên sườn đồi, trong khoảnh khắc đầu tiên gặp lại anh, cô chợt hiểu được bản chất của thế giới mà họ cùng nhau đối đầu với tất cả những người khác. Trong thoáng chốc, cô cảm nhận chiếc váy bông đập phản phật trong gió quanh đầu gối, ánh nắng mặt trời trên mi mắt, và một cảm giác nhẹ nhõm dâng trào mãnh liệt đến nỗi cô phải đặt chân xuống cỏ dưới đôi dép, vì cô cảm tưởng mình sắp bay bổng lên, không trọng lượng, xuyên qua làn gió.

Đó là một cảm giác tự do và an toàn đột ngột - bởi cô nhận ra rằng không cần biết gì về những sự kiện trong cuộc đời anh, chưa từng biết và sẽ không bao giờ cần biết. Thế giới của sự may rủi - của gia đình, bữa ăn, trường học, con người, của những kẻ vô định kéo theo gánh nặng tội lỗi mơ hồ - không phải của họ, không thể thay đổi anh, không thể trở nên quan trọng. Anh và cô chưa bao giờ nói về những điều đã xảy ra với họ, mà chỉ nói về những gì họ nghĩ và những gì họ sẽ làm... Cô lặng lẽ nhìn anh, như có tiếng nói vọng lên từ trong tâm: Không phải những gì hiện có, mà là những gì chúng ta sẽ tạo ra... Chúng ta sẽ không bị ngăn cản, bạn và tôi... Hãy tha thứ cho nỗi sợ của tôi khi nghĩ rằng có thể mất bạn vào tay họ - tha thứ cho sự nghi ngờ của tôi, họ sẽ không bao giờ động đến được bạn - tôi sẽ không bao giờ sợ hãi vì bạn nữa...

Anh cũng đứng nhìn cô một lúc - với ánh mắt không phải của người vừa gặp lại sau thời gian xa cách, mà của người đã nghĩ về cô mỗi ngày trong suốt năm qua. Cô không thể chắc chắn, vì đó chỉ là một khoảnh khắc ngắn ngủi - ngay khi cô nhận ra, anh đã quay người chỉ về phía cây bạch dương và nói với giọng điệu quen thuộc của trò chơi thời thơ ấu:

"Tôi ước em chạy nhanh hơn được: Tôi sẽ luôn phải đợi em."

"Anh sẽ đợi tôi?" cô hỏi vui vẻ.

Anh đáp, không hề mỉm cười: "Mãi mãi là như vậy."

Khi họ đi lên đồi về nhà, anh trò chuyện với Eddie trong khi cô lặng lẽ bước bên cạnh. Cô cảm nhận được một sự dè dặt mới giữa họ - kỳ lạ thay, nó là một dạng thân thiết mới.

Cô không hỏi anh về trường đại học. Những ngày sau đó, cô chỉ hỏi liệu anh có thích nó không.

"Họ dạy nhiều chuyện vật vãn," anh đáp, "nhưng có vài môn học tôi thích."

"Anh đã kết bạn được với ai ở đó chưa?"

"Hai người."

Anh không nói thêm gì nữa.

Jim đang học năm cuối tại một trường cao đẳng ở New York. Việc học đã tạo cho anh ta một thái độ hiếu chiến kỳ quặc, run rẩy, như thể vừa tìm ra một vũ khí mới. Một lần, anh ta chặn Francisco giữa bãi cỏ, không hề khiêu khích, và nói với giọng điệu tự cho mình là đúng:

"Tôi nghĩ giờ anh đã vào đại học, anh nên học về lý tưởng. Đã đến lúc quên đi lòng tham ích kỷ và nghĩ đến trách nhiệm xã hội, vì tôi tin rằng số tiền hàng triệu đô anh sẽ thừa kế không phải để thỏa mãn niềm vui cá nhân, mà là niềm tin vào lợi ích của những người kém may mắn và người nghèo. Tôi cho rằng ai không nhận ra điều này là kẻ sa đọa nhất."

Francisco đáp lại nhã nhặn: "James không nên mạo hiểm đưa ra những ý kiến không ai yêu cầu. Cậu nên để mình khám phá ra giá trị thực của chúng đối với người nghe một cách bối rối."

Dagny hỏi anh khi họ bước đi: "Có nhiều người như Jim trên đời này không?"

Francisco cười: "Rất nhiều."

"Anh có thấy phiền không?"

"Không. Tôi đâu cần phải đối phó với họ. Sao em lại hỏi vậy?"

"Vì em nghĩ họ nguy hiểm theo cách nào đó... Em không biết tại sao..."

"Lạy Chúa, Dagny! Em nghĩ anh sẽ sợ một kẻ như James sao?"

Mãi nhiều ngày sau, khi họ ở một mình đi qua khu rừng bên bờ sông, cô hỏi:

"Francisco, loại người sa đọa nhất là gì?"

"Loại người không có mục đích sống."

Cô nhìn những thân cây thẳng tắp đứng sừng sững trước khoảng không gian rộng lớn, tỏa sáng rực rỡ bên kia. Khu rừng âm u và mát mẻ, nhưng những cành cây bên ngoài đón nhận tia nắng nóng, phản chiếu ánh bạc từ mặt nước. Cô tự hỏi tại sao mình lại thích cảnh tượng này, khi trước giờ chưa từng để ý đến cảnh vật xung quanh, tại sao cô lại nhận thức rõ về cảm giác thích thú, về chuyển động của cơ thể mình trong lúc đi bộ. Cô không dám nhìn Francisco. Cô cảm thấy sự hiện diện của anh còn mãnh liệt hơn khi cô không nhìn thẳng vào anh, như thể nhận thức căng thẳng về bản thân đang tỏa ra từ anh, giống ánh sáng mặt trời phản chiếu từ mặt nước.

"Em có nghĩ mình là một người tốt không?" anh hỏi.

"Tôi luôn nghĩ vậy," cô đáp thách thức, không quay đầu lại.

"Vậy hãy để tôi xem em chứng minh điều đó. Hãy để tôi xem em sẽ vươn xa đến đâu với Taggart Transcontinental. Dù em có giỏi thế nào, tôi vẫn mong em phát huy hết khả năng, không ngừng tiến bộ. Và khi em đã đạt được một mục tiêu, tôi sẽ mong

đội em bắt đầu hướng tới mục tiêu khác."

"Tại sao anh nghĩ tôi quan tâm đến việc chứng minh điều gì đó cho anh?" cô hỏi.

"Em có muốn nghe câu trả lời không?"

"Không," cô thì thầm, mắt nhìn về phía bờ sông xa xa.

Cô nghe tiếng anh cười khẽ, và một lúc sau anh nói: "Dagny, không có gì quan trọng trên đời này ngoài việc em làm tốt công việc của mình đến đâu. Không có gì cả. Chỉ có thể thôi. Mọi thứ khác đều bắt nguồn từ đó. Đó là thước đo giá trị duy nhất của con người. Tất cả những quy tắc đạo đức mà họ cố nhồi nhét vào đầu em chỉ là trò bịp bợm của những kẻ lừa đảo nhằm mua chuộc những người như họ. Quy tắc năng lực là hệ thống đạo đức duy nhất dựa trên tiêu chuẩn vàng. Khi em lớn lên, em sẽ hiểu ý tôi."

"Giờ thì tôi đã hiểu rồi. Nhưng... Francisco, tại sao chỉ có anh và tôi dường như biết điều đó?"

"Tại sao em phải bận tâm đến người khác?"

"Vì tôi muốn hiểu mọi thứ, và có điều gì đó về con người mà tôi không thể hiểu được."

"Điều gì?"

"Tôi chưa bao giờ được yêu thích ở trường và điều đó chẳng làm tôi bận tâm, nhưng giờ tôi đã hiểu lý do. Đó là một lý do không thể tin nổi. Họ không thích tôi, không phải vì tôi làm điều gì sai, mà vì tôi làm mọi thứ quá tốt. Họ ghét tôi vì tôi luôn đạt điểm cao nhất lớp. Tôi thậm chí không cần phải học. Tôi toàn được điểm A. Anh có nghĩ tôi nên cố gắng thay đổi để trở thành nữ sinh nổi tiếng nhất trường không?"

Francisco dừng lại, nhìn rồi tát mạnh vào mặt cô.

Tất cả diễn ra trong một khoảnh khắc - mặt đất như rung chuyển dưới chân, một luồng cảm xúc duy nhất chạy qua người cô. Cô nghĩ mình sẽ giết bất kỳ ai dám tấn công mình; cô cảm thấy cơn thịnh nộ dữ dội có thể tiếp thêm sức mạnh cho cô - nhưng đồng thời là niềm vui bạo liệt từ hành động của Francisco. Cô cảm thấy khoái cảm từ cơn đau âm ỉ, nóng bỏng trên má và vị máu nơi khóe miệng. Cô thích thú với những gì vừa hiểu ra về anh, về bản thân và động cơ của anh.

Cô gồng người chống lại cơn choáng váng, giữ thẳng đầu và đối diện với anh, tràn đầy ý thức về sức mạnh mới mẻ. Lần đầu tiên cô cảm thấy ngang bằng với anh, nhìn anh với nụ cười đắc thắng đầy thách thức.

"Tôi có làm tổn thương anh nhiều như vậy không?" cô hỏi.

Anh có vẻ ngạc nhiên; câu hỏi và nụ cười của cô không còn là của một đứa trẻ nữa. "Có - nếu điều đó làm em hài lòng," anh đáp.

"Đúng vậy."

"Đừng bao giờ làm thế nữa. Đừng pha trò kiểu đó."

"Đừng ngốc nghếch. Điều gì khiến anh nghĩ tôi quan tâm đến việc nổi tiếng chứ?"

"Khi lớn lên, em sẽ hiểu mình vừa nói những điều không thể tha thứ."

"Tôi hiểu ngay bây giờ."

Anh đột ngột quay người, lấy khăn tay ra và nhúng xuống nước sông. "Lại đây," anh ra lệnh.

Cô cười và lùi lại. "Ồ không. Tôi muốn giữ nó nguyên như vậy. Tôi hy vọng nó sẽ sung lên thật khủng khiếp. Tôi thích thế."

Anh nhìn cô chăm chú một lúc lâu rồi nói chậm rãi, giọng rất nghiêm túc: "Dagny, em thật tuyệt vời."

"Tôi nghĩ anh luôn nghĩ vậy," cô đáp, giọng坦然 nhiên đầy vẻ xác xược.

Khi về nhà, cô nói với mẹ rằng mình bị cắt môi do ngã vào tảng đá. Đó là lời nói dối duy nhất cô từng nói. Cô không làm thế để bảo vệ Francisco; cô làm thế vì cảm thấy, vì một lý do nào đó không thể xác định, rằng sự việc này là một bí mật quá quý giá để chia sẻ.

Mùa hè năm sau, khi Francisco đến, cô đã mười sáu tuổi. Cô bắt đầu chạy xuống đồi để gặp anh nhưng đột ngột dừng lại. Anh nhìn thấy cô, cũng dừng bước, và họ đứng đó một lúc, nhìn nhau qua con dốc dài xanh mượt. Chính anh là người tiến về phía cô, bước chân rất chậm, trong khi cô đứng đợi.

Khi anh đến gần, cô mỉm cười hồn nhiên, như thể không hề nghĩ đến bất kỳ cuộc đọ sức hay thắng thua nào.

"Anh có thể muốn biết," cô nói, "tôi đã có việc làm trên đường sắt. Nhân viên điều hành ca đêm tại Rockdale."

Anh cười. "Được rồi, Taggart Transcontinental, giờ đây là một cuộc đua. Hãy xem ai sẽ mang lại vinh quang lớn hơn - em cho Nat Taggart, hay tôi cho Sebastián d'Anconia."

Mùa đông năm đó, cô đơn giản hóa cuộc sống của mình thành một bức vẽ hình học tinh khiết: vài đường thẳng - đi đến và về từ trường đại học kỹ thuật trong thành phố mỗi ngày, đến và đi từ công việc tại ga Rockdale mỗi đêm - và một vòng tròn khép kín trong căn phòng của cô, nơi chất đầy sơ đồ động cơ, bản thiết kế kết cấu thép và lịch trình đường sắt.

Bà Taggart nhìn con gái với vẻ hoang mang lo lắng. Bà có thể tha thứ mọi thiếu sót, trừ một điều: Dagny không hề tỏ ra quan tâm đến đàn ông, không có chút khuynh hướng lãng mạn nào. Bà Taggart không ưa những thái cực; bà đã chuẩn bị tinh thần đối phó với thái cực ngược lại nếu cần, nhưng bà thấy điều này còn tệ hơn. Bà cảm

thấy xấu hổ khi phải thừa nhận rằng con gái mình, ở tuổi mười bảy, chẳng có lấy một người theo đuổi.

"Dagny và Francisco d'Anconia?" bà nói, mỉm cười buồn bã trước sự tò mò của bạn bè. "Ồ không, đó không phải chuyện tình cảm đâu. Đây là một tập đoàn công nghiệp quốc tế. Chỉ có thế mới là điều chúng quan tâm."

Bà Taggart nghe James nói vào một buổi tối, trước mặt khách khứa, với giọng điệu đặc biệt hài lòng: "Dagny, dù em được đặt tên theo mẹ, nhưng em thực sự giống Nat Taggart hơn là giống Dagny Taggart đầu tiên, người đẹp nổi tiếng từng là vợ ông ấy." Bà Taggart không biết điều gì khiến bà khó chịu hơn: việc James nói điều đó hay việc Dagny vui vẻ đón nhận nó như một lời khen. Bà Taggart nghĩ, bà sẽ không bao giờ hiểu nổi con gái mình. Dagny chỉ là một bóng dáng vội vã rời khỏi căn hộ, dáng người mảnh mai trong chiếc áo khoác da, cổ áo cao, váy ngắn và đôi chân dài như vũ công. Cô bước đi, cắt ngang căn phòng với dáng vẻ nam tính, những đường thẳng đột ngột, nhưng vẫn mang một nét duyên dáng đặc biệt trong những chuyển động nhanh nhẹn, căng thẳng và kỳ lạ, đầy vẻ thách thức nữ tính.

Đôi khi, thoáng nhìn thấy khuôn mặt của Dagny, bà Taggart bắt gặp một biểu hiện mà bà không thể xác định: nó vượt xa sự vui vẻ thông thường, đó là ánh nhìn của niềm hạnh phúc thuần khiết đến mức bà thấy bất thường - không cô gái trẻ nào có thể vô tư đến nỗi không nhận ra bất kỳ nỗi buồn nào trong cuộc sống. Bà kết luận rằng con gái mình không có cảm xúc.

"Dagny," bà hỏi một lần, "con có bao giờ muốn có những giây phút vui vẻ không?" Dagny nhìn mẹ đầy hoài nghi và đáp: "Mẹ nghĩ con đang gặp vấn đề gì sao?"

Quyết định tổ chức lễ ra mắt chính thức cho con gái khiến bà Taggart phải suy nghĩ nhiều. Bà không biết mình sẽ giới thiệu với xã hội New York ai - Cô Dagny Taggart của Cơ quan Đăng ký Xã hội hay người điều hành ca đêm của Trạm Rockdale. Bà nghiêng về khả năng thứ hai và chắc chắn rằng Dagny sẽ từ chối ý tưởng này. Thế nên bà vô cùng ngạc nhiên khi Dagny chấp nhận với sự hào hứng khó giải thích, như

một đứa trẻ.

Bà lại càng ngạc nhiên khi thấy Dagny trong trang phục dự tiệc. Đó là chiếc váy nữ tính đầu tiên cô từng mặc - một chiếc áo choàng voan trắng với từng váy bông bênh như đám mây. Bà Taggart đã nghĩ cô sẽ trông thật phi lý, nhưng Dagny lại như một người mẫu, vừa già dặn hơn vừa rạng rỡ ngây thơ hơn thường ngày. Đứng trước gương, cô vén tóc giống hệt dáng điệu của vợ Nat Taggart.

"Dagny," bà Taggart nói nhẹ nhàng, giọng trách móc, "con có thấy mình có thể đẹp đến thế nào khi con muốn không?"

"Vâng," Dagny đáp, không chút ngạc nhiên.

Phòng khiêu vũ của khách sạn Wayne-Falkland được trang trí dưới sự chỉ đạo của bà Taggart. Với khiếu thẩm mỹ của mình, bà đã biến khung cảnh tối hôm đó thành một kiệt tác. "Dagny, có những điều mẹ muốn con chú ý," bà nói, "ánh sáng, màu sắc, hoa và âm nhạc. Chúng không tầm thường như con nghĩ đâu."

"Con chưa bao giờ nghĩ chúng tầm thường cả," Dagny vui vẻ đáp. Lần đầu tiên, bà Taggart cảm nhận được sợi dây kết nối giữa hai mẹ con; Dagny đang nhìn bà với ánh mắt tin tưởng, biết ơn của một đứa trẻ. "Những điều đó làm nên vẻ đẹp của cuộc sống," bà Taggart nói. "Mẹ muốn tối nay thật hoàn hảo với con, Dagny. Dạ vũ đầu tiên là khoảnh khắc lãng mạn nhất trong đời người."

Với bà Taggart, điều ngạc nhiên nhất là khoảnh khắc nhìn thấy Dagny đứng dưới ánh đèn, hướng về phòng khiêu vũ. Đây không còn là một đứa trẻ hay một thiếu nữ, mà là một người phụ nữ với sức mạnh và sự tự tin đầy quyến rũ đến mức bà phải nhìn chằm chằm với vẻ ngưỡng mộ kinh ngạc. Trong thời đại của những thói quen tầm thường, hoài nghi và thờ ơ, giữa những con người tự coi mình như thể làm bằng kim loại chứ không phải thịt và máu - dáng vẻ của Dagny có vẻ gần như khiếm nhã, bởi đó là cách một phụ nữ đối diện với phòng khiêu vũ từ thế kỷ trước: việc phô bày vẻ đẹp bán khỏa thân trước ánh mắt ngưỡng mộ của đàn ông là một hành động táo

bạo, một cuộc phiêu lưu mạo hiểm được mọi người ngầm thừa nhận. Và đây - bà Taggart mỉm cười nghĩ - chính là cô gái mà bà từng cho là không có khả năng quyến rũ. Bà cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng, và thích thú khi nhận ra rằng khám phá này lại khiến bà nhẹ nhõm đến vậy.

Nhưng niềm vui ấy chỉ kéo dài vài giờ. Cuối buổi tối, bà thấy Dagny ở góc phòng khiêu vũ, ngồi trên lan can như thể đó là hàng rào, chân đứng đưa dưới lớp váy voan như thể đang mặc quần. Cô đang trò chuyện với vài chàng trai trẻ vô vị, vẻ mặt đầy khinh thường trống rỗng.

Cả Dagny và bà Taggart đều im lặng trên đường đạp xe về nhà. Vài giờ sau, trong một khoảnh khắc bốc đồng, bà Taggart tìm đến phòng con gái. Dagny đứng bên cửa sổ, vẫn mặc chiếc váy dạ hội trắng; nó như một đám mây nâng đỡ thân hình mảnh mai của cô, với đôi vai gầy guộc chùng xuống. Ngoài cửa sổ, những đám mây xám xịt hiện ra trong ánh bình minh đầu tiên.

Khi Dagny quay lại, bà Taggart chỉ thấy một vẻ bất lực khó hiểu trên khuôn mặt bình thản của con gái; có điều gì đó khiến bà ước mình đừng mong con gái khám phá ra nỗi buồn.

"Mẹ, họ có nghĩ rằng mọi thứ hoàn toàn ngược lại không?" Dagny hỏi.

"Con đang nói gì vậy?" bà Taggart ngạc nhiên.

"Những điều mẹ nói về đèn và hoa ấy. Họ mong đợi những thứ đó sẽ khiến họ trở nên lãng mạn, chứ không phải ngược lại phải không?"

"Con yêu, ý con là sao?"

"Không ai thực sự thích thú cả," Dagny nói, giọng vô cảm. "Họ chẳng nghĩ hay cảm nhận gì. Họ chỉ di chuyển và nói những điều nhạt nhẽo như ở bất cứ đâu. Con đoán họ nghĩ rằng ánh đèn sẽ làm mọi thứ trở nên rục rũ."

"Con yêu, con quá nghiêm túc rồi. Người ta đâu cần phải thể hiện trí tuệ trong một buổi dạ vũ. Người ta chỉ cần hòa đồng thôi."

"Hòa đồng kiểu gì? Bằng cách tỏ ra ngớ ngẩn sao?"

"Chẳng hạn như, con không thích gặp gỡ những chàng trai trẻ sao?"

"Những người đàn ông ư? Ở đó chẳng có ai mà con không thể tìm được mười người tương tự."

Những ngày sau đó, ngồi tại bàn làm việc ở ga Rockdale, cảm thấy thoải mái như ở nhà, Dagny nghĩ về buổi dạ vũ và nhún vai khinh bỉ trước sự thất vọng của chính mình. Cô ngược nhìn: mùa xuân đã về, lá cây xanh tươi trong bóng tối bên ngoài, không khí tĩnh lặng và ấm áp. Cô tự hỏi mình đã kỳ vọng điều gì từ buổi dạ vũ đó. Cô không biết. Nhưng giờ đây, khi ngồi tựa người vào chiếc bàn cũ kỹ nhìn ra bóng đêm, cô lại cảm nhận được điều đó: một cảm giác mong đợi mơ hồ, từ từ dâng lên trong cơ thể như một dòng chảy ấm áp. Cô uể oải ngả người về phía trước, không mệt mỏi cũng chẳng muốn làm việc.

Khi Francisco đến vào mùa hè năm đó, cô kể cho anh nghe về buổi dạ vũ và nỗi thất vọng của mình. Anh lặng lẽ lắng nghe, lần đầu tiên nhìn cô bằng ánh mắt chăm biếm không lay chuyển - ánh mắt anh vẫn dành cho người khác, như thể đã từng chứng kiến quá nhiều điều. Cô cảm thấy anh nghe được trong lời nói của cô nhiều điều hơn những gì cô biết mình đã nói. Cô đã thấy ánh mắt ấy vào buổi tối khi cô rời đi quá sớm. Họ ngồi một mình bên bờ sông, cô còn một giờ nữa trước khi phải đến Rockdale. Trên bầu trời, những vệt lửa mảnh mai kéo dài và những tia sáng đỏ rực phản chiếu trên mặt nước. Sau một hồi im lặng, cô đột ngột đứng dậy nói phải đi. Anh không cố giữ cô lại; chỉ ngả người ra sau, chống khuỷu tay xuống cỏ, nhìn cô không nhúc nhích; ánh mắt anh như nói rằng anh hiểu lý do. Vội vã bước lên dốc về nhà trong cơn giận dữ, cô tự hỏi điều gì đã khiến mình bỏ đi; cô không biết; đó chỉ là một cảm giác bồn chồn đột ngột, xuất phát từ điều gì đó mà giờ đây cô mới nhận ra:

một cảm giác mong đợi.

Mỗi đêm, cô lái xe nằm dặm từ nhà đến Rockdale. Cô về vào lúc bình minh, ngủ vài giờ rồi thức dậy cùng mọi người trong nhà. Cô chẳng thấy buồn ngủ. Khi cởi quần áo đi ngủ dưới những tia nắng đầu tiên, cô cảm thấy tràn đầy năng lượng, hân hoan và nôn nóng một cách vô cớ để đón chào ngày mới.

Cô lại bắt gặp ánh mắt chằm biếm của Francisco qua lưới sân tennis. Cô không nhớ lần đầu họ chơi trò này; họ vẫn thường chơi tennis cùng nhau và anh luôn thắng. Cô không biết khi nào mình quyết định sẽ thắng lần này. Khi nhận ra điều đó, nó không còn là một quyết định hay mong muốn nữa, mà là một cơn giận dữ âm thầm dâng lên trong lòng. Cô không hiểu tại sao mình phải thắng; không hiểu tại sao điều đó lại quan trọng và cấp bách đến vậy; cô chỉ biết rằng mình phải làm được và sẽ làm được.

Nó dường như dễ dàng để chơi; như thể ý chí của cô đã biến mất và một sức mạnh khác đang điều khiển cô. Cô quan sát bóng dáng của Francisco — một dáng người cao ráo, nhanh nhẹn, với cánh tay rám nắng nổi bật dưới ống tay áo sơ mi trắng ngắn. Cô cảm thấy một niềm kiêu hãnh khi nhìn thấy kỹ năng di chuyển của anh, bởi đây chính là thứ cô sẽ đánh bại — để mọi cử chỉ điều luyện của anh trở thành chiến thắng của cô, để năng lực tuyệt vời của cơ thể anh trở thành chiến thắng của cô.

Cô cảm nhận cơn đau dâng trào vì kiệt sức — không nhận ra đó là cơn đau, chỉ cảm thấy nó qua những cú đâm bất chợt, khiến cô thoáng nhận thức được từng phần cơ thể mình: cổ tay, bả vai, phần hông với chiếc quần đùi trắng dính sát vào da, cơ bắp chân khi cô nhảy lên đập bóng mà không còn nhớ mình có rơi xuống đất hay không, mí mắt khi bầu trời chuyển sang màu đỏ sẫm và quả bóng lao tới như một ngọn lửa trắng xoáy trong bóng tối, sợi dây nóng rực chạy từ mắt cá chân lên lưng rồi bắn thẳng lên không trung, đưa quả bóng bay về phía Francisco... Cô cảm thấy sung sướng tột độ — bởi mọi cơn đau bắt đầu từ cơ thể cô đều phải kết thúc ở anh, bởi anh cũng đang kiệt sức như cô — những gì cô làm với bản thân, cô cũng đang làm

với anh — đây là những gì anh cảm nhận — đây là điều cô đã đưa anh đến — không phải nỗi đau hay cơ thể của cô mà cô cảm thấy, mà là của anh.

Trong những khoảnh khắc thoáng thấy khuôn mặt anh, cô nhận ra anh đang cười. Anh nhìn cô như thể đã hiểu. Anh chơi không phải để thắng, mà để thách thức cô — tung những cú đánh khó đoán khiến cô phải chạy đuổi — cố tình để thua khi thấy cô vận người trong một cú trái tay đau đớn — đứng yên để cô tưởng anh sẽ bỏ lỡ, chỉ để trong giây cuối cánh tay anh bật ra đưa bóng trở lại với một lực mạnh đến nỗi cô biết mình sẽ đánh trượt. Cô cảm thấy như không thể di chuyển được nữa — và thật kỳ lạ khi thấy mình bất ngờ hạ cánh ở bên kia sân, đập trúng bóng, đập như thể muốn nó vỡ tan thành từng mảnh, như thể đó là khuôn mặt của Francisco.

Chỉ một lần nữa thôi, cô nghĩ, dù lần tiếp theo có làm gãy xương tay cô... Chỉ một lần nữa, dù không khí cô thở dốc qua cổ họng đang sưng tấy có bị chặn lại hoàn toàn... Rồi cô không còn cảm giác gì nữa, không đau đớn, không có cơ bắp, chỉ còn ý nghĩ phải đánh bại anh, phải thấy anh kiệt sức, thấy anh gục ngã, và sau đó cô sẽ tự do chết trong giây phút kế tiếp.

Cô đã thắng. Có lẽ chính tiếng cười đã khiến anh mất tập trung trong một khoảnh khắc. Anh bước đến sân, trong khi cô đứng yên, và ném vợt ngang dưới chân cô, như thể biết đây là điều cô muốn. Anh bước ra khỏi sân và ngã xuống bãi cỏ, gục đầu trên cánh tay.

Cô chậm rãi tiến lại gần. Cô đứng bên cạnh, nhìn xuống thân hình anh đang nằm dài dưới chân mình, nhìn chiếc áo sơ mi ướt đẫm mồ hôi và những lọn tóc rối trên cánh tay. Anh ngẩng đầu lên. Ánh mắt anh di chuyển từ từ từ chân lên quần đùi, áo blouse, rồi đến mắt cô. Đó là một cái nhìn châm biếm như thể xuyên qua cả quần áo lẫn tâm trí cô. Và dường như nó muốn nói rằng anh mới là người chiến thắng.

Đêm đó, cô ngồi tại bàn làm việc ở ga Rockdale, một mình trong tòa nhà cũ, nhìn bầu trời qua cửa sổ. Đó là giờ khắc cô yêu thích nhất, khi các ô kính trên cùng nhạt màu dần, và những đường ray bên ngoài hóa thành những sợi bạc mờ ảo trên các ô

cửa dưới. Cô tắt đèn và ngắm nhìn vầng sáng rộng lớn, lặng im trên mặt đất bất động. Vạn vật đứng yên, không một chiếc lá run rẩy trên cành, trong khi bầu trời từ từ phai màu và trở thành một dải rộng như một dòng nước rực rỡ.

Điện thoại im lặng vào giờ này, và chuyển động gần như đã ngừng dọc theo hệ thống. Cô nghe tiếng bước chân đến gần, rồi tiếng cửa đóng. Francisco bước vào. Dù anh chưa từng đến đây, cô không hề ngạc nhiên khi thấy anh.

"Anh đang làm gì vào giờ này?" cô hỏi.

"Tôi không ngủ được."

"Anh đến đây bằng cách nào? Tôi không nghe thấy tiếng xe."

"Tôi đi bộ."

Một khoảnh khắc trôi qua trước khi cô nhận ra mình đã không hỏi lý do anh đến, và cô cũng không muốn hỏi.

Anh đi lang thang trong phòng, nhìn những cụm vận đơn trên tường và tấm lịch có hình Sao chổi Taggart đang lướt đi đầy kiêu hãnh. Anh tỏ ra thoải mái như ở nhà, như thể nơi này thuộc về họ, như thể bất cứ nơi đâu họ ở cùng nhau đều là nhà. Nhưng anh dường như không muốn nói chuyện. Anh chỉ hỏi vài câu về công việc của cô rồi im lặng.

Khi ánh sáng bên ngoài dần rõ, chuyển động trên đường dây giảm dần và điện thoại thỉnh thoảng đổ chuông trong im lặng. Cô quay lại với công việc. Anh ngồi ở góc phòng, gác một chân lên tay ghế, chờ đợi.

Cô làm việc nhanh nhẹn, đầu óc sáng suốt lạ thường. Cô thích thú với sự chính xác của đôi tay mình. Cô chỉ tập trung vào âm thanh rõ ràng của điện thoại, vào các con số tàu, số toa, số thứ tự. Không còn nhận thức được gì khác.

Nhưng khi một tờ giấy mỏng rơi xuống sàn và cô cúi người nhặt lên, cô chợt ý thức

rõ rệt về khoảnh khắc ấy, về bản thân và mọi cử động của mình. Cô để ý đến chiếc váy lanh màu xám, ống tay áo xắn lên và cánh tay trần đang vươn xuống lấy tờ giấy. Trái tim cô bỗng ngừng đập, như thể nghẹt thở trong khoảnh khắc chờ đợi. Cô nhặt tờ giấy và quay lại bàn làm việc.

Một ngày tràn ngập ánh sáng, một đoàn tàu lướt qua ga không dừng lại. Trong ánh ban mai tinh khiết, đường ray như sợi dây bạc, và đoàn tàu dường như lơ lửng, trôi trong không trung. Sàn nhà ga rung chuyển, kính cửa sổ kêu lách cách. Cô nhìn theo đoàn tàu với nụ cười thích thú. Khi liếc sang Francisco, cô thấy anh cũng đang mỉm cười nhìn cô.

Khi người điều hành ca ngày đến, cô bàn giao nhà ga và họ bước ra ngoài, đón làn không khí buổi sáng. Mặt trời vẫn chưa mọc nhưng bầu trời đã rạng rỡ hơn. Cô không thấy mệt mỏi. Cô cảm giác như vừa tỉnh giấc.

Cô định đi về phía xe mình, nhưng Francisco nói: "Chúng ta đi bộ về nhà. Rồi sẽ quay lại lấy xe sau."

"Được." Cô không tỏ vẻ ngạc nhiên, cũng chẳng để tâm đến cảnh vật dọc con đường dài năm dặm về nhà. Con đường dẫn qua rừng cây. Họ rời xa lộ, rẽ vào một lối mòn cũ. Xung quanh không có dấu vết con người. Sương mù buổi sớm vẫn phủ mặt đất, nhưng qua khoảng trống giữa những thân cây, những chiếc lá xanh lục tỏa sáng như thấp sáng cả khu rừng. Lá cây lơ lửng trong không trung. Họ bước đi như thể đang một mình trong thế giới tĩnh lặng. Cô chợt nhận ra họ đã im lặng rất lâu.

Họ đến một bãi đất trống. Đó là một thung lũng nhỏ dưới chân những vách đá dựng đứng. Một dòng suối chảy ngang qua bãi cỏ, cành cây rủ thấp xuống mặt đất như một bức màn xanh biếc. Tiếng nước chảy càng làm nổi bật sự im lặng. Khoảng trời xa xăm khiến nơi này như một ảo ảnh. Xa xa trên đỉnh đồi, một ngọn cây đón những tia nắng đầu tiên.

Họ dừng lại và nhìn nhau. Cô biết ngay khi anh làm điều đó — cô đã biết trước anh

sẽ làm vậy. Anh nắm lấy cô, cô cảm nhận môi mình trên môi anh, cảm thấy cánh tay mình ôm chặt lấy anh trong một phản ứng mãnh liệt, và lần đầu tiên cô nhận ra mình khao khát điều này đến nhường nào.

Cô cảm thấy một thoáng nổi loạn và chút sợ hãi. Anh ôm cô, áp sát cơ thể vào cô với một sự quyết đoán, bàn tay anh di chuyển trên ngực cô như thể đang khẳng định quyền sở hữu với thân thể cô – một sự thân mật gây sốc mà không cần sự đồng ý hay cho phép của cô. Cô cố gắng lách người ra, nhưng chỉ dựa vào vòng tay anh đủ lâu để nhìn thấy khuôn mặt và nụ cười của anh – nụ cười nói với cô rằng cô đã cho phép anh từ lâu rồi. Cô nghĩ mình phải trốn thoát, nhưng thay vào đó, chính cô là người kéo đầu anh xuống để tìm lại đôi môi anh.

Cô biết nỗi sợ là vô ích, rằng anh sẽ làm những gì anh muốn, rằng quyết định là của anh, rằng anh không để lại cho cô lựa chọn nào ngoài điều cô khao khát nhất – sự đầu hàng. Cô không còn nhận thức được mục đích của anh, hiểu biết mơ hồ của cô về nó đã tan biến, cô không đủ sức để nhìn nhận nó một cách rõ ràng lúc này, để tin vào điều đó về bản thân mình. Cô chỉ biết mình đang sợ – nhưng trong lòng như thể đang thầm khóc với anh: Đừng hỏi em – ôi, đừng hỏi nữa – cứ làm đi!

Cô gồng người chống cự, nhưng môi anh đã áp sát môi cô và họ cùng ngã xuống đất, không rời nhau. Cô nằm im – như thể bất động, rồi run rẩy theo từng cử chỉ đơn giản nhưng dứt khoát của anh, một niềm hân hoan không gì sánh được dâng trào trong cả hai.

Anh nói lên ý nghĩa cho cả hai trong những lời đầu tiên: "Chúng ta phải học hỏi điều này từ nhau." Cô nhìn dáng người dài của anh nằm trên bãi cỏ bên cạnh, trong bộ quần áo đen, mắt dừng lại ở chiếc thắt lưng siết chặt quanh eo mảnh của anh. Cô cảm thấy một cảm xúc nhói lên như tiếng thở gấp đầy kiêu hãnh – tự hào vì đã sở hữu được thân thể của anh. Cô nằm nhìn lên bầu trời, không muốn cử động hay suy nghĩ, không muốn biết còn thời khắc nào khác ngoài giây phút này.

Khi về nhà, cô nằm trên giường, không mặc gì vì cơ thể cô giờ như một vật sở hữu

xa lạ, quá quý giá để chạm vào một chiếc váy ngủ. Sự trần trụi mang lại niềm vui và cảm giác như tấm ga trải giường trắng đã được Francisco chạm vào. Cô nghĩ mình sẽ không ngủ, không muốn nghỉ ngơi và đánh mất cảm giác kiệt sức tuyệt vời nhất từng trải qua. Suy nghĩ cuối cùng của cô là về những điều cô muốn bày tỏ mà chưa tìm được cách — một cảm giác hạnh phúc vô biên, cảm giác được ban phước trên cõi đời này, niềm yêu thương với chính sự tồn tại và thế giới này. Cô nghĩ rằng hành động cô vừa học được chính là cách để thể hiện điều đó. Nếu đây là suy nghĩ quan trọng nhất, cô không biết — trong vũ trụ này, nơi khái niệm về đau đớn đã biến mất, không gì có thể là nắm mờ. Cô không còn tỉnh táo để suy ngẫm kết luận của mình nữa; cô đã ngủ thiếp đi với nụ cười nhẹ trên môi, trong căn phòng tĩnh lặng ngập tràn ánh ban mai.

Mùa hè năm đó, cô gặp anh trong rừng, ở góc khuất bên sông, trên sàn của căn lán hoang, trong tầng hầm của ngôi nhà cũ. Đó là lần đầu tiên cô học được cách cảm nhận cái đẹp — qua những thanh xà gỗ cổ kính hay tấm thép của chiếc máy điều hòa đang quay đều trên cao. Cô mặc quần lót dưới váy bông mùa hè, chưa bao giờ cảm thấy nữ tính đến thế khi đứng bên anh, thả mình trong vòng tay anh, phó mặc cho bất cứ điều gì anh muốn, thừa nhận rằng sức mạnh của anh có thể làm cô kiệt quệ bởi khoái cảm. Anh dạy cô mọi cách thể hiện ham muốn mà anh biết. "Thật kỳ diệu làm sao khi cơ thể có thể mang lại cho ta nhiều khoái cảm đến thế?" anh từng thốt lên. Họ vui vẻ và hồn nhiên rạng rỡ. Cả hai đều không nghĩ niềm vui là tội lỗi.

Họ giữ kín chuyện này, không phải vì xấu hổ, mà vì đó là điều thiêng liêng của riêng họ, vượt trên mọi phán xét hay tranh cãi. Cô biết quan niệm đạo đức thông thường về tình dục, dưới hình thức này hay khác, cho rằng đó là điểm yếu đáng trách của bản năng thấp kém. Cô đã từng ngập tràn cảm xúc về sự trong trắng khiến cô tự thu mình, không phải vì ham muốn của cơ thể, mà vì tâm trí bị giam cầm trong những giáo điều đạo đức ấy.

Mùa đông năm đó, Francisco đến thăm cô ở New York vào những thời điểm bất ngờ. Anh bay từ Cleveland xuống mà không báo trước, có khi hai lần một tuần, hoặc biến

mất nhiều tháng liền. Khi cô đang ngồi trên sàn phòng giữa những biểu đồ và bản thiết kế, cô nghe tiếng gõ cửa và đáp lại: "Tôi đang bận!" rồi một giọng nói đùa cợt vọng vào: "Có phải là em không?" Đôi chân cô vội vã chạy đến mở cửa và thấy anh đứng đó. Họ đến một căn hộ nhỏ anh đã thuê trong khu phố yên tĩnh. "Francisco," một lần cô chợt hỏi, "em là người yêu của anh, phải không?" Anh cười. "Đó là điều em muốn." Cô cảm thấy niềm tự hào mà một người phụ nữ phải trải qua khi được làm vợ.

Trong những tháng anh vắng mặt, cô chưa bao giờ nghi ngờ tình cảm của anh dành cho mình; cô biết chắc điều đó. Dù còn quá trẻ để hiểu lý do, nhưng cô hiểu rằng ham muốn bừa bãi và sự buông thả chỉ xảy ra với những người coi thường tình dục và bản thân mình.

Cô biết rất ít về cuộc sống của Francisco. Đó là năm cuối đại học của anh; anh hiếm khi nhắc đến và cô cũng không hỏi han. Cô đoán anh làm việc rất chăm chỉ, vì đôi khi cô thấy trên gương mặt anh ánh lên niềm vui bất thường - vẻ rạng rỡ tràn đầy sinh lực của người vượt qua giới hạn. Có lần cô trêu anh, khoe mình đã là nhân viên cũ của Taggart Transcontinental trong khi anh chưa bắt đầu đi làm kiếm sống. Anh đáp: "Cha từ chối cho anh làm việc ở d'Anconia Copper cho đến khi tốt nghiệp." "Anh học cách vâng lời từ bao giờ vậy?" "Anh phải tôn trọng mong muốn của ông ấy. Ông là chủ sở hữu d'Anconia Copper... Tuy nhiên, ông không sở hữu tất cả các công ty đồng trên thế giới." Nụ cười của anh ẩn chứa một niềm vui bí mật.

Cô chỉ biết được câu chuyện vào mùa thu năm sau, khi anh tốt nghiệp và trở về New York sau chuyến thăm cha ở Buenos Aires. Anh kể rằng suốt bốn năm qua anh theo học hai khóa: một ở Đại học Patrick Henry, một ở xưởng đúc đồng ngoại ô Cleveland. "Anh thích tự học hỏi những điều đó," anh nói. Anh bắt đầu làm việc tại xưởng đúc từ năm mười sáu tuổi với vị trí thợ lò - và giờ đây, ở tuổi hai mươi, anh đã sở hữu nó. Anh có được quyền sở hữu đầu tiên nhờ khai không đúng tuổi, vào ngày nhận bằng tốt nghiệp đại học, và gửi cả hai cho cha mình.

Anh cho cô xem bức ảnh xưởng đúc. Đó là một nơi nhỏ, bẩn thỉu, cũ kỹ; phía trên cổng vào, như một lá cờ mới trên cột buồm, treo tấm biển: d'Anconia Copper.

Người phụ trách quan hệ công chúng ở văn phòng cha anh tại New York rên rỉ phản đối: "Nhưng Don Francisco, anh không thể làm vậy! Công chúng sẽ nghĩ gì? Cái tên đó - trên một bãi rác như thế này?" "Đó là tên tôi," Francisco đáp.

Khi anh bước vào văn phòng cha ở Buenos Aires - một căn phòng rộng lớn, trang nghiêm và hiện đại như phòng thí nghiệm, với những bức ảnh về tài sản của Đồng d'Anconia là vật trang trí duy nhất trên tường: ảnh các mỏ, bến quặng và xưởng đúc lớn nhất thế giới - anh thấy ở vị trí danh dự, đối diện bàn làm việc của cha, một bức ảnh xưởng đúc Cleveland với tấm biển mới trên cổng.

Ánh mắt cha anh chuyển từ bức ảnh sang gương mặt Francisco khi anh đứng trước bàn làm việc.

"Có phải hơi sớm không?" cha anh hỏi.

"Con không thể chịu nổi bốn năm chỉ toàn bài giảng."

"Vậy con lấy đâu ra tiền để mua xưởng đó?"

"Bằng cách đầu tư chứng khoán ở New York."

"Gì? Ai dạy con làm điều đó?"

"Không khó để đánh giá dự án công nghiệp nào sẽ thành công, dự án nào thất bại."

"Con lấy đâu ra tiền để đầu tư?"

"Từ tiền trợ cấp cha gửi và tiền lương của con."

"Con có thời gian để xem thị trường chứng khoán khi nào?"

"Trong khi con đang viết luận văn về ảnh hưởng của lý thuyết Động cơ bất biến của

Aristotle đối với các hệ thống siêu hình."

Kỳ nghỉ của Francisco ở New York vào mùa thu năm đó thật ngắn ngủi. Cha anh đã cử anh đến Montana làm trợ lý giám đốc một mỏ d'Anconia. "Ồ," anh mỉm cười nói với Dagny, "Cha anh không muốn để anh phát triển quá nhanh. Anh sẽ không yêu cầu ông ấy tin tưởng mình. Nếu ông ấy muốn một minh chứng thực tế, anh sẽ tuân theo." Đến mùa xuân, Francisco trở lại — với cương vị người đứng đầu văn phòng d'Anconia Copper ở New York.

Hai năm sau đó, cô hiếm khi gặp anh. Cô chẳng bao giờ biết anh đang ở đâu, thành phố nào hay lục địa nào. Anh luôn xuất hiện bất ngờ — và cô thích điều đó, bởi nó khiến anh luôn hiện diện trong cuộc sống của cô, như một tia sáng tiềm ẩn có thể chiếu rọi bất cứ lúc nào.

Mỗi khi nhìn thấy anh trong văn phòng, cô lại nhớ đến đôi bàn tay anh trên bánh lái thuyền máy: anh điều hành công việc kinh doanh với sự êm ái, tuy nguy hiểm nhưng đầy tự tin làm chủ. Tuy nhiên, một điều nhỏ vẫn đọng lại trong tâm trí cô như một cú sốc: nó không phù hợp với anh. Một buổi tối, cô thấy anh đứng bên cửa sổ văn phòng, nhìn ra hoàng hôn mùa đông nâu của thành phố. Anh đứng bất động rất lâu. Mặt anh căng cứng với một cảm xúc mà cô chưa bao giờ nghĩ có thể xảy ra với anh: sự tức giận cay đắng, bất lực. Anh nói, "Có điều gì đó không ổn trên thế giới. Luôn luôn có. Điều mà chưa ai đặt tên hay giải thích được." Nhưng anh không nói cho cô biết đó là gì.

Khi gặp lại anh, không còn dấu vết nào của sự việc đó trong tâm trí anh. Vào một ngày xuân, họ đứng cùng nhau trên sân thượng nhà hàng, ngắm lựa mỏng của chiếc váy dạ hội cô tung bay trong gió bên cạnh dáng cao của anh trong bộ vest đen trang trọng. Họ cùng nhìn ra thành phố. Trong phòng ăn phía sau vang lên âm nhạc của Richard Halley; tên tuổi ông chưa nhiều người biết đến, nhưng họ đã phát hiện và say mê âm nhạc của ông. Francisco nói, "Chúng ta không cần phải ngược nhìn những tòa nhà chọc trời từ xa nữa, phải không? Chúng ta đã tiếp cận chúng." Cô

cười đáp, "Em nghĩ chúng ta sẽ vượt qua chúng... Em gần như sợ hãi... như thể chúng ta đang ở trên một thang máy tăng tốc." "Chắc chắn rồi. Sợ gì chứ? Hãy để nó tăng tốc. Tại sao phải có giới hạn?"

Khi anh hai mươi ba tuổi, cha anh qua đời và anh phải về Buenos Aires để tiếp quản tài sản d'Anconia, giờ đã thuộc về anh. Ba năm sau đó cô không gặp lại anh.

Lúc đầu, anh thường viết thư cho cô vào những thời điểm ngẫu nhiên. Anh viết về d'Anconia Copper, thị trường thế giới và những vấn đề ảnh hưởng đến Taggart Transcontinental. Những bức thư ngắn gọn này được viết tay, thường vào ban đêm.

Dù nhớ anh, cô vẫn tập trung vào những bước đầu tiên để xây dựng đế chế tương lai của mình. Trong giới doanh nhân, những người bạn của cha cô thường nói rằng nên theo dõi người thừa kế trẻ tuổi của d'Anconia - nếu công ty đồng đã tuyệt vời trước đây, thì dưới sự điều hành của anh, nó hứa hẹn sẽ càn quét thế giới. Cô chỉ mỉm cười, không chút ngạc nhiên. Đôi lúc cô bất chợt khao khát anh mãnh liệt, nhưng đó chỉ là sự nôn nóng chứ không phải nỗi đau. Cô gạt nó sang một bên, tin rằng cả hai đang hướng tới tương lai sẽ mang lại mọi thứ họ mong muốn, kể cả nhau. Rồi những lá thư của anh dừng lại.

Cô 24 tuổi khi điện thoại reo trên bàn làm việc tại Tòa nhà Taggart vào một ngày xuân. "Dagny," một giọng nói quen thuộc vang lên, "Anh đang ở Wayne-Falkland. Tối nay đến ăn tối với anh nhé. Bảy giờ." Anh nói không chào hỏi, như thể họ vừa chia tay ngày hôm qua. Phải mất một lúc để lấy lại nhịp thở, lần đầu tiên cô nhận ra giọng nói ấy có ý nghĩa thế nào với mình. "Được... Francisco," cô đáp. Họ không cần nói gì thêm. Khi đặt ống nghe xuống, cô nghĩ sự trở lại của anh thật tự nhiên và đúng như cô vẫn mong đợi, chỉ có điều cô không ngờ việc phát âm tên anh lại khiến cô bất ngờ và hạnh phúc đến vậy.

Tối hôm đó, khi bước vào phòng khách sạn của anh, cô khựng lại. Anh đứng giữa phòng nhìn cô - và cô thấy một nụ cười hiện dần, vô thức, như thể anh đã quên cách mỉm cười và ngạc nhiên vì mình còn nhớ. Anh nhìn cô đầy hoài nghi, không hoàn

toàn tin vào những gì đang thấy cũng như những gì đang cảm nhận. Ánh mắt anh như một lời van xin, như tiếng kêu cứu của người không bao giờ khóc. Tại ngưỡng cửa, anh định chào theo cách cũ, vừa mở lời "Xin chào—" nhưng chưa kịp nói hết. Thay vào đó, sau một lúc, anh nói, "Em đẹp lắm, Dagny," như thể những lời ấy làm anh đau đớn.

"Francisco, em—"

Anh lắc đầu, không để cô nói ra những từ họ chưa từng thốt lên - dù biết rằng cả hai đã nói và nghe thấy chúng trong khoảnh khắc ấy.

Anh tiến lại gần, ôm cô vào lòng, hôn lên môi và ôm thật lâu. Khi cô ngược nhìn, anh đang mỉm cười đầy tự tin. Nụ cười ấy như muốn nói rằng anh đang kiểm soát được bản thân, cô và mọi thứ, đồng thời ra lệnh cho cô quên đi những gì vừa thấy trong giây phút đầu tiên. "Xin chào, Slug," anh nói.

Hiểu rằng mình không nên hỏi gì, cô mỉm cười đáp, "Xin chào, Frisco."

Cô có thể chấp nhận mọi thay đổi, nhưng không phải những điều đang thấy. Khuôn mặt anh không còn rạng rỡ hay sức sống, không còn chút hứng khởi nào; nó trở nên vô hồn. Nụ cười đầu tiên không phải dấu hiệu của sự yếu đuối; anh toát lên vẻ quyết tâm gần như tàn nhẫn. Anh cư xử như người đang gánh một trọng trách không thể vượt qua. Cô thấy điều mình không thể tin nổi: những nét cay đắng trên khuôn mặt khiến anh trông như đang chịu cực hình.

"Dagny, đừng ngạc nhiên về bất cứ điều gì anh làm," anh nói, "hay về những gì anh có thể làm trong tương lai."

Đó là lời giải thích duy nhất anh dành cho cô, rồi tiếp tục như thể chẳng có gì cần phải giải thích.

Cô chỉ cảm thấy lo lắng mơ hồ; không hề sợ hãi cho số phận hay sự hiện diện của mình. Khi anh cười, cô tưởng như họ đã trở về khu rừng bên Hudson: anh vẫn không

hề thay đổi và sẽ không bao giờ thay đổi.

Bữa tối được phục vụ trong phòng của anh. Cô thấy thú vị khi đối diện với anh trên chiếc bàn được bày biện trang trọng và đắt tiền, trong căn phòng khách sạn được thiết kế như cung điện châu Âu.

Wayne-Falkland là khách sạn nổi bật nhất còn tồn tại trên Trái Đất. Phong cách sang trọng với màn nhung, điêu khắc và ánh nến tạo nên sự tương phản có chủ ý với công năng của nó - nơi chỉ dành cho những doanh nhân đến New York để giải quyết các giao dịch quốc tế. Cô nhận ra thái độ đặc biệt tôn trọng của đội ngũ phục vụ dành cho vị khách quý này, nhưng Francisco dường như không để ý. Anh tự nhiên như đang ở nhà mình. Đã lâu anh quen với vai trò Señor d'Anconia của d'Anconia Copper.

Điều kỳ lạ là anh không nhắc gì đến công việc của mình. Cô nghĩ đó sẽ là mối quan tâm hàng đầu, là điều đầu tiên anh chia sẻ. Nhưng không, anh chỉ hỏi về công việc của cô, về sự tiến bộ và cảm nhận của cô với Taggart Transcontinental. Cô nói về những điều đó như vẫn thường nói với anh, biết rằng chỉ có anh mới thấu hiểu được niềm đam mê của cô. Anh không bình luận, chỉ chăm chú lắng nghe.

Người phục vụ bật nhạc trong bữa tối; họ không để ý đến nó. Bỗng nhiên, một âm thanh chói tai vang lên, như tiếng nổ từ lòng đất làm rung chuyển các bức tường. Cú sốc không đến từ âm lượng mà từ chất âm - đó là bản Concerto số bốn mới của Halley.

Họ ngồi im lặng, lắng nghe bản tuyên ngôn của cuộc nổi dậy - khúc ca chiến thắng của những nạn nhân vĩ đại không chịu khuất phục trước đau thương. Francisco lặng nhìn ra thành phố.

Không báo trước, anh hỏi bằng giọng bình thản đến kỳ lạ, "Dagny, em sẽ nói gì nếu anh yêu cầu em rời bỏ Taggart Transcontinental và để nó sụp đổ, như sẽ xảy ra khi

anh trai em tiếp quản?"

"Em sẽ nói gì nếu anh bảo em cân nhắc việc tự tử?" cô giận dữ đáp.

Anh im lặng.

"Sao anh lại nói vậy?" giọng cô nghen ngào. "Em không nghĩ anh sẽ đùa về chuyện đó. Không giống anh chút nào."

Không có chút hài hước nào trên mặt anh. Anh đáp nhẹ nhàng, nghiêm túc, "Không. Tất nhiên. Anh không nên hỏi vậy."

Cô hỏi về công việc của anh. Anh trả lời, nhưng không tự nguyện chia sẻ thêm. Cô nhắc lại những nhận xét của các nhà công nghiệp về triển vọng rực rỡ của d'Anconia Copper dưới sự quản lý của anh. "Đúng vậy," anh đáp, giọng vô cảm.

Trong cơn lo lắng bất chợt, không hiểu điều gì thúc đẩy, cô hỏi, "Francisco, tại sao anh đến New York?"

Anh đáp chậm rãi, "Để gặp một người bạn đã gọi cho anh."

"Về công việc à?"

Nhìn qua cô, như đang trả lời một suy nghĩ riêng, môi anh nở nụ cười nhạt đầy thích thú, nhưng giọng nói lại nhẹ nhàng và buồn bã lạ thường, anh đáp:

"Đúng."

Đã quá nửa đêm khi cô thức giấc bên anh. Thành phố im ắng. Sự tĩnh lặng trong phòng khiến thời gian như ngừng trôi. Thư thái trong hạnh phúc và hoàn toàn kiệt sức, cô lười biếng quay sang nhìn anh. Anh nằm ngửa, đầu tựa nửa gối. Gương mặt anh hiện rõ trên nền trời đêm rực rỡ ngoài cửa sổ. Anh đã thức, mắt mở. Môi anh mím chặt như người đang chịu đựng cơn đau không thể khuất phục; không hề che giấu.

Cô không dám cử động. Anh cảm nhận được ánh mắt của cô và quay sang nhìn. Anh khẽ rung mình, vén chăn ra, nhìn cơ thể trần của cô, rồi ngã về phía trước, vùi mặt vào giữa ngực cô. Anh giữ chặt vai cô, ôm siết lấy cô. Cô nghe thấy những lời thì thầm nghẹn ngào qua làn da:

"Anh không thể từ bỏ nó! Anh không thể!"

"Sao cơ?" cô thì thầm.

"Em."

"Tại sao vậy—"

"Và tất cả."

"Tại sao anh phải từ bỏ?"

"Dagny! Giúp anh ở lại. Từ chối đi. Dù anh ấy đúng!"

"Từ chối điều gì, Francisco?"

Anh không đáp, chỉ áp mặt vào cô mạnh hơn.

Cô nằm yên lặng, chỉ còn ý thức về sự cần thiết phải thật thận trọng. Đầu anh tựa trên ngực cô, tay cô nhẹ nhàng vuốt ve mái tóc anh, cô nhìn lên trần nhà, những hoa văn điêu khắc mờ ảo trong bóng tối, và chờ đợi, lòng tê tái vì sợ hãi.

Anh rên rỉ, "Đúng vậy, nhưng khó quá! Lạy Chúa, sao mà khó thế này!"

Một lúc sau, anh ngẩng đầu lên. Anh ngồi dậy. Anh đã thôi run rẩy.

"Chuyện gì vậy, Francisco?"

"Anh không thể nói với em được." Giọng anh đơn giản, thẳng thắn, không giấu nổi đau, nhưng đã lấy lại được bình tĩnh. "Em chưa sẵn sàng nghe đâu."

"Em muốn giúp anh."

"Em không thể."

"Anh bảo, để giúp anh từ chối."

"Anh không thể từ chối."

"Vậy để em chia sẻ với anh."

Anh lắc đầu.

Anh nhìn cô, như đang cân nhắc một câu hỏi. Rồi lại lắc đầu, tự trả lời chính mình.

"Nếu anh còn không chắc mình chịu đựng nổi," anh nói, giọng dịu dàng, "làm sao em có thể?"

Cô cố kìm không thét lên, nói chậm rãi, "Francisco, em cần phải biết."

"Em sẽ tha thứ cho anh chứ? Anh biết em đang sợ và điều này thật tàn nhẫn. Nhưng em sẽ làm điều này cho anh — cứ để nó qua đi, đừng hỏi gì cả, được không?"

"Em—"

"Đó là tất cả những gì em có thể làm cho anh. Em đồng ý chứ?"

"Vâng, Francisco."

"Đừng lo cho anh. Chuyện này chỉ xảy ra một lần thôi. Sẽ không còn nữa đâu. Mọi thứ sẽ dễ dàng hơn... sau này."

"Nếu em có thể—"

"Không. Ngủ đi, em yêu."

Đó là lần đầu tiên anh dùng từ đó.

Sáng hôm sau, anh nhìn thẳng vào cô, không tránh ánh mắt lo lắng của cô, nhưng không dả động gì đến chuyện đêm qua. Cô thấy trên gương mặt anh vừa thanh thản vừa đau đớn; một biểu cảm như nụ cười đau khổ, dù anh không hề cười. Lạ lùng thay, điều đó khiến anh trông trẻ hơn. Anh không giống người đang chịu cực hình, mà như người chấp nhận rằng nỗi đau ấy là xứng đáng.

Cô không hỏi gì. Trước khi rời đi, cô chỉ hỏi, "Khi nào em gặp lại anh?"

Anh trả lời, "Anh không biết. Đừng đợi anh, Dagny. Lần sau chúng ta gặp nhau, em sẽ không muốn gặp anh nữa. Anh có lý do cho những việc anh sẽ làm, nhưng không thể nói cho em biết lý do thật sự—em sẽ giết anh ngay lập tức nếu anh nói ra. Anh không muốn làm điều đáng khinh là yêu cầu em tin tưởng anh. Em phải sống theo phán đoán của chính mình. Mẹ kiếp, em sẽ giết anh mất. Em sẽ bị tổn thương, nhưng hãy cố đừng để nó làm em đau quá nhiều. Hãy nhớ rằng anh đã nói với em điều này—đó là tất cả những gì anh có thể nói."

Cả năm trời sau đó, cô không nghe tin gì về anh. Khi những câu chuyện phiếm và bài báo bắt đầu xuất hiện, ban đầu cô không tin rằng họ đang nói về Francisco d'Anconia. Nhưng dần dà, cô buộc phải tin.

Cô đọc về bữa tiệc anh tổ chức trên du thuyền ở cảng Valparaiso, nơi khách mời mặc đồ tắm, với cơn mưa sâm panh nhân tạo và cánh hoa rơi không ngớt suốt đêm trên boong tàu.

Cô đọc về bữa tiệc khác tại khu nghỉ dưỡng sa mạc ở Algeria, nơi anh dựng một gian hàng bằng băng mỏng và tặng mỗi vị khách nữ một chiếc khăn với điều kiện họ phải cởi bỏ khăn quấn, rồi váy dạ hội, và cuối cùng là tất cả, theo tốc độ tan chảy của những bức tường băng.

Cô theo dõi các dự án kinh doanh anh đảm nhận—những thành công ngoạn mục đã hủy hoại đối thủ cạnh tranh. Nhưng anh chỉ xem chúng như trò chơi, dàn dựng một cuộc đột kích bất ngờ rồi biến mất khỏi ngành trong một hai năm, để mặc nhân viên

quản lý d'Anconia Copper.

Cô đọc cuộc phỏng vấn nơi anh nói, "Tại sao tôi phải kiếm tiền? Tôi đã có đủ để cho ba thế hệ con cháu tận hưởng cuộc sống như tôi đang có."

Cô gặp anh một lần tại buổi tiệc của một đại sứ ở New York. Anh lịch thiệp cúi chào, mỉm cười, và nhìn cô bằng ánh mắt xa lạ chưa từng có. Cô kéo anh sang một bên, chỉ hỏi, "Francisco, tại sao?" "Tại sao cái gì?" anh đáp. Cô quay đi. "Anh đã cảnh báo em rồi," anh nói. Từ đó cô không còn tìm gặp anh nữa.

Cô có thể tiếp tục sống và bỏ qua chuyện đó, vì cô không tin vào đau khổ. Cô đối mặt với cơn phản nộ kinh ngạc trước sự thật tồi tệ của nỗi đau, và từ chối để nó trở thành vấn đề. Đau khổ chỉ là tai nạn vô nghĩa, không phải một phần của cuộc sống như cô mong muốn. Cô sẽ không để nỗi đau trở nên quan trọng. Cô không đặt tên cho sự phản kháng này, cho cảm xúc đằng sau nó, nhưng trong tâm trí cô biết: Điều đó không đáng bận tâm. Có lúc cô chỉ muốn hét lên và ước mình mất đi nhận thức để không phải tin vào sự thật. Không đáng bận tâm—đó là điều bất di bất dịch cô tự nhắc nhở—nỗi đau và sự xấu xí không bao giờ đáng để bận tâm.

Cô đã chiến đấu với điều đó nhiều năm. Giờ cô đã hoàn toàn bình phục. Cô thờ ơ trước những ký ức, dù không cần thiết phải đối mặt với chúng. Ký ức đó đã chết và không còn liên quan đến cô.

Không người đàn ông nào khác bước vào đời cô. Cô không rõ điều này có khiến mình buồn hay không. Cô không còn thời gian để bận tâm. Cô tìm thấy cảm giác sống lành mạnh, bận rộn trong công việc như điều cô hằng mong muốn. Ngày xưa, Francisco đã cho cô cảm giác tương tự—cảm giác thuộc về công việc và thế giới của cô. Những người đàn ông cô gặp từ đó đều giống như những người trong buổi dạ hội đầu tiên.

Cô đã chiến thắng trong cuộc chiến với ký ức. Nhưng vẫn có điều gì đó tra tấn cô

qua năm tháng—sự dằn vặt của từ "tại sao?"

Bất kể bi kịch nào đã xảy đến với anh, tại sao Francisco lại chọn cách trốn tránh thấp hèn nhất, như một gã nghiện rượu tầm thường? Chàng trai mà cô từng biết không thể trở thành kẻ hèn nhất vô dụng. Một trí tuệ phi thường không thể hạ mình để sáng tạo ra những phòng khiêu vũ phù phiếm. Thế nhưng anh đã và đang làm những điều đó, không có lời giải thích nào có thể khiến cô hiểu được và quên anh trong thanh thản. Cô không thể phủ nhận sự thật về con người anh ngày trước, hay về những gì đã biến anh thành như hiện tại. Đôi khi, cô nghi ngờ chính lý trí của mình, thậm chí nghi ngờ sự tồn tại của mọi logic trên đời. Nhưng không có lời giải thích, không có lý do, không có manh mối nào cho bất kỳ khả năng nào — và suốt mười ngày qua, cô không tìm được câu trả lời.

Không, cô nghĩ — khi bước qua ánh hoàng hôn xám xịt, ngang qua những cửa hiệu bỏ hoang, đến khách sạn Wayne-Falkland — không thể có câu trả lời. Cô sẽ không tìm kiếm nữa. Nó không còn quan trọng.

Cảm xúc dâng trào trong cô, run rẩy, mong manh, không phải dành cho người đàn ông cô sắp gặp; đó là sự phản kháng trước sự hy sinh — chống lại việc hủy hoại những gì từng vĩ đại.

Trong khoảnh khắc dừng chân, cô nhìn thấy những tháp cao của Wayne-Falkland giữa các tòa nhà. Cô cảm thấy cơn đau nhói ở phổi và chân, khiến cô đứng lại. Rồi cô tiếp tục bước đi đều đặn.

Khi đi qua sảnh lát đá cẩm thạch, lên thang máy, rồi xuống hành lang rộng trải thảm nhung, cô chỉ cảm thấy cơn giận dữ ngày càng lạnh lẽo theo từng bước chân.

Cô chắc chắn về cơn giận khi gõ cửa phòng anh. Cô nghe giọng anh đáp: "Mời vào." Cô giật tung cửa bước vào.

Francisco Domingo Carlos Andres Sebastián d'Anconia đang ngồi dưới sàn, chơi bi.

Không ai từng thắc mắc liệu Francisco d'Anconia có đẹp trai hay không; điều đó dường như không quan trọng; khi anh bước vào phòng, không ai có thể nhìn vào người khác. Dáng người cao thanh mảnh của anh toát lên khí chất phi thường, chân thực đến mức hiện đại, và anh di chuyển như thể có chiếc áo choàng vô hình tung bay sau lưng. Người ta nói anh có sinh lực mãnh liệt của một con thú khỏe mạnh, nhưng họ mơ hồ nhận ra điều đó không chính xác. Anh có sức sống của một con người khỏe mạnh, một điều hiếm có đến mức không ai định nghĩa được. Anh có sức mạnh của sự chắc chắn.

Không ai mô tả ngoại hình anh là người Latin, nhưng từ này phù hợp với anh, không phải theo nghĩa hiện đại, mà theo nghĩa nguyên thủy – không liên quan đến Tây Ban Nha, mà là La Mã cổ đại. Cơ thể anh như được thiết kế theo một phong cách nhất quán, được tạo nên từ sự thanh mảnh, cơ bắp săn chắc, đôi chân dài và những chuyển động nhanh nhẹn. Đường nét gương mặt anh chính xác như tác phẩm điêu khắc. Mái tóc đen thẳng, vuốt ngược ra sau. Làn da ngăm càng làm nổi bật màu mắt đáng kinh ngạc: một sắc xanh trong suốt, tinh khiết. Khuôn mặt anh cởi mở, biểu cảm thay đổi nhanh chóng theo từng cảm xúc, như thể không có gì phải giấu giếm. Nhưng đôi mắt xanh vẫn tĩnh lặng, không gợn sóng, không hé lộ suy nghĩ.

Anh ngồi trên sàn phòng khách, mặc bộ đồ ngủ lụa đen mỏng manh. Những viên bi rải quanh trên thảm được làm từ đá bán quý: carnelian và thạch anh trong suốt. Anh không đứng dậy khi Dagny bước vào. Anh ngồi nhìn cô, một viên bi pha lê rơi khỏi tay như giọt nước. Anh cười, vẫn nụ cười không đổi, xác xược và rục rở năm xưa.

"Xin chào, Slug!"

Cô nghe chính mình đáp lại, bất lực, vui vẻ:

"Xin chào, Frisco!"

Cô nhìn thẳng vào mặt anh - khuôn mặt mà cô từng biết rõ. Nó không mang dấu vết nào của lối sống anh đã theo đuổi, cũng không có dấu hiệu của những gì cô đã thấy

trong đêm cuối cùng họ bên nhau. Không có dấu hiệu của bi kịch, không cay đắng, không căng thẳng - chỉ có sự rạng rỡ, sự trưởng thành, và vẻ hứng thú của một trò chơi nguy hiểm không thể đoán trước, cùng sự thanh thản tuyệt đối, không tội lỗi của tinh thần. Nhưng điều này, cô nghĩ, mới thực sự không thể; điều này còn gây sốc hơn tất cả những thứ khác.

Đôi mắt anh quan sát cô: chiếc áo khoác rách tả tơi trễ xuống nửa vai, thân hình mảnh mai trong bộ vest xám như đồng phục công sở.

"Nếu em đến đây ăn mặc thế này để tôi không nhận ra em đáng yêu thế nào," anh nói, "thì em đã tính sai rồi. Em thật đáng yêu. Tôi ước có thể nói cho em biết cảm giác nhẹ nhõm khi nhìn thấy một khuôn mặt thông minh của người phụ nữ. Nhưng em sẽ không muốn nghe điều đó. Đó không phải điều em muốn biết, phải không?"

Những lời đó sai lệch theo nhiều cách, nhưng được nói ra nhẹ nhàng đến mức đưa cô về thực tại, về cơn giận và mục đích chuyến viếng thăm. Cô đứng đó, nhìn xuống anh, mặt không cảm xúc. Cô nói: "Tôi đến đây để hỏi anh một câu."

"Cứ nói đi."

"Khi anh nói với báo chí rằng anh đến New York để xem một trò hề, anh đang nói về trò hề nào?"

Anh cười lớn, như một người hiếm khi có cơ hội thưởng thức điều bất ngờ.

"Đó là điều tôi thích ở em, Dagny. Trong số bảy triệu người ở New York hiện giờ, chỉ mình em nhận ra rằng tôi không nói về 'vụ ly hôn Vail'."

"Vậy anh đang nói về cái gì?"

"So với những gì xảy đến với em thì sao?"

"Thảm họa San Sebastián."

"Thú vị hơn nhiều so với vụ ly hôn Vail, phải không?"

Cô nói bằng giọng lạnh lùng, nghiêm khắc của một công tố viên: "Anh đã làm việc đó một cách có ý thức, máu lạnh và có chủ đích."

"Em không nghĩ nên cởi áo khoác và ngồi xuống sao?"

Cô nhận ra mình đã phản ứng thái quá. Cô lạnh lùng quay người, cởi áo khoác và ném sang một bên. Anh không đứng dậy giúp cô. Cô ngồi xuống ghế bành. Anh vẫn ngồi dưới sàn, cách xa một khoảng, nhưng như thể đang ngồi dưới chân cô.

"Em nghĩ tôi đã làm gì với ý đồ đó?" anh hỏi.

"Toàn bộ San Sebastián là một cú lừa."

"Ý đồ thực sự của tôi là gì?"

"Đó là điều tôi muốn biết."

Anh khẽ cười, như thể cô vừa yêu cầu anh giải thích một môn khoa học phức tạp cần cả đời nghiên cứu.

"Anh biết những mỏ ở San Sebastián vô giá trị," cô nói. "Anh đã biết điều đó trước khi bắt đầu toàn bộ vụ kinh doanh khốn kiếp này."

"Vậy tại sao tôi lại bắt đầu?"

"Đừng nói với tôi rằng anh chẳng đạt được gì. Tôi biết điều đó. Tôi biết anh đã mất mười lăm triệu đô la tiền của chính mình. Nhưng tất cả đều có chủ đích."

"Em có thể đoán được động cơ của tôi không?"

"Không. Thật không thể hiểu nổi."

"Vậy sao? Em cho rằng tôi có đầu óc xuất sắc, kiến thức uyên bác và khả năng làm việc phi thường, nên bất cứ việc gì tôi đảm nhận đều phải thành công. Và rồi em

khẳng định rằng tôi không có ý định nỗ lực hết mình cho Nhà nước Nhân dân Mexico. Thật không thể tưởng tượng, phải không?"

"Anh đã biết trước khi mua tài sản đó, Mexico đang nằm trong tay một chính phủ cướp bóc. Anh không cần phải khởi động dự án khai thác cho họ."

"Không, tôi không cần phải làm thế."

"Anh đã không quan tâm đến chính phủ Mexico đó, bằng cách này hay cách khác, bởi vì—"

"Em đã sai về điều đó rồi."

"—Vì anh biết sớm muộn gì họ cũng chiếm những mỏ đó. Mục tiêu thực sự của anh là những cổ đông Mỹ."

"Đúng." Anh nhìn thẳng vào cô, không cười, vẻ mặt nghiêm túc. Anh nói thêm: "Đó là một phần của sự thật."

"Phần còn lại là gì?"

"Đó không phải tất cả những gì tôi nhắm đến."

"Còn gì nữa?"

"Đó là điều để em tự tìm ra."

"Tôi đến đây vì muốn anh biết rằng tôi đang bắt đầu hiểu mục đích của anh."

Anh mỉm cười. "Nếu em đã hiểu, em sẽ không đến đây."

"Đúng vậy. Tôi không hiểu và có lẽ sẽ không bao giờ hiểu. Tôi chỉ mới bắt đầu nhìn thấy một phần của nó."

"Phần nào?"

"Anh đã chán ngấy mọi hình thức sa đọa khác và tìm kiếm cảm giác mới bằng cách lừa dối những người như Jim và bạn bè anh ta, chỉ để xem họ quần quai. Tôi không hiểu loại tham nhũng nào khiến người ta thích thú với điều đó, nhưng đó chính là những gì anh đến New York để xem, vào đúng thời điểm."

"Họ chắc chắn đã chứng kiến một thảm kịch quy mô lớn. Anh trai của em, James."

"Họ là những kẻ ngu ngốc, nhưng lần này, tội duy nhất của họ là đã tin tưởng anh. Họ đã tin vào danh tiếng và danh dự của anh."

Một lần nữa, cô nhìn thấy vẻ mặt nghiêm túc và chắc chắn rằng đó là sự thật khi anh nói: "Đúng. Họ đã làm thế. Tôi biết điều đó."

"Và anh thấy nó thú vị chứ?"

"Không. Tôi không thấy nó thú vị chút nào."

Anh vẫn tiếp tục chơi với những viên bi, lơ đãng, thờ ơ, thỉnh thoảng mới chụp một viên. Cô chợt nhận ra sự chính xác hoàn hảo trong kỹ năng của đôi tay anh. Chỉ với một cú lướt nhẹ cổ tay, anh khiến một viên bi lăn qua tấm thảm và va chạm chính xác vào viên khác. Cô nhớ về thời thơ ấu và những dự đoán rằng bất cứ việc gì anh làm đều sẽ đạt đến sự hoàn hảo.

"Không," anh nói, "tôi không thấy thú vị. Anh trai em, James và bạn bè anh ta chẳng biết gì về ngành khai thác đồng. Họ chẳng biết gì về việc kiếm tiền. Họ nghĩ không cần phải học hỏi. Họ coi kiến thức là thừa thãi và khả năng phán đoán là không cần thiết. Họ thấy tôi xuất hiện khắp nơi và tạo được tiếng tăm. Họ nghĩ có thể tin tưởng vào danh dự của tôi. Người ta không phản bội lòng tin kiểu đó, phải không?"

"Vậy thì anh đã cố tình phản bội nó?"

"Đó là do em quyết định. Chính em đã nói về sự tin tưởng của họ và danh dự của tôi. Tôi không còn nghĩ về những điều như vậy nữa..." Anh nhún vai, nói thêm: "Tôi

không quan tâm đến James và những người bạn của anh ta. Lý thuyết của họ chẳng có gì mới, nó đã tồn tại qua nhiều thế kỷ. Nhưng không dễ dàng đâu. Họ chỉ bỏ sót một điểm. Họ nghĩ rằng thật an toàn khi lợi dụng bộ não của tôi, bởi họ cho rằng mục tiêu của tôi là sự giàu có. Mọi tính toán của họ đều dựa trên giả định rằng tôi muốn kiếm tiền. Nếu tôi không làm thế thì sao?"

"Nếu không, anh muốn gì?"

"Họ chưa bao giờ hỏi tôi điều đó. Việc không hỏi về mục tiêu, động cơ hay mong muốn của tôi là một phần thiết yếu trong lý thuyết của họ."

"Nếu anh không muốn kiếm tiền, vậy động cơ của anh là gì?"

"Bất cứ điều gì tôi muốn làm. Ví dụ như đốt tiền vào việc đó."

"Để chi tiền cho một thứ mà anh biết sẽ thất bại hoàn toàn sao?"

"Làm sao tôi biết được những mô đó chắc chắn là một thất bại hoàn toàn?"

"Làm sao anh có thể không biết được?"

"Rất đơn giản. Bằng cách không suy nghĩ gì cả."

"Anh bắt đầu dự án đó mà không có bất kỳ suy nghĩ nào sao?"

"Không hẳn vậy. Tôi cũng chỉ là con người thôi. Tôi đã phạm sai lầm. Nên đã thất bại. Tôi đã làm rất tệ." Anh búng cổ tay; một viên bi pha lê lấp lánh bắn ngang sàn nhà và va mạnh vào một viên bi màu nâu ở đầu kia căn phòng.

"Tôi không tin điều đó," cô nói.

"Không ư? Nhưng tôi không có quyền trở thành con người bình thường như mọi người sao? Tôi phải gánh chịu sai lầm của người khác mà không được phép phạm sai lầm của riêng mình sao?"

"Đó không phải là con người thật của anh."

"Không phải sao?" Anh nằm dài trên thảm, uể oải, thư thái. "Em muốn nói rằng nếu em nghĩ tôi làm vậy có chủ đích, thì em vẫn cho rằng tôi là người có mục đích? Em vẫn không thể chấp nhận tôi là kẻ vô tích sự sao?"

Cô nhắm mắt lại. Cô nghe thấy anh cười; đó là âm thanh trong trẻo nhất trên đời. Cô vội mở mắt ra; nhưng không thấy chút tàn nhẫn nào trên khuôn mặt anh, chỉ có nụ cười thuần khiết.

"Động cơ của tôi, Dagny? Em không nghĩ đó là điều đơn giản nhất—sự thúc đẩy của thời điểm này?"

Không, cô nghĩ, không, điều đó không đúng; không phải khi anh cười như vậy, không phải khi anh có vẻ như thế. Cô nghĩ rằng niềm vui thầm lặng không thuộc về những kẻ vô trách nhiệm; sự bình an không thể xâm phạm không phải thành tựu của kẻ bất cần; để cười được như vậy phải là kết quả của những suy nghĩ sâu sắc nhất, nghiêm túc nhất.

Gần như không chút thương tiếc, khi nhìn bóng dáng anh trải dài trên thảm dưới chân, cô quan sát: bộ đồ ngủ đen làm nổi bật những đường nét cơ thể, cổ áo hở để lộ làn da mịn màng, trẻ trung, rám nắng—và cô nhớ về hình ảnh anh trong chiếc quần đùi và áo sơ mi đen, nằm cạnh cô trên bãi cỏ lúc bình minh. Khi đó cô đã cảm thấy tự hào, niềm tự hào khi biết rằng cô sở hữu cơ thể anh; cô vẫn cảm thấy điều đó. Cô chợt nhớ ra những khoảnh khắc thân mật của họ; ký ức đáng lẽ phải khiến cô khó chịu, nhưng không. Đó vẫn là niềm tự hào, không hối tiếc hay hy vọng, một cảm xúc không đủ sức chạm đến cô và cô cũng không đủ sức để phá hủy.

Không thể tránh khỏi, một liên tưởng bất ngờ khiến cô kinh ngạc, cô nhớ lại điều gì đã mang đến cho cô cảm giác hân hoan tốt độ giống như anh.

"Francisco," cô nghe giọng mình dịu dàng, "cả hai chúng ta đều yêu thích âm nhạc

của Richard Halley..."

"Tôi vẫn thích nó."

"Anh đã gặp ông ấy lần nào chưa?"

"Đã từng. Tại sao vậy?"

"Anh có tình cờ biết liệu ông ấy đã viết bản Concerto thứ năm không?"

Anh hoàn toàn im lặng. Cô tưởng anh sẽ bị sốc, nhưng không. Cô không thể đoán được tại sao trong tất cả những điều cô có thể nói, đây lại là câu đầu tiên liên quan đến ông ấy. Chỉ một thoáng sau, anh hỏi đều đều: "Điều gì khiến em nghĩ rằng ông ấy đã viết bản thứ năm?"

"Vậy là có phải không?"

"Em nên biết rằng chỉ có bốn bản concerto của Halley."

"Đúng. Nhưng tôi tự hỏi liệu ông ấy có viết thêm bản nào khác không."

"Ông ấy đã ngừng sáng tác."

"Tôi biết."

"Vậy điều gì khiến em hỏi vậy?"

"Chỉ là một suy nghĩ thoáng qua thôi. Bây giờ ông ấy đang làm gì? Ở đâu?"

"Tôi không biết. Đã lâu rồi tôi không gặp ông ấy. Điều gì khiến em nghĩ về bản Concerto thứ năm?"

"Tôi không nói là có gì cả. Tôi chỉ tò mò thôi."

"Sao em lại nghĩ về Richard Halley?"

"Bởi vì" —cô cảm thấy sự kiểm soát của mình hơi lung lay— "bởi vì tâm trí tôi không thể chấp nhận được khoảng cách từ âm nhạc của Richard Halley đến... bà Gilbert Vail."

Anh bật cười, thở phào nhẹ nhõm. "À, chuyện đó à?... Nhân tiện, nếu em có theo dõi những tin tức về tôi, em có nhận ra điều hài hước trong câu chuyện của bà Gilbert Vail không?"

"Tôi không đọc những thứ đó."

"Em nên đọc. Bà ấy kể rất hay về đêm giao thừa năm ngoái mà chúng tôi cùng trải qua trong biệt thự ở dãy Andes. Ánh trăng trên đỉnh núi, những bông hoa đỏ thắm như máu treo trên dây leo bên cửa sổ đang mở. Em có thấy điều gì không ổn trong bức tranh đó không?"

Cô khẽ nói: "Đáng lẽ tôi mới là người nên hỏi anh câu đó, nhưng tôi sẽ không hỏi."

"Ồ, tôi chẳng thấy có gì sai cả — ngoại trừ việc đêm giao thừa năm ngoái, tôi đang ở El Paso, Texas, chủ trì lễ khai trương tuyến San Sebastián của Taggart Transcontinental, như em hẳn còn nhớ, dù em đã không có mặt. Tôi còn chụp ảnh với anh trai em James và Señor Orren Boyle."

Cô thở gấp, nhớ ra đó là sự thật, và nhớ rằng cô đã đọc câu chuyện của bà Vail trên báo.

"Francisco, chuyện này... có ý nghĩa gì vậy?"

Anh cười khúc khích. "Em tự rút ra kết luận đi... Dagny" —về mặt anh trở nên nghiêm túc— "sao em lại nghĩ về bản Concerto thứ năm của Halley? Sao không phải là một bản giao hưởng hay một vở opera mới? Sao lại cụ thể là một bản concerto?"

"Sao điều đó lại khiến anh bận tâm vậy?"

"À, không." Anh dịu dàng nói thêm: "Tôi vẫn yêu âm nhạc của ông ấy, Dagny." Rồi anh

nói nhẹ nhàng: "Nhưng nó thuộc về một thời đại khác rồi. Thời đại của chúng ta mang đến những giải trí khác."

Anh nằm ngửa, vắt tay dưới đầu, ngược nhìn lên trần nhà như thể đang xem một vở hài kịch chiếu trên đó.

"Dagny, em có thích thú với cảnh tượng về hành động của Nhà nước Nhân dân Mexico đối với Mỏ San Sebastián không? Em đã đọc các bài phát biểu của chính phủ và các bài xã luận của họ chưa? Họ gọi tôi là kẻ lừa đảo vô lương tâm. Họ mong đợi có được một mỏ khai thác thành công để chiếm đoạt. Tôi không có quyền làm họ thất vọng như vậy. Em có đọc về tên quan chức tầm thường muốn kiện tôi không?"

Anh cười, nằm ngửa trên thảm, hai cánh tay dang rộng tạo thành hình thánh giá với thân mình; trông anh như được giải thoát, thoải mái và trẻ trung.

"Nó xứng đáng với mọi giá phải trả. Tôi có thể chi trả cho vở kịch này. Nếu tôi cố tình dàn dựng nó, tôi đã vượt qua cả Hoàng đế Nero. Đốt cháy một thành phố thì có là gì — so với việc xé toang cái nắp địa ngục để cho người ta nhìn thấy?"

Anh đứng dậy, nhặt vài viên bi và ngồi lắc chúng trong tay một cách lơ đãng; tiếng đá va chạm phát ra âm thanh trong trẻo, dịu nhẹ. Cô chợt nhận ra việc chơi với những viên bi không phải là hành động có chủ ý của anh; đó là biểu hiện của sự bồn chồn — có lẽ anh không thể ngồi yên được lâu.

Anh nói: "Chính phủ Bang Nhân dân Mexico đã ra tuyên bố, yêu cầu người dân kiên nhẫn vượt qua khó khăn trong thời gian ngắn. Có vẻ như kho đồng ở Mỏ San Sebastián là một phần trong kế hoạch của hội đồng trung ương. Nó sẽ nâng cao mức sống và đảm bảo thịt quay cho mọi người dân vào các Chủ nhật. Giờ đây, các nhà hoạch định bảo người dân đừng đổ lỗi cho chính phủ, mà hãy đổ lỗi cho sự sa đọa của những kẻ giàu có, bởi tôi hóa ra lại là một tay chơi vô trách nhiệm thay vì một nhà tư bản tham lam như họ kỳ vọng. Họ hỏi, làm sao họ biết được tôi sẽ làm họ

thất vọng? Đúng thế, làm sao họ biết được chứ?"

Cô chú ý đến cách anh chạm vào những viên bi. Anh không nhận thức được điều đó, ánh mắt đang hướng về một khoảng không xa xăm nào đó, nhưng cô chắc chắn rằng hành động ấy là một cách giải tỏa, như một sự đối lập. Những ngón tay anh di chuyển chậm rãi, cảm nhận kết cấu của những viên đá với sự thích thú đầy nhục cảm. Thay vì thấy thô thiển, cô lại thấy nó kỳ lạ quyến rũ — cô chợt nghĩ, như thể nhục cảm không hề thuộc về thể xác, mà đến từ sự tinh tế của tinh thần.

"Và đó chưa phải tất cả những gì họ không biết," anh nói. "Họ còn nhận được thêm một món quà. Đó là khu nhà ở công nhân San Sebastián. Giá tám triệu đô la. Nhà khung thép, đầy đủ hệ thống ống nước, điện và điều hòa. Kèm theo trường học, nhà thờ, bệnh viện và rạp chiếu phim. Một khu định cư dành cho những người từng sống trong những căn lều gỗ thô sơ và mái tôn. Đặc ân xây dựng khu này là nhượng bộ đặc biệt vì tôi không phải người bản xứ Mexico. Việc định cư công nhân cũng nằm trong kế hoạch của họ — một hình mẫu về Nhà ở Tiểu bang tiến bộ. Nhưng những ngôi nhà khung thép đó chỉ là bìa cứng phủ lớp sơn đẹp đẽ. Chúng sẽ không trụ được quá một năm. Hệ thống ống nước — cũng như hầu hết thiết bị khai thác — được mua từ các đại lý lấy hàng từ bãi phế thải Buenos Aires và Rio de Janeiro. Tôi cho đường ống thêm năm tháng nữa, và hệ thống điện khoảng sáu tháng. Những con đường tráng lệ dày bốn nghìn feet chúng tôi xây cho Bang Nhân dân Mexico sẽ không qua nổi vài mùa đông: chúng làm bằng xi măng rẻ tiền không nền móng, còn thanh giằng ở các khúc cua chỉ là ván gỗ sơn phết. Chỉ cần một trận lũ đất. Nhà thờ, tôi nghĩ, sẽ đứng vững. Họ sẽ cần đến nó."

"Francisco," cô thì thầm, "anh cố tình làm vậy à?"

Anh ngẩng đầu lên; cô giật mình khi thấy vẻ mệt mỏi vô hạn trên gương mặt anh. "Dù tôi cố tình làm vậy," anh nói, "hay do lơ là, hay do ngu ngốc, em không hiểu rằng điều đó chẳng tạo ra khác biệt gì sao? Yếu tố quan trọng đã bị thiếu."

Cô đang run rẩy. Bất chấp mọi quyết tâm tự kiểm soát, cô bật khóc: "Francisco! Nếu

anh thấy những gì đang xảy ra trên thế giới, nếu anh hiểu tất cả những điều mình nói, anh không thể cười về chuyện này được! Chính anh, hơn tất cả mọi người, mới là người phải chiến đấu chống lại họ!"

"Ai?"

"Những kẻ cướp bóc và những kẻ tạo điều kiện cho việc cướp bóc. Bọn họ hoạch định Mexico và đồng bọn của chúng."

Nụ cười của anh mang một vẻ nguy hiểm. "Không, em yêu. Chính vì em mà tôi phải chiến đấu."

"Anh đang nói gì vậy?"

"Tôi đang nói về khu định cư công nhân San Sebastián trị giá tám triệu đô la," anh trả lời, giọng cứng rắn và nhấn từng chữ. "Những ngôi nhà bìa cứng đó có giá ngang với giá của kết cấu thép thật. Mọi thứ khác cũng vậy. Số tiền đó chảy vào túi những kẻ làm giàu bằng thủ đoạn như thế. Nhưng bọn họ không thể giàu lâu được. Tiền sẽ chảy vào những kênh đầu tư khác - không phải nơi hiệu quả nhất, mà là nơi tham nhũng nhất. Theo tiêu chuẩn thời đại này, kẻ đóng góp ít nhất lại là người chiến thắng. Và số tiền đó sẽ biến mất vào những dự án như Mô San Sebastián."

"Đó là điều anh đang theo đuổi sao?"

"Đúng."

"Và đó là điều khiến anh thấy thú vị?"

"Đúng."

"Tôi đang nghĩ về tên của anh," cô nói, trong khi một phần tâm trí đang thét gào rằng những lời trách móc thật vô ích. "Truyền thống nhà d'Anconia là mỗi thế hệ phải để lại tài sản lớn hơn số họ được thừa kế."

"Ồ đúng, tổ tiên tôi có tài năng đáng nể trong việc làm đúng việc vào đúng thời điểm - và đầu tư đúng cách. Tất nhiên, 'đầu tư' là khái niệm tương đối. Tùy thuộc vào mục tiêu em muốn đạt được. Ví dụ như San Sebastián. Tôi bỏ ra mười lăm triệu đô la, nhưng số tiền này đã xóa sổ bốn mươi triệu của Taggart Transcontinental, ba mươi lăm triệu của các cổ đông như James Taggart và Orren Boyle, cùng hàng trăm triệu thiệt hại gián tiếp khác. Không phải là khoản đầu tư tồi, phải không, Dagny?"

Cô ngồi thẳng người. "Anh có nhận thức được mình đang nói gì không?"

"Hoàn toàn! Em muốn tôi phải xấu hổ vì những hậu quả em đang trách móc sao? Thứ nhất, tôi không nghĩ Taggart Transcontinental sẽ hồi phục sau thất bại phi lý ở tuyến San Sebastián đâu. Em nghĩ nó sẽ được, nhưng chắc chắn là không. Thứ hai, San Sebastián đã giúp anh trai em, James, tiêu diệt Phoenix-Durango - tuyến đường sắt tốt cuối cùng còn sót lại."

"Anh nhận thức được tất cả điều đó?"

"Và nhiều hơn thế."

"Vậy anh..." - cô không hiểu sao mình lại hỏi điều này, có lẽ vì ký ức về khuôn mặt với đôi mắt đen sắc lẹm như đang nhìn xoáy vào cô - "có biết Ellis Wyatt không?"

"Dĩ nhiên."

"Anh có biết điều này sẽ ảnh hưởng thế nào đến anh ấy không?"

"Có chứ. Anh ta sẽ là người tiếp theo bị xóa sổ."

"Anh làm tất cả... chỉ vì thấy... vui sao?"

"Thú vị hơn nhiều so với việc chứng kiến sự tàn phá của bọn hoạch định Mexico."

Cô đứng bật dậy. Cô đã từng gọi anh là kẻ đồi bại; cô đã sợ điều đó, đã nghĩ về nó, đã cố quên đi và không bao giờ nghĩ đến nữa; nhưng cô chưa bao giờ tưởng tượng được

sự băng hoại đã đi xa đến thế.

Cô không nhìn anh; cô không nhận ra mình đang thốt lên, trích dẫn những lời anh đã nói trong quá khứ: "...người sẽ mang lại vinh dự lớn hơn, em - cho Nat Taggart, hay anh - cho Sebastián d'Anconia..."

"Nhưng em không nhận ra rằng tôi đã đặt tên những mỏ đó để vinh danh tổ tiên vĩ đại của mình sao? Tôi nghĩ đó là một sự tôn vinh mà các ông ấy sẽ thích."

Cô phải mất một lúc để lấy lại thị lực. Cô chưa từng biết ý nghĩa của sự báng bổ hay cảm giác khi đối mặt với nó - cho đến lúc này.

Anh đứng dậy lịch sự, mỉm cười với cô. Đó là một nụ cười lạnh lùng, ngang tàng và khó tả.

Cô run rẩy, nhưng điều đó không quan trọng. Cô không màng đến những gì anh nhìn thấy, đoán được hay cười nhạo.

"Tôi đến đây vì muốn biết lý do anh đã làm gì với cuộc đời mình," cô nói, giọng bình thản, không giận dữ.

"Tôi đã nói với em rồi," anh trả lời nghiêm túc, "nhưng em không muốn tin."

"Tôi vẫn nhìn thấy con người thật của anh. Tôi không thể quên điều đó. Lẽ ra anh phải trở thành người anh đáng được là - không phải thứ phi lý này."

"Thật sao? Còn thế giới mà em đang thấy thì sao?"

"Anh không phải là người để cho bất kỳ thế giới nào phá hủy."

"Nhưng đó lại là sự thật."

"Vậy tại sao?"

Anh nhún vai. "Ai là John Galt?"

"Đừng dùng những câu vô nghĩa như thế!"

Anh liếc nhìn cô. Môi anh thoáng nụ cười, nhưng đôi mắt vẫn nghiêm túc, và trong thoáng chốc, ánh lên điều gì đó đáng ngại.

"Tại sao?" cô nhắc lại.

Anh đáp, như đã từng nói trong đêm ấy, tại khách sạn này, mười năm trước: "Em chưa sẵn sàng để nghe điều đó."

Anh không tiễn cô ra cửa. Cô đã đặt tay lên nắm cửa thì quay lại - và đứng sững. Anh đứng bên kia phòng, nhìn cô; ánh mắt ấy hướng về toàn bộ con người cô; cô hiểu ý nghĩa của nó và không thể cử động.

"Tôi vẫn muốn ngủ với em," anh nói. "Nhưng tôi không phải người đủ hạnh phúc để làm điều đó."

"Không đủ hạnh phúc?" cô ngớ ngàng nhắc lại.

Anh cười. "Đó có phải điều đầu tiên em muốn đáp lại không?" Anh chờ đợi, nhưng cô im lặng. "Em cũng muốn vậy, phải không?"

Cô định trả lời "Không," nhưng nhận ra sự thật còn tệ hơn thế. "Có," cô lạnh lùng đáp, "nhưng điều đó không còn quan trọng nữa."

Anh mỉm cười, thể hiện sự ngưỡng mộ công khai trước sức mạnh cô cần có để nói ra điều đó.

Nhưng khi cô mở cửa bước đi, anh không cười nữa khi nói: "Em rất can đảm, Dagny. Một ngày nào đó, em sẽ có đủ điều đó."

"Của cái gì? Lòng can đảm?"

Nhưng anh không trả lời.

Atlas vươn mình

Phần I: Phi mâu thuẫn

Chương VI: Phi thương mại



Người dịch: Zanglink

Rearden đề trán lên tấm gương và cố không suy nghĩ. Đó là cách duy nhất anh có thể vượt qua được chuyện này, anh tự nhủ.

Anh tập trung vào cảm giác mát lạnh từ tấm gương, tự hỏi làm sao để ép tâm trí mình trống rỗng—đặc biệt khi cả đời anh sống với nguyên tắc rằng việc duy trì chức năng liên tục, rõ ràng và tàn nhẫn nhất của lý trí là nhiệm vụ hàng đầu. Anh tự hỏi tại sao chưa từng có nỗ lực nào vượt quá khả năng của mình, vậy mà giờ đây anh lại không thể gom đủ sức để cài vài chiếc khuy ngọc trai đen lên chiếc áo sơ mi trắng cứng đơ.

Hôm nay là ngày kỷ niệm đám cưới của anh, và theo ý muốn của Lillian, anh đã biết trước ba tháng rằng bữa tiệc sẽ diễn ra tối nay.

Anh đã hứa với cô ấy, yên tâm vì biết rằng bữa tiệc còn lâu mới đến và anh sẽ lo liệu khi thời điểm tới, giống cách anh xử lý mọi nhiệm vụ trong lịch trình dày đặc của mình. Rồi, trong ba tháng làm việc mười tám giờ mỗi ngày, anh đã vui vẻ quên bằng nó đi—cho đến nửa giờ trước, khi đã quá giờ ăn tối, thư ký của anh bước vào văn phòng và nói dứt khoát: "Bữa tiệc của ông, thưa ông Rearden." Anh thốt lên: "Chúa ơi!" rồi nhảy dựng lên; anh vội vã về nhà, lao lên cầu thang, bắt đầu cởi quần áo và thực hiện các thao tác mặc đồ, chỉ ý thức được rằng mình cần phải nhanh chóng, chứ không hề nghĩ đến mục đích.

Khi nhận thức đầy đủ về mục đích ập đến như một cú đánh bất ngờ, anh dừng phắt lại.

"Anh chẳng quan tâm đến gì ngoài công việc." Anh đã nghe câu này suốt đời, được thốt ra như một lời kết tội. Anh luôn biết rằng công việc kinh doanh bị coi như một thứ giáo phái bí mật đáng xấu hổ, thứ không nên áp đặt lên những kẻ ngoại đạo ngây thơ. Mọi người xem nó như một tất yếu xấu xí, cần phải thực hiện nhưng không bao giờ được nhắc đến. Nói chuyện công việc là một sự xúc phạm đến những cảm xúc cao quý hơn—giống như việc phải rửa sạch dầu máy khỏi tay trước khi về nhà, người ta cũng phải rửa sạch vết nhơ của công việc khỏi tâm trí trước khi bước

vào phòng khách. Anh chưa từng tin vào tín điều đó, nhưng anh coi việc gia đình mình tin vào nó là điều tự nhiên. Anh mặc nhiên chấp nhận—một cách vô thức, như một cảm giác thấm nhuần từ thời thơ ấu, không bao giờ bị chất vấn hay gọi tên—rằng mình đã cống hiến bản thân, giống một vị tử đạo của một tôn giáo đen tối nào đó, để phụng sự một niềm tin vốn là tình yêu đam mê của mình, nhưng lại khiến anh trở thành kẻ bị ruồng bỏ giữa nhân loại, nơi anh không thể mong đợi sự đồng cảm.

Anh đã chấp nhận nguyên tắc rằng mình có nghĩa vụ mang lại cho vợ một cuộc sống không liên quan đến công việc kinh doanh. Nhưng anh chưa từng tìm thấy khả năng để làm điều đó, thậm chí cũng chưa từng cảm thấy tội lỗi. Anh không thể ép bản thân thay đổi, cũng không thể trách cô ấy nếu cô chọn lên án mình.

Anh đã không dành cho Lillian chút thời gian nào trong nhiều tháng—không, anh nghĩ, trong nhiều năm; suốt tám năm kể từ ngày họ kết hôn. Anh không có hứng thú để quan tâm đến sở thích của cô ấy, thậm chí còn không đủ để biết chúng là gì.

Cô ấy có một vòng kết nối rộng lớn với bạn bè, và anh nghe nói rằng tên tuổi của họ đại diện cho trái tim của nền văn hóa đất nước, nhưng anh chưa từng có thời gian để gặp họ hay thậm chí công nhận danh tiếng của họ bằng cách tìm hiểu thành tựu của họ. Anh chỉ biết rằng mình thường thấy tên họ trên các bìa tạp chí ở sạp báo. Nếu Lillian phật ý vì thái độ của anh, anh nghĩ, cô ấy đúng. Nếu cách cô ấy đối xử với anh là đáng trách, thì anh xứng đáng nhận lấy. Nếu gia đình gọi anh là kẻ vô tâm, thì điều đó đúng.

Anh chưa từng tha thứ cho bản thân trong bất kỳ vấn đề nào. Khi một vấn đề phát sinh tại nhà máy, việc đầu tiên anh làm là tìm ra lỗi của chính mình—không phải của người khác. Chính anh là người đòi hỏi sự hoàn hảo từ bản thân. Anh không cho phép mình được khoan dung; anh nhận lấy mọi trách nhiệm. Nhưng ở nhà máy, điều đó thúc đẩy anh hành động ngay để sửa chữa sai lầm; còn giờ đây, nó chẳng có tác dụng gì... Chỉ vài phút nữa thôi, anh nghĩ, đứng tựa vào tấm gương, mắt nhắm

nghiên.

Anh không thể ngăn những ý nghĩ cứ ủa vào tâm trí; như thể đang cố bịt một vòi nước vỡ bằng đôi tay trần.

Những luồng suy nghĩ chói tai, nửa lời nửa hình, cứ dội vào não anh...



Hàng giờ liền, anh nghĩ, hàng giờ phải ngồi nhìn đôi mắt của các vị khách dần nặng

trữ vì chán nản nếu họ tỉnh táo, hoặc đồ dẫn ngu ngốc nếu họ không—phải giả vờ như không nhận thấy, phải cố nghĩ ra điều gì đó để nói, trong khi chẳng có gì để nói—trong khi anh cần thời gian để tìm người thay thế cho quản đốc xưởng cán thép vừa đột ngột từ chức không lý do—phải làm ngay—những người như vậy rất khó tìm—và nếu có gì gián đoạn quá trình cán thép—đó chính là đường ray của Taggart đang được sản xuất...

Anh nhớ đến ánh mắt trách móc im lặng, cái nhìn buộc tội, sự kiên nhẫn giả tạo và khinh thường mà anh luôn thấy trong mắt gia đình khi họ bắt gặp dấu hiệu về niềm đam mê của anh với công việc—và sự vô ích của việc im lặng, của hy vọng họ sẽ không hiểu Rearden Steel có ý nghĩa thế nào với anh—như một kẻ nghiện rượu giả vờ thờ ơ với rượu, giữa những người quan sát với vẻ thích thú khinh miệt vì hiểu rõ sự yếu đuối đáng xấu hổ của anh ta...

"Tối qua mẹ nghe con về lúc hai giờ sáng, con đã ở đâu?" mẹ anh hỏi trong bữa tối, và Lillian trả lời, "Ồ, dĩ nhiên là ở xưởng thép," như thể một người vợ khác sẽ nói, "Ở quán rượu đầu phố"... Hoặc Lillian hỏi anh, với nụ cười nửa miệng đầy ẩn ý, "Hôm qua anh làm gì ở New York?"

"Dự tiệc với mấy anh em."

"Về công việc à?"

"Ừ."

"Dĩ nhiên rồi"—và Lillian quay đi, không nói thêm, chỉ để lại trong anh cảm giác xấu hổ vì đã suýt hy vọng cô nghĩ anh tham gia một buổi tiệc thác loạn nào đó...

Một tàu chở quặng đã chìm trong cơn bão trên Hồ Michigan, mang theo hàng ngàn tấn quặng của Rearden—những con tàu đó đang dần hư hỏng—nếu anh không tự lo liệu để giúp họ có được các bộ phận thay thế cần thiết, chủ tuyến đường sẽ phá sản, và không còn tuyến nào khác đang hoạt động trên Hồ Michigan...

"Góc đó à?" Lillian nói, chỉ vào góc ghế sofa và bàn cà phê trong phòng khách. "Ồ không, Henry, nó không mới, nhưng em nghĩ mình nên cảm thấy vinh dự vì anh chỉ mất ba tuần để nhận ra. Đó là phiên bản riêng của em dựa trên phòng sáng trong một cung điện Pháp nổi tiếng—nhưng những thứ như thế này không thể nào khiến anh hứng thú được đâu, anh yêu, vì chúng không có giá cổ phiếu niêm yết, hoàn toàn không..."

Đơn đặt hàng đồng mà anh đã đặt sáu tháng trước vẫn chưa được giao, ngày hẹn đã bị hoãn ba lần—"Chúng tôi không thể làm gì khác, ông Rearden"—anh phải tìm một công ty khác để hợp tác, nguồn cung đồng ngày càng bất ổn...

Philip không cười khi ngẩng lên giữa bài phát biểu với một người bạn của mẹ họ về tổ chức nào đó anh ta vừa tham gia, nhưng có gì đó trong cơ mặt lỏng lẻo gợi lên một nụ cười tự mãn khi nói, "Không, anh sẽ không quan tâm đến chuyện này đâu, Henry, hoàn toàn không liên quan đến kinh doanh, đây là một nỗ lực phi thương mại..."

Một nhà thầu ở Detroit đang xây dựng lại một nhà máy lớn và đang cân nhắc sử dụng kết cấu bằng Rearden Metal. Anh nên bay đến Detroit và nói chuyện trực tiếp với ông ta. Lẽ ra anh nên làm điều đó một tuần trước—anh vẫn có thể làm điều đó ngay tối nay...

"Con không lắng nghe," mẹ anh nói trong bữa sáng, khi tâm trí anh đang trôi về bảng chỉ số giá than trong lúc bà kể về giấc mơ đêm qua. "Con chưa bao giờ lắng nghe ai cả. Con không quan tâm đến bất kỳ thứ gì ngoài bản thân. Con chẳng quan tâm đến ai trên thế gian này."

...Những trang báo cáo về các cuộc thử nghiệm động cơ máy bay làm bằng Rearden Metal vẫn nằm trên bàn làm việc—có lẽ trong tất cả mọi thứ trên đời, đó là điều anh khao khát nhất được đọc lúc này. Nó đã nằm đó ba ngày, chưa được chạm tới. Anh không có thời gian—tại sao anh không làm ngay bây giờ và—

Anh lắc đầu mạnh, mở mắt, lùi lại khỏi gương.

Anh với tay định cài cúc áo sơ mi, nhưng thay vào đó, tay anh lại chạm vào chồng thư trên tủ.

Đó là những lá thư khẩn cấp anh phải đọc tối nay—những thứ anh không có thời gian đọc ở văn phòng.

Thư ký đã nhét chúng vào túi khi anh rời đi. Anh ném chúng lên bàn lúc thay đồ.

Một mẫu báo rơi xuống sàn. Đó là bài xã luận mà thư ký đã đánh dấu bằng một vạch đỏ giận dữ.

Tiêu đề là "Bình đẳng Cơ hội." Anh phải đọc nó—đã có quá nhiều lời bàn tán đáng lo ngại về vấn đề này trong ba tháng qua.

Bài xã luận lập luận rằng trong thời kỳ sản xuất suy giảm, thị trường thu hẹp và cơ hội kiếm sống khan hiếm, thật bất công khi để một người tích lũy quá nhiều doanh nghiệp trong khi những người khác chẳng có gì. Thật tai hại khi để thiểu số độc chiếm mọi tài nguyên, khiến người khác không còn cơ hội. Cạnh tranh là điều cần thiết cho xã hội, và xã hội có nghĩa vụ đảm bảo không đối thủ nào vượt quá tầm với của những người muốn cạnh tranh.

Bài viết dự đoán sự thông qua của một dự luật mới—cấm mọi cá nhân hoặc tập đoàn sở hữu nhiều hơn một doanh nghiệp.

Wesley Mouch, người đại diện của anh tại Washington, đã trấn an anh đừng lo lắng. Ông ta nói cuộc chiến sẽ cam go, nhưng dự luật sẽ bị đánh bại.

Rearden không hiểu gì về kiểu chiến đấu đó. Anh giao việc cho Mouch và đội ngũ của ông ta. Anh hiếm khi có thời gian lướt qua các báo cáo từ Washington và ký những tấm séc mà Mouch yêu cầu cho cuộc chiến này.

Rearden không tin dự luật sẽ được thông qua. Anh không thể tin được.

Suốt đời, anh đã làm việc với thực tế rõ ràng của kim loại, công nghệ và sản xuất. Anh tin rằng người ta phải quan tâm đến điều hợp lý, không phải điều điên rồ—phải tìm kiếm điều đúng đắn, vì câu trả lời đúng luôn chiến thắng. Những thứ vô nghĩa, sai lầm và bất công đến mức quái đản không thể hoạt động, không thể thành công—chúng chỉ có thể tự hủy diệt.

Một cuộc chiến chống lại dự luật này dường như thật lố bịch và hơi xấu hổ với anh, như thể anh bất ngờ bị yêu cầu cạnh tranh với kẻ tính toán hợp kim thép bằng công thức số học huyền bí.

Anh không còn sức lực cho bất cứ điều gì khác.

Anh xé nhàu bài xã luận rồi ném vào thùng rác. Anh cảm thấy một sự mệt mỏi nặng nề chưa từng có trong công việc, sự kiệt sức dường như chực chờ và bắt lấy anh ngay khi anh chuyển sang những vấn đề khác. Anh cảm thấy như không còn khao khát nào ngoài một niềm khao khát tuyệt vọng với giấc ngủ.

Anh tự nhủ rằng mình phải tham dự bữa tiệc—rằng gia đình có quyền đòi hỏi điều đó—rằng anh phải học cách thích thú với niềm vui của họ, vì họ, không phải vì bản thân.

Anh tự hỏi tại sao động lực đó lại không đủ sức thúc đẩy mình. Suốt đời, mỗi khi tin chắc một hành động nào đó là đúng, mong muốn thực hiện nó luôn tự nhiên xuất hiện. Điều gì đang xảy ra với anh?

Sự mâu thuẫn không thể giải thích khi miễn cưỡng làm điều đúng—chẳng phải đó là bản chất của sự tha hóa đạo đức sao? Nhận ra tội lỗi của mình nhưng chỉ cảm thấy sự thờ ơ lạnh lẽo và sâu thẳm—chẳng phải đó là sự phản bội thứ đã là động lực và niềm tự hào của cả đời anh sao?

Anh không cho mình thời gian tìm câu trả lời. Anh hoàn tất việc mặc đồ, nhanh

chóng, không chút do dự.

Giữ dáng thẳng, thân hình cao lớn di chuyển với sự tự tin tự nhiên của người quen thuộc với quyền lực, chiếc khăn tay trắng tinh trong túi áo khoác tối, anh bước chậm rãi xuống cầu thang đến phòng khách, trông—theo ánh mắt hài lòng của những bà chủ già đang dõi theo—như hình mẫu hoàn hảo của một nhà công nghiệp vĩ đại.

Anh thấy Lillian ở cuối cầu thang. Những đường nét quý phái của chiếc váy dạ hội màu vàng chanh tôn lên vóc dáng duyên dáng của cô, và cô đứng đó, kiêu hãnh, hoàn toàn hòa hợp với khung cảnh xung quanh.

Anh mỉm cười; nhìn thấy cô hạnh phúc khiến bữa tiệc có chút ý nghĩa.

Anh tiến lại gần cô—rồi dừng bước. Cô vốn luôn thể hiện gu thẩm mỹ tinh tế khi đeo trang sức, chưa bao giờ quá đà. Nhưng tối nay, cô khoe một bộ trang sức phô trương: vòng cổ kim cương, hoa tai, nhẫn và khuyên măng sét. Đôi tay để trần càng nổi bật bên cạnh những món trang sức rực rỡ. Ở cổ tay phải, như món trang sức duy nhất, cô đeo chiếc vòng tay làm bằng Rearden Metal. Những viên đá lấp lánh khiến nó trông như món đồ rẻ tiền xấu xí.

Khi anh chuyển ánh nhìn từ cổ tay lên khuôn mặt cô, anh thấy cô đang nhìn lại. Đôi mắt cô hơi nheo lại, và anh không đọc được biểu cảm trong đó; ánh nhìn vừa ẩn chứa, vừa đầy dụng ý, như thể giấu kín điều gì đó nhưng lại khoe khoang sự an toàn khỏi bị phát hiện.

Anh thêm khát xé chiếc vòng tay khỏi cổ tay cô. Thay vào đó, theo lời giới thiệu vui vẻ của cô, anh cúi chào người bà già bên cạnh, khuôn mặt không biểu lộ cảm xúc.

—"Con người? Con người là gì? Nó chỉ là tập hợp các hóa chất với ảo tưởng về sự vĩ đại," bác sĩ Pritchett nói với nhóm khách trên đầu phòng.

Bác sĩ Pritchett nhấc món canapé khỏi đĩa thủy tinh, kẹp giữa hai ngón tay thẳng và

đưa nguyên món vào miệng.

—"Sự phô trương siêu hình của con người," ông nói, "thật nực cười. Chỉ là mảnh protoplasm khôn khổ, đầy những khái niệm xấu xí nhỏ bé và cảm xúc thấp hèn—mà dám tự cho mình quan trọng! Thật sự, các bạn biết đấy, đó chính là gốc rễ mọi rắc rối trên thế giới."

—"Nhưng khái niệm nào không xấu xí hay thấp hèn, Giáo sư?" một bà nội trợ nghiêm túc, có chồng sở hữu nhà máy ô tô, hỏi.

—"Không có," bác sĩ Pritchett đáp, "không có khái niệm nào như vậy trong khả năng của con người."

Một chàng trai trẻ ngập ngừng hỏi, "Nhưng nếu ta không có khái niệm tốt nào, làm sao biết được những khái niệm hiện có là xấu? Ý tôi là, theo tiêu chuẩn nào?"

—"Không có tiêu chuẩn nào cả."

Điều này khiến khán giả lặng im.

—"Các triết gia của quá khứ đã hời hợt," bác sĩ Pritchett tiếp tục, "Nhiệm vụ còn lại cho thế kỷ của chúng ta là định nghĩa lại mục đích của triết học. Mục đích của triết học không phải giúp con người tìm ra ý nghĩa của cuộc sống, mà là chứng minh rằng không có ý nghĩa nào cả."

Một phụ nữ trẻ xinh đẹp, con gái của chủ mỏ than, giận dữ hỏi: "Ai có thể nói cho chúng ta biết điều đó?"

— "Tôi đang cố gắng," bác sĩ Pritchett đáp. Trong ba năm qua, ông đã giữ chức Trưởng khoa Triết học tại Đại học Patrick Henry.

Lillian Rearden tiến lại gần, trang sức lấp lánh dưới ánh đèn.

Trên khuôn mặt cô là nụ cười nhẹ nhàng tinh tế, như những gợn sóng trong mái tóc.

— "Chính sự khẳng khẳng tìm kiếm ý nghĩa đã khiến con người trở nên khó hiểu," bác sĩ Pritchett nói. "Một khi họ nhận ra mình chẳng là gì trong bức tranh vũ trụ bao la, rằng không có ý nghĩa nào gắn với hoạt động của họ, rằng sống hay chết đều chẳng quan trọng, họ sẽ trở nên... dễ điều chỉnh hơn nhiều."

Ông nhún vai và với lấy một món canapé khác.

Một doanh nhân e dè lên tiếng: "Điều tôi muốn hỏi thầy, Giáo sư, là thầy nghĩ gì về Dự luật Bình đẳng Cơ hội?"

— "À, việc đó ư?" bác sĩ Pritchett đáp. "Tôi nghĩ mình đã nói rõ là tôi ủng hộ nó, vì tôi ủng hộ nền kinh tế tự do. Nền kinh tế tự do không thể tồn tại nếu thiếu cạnh tranh. Do đó, con người phải bị buộc phải cạnh tranh. Vì vậy, chúng ta phải kiểm soát họ để buộc họ được tự do."

— "Nhưng... chẳng phải điều đó mâu thuẫn sao?"

— "Không, theo nghĩa triết học cao cả. Các bạn phải học cách vượt qua những định nghĩa cứng nhắc của tư duy lỗi thời. Không gì là bất biến trong vũ trụ. Mọi thứ đều chuyển động."

— "Nhưng lý lẽ cho rằng nếu—"

— "Lý trí, bạn thân mến, là niềm mê tín ngây thơ nhất; ít nhất, điều này đã được thời đại chúng ta công nhận rộng rãi."

— "Nhưng tôi không hiểu làm sao chúng ta có thể—"

— "Các bạn mắc phải ảo tưởng phổ biến khi tin rằng mọi thứ đều có thể hiểu được. Các bạn không thấy rằng vũ trụ tự thân là một mâu thuẫn."

— "Mâu thuẫn của cái gì?" bà nội trợ hỏi.

— "Của chính nó."

— "Thế... nghĩa là sao?"

— "Thưa bà, nhiệm vụ của những người tư duy không phải giải thích, mà là chứng minh rằng không gì có thể được giải thích."

— "Vâng, tất nhiên... chỉ là—"

— "Mục đích của triết học không phải tìm kiếm tri thức, mà là chứng minh rằng tri thức là điều không thể với con người."

— "Nhưng khi chúng ta chứng minh được điều đó, thì còn lại gì?" người phụ nữ trẻ hỏi.

— "Bản năng," bác sĩ Pritchett đáp, giọng đầy tôn kính.

Ở đầu phòng bên kia, một nhóm người đang lắng nghe Balph Eubank. Anh ngồi thẳng trên mép ghế bành, cố kiềm chế vẻ mặt và dáng người vốn có xu hướng thả lỏng khi thư giãn.

— "Văn học quá khứ," Balph Eubank nói, "chỉ là trò lừa đảo nông cạn. Nó tô vẽ cuộc sống để làm hài lòng những ông trùm tiền bạc mà nó phục vụ. Đạo đức, tự do ý chí, thành tựu, kết thúc có hậu, và hình ảnh con người như một dạng anh hùng—tất cả những điều đó giờ đây thật đáng cười. Thời đại chúng ta, lần đầu tiên, đã mang lại chiều sâu cho văn học bằng cách phơi bày bản chất thực của cuộc sống."

Một cô gái trẻ trong chiếc váy dạ hội trắng rụt rè hỏi: "Ý nghĩa thực sự của cuộc sống là gì, thưa ông Eubank?"

— "Đau khổ," Balph Eubank đáp. "Thất bại và đau khổ."

— "Nhưng... nhưng tại sao? Con người đôi khi cũng hạnh phúc mà?"

— "Đó chỉ là ảo tưởng của những kẻ cảm xúc nông cạn."

Cô gái đỏ mặt. Một phụ nữ giàu có, người thừa kế một nhà máy lọc dầu, hỏi với vẻ

ân hận: "Chúng ta nên làm gì để nâng cao gu thẩm mỹ văn học của công chúng, thưa ông Eubank?"

— "Đó là một vấn đề xã hội lớn," Balph Eubank nói. Anh được coi là lãnh đạo văn học của thời đại, dù chưa từng viết cuốn sách nào bán được quá ba nghìn bản. "Cá nhân tôi tin rằng một Dự luật Bình đẳng Cơ hội áp dụng cho văn học sẽ là giải pháp."

— "Ồ, ông có ủng hộ Dự luật đó cho ngành công nghiệp không? Tôi chưa biết phải nghĩ sao về nó."

— "Tất nhiên tôi ủng hộ. Văn hóa của chúng ta đã chìm đắm trong bùn của chủ nghĩa vật chất. Con người đã đánh mất mọi giá trị tinh thần trong cuộc truy đuổi sản xuất vật chất và mưu mẹo công nghệ. Họ trở nên quá thoải mái. Họ sẽ trở về với cuộc sống cao quý hơn nếu chúng ta dạy họ chịu đựng khó khăn. Vì vậy, chúng ta phải đặt giới hạn cho lòng tham vật chất của họ."

— "Tôi chưa từng nghĩ theo cách đó," người phụ nữ nói, giọng xin lỗi.

— "Nhưng làm sao ông thực hiện một Dự luật Bình đẳng Cơ hội cho văn học, Ralph?" Mort Liddy hỏi. "Đó là điều mới mẻ đối với tôi."

— "Tên tôi là Balph," Eubank đáp giận dữ, "và nó mới mẻ đối với ông vì đó là ý tưởng của tôi."

"Được rồi, được rồi, tôi không muốn cãi nhau. Tôi chỉ hỏi thôi mà." Mort Liddy mỉm cười. Anh dành phần lớn thời gian để cười lo lắng. Anh là nhà soạn nhạc viết các bản nhạc cổ điển cho phim ảnh và những bản giao hưởng hiện đại cho số ít khán giả.

"Nó sẽ hoạt động rất đơn giản," Balph Eubank nói. "Một đạo luật sẽ giới hạn việc bán bất kỳ cuốn sách nào ở mức mười nghìn bản. Điều này sẽ mở ra thị trường văn học cho những tài năng mới, ý tưởng mới và các tác phẩm phi thương mại. Nếu người ta bị cấm mua một triệu bản của cùng một mẫu rác, họ buộc phải mua những cuốn

sách tốt hơn."

"Anh có điểm hay đấy," Mort Liddy nói. "Nhưng điều đó chẳng gây khó khăn cho tài khoản ngân hàng của các nhà văn sao?"

"Càng tốt. Chỉ những người có động cơ không vì tiền mới được phép viết."

"Nhưng, thưa ông Eubank," cô gái trẻ trong chiếc váy trắng hỏi, "nếu có hơn mười nghìn người muốn mua một cuốn sách thì sao?"

"Mười nghìn độc giả là đủ cho bất kỳ cuốn sách nào."

"Đó không phải ý tôi. Ý tôi là, nếu họ muốn mua nó thì sao?"

"Điều đó không liên quan."

"Nhưng nếu một cuốn sách có câu chuyện hay thì—"

"Cốt truyện là một sự thô tục sơ khai trong văn học," Balph Eubank nói, giọng khinh thường.

Bác sĩ Pritchett, đang đi ngang qua về phía quầy bar, dừng lại nói: "Chính xác. Giống như logic là một sự thô tục sơ khai trong triết học."

"Giống như giai điệu là một sự thô tục sơ khai trong âm nhạc," Mort Liddy nói.

"Các vị đang ồn ào về chuyện gì vậy?" Lillian Rearden hỏi, đôi mắt lấp lánh khi dừng lại bên cạnh họ.

"Lillian, thiên thần của tôi," Balph Eubank nói giọng kéo dài, "tôi đã nói với em rằng tôi sẽ đề tặng tiểu thuyết mới của mình cho em chứ?"

"Ôi, cảm ơn anh, người yêu dấu."

"Tiểu thuyết mới của anh tên gì?" người phụ nữ giàu có hỏi.

"Trái Tim Là Một Người Vận Sữ."

"Nó nói về điều gì?"

"Sự bực bội."

"Nhưng, ông Eubank," cô gái trẻ trong chiếc váy trắng hỏi, mặt đỏ lên vì tuyệt vọng, "nếu mọi thứ chỉ là sự bực bội, thì còn gì để sống?"

"Tình anh em," Balph Eubank đáp một cách ảm đạm.

Bertram Scudder đứng tựa vào quầy bar, dáng người cúi thấp. Khuôn mặt dài, gầy của anh như thể đã co lại, chỉ còn miệng và đôi mắt lộ ra như ba quả cầu mềm mại. Anh là biên tập viên của tạp chí có tên

The Future

và đã viết một bài báo về Hank Rearden, mang tiêu đề "Bạch Tuộc."

Bertram Scudder nhặt ly rỗng và khẽ đẩy về phía người pha chế để rót thêm. Sau khi nhấp một ngụm từ ly mới, anh nhận thấy ly rỗng trước mặt Philip Rearden đang đứng bên cạnh và giờ ngón tay cái ra hiệu cho người pha chế. Anh cố tình phớt lờ ly rỗng trước mặt Betty Pope, người đứng phía bên kia Philip.

"Này bạn," Bertram Scudder nói, mắt nhìn về phía Philip, "dù bạn có thích hay không, Dự luật Bình đẳng Cơ hội là một bước tiến quan trọng."

"Sao ông nghĩ tôi không thích nó, ông Scudder?" Philip khiêm tốn hỏi.

"Chà, nó sẽ gây khó khăn đấy, phải không? Bàn tay xã hội sẽ cắt giảm những bữa tiệc như thế này." Anh hất đầu về phía quầy bar.

"Tại sao ông cho rằng tôi phản đối điều đó?"

"Ông không phản đối sao?" Bertram Scudder hỏi, giọng thờ ơ.

"Tôi không phản đối!" Philip nói, giọng nóng nảy. "Tôi luôn đặt lợi ích công cộng lên trên mọi cân nhắc cá nhân. Tôi đã đóng góp cả thời gian lẫn tiền bạc cho Friends of Global Progress trong chiến dịch ủng hộ Dự luật Bình đẳng Cơ hội. Tôi cho rằng thật bất công khi một người nhận tất cả lợi ích mà không chia sẻ cho người khác."



Bertram Scudder nhìn anh với vẻ trầm ngâm nhưng không mấy quan tâm. "Thật bất ngờ khi anh tốt bụng đến vậy," anh nói.

"Có những người quan tâm nghiêm túc đến vấn đề đạo đức, ông Scudder," Philip đáp, giọng thoáng chút tự hào.

"Anh đang nói gì vậy, Philip?" Betty Pope hỏi. "Chúng ta đâu biết ai sở hữu nhiều hơn một doanh nghiệp, phải không?"

"Ồi, im đi!" Bertram Scudder nói, giọng chán chường.

"Tôi không hiểu tại sao mọi người lại ồn ào về Dự luật Bình đẳng Cơ hội," Betty Pope nói gay gắt, giọng ra vẻ chuyên gia. "Tôi không hiểu sao các doanh nhân lại phản đối. Nó có lợi cho chính họ mà. Nếu mọi người đều nghèo, họ sẽ không có thị trường tiêu thụ. Nhưng nếu họ bớt ích kỷ và chia sẻ những gì tích trữ—họ sẽ có cơ hội làm việc chăm chỉ và sản xuất nhiều hơn."

"Tôi không hiểu sao phải quan tâm đến các nhà công nghiệp," Scudder nói. "Khi dân chúng đói khổ mà hàng hóa vẫn có sẵn, thật ngớ ngẩn khi mong họ bị cản trở bởi mảnh giấy gọi là chứng nhận sở hữu. Quyền sở hữu chỉ là mê tín. Người ta giữ được tài sản chỉ nhờ lòng tốt của những người chưa chiếm đoạt nó. Dân chúng có thể lấy nó bất cứ lúc nào. Nếu họ có thể, tại sao không nên?"

"Đúng thế," Claude Slagenhop nói. "Họ cần nó. Nhu cầu là yếu tố duy nhất quan trọng. Khi người ta đang thiếu thốn, ta phải hành động trước, bàn bạc sau."

Claude Slagenhop tiến đến, khéo léo chen vào giữa Philip và Scudder, đẩy nhẹ Scudder sang một bên mà không ai nhận ra. Slagenhop không cao lớn, nhưng có thân hình vuông vức, gọn gàng cùng chiếc mũi gãy. Anh là chủ tịch Friends of Global Progress.

"Cái đói không đợi được," Claude Slagenhop nói. "Lý thuyết chỉ là hơi nóng. Cái bụng đói mới là thực tế. Tôi luôn nói trong các bài phát biểu rằng không cần nhiều lời. Xã hội đang thiếu cơ hội kinh doanh, nên chúng ta có quyền nắm lấy những cơ hội hiện có. Điều đúng đắn chính là những gì mang lại lợi ích cho xã hội."

"Anh ta đâu có khai thác quặng đó một mình!" Philip hét lên đột ngột, giọng chói tai. "Anh ta phải thuê hàng trăm công nhân. Chính họ mới là người làm ra nó. Tại sao anh ta lại nghĩ mình đặc biệt đến thế?"

Hai người đàn ông nhìn anh, Scudder nhướng mày, còn Slagenhop thì không biểu lộ cảm xúc.

"Ôi, trời ơi!" Betty Pope nói, chợt nhớ ra.

Hank Rearden đứng bên cửa sổ trong một góc tối cuối phòng khách. Anh hy vọng sẽ không ai để ý đến mình trong vài phút.

Anh vừa thoát khỏi một người phụ nữ trung niên đã kể về những trải nghiệm tâm linh của bà. Anh đứng nhìn ra ngoài. Xa xa, ánh đỏ của Rearden Steel lấp lánh trên bầu trời. Anh ngắm nó một lúc để lấy lại bình tĩnh.

Anh quay lại nhìn phòng khách. Anh chưa bao giờ thích ngôi nhà của mình—đó là lựa chọn của Lillian. Nhưng tối nay, sắc màu rực rỡ của những chiếc váy dạ hội đã làm dịu đi vẻ ngoài của căn phòng, mang lại không khí rộn ràng, tươi vui. Anh thích nhìn người ta vui vẻ, dù không hiểu được kiểu niềm vui đặc biệt này.

Anh nhìn những bó hoa, ánh sáng lấp lánh trên ly pha lê, và những bờ vai trần của các quý bà. Bên ngoài, cơn gió lạnh đang quét qua vùng đất trống. Những cành cây mảnh mai bị quật ngược, như những cánh tay đang vẫy gọi cầu cứu.

Cây đứng đó đối diện ánh sáng hồng của các xương cán.

Anh không thể gọi tên cảm xúc bất chợt ấy. Anh không có lời nào để diễn tả nguyên nhân, bản chất hay ý nghĩa của nó. Một phần là niềm vui, nhưng nó cũng trang nghiêm như cử chỉ ngẩng đầu—anh không biết dành cho ai.

Khi anh bước trở lại đám đông, anh đang mỉm cười. Nhưng nụ cười chợt tắt; anh thấy một vị khách mới bước vào: Dagny Taggart.

Lillian tiến đến gặp cô, nhìn với vẻ tò mò. Họ đã gặp nhau vài lần hiếm hoi trước đây, và cô thấy lạ khi thấy Dagny Taggart mặc váy dạ hội. Đó là chiếc váy đen với phần thân trên đổ xuống như tấm áo choàng qua một bên vai và tay, để hở vai và tay còn lại; vai trần là điểm nhấn duy nhất của bộ váy. Khi nhìn cô trong bộ vest thường ngày, người ta chẳng bao giờ nghĩ đến thân hình Dagny Taggart. Chiếc váy đen dường như quá táo bạo—bởi thật bất ngờ khi phát hiện những đường nét vai cô mảnh mai và xinh đẹp đến vậy, và dải kim cương ở cổ tay trần càng làm nổi bật nét nữ tính nhất: vẻ như đang bị xiềng xích.

"Miss Taggart, thật bất ngờ và tuyệt vời khi gặp cô ở đây," Lillian Rearden nói, môi khẽ nhếch thành nụ cười. "Tôi không dám hy vọng lời mời của mình sẽ khiến cô rời xa những bận tâm quan trọng. Xin được cảm thấy vinh dự."

James Taggart bước vào cùng chị. Lillian mỉm cười với anh như một câu chú thích vội vã, như thể vừa nhận ra sự hiện diện của anh.

"Chào James. Đó là cái giá của sự nổi tiếng—người ta thường không để ý đến anh khi chị anh xuất hiện."

"Không ai sánh được với sự nổi tiếng của chị, Lillian," anh đáp, nở nụ cười mỏng, "và cũng không thể bỏ lỡ chị."

"Còn tôi ư?Ồ, tôi đã chấp nhận đứng sau bóng chồng mình. Tôi hiểu rõ vợ của một người đàn ông vĩ đại phải hài lòng với vinh quang phản chiếu—chị không nghĩ vậy sao, Miss Taggart?"

"Không," Dagny đáp, "tôi không nghĩ vậy."

"Đó là lời khen hay chỉ trích đây, Miss Taggart? Nhưng xin thứ lỗi nếu tôi thú nhận mình bất lực. Tôi có thể giới thiệu cô với ai? E rằng tôi chỉ có các nhà văn và nghệ sĩ, và chắc họ không làm cô quan tâm."

"Tôi muốn tìm Hank và chào anh ấy."

"Nhưng tất nhiên rồi. James, anh nhớ anh từng nói muốn gặp Balph Eubank chứ?Ồ, anh ấy đang ở đây—tôi sẽ nói với anh ấy rằng tôi nghe anh ca ngợi tiểu thuyết mới nhất của ông ấy tại bữa tối nhà bà Whitcomb!"

Bước qua phòng, Dagny tự hỏi tại sao cô lại nói muốn tìm Hank Rearden, điều gì ngăn cô thừa nhận rằng cô đã thấy anh ngay khi vừa bước vào.

Rearden đứng ở đầu kia của căn phòng dài, nhìn cô.

Anh quan sát cô tiến lại gần, nhưng không bước tới đón.

"Chào Hank."

"Chào buổi tối."

Anh cúi chào lịch thiệp, cách thức trang trọng, chuyển động cơ thể phù hợp với vẻ trang nghiêm của bộ trang phục. Anh không mỉm cười.

"Cảm ơn anh đã mời tôi tối nay," cô nói vui vẻ.

"Tôi không chắc mình biết cô sẽ đến."

"Ồ? Vậy tôi rất vui vì bà Rearden đã nghĩ đến tôi. Tôi muốn tạo một ngoại lệ."

"Một ngoại lệ?"

"Tôi không thường dự tiệc."

"Tôi rất vui vì cô đã chọn dịp này làm ngoại lệ." Anh không thêm "Miss Taggart", nhưng dường như có ẩn ý đó.

Sự trang trọng trong cách cư xử của anh quá đổi bất ngờ khiến cô lúng túng. "Tôi muốn ăn mừng," cô nói.

"Ăn mừng kỷ niệm ngày cưới của tôi?"

"Ồ, đây là kỷ niệm ngày cưới của anh sao? Tôi không biết. Xin chúc mừng, Hank."

"Cô muốn ăn mừng điều gì?"

"Tôi nghĩ tôi sẽ cho mình một dịp kỷ niệm riêng—một lễ kỷ niệm dành cho cả hai chúng ta."

"Vì lý do gì?"

Cô nghĩ đến đoạn đường mới trên những sườn đá của núi Colorado, từng bước tiến về phía các mỏ dầu Wyatt xa xôi. Cô thấy ánh xanh lục-xanh của những đường ray trên mặt đất đóng băng, giữa những bụi cỏ khô, những tảng đá trơ trụi, và những căn lều mục nát của các khu định cư nghèo đói.

"Nhân dịp hoàn thành sáu mươi dặm đầu tiên đường ray Rearden Metal," cô đáp.

"Tôi rất trân trọng điều đó." Giọng anh mang sắc thái như thể đang nói "Tôi chưa từng nghe về điều đó."

Cô không còn lời để nói. Cô cảm thấy như đang đối diện với một người xa lạ.

"Ôi, Miss Taggart!" một giọng nói vui vẻ phá tan bầu không khí im lặng. "Giờ tôi mới thấy Hank Rearden quả thực có thể tạo ra bất kỳ điều kỳ diệu nào!"

Một doanh nhân quen thuộc tiến đến, mỉm cười với cô trong sự ngạc nhiên thích thú. Ba người họ thường gặp nhau trong các cuộc họp khẩn về cước phí vận tải và giao hàng thép. Giờ đây ông ta nhìn cô, gương mặt thể hiện sự nhận biết về sự thay đổi trong vẻ ngoài của cô—điều mà, cô nghĩ, Rearden đã không nhận ra.

Cô cười đáp lại lời chào, không cho phép mình nhận ra cảm giác thất vọng đột ngột, không thừa nhận rằng cô ước gì đã thấy được ánh nhìn ấy trên gương mặt Rearden. Cô trao đổi vài câu với người đàn ông. Khi liếc nhìn quanh, Rearden đã biến mất.

"Vậy đó là chị gái nổi tiếng của cậu sao?" Balph Eubank hỏi James Taggart, nhìn về phía Dagny từ xa.

"Tôi không biết chị tôi nổi tiếng," Taggart nói, giọng cay đắng.

"Nhưng này, người bạn tốt của tôi, chị ấy là một hiện tượng phi thường trong giới kinh doanh, nên cậu hẳn đã nghe người ta bàn tán. Chị cậu là triệu chứng của căn bệnh thời đại. Một sản phẩm suy đồi của kỷ nguyên máy móc. Máy móc đã hủy hoại nhân tính, khiến con người xa rời đất đai, tước đoạt nghệ thuật tự nhiên, giết chết tâm hồn và biến con người thành cỗ máy vô cảm. Nhìn xem—một người phụ nữ điều hành đường sắt, thay vì dệt may và sinh con như lẽ tự nhiên."

Rearden di chuyển giữa đám khách, tránh bị lôi kéo vào các cuộc trò chuyện. Anh nhìn quanh phòng; không thấy ai đáng để trò chuyện.

"Này, Hank Rearden, trông anh không đến nỗi tệ khi được nhìn kỹ trong hang sư tử đấy. Anh nên tổ chức họp báo thường xuyên hơn, có thể chinh phục được lòng chúng tôi đấy."

Rearden quay lại nhìn người vừa nói, vẻ hoài nghi. Đó là một nhà báo trẻ kém phẩm chất từ một tờ báo lá cải. Thái độ suồng sã của anh ta như muốn khiêu khích, như thể biết rằng Rearden sẽ không bao giờ hạ mình giao thiệp với hạng người như vậy.

Rearden sẽ không cho anh ta vào xưởng, nhưng đây là khách của Lillian. Kìm nén cảm xúc, anh lạnh lùng hỏi, "Anh muốn gì?"

"Anh không tệ đâu. Anh có tài năng—tài năng kỹ thuật. Nhưng tất nhiên, tôi không đồng tình với anh về Rearden Metal."

"Tôi không cần anh đồng tình."

"À, Bertram Scudder nói rằng chính sách của anh—" người đàn ông bắt đầu nói với giọng thù địch, chỉ về phía quầy bar, rồi im bật như thể nhận ra mình đã đi quá xa.

Rearden nhìn bóng dáng lồi thoi đang tựa vào quầy bar. Lillian đã giới thiệu họ, nhưng anh không nhớ tên. Anh quay người bước đi, không để tên phóng viên vô lại kia có cơ hội bám theo.

Lillian liếc nhìn khuôn mặt anh khi Rearden tiến đến chỗ cô giữa đám đông. Không nói gì, cô lùi sang một góc kín đáo.

"Đó có phải Scudder của *The Future* không?" anh hỏi, chỉ tay.

"Vâng, đúng vậy."

Anh nhìn cô chăm chăm, không thể tin nổi, không hiểu được lý do. Đôi mắt cô dõi theo anh.

"Sao em lại mời hắn đến đây?" anh hỏi.

"Thôi nào, Henry, đừng ngốc nghếch thế. Anh đâu muốn hẹp hòi, phải không? Anh phải học cách chấp nhận quan điểm của người khác và tôn trọng quyền tự do ngôn luận của họ."

"Trong nhà của tôi sao?"

"Ôi, đừng cứng nhắc thế!"

Anh im lặng, tâm trí không bị chi phối bởi những lời nói, mà bởi hai hình ảnh như đang nhìn chằm chằm vào anh.

Anh nhớ lại bài báo "The Octopus" của Bertram Scudder—không phải một tập hợp ý tưởng mà như một xô bùn nhơ đổ ra công khai—một bài viết không chứa đựng một sự thật nào, kể cả sự thật bịa đặt, chỉ toàn những lời chỉ trích và tính từ xúc phạm, trong đó chỉ có một điều rõ ràng: ác ý bản thủ khi buộc tội mà không cần bằng chứng. Và anh nhìn thấy đường nét trên khuôn mặt Lillian, vẻ thanh khiết kiêu hãnh mà anh đã tìm kiếm khi cưới cô.

Khi anh chú ý đến cô lần nữa, anh nhận ra hình ảnh khuôn mặt cô đã hiện lên trong tâm trí, vì cô đang quay về phía anh. Trong khoảnh khắc trở về thực tại, anh tưởng như nhìn thấy niềm vui trong đôi mắt cô. Nhưng ngay lập tức anh tự nhắc nhở rằng mình vẫn tỉnh táo và điều đó không thể có được.

"Đây là lần đầu tiên anh để cái..." - anh dùng một từ tục tĩu với sự chính xác lạnh lùng - "vào nhà anh. Và sẽ là lần cuối cùng."

"Sao anh dám dùng từ như vậy—"

"Đừng tranh cãi, Lillian. Nếu cô cãi, tôi sẽ đuổi hẳn ra ngay lập tức."

Anh cho cô một khoảnh khắc để đáp lại, để phản đối, để la hét nếu muốn. Cô im lặng, không nhìn anh, chỉ có đôi má mịn màng hơi chùng xuống như thể bị xẹp đi.

Bước đi vô định giữa ánh đèn, tiếng nói và hương thơm, anh cảm thấy một nỗi sợ lạnh buốt. Anh biết mình nên nghĩ về Lillian và tìm lời giải cho bí ẩn về tính cách cô, vì đây là một tiết lộ không thể bỏ qua. Nhưng anh không nghĩ về cô—và điều khiến anh sợ hãi là anh biết câu trả lời đã không còn quan trọng với anh từ lâu.

Cơn mệt mỏi bắt đầu trở dậy trở lại. Anh như thể có thể nhìn thấy nó trong những làn sóng dày đặc; không phải từ bên trong mà từ bên ngoài, lan tỏa khắp căn phòng. Trong chốc lát, anh cảm thấy mình cô độc, lạc lõng giữa sa mạc xám xịt, cần được giúp đỡ nhưng biết rằng sẽ không có ai đến. Anh dừng lại đột ngột. Trong khung cửa có đèn, cách một đoạn phòng, anh thấy bóng dáng cao lớn, kiêu ngạo của một người đàn ông đang dừng lại trước khi bước vào. Anh chưa từng gặp người này, nhưng trong số những gương mặt tai tiếng trên báo chí, đây là người anh khinh thường nhất: Francisco d'Anconia.

Rearden chưa bao giờ bận tâm nhiều về những kẻ như Bertram Scudder.

Nhưng qua từng giờ trong đời, với những căng thẳng và niềm tự hào của mỗi khoảnh khắc khi cơ bắp hay tâm trí đau nhức vì nỗ lực, với mỗi bước chân từ những mỏ

quặng Minnesota để biến công sức thành vàng, với tất cả sự kính trọng sâu sắc dành cho tiền bạc và ý nghĩa của nó, anh khinh thường những kẻ phung phí không biết trân trọng món quà lớn từ sự thừa kế. Và kia, anh nghĩ, chính là hiện thân đáng khinh nhất của loài người.

Francisco d'Anconia bước vào, cúi chào Lillian, rồi tiến vào đám đông như thể hắn làm chủ căn phòng mà hắn chưa từng đặt chân đến.

Mọi cái đầu đều quay lại nhìn theo hắn, như bị những sợi dây vô hình kéo theo.

Tiến đến gần Lillian lần nữa, Rearden nói không giận dữ, giọng chuyển từ khinh thường sang mỉa mai, "Tôi không biết cô quen biết người đó."

"Tôi đã gặp hắn ở vài bữa tiệc."

"Vậy hắn là bạn của cô?"

"Chắc chắn không!" Sự căm ghét thật sự bùng lên trong giọng nói.

"Vậy sao cô lại mời hắn đến?"

"Thật tình, không thể tổ chức một bữa tiệc ra trò khi hắn đang ở trong nước mà không mời hắn được. Mời thì phiền toái, không mời thì mất thể diện."

Rearden cười. Cô ngạc nhiên; cô hiếm khi thừa nhận những điều như vậy. "Nghe này," anh nói mệt mỏi, "tôi không muốn phá hỏng bữa tiệc của cô. Nhưng hãy giữ người đó xa tôi. Đừng giới thiệu hắn với tôi. Tôi không muốn gặp hắn. Tôi không quan tâm cô sẽ xử lý thế nào, nhưng cô là chủ tiệc chuyên nghiệp, hãy lo liệu cho ổn."

Dagny đứng yên khi thấy Francisco tiến lại gần. Hắn cúi chào cô khi đi qua. Hắn không dừng lại, nhưng cô biết rằng trong tâm trí, hắn đã dừng bước. Cô thấy nụ cười nhẹ của hắn—một nụ cười cố ý nhấn mạnh những điều hắn hiểu nhưng chọn không

thừa nhận. Cô quay đi, hy vọng sẽ tránh được hấn suốt phần còn lại của buổi tối.

Balph Eubank đã gia nhập nhóm quanh bác sĩ Pritchett và đang nói với giọng âm trầm: "Không, các bạn không thể mong người ta hiểu được những đỉnh cao của triết học. Văn hóa nên được đưa ra khỏi tay những kẻ săn đuổi đồng tiền. Chúng ta cần một khoản trợ cấp quốc gia cho văn học. Thật đáng xấu hổ khi các nghệ sĩ bị đối xử như những kẻ bán hàng rong và tác phẩm nghệ thuật phải được bán như xà phòng."

"Ý ông là, điều ông phàn nàn là chúng không bán được như xà phòng?" Francisco d'Anconia hỏi.

Họ chưa để ý thấy hấn tiến lại gần. Cuộc trò chuyện chợt dừng lại như thể bị cắt ngang. Dù hầu hết chưa từng gặp hấn, tất cả đều nhận ra hấn ngay lập tức.

"Tôi có ý—" Balph Eubank bắt đầu giận dữ rồi im bặt. Hấn thấy sự hào hứng trên khuôn mặt khán giả, nhưng đó không còn là sự quan tâm đến triết học nữa.

"Chào, Giáo sư!" Francisco nói, cúi chào bác sĩ Pritchett.

Không chút vui vẻ hiện lên trên khuôn mặt bác sĩ Pritchett khi ông đáp lời và thực hiện vài lời giới thiệu.

"Chúng tôi vừa bàn về một chủ đề hết sức thú vị," người bà nghiêm túc nói. "Bác sĩ Pritchett bảo rằng không có gì là gì cả."

"Ông ấy chắc chắn nên biết rõ điều đó hơn ai hết," Francisco trả lời nghiêm trang.

"Tôi không ngờ ông lại quen biết bác sĩ Pritchett đến vậy, Señor d'Anconia," bà nói, tự hỏi vì sao giáo sư có vẻ không vui với nhận xét của bà.

"Tôi là cựu sinh viên của ngôi trường vĩ đại nơi bác sĩ Pritchett đang công tác—Đại học Patrick Henry. Nhưng tôi đã học dưới quyền một trong những người tiền nhiệm của ông ấy—Hugh Akston."

"Hugh Akston!" người phụ nữ trẻ xinh đẹp thốt lên. "Nhưng ông không thể đã học với ông ấy được, Señor d'Anconia! Ông còn quá trẻ. Tôi tưởng ông ấy là một trong những tên tuổi vĩ đại của... thế kỷ trước."

"Có lẽ về tinh thần, thưa bà. Không phải về mặt thời gian."

"Nhưng tôi tưởng ông ấy đã mất từ nhiều năm trước."

"Không phải vậy. Ông ấy vẫn còn sống."

"Vậy tại sao chúng ta chẳng bao giờ nghe tin gì về ông ấy nữa?"

"Ông ấy đã về hưu, cách đây chín năm."

"Thật lạ lùng, phải không? Khi một chính trị gia hay ngôi sao điện ảnh về hưu, ta đọc được tin trên trang nhất. Nhưng khi một triết gia về hưu, chẳng ai để ý."

"Rồi cuối cùng người ta cũng sẽ để ý."

Một chàng trai trẻ ngạc nhiên nói: "Tôi tưởng Hugh Akston là một trong những nhà tư tưởng cổ điển mà giờ chẳng ai học nữa, ngoại trừ trong sách sử triết học. Gần đây tôi đọc được một bài báo gọi ông là người ủng hộ lý trí vĩ đại cuối cùng."

"Hugh Akston dạy những gì vậy?" người bà nghiêm túc hỏi.

Francisco trả lời: "Ông ấy dạy rằng mọi thứ đều là một cái gì đó."

"Sự trung thành của ông với thầy thật đáng khen, Señor d'Anconia," bác sĩ Pritchett nói khô khan. "Chúng ta có thể coi ông là một ví dụ thực tiễn về kết quả của những bài học đó chứ?"

"Tôi đúng là như vậy."

James Taggart tiến lại gần nhóm người và chờ đợi được chú ý.

"Chào, Francisco."

"Chào buổi tối, James."

"Thật trùng hợp tuyệt vời khi gặp ông ở đây! Tôi rất háo hức muốn nói chuyện với ông."

"Điều đó mới lạ đấy. Ông đâu phải lúc nào cũng vậy."

"Giờ ông lại đùa, như những ngày xưa." Taggart di chuyển chậm rãi, như thể không vội, rời khỏi nhóm, hy vọng Francisco sẽ đi theo. "Ông biết đấy, không ai trong căn phòng này là không muốn nói chuyện với ông."

"Thật sao? Tôi có xu hướng nghĩ ngược lại." Francisco lịch sự đi theo nhưng dừng lại ở khoảng cách vừa đủ để những người khác nghe được.

"Tôi đã cố gắng mọi cách để tiếp cận ông," Taggart nói, "nhưng... hoàn cảnh không cho phép tôi thành công."

— "Tôi đã cố gắng mọi cách để tiếp cận ông," Taggart nói, "nhưng... nhưng hoàn cảnh không cho phép tôi thành công."

"Ông đang cố giấu việc tôi đã từ chối gặp ông sao?"

"Ồ... điều đó... ý tôi là, tại sao ông từ chối?"

"Tôi không thể tưởng tượng nổi ông muốn nói chuyện với tôi về chuyện gì."

"Dĩ nhiên là về Mỏ San Sebastian chứ!" giọng Taggart cao lên.

"Sao? Có chuyện gì về mỏ đó?"

"Này Francisco, đây là chuyện nghiêm trọng. Đây là thảm họa chưa từng có—không ai hiểu nổi chuyện gì đã xảy ra. Tôi không biết phải nghĩ sao. Tôi hoàn toàn bối rối. Tôi có quyền được biết."

"Quyền ư? James, ông có đang lạc hậu không đấy? Nhưng ông muốn biết điều gì?"

"Trước hết, về việc quốc hữu hóa—ông định làm gì?"

"Không làm gì cả."

"Không làm gì?!" — "Nhưng chắc ông không muốn tôi làm gì cả. Các mỏ của tôi và đường sắt của ông đã bị tịch thu theo ý chí của dân chúng. Ông đâu muốn tôi chống lại ý chí của dân chúng, phải không?"

"Francisco, đây không phải chuyện đùa!"

"Tôi chưa bao giờ coi đây là chuyện đùa."

"Tôi có quyền được giải thích! Ông nợ các cổ đông một lời giải trình về vụ tai tiếng này! Tại sao ông lại chọn một mỏ vô giá trị? Tại sao lãng phí hàng triệu đô? Đây là trò lừa đảo kiểu gì vậy?"

Francisco nhìn ông với vẻ ngạc nhiên lịch sự.

"James, tôi tưởng ông sẽ tán thành điều đó."

"Tán thành?!"

"Tôi tưởng ông sẽ coi Mỏ San Sebastian là sự hiện thực hóa của một lý tưởng đạo đức cao cả. Nhớ rằng chúng ta đã từng bất đồng nhiều lần, tôi nghĩ ông sẽ vui khi thấy tôi hành động theo đúng nguyên tắc của ông."

"Anh đang nói gì vậy?"

Francisco lắc đầu với vẻ tiếc nuối. "Tôi không hiểu sao anh lại gọi hành vi của tôi là thối nát. Tôi tưởng anh sẽ thấy đó là nỗ lực trung thực để thực hành những gì cả thế giới đang giảng dạy. Chẳng phải ai cũng bảo ích kỷ là điều xấu xa sao? Tôi đã hoàn toàn vị tha trong dự án San Sebastian. Chẳng phải theo đuổi lợi ích cá nhân cũng là điều xấu xa sao? Tôi chẳng có lợi ích gì trong đó cả. Chẳng phải làm việc vì lợi nhuận

là điều xấu xa sao? Tôi không làm vì lợi nhuận—tôi thua lỗ. Chẳng phải ai cũng đồng ý rằng mục đích của một doanh nghiệp công nghiệp không phải là sản xuất, mà là tạo sinh kế cho người lao động sao? Các Mỏ San Sebastian là dự án thành công nhất trong lịch sử công nghiệp: chúng không sản xuất ra đồng, nhưng đã cung cấp sinh kế cho hàng ngàn người—những người suốt đời không thể tạo ra giá trị bằng những gì họ kiếm được trong một ngày làm việc. Chẳng phải ai cũng công nhận rằng chủ sở hữu là kẻ ký sinh và bóc lột, rằng chính người lao động mới làm nên mọi thứ sao? Tôi không bóc lột ai cả. Tôi không làm gánh nặng cho Mỏ San Sebastian bằng sự hiện diện vô ích của mình; tôi giao nó cho những người xứng đáng. Tôi không đánh giá giá trị của tài sản đó. Tôi giao nó cho một chuyên gia khai thác mỏ. Ông ta không giỏi, nhưng ông ta rất cần việc làm. Chẳng phải ai cũng thừa nhận rằng khi thuê người, điều quan trọng là nhu cầu của họ, không phải khả năng sao? Chẳng phải mọi người đều tin rằng để có hàng hóa, ta chỉ cần có nhu cầu thôi sao? Tôi đã thực hiện mọi giáo điều đạo đức của thời đại. Tôi mong được biết ơn và khen ngợi. Tôi không hiểu tại sao lại bị lên án."

Trong sự im lặng của những người đã nghe, tiếng cười khúc khích sắc bén của Betty Pope bỗng vang lên—cô chẳng hiểu gì, nhưng đã thấy vẻ giận dữ bất lực trên khuôn mặt James Taggart.

Mọi người quay sang Taggart, chờ đợi câu trả lời. Họ chẳng quan tâm đến vấn đề, chỉ thích thú nhìn người khác bối rối. Taggart cố nặn ra một nụ cười khinh miệt.

"Anh không đòi hỏi tôi phải coi chuyện này nghiêm túc chứ?" anh hỏi.

"Đã từng có thời," Francisco đáp, "tôi không tin ai có thể coi chuyện này nghiêm túc. Tôi đã sai."

"Thật quá đáng!" giọng Taggart cao lên. "Thật quá đáng khi anh đối xử với trách nhiệm công cộng một cách trơ trẽn như vậy!" Anh vội vã bỏ đi.

Francisco nhún vai, dang tay. "Thấy chưa? Tôi đã biết anh không muốn nói chuyện

với tôi."

Rearden đứng một mình ở đầu kia phòng. Philip nhìn thấy anh, tiến lại gần và vẫy Lillian đến.

"Lillian, tôi không nghĩ Henry đang vui về gì," anh nói, miệng nở nụ cười mỉa mai khó đoán là hướng về Lillian hay Rearden. "Ta có thể làm gì không?"

"Ồ, nhảm nhí!" Rearden đáp.

"Ước gì tôi biết phải làm sao, Philip," Lillian nói. "Tôi luôn mong Henry biết thư giãn. Anh ấy quá nghiêm túc với mọi thứ. Như một người theo đạo Thanh giáo cứng nhắc vậy. Tôi luôn muốn thấy anh ấy say rượu, dù chỉ một lần. Nhưng tôi đã bỏ cuộc rồi. Anh có gợi ý gì không?"

"Ồ, tôi không biết! Nhưng anh ấy không nên cứ đứng một mình thế."

"Thôi đi," Rearden nói. Dù mơ hồ nghĩ không muốn làm tổn thương họ, anh không kìm được thêm, "Anh không biết tôi đã cố gắng thế nào để được đứng một mình đâu."

"Thấy chưa?" Lillian mỉm cười với Philip. "Thưởng thức cuộc sống và con người đâu chỉ đơn giản như đổ một tấn thép. Những theo đuổi trí tuệ không học được ở chợ búa đâu."

Philip cười khúc khích. "Tôi chẳng lo về những theo đuổi trí tuệ. Chắc về chuyện Thanh giáo đó chứ, Lillian? Nếu là tôi, tôi sẽ không để anh ấy tự do đi lại. Có quá nhiều phụ nữ đẹp ở đây tối nay."

"Henry nghĩ đến chuyện ngoại tình ư? Anh quá đề cao anh ấy rồi, Philip. Anh đánh giá quá cao lòng can đảm của anh ấy." Cô mỉm cười lạnh lùng với Rearden trong khoảnh khắc căng thẳng rồi quay đi.

Rearden liếc nhìn em trai. "Anh định làm gì vậy?"

"Ôi, thôi cái kiểu Thanh giáo đi! Anh không chịu nổi một câu đùa sao?"

Lang thang giữa đám đông, Dagny tự hỏi sao cô lại nhận lời đến dự tiệc. Câu trả lời khiến cô ngạc nhiên: vì cô muốn gặp Hank Rearden. Nhìn anh giữa đám đông, cô lần đầu nhận ra sự tương phản. Khuôn mặt những người khác như những mảnh ghép với đường nét thay thế lẫn nhau, mỗi khuôn mặt toát lên vẻ hài hòa của sự ẩn mình, tất cả như đang tan chảy. Khuôn mặt Rearden với những đường nét sắc bén, đôi mắt xanh nhạt, mái tóc bạch kim, có sự cứng rắn của băng; sự rõ ràng không khoan nhượng của các đường nét khiến nó nổi bật giữa đám đông, như thể anh đang di chuyển qua làn sương mù, được một tia sáng chiếu rọi.

Đôi mắt cô liên tục quay lại nhìn anh một cách vô thức. Cô chưa từng bắt gặp anh nhìn về phía mình. Cô không tin rằng anh đang cố tình tránh né—chẳng có lý do gì cho việc đó—nhưng cô chắc chắn đó là sự thật. Cô muốn tiến lại gần để tự chứng minh mình đã nhầm. Nhưng có điều gì đó ngăn cản; cô không hiểu được sự do dự của chính mình.

Rearden kiên nhẫn trò chuyện với mẹ và hai quý bà khi bà muốn anh kể về thời trẻ và những cuộc đấu tranh của mình. Anh chiều theo, tự nhủ rằng bà tự hào về anh theo cách riêng. Nhưng anh cảm thấy có điều gì đó trong cách cư xử của bà cứ ngầm ám chỉ rằng chính bà đã đưa anh qua những thử thách và là nguồn gốc của thành công. Anh thở phào nhẹ nhõm khi bà buông tay. Rồi anh lại một lần nữa trốn vào góc cửa sổ.

Anh đứng đó một lúc, tựa vào cảm giác riêng tư như thể đó là điểm tựa thể xác.

— "Ông Rearden," một giọng nói trầm lặng, kỳ lạ cất lên bên cạnh, "xin phép được tự giới thiệu. Tôi là d'Anconia."

Rearden quay lại, ngạc nhiên; cách cư xử và giọng nói của d'Anconia mang một

phẩm chất hiếm thấy: âm điệu của sự tôn trọng chân thành.

– "Ông khỏe chứ?" anh đáp, giọng thô ráp và khô khan; nhưng anh đã trả lời.

– "Tôi nhận thấy bà Rearden đã cố tránh gặp tôi, và tôi đoán được lý do. Ông có muốn tôi rời khỏi nhà ông không?"

Việc đề cập thẳng vấn đề thay vì né tránh nó khác hẳn cách cư xử thông thường của những người đàn ông anh quen biết, tạo nên một cảm giác nhẹ nhõm và ngạc nhiên đột ngột, khiến Rearden im lặng giây lát, chăm chú quan sát khuôn mặt d'Anconia. Francisco nói rất đơn giản, không trách móc hay cầu xin, mà theo một cách lạ lùng, lại thừa nhận phẩm giá của cả Rearden lẫn chính mình.

– "Không," Rearden nói, "dù ông đoán thế nào, tôi chưa nói vậy."

– "Cảm ơn ông. Trong trường hợp đó, ông cho phép tôi trò chuyện chứ?"

– "Tại sao ông muốn nói chuyện với tôi?"

– "Động cơ của tôi hiện không thể làm ông quan tâm."

– "Cuộc trò chuyện của tôi chẳng có gì đáng để ông quan tâm cả."

– "Ông đang hiểu sai về một trong hai chúng ta, Rearden, hoặc cả hai. Tôi đến bữa tiệc này chỉ để gặp ông."

Giọng Rearden thoáng vui, nhưng rồi trở nên cứng rắn với chút khinh bỉ.

– "Ông đã bắt đầu bằng sự thẳng thắn. Hãy giữ vững điều đó."

– "Tôi giữ vững."

– "Ông muốn gặp tôi vì điều gì? Để làm tôi mất tiền sao?"

Francisco nhìn thẳng vào mắt anh.

– "Đúng vậy—cuối cùng cũng thế."

– "Lại là chuyện gì? Một mỏ vàng chăng?"

Francisco lắc đầu chậm rãi; cử chỉ có chủ ý mang theo một vẻ gần như buồn bã.

– "Không," anh nói, "tôi không muốn bán cho ông bất cứ thứ gì. Thực ra, tôi cũng không cố bán mỏ đồng cho James Taggart. Chính ông ta tìm đến tôi vì nó. Ông thì sẽ không làm thế."

Rearden cười khẽ.

– "Nếu ông hiểu đến thế, ít nhất ta có nền tảng hợp lý để trò chuyện. Cứ tiếp tục vậy. Nếu không có ý định đầu tư kỳ quặc nào, ông muốn gặp tôi vì sao?"

– "Để làm quen với ông."

– "Đó không phải câu trả lời. Chỉ là cách khác để nói cùng một điều."

– "Không hẳn đâu, ông Rearden."

– "Trừ phi ông có ý—để chiếm được lòng tin của tôi?"

– "Không. Tôi không thích những người nói hay nghĩ theo kiểu chiếm được lòng tin người khác. Nếu hành động của một người là trung thực, họ không cần sự tín nhiệm trước, chỉ cần sự nhận thức hợp lý. Kẻ khao khát tấm séc đạo đức như vậy, dù có thừa nhận hay không, đều có ý đồ không trung thực."

Ánh mắt bất ngờ của Rearden khi nhìn Francisco như một bàn tay vô thức tìm kiếm điểm tựa trong cơn tuyệt vọng. Ánh mắt ấy bộc lộ khao khát mãnh liệt được gặp người mà anh nghĩ mình đang thấy. Nhưng rồi, Rearden từ từ hạ mắt xuống, gần như nhắm lại, chặn đứng cả tầm nhìn lẫn khao khát đó.

Gương mặt anh trở nên cứng rắn, mang một nét nghiêm khắc hướng vào bên trong

- trông vừa khắc nghiệt vừa cô đơn.

— "Được rồi," anh nói, giọng không cảm xúc. "Anh muốn gì, nếu không phải là lòng tin của tôi?"

— "Tôi muốn học cách hiểu anh."

— "Vì sao?"

— "Vì lý do riêng của tôi mà anh không cần quan tâm lúc này."

— "Anh muốn hiểu điều gì về tôi?"

Francisco im lặng nhìn ra bóng tối. Lửa từ các xưởng đang tàn dần, chỉ còn lại một vệt đỏ mờ ảo bên rìa chân trời, đủ để phác họa những mảnh mây bị xé toạc bởi cơn bão dữ dội trên bầu trời. Những bóng đen mờ ảo lướt qua không gian rồi tan biến - những hình dáng như cành cây gãy, nhưng trông giống cơn thịnh nộ của gió hiện hình.

— "Đêm nay thật khắc nghiệt với bất cứ sinh vật nào không được che chở trên cánh đồng trống trải kia," Francisco d'Anconia nói. "Đây là lúc ta nên trân trọng ý nghĩa của việc làm người."

Rearden im lặng một lúc, rồi nói với giọng ngạc nhiên, như đang tự nhủ: "Thật lạ..."

— "Gì vậy?"

— "Anh vừa nói ra điều tôi đang nghĩ..."

— "Anh đã nghĩ sao?"

— "...chỉ là tôi chưa tìm được từ ngữ để diễn đạt."

— "Để tôi nói nốt phần còn lại nhé?"

– "Mời anh."

– "Anh đứng đây và nhìn cơn bão với niềm tự hào lớn nhất mà con người có thể cảm nhận—bởi anh có thể có hoa mùa hè và những người phụ nữ bán khóa thân trong nhà vào một đêm như thế này, như một minh chứng cho chiến thắng của anh trước thiên nhiên. Và nếu không có anh, hầu hết những người ở đây sẽ bị bỏ mặc, bất lực trước cơn gió giữa cánh đồng kia."

– "Sao anh biết được điều đó?"

Qua câu hỏi ấy, Rearden chợt nhận ra rằng người đàn ông này không chỉ nói lên suy nghĩ của anh, mà còn chạm đến những cảm xúc sâu kín, ẩn giấu nhất; và rằng anh, người chưa từng thổ lộ cảm xúc với ai, đã vô tình bộc lộ qua câu hỏi đó. Anh thấy một tia sáng thoáng qua trong mắt Francisco, như một nụ cười hay dấu hiệu đồng cảm.

– "Anh biết gì về niềm tự hào như vậy?" Rearden hỏi gay gắt, như thể sự khinh miệt trong câu hỏi thứ hai có thể xóa đi sự thừa nhận trong câu hỏi đầu.

– "Đó là cảm xúc tôi từng trải qua khi còn trẻ."

Rearden nhìn anh. Trên gương mặt Francisco không có dấu hiệu mỉa mai hay tự thương; những đường nét điêu khắc tinh tế và đôi mắt xanh trong vắt toát lên sự điềm tĩnh, một khuôn mặt cởi mở, sẵn sàng đón nhận mọi thử thách mà không hề nao núng.

– "Sao anh lại muốn nói về điều này?" Rearden hỏi, giọng dịu đi vì lòng từ tâm.

– "Hãy xem đó như một lời cảm ơn, ông Rearden."

– "Cảm ơn tôi?"

– "Nếu ông chấp nhận."

Giọng Rearden trở nên cứng rắn. "Tôi không yêu cầu sự biết ơn. Tôi không cần nó."

— "Tôi chưa nói rằng ông cần nó. Nhưng trong số tất cả những người mà ông đang cứu khỏi cơn bão tối nay, tôi là người duy nhất sẽ bày tỏ lòng biết ơn."

Sau một lúc im lặng, Rearden hỏi, giọng trầm và gần như đe dọa: "Anh đang cố làm gì?"

— "Tôi đang khiến ông chú ý đến bản chất thật của những người mà ông đang làm việc cho."

— "Chỉ kẻ chưa từng lao động thực sự mới nghĩ và nói như vậy." Giọng Rearden chứa đựng sự khinh miệt xen lẫn chút nhẹ nhõm; những nghi ngờ về đánh giá của anh đối với đối thủ đã tan biến, giờ anh càng thêm chắc chắn. "Anh sẽ không hiểu nếu tôi nói rằng người lao động làm việc chủ yếu vì bản thân mình, cho dù anh có thể mang theo cả đám người khốn khổ đó. Chắc anh đang nghĩ: 'Cứ nói đi, rằng điều đó thật ác độc, rằng tôi ích kỷ, kiêu ngạo, vô tâm, tàn nhẫn.' Đúng vậy. Tôi không muốn dính dáng đến những điều vô nghĩa về việc làm việc vì người khác. Tôi không."

Lần đầu tiên, anh nhận thấy trong mắt Francisco một phản ứng cá nhân, một điều gì đó hào hứng và trẻ trung.

— "Điều duy nhất sai trong những gì ông nói," Francisco đáp, "là ông để người khác gọi đó là ác độc." Trong khoảnh khắc im lặng đầy kinh ngạc của Rearden, anh chỉ về phía đám đông trong phòng khách. "Tại sao ông lại chịu đựng họ?"

— "Bởi họ chỉ là những kẻ khốn khổ, vật vớ để tồn tại một cách tuyệt vọng và thảm hại, trong khi tôi—tôi thậm chí không cảm thấy gánh nặng của họ."

— "Sao ông không nói thẳng với họ điều đó?"

— "Điều gì?"

-
- "Rằng ông làm việc vì chính mình, không phải vì họ."
- "Họ biết điều đó."
- "Đúng, họ biết. Từng người một đều biết. Nhưng họ không nghĩ rằng ông biết. Và mọi nỗ lực của họ đều nhằm ngăn ông nhận ra điều đó."
- "Tại sao tôi phải bận tâm đến suy nghĩ của họ?"
- "Vì đây là một trận chiến mà ông cần phải chọn rõ phe phái."
- "Trận chiến? Trận chiến nào? Tôi là người nắm quyền lực. Tôi không đấu với kẻ tay không."
- "Họ không tay không đâu. Họ có một vũ khí chống lại ông. Đó là vũ khí duy nhất của họ, nhưng là một vũ khí khủng khiếp. Một ngày nào đó, hãy tự hỏi đó là gì."
- "Ông thấy bằng chứng ở đâu?"
- "Trong sự thật không thể tha thứ rằng ông đang bất hạnh đến thế."
- Rearden có thể chấp nhận mọi lời trách móc, sỉ nhục, nguyên rủa mà người khác ném vào mình; phản ứng duy nhất mà anh không thể chịu đựng là lòng thương hại. Một cơn giận dữ lạnh lùng và bùng bình kéo anh về với thực tại. Anh cất tiếng, cố kìm nén cảm xúc đang trỗi dậy:
- "Anh đang tự cho mình cái quyền gì? Động cơ của anh là gì?"
- "Hãy nói rằng—tôi muốn trao cho ông những lời mà một ngày nào đó ông sẽ cần đến."
- "Tại sao anh muốn nói với tôi về chuyện này?"
- "Vì tôi hy vọng ông sẽ nhớ nó."

Điều anh cảm thấy, Rearden nghĩ, là sự giận dữ trước việc anh đã để mình thích thú

với cuộc trò chuyện này. Anh cảm nhận một sự phản bội mơ hồ, một dấu hiệu của mối nguy chưa được gọi tên.

— "Anh mong tôi quên anh là ai sao?" anh hỏi, chợt nhận ra rằng chính điều đó là thứ anh đã lãng quên.

— "Tôi không mong ông nghĩ về tôi chút nào."

Bên dưới cơn giận dữ, một cảm xúc mà Rearden không thừa nhận vẫn chưa được nói ra hay nghĩ đến; anh chỉ nhận biết nó như một gợi ý của nỗi đau. Nếu đối mặt với nó, anh sẽ nhận ra rằng mình vẫn còn nghe văng vẳng giọng nói của Francisco:

— "Tôi là người duy nhất sẽ trao nó... nếu ông chấp nhận..."

Anh nghe những lời ấy, cùng giọng điệu trầm lắng kỳ lạ, và một câu trả lời không thể giải thích trong thâm tâm—một điều gì đó muốn hét lên "Đúng," muốn chấp nhận, muốn nói với người đàn ông này rằng anh chấp nhận, rằng anh cần điều đó—dù không có tên gọi nào cho thứ anh cần, và anh biết rằng đó không phải là lòng biết ơn mà Francisco đã ám chỉ.

Anh nói lớn:

— "Tôi không tìm đến ông để nói chuyện. Nhưng ông đã khơi mào, và giờ ông sẽ phải nghe. Với tôi, chỉ có một dạng suy đồi của con người—kẻ không có mục đích."

— "Điều đó đúng."

— "Tôi có thể tha thứ cho những kẻ khác, họ không ác ý, chỉ bất lực. Nhưng ông—ông là kiểu người không thể tha thứ."

— "Chính tội lỗi của sự tha thứ là điều tôi muốn cảnh báo ông."

— "Ông đã có cơ hội lớn nhất trong đời. Ông đã làm gì với nó? Nếu ông có trí tuệ để hiểu tất cả những điều ông nói, làm sao ông có thể nói chuyện với tôi? Làm sao ông

dám đối mặt với bất kỳ ai sau sự tàn phá vô trách nhiệm mà ông gây ra trong vụ kinh doanh Mexico?"

— "Ông có quyền lên án tôi, nếu ông muốn."

Dagny đứng ở góc cửa sổ, lắng nghe. Họ không nhận ra cô. Cô đã thấy họ bên nhau và bước đến, bị cuốn hút bởi một thôi thúc không thể giải thích hay cưỡng lại; dường như vô cùng quan trọng để biết hai người đàn ông này nói gì với nhau.

Cô đã nghe những câu cuối cùng. Cô chưa từng nghĩ sẽ có ngày mình thấy Francisco bị đánh bại. Anh ta vốn có thể hạ gục bất kỳ đối thủ nào trong mọi cuộc đối đầu. Thế nhưng, giờ anh ta đứng đó, không phản kháng.

Cô biết đó không phải là sự thờ ơ; cô hiểu khuôn mặt anh đủ để thấy cái giá của sự bình tĩnh ấy—cô nhìn thấy đường nét căng cứng của một cơ mặt trên má anh.

— "Trong tất cả những kẻ sống nhờ vào khả năng của người khác," Rearden nói, "ông là kẻ ký sinh thực sự duy nhất."

— "Tôi đã cho ông lý do để nghĩ như vậy."

— "Vậy thì, ông có quyền gì để nói về ý nghĩa của việc làm một người đàn ông? Chính ông đã phản bội điều đó."

— "Tôi xin lỗi nếu đã xúc phạm ông bằng điều mà ông có thể coi là sự kiêu ngạo."

Francisco cúi đầu và quay đi.

Rearden vô thức lên tiếng, không nhận ra rằng câu hỏi của mình đã phủ nhận cơn giận, rằng đó là một lời cầu khẩn để giữ người đàn ông này lại:

— "Ông muốn học để hiểu gì về tôi?"

Francisco quay lại. Về mặt anh không đổi; vẫn là ánh nhìn trịnh trọng, lịch sự, đầy

tôn trọng.

— "Tôi đã học được rồi," anh đáp.

Rearden đứng nhìn khi anh bước vào đám đông. Hình dáng của một người quân gia với chiếc đĩa pha lê, và của Tiến sĩ Pritchett đang cúi xuống chọn món canapé, che khuất Francisco khỏi tầm nhìn. Rearden liếc ra bóng tối ngoài kia; chỉ thấy cơn gió.

Dagny bước tới khi anh rời khỏi góc khuất; cô mỉm cười, công khai mời gọi cuộc trò chuyện. Anh dừng lại, có vẻ miễn cưỡng. Cô vội vàng lên tiếng để phá vỡ sự im lặng.

— "Hank, sao anh lại có quá nhiều trí thức theo phe bọn cướp bóc ở đây? Em sẽ không bao giờ để họ bước vào nhà mình."

— "Đó không phải điều cô muốn nói với anh ấy."

Nhưng cô không biết mình muốn nói gì; chưa bao giờ cô cảm thấy mất lời trước anh như thế.

Cô thấy mắt anh nheo lại, như một cánh cửa đang khép.

— "Tôi không thấy lý do gì để không mời họ đến một bữa tiệc," anh trả lời lạnh lùng.

— "Ồ, em không có ý chỉ trích lựa chọn khách của anh. Nhưng... thật ra, em đã cố không tìm ra ai trong số họ là Bertram Scudder. Nếu biết, em sẽ tát vào mặt hắn." Cô cố tỏ ra bình thản. "Em không muốn gây chuyện, nhưng không chắc mình có thể kiềm chế. Em không thể tin được khi nghe nói bà Rearden đã mời hắn."

— "Tôi đã mời hắn."

— "Nhưng..." Giọng cô chùng xuống. "Tại sao?"

— "Tôi không coi trọng những dịp thế này."

— "Xin lỗi, Hank. Em không biết anh khoan dung đến vậy. Còn em thì không."

Anh im lặng.

— "Em biết anh không thích tiệc tùng. Em cũng vậy. Nhưng đôi khi em tự hỏi... có lẽ chỉ chúng ta mới thực sự có thể tận hưởng chúng."

— "Tôi e rằng mình không có năng khiếu cho điều đó."

— "Không phải cho thứ này. Nhưng anh có nghĩ rằng ai ở đây đang thực sự tận hưởng nó không? Họ chỉ đang cố tỏ ra vô nghĩa và vô định hơn bình thường. Cố tỏ ra nhẹ nhàng và không quan trọng... Anh biết không, em nghĩ rằng chỉ khi cảm thấy vô cùng quan trọng, người ta mới thực sự cảm thấy nhẹ nhàng."

— "Tôi không biết."

— "Chỉ là một ý nghĩ thoáng qua làm em bận tâm đôi khi... Em đã nghĩ vậy trong buổi dạ vũ đầu tiên của mình... Em cứ nghĩ rằng tiệc tùng là để ăn mừng, và chỉ những ai có điều đáng để ăn mừng mới nên có chúng."

— "Tôi chưa từng nghĩ về điều đó."

Cô không thể điều chỉnh giọng nói cho phù hợp với sự cứng nhắc trong cách anh đáp lại; cô không thể tin được điều đó. Họ luôn thoải mái khi ở bên nhau trong văn phòng của anh. Nhưng giờ đây, anh như một người bị giam cứng trong chiếc áo chật ních.

— "Hank, nhìn xem. Nếu anh không để ý đến những người này, chẳng phải nơi đây thật đẹp sao? Những ánh đèn, những bộ váy áo, và tất cả trí tưởng tượng đã tạo nên nó..."

Cô nhìn quanh căn phòng. Cô không nhận ra rằng anh chẳng hề nhìn theo—anh đang đắm chìm trong những bóng tối phủ trên bờ vai trần của cô, những vệt xanh nhạt được tạo nên bởi ánh sáng xuyên qua mái tóc.

— "Tại sao chúng ta lại để tất cả những điều này rơi vào tay những kẻ ngốc? Lẽ ra nó

phải thuộc về chúng ta."

— "Bằng cách nào?"

— "Em không biết... Em luôn mong đợi những bữa tiệc sẽ thật sôi động và rục rĩ, như một ly rượu quý." Cô cười, trong tiếng cười thoáng chút buồn bã. "Nhưng em cũng không uống rượu. Đó chỉ là một biểu tượng khác đã mất đi ý nghĩa vốn có của nó."

Anh im lặng. Cô nói thêm:

— "Có lẽ có điều gì đó chúng ta đã bỏ lỡ."

— "Tôi không thấy điều đó."

Trong khoảnh khắc trống rỗng và hoang vắng ấy, cô thấy nhẹ nhõm vì anh không hiểu hay đáp lại. Một cảm giác mơ hồ rằng cô đã để lộ quá nhiều, dù không biết chính xác là gì. Cô nhún vai, cử động lan nhẹ qua đường cong bờ vai như một cơn rùng mình.

— "Chỉ là ảo tưởng cũ của em thôi," cô nói dừng dừng. "Chỉ là tâm trạng đến một hai năm một lần. Đưa em xem chỉ số giá thép mới nhất đi, rồi em sẽ quên hết chuyện này."

Cô không biết rằng mắt anh vẫn dõi theo khi cô rời đi.

Cô chậm rãi bước qua căn phòng, không nhìn ai. Cô nhận thấy một nhóm nhỏ đang tụ tập bên lò sưởi không lửa. Phòng không lạnh, nhưng họ ngồi đó như thể đang tìm kiếm sự an ủi từ ý nghĩ về một ngọn lửa vắng mặt.

— "Tôi không hiểu tại sao, nhưng tôi ngày càng sợ bóng tối. Không, không phải lúc này, chỉ khi tôi ở một mình. Điều khiến tôi sợ là màn đêm. Chính màn đêm."

Người nói là một bà cô lớn tuổi với phong thái quý phái nhưng tuyệt vọng. Ba phụ nữ

và hai đàn ông trong nhóm đều ăn mặc chỉnh tề, làn da họ mịn màng và được chăm sóc kỹ, nhưng phong thái thận trọng đầy lo âu khiến giọng họ trầm xuống, xóa nhòa sự khác biệt về tuổi tác, khiến tất cả như phủ cùng một màu xám mệt mỏi.

Đó là vẻ mặt thường thấy trong những nhóm người có danh giá ở khắp nơi. Dagny dừng lại lắng nghe.

— "Nhưng, chị thân mến," một người trong số họ hỏi, "tại sao nó lại khiến chị sợ?"

— "Tôi không biết," bà cô đáp. "Tôi không sợ kẻ trộm hay cướp hay bất cứ thứ gì tương tự. Nhưng tôi thức trắng đêm. Tôi chỉ có thể ngủ khi thấy bầu trời bắt đầu nhạt màu. Thật kỳ lạ. Mỗi buổi tối, khi trời tối dần, tôi lại có cảm giác rằng lần này là mãi mãi, rằng ánh sáng sẽ không bao giờ quay trở lại."

— "Chị họ tôi sống ở bờ biển Maine cũng viết cho tôi điều tương tự," một phụ nữ nói.

— "Đêm qua," bà cô tiếp tục, "tôi thức trắng vì tiếng súng. Suốt đêm, từ ngoài biển khơi vọng vào những tiếng súng. Không có ánh chớp, chẳng có gì cả. Chỉ những tiếng nổ cách quãng, vang lên đâu đó trong màn sương trên Đại Tây Dương."

— "Tôi có đọc về việc này trên báo sáng nay. Tập trận của Tuần Duyên."

— "Ồ không," bà cô nói thờ ơ. "Ai cũng biết chuyện gì đang diễn ra ngoài bờ biển đó. Đó là Ragnar Danneskjold. Tuần Duyên đang cố bắt hắn."

— "Ragnar Danneskjold ở vịnh Delaware?" một phụ nữ thốt lên.

— "Phải. Họ nói đây không phải lần đầu tiên."

— "Họ có bắt được hắn không?"

— "Không."

— "Không ai có thể bắt được hắn," một người đàn ông nói.

-
- "Nhà nước Nhân dân Na Uy đã treo thưởng một triệu đô cho cái đầu của hắn."
 - "Một số tiền khổng lồ chỉ để lấy đầu một tên cướp biển."
 - "Nhưng làm sao chúng ta có thể duy trì trật tự và an ninh trên thế giới khi có một tên cướp biển tự do tung hoành khắp bảy đại dương?"
 - "Các anh có biết hắn đã tấn công con tàu nào đêm qua không?" bà cô hỏi.
 - "Chiếc tàu chở hàng cứu trợ chúng ta gửi đến Nhà nước Nhân dân Pháp."
 - "Hắn xử lý số hàng cướp được thế nào?"
 - "À, điều đó—không ai biết."
 - "Tôi từng gặp một thủy thủ trên con tàu bị hắn tấn công. Anh ta kể rằng Ragnar Danneskjold có mái tóc vàng rỗng và khuôn mặt đáng sợ nhất trên đời—một khuôn mặt không hề biểu lộ cảm xúc. Nếu có người nào sinh ra mà không có trái tim, thì đó chính là hắn—gã thủy thủ nói vậy."
 - "Cháu trai tôi đã thấy tàu của Ragnar Danneskjold một đêm nọ, ngoài khơi Scotland. Nó viết thư bảo không thể tin vào mắt mình. Đó là một con tàu còn tốt hơn bất kỳ chiếc nào trong hải quân của Nhà nước Nhân dân Anh."
 - "Nghe nói hắn ẩn náu trong một vịnh hẹp của Na Uy, nơi cả Chúa trời lẫn con người đều không thể tìm thấy. Chính nơi đó, các Viking đã từng ẩn náu vào thời Trung Cổ."
 - "Nhà nước Nhân dân Bồ Đào Nha cũng treo thưởng cho cái đầu của hắn. Cả Nhà nước Nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ nữa."
 - "Nghe nói đó là một vụ bê bối lớn ở Na Uy. Hắn xuất thân từ một trong những gia tộc danh giá nhất. Dòng họ hắn đã mất hết tài sản từ nhiều thế hệ trước, nhưng cái tên vẫn thuộc hàng cao quý nhất. Tàn tích lâu đài của gia đình hắn vẫn còn tồn tại"

đến tận bây giờ.

Cha hắn là một giám mục. Ông ấy đã từ mặt và rút phép thông công hắn. Nhưng chẳng có tác dụng gì."

— "Anh có biết Ragnar Danneskjold từng học ở nước này không? Ở Đại học Patrick Henry."

— "Thật sao?"

— "Phải. Anh có thể kiểm tra mà xem."

— "Điều làm tôi lo lắng là... Anh biết đấy, tôi không thích chuyện này. Tôi không thích việc hắn xuất hiện ngay đây, trên vùng biển của chúng ta. Tôi cứ nghĩ những chuyện như vậy chỉ xảy ra ở những vùng đất hoang tàn, ở châu Âu thôi. Nhưng một tên ngoài vòng pháp luật tầm cỡ như vậy lại hoạt động ngay tại Delaware, ngay trong thời đại của chúng ta!"

— "Hắn còn bị phát hiện ngoài khơi Nantucket và Bar Harbor nữa. Báo chí đã được lệnh không đưa tin về hắn."

— "Tại sao?"

— "Họ không muốn công chúng biết rằng hải quân không thể đối phó với hắn."

— "Tôi không thích chuyện này. Cảm giác rất lạ, như thể một thứ gì đó từ thời Trung Cổ bước ra vậy."

Dagny ngược lên. Cô thấy Francisco d'Anconia đang đứng cách đó vài bước, nhìn cô với vẻ tò mò căng thẳng; đôi mắt anh mang nét chế giễu.

— "Thế giới chúng ta đang sống thật kỳ lạ," bà cô thở dài, giọng trầm thấp.

— "Tôi đã đọc một bài báo," một phụ nữ nói, giọng vô cảm. "Bài báo viết rằng thời kỳ khó khăn là điều tốt cho chúng ta. Nghèo đói là một điều tốt. Chấp nhận khổ hạnh là

một đức hạnh đạo đức."

— "Chắc vậy," một người khác đáp, không chút tin tưởng.

— "Chúng ta không nên lo lắng. Tôi đã nghe một bài diễn văn nói rằng lo lắng hay đổ lỗi đều vô ích. Không ai có thể làm khác được, vì bản chất họ đã như vậy. Chúng ta không thể thay đổi gì cả. Ta phải học cách chịu đựng."

— "Dù sao thì có ích gì đâu? Định mệnh của con người là gì? Từ xưa đến nay, con người luôn hy vọng nhưng chưa bao giờ đạt được. Người khôn ngoan là người không dám hy vọng."

— "Đó là thái độ đúng đắn."

— "Tôi không biết nữa... Tôi không biết điều gì là đúng nữa... Làm sao chúng ta có thể biết được?"

— "Ồ, thôi nào, John Galt là ai chứ?"

Dagny quay phắt người và bước ra khỏi nhóm. Một người phụ nữ theo sau cô.

— "Nhưng tôi biết đấy," người phụ nữ thì thầm đầy bí ẩn, như thể đang chia sẻ một điều bí mật.

— "Bà biết gì?"

— "Tôi biết John Galt là ai."

— "Ai?" Dagny hỏi, căng thẳng dừng bước.

— "Tôi biết một người đã từng gặp John Galt ngoài đời. Người đó là bạn thân của một bà cô họ tôi. Ông ấy đã tận mắt chứng kiến. Cô có biết truyền thuyết về Atlantis không, cô Taggart?"

— "Gì cơ?"

— "Atlantis."

— "Tôi... tôi chỉ biết sơ qua."

— "Những Hòn Đảo của Người May Mắn. Đó là cách người Hy Lạp gọi nó, từ hàng ngàn năm trước. Họ nói Atlantis là nơi linh hồn của những anh hùng sống trong niềm hạnh phúc mà phần còn lại của thế gian không thể biết đến. Một nơi chỉ những linh hồn anh hùng mới có thể đặt chân tới, và họ đến đó mà không cần phải chết, vì họ mang trong mình bí mật của sự sống. Atlantis đã mất đi khỏi loài người từ thuở ấy. Nhưng người Hy Lạp biết nó đã từng tồn tại. Họ đã cố gắng tìm kiếm nó. Một số nói rằng nó nằm sâu dưới lòng đất, ẩn giấu trong trái tim của thế giới. Nhưng phần lớn tin rằng nó là một hòn đảo. Một hòn đảo rực rỡ giữa Đại Tây Dương. Có lẽ thứ họ nghĩ đến chính là châu Mỹ. Nhưng họ không bao giờ tìm thấy nó. Qua nhiều thế kỷ, con người nói rằng đó chỉ là một huyền thoại."

Họ không tin, nhưng họ cũng không bao giờ ngừng tìm kiếm, bởi họ biết rằng đó chính là thứ họ phải tìm cho bằng được."

— "Thế còn John Galt thì sao?"

— "Hắn đã tìm thấy nó."

Sự hứng thú của Dagny vụt tắt. "Hắn là ai?"

— "John Galt là một triệu phú với khối tài sản không thể đong đếm. Một đêm nọ, khi đang chèo lái du thuyền giữa Đại Tây Dương và vật lộn với cơn bão kinh hoàng nhất lịch sử, hắn đã tìm thấy nó. Dưới đáy sâu thẳm, nơi Atlantis chìm xuống để trốn khỏi bàn tay loài người, hắn nhìn thấy những tòa tháp lấp lánh của nó. Cảnh tượng ấy đẹp đến nỗi, một khi đã thấy nó, không ai còn muốn nhìn lại thế giới này nữa. John Galt đã đánh chìm con tàu của mình và cùng thủy thủ đoàn chìm xuống đáy đại dương. Tất cả đều tự nguyện. Bạn tôi là người duy nhất sống sót."

— "Thật thú vị."

— "Bạn tôi đã tận mắt chứng kiến," người phụ nữ nói, giọng đầy tổn thương. "Chuyện xảy ra từ rất lâu rồi. Nhưng gia đình John Galt đã cố che giấu câu chuyện này."

— "Thế còn tài sản của hắn? Tôi chưa từng nghe nói về khối tài sản nhà Galt."

— "Nó đã chìm xuống cùng với hắn." Bà ta nói thêm, giọng thách thức: "Cô không nhất thiết phải tin."

— "Cô Taggart thì không tin," Francisco d'Anconia nói. "Còn tôi thì tin."

Họ quay lại. Anh đã đi theo họ và giờ đang đứng đó, nhìn với vẻ trịch thượng của một người nghiêm túc đến mức gần như khoa trương.

— "Ngài đã từng đặt niềm tin vào điều gì chưa, Señor d'Anconia?" người phụ nữ hỏi, giọng tức giận.

— "Chưa bao giờ, thưa bà."

Anh bật cười khi bà ta giận dữ bỏ đi. Dagny lạnh lùng hỏi: "Chuyện gì buồn cười thế?"

— "Câu chuyện ấy đang làm trò cười cho chính bà ta. Bà ta không biết rằng mình vừa kể cho cô nghe sự thật."

— "Anh mong tôi tin vào điều đó sao?"

— "Không."

— "Vậy thì anh thấy buồn cười cái gì?"

— "Ồ, rất nhiều thứ ở đây. Còn cô thì sao?"

— "Không."

-
- "Vậy đó chính là một trong những điều tôi thấy buồn cười."
- "Francisco, anh có thể để tôi yên được không?"
- "Nhưng tôi đã để cô yên. Cô không nhận ra rằng chính cô là người bắt chuyện với tôi trước sao?"
- "Tại sao anh cứ nhìn tôi?"
- "Vì tò mò."
- "Về điều gì?"
- "Phản ứng của cô trước những thứ mà cô không thấy buồn cười."
- "Tại sao anh lại quan tâm đến phản ứng của tôi?"
- "Đó là cách riêng của tôi để tìm niềm vui, trong khi thực ra, cô chẳng có chút niềm vui nào tối nay, phải không, Dagny? Vả lại, cô là người phụ nữ duy nhất đáng để quan sát ở đây."

Cô đứng bất động, đầy thách thức, khi ánh mắt anh như đang thôi thúc một sự bỏ chạy đầy giận dữ. Cô đứng như thường lệ—thẳng lưng, căng người, đầu ngẩng cao đầy sốt ruột. Đó là tư thế thiếu nữ tính của một nhà điều hành. Nhưng bờ vai trần dưới lớp váy đen đã phản bội sự mong manh của cơ thể, và chính tư thế ấy lại khiến cô trở nên nữ tính hơn bao giờ hết. Sự kiêu hãnh mạnh mẽ biến thành lời thách thức trước một sức mạnh vượt trội, trong khi sự mong manh lại nhắc nhở rằng lời thách thức ấy có thể bị bẻ gãy.

Cô không nhận thức được điều đó. Cô chưa từng gặp ai có thể nhìn thấy điều đó.

Anh nhìn xuống cơ thể cô và nói: "Dagny, một sự lãng phí quá tuyệt vời."

Cô phải quay đi. Cô cảm thấy mình đỏ mặt—lần đầu tiên sau nhiều năm. Đỏ mặt vì

đột nhiên nhận ra câu nói ấy đã đặt tên cho cảm giác mà cô đã có suốt buổi tối.

Cô chạy đi, cố không nghĩ đến điều gì cả.

Rồi âm nhạc ngăn cô lại. Một âm thanh bất chợt vang lên từ radio. Cô thấy Mort Liddy vừa bật nó lên, vẫy tay gọi đám bạn, hét lên: "Chính nó! Chính nó! Tôi muốn các cậu nghe nó!"

Tiếng nhạc tràn ngập căn phòng—những hợp âm mở đầu của Bản Concerto Thứ Tư của Halley. Nó vút lên như tiếng thét chiến thắng đầy thống khổ, một lời từ chối nỗi đau, một bài ca ngợi về viễn cảnh xa xăm. Rồi những nốt nhạc vỡ vụn. Như thể có ai đó ném một nắm bùn và sỏi vào bản nhạc, chỉ còn lại âm thanh của những tiếng lăn lóc và rơi rớt. Đó là bản Concerto của Halley bị biến thành điệu nhạc đại chúng. Giai điệu của Halley bị xé nát, những khoảng trống bị nhồi nhét bằng tiếng nấc cụt. Lời tuyên ngôn vĩ đại của niềm vui bị bóp méo thành tiếng cười khúc khích trong quán rượu. Nhưng vẫn chính giai điệu của Halley đã giữ cho nó một hình dạng, như thể là cột sống của nó.

— "Khá ổn chứ?" Mort Liddy cười với đám bạn, đầy tự hào và lo lắng. "Khá ổn phải không? Nhạc phim hay nhất trong năm. Tôi đã giành được giải thưởng nhờ nó. Có được hợp đồng dài hạn. Đúng rồi, đây là bản nhạc tôi viết cho *Thiên Đường Ngay Trong Sân Sau Nhà Bạn*."

Dagny đứng đó, nhìn chằm chằm vào căn phòng, như thể một giác quan có thể thay thế giác quan khác, như thể đôi mắt có thể xóa sạch những gì cô vừa nghe. Cô từ từ quay đầu, tìm kiếm một điểm tựa.

Cô thấy Francisco đang dựa vào cột, khoanh tay trước ngực. Anh đang nhìn thẳng vào cô.

Anh đang cười.

Dagny cố giữ bình tĩnh. *Đừng run như vậy*, cô tự nhủ. *Cứ đi ra ngoài*. Cơn giận dâng

lên, không thể kiểm chế. Cô nghĩ: *Đừng nói gì cả. Đi vững vàng. Đi ra ngoài.*

Cô bắt đầu bước đi thận trọng, rất chậm, khi giọng Lillian cắt ngang dòng suy nghĩ. Lillian đã nói điều đó nhiều lần trong tối nay, nhưng lần này, nó khiến Dagny chú ý hơn.

Lillian đang khoe chiếc vòng tay kim loại, giơ tay ra cho mọi người ngắm. "Cái này ư?" cô nói. "Không, nó không phải từ cửa hàng phần cứng đâu, nó là món quà đặc biệt từ chồng tôi.Ồ, đúng rồi, tất nhiên là nó xấu. Nhưng các bạn thấy không? Nó phải là vô giá. Tất nhiên, tôi sẽ đổi nó lấy bất kỳ chiếc vòng tay kim cương nào, nhưng chẳng ai chịu đổi cho tôi, mặc dù nó rất, rất có giá trị. Tại sao? Thưa các bạn, đây là món đồ đầu tiên được làm từ Kim Loại Rearden."

Dagny chỉ tập trung vào chiếc kim loại xanh lam. Cô cảm thấy tay mình động đậy, và đột nhiên, trước khi kịp nhận ra điều gì đang xảy ra, giọng nói của cô đã vang lên trong bầu không khí tĩnh lặng. Lạnh lùng, vô cảm như một cái xác: "Nếu cô không phải là kẻ hèn nhát như tôi nghĩ, cô sẽ đổi nó."

Trên tay cô, chiếc vòng tay kim cương đang được giơ ra trước mặt Lillian.

"Cô không nghiêm túc chứ, cô Taggart?" một giọng phụ nữ cất lên.

Đó không phải giọng của Lillian. Ánh mắt Lillian đang nhìn thẳng vào cô.

Cô đáp lại ánh nhìn ấy. Lillian biết cô nghiêm túc.

"Đưa tôi cái vòng tay đó," Dagny nói, giơ tay cao hơn, chiếc vòng kim cương lấp lánh.

"Thật kinh khủng!" một phụ nữ kêu lên. Tiếng kêu ấy bỗng vang lên rõ mồn một. Rồi Dagny nhận ra những người đang đứng vây quanh họ trong im lặng. Cô nghe rõ mọi âm thanh trở lại, kể cả tiếng nhạc - bản Concerto bị méo mó của Halley đang vọng lại từ xa.

Cô nhìn thấy khuôn mặt Rearden. Có điều gì đó trong anh đang bị bóp méo, như âm

nhạc kia; cô không hiểu điều gì đã khiến anh như vậy. Anh đang nhìn họ.

Lillian nở một nụ cười nhẹ. Cô nhanh chóng tháo chiếc vòng tay kim loại, đặt vào lòng bàn tay Dagny và nhận lấy chiếc vòng kim cương.

"Cảm ơn cô, cô Taggart," Lillian nói.

Ngón tay Dagny khép lại quanh kim loại. Cô chỉ cảm nhận được điều đó, không còn gì khác.

Lillian quay đi khi Rearden tiến đến. Anh cầm lấy chiếc vòng kim cương, đeo vào tay cô và nâng tay cô lên, đặt một nụ hôn lên đó.

Anh không nhìn Dagny.

Lillian cười, vui vẻ và duyên dáng, khiến không khí trong phòng trở lại bình thường.

"Cô có thể lấy lại nó, cô Taggart, khi nào cô đổi ý," Lillian nói.

Dagny quay người đi. Cô cảm thấy bình thản và tự do. Cảm giác nặng nề đã tan biến. Nhu cầu phải rời đi cũng không còn.

Cô đeo chiếc vòng tay kim loại vào cổ tay. Cô thích cảm giác nặng trĩu của nó trên da. Lạ lùng thay, cô cảm thấy một chút tự ti, điều chưa từng xảy ra trước đây: khao khát được người khác nhìn thấy mình đeo món trang sức đặc biệt này.

Từ xa, cô nghe những lời bàn tán: "Chỉ đáng ghê tởm nhất tôi từng thấy... Thật độc ác... May là Lillian đã nhận lấy nó. Nếu cô ấy muốn vứt đi vài ngàn đô la thì cũng đáng..."

Suốt phần còn lại của buổi tối, Rearden đứng bên cạnh vợ. Anh tham gia trò chuyện, cười đùa cùng bạn bè cô ấy, bỗng nhiên trở thành người chồng chu đáo, quan tâm.

Khi anh đang bưng một khay đồ uống theo yêu cầu của nhóm bạn Lillian—một hành động chẳng giống con người anh chút nào—Dagny tiến lại gần. Cô dừng bước và

nhìn lên anh, như thể họ đang ở một mình trong văn phòng của anh.

Cô đứng thẳng, đầu ngẩng cao. Anh nhìn xuống cô. Trong ánh mắt của anh, từ đầu ngón tay đến khuôn mặt, cả người cô dường như chỉ còn lại chiếc vòng tay kim loại của anh.

"Tôi xin lỗi, Hank," cô nói, "nhưng tôi phải làm vậy."

Ánh mắt anh không thay đổi. Tuy nhiên, cô chợt hiểu chắc chắn điều anh đang cảm thấy: anh muốn tát vào mặt cô.

"Không cần thiết," anh đáp lạnh lùng rồi bước đi.

Đêm đã khuya khi Rearden bước vào phòng ngủ vợ. Cô vẫn thức, một chiếc đèn ngủ sáng trên bàn cạnh giường.

Cô nằm trên giường, tựa vào những chiếc gối vỏ linen xanh nhạt. Áo ngủ satin xanh nhạt bóng loáng trên người cô, hoàn hảo như một mẫu trưng bày; những nếp gấp còn lấp lánh như vết hằn của giấy gói. Ánh sáng được che mờ tạo tông màu hoa tảo, rọi xuống chiếc bàn đặt một cuốn sách, ly nước trái cây và bộ đồ vệ sinh bằng bạc sáng lấp lánh như dụng cụ phẫu thuật. Cánh tay cô trắng như sứ. Đôi môi điểm một lớp son hồng nhạt. Không có dấu hiệu mệt mỏi sau bữa tiệc—không một dấu vết của sự sống đã mệt mỏi. Nơi đây như một bức tranh về một quý bà được chăm chút tỉ mỉ cho giấc ngủ, không muốn bị quấy rầy.

Anh vẫn trong bộ dự tiệc; cà vạt thả lỏng, một lọn tóc rũ xuống che khuất mặt. Cô liếc nhìn anh không chút ngạc nhiên, như thể đã hiểu những gì xảy ra trong những phút cuối cùng ở phòng anh.

Anh im lặng nhìn cô. Đã lâu anh không vào phòng cô. Anh đứng đó, ước gì mình chưa bước vào.

"Không phải là thường lệ để nói chuyện sao, Henry?"

"Nếu em muốn."

"Em muốn anh gửi một chuyên gia giỏi từ nhà máy đến kiểm tra lò sưởi. Anh có biết nó ngừng hoạt động giữa bữa tiệc và Simons đã vất vả lắm mới khởi động lại được không? ... Bà Weston nói rằng thành tựu tốt nhất của chúng ta là đầu bếp—bà ấy rất thích món khai vị... Balph Eubank đã nói một câu hài hước về anh, bảo anh là chiến binh với lông vũ làm từ khói ống khói nhà máy... Em vui vì anh không thích Francisco d'Anconia. Em không chịu nổi anh ta."

Anh không muốn giải thích lý do có mặt ở đây, không muốn che giấu thất bại, cũng không muốn thừa nhận nó bằng cách bỏ đi. Bỗng nhiên, anh không còn bận tâm cô đoán hay cảm thấy gì. Anh bước đến cửa sổ và đứng đó, nhìn ra ngoài.

Tại sao cô lại kết hôn với anh?—anh tự hỏi. Đây là câu hỏi anh chưa từng nghĩ đến trong ngày cưới, tám năm trước. Kể từ đó, trong những đêm cô đơn dần vật, anh đã hỏi câu này nhiều lần. Nhưng anh không tìm được câu trả lời.

Anh nghĩ không phải vì địa vị hay tiền bạc. Cô xuất thân từ một gia đình lâu đời có cả hai thứ đó. Tên tuổi gia đình cô không thuộc hàng danh giá nhất, tài sản cũng khiêm tốn, nhưng đủ để cô gia nhập giới thượng lưu New York, nơi anh gặp cô. Chín năm trước, anh xuất hiện ở New York như một vụ nổ lớn, trong ánh hào quang của thành công Rearden Steel—một thành công mà các chuyên gia thành phố cho là không thể. Chính sự thờ ơ của anh đã khiến anh nổi bật. Anh không biết người ta mong đợi anh sẽ cố gắng mua chuộc vị trí trong xã hội, và họ háo hức chờ đợi niềm vui được từ chối anh. Anh không có thời gian để nhận ra sự thất vọng của họ.

Anh miễn cưỡng tham dự một vài dịp xã giao khi được những người muốn chiếu cố anh mời đến. Anh không biết, nhưng họ thì biết, rằng sự lịch thiệp của anh thực chất là sự nhún nhường trước những kẻ mong đợi được từ chối anh, những kẻ tuyên bố rằng thời đại của thành tựu đã qua.

Chính sự nghiêm khắc của Lillian đã thu hút anh—sự mâu thuẫn giữa vẻ nghiêm

khắc và hành động của cô. Anh chưa từng thích ai hay mong muốn được ai thích. Anh thấy mình bị cuốn hút bởi hình ảnh một người phụ nữ rõ ràng đang theo đuổi anh nhưng lại tỏ ra miễn cưỡng, như thể đang chống lại một ham muốn mà cô ghét bỏ. Chính cô là người sắp đặt để họ gặp nhau, rồi lạnh lùng đối diện với anh, như thể không quan tâm việc anh nhận ra điều đó. Cô ít nói; cô mang một vẻ bí ẩn như muốn nói rằng anh sẽ không bao giờ phá vỡ được sự kiêu hãnh tách biệt của cô, và một vẻ thích thú, chế giễu cả ham muốn của cô lẫn của anh.

Anh chưa từng quen nhiều phụ nữ. Anh đã tiến thẳng về phía mục tiêu của mình, gạt bỏ mọi thứ không liên quan trong thế giới và trong chính bản thân. Sự cống hiến cho công việc của anh như một ngọn lửa anh điều khiển, thiêu đốt mọi yếu tố thấp kém, mọi tạp chất ra khỏi dòng kim loại tinh khiết. Anh không thể có những mối quan tâm nửa vời.

Nhưng có những lúc anh cảm thấy một cơn khao khát bùng ập đến, mãnh liệt đến mức không thể dành cho một cuộc gặp gỡ thoáng qua. Anh đã buông mình theo nó, trong vài dịp hiếm hoi qua nhiều năm, với những người phụ nữ mà anh nghĩ mình thích. Anh cảm thấy trống rỗng và giận dữ—vì anh tìm kiếm một chiến thắng nào đó, dù không biết đó là gì, nhưng điều anh nhận được chỉ là sự chấp nhận của người phụ nữ đối với một niềm vui thoáng qua, và anh quá rõ rằng những gì anh đã thắng không có ý nghĩa. Anh không cảm thấy chiến thắng, mà chỉ thấy tự hạ thấp mình. Anh bắt đầu ghét ham muốn của mình. Anh đấu tranh chống lại nó. Anh tin rằng ham muốn này hoàn toàn là thể xác, một ham muốn không của ý thức mà của vật chất, và anh nổi loạn chống lại ý tưởng rằng thân xác anh có thể tự do lựa chọn mà không chịu sự chi phối của ý chí. Anh đã dành cả đời trong các mỏ và nhà máy, uốn nắn vật chất theo ý muốn bằng sức mạnh của trí óc—và anh không thể chấp nhận việc không thể điều khiển vật chất của chính cơ thể mình. Anh đã đấu tranh chống lại nó. Anh đã thắng mọi trận chiến với tự nhiên vô tri; nhưng đây là trận chiến anh thua.

Chính sự khó chinh phục đã khiến anh muốn Lillian.

Cô dường như là người phụ nữ mà anh nghĩ xứng đáng đặt lên bệ đỡ; điều này khiến anh muốn kéo cô xuống giường mình. Kéo cô xuống, là từ ngữ trong đầu anh; chúng mang đến cho anh một khoái cảm u ám, cảm giác về một chiến thắng đáng giá.

Anh không hiểu tại sao—anh nghĩ đó là một xung đột vô luân, dấu hiệu của một sự suy đồi nào đó trong anh—tại sao anh lại cảm thấy, đồng thời, một niềm tự hào sâu sắc khi nghĩ rằng mình sẽ ban cho một người phụ nữ danh hiệu vợ của mình. Cảm giác đó nghiêm trang và rạng rỡ; gần như anh cảm thấy mình muốn tôn vinh người phụ nữ ấy bằng hành động chiếm hữu.

Lillian dường như phù hợp với hình ảnh mà anh không biết mình ấp ủ, không biết mình tìm kiếm; anh thấy được vẻ duyên dáng, sự kiêu hãnh, sự thuần khiết của cô; phần còn lại nằm trong chính anh; anh không biết rằng mình đang nhìn vào một phản chiếu.

Anh nhớ ngày Lillian từ New York đến văn phòng, theo quyết định đột ngột của cô, và yêu cầu anh dẫn tham quan các nhà máy. Anh nghe thấy một âm thanh dịu dàng, nhẹ nhàng, đầy ngưỡng mộ trong giọng nói cô khi cô hỏi về công việc của anh và nhìn ngấm xung quanh. Anh nhìn dáng vẻ duyên dáng của cô khi di chuyển giữa những ngọn lửa từ lò, và những bước đi nhẹ nhàng, nhanh nhẹn của cô trong đôi giày cao gót vấp phải những đồng xỉ, khi cô bước đi vững vàng bên cạnh anh.

Ánh mắt của cô, khi nhìn thấy dòng thép nóng chảy đổ ra, phản chiếu chính cảm xúc của anh về nó. Khi ánh mắt ấy chuyển lên khuôn mặt anh, anh thấy cùng một ánh nhìn, nhưng mãnh liệt đến mức dường như khiến cô bất lực và im lặng. Chính vào bữa tối hôm đó, anh đã cầu hôn cô.

Phải mất một thời gian sau khi kết hôn anh mới thừa nhận với bản thân rằng đây là sự tra tấn. Anh vẫn nhớ đêm hôm đó, khi anh thừa nhận điều đó—mạch máu trên cổ tay căng ra khi anh đứng bên giường, nhìn xuống Lillian—rằng anh xứng đáng với sự

tra tấn này và sẽ chịu đựng nó.

Lillian không nhìn anh; cô đang chỉnh lại tóc. "Em có thể ngủ chưa?" cô hỏi.



Cô chưa bao giờ phản đối hay từ chối anh điều gì; cô luôn nhượng bộ mỗi khi anh yêu cầu. Cô nhượng bộ như thể đang tuân theo một quy tắc rằng đôi khi, nghĩa vụ của cô là trở thành một vật vô tri được trao cho chồng sử dụng.

Cô không trách móc anh. Cô cho rằng đàn ông tất nhiên có những bản năng hạ thấp bản thân—đó là phần xấu xí, bí mật của hôn nhân. Cô chịu đựng với sự khoan dung hạ cấp. Cô mỉm cười, vừa khinh bỉ vừa vui vẻ, khi chứng kiến mức độ mãnh liệt của những gì anh trải nghiệm. "Đó là trò tiêu khiển tầm thường nhất mà tôi biết," cô đã nói với anh một lần, "nhưng tôi chưa bao giờ hy vọng đàn ông cao hơn loài vật."

Ham muốn của anh đối với cô đã tắt ngấm trong tuần đầu tiên của cuộc hôn nhân. Những gì còn lại chỉ là một nhu cầu không thể dập tắt. Anh chưa bao giờ bước vào nhà thổ; đôi khi anh nghĩ rằng sự ghê tởm ở đó có lẽ còn không tệ bằng cảm giác khi phải bước vào phòng ngủ của vợ mình.

Anh thường thấy cô đọc sách. Cô sẽ đặt sách xuống, kẹp một dải ruy băng đánh dấu trang. Khi anh nằm vật vã, mắt nhắm nghiền, vẫn thở dốc, cô sẽ bật đèn, cầm sách lên và tiếp tục đọc.

Anh tự nhủ mình xứng đáng với sự tra tấn này, vì anh đã mong không bao giờ chạm vào cô nữa nhưng lại không thể giữ được quyết định đó. Anh ghê tởm chính mình. Anh ghê tởm một nhu cầu giờ đây không còn chút niềm vui hay ý nghĩa nào—chỉ còn lại khao khát với một cơ thể vô danh, một người phụ nữ mà anh phải quên đi khi chạm vào. Anh tin chắc rằng nhu cầu đó là sự suy đồi.

Anh không kết án Lillian. Anh chỉ cảm thấy một sự tôn trọng lạnh lùng, thờ ơ đối với cô. Lòng căm ghét ham muốn của chính mình đã khiến anh chấp nhận niềm tin rằng phụ nữ là thuần khiết và một người phụ nữ thuần khiết không thể có khoái cảm thể xác.

Trong suốt những năm tháng đau đớn của cuộc hôn nhân, có một suy nghĩ mà anh không cho phép mình nghĩ đến: sự bất trung. Anh đã thề với lòng mình và dự định sẽ giữ lời. Đó không phải là lòng trung thành với Lillian; không phải là con người của Lillian mà anh muốn bảo vệ khỏi sự nhục nhã—mà là hình ảnh người vợ của mình.

Anh nghĩ về điều đó lúc này, đứng bên cửa sổ. Anh không muốn vào phòng cô. Anh

đã chống lại điều đó. Anh đã đấu tranh quyết liệt hơn để không phải hiểu lý do cụ thể tại sao anh không thể chịu đựng nổi nó đêm nay. Nhưng khi nhìn thấy cô, anh đột nhiên biết rằng anh sẽ không chạm vào cô. Chính lý do đưa anh đến đây tới nay lại là lý do khiến anh không thể làm điều đó.

Anh đứng yên, cảm thấy thoát khỏi ham muốn, cảm nhận sự giải thoát tẻ nhạt của sự thờ ơ—với cơ thể mình, với căn phòng này, thậm chí với sự hiện diện của mình ở đây. Anh quay đi, không muốn nhìn thấy vẻ trong trắng được đánh bóng của cô. Những gì anh nghĩ mình nên cảm thấy là sự tôn trọng, nhưng thực tế anh chỉ cảm thấy ghê tởm.

"... nhưng bác sĩ Pritchett nói rằng văn hóa của chúng ta đang chết dần vì các trường đại học phải phụ thuộc vào sự bố thí từ các nhà cung cấp thịt, những người làm thép và các nhà sản xuất ngũ cốc ăn sáng."

Tại sao cô lại kết hôn với anh?—anh tự hỏi. Giọng nói sáng ngời, sắc bén ấy không hề vô nghĩa. Cô biết tại sao anh lại đến đây. Cô biết điều gì sẽ xảy ra với anh khi nhìn thấy cô ngồi đó, vừa cầm chiếc đệm bạc vừa nói chuyện vui vẻ trong khi đánh bóng móng tay. Cô đang nói về bữa tiệc.

Nhưng cô không nhắc đến Bertram Scudder—hay Dagny Taggart.

Cô đã tìm kiếm điều gì khi kết hôn với anh? Anh cảm nhận được một mục đích lạnh lùng, mạnh mẽ nào đó trong cô—nhưng không tìm thấy điều gì để kết tội. Cô chưa bao giờ cố gắng lợi dụng anh. Cô không đòi hỏi gì. Cô không quan tâm đến uy tín của quyền lực công nghiệp—cô khinh bỉ nó—cô chỉ thích vòng bạn bè riêng của mình. Cô không tìm kiếm tiền bạc—cô tiêu rất ít—cô thờ ơ với những xa hoa mà anh có thể dễ dàng chi trả. Anh không có quyền buộc tội cô, anh nghĩ vậy, hay phá vỡ mối liên kết này. Cô là một người vợ danh dự. Cô không muốn gì từ anh.

Anh quay lại và nhìn cô mệt mỏi.

"Lần sau khi em tổ chức tiệc," anh nói, "hãy chỉ mời những người trong vòng bạn bè của em thôi. Đừng mời những người mà em nghĩ là bạn của anh. Anh không muốn gặp họ trong các buổi xã giao."

Cô cười, ngạc nhiên và hài lòng. "Anh không trách em đâu, anh yêu," cô nói.

Anh bước ra ngoài, không nói thêm lời nào.

Cô muốn gì từ anh?—anh tự hỏi. Cô đang tìm kiếm điều gì? Trong vũ trụ mà anh biết, không có câu trả lời.

Atlas vươn mình

Phần I: Không mâu thuẫn

Chương VII: Những kẻ bóc lột và những kẻ bị bóc lột



Người dịch: Zanglink

Các đường ray uốn lượn qua những tảng đá lên tới các giàn khoan dầu và các giàn khoan dầu vươn cao đến bầu trời. Dagny đứng trên cây cầu, nhìn lên đỉnh đồi nơi mặt trời chiếu sáng một chấm kim loại trên đỉnh giàn khoan cao nhất.

Nó trông giống như một ngọn đuốc trắng sáng trên tuyết ở các đỉnh núi của Wyatt OIL. Vào mùa xuân, cô nghĩ, đường ray sẽ gặp phải tuyến đường đang được xây dựng từ Cheyenne. Cô để mắt mình dõi theo những chiếc đường ray màu xanh lục, bắt đầu từ các giàn khoan, đi xuống, qua cây cầu rồi vượt qua cô. Cô quay đầu để theo dõi chúng qua những dặm đường không khí trong lành, khi chúng uốn lượn trên các sườn núi, xa tới cuối đường ray mới, nơi một cần cầu đầu máy xe lửa, như một cánh tay bằng xương và dây thần kinh trần, cử động căng thẳng trên bầu trời.

Một chiếc máy kéo đi ngang qua cô, chở những chiếc bu-lông xanh lục. Tiếng khoan vọng lên từ dưới sâu, nơi những người đàn ông đang đu trên dây cáp kim loại, cắt vách đá thẳng đứng của vách hẻm núi để gia cố các trụ cầu. Dọc theo đường ray, cô có thể thấy những người lao động, cánh tay họ căng cứng với sự căng thẳng của cơ bắp khi họ nắm chặt tay cầm của những chiếc máy đầm nổi điện.

“Cơ bắp, cô Taggart,” Ben Nealy, nhà thầu, đã nói với cô, “cơ bắp—chỉ cần thế là đủ để xây dựng mọi thứ trên thế giới.”

Không có nhà thầu nào sánh kịp McNamara, cô nghĩ. Cô đã chọn người tốt nhất mà cô có thể tìm được. Không kỹ sư nào trong đội ngũ của Taggart có thể được tin tưởng để giám sát công việc này; tất cả họ đều hoài nghi về kim loại mới. “Thực tế, cô Taggart,” kỹ sư trưởng của cô đã nói, “vì đây là một thử nghiệm mà chưa ai từng thử trước đây, tôi không nghĩ đây là trách nhiệm của tôi.” “Đó là trách nhiệm của tôi,” cô đã đáp lại. Ông ta là một người đàn ông trong độ tuổi bốn mươi, vẫn giữ vẻ ngoài thoải mái của một sinh viên từ trường đại học mà ông ta đã tốt nghiệp. Một lần, Taggart Transcontinental đã có một kỹ sư trưởng, một người im lặng, tóc bạc, tự học, người mà không ai có thể so sánh trên bất kỳ con đường sắt nào. Ông ta đã từ chức năm năm trước.

Cô liếc xuống cây cầu. Cô đang đứng trên một thanh thép mảnh trên một vực sâu đã cắt qua các ngọn núi sâu tới 1.500 feet. Xa dưới đáy, cô có thể phân biệt được hình dáng mờ ảo của một con suối khô, những tảng đá chất đống, những thân cây bị uốn cong qua hàng thế kỷ. Cô tự hỏi liệu những tảng đá, thân cây và cơ bắp có thể nào xây dựng một cây cầu qua hẻm núi đó không. Cô tự hỏi tại sao bỗng dưng mình lại nghĩ rằng những người sống trong hang động đã sống trần truồng dưới đáy hẻm núi này suốt hàng thế kỷ.

Cô nhìn lên các mỏ dầu Wyatt. Đường ray chia thành các nhánh giữa các giếng dầu. Cô nhìn thấy những chiếc đĩa nhỏ của các công tắc trải dài trên tuyết. Chúng là công tắc kim loại, loại công tắc mà có mặt ở hàng ngàn nơi, không ai để ý đến, nhưng chúng đang lấp lánh trong ánh mặt trời và những tia lửa phát ra màu xanh lục. Những thứ này đối với cô là những giờ phút thảo luận một cách điềm tĩnh, đều đặn, kiên nhẫn, cố gắng bắn trúng vào mục tiêu khó khăn nhất, đó là ông Mowen, chủ tịch của Amalgamated Switch and Signal Company, Inc., ở Connecticut. “Nhưng, cô Taggart, thưa cô! Công ty của tôi đã phục vụ công ty của cô qua nhiều thế hệ, ông nội của cô là khách hàng đầu tiên của ông nội tôi, vậy cô không thể nghi ngờ sự nhiệt tình của chúng tôi trong việc làm bất cứ điều gì cô yêu cầu, nhưng—cô có nói công tắc làm từ Kim loại Rearden không?”

“Vâng.”

“Nhưng, cô Taggart! Cô có biết sẽ phải làm việc với loại kim loại đó thế nào không? Cô có biết rằng nó không chảy dưới nhiệt độ thấp hơn bốn ngàn độ không? ... Tuyệt vời? Chà, có thể điều đó là tuyệt vời đối với các nhà sản xuất động cơ, nhưng những gì tôi đang nghĩ là nó có nghĩa là phải có một loại lò mới, một quy trình hoàn toàn mới, phải huấn luyện lại công nhân, làm gián đoạn tiến độ, làm hỏng quy tắc công việc, mọi thứ đều bị rối loạn và rồi Chúa chỉ biết liệu mọi thứ có thành công hay không! ... Cô làm sao biết, cô Taggart? Cô làm sao mà biết, khi chưa ai làm trước đây?...”

“Chà, tôi không thể nói rằng kim loại đó là tốt hay không tốt...”



“... Thực ra, tôi không thể nói liệu đó có phải là sản phẩm của thiên tài, như cô nói, hay chỉ là một trò lừa đảo như nhiều người đang nói, cô Taggart, rất nhiều người... Thực ra, tôi không thể nói nó có quan trọng hay không, vì tôi là ai mà lại mạo hiểm với một công việc như thế này?”

Cô đã tăng gấp đôi giá trị của đơn hàng. Rearden đã cử hai nhà luyện kim đến huấn

luyện công nhân của Mowen, để dạy dỗ, chỉ dẫn, giải thích từng bước của quy trình, và đã trả lương cho các công nhân của Mowen trong khi họ đang được huấn luyện.

Cô nhìn vào những chiếc đinh trên đường ray dưới chân mình. Chúng nhắc cô về đêm hôm ấy khi cô nghe tin Summit Casting của Illinois, công ty duy nhất sẵn sàng làm đinh từ Kim loại Rearden, đã tuyên bố phá sản, với một nửa đơn hàng của cô chưa được giao. Cô đã bay đến Chicago vào đêm hôm ấy, cô đã gọi ba luật sư, một thẩm phán và một nhà lập pháp bang ra khỏi giường, cô đã hối lộ hai người trong số họ và đe dọa những người còn lại, cô đã có được một giấy phép khẩn cấp với tính hợp pháp mà không ai có thể giải quyết được, cô đã mở khóa những cánh cửa của nhà máy Summit Casting và một đội ngũ công nhân ăn mặc lộn xộn đã làm việc tại các lò nung trước khi các cửa sổ chuyển sang màu xám khi bình minh đến. Các đội công nhân đã tiếp tục làm việc, dưới sự giám sát của một kỹ sư Taggart và một nhà luyện kim của Rearden. Công việc tái xây dựng tuyến đường Rio Norte không bị trì hoãn.

Cô nghe tiếng khoan. Công việc đã bị tạm ngừng một lần, khi việc khoan cho các trụ cầu bị gián đoạn. “Tôi không thể làm gì hơn được, cô Taggart,” Ben Nealy đã nói, tỏ vẻ khó chịu. “Cô biết mà, đầu khoan thường mài mòn rất nhanh. Tôi đã đặt hàng, nhưng Công ty Incorporated Tool gặp phải một chút vấn đề, họ cũng không thể giúp được, Công ty Associated Steel bị trì hoãn trong việc giao thép cho họ, nên giờ chỉ có thể chờ đợi. Không có ích gì khi tức giận, cô Taggart, tôi đang làm hết sức mình.”

“Tôi thuê anh để làm công việc, không phải để làm hết sức mình—dù đó là gì đi nữa.”

“Đó là một điều thú vị để nói. Đó là một thái độ không phổ biến, cô Taggart, rất không phổ biến.”

“Quên Công ty Incorporated Tool đi. Quên thép đi. Hãy đặt hàng đầu khoan làm từ Kim loại Rearden.”

"Không phải tôi. Tôi đã gặp đủ rắc rối với thứ kim loại đó trong đường ray của cô rồi. Tôi không muốn làm hỏng thiết bị của mình."

"Một đầu khoan làm từ Kim loại Rearden sẽ dùng được ba lần so với đầu khoan bằng thép."

"Có lẽ vậy."

"Tôi nói là tôi muốn đặt hàng thêm."

"Vậy ai sẽ là người trả tiền cho đơn hàng đó?"

"Là tôi."

"Ai sẽ tìm ra người có khả năng làm ra loại thép ấy?"

Cô đã gọi điện cho Rearden. Anh ta đã tìm được một nhà máy dụng cụ bị bỏ hoang, đã lâu không còn kinh doanh. Trong vòng một giờ, anh ta đã mua lại nhà máy từ gia đình của chủ sở hữu cuối cùng. Trong vòng một ngày, nhà máy đã được mở lại. Trong vòng một tuần, những đầu khoan bằng Kim loại Rearden đã được chuyển đến cây cầu ở Colorado.

Cô nhìn cây cầu. Nó đại diện cho một vấn đề được giải quyết tồi tệ, nhưng cô đã phải chấp nhận nó. Cây cầu, dài 1.200 feet bằng thép, bắc qua cái vực đen ngòm, được xây dựng vào thời của con trai Nat Taggart. Nó đã qua lâu rồi thời kỳ an toàn; nó đã được vá lại bằng các thanh thép, sau đó là sắt, rồi là gỗ; nó hầu như không còn giá trị để vá vúi nữa.

Cô đã nghĩ đến một cây cầu mới bằng Kim loại Rearden. Cô đã yêu cầu kỹ sư trưởng của mình nộp một thiết kế và ước tính chi phí.

Thiết kế mà ông ta nộp là kế hoạch xây dựng một cây cầu thép, nhưng đã được thu nhỏ tỉ lệ để phù hợp với sức mạnh lớn hơn của kim loại mới; chi phí khiến dự án trở

nên không thể thực hiện được.

"Tôi xin lỗi, cô Taggart," ông ta đã nói, tỏ ra khó chịu. "Tôi không hiểu cô nói tôi không sử dụng kim loại là có ý gì. Thiết kế này là một sự thích ứng của các cây cầu tốt nhất đã được ghi nhận. Cô mong đợi gì nữa?"

"Một phương pháp xây dựng mới."

"Cô nói gì vậy, phương pháp mới?"

"Tôi có nghĩa là khi người ta có thép cấu trúc, họ không dùng nó để xây dựng những cây cầu thép giống hệt như cầu gỗ."

Cô đã thêm một cách mệt mỏi, "Hãy đưa cho tôi một ước tính về những gì chúng ta cần để làm cho cây cầu cũ của chúng ta tồn tại thêm năm năm nữa."

"Vâng, cô Taggart," ông ta đã nói vui vẻ. "Nếu chúng ta gia cố nó bằng thép—"

"Chúng ta sẽ gia cố nó bằng Kim loại Rearden."

"Vâng, cô Taggart," ông ta đã đáp lại lạnh lùng.

Cô nhìn về phía những ngọn núi phủ đầy tuyết. Công việc của cô đôi khi có vẻ khó khăn, ở New York. Cô đã dừng lại trong một khoảnh khắc trống rỗng giữa phòng làm việc của mình, bị tê liệt vì tuyệt vọng trước sự cứng nhắc của thời gian mà cô không thể kéo dài thêm nữa—vào một ngày khi những cuộc hẹn khẩn cấp nối tiếp nhau, khi cô đã thảo luận về những động cơ Diesel mòn, những toa xe hàng mục nát, hệ thống tín hiệu hư hỏng, doanh thu giảm sút, trong khi nghĩ về tình huống khẩn cấp mới nhất ở công trường Rio Norte; khi cô đã nói chuyện, với hình ảnh hai vệt kim loại xanh lục cắt ngang trong tâm trí mình; khi cô đã ngừng các cuộc thảo luận, đột nhiên nhận ra tại sao một tin tức cụ thể lại làm cô lo lắng, và cô đã cầm ống nghe gọi điện thoại đường dài, gọi cho nhà thầu của mình, để nói, "Anh lấy thức ăn cho công nhân của anh ở đâu? ... Tôi đoán vậy. Được rồi, Barton và Jones ở Denver đã

phá sản ngày hôm qua. Anh tốt hơn là tìm nhà cung cấp khác ngay nếu không muốn có nạn đói trên tay."

Cô đã xây dựng tuyến đường từ bàn làm việc của mình ở New York. Nó có vẻ khó khăn. Nhưng bây giờ cô đang nhìn vào đường ray. Nó đang phát triển. Nó sẽ hoàn thành đúng hạn.

Cô nghe thấy những bước chân gấp gáp, và quay lại. Một người đàn ông đang đi lên theo đường ray. Anh ta cao và trẻ, đầu tóc đen không đội mũ trong gió lạnh, mặc áo khoác da công nhân, nhưng anh ta không giống một công nhân, có vẻ tự tin, kiêu hãnh trong cách anh ta đi. Cô không thể nhận ra khuôn mặt cho đến khi anh ta đến gần. Đó là Ellis Wyatt. Cô chưa gặp anh ta kể từ lần phỏng vấn duy nhất trong văn phòng của cô.

Anh ta tiến lại gần, dừng lại, nhìn cô và mỉm cười.

"Chào, Dagny," anh ta nói.

Trong một cú sốc cảm xúc duy nhất, cô biết tất cả những gì mà hai từ ấy muốn nói với cô. Đó là sự tha thứ, sự hiểu biết, sự công nhận. Đó là một lời chào.

Cô cười, như một đứa trẻ, trong hạnh phúc vì mọi thứ lại đúng như vậy.

"Chào," cô nói, chìa tay ra.

Bàn tay của anh ta nắm chặt tay cô lâu hơn một chút so với một lời chào thông thường. Đó là chữ ký của họ dưới một thỏa thuận đã được giải quyết và hiểu rõ.

"Tell Nealy to put up new snow fences for a mile and a half on Granada Pass," he said. "The old ones are rotted. They won't stand through another storm. Send him a rotary plow. What he's got is a piece of junk that wouldn't sweep a back yard. The big snows are coming any day now."

Cô nhìn anh ta trong giây lát. "Anh đã làm việc này bao nhiêu lần rồi?" cô hỏi.

"Cái gì?"

"Đến xem công việc."

"Thỉnh thoảng. Khi tôi có thời gian. Sao thế?"

"Anh có mặt hôm tối đó khi họ có vụ sạt lở đá không?"

"Đúng vậy."

"Tôi đã ngạc nhiên khi thấy họ dọn đường nhanh chóng và tốt đến vậy, khi tôi nhận báo cáo về chuyện đó. Nó làm tôi nghĩ rằng Nealy là một người tốt hơn tôi đã nghĩ."

"Anh ta không phải vậy."

"Là anh đã tổ chức hệ thống chuyển đồ tiếp tế mỗi ngày xuống công trường phải không?"

"Chắc chắn rồi. Các công nhân của anh ta trước đây mất một nửa thời gian chỉ để tìm đồ."

"Nhắc anh ấy chú ý đến các bể nước. Một đêm nào đó chúng sẽ bị đóng băng. Cố gắng giúp anh ấy có một chiếc máy đào mới. Tôi không thích chiếc máy anh ấy đang dùng. Kiểm tra hệ thống dây điện của anh ấy."

Cô nhìn anh ta một lúc. "Cảm ơn, Ellis," cô nói.

Anh ta mỉm cười và tiếp tục đi. Cô nhìn theo anh ta khi anh ta đi qua cầu, rồi bắt đầu đi lên dốc dài hướng về các giàn khoan của mình.

"Anh ta nghĩ anh ấy sở hữu nơi này, đúng không?"

Cô quay lại, giật mình. Ben Nealy đã tiếp cận cô; ngón tay cái của anh ta chỉ về phía

Ellis Wyatt.

"Nơi nào?"

"Đường sắt, cô Taggart. Đường sắt của cô. Hoặc có thể là cả thế giới. Đó là những gì anh ta nghĩ."

Ben Nealy là một người đàn ông cứng cáp với khuôn mặt mềm mại, ủ rũ. Đôi mắt của anh ta cứng đầu và trống rỗng. Dưới ánh sáng xanh của tuyết, làn da anh ta có màu vàng nhạt như bơ.

"Tại sao anh ta cứ quanh quẩn ở đây?" anh ta nói. "Như thể không ai biết công việc của mình ngoài anh ta. Kể khoe khoang kiêu ngạo. Anh ta nghĩ mình là ai?"

"Chết tiệt anh," Dagny nói bình thản, không nâng giọng.

Nealy sẽ không bao giờ biết được điều gì đã khiến cô nói vậy. Nhưng một phần nào đó trong anh ta, theo cách riêng của mình, hiểu được: điều làm cô sốc là anh ta không hề sốc. Anh ta không nói gì.

"Chúng ta đi đến khu nghỉ của anh," cô nói mệt mỏi, chỉ tay về phía một toa tàu cũ nằm trên một nhánh đường xa xa. "Có người ở đó ghi chép."

"Về những thanh dầm, cô Taggart," anh ta nói vội vàng khi họ bắt đầu đi. "Ông Coleman trong văn phòng của cô đã đồng ý với chúng. Ông ấy không nói gì về vỏ quá dày. Tôi không thấy tại sao cô lại nghĩ chúng—"

"Tôi nói là anh sẽ thay thế chúng."

Khi cô ra khỏi toa tàu, mệt mỏi vì hai giờ đồng hồ cố gắng kiên nhẫn, hướng dẫn và giải thích—cô nhìn thấy một chiếc ô tô đậu dưới con đường đất bị xé nát, một chiếc xe hai chỗ ngồi màu đen, sáng bóng và mới. Một chiếc xe mới là một cảnh tượng gây ngạc nhiên ở bất cứ đâu; không thường xuyên nhìn thấy chúng.

Cô nhìn quanh và bất ngờ thở hổn hển khi nhìn thấy dáng người cao đứng dưới chân cầu. Đó là Hank Rearden; cô không ngờ lại gặp anh ta ở Colorado. Anh ta dường như đang mải tính toán, bút và sổ tay trong tay. Quần áo của anh ta thu hút sự chú ý, giống như chiếc xe của anh ta, vì cùng một lý do; anh ta mặc một chiếc áo khoác dài đơn giản và một chiếc mũ với vành nghiêng, nhưng chúng có chất lượng rất tốt, đắt tiền đến mức trông thật phô trương giữa những bộ đồ tồi tàn của đám đông xung quanh, càng phô trương vì anh ta mặc chúng một cách tự nhiên.

Cô chợt nhận ra rằng mình đang chạy về phía anh ta; cô không còn chút mệt mỏi nào. Rồi cô nhớ ra là đã không gặp anh ta kể từ bữa tiệc. Cô dừng lại.

Anh ta nhìn thấy cô, vẫy tay chào cô với cử chỉ vui mừng, ngạc nhiên và bước tới gặp cô. Anh ta đang mỉm cười.

"Chào cô," anh ta nói. "Đây là chuyến thăm đầu tiên của cô đến công trường?"

"Chuyến thứ năm, trong ba tháng."

"Tôi không biết cô ở đây. Không ai nói với tôi."

"Tôi nghĩ anh sẽ sụp đổ một ngày nào đó."

"Sụp đổ?"

"Đủ để đến xem cái này. Đây là Kim Loại của anh. Anh thích nó thế nào?"

Anh ta nhìn xung quanh. "Nếu cô quyết định từ bỏ ngành đường sắt, cho tôi biết."

"Anh sẽ cho tôi một công việc?"

"Bất cứ lúc nào."

Cô nhìn anh ta một lúc. "Anh chỉ đùa một nửa thôi, Hank. Tôi nghĩ anh sẽ thích nó—khi tôi xin anh một công việc. Khi tôi là nhân viên của anh thay vì là khách hàng."

Khi anh ra lệnh cho tôi phải làm gì."

"Đúng vậy. Tôi sẽ thích."

Cô nói, với vẻ mặt cứng rắn, "Đừng bỏ ngành thép, tôi không hứa sẽ cho anh một công việc ở đường sắt."

Anh ta cười. "Đừng thử nó."

"Thử gì?"

"Thử thắng một trận đấu khi tôi đặt ra các điều kiện."

Cô không trả lời. Cô bị cuốn hút bởi cảm giác mà những lời đó mang lại; đó không phải là một cảm xúc, mà là một cảm giác thể xác về niềm vui, mà cô không thể đặt tên hay hiểu được.

"Nhân tiện," anh ta nói, "đây không phải là chuyến thăm đầu tiên của tôi. Tôi đã ở đây hôm qua."

"Anh đã ở đây? Tại sao?"

"À, tôi đến Colorado để làm một số công việc riêng của mình, nên tôi nghĩ mình sẽ ghé qua đây xem."

"Anh đang tìm gì?"

"Tại sao cô lại nghĩ tôi đang tìm gì?"

"Anh không lãng phí thời gian đến đây chỉ để xem. Không phải hai lần."

Anh ta cười. "Đúng vậy." Anh ta chỉ tay về phía cây cầu. "Tôi đang tìm cái đó."

"Thế còn cái cầu thì sao?"

"Nó sắp đến lúc phải đưa vào đồng phế liệu rồi."

"Anh nghĩ tôi không biết sao?"

"Tôi đã xem thông số kỹ thuật trong đơn đặt hàng các chi tiết bằng Rearden Metal cho chiếc cầu đó. Anh đang lãng phí tiền bạc. Khoản chênh lệch giữa số tiền anh dự định chi cho một giải pháp tạm thời sẽ chỉ tồn tại vài năm và chi phí của một cây cầu bằng Rearden Metal mới, là quá ít so với nhau. Tôi không hiểu sao anh lại muốn tốn công bảo vệ một mảnh bảo tàng như thế này."

"Tôi đã nghĩ đến một chiếc cầu mới làm bằng Rearden Metal, tôi đã cho các kỹ sư của tôi ước tính chi phí."

"Họ nói gì với anh?"

"Hai triệu đô la."

"Trời đất!"

"Anh sẽ nói gì?"

"Tám trăm nghìn đô la."

Cô nhìn anh, cô biết anh không bao giờ nói chuyện vô ích. Cô hỏi, cố gắng giữ bình tĩnh, "Bằng cách nào?"

"Như thế này."

Anh mở sổ tay của mình cho cô xem. Cô thấy những ghi chú rời rạc mà anh đã viết, rất nhiều con số, một vài phác thảo sơ bộ. Cô hiểu ý tưởng của anh trước khi anh giải thích xong. Cô không nhận ra là họ đã ngồi xuống, đang ngồi trên một đồng gỗ đóng băng, chân cô áp vào những thanh gỗ thô ráp và cô có thể cảm nhận được cái lạnh xuyên qua lớp tất mỏng. Họ cúi xuống cùng nhau trên một vài mẫu giấy có thể giúp hàng nghìn tấn hàng hóa vượt qua một khoảng trống không gian. Giọng anh

nghe sắc bén và rõ ràng, khi anh giải thích về lực đẩy, lực kéo, tải trọng, và sức ép của gió. Cây cầu sẽ là một nhịp cầu thép dài 1.200 feet. Anh đã phát minh ra một loại kết cấu mới. Nó chưa từng được làm trước đây và không thể làm được nếu không có các chi tiết có độ bền và nhẹ của Rearden Metal.

"Hank," cô hỏi, "Anh phát minh ra cái này trong hai ngày à?"

"Trời ơi, không. Tôi đã 'phát minh' ra nó từ lâu trước khi tôi có Rearden Metal. Tôi đã nghĩ ra nó khi làm thép cho các cây cầu. Tôi muốn có một loại kim loại mà người ta có thể dùng để làm điều này, và còn nhiều thứ khác nữa. Tôi đến đây chỉ để tự mình xem vấn đề cụ thể của anh."

Anh cười khi thấy tay cô di chuyển chậm rãi qua mắt và nụ cười đắng chát trên miệng cô, như thể cô đang cố gắng xóa đi những thứ mà cô đã phải đấu tranh chống lại trong một cuộc chiến mệt mỏi và đầy thất vọng.

"Đây chỉ là một kế hoạch sơ bộ," anh nói, "nhưng tôi tin là cô thấy được những gì có thể làm được rồi chứ?"

"Tôi không thể nói cho anh hết những gì tôi thấy, Hank."

"Không sao. Tôi biết mà."

"Anh đang cứu Taggart Transcontinental lần thứ hai."

"Trước đây cô là một nhà tâm lý học giỏi hơn thế."

"Có ý gì vậy?"

"Sao tôi phải bận tâm đến việc cứu Taggart Transcontinental? Anh không biết rằng tôi muốn có một cây cầu làm bằng Rearden Metal để cho cả nước thấy sao?"

"Đúng vậy, Hank. Tôi biết."

"Có quá nhiều người đang kêu ca rằng đường ray bằng Rearden Metal là không an

toàn. Nên tôi nghĩ mình sẽ cho họ một cái gì đó thực sự để họ có thể la ó. Để họ thấy một cây cầu bằng Rearden Metal."

Cô nhìn anh và bật cười thật sự, một tiếng cười hồn nhiên.

"Vậy là sao?" anh hỏi.

"Hank, tôi không biết ai, không ai trên thế giới này, sẽ nghĩ ra một câu trả lời như vậy cho mọi người, trong những hoàn cảnh như thế này – ngoại trừ anh."

"Vậy còn cô? Cô có muốn đưa ra câu trả lời cùng tôi và đối mặt với những tiếng la ó không?"

"Cô biết là tôi sẽ."

"Đúng vậy. Tôi biết."

Anh liếc nhìn cô, đôi mắt anh nheo lại; anh không cười như cô đã cười, nhưng cái liếc nhìn đó cũng giống như một tiếng cười.

Cô đột nhiên nhớ lại cuộc gặp gỡ cuối cùng của họ, tại buổi tiệc. Kỷ niệm đó có vẻ không thể tin nổi. Sự thoải mái giữa họ – cảm giác kỳ lạ, nhẹ nhàng, bao gồm cả sự hiểu biết rằng đó là cảm giác thoải mái duy nhất mà cả hai người họ tìm thấy ở đâu đó – khiến cho suy nghĩ về sự thù địch trở nên không thể xảy ra. Tuy nhiên cô biết rằng buổi tiệc đã diễn ra; anh thì cư xử như thể nó chưa từng xảy ra.

Họ đi đến mép vực. Cùng nhau, họ nhìn xuống vực sâu, nhìn lên dãy đá phía bên kia, nhìn mặt trời đang chiếu sáng trên các giàn khoan của Wyatt Oil. Cô đứng, hai chân rộng trên những viên đá đóng băng, vững vàng chống lại gió. Cô có thể cảm nhận, mà không cần phải chạm vào, đường cong ngực anh ở phía sau vai cô. Con gió thổi làm chiếc áo khoác của cô đập vào chân anh.

"Hank, anh nghĩ chúng ta có thể xây xong kịp không? Chỉ còn sáu tháng nữa thôi."

"Chắc chắn rồi. Nó sẽ mất ít thời gian và công sức hơn bất kỳ loại cầu nào khác. Để tôi cho các kỹ sư của tôi làm ra kế hoạch cơ bản và gửi cho cô. Cô không phải có nghĩa vụ gì đâu. Chỉ cần nhìn qua nó và xem liệu cô có thể chi trả được không. Cô sẽ làm được. Sau đó, cô có thể để các cậu sinh viên của cô làm các chi tiết."

"Vậy còn Rearden Metal thì sao?"

"Tôi sẽ làm cho Rearden Metal được cán, nếu tôi phải hủy tất cả các đơn hàng khác trong nhà máy."

"Anh sẽ có nó cán kịp thời sao?"

"Tôi chưa bao giờ để anh phải chờ đợi một đơn hàng, phải không?"

"Không. Nhưng với tình hình hiện nay, anh có thể không giúp được."

"Anh nghĩ anh đang nói chuyện với ai thế—Orren Boyle à?"

Cô cười. "Được rồi. Cho tôi bản vẽ càng sớm càng tốt. Tôi sẽ xem qua và cho anh biết trong vòng bốn mươi tám giờ. Còn về các cậu sinh viên đại học của tôi, họ—" Cô dừng lại, cau mày. "Hank, sao lại khó khăn như vậy để tìm được người giỏi cho công việc ngày nay?"

"Tôi không biết..."

Anh nhìn về phía các dãy núi cắt ngang bầu trời. Một làn khói mỏng đang bốc lên từ một thung lũng xa.

"Anh có thấy các thị trấn mới ở Colorado và các nhà máy không?" anh hỏi.

"Rồi."

"Thật tuyệt vời, phải không?—khi nhìn thấy loại người mà họ đã tập hợp ở đây từ khắp mọi nơi trong nước. Tất cả đều trẻ, tất cả đều bắt đầu từ con số không và đang

chuyển núi lấp biển."

"Anh đã quyết định chuyển núi nào?"

"Sao vậy?"

"Anh đang làm gì ở Colorado?"

Anh mỉm cười. "Nhìn một mỏ khoáng sản."

"Loại mỏ gì?"

"Đồng."

"Trời đất, anh không có đủ việc phải làm sao?"

"Tôi biết đây là một công việc phức tạp. Nhưng nguồn cung đồng đang trở nên hoàn toàn không đáng tin cậy. Dường như không còn một công ty hàng đầu nào trong ngành này ở nước ta—và tôi không muốn làm việc với d'Anconia Copper. Tôi không tin vào gã playboy đó."

"Tôi không trách anh," cô nói, quay đi.

"Vậy nếu không có ai có năng lực để làm việc này, tôi sẽ phải tự khai thác đồng của mình, giống như tôi khai thác quặng sắt của mình. Tôi không thể mạo hiểm với tất cả những thất bại và sự thiếu hụt đó. Tôi cần rất nhiều đồng cho Rearden Metal."

"Anh đã mua mỏ chưa?"

"Chưa. Còn một vài vấn đề cần giải quyết. Lấy người, thiết bị, giao thông vận tải."

"Ồ...!" Cô cười khúc khích. "Định nói với tôi về việc xây dựng một tuyến nhánh à?"

"Có thể. Ở bang này không có giới hạn cho những gì có thể làm. Cô có biết là họ có mọi loại tài nguyên thiên nhiên ở đây, đang chờ đợi, chưa được khai thác không? Và cách mà các nhà máy của họ đang phát triển! Tôi cảm thấy như trẻ lại mười tuổi mỗi

khi tôi đến đây."

"Tôi thì không." Cô nhìn về phía đông, qua những dãy núi. "Tôi nghĩ về sự tương phản, ở khắp các hệ thống khác của Taggart. Ít hàng hóa hơn, ít sản lượng sản xuất mỗi năm. Nó giống như... Hank, chuyện gì đang xảy ra với đất nước này?"

"Tôi không biết."

"Tôi cứ nghĩ đến những gì họ nói với chúng tôi ở trường về việc mặt trời mất năng lượng, ngày càng lạnh đi mỗi năm. Tôi nhớ đã tự hỏi, khi đó, rằng nó sẽ thế nào vào những ngày cuối cùng của thế giới. Tôi nghĩ nó sẽ... như thế này. Ngày càng lạnh và mọi thứ dừng lại."

"Tôi chưa bao giờ tin câu chuyện đó. Tôi nghĩ rằng đến lúc mặt trời cạn kiệt, loài người sẽ tìm ra một nguồn thay thế."

"Cô tin vậy à? Lạ thật, tôi cũng nghĩ như vậy."

Anh chỉ tay về phía cột khói. "Đây là bình minh mới của cô. Nó sẽ nuôi phần còn lại."

"Trừ khi nó bị dừng lại."

"Cô nghĩ nó có thể bị dừng lại không?"

Cô nhìn xuống đường ray dưới chân mình. "Không," cô nói.

Anh mỉm cười. Anh nhìn xuống đường ray, rồi để mắt mình di chuyển dọc theo đường ray, lên các sườn núi, về phía cầu xa xôi. Cô thấy hai điều, như thế, trong một khoảnh khắc, cả hai điều đó đứng riêng biệt trong tầm nhìn của cô: các đường nét của khuôn mặt anh và sợi dây xanh-xanh cuộn qua không gian.

"Chúng ta đã làm được, phải không?" anh nói.

Để trả công cho mỗi nỗ lực, cho mỗi đêm không ngủ, cho mỗi cú đẩy lạng lẽ chống lại tuyệt vọng, khoảnh khắc này là tất cả những gì cô muốn. "Có. Chúng ta đã làm

được."

Cô quay đi, nhận ra một cần cầu cũ nằm trên một đường ray phụ và nghĩ rằng dây cáp của nó đã mòn và cần phải thay thế: Đây là sự sáng suốt lớn lao của việc vượt qua cảm xúc, sau phần thưởng của việc cảm nhận tất cả những gì có thể cảm nhận. Thành tựu của họ, cô nghĩ, và một khoảnh khắc thừa nhận nó, sở hữu nó cùng nhau—có thể có sự thân mật nào lớn hơn? Giờ cô đã tự do cho những lo lắng đơn giản nhất, tầm thường nhất của khoảnh khắc, vì không có gì có thể là vô nghĩa trong tầm mắt của cô.

Cô tự hỏi điều gì đã khiến cô chắc chắn rằng anh cảm thấy giống như cô. Anh đột ngột quay lại và đi về phía xe của mình. Cô theo sau. Họ không nhìn nhau.

"Tôi phải đi về phía Đông trong một giờ nữa," anh nói.

Cô chỉ vào chiếc xe. "Anh lấy cái đó ở đâu?"

"Ở đây. Đây là một chiếc Hammond. Hammond của Colorado—họ là những người duy nhất còn sản xuất xe tốt. Tôi vừa mua nó trong chuyến đi này."

"Thật là một công việc tuyệt vời."

"Vâng, phải không?"

"Anh sẽ lái nó về New York à?"

"Không. Tôi sẽ gửi nó về. Tôi đã lái máy bay của mình xuống đây."

"Ồ, anh có lái máy bay đến đây à? Tôi lái xe từ Cheyenne xuống—tôi phải xem qua tuyến đường—nhưng tôi rất muốn về nhà nhanh nhất có thể. Anh có thể cho tôi đi cùng không? Tôi có thể bay về cùng anh không?"

Anh không trả lời ngay lập tức. Cô nhận thấy một khoảnh khắc im lặng kỳ lạ. "Xin lỗi," anh nói; cô tự hỏi liệu cô có tưởng tượng ra âm điệu đột ngột trong giọng nói

của anh không. "Tôi không bay về New York. Tôi sẽ bay đến Minnesota."

"Ồ, vậy thì tôi sẽ cố gắng tìm một chuyến bay thương mại, nếu tôi tìm được một chuyến nào trong hôm nay."

Cô nhìn chiếc xe của anh khuất dần xuống con đường quanh co. Một giờ sau, cô lái xe đến sân bay. Đó là một cánh đồng nhỏ ở dưới chân một đút gãy trong dãy núi hoang vắng. Có những mảng tuyết trên mặt đất cứng và đầy vết lõm. Cột của một đèn hiệu đứng ở một bên, dây điện kéo xuống đất; những cột khác đã bị bão quật ngã.

Một nhân viên lẻ loi đến gặp cô. "Không, cô Taggart," anh ta nói tiếc nuối, "không có chuyến bay nào cho đến ngày kia. Mỗi chuyến bay xuyên lục địa chỉ có một chuyến mỗi hai ngày, và chuyến bay đáng lẽ đến hôm nay đã bị hoãn, ở Arizona. Vấn đề động cơ, như thường lệ." Anh ta nói thêm, "Thật tiếc là cô không đến sớm hơn. Ông Rearden vừa cất cánh đi New York, trên chiếc máy bay riêng của ông ấy, mới chỉ một lúc trước."

"Ông ấy không bay đến New York, phải không?"

"Vâng, đúng vậy. Ông ấy nói là có cuộc hẹn ở đó tối nay."

"Cô chắc không?"

"Ông ấy nói là có cuộc hẹn ở đó."

Cô nhìn về phía bầu trời phía đông, lặng lẽ, không động đậy. Cô không có lý do gì để giải thích, không có gì để cô nắm bắt, không gì để cô cân nhắc, đấu tranh hay hiểu được.

"Chết tiệt những con đường này!" James Taggart nói. "Chúng ta sẽ đến muộn."

Dagny nhìn ra phía trước, qua lưng ghế của tài xế. Qua vòng tròn mà cần gạt nước tạo ra trên kính chắn gió đầy vệt tuyết, cô thấy những chiếc mũ xe đen, mòn và

sáng bóng xếp thành một hàng bất động. Xa xa, một đốm đèn đỏ, thấp dưới mặt đất, đánh dấu một khu vực đào đường.

"Có chuyện gì sai trên mỗi con đường," Taggart nói cáu kỉnh. "Sao không ai sửa chúng đi?"

Cô ngả người ra ghế, kéo cao cổ áo choàng.

Cô cảm thấy kiệt sức sau một ngày mà cô đã bắt đầu ở bàn làm việc, trong văn phòng, lúc bảy giờ sáng; một ngày cô đã phải bỏ dở, chưa hoàn thành, để vội vã về nhà và thay đồ, vì cô đã hứa với Jim sẽ phát biểu tại bữa tối của Hội đồng Doanh nghiệp New York. "Họ muốn chúng ta nói về Rearden Metal," anh ta đã nói. "Em có thể làm tốt hơn anh. Việc này rất quan trọng để chúng ta thuyết phục mọi người. Có rất nhiều tranh cãi về Rearden Metal."

Ngồi bên cạnh anh ta trong xe, cô hối hận vì đã đồng ý. Cô nhìn những con đường của New York và nghĩ đến cuộc chạy đua giữa kim loại và thời gian, giữa những đường ray của Rio Norte Line và những ngày tháng trôi qua. Cô cảm thấy như thân kinh của mình đang bị kéo căng bởi sự tĩnh lặng của chiếc xe, bởi cảm giác tội lỗi vì lãng phí một buổi tối khi cô không thể để lãng phí một giờ nào.

"Với tất cả những cuộc tấn công vào Rearden mà người ta nghe thấy khắp nơi," Taggart nói, "có lẽ anh ấy cần một vài người bạn."

Cô liếc nhìn anh ta với ánh mắt không thể tin nổi. "Ý anh là anh muốn đứng về phía ông ấy à?"

Anh không trả lời ngay lập tức; anh hỏi, giọng đầy sự chán nản, "Cái báo cáo của ủy ban đặc biệt của Hội đồng Công nghiệp Kim loại Quốc gia—cô nghĩ sao về nó?"

"Cô biết tôi nghĩ gì về nó."

"Họ nói Rearden Metal là một mối đe dọa đến an toàn công cộng. Họ nói thành

phần hóa học của nó không ổn, nó giòn, phân hủy phân tử, và sẽ nứt đột ngột, không báo trước..." Anh ta dừng lại, như thể đang cầu xin một câu trả lời. Cô không trả lời. Anh ta hỏi lo lắng, "Cô không thay đổi ý định về nó chứ?"

"Về cái gì?"

"Về kim loại đó."

"Không, Jim, tôi không thay đổi ý định."

"Họ là những chuyên gia, dù sao... những người trong ủy ban đó... Các chuyên gia hàng đầu... Các trưởng phòng luyện kim cho các công ty lớn nhất, với một loạt bằng cấp từ các trường đại học khắp nơi trong nước..." Anh ta nói với vẻ buồn bã, như thể đang cầu xin cô khiến anh ta nghi ngờ những người này và phán quyết của họ.

Cô nhìn anh ta, bối rối; điều này không giống với anh ta chút nào.

Chiếc xe giật mạnh về phía trước. Nó di chuyển chậm qua một khe hở trong hàng rào ván, qua lỗ của một đường ống nước bị vỡ. Cô thấy những ống nước mới được xếp chồng bên cạnh khu vực đào. Những ống nước mang nhãn hiệu: Stockton Foundry, Colorado. Cô quay đi; cô ước gì mình không phải nhớ đến Colorado.

"Em không thể hiểu được..." Taggart nói một cách khổ sở. "Các chuyên gia hàng đầu của Hội đồng Công nghiệp Kim loại Quốc gia..."

"Ông là chủ tịch của Hội đồng Công nghiệp Kim loại Quốc gia, Jim? Là Orren Boyle, đúng không?"

Taggart không quay lại nhìn cô, nhưng hàm anh ta lập tức mở rộng. "Nếu thằng béo đó nghĩ rằng nó có thể—" anh ta bắt đầu, nhưng rồi dừng lại và không nói tiếp.

Cô ngược lên nhìn một chiếc đèn đường ở góc phố. Đó là một quả cầu thủy tinh chứa đầy ánh sáng. Nó treo, an toàn khỏi bão, chiếu sáng những ô cửa sổ đóng kín và những vỉa hè nứt nẻ, như người bảo vệ duy nhất của chúng. Cuối con phố, bên kia

sông, trên nền sáng của một nhà máy, cô thấy bóng mờ của một trạm điện. Một chiếc xe tải đi qua, che khuất tầm nhìn của cô. Đó là loại xe tải cung cấp cho trạm điện—một chiếc xe bồn, lớp sơn mới sáng bóng, không bị ảnh hưởng bởi mưa tuyết, màu xanh với chữ trắng: Wyatt Oil, Colorado.

"Dagny, em đã nghe về cuộc thảo luận ở buổi họp của công đoàn công nhân thép cấu trúc ở Detroit chưa?"

"Chưa. Cuộc thảo luận gì?"

"Đã có trong tất cả các báo. Họ tranh luận xem liệu các thành viên của họ có nên được phép làm việc với Rearden Metal hay không. Họ chưa đưa ra quyết định, nhưng đã đủ để nhà thầu dự định mạo hiểm với Rearden Metal phải hủy bỏ đơn hàng của mình, nhanh chóng! . . . Còn nếu . . . nếu mọi người quyết định phản đối nó thì sao?"

"Để họ làm vậy."

Một điểm sáng đang bay lên thẳng đứng về phía đỉnh của một tháp vô hình. Đó là thang máy của một khách sạn lớn. Chiếc xe đi qua ngõ của tòa nhà. Những người đàn ông đang di chuyển một thiết bị lớn được đóng gói từ một chiếc xe tải vào tầng hầm. Cô nhìn thấy tên trên thùng hàng: Nielsen Motors, Colorado.

"Tôi không thích quyết định của hội nghị các giáo viên tiểu học ở New Mexico," Taggart nói.

"Quyết định gì vậy?"

"Họ quyết định rằng theo ý kiến của họ, trẻ em không nên được phép đi trên tuyến đường sắt mới của Rio Norte Line của Taggart Transcontinental khi nó hoàn thành, vì nó không an toàn... Họ đã nói rõ vậy, tuyến đường mới của Taggart Transcontinental. Nó đã có mặt trên tất cả các báo. Thật là một quảng cáo tồi cho chúng ta... Dagny, em nghĩ chúng ta nên làm gì để trả lời họ?"

"Chạy chuyến tàu đầu tiên trên tuyến Rio Norte Line mới."

Anh ta im lặng một lúc lâu. Anh ta trông có vẻ buồn bã kỳ lạ.

Cô không thể hiểu được: anh ta không vênh váo, anh ta không dùng ý kiến của những người mà anh ta ưa thích để chống lại cô, anh ta dường như đang cầu xin sự trấn an.

Một chiếc xe lao qua họ; cô có một khoảnh khắc nhìn thấy sức mạnh—một chuyển động mượt mà, tự tin và một thân xe sáng bóng. Cô nhận ra hãng xe: Hammond, Colorado.

"Dagny, liệu chúng ta... liệu chúng ta có thể xây dựng tuyến đường đó... đúng hạn không?"

Thật lạ khi nghe thấy một nốt trầm đơn giản trong giọng nói của anh ta, âm thanh không phức tạp của nỗi sợ hãi nguyên thủy.

"Chúa giúp thành phố này, nếu chúng ta không làm được!" cô đáp.

Chiếc xe quẹo vào một góc. Trên những mái nhà đen của thành phố, cô nhìn thấy trang lịch, bị chiếu sáng bởi một ánh đèn pha trắng. Nó ghi: Ngày 29 tháng 1.

"Dan Conway là một tên khốn!"

Những lời này bật ra đột ngột, như thể anh ta không thể chịu đựng thêm nữa.

Cô nhìn anh ta, bối rối. "Tại sao vậy?"

"Anh ta từ chối bán cho chúng ta đoạn đường sắt Colorado của Phoenix-Durango."

"Anh không—" Cô phải dừng lại. Cô bắt đầu lại, giữ giọng điệu phẳng lặng để không hét lên. "Anh không tiếp cận anh ta về chuyện đó à?"

"Chắc chắn là tôi đã làm!"

"Anh không mong đợi... anh ta sẽ bán nó... cho anh à?"

"Tại sao không?" Anh ta quay lại, giọng nói đầy sự thù địch trở lại, "Tôi đã đề nghị anh ta giá cao hơn bất kỳ ai khác. Chúng ta sẽ không phải tốn tiền tháo dỡ và vận chuyển nó đi, chúng ta có thể sử dụng nó như cũ. Và đó sẽ là quảng cáo tuyệt vời cho chúng ta—rằng chúng ta từ bỏ tuyến đường sắt Rearden Metal để tôn trọng ý kiến công chúng. Nó sẽ xứng đáng với từng đồng tiền bỏ ra về mặt thiện chí! Nhưng thẳng khốn đó từ chối. Nó thực sự tuyên bố rằng không bán một mét đường ray nào cho Taggart Transcontinental. Nó bán từng mảnh cho những đường sắt nhỏ lẻ ở Arkansas hoặc North Dakota, bán với giá lỗ, thấp hơn những gì tôi đã đề nghị, thẳng khốn! Thậm chí không muốn kiếm lợi nhuận! Và các kẻ săn mồi kia tụ tập lại quanh nó! Chúng biết rằng chúng sẽ không có cơ hội nào để mua được đường ray ở đâu nữa!"

Cô ngồi im, đầu cúi xuống. Cô không thể nhìn anh ta.

"Tôi nghĩ điều đó trái với mục đích của Quy tắc Anti-dog-cat-dog," anh ta nói giận dữ. "Tôi nghĩ mục đích và ý định của Liên minh Quốc gia Các Đường Sắt là bảo vệ các hệ thống thiết yếu, chứ không phải những cái đồng đồ nát ở North Dakota. Nhưng tôi không thể khiến Liên minh bỏ phiếu về chuyện này bây giờ, vì tất cả bọn họ đang ở đó, đấu thầu nhau để mua những đường ray đó!"

Cô từ tốn nói, như thể cô mong muốn có thể đeo găng tay để xử lý những từ ngữ này, "Tôi hiểu tại sao anh muốn tôi bảo vệ Rearden Metal."

"Tôi không biết em đang nói gì..."

"Im đi, Jim," cô nói nhẹ nhàng.

Anh ta im lặng một lúc. Sau đó, anh ta rút đầu lại và nói với giọng thách thức, "Em tốt nhất là làm tốt công việc bảo vệ Rearden Metal, vì Bertram Scudder có thể trở nên khá chậm chọc."

"Bertram Scudder?"

"Anh ta sẽ là một trong những diễn giả tối nay."

"Một trong số những người... Anh không nói với tôi rằng sẽ có những diễn giả khác."

"À... tôi... Điều đó có gì quan trọng? Anh không sợ anh ta chứ?"

"Hội đồng Kinh doanh New York... và anh lại mời Bertram Scudder?"

"Tại sao không? Anh không nghĩ đó là một quyết định thông minh sao? Anh ta không có ác cảm gì với các doanh nhân, không thực sự đâu. Anh ta đã chấp nhận lời mời rồi. Chúng ta muốn cởi mở và nghe tất cả các quan điểm, và có thể thuyết phục anh ta... Vậy, sao anh cứ nhìn tôi mãi vậy? Anh sẽ có thể đánh bại anh ta chứ?"

"... đánh bại anh ta?"

"Trên sóng radio. Sẽ có một buổi phát thanh. Anh sẽ tranh luận với anh ta về câu hỏi: 'Rearden Metal có phải là sản phẩm chết người của lòng tham không?'"

Cô nghiêng người về phía trước. Cô kéo mở tấm kính ngăn của ghế trước và ra lệnh, "Dừng xe lại!"

Cô không nghe thấy những gì Taggart đang nói. Cô mơ hồ nhận ra rằng giọng anh ta đã lên đến mức hét lên: "Họ đang chờ đấy! ... Năm trăm người tại buổi tiệc tối, và một buổi kết nối quốc gia! ... Anh không thể làm thế với tôi!"

Anh ta túm lấy cánh tay cô, hét lên, "Nhưng tại sao?"

"Thằng ngốc kia, anh nghĩ tôi coi câu hỏi của họ là có thể tranh luận sao?"

Xe dừng lại, cô nhảy xuống và chạy đi.

Điều đầu tiên cô nhận thấy sau một lúc là đôi dép của mình. Cô đang đi chậm rãi, bình thường, và thật lạ khi cảm nhận thấy đá lạnh dưới những đế mỏng của đôi

sandal satin đen. Cô kéo tóc về phía sau, khỏi trán, và cảm thấy những giọt tuyết tan trên lòng bàn tay.

Cô im lặng bây giờ; cơn giận dữ chói lọi đã biến mất; cô chỉ cảm thấy một nỗi mệt mỏi xám xịt. Cô cảm thấy đau đầu một chút, nhận ra mình đói và nhớ rằng cô đã định ăn tối tại Hội đồng Kinh doanh. Cô đi tiếp. Cô không muốn ăn. Cô nghĩ mình sẽ tìm một quán cà phê nào đó, rồi bắt một chiếc taxi về nhà.

Cô liếc nhìn xung quanh. Không có chiếc taxi nào trong tầm mắt. Cô không quen với khu vực này. Có vẻ như đây không phải là một khu vực tốt. Cô nhìn thấy một khoảng không trống trải bên kia đường, một công viên bỏ hoang bao quanh bởi một đường viền nhấp nhô bắt đầu từ những tòa nhà chọc trời xa xôi và kéo xuống những ống khói của nhà máy; cô thấy một vài ánh đèn trong các cửa sổ của những ngôi nhà đổ nát, một vài cửa hàng nhỏ bản thủ đã đóng cửa vào ban đêm, và làn sương mù từ sông East River cách đó hai dãy nhà.

Cô bắt đầu quay lại về trung tâm thành phố. Hình bóng đen của một đồng hoang tàn nổi lên trước mặt cô. Đó đã từng là một tòa nhà văn phòng, từ lâu lắm rồi; cô thấy bầu trời qua bộ khung thép trơ trọi và những mảnh gạch góc cạnh đã mục nát. Trong bóng tối của tàn tích, giống như một ngọn cỏ đang chiến đấu để sống ở góc của một gã khổng lồ đã chết, có một quán ăn nhỏ đứng đó. Cửa sổ của nó là một dải sáng rực rỡ của kính và ánh sáng. Cô bước vào.

Bên trong có một quầy bar sạch sẽ, với một dải crôm sáng bóng ở các cạnh. Có một chiếc nồi kim loại sáng và mùi cà phê. Một vài người đàn ông lang thang ngồi ở quầy, một người đàn ông già mạnh mẽ đứng đằng sau quầy, ống tay áo của chiếc áo sơ mi trắng sạch sẽ cuộn lên ở khuỷu tay. Không khí ấm áp làm cô nhận ra, trong lòng biết ơn đơn giản, rằng cô đã cảm thấy lạnh. Cô kéo chiếc áo choàng nhung đen của mình chặt lại và ngồi xuống quầy.

"Cho tôi một cốc cà phê, làm ơn," cô nói.

Những người đàn ông nhìn cô mà không có sự tò mò. Họ không có vẻ ngạc nhiên khi thấy một người phụ nữ trong bộ đồ dạ hội bước vào quán ăn trong khu ổ chuột; không có gì khiến ai ngạc nhiên vào những ngày này. Chủ quán quay sang không cảm xúc để chuẩn bị đồ uống cho cô; trong sự thờ ơ của anh ta, có một loại lòng thương xót không hỏi han gì.

Cô không thể nói liệu bốn người ở quầy là kẻ ăn xin hay người lao động; chẳng có gì trong bộ đồ hay cách cư xử của họ để phân biệt, vào những ngày này. Chủ quán đặt một tách cà phê trước mặt cô. Cô nắm chặt cả hai tay quanh tách, cảm thấy tận hưởng trong sự ấm áp của nó.

Cô liếc nhìn xung quanh và nghĩ, theo thói quen nghề nghiệp, rằng thật tuyệt vời khi có thể mua được nhiều thứ như vậy chỉ với một đồng.

Mắt cô chuyển từ chiếc bình cà phê thép không gỉ sang chiếc chảo gang, rồi đến những kệ kính, đến chiếc chậu sứ men, đến những lưỡi dao crôm của máy xay. Chủ quán đang làm bánh mì nướng. Cô cảm thấy thích thú khi nhìn những bánh xe mở chuyển động chậm, mang những lát bánh mì đi qua những cuộn dây điện sáng. Sau đó, cô nhìn thấy tên in trên chiếc máy nướng bánh mì: Marsh, Colorado.

Cô cúi đầu xuống cánh tay trên quầy.

"Vô ích thôi, quý cô," người đàn ông già ngồi bên cạnh cô nói.

Cô phải ngẩng đầu lên. Cô phải mỉm cười, vừa với anh ta, vừa với chính mình.

"Không sao sao?" cô hỏi.

"Không. Quên đi. Cô chỉ đang tự lừa dối mình thôi."

"Về chuyện gì?"

"Về việc mọi thứ có giá trị không. Tất cả đều là bụi, quý cô, bụi và máu. Đừng tin vào

những giấc mơ mà họ bơm vào đầu cô, rồi cô sẽ không bị tổn thương."

"Giấc mơ gì?"

"Những câu chuyện họ kể cô khi cô còn trẻ—về tinh thần con người. Không có tinh thần con người đâu. Con người chỉ là một loài động vật thấp kém, không có trí tuệ, không có linh hồn, không có phẩm hạnh hay giá trị đạo đức. Một loài động vật chỉ có hai khả năng: ăn và sinh sản."

Gương mặt gầy guộc của anh ta, với đôi mắt trùng trùng và những nét đặc trưng đã từng tinh tế, vẫn còn giữ lại một chút dấu vết của sự khác biệt. Anh ta trông giống như một xác của một người truyền giáo hoặc một giáo sư về thẩm mỹ, người đã dành nhiều năm chiêm nghiệm trong những bảo tàng tăm tối. Cô tự hỏi điều gì đã hủy hoại anh ta, lỗi lầm nào trên con đường mà có thể khiến một người đàn ông trở nên như thế này.

"Cô sống cả cuộc đời để tìm kiếm vẻ đẹp, sự vĩ đại, một thành tựu cao cả nào đó," anh ta nói. "Và cô tìm thấy gì? Một đồng máy móc tinh vi để làm ra ô tô bọc da hay nệm lò xo."

"Vậy thì có gì sai với nệm lò xo?" một người đàn ông trông giống như tài xế xe tải nói. "Đừng để ý đến anh ta, quý cô. Anh ta thích nghe chính mình nói thôi. Anh ta không có ý gì đâu."

"Tài năng duy nhất của con người là một sự khôn ngoan hèn hạ để thỏa mãn nhu cầu cơ thể," người ăn mày già nói. "Không cần trí tuệ để làm điều đó. Đừng tin vào những câu chuyện về tâm trí của con người, tinh thần của con người, lý tưởng của con người, hay tham vọng vô hạn của con người."

"Tôi không tin," một cậu bé ngồi ở cuối quầy nói. Cậu mặc một chiếc áo khoác bị rách một bên vai; miệng cậu hình vuông và dường như được hình thành từ sự cay đắng của một đời người.

"Tinh thần?" người ăn mày già nói. "Không có tinh thần trong việc sản xuất hay trong sex. Tuy nhiên, đó là những mối quan tâm duy nhất của con người. Vật chất—đó là tất cả những gì con người biết và quan tâm. Chứng minh cho các ngành công nghiệp vĩ đại của chúng ta—thành tựu duy nhất của nền văn minh tự xưng của chúng ta—được xây dựng bởi những người duy vật thô thiển với mục đích, sở thích và cảm giác đạo đức của lợn. Không cần đạo đức để sản xuất một chiếc xe tải 10 tấn trên dây chuyền lắp ráp."

"Đạo đức là gì?" cô hỏi.

"Phán xét để phân biệt đúng sai, tầm nhìn để nhìn thấy sự thật, can đảm để hành động theo nó, sự tận tâm với những gì là tốt, sự liêm chính để đứng vững với cái tốt dù giá nào. Nhưng làm sao để tìm ra nó?"

Cậu bé trẻ tuổi phát ra một âm thanh nửa tiếng cười nửa sự chế giễu: "John Galt là ai?"

Cô uống cà phê, chỉ quan tâm đến cảm giác như thể chất lỏng nóng đang hồi sinh các mạch máu trong cơ thể cô.

"Tôi có thể nói cho cô biết," một người ăn xin nhỏ con, còm cõi đội mũ kéo thấp qua mắt nói. "Tôi biết."

Không ai nghe thấy anh ta hoặc chú ý đến anh ta. Cậu bé trẻ đang nhìn Dagny với một loại cường độ dữ dội, không có mục đích.

"Chắc cô không sợ," cậu ta nói với cô đột ngột, không giải thích, một câu khẳng định với giọng khô cứng, không có sức sống nhưng lại mang một âm điệu ngạc nhiên.

Cô nhìn cậu ta. "Không," cô nói, "Tôi không sợ."

"Tôi biết ai là John Galt," người ăn mày nói. "Đó là một bí mật, nhưng tôi biết."

"Ai?" cô hỏi mà không có vẻ quan tâm.

"Một nhà thám hiểm," người ăn mày nói. "Nhà thám hiểm vĩ đại nhất từng sống. Người đã tìm ra suối nguồn thanh xuân."

"Cho tôi thêm một cốc nữa. Đen," người ăn mày già nói, đẩy cốc cà phê của mình qua quầy.

"John Galt đã dành nhiều năm tìm kiếm nó. Anh ta đã vượt qua đại dương, đã băng qua sa mạc, và đã xuống những mỏ bỏ quên, sâu hàng dặm dưới lòng đất. Nhưng anh ta đã tìm thấy nó trên đỉnh một ngọn núi. Anh ta mất mười năm để leo lên ngọn núi đó. Nó làm gãy mọi xương trong cơ thể anh, làm rách da tay anh, khiến anh mất đi ngôi nhà, tên tuổi, tình yêu.

Nhưng anh ta đã leo lên. Anh ta đã tìm thấy suối nguồn thanh xuân, thứ mà anh ta muốn mang xuống cho loài người. Nhưng anh ta không bao giờ trở lại."

"Tại sao anh ta không trở lại?" cô hỏi.

"Vì anh ta nhận ra rằng nó không thể mang xuống."

Người đàn ông đang ngồi trước bàn làm việc của Rearden có những đặc điểm mơ hồ và cách cư xử không có sự nhấn mạnh nào, đến mức người ta không thể hình dung được khuôn mặt của anh ta hay phát hiện ra động lực thúc đẩy con người anh ta. Dấu hiệu duy nhất để phân biệt anh ta dường như là một chiếc mũi to, hơi lớn so với phần còn lại của khuôn mặt; cách cư xử của anh ta khiêm tốn, nhưng lại truyền tải một gợi ý buồn cười, gợi ý của một mối đe dọa cố ý giữ kín, nhưng lại có ý muốn được nhận ra. Rearden không thể hiểu mục đích của cuộc viếng thăm này. Anh ta là Tiến sĩ Potter, người giữ một vị trí không rõ ràng tại Viện Khoa học Quốc gia.

"Anh muốn gì?" Rearden hỏi lần thứ ba.

"Đó là khía cạnh xã hội mà tôi yêu cầu anh xem xét, thưa ông Rearden," người đàn

ông nói nhẹ nhàng, "Tôi kêu gọi ông chú ý đến thời đại mà chúng ta đang sống. Nền kinh tế của chúng ta không sẵn sàng cho điều đó."

"Sẵn sàng cho cái gì?"

"Nền kinh tế của chúng ta đang trong trạng thái cân bằng cực kỳ nguy hiểm. Tất cả chúng ta phải cùng nhau hợp sức để cứu nó khỏi sụp đổ."

"Vậy anh muốn tôi làm gì?"

"Đây là những điều mà tôi được yêu cầu thông báo cho anh. Tôi đến từ Viện Khoa học Quốc gia, thưa ông Rearden."

"Anh đã nói như vậy trước đây. Nhưng anh muốn gặp tôi về chuyện gì?"

"Viện Khoa học Quốc gia không có ý kiến thuận lợi về Rearden Metal."

"Anh cũng đã nói điều đó."

"Chẳng phải đó là một yếu tố mà ông phải xem xét sao?"

"Không."

Ánh sáng đang mờ dần trong các cửa sổ rộng của văn phòng. Những ngày ngắn dần. Rearden thấy bóng đổ không đều của chiếc mũi trên má người đàn ông, và đôi mắt nhật nhìn anh; cái nhìn ấy mơ hồ, nhưng hướng đi của nó thì đầy mục đích.

"Viện Khoa học Quốc gia đại diện cho những bộ óc tốt nhất của đất nước, thưa ông Rearden."

"Đúng như tôi được nghe nói."

"Chắc chắn ông không muốn đối đầu với phán xét của chính mình với của họ chứ?"

"Tôi có."

Người đàn ông nhìn Rearden như thể đang cầu xin sự giúp đỡ, như thể Rearden đã phá vỡ một quy tắc bất thành văn nào đó, một quy tắc yêu cầu anh phải hiểu ra từ lâu. Rearden không đưa ra sự giúp đỡ nào.

"Đây là tất cả những gì anh muốn biết à?" anh hỏi.

"Chỉ là vấn đề thời gian thôi, thưa ông Rearden," người đàn ông nói một cách xoa dịu. "Chỉ là một sự trì hoãn tạm thời. Chỉ để nền kinh tế của chúng ta có cơ hội ổn định. Nếu ông chỉ chịu đợi vài năm—"

Rearden bật cười, vui vẻ nhưng đầy khinh miệt. "Vậy đó là điều các người muốn à? Muốn tôi rút Rearden Metal khỏi thị trường sao? Vì lý do gì?"

"Chỉ trong vài năm thôi, thưa ông Rearden. Chỉ cho đến khi—"

"Nghe này," Rearden nói. "Bây giờ tôi sẽ hỏi anh một câu: các nhà khoa học của anh có kết luận rằng Rearden Metal không phải là thứ tôi tuyên bố nó là không?"

"Chúng tôi chưa đưa ra cam kết nào về điều đó."

"Họ có kết luận rằng nó không tốt không?"

"Điều quan trọng cần xem xét là tác động xã hội của một sản phẩm. Chúng tôi đang suy nghĩ trên quy mô toàn quốc, chúng tôi quan tâm đến phúc lợi công cộng và cuộc khủng hoảng nghiêm trọng hiện nay, điều mà—"

"Rearden Metal có tốt hay không?"

"Nếu chúng ta nhìn từ góc độ của tình trạng thất nghiệp đang gia tăng đáng báo động, hiện nay—"

"Rearden Metal có tốt hay không?"

"Trong thời điểm thiếu hụt thép nghiêm trọng, chúng ta không thể để một công ty thép mở rộng quá mức, vì nó có thể đẩy các công ty sản xuất quá ít vào tình trạng

phá sản, từ đó tạo ra một nền kinh tế mất cân bằng—"

"Anh có định trả lời câu hỏi của tôi không?"

Người đàn ông nhún vai. "Các câu hỏi về giá trị là tương đối. Nếu Rearden Metal không tốt, nó là một mối nguy hiểm vật lý cho công chúng. Nếu nó tốt—nó là một mối nguy hiểm xã hội."

"Nếu anh có điều gì để nói với tôi về sự nguy hiểm vật lý của Rearden Metal, thì nói đi. Bỏ qua những chuyện khác. Nhanh lên. Tôi không nói thứ ngôn ngữ đó."

"Nhưng chắc chắn các vấn đề về phúc lợi xã hội—"

"Bỏ đi."

Người đàn ông trông bối rối và lạc lõng, như thể mặt đất dưới chân anh ta vừa biến mất. Một lúc sau, anh ta hỏi với vẻ bất lực, "Vậy, mối quan tâm chính của ông là gì?"

"Thị trường."

"Ý ông là sao?"

"Thị trường có nhu cầu với Rearden Metal và tôi dự định tận dụng nó triệt để."

"Chẳng phải thị trường vẫn còn mang tính giả thuyết sao? Phản ứng của công chúng đối với kim loại của ông không mấy khả quan. Ngoại trừ đơn hàng từ Taggart Transcontinental, ông chưa nhận được bất kỳ—"

"Vậy thì, nếu anh nghĩ công chúng sẽ không quan tâm, anh lo lắng cái gì?"

"Nếu công chúng không quan tâm, ông sẽ chịu một khoản lỗ nặng, thưa ông Rearden."

"Đó là chuyện của tôi, không phải của anh."

"Trong khi đó, nếu ông có thái độ hợp tác hơn và đồng ý chờ đợi vài năm—"

"Tại sao tôi phải chờ?"

"Nhưng tôi tin rằng tôi đã nói rõ rằng Viện Khoa học Quốc gia không chấp thuận sự xuất hiện của Rearden Metal trên thị trường luyện kim vào thời điểm này."

"Tại sao tôi phải quan tâm đến điều đó?"

Người đàn ông thở dài. "Ông thật là một người khó đối phó, thưa ông Rearden."

Bầu trời buổi chiều muộn ngày càng trở nên nặng nề, như thể đang dày đặc lại phía bên ngoài những ô kính cửa sổ. Đường nét của người đàn ông dường như tan chảy thành một khối mờ giữa những đường thẳng sắc nét của nội thất trong phòng.

"Tôi đã dành cho anh cuộc hẹn này," Rearden nói, "vì anh nói rằng anh muốn thảo luận một vấn đề cực kỳ quan trọng. Nếu đây là tất cả những gì anh phải nói, thì xin mời anh đi cho. Tôi rất bận."

Người đàn ông dựa người vào ghế. "Tôi tin rằng ông đã dành mười năm nghiên cứu về Rearden Metal," anh ta nói. "Nó đã tiêu tốn của ông bao nhiêu?"

Rearden ngược lên: anh không hiểu ý đồ của câu hỏi, nhưng giọng điệu của người đàn ông rõ ràng mang một mục đích không che giấu; giọng anh ta đã trở nên cứng rắn.

"Một triệu rưỡi đô la," Rearden nói.

"Ông muốn bao nhiêu để bán nó?"

Rearden phải để một khoảnh khắc trôi qua. Anh không thể tin được. "Bán cái gì?" anh hỏi, giọng trầm xuống.

"Tất cả quyền sở hữu đối với Rearden Metal."

"Tôi nghĩ anh nên rời khỏi đây," Rearden nói.

"Không cần phải có thái độ như vậy. Ông là một doanh nhân. Tôi đang đề nghị một thương vụ. Ông có thể tự đặt giá."

"Quyền sở hữu Rearden Metal không phải để bán."

"Tôi có thể đề cập đến những khoản tiền rất lớn. Tiền của chính phủ."

Rearden ngồi yên, các cơ trên má anh căng ra; nhưng ánh mắt anh vẫn đứng đưng, chỉ bị thu hút bởi một sự tò mò u ám thoáng qua.

"Ông là một doanh nhân, thưa ông Rearden. Đây là một đề xuất mà ông không thể bỏ qua. Một mặt, ông đang đánh cược vào một rủi ro rất lớn, ông đang đối đầu với dư luận bất lợi, ông có nguy cơ mất trắng từng xu ông đã đầu tư vào Rearden Metal. Mặt khác, chúng tôi có thể giải thoát ông khỏi rủi ro và trách nhiệm đó, với một khoản lợi nhuận ẩn tượng, một khoản lợi nhuận tức thì, lớn hơn nhiều so với những gì ông có thể kiếm được từ việc bán kim loại này trong vòng hai mươi năm tới."

"Viện Khoa học Quốc gia là một tổ chức khoa học, không phải một doanh nghiệp thương mại," Rearden nói. "Họ sợ điều gì đến mức này?"

"Ông đang dùng những từ ngữ xấu xí và không cần thiết, thưa ông Rearden. Tôi đang cố gắng đề nghị rằng chúng ta nên giữ cuộc thảo luận này ở một mức độ thân thiện. Đây là một vấn đề nghiêm túc."

"Tôi bắt đầu nhận ra điều đó."

"Chúng tôi đang đề nghị ông một tám séc trống từ một tài khoản mà, như ông biết đấy, là vô hạn. Ông còn muốn gì hơn nữa? Hãy ra giá đi."

"Việc bán quyền sở hữu Rearden Metal không phải là chủ đề để thảo luận. Nếu anh còn điều gì muốn nói, hãy nói và rời khỏi đây."

Người đàn ông tựa lưng vào ghế, nhìn Rearden với ánh mắt không tin nổi và hỏi: "Ông đang theo đuổi điều gì?"

"Tôi ư? Ý anh là sao?"

"Ông kinh doanh để kiếm tiền, phải không?"

"Phải."

"Ông muốn kiếm lợi nhuận lớn nhất có thể, đúng không?"

"Đúng vậy."

"Vậy tại sao ông lại muốn vật lộn suốt nhiều năm, chắt chiu từng xu lợi nhuận trên mỗi tấn kim loại—thay vì chấp nhận một gia tài khổng lồ cho Rearden Metal? Tại sao?"

"Vì nó là của tôi. Anh hiểu từ đó chứ?"

Người đàn ông thở dài và đứng dậy. "Tôi hy vọng ông sẽ không phải hối tiếc về quyết định của mình, thưa ông Rearden," anh ta nói; nhưng giọng điệu của anh ta lại ám chỉ điều ngược lại.

"Chào anh," Rearden nói.

"Tôi nghĩ tôi phải nói với ông rằng Viện Khoa học Quốc gia có thể đưa ra một tuyên bố chính thức lên án Rearden Metal."

"Đó là quyền của họ."

"Một tuyên bố như vậy sẽ khiến mọi thứ trở nên khó khăn hơn cho ông."

"Chắc chắn rồi."

"Còn về những hậu quả khác..." Người đàn ông nhún vai. "Đây không phải là thời đại dành cho những người từ chối hợp tác. Trong thời đại này, người ta cần có bạn bè."

Ông không phải là người được ưa chuộng, thưa ông Rearden."

"Anh đang cố nói gì?"

"Chắc chắn ông hiểu mà."

"Tôi không hiểu."

"Xã hội là một cấu trúc phức tạp. Có rất nhiều vấn đề đang chờ được quyết định, treo lơ lửng trên một sợi chỉ mong manh. Chúng ta không bao giờ biết khi nào một vấn đề như vậy sẽ được quyết định, và yếu tố nào có thể trở thành nhân tố quyết định trong một thế cân bằng mong manh. Tôi nói có rõ ràng không?"

"Không."

Ngọn lửa đỏ của dòng thép lỏng bắn lên giữa hoàng hôn. Một vầng sáng cam, màu vàng đậm, chiếu lên bức tường phía sau bàn làm việc của Rearden.

Ánh sáng ấy lướt nhẹ qua trán anh. Khuôn mặt anh bình thản, không một chút lay động.

"Viện Khoa học Quốc gia là một tổ chức chính phủ, thưa ông Rearden. Hiện có một số dự luật đang chờ được thông qua tại Quốc hội, và có thể được thông qua bất cứ lúc nào. Các doanh nhân ngày nay đặc biệt dễ bị tổn thương. Tôi chắc rằng ông hiểu tôi muốn nói gì."

Rearden đứng dậy. Anh đang mỉm cười. Trông anh như thể tất cả căng thẳng đã biến mất.

"Không, tiến sĩ Potter," anh nói, "tôi không hiểu. Nếu tôi hiểu, tôi sẽ phải giết anh."

Người đàn ông bước đến cửa, rồi dừng lại và nhìn Rearden, lần này với một ánh mắt mang đầy sự tò mò của con người. Rearden đứng yên bất động trong ánh sáng đang di chuyển trên tường; anh đứng thoải mái, tay đút vào túi.

"Ông có thể nói cho tôi biết," người đàn ông hỏi, "chỉ giữa chúng ta thôi, đây chỉ là sự tò mò cá nhân của tôi—tại sao ông lại làm thế?"

Rearden trả lời bình thản: "Tôi sẽ nói cho anh biết. Anh sẽ không hiểu đâu. Anh thấy đấy, bởi vì Rearden Metal là một thứ tốt."

Dagny không thể hiểu động cơ của ông Mowen. Công ty Amalgamated Switch and Signal đột nhiên thông báo rằng họ sẽ không hoàn thành đơn đặt hàng của cô. Không có chuyện gì xảy ra, cô không tìm ra được nguyên nhân nào, và họ cũng không đưa ra bất kỳ lời giải thích nào.

Cô đã vội vã đến Connecticut để gặp trực tiếp ông Mowen, nhưng kết quả duy nhất của cuộc gặp là một gánh nặng nặng nề và u ám hơn trong tâm trí cô. Ông Mowen tuyên bố rằng ông sẽ không tiếp tục sản xuất công tắc bằng Rearden Metal. Lý do duy nhất mà ông đưa ra, khi tránh ánh mắt của cô, là:

"Quá nhiều người không thích nó."

"Cái gì? Rearden Metal hay việc ông sản xuất những công tắc đó?"

"Cả hai, tôi đoán vậy... Mọi người không thích nó... Tôi không muốn gặp rắc rối."

"Rắc rối gì?"

"Bất kỳ rắc rối nào."

"Ông đã nghe được một điều gì đó chống lại Rearden Metal mà là sự thật chưa?"

"Ồ, ai mà biết cái gì là thật chứ?... Nghị quyết của Hội đồng Quốc gia về Công nghiệp Kim loại đã nói—"

"Nhìn này, ông đã làm việc với kim loại cả đời. Trong bốn tháng qua, ông đã làm việc với Rearden Metal. Chẳng lẽ ông không biết rằng đó là thứ tốt nhất mà ông từng xử lý sao?"

Ông ta không trả lời.

"Ông không biết sao?"

Ông ta quay đi.

"Ông không biết cái gì là sự thật sao?"

"Trời ạ, cô Taggart, tôi chỉ là một người làm ăn nhỏ. Tôi chỉ muốn kiếm tiền thôi."

"Cách duy nhất để kiếm tiền là gì, ông nghĩ xem?"

Nhưng cô biết rằng điều đó là vô ích. Nhìn vào khuôn mặt ông Mowen, vào đôi mắt mà cô không thể bắt gặp, cô cảm thấy như đã từng cảm thấy một lần trên đoạn đường ray hoang vắng, khi cơn bão quét đổ đường dây điện thoại: rằng mọi liên lạc đã bị cắt đứt và ngôn từ chỉ còn là những âm thanh trống rỗng, không truyền đạt được gì.

Cô nghĩ rằng tranh luận là vô ích, và cố gắng lý giải về những con người không chịu phản bác một lập luận cũng chẳng chịu chấp nhận nó. Ngồi trên chuyến tàu trở về New York, cô tự nhủ rằng ông Mowen không quan trọng, rằng giờ đây không gì quan trọng cả, ngoại trừ việc tìm ai đó khác để sản xuất những công tắc đó. Cô đang vật lộn với danh sách các cái tên trong đầu, tự hỏi ai sẽ là người dễ thuyết phục nhất, để cô có thể van nài hoặc hối lộ.

Cô biết ngay, khi bước vào phòng chờ của văn phòng mình, rằng đã có chuyện xảy ra. Cô thấy sự im lặng bất thường, với những gương mặt của nhân viên hướng về cô như thể sự xuất hiện của cô là khoảnh khắc họ đã chờ đợi, hy vọng và khiếp sợ.

Eddie Willers đứng dậy và tiến về phía cửa phòng làm việc của cô, như thể biết rằng cô sẽ hiểu và đi theo anh. Cô đã thấy nét mặt anh. Dù là chuyện gì đi nữa, cô nghĩ, cô ước gì nó không làm anh đau đớn đến vậy.

"Viện Khoa học Quốc gia," anh nói khẽ, khi họ ở một mình trong văn phòng, "đã đưa

ra một tuyên bố cảnh báo mọi người không nên sử dụng Rearden Metal." Anh nói thêm, "Nó đã được phát trên radio. Nó có trên các tờ báo chiều nay."

"Họ nói gì?"

"Dagny, họ không thực sự nói nó!... Họ chưa thật sự nói nó, nhưng nó vẫn ở đó—và cũng không ở đó. Đó mới là điều kinh khủng nhất."

Anh cố gắng giữ giọng bình tĩnh; nhưng không thể kiểm soát được lời nói của mình. Những lời ấy bật ra từ anh bởi sự phẫn nộ ngổ ngàng, hoang mang của một đứa trẻ hét lên phản đối trong lần đầu tiên chạm trán với cái ác.

"Họ nói gì, Eddie?"

"Họ... cô phải tự đọc nó." Anh chỉ vào tờ báo anh đã để trên bàn cô. "Họ không nói rằng Rearden Metal là tệ. Họ không nói rằng nó không an toàn. Điều họ làm là..."

Anh dang tay ra rồi buông xuống trong một cử chỉ bất lực.

Cô nhìn thoáng qua và hiểu ngay họ đã làm gì. Cô thấy những câu chữ:

"Rất có thể, sau một thời gian sử dụng nặng, một vết nứt đột ngột có thể xuất hiện, mặc dù không thể dự đoán được độ dài của khoảng thời gian này... Không thể hoàn toàn loại trừ khả năng xảy ra một phản ứng phân tử chưa được biết đến... Mặc dù độ bền kéo của kim loại này rõ ràng là có thể chứng minh, nhưng không thể loại bỏ hoàn toàn một số câu hỏi về cách nó hoạt động dưới áp lực bất thường... Mặc dù không có bằng chứng nào ủng hộ quan điểm rằng kim loại này nên bị cấm sử dụng, việc nghiên cứu thêm về các đặc tính của nó sẽ rất có giá trị."

"Chúng ta không thể chống lại nó. Chúng ta không thể phản bác nó," Eddie đang nói chậm rãi. "Chúng ta không thể yêu cầu họ rút lại. Chúng ta không thể đưa ra các thử nghiệm của mình hoặc chứng minh điều gì. Họ không thực sự nói gì cả. Họ không nói một điều gì có thể bị phản bác để làm họ mất mặt. Đây là trò của một kẻ hèn

nhát.

Cô sẽ mong đợi điều này từ một kẻ lừa đảo hoặc một kẻ tống tiền. Nhưng, Dagny! Đây là Viện Khoa học Quốc gia!"

Cô gật đầu lặng lẽ. Cô đứng đó, mắt hướng về một điểm xa ngoài cửa sổ. Ở cuối một con phố tối tăm, những bóng đèn điện của một bảng hiệu cứ sáng lên rồi tắt, như thể đang nháy mắt chế nhạo cô một cách độc ác.

Eddie lấy lại bình tĩnh và nói bằng giọng điệu của một bản báo cáo quân sự, "Cổ phiếu của Taggart đã lao dốc. Ben Nealy bỏ việc. Công đoàn Quốc gia của Công nhân Đường sắt và Đường bộ đã cấm các thành viên của mình làm việc trên tuyến Rio Norte. Jim đã rời khỏi thành phố."

Cô tháo mũ và áo khoác, bước chậm rãi băng qua phòng và ngồi xuống bàn làm việc một cách dứt khoát, đầy chủ đích. Cô nhận thấy một phong bì lớn màu nâu nằm trước mặt mình; trên đó có tiêu đề thư của Rearden Steel.

"Thứ đó được gửi đến bằng tin nhắn đặc biệt, ngay sau khi cô rời đi," Eddie nói.

Cô đặt tay lên phong bì, nhưng không mở nó. Cô biết đó là gì: bản vẽ của cây cầu.

Sau một lúc, cô hỏi, "Ai đã đưa ra tuyên bố đó?"

Eddie liếc nhìn cô và mỉm cười thoáng qua, cay đắng, lắc đầu.

"Không," anh nói. "Tôi cũng đã nghĩ đến điều đó. Tôi đã gọi điện đường dài đến Viện và hỏi họ. Không, nó được ban hành bởi văn phòng của Tiến sĩ Floyd Ferris, điều phối viên của họ."

Cô không nói gì.

"Nhưng vẫn vậy! Tiến sĩ Stadler là người đứng đầu Viện đó. Ông ấy chính là Viện. Ông ấy hẳn phải biết về việc này. Ông ấy đã cho phép nó xảy ra. Nếu nó được thực

hiện, thì nó đã được thực hiện dưới danh nghĩa của ông ấy... Tiến sĩ Robert Stadler... Cô có nhớ không... khi chúng ta còn ở đại học... chúng ta đã nói về những cái tên vĩ đại trên thế giới... những con người có trí tuệ thuần khiết... và chúng ta luôn chọn tên ông ấy là một trong số đó, và—" Anh dừng lại. "Tôi xin lỗi, Dagny. Tôi biết nói gì cũng vô ích. Chỉ là—"

Cô ngồi đó, tay đặt lên phong bì màu nâu.

"Dagny," anh hỏi, giọng thấp xuống, "chuyện gì đang xảy ra với con người vậy?

Tại sao tuyên bố đó lại thành công? Nó là một trò đùa quá lộ liễu, quá trắng trợn và thối nát. Một người có lòng tự trọng sẽ rút nó xuống cống. Làm sao mà"—giọng anh vỡ ra trong sự giận dữ dịu dàng, tuyệt vọng, và bất lực—"làm sao họ có thể chấp nhận nó? Họ không đọc nó sao?

Họ không nhìn thấy sao? Họ không suy nghĩ sao? Dagny! Điều gì trong con người khiến họ làm thế—và làm sao chúng ta có thể sống với điều đó?"

"Bình tĩnh, Eddie," cô nói, "bình tĩnh. Đừng sợ."

Toà nhà của Viện Khoa học Nhà nước nằm bên một dòng sông ở New Hampshire, trên một sườn đồi cô lập, giữa dòng sông và bầu trời. Nhìn từ xa, nó trông như một tượng đài đơn độc giữa khu rừng nguyên sơ. Những hàng cây được trồng có chủ ý, những con đường được quy hoạch như một công viên, những mái nhà của một thị trấn nhỏ có thể được nhìn thấy từ thung lũng cách đó vài dặm. Nhưng không có gì được phép đến quá gần để làm giảm đi sự uy nghiêm của toà nhà.

Đá cẩm thạch trắng của các bức tường mang lại cho nó vẻ trang nghiêm cổ điển; bố cục hình khối chữ nhật mang lại sự tinh tế và vẻ đẹp của một nhà máy hiện đại. Đó là một công trình đầy cảm hứng. Từ bên kia sông, người ta nhìn vào nó với sự tôn kính và nghĩ về nó như một tượng đài dành cho một con người đang sống, người có nhân cách cao quý như những đường nét của toà nhà.

Phía trên lối vào, một dòng chữ được khắc trên đá cẩm thạch:

"Dành cho trí tuệ không biết sợ hãi. Dành cho sự thật bất khả xâm phạm."

Trong một hành lang yên tĩnh, trên một dãy hành lang trống trải, một tấm bảng đồng nhỏ, giống như hàng chục bảng tên khác trên những cánh cửa khác, ghi: Tiến sĩ Robert Stadler.

Năm 27 tuổi, Tiến sĩ Robert Stadler đã viết một luận án về tia vũ trụ, phá huỷ hầu hết các lý thuyết của những nhà khoa học đi trước. Những người đi sau đã tìm thấy thành tựu của ông là nền tảng cho bất kỳ hướng nghiên cứu nào mà họ theo đuổi.

Năm 30 tuổi, ông được công nhận là nhà vật lý vĩ đại nhất thời đại của mình. Năm 32 tuổi, ông trở thành Trưởng khoa Vật lý của Đại học Patrick Henry, khi ngôi trường danh tiếng này vẫn còn xứng đáng với vinh quang của nó. Một nhà văn từng nói về ông: "Có lẽ, trong số những hiện tượng của vũ trụ mà ông ấy đang nghiên cứu, không có gì kỳ diệu bằng chính bộ não của Tiến sĩ Robert Stadler."

Chính Tiến sĩ Robert Stadler từng sửa lỗi cho một sinh viên: "Nghiên cứu khoa học tự do ư? Tính từ đầu tiên là dư thừa."

Năm 40 tuổi, Tiến sĩ Robert Stadler phát biểu trước cả nước, ủng hộ việc thành lập Viện Khoa học Nhà nước. "Hãy giải phóng khoa học khỏi sự chi phối của đồng tiền," ông kêu gọi.

Vấn đề này đã từng bị trì hoãn; một nhóm nhỏ các nhà khoa học đã âm thầm thúc đẩy một dự luật vượt qua hàng loạt thủ tục để được đưa ra Quốc hội; đã có một chút do dự trong công chúng, một sự bất an không ai có thể định nghĩa. Nhưng tên của Tiến sĩ Robert Stadler tác động lên đất nước như chính tia vũ trụ mà ông nghiên cứu: nó xuyên thủng mọi rào cản.

Cả quốc gia đã xây dựng toà nhà cẩm thạch trắng như một món quà cá nhân dành cho một trong những con người vĩ đại nhất của họ.

Văn phòng của Tiến sĩ Stadler tại Viện là một căn phòng nhỏ trông giống như văn

phòng của một nhân viên kế toán trong một công ty đang thất bại. Một chiếc bàn rẻ tiền bằng gỗ sồi vàng xấu xí, một tủ hồ sơ, hai chiếc ghế và một bảng đen đầy những công thức toán học bằng phấn.

Ngồi trên một trong những chiếc ghế dựa vào bức tường trống, Dagny nghĩ rằng căn phòng có cả sự phô trương và thanh lịch: phô trương, vì nó có vẻ như muốn ám chỉ rằng chủ nhân của nó vĩ đại đến mức có thể tự cho phép một không gian như thế; thanh lịch, vì ông ta thực sự không cần gì khác.

Cô đã gặp Tiến sĩ Stadler vài lần tại những bữa tiệc được tổ chức bởi các doanh nhân hàng đầu hoặc các hội kỹ sư danh tiếng, vì một lý do trọng đại nào đó. Cô đã tham dự những sự kiện đó với sự miễn cưỡng, giống như ông, và phát hiện ra rằng ông thích nói chuyện với cô.

"Cô Taggart," ông đã từng nói, "tôi không bao giờ mong đợi gặp được trí tuệ. Việc tìm thấy nó ở đây là một sự nhẹ nhõm đáng kinh ngạc!"

Cô đã đến văn phòng của ông, nhớ lại câu nói đó. Cô ngồi, quan sát ông như một nhà khoa học: không giả định gì cả, gạt bỏ cảm xúc, chỉ tìm kiếm để quan sát và hiểu.

"Cô Taggart," ông nói một cách vui vẻ, "tôi tò mò về cô. Tôi luôn tò mò khi có điều gì đó phá vỡ tiền lệ. Thông thường, khách đến thăm tôi là một nghĩa vụ khó chịu. Tôi thực sự kinh ngạc khi nhận ra mình cảm thấy vui vẻ đơn giản khi gặp cô. Cô có biết cảm giác như thế nào khi đột nhiên có thể trò chuyện mà không phải gắng sức ép buộc một sự hiểu biết nào đó từ khoảng không?"

Ông ngồi trên mép bàn, phong thái vui vẻ, thân thiện. Ông không cao, và sự mảnh khảnh của ông mang lại vẻ năng động trẻ trung, gần như là sự nhiệt huyết của một cậu trai.

"Tôi không muốn lấy quá nhiều thời gian của ông, Tiến sĩ Stadler," cô nói một cách

lịch sự, chính xác. "Và vấn đề tôi đến để thảo luận vô cùng quan trọng."

Ông cười. "Đó đúng là dấu hiệu của một doanh nhân—muốn đi thẳng vào vấn đề ngay lập tức. Nhưng đừng lo lắng về thời gian của tôi—nó là của cô. Giờ, cô muốn thảo luận điều gì? A, đúng rồi. Thép Rearden. Tôi không nắm rõ lắm, nhưng nếu có điều gì tôi có thể làm cho cô—"

"Ông có biết tuyên bố của Viện về Thép Rearden không?"

"Có, tôi đã nghe về nó."

Cô ấy nhìn anh, không hiểu chuyện gì.

– "Anh không tán thành tuyên bố đó sao?"

Anh nhún vai.

– "Sự tán thành hay không tán thành của tôi thì chẳng liên quan gì."

– "Anh đã rút ra kết luận riêng về Kim loại Rearden chưa?"

– "Ừ, luyện kim không hẳn là—nói sao đây?—chuyên môn của tôi."

– "Anh đã xem xét dữ liệu nào về Kim loại Rearden chưa?"

– "Cô Taggart, tôi không hiểu mục đích của những câu hỏi của cô."

Giọng anh nghe có vẻ hơi thiếu kiên nhẫn.

– "Tôi muốn biết phán quyết cá nhân của anh về Kim loại Rearden,"

– "Vì mục đích gì?"

– "Để tôi có thể đưa thông tin đó cho báo chí."

Anh đứng dậy.

– "Điều đó hoàn toàn không thể."

Cô nói, giọng căng thẳng vì cố gắng truyền đạt sự hiểu biết:

– "Tôi sẽ cung cấp cho anh tất cả những thông tin cần thiết để đưa ra phán quyết dứt khoát."

-
- “Tôi không thể đưa ra bất kỳ tuyên bố công khai nào về điều đó.”
 - “Tại sao không?”
 - “Tình huống quá phức tạp để giải thích trong một cuộc trò chuyện thường nhật.”
 - “Nhưng nếu anh phát hiện ra rằng Kim loại Rearden thực ra là một sản phẩm vô cùng có giá trị mà—”
 - “Điều đó không liên quan.”
 - “Giá trị của Kim loại Rearden cũng không liên quan sao?”
 - “Có những vấn đề khác liên quan, ngoài các câu hỏi về sự thật.”

Cô hỏi, không hoàn toàn tin rằng mình nghe đúng:

- “Khoa học quan tâm đến những vấn đề nào khác, ngoài các câu hỏi về sự thật?”

Những đường nét căng thẳng trên môi anh sắc nét như gợi lên một nụ cười.

- “Cô Taggart, cô không hiểu những vấn đề mà các nhà khoa học phải đối mặt.”

Cô nói chậm rãi, như thể bỗng nhiên nhận ra cùng với lời nói của mình:

- “Tôi tin rằng anh biết thực ra Kim loại Rearden là gì.”

Anh nhún vai.

- “Vâng. Tôi biết. Từ những thông tin tôi thấy, nó dường như là một thứ phi thường. Thật là một thành tựu xuất sắc—nói về công nghệ thì ra vậy.”

Anh đi đi lại lại trong văn phòng một cách thiếu kiên nhẫn.

- “Thực ra, tôi mong một ngày nào đó có thể đặt hàng một động cơ phòng thí nghiệm đặc biệt có thể chịu được nhiệt độ cao như Kim loại Rearden. Nó sẽ rất có giá trị trong việc nghiên cứu một số hiện tượng mà tôi muốn quan sát. Tôi đã phát hiện ra rằng khi các hạt được gia tốc đến tốc độ gần với tốc độ ánh sáng, chúng—”
- “Tiến sĩ Stadler,” cô hỏi chậm rãi, “ông biết sự thật, nhưng ông sẽ không công khai nói ra sao?”
- “Cô Taggart, cô đang sử dụng một thuật ngữ trừu tượng, trong khi chúng ta đang xử lý vấn đề của thực tế thiết thực.”

-
- “Chúng ta đang xử lý một vấn đề của khoa học.”
 - “Khoa học? Chẳng lẽ ông đang nhầm lẫn các tiêu chuẩn liên quan sao? Chỉ trong lĩnh vực khoa học thuần túy mà sự thật là tiêu chí tuyệt đối. Khi chúng ta xử lý khoa học ứng dụng, với công nghệ—chúng ta xử lý con người. Và khi chúng ta xử lý con người, những yếu tố khác ngoài sự thật sẽ tham gia vào vấn đề.”
 - “Những yếu tố nào?”
 - “Tôi không phải là một nhà công nghệ, cô Taggart. Tôi không có tài năng hay gu để xử lý con người. Tôi không thể dính líu vào những vấn đề thiết thực được gọi là vậy.”
 - “Tuyên bố đó đã được đưa ra dưới tên của ông.”
 - “Tôi không liên quan gì đến nó!”
 - “Tên của Viện này là trách nhiệm của ông.”
 - “Đó là một giả định hoàn toàn không có cơ sở.”
 - “Mọi người nghĩ rằng danh dự của ông là sự đảm bảo cho mọi hành động của Viện này.”
 - “Tôi không thể kiểm soát suy nghĩ của người khác—nếu họ còn nghĩ gì chứ!”
 - “Họ đã chấp nhận tuyên bố của ông. Nó là một lời nói dối.”
 - “Làm sao có thể đối xử với sự thật khi ta phải đối xử với công chúng?”
 - “Tôi không hiểu ông,” cô nói rất nhỏ giọng.
 - “Các câu hỏi về sự thật không liên quan đến các vấn đề xã hội. Không có nguyên tắc nào từng có tác động lên xã hội cả.”
 - “Vậy thì, điều gì chỉ đạo hành động của con người?”
- Anh nhún vai.
- “Tính thích hợp của thời điểm,”
 - “Tiến sĩ Stadler,” cô nói, “tôi nghĩ tôi phải nói cho ông biết ý nghĩa và hậu quả của việc xây dựng tuyến đường sắt chi nhánh của tôi bị dừng lại. Tôi bị dừng lại, dưới danh nghĩa an toàn công cộng, bởi vì tôi đang sử dụng đường sắt tốt nhất từng được sản xuất. Trong sáu tháng nữa, nếu tôi không hoàn thành tuyến đó, khu vực công

nghiệp tốt nhất của đất nước sẽ không còn phương tiện vận chuyển. Nó sẽ bị tàn phá, bởi vì nó là tốt nhất và có những người cho rằng nên chiếm đoạt một phần của sự giàu có đó."

– "Chà, điều đó có thể là tàn nhẫn, bất công, tai họa—nhưng cuộc sống trong xã hội là như vậy. Luôn có ai đó bị hy sinh, thường thì một cách bất công; không có cách nào khác để sống giữa con người. Một người có thể làm gì được chứ?"

"Anh có thể nói sự thật về Kim loại Rearden mà."

Anh không trả lời.

"Tôi có thể cầu xin anh làm điều đó để cứu lấy tôi. Tôi có thể cầu xin anh làm điều đó để ngăn chặn một thảm họa quốc gia. Nhưng tôi sẽ không làm vậy. Có thể những lý do đó không đủ thuyết phục. Chỉ có một lý do duy nhất; anh phải nói nó ra, bởi vì nó là sự thật."

"Tôi đã không được hỏi ý kiến về tuyên bố đó!" Tiếng kêu lên vang ra ngoài ý muốn. "Tôi đã không cho phép điều đó xảy ra! Tôi cũng không ưa nó hơn cô! Nhưng tôi không thể công khai phủ nhận nó!"

"Anh không được hỏi ý kiến? Vậy thì anh không nên muốn tìm hiểu lý do đằng sau tuyên bố đó sao?"

"Tôi không thể phá hủy Viện này bây giờ!"

"Anh không nên muốn tìm hiểu lý do sao?"

"Tôi biết lý do! Họ không nói cho tôi biết, nhưng tôi biết. Và tôi cũng không thể nói rằng tôi trách họ vì điều đó."

"Anh có thể nói cho tôi biết chứ?"

"Tôi sẽ nói, nếu cô muốn. Đó là sự thật mà cô mong muốn, phải không?"

Tiến sĩ Ferris cũng không thể làm gì được, nếu những kẻ ngu ngốc bầu chọn ngân sách cho Viện này cứ khăng khăng đòi kết quả. Họ không có khả năng hình dung ra điều gì như khoa học trừu tượng. Họ chỉ có thể đánh giá nó theo tiêu chí của những món đồ công nghệ mới nhất mà nó mang lại. Tôi không hiểu sao Tiến sĩ Ferris có thể giữ cho Viện này tồn tại, tôi chỉ biết ngưỡng mộ khả năng thực dụng của ông ta. Tôi không tin rằng ông ta từng là một nhà khoa học hàng đầu—nhưng ông ta là một

người hầu vô giá của khoa học! Tôi biết rằng gần đây ông ta đã đối mặt với một vấn đề nghiêm trọng. Ông ta đã giữ tôi ra ngoài vấn đề đó, không để tôi dính líu, nhưng tôi cũng nghe được những tin đồn. Mọi người chỉ trích Viện này, vì, họ nói, chúng ta chưa sản xuất ra đủ thứ. Công chúng đang đòi hỏi sự tiết kiệm. Trong những lúc như thế, khi những tiện nghi đáng trân quý của họ bị đe dọa, có thể chắc chắn rằng khoa học là thứ đầu tiên bị con người hy sinh. Đây là tổ chức duy nhất còn lại. Hầu như không còn quỹ nghiên cứu tư nhân nào nữa. Hãy nhìn vào những kẻ tham lam, cầu tả điều hành các ngành công nghiệp của chúng ta. Anh không thể mong đợi họ ủng hộ bất kỳ nỗ lực nào của trí tuệ, cho bất kỳ mục tiêu tinh thần nào."

"Giờ thì ai đang ủng hộ anh đây?" cô hỏi, giọng nói trầm lắng.

Anh nhún vai. "Xã hội."

Cô nói, cố gắng, "Anh định nói cho tôi biết lý do đằng sau tuyên bố đó mà."

"Tôi không nghĩ anh sẽ gặp khó khăn khi tự suy ra được. Nếu cô xét rằng trong suốt mười ba năm qua, Viện này có một bộ phận nghiên cứu luyện kim, đã tiêu tốn hơn hai mươi triệu đô la mà chỉ cho ra được thứ gì đó như một loại đánh bóng bạc mới và một loại chất chống ăn mòn mới, mà, tôi tin rằng, không tốt bằng những thứ cũ — cô có thể tưởng tượng được phản ứng của công chúng nếu một cá nhân tư nhân đưa ra một sản phẩm cách mạng hóa toàn bộ ngành luyện kim và chứng tỏ nó thành công vượt trội!"

Cô cúi đầu. Cô không nói gì.

"Tôi không trách bộ phận luyện kim của chúng ta!" anh nói giận dữ. "Tôi biết rằng những kết quả như vậy không phải là vấn đề có thể dự đoán được về mặt thời gian."

Nhưng công chúng sẽ không hiểu đâu. Vậy thì, chúng ta nên hy sinh cái gì? Một quá trình luyện kim tuyệt vời — hay trung tâm cuối cùng của khoa học còn lại trên trái đất, và toàn bộ tương lai của tri thức nhân loại? Đó là sự lựa chọn duy nhất."

Cô ngồi xuống, đầu cúi xuống. Sau một lúc, cô nói,

"À đúng rồi, Tiến sĩ Stadler. Tôi sẽ không bàn cãi nữa."

Anh thấy cô lục lọi túi xách, như thể cô đang cố nhớ lại những cử động quen thuộc cần thiết để đứng dậy.

"Cô Taggart," anh nói nhỏ nhẹ. Nó gần như là một lời van xin. Cô ngẩng đầu lên.

Khuôn mặt cô trầm tĩnh và trống rỗng.

Anh tiến lại gần; anh tựa một tay vào bức tường phía trên đầu cô, gần như thể anh muốn ôm cô vào vòng tay của mình.

"Cô Taggart," anh nói, với một tông giọng nhẹ nhàng, đượm chút đắng cay nhưng cũng đầy sức lôi cuốn, "Tôi lớn tuổi hơn cô. Tin tôi đi, không có cách nào khác để sống trên trái đất. Con người không miễn cảm với sự thật hay lý trí. Họ không thể bị chạm tới bởi một lập luận hợp lý. Tâm trí thì bất lực trước chúng. Nhưng chúng ta phải xử lý với chúng. Nếu chúng ta muốn đạt được bất cứ điều gì, chúng ta phải đánh lừa họ để cho phép chúng ta làm điều đó. Hoặc ép buộc họ. Họ không hiểu được gì khác. Chúng ta không thể mong đợi sự ủng hộ của họ cho bất kỳ nỗ lực nào của trí tuệ, cho bất kỳ mục tiêu tinh thần nào. Họ chỉ là những con vật tàn ác. Họ tham lam, tự hưởng thụ, và sẵn lòng đồng đô la một cách tàn nhẫn mà—"

"Tôi cũng là một trong những kẻ sẵn lòng đồng đô la, Tiến sĩ Stadler," cô nói, giọng thấp.

"Cô là một đứa trẻ phi thường, xuất sắc mà chưa trải qua đủ cuộc sống để hiểu hết sự ngu dốt của con người. Tôi đã chiến đấu với nó suốt đời.

Tôi rất mệt mỏi..." Sự chân thành trong giọng anh thật sự. Anh bước chậm rãi rời xa cô.

"Đã có lúc tôi nhìn nhận sự hỗn loạn bi thảm mà họ đã tạo ra trên trái đất này, và tôi muốn hét lên, cầu xin họ lắng nghe — tôi có thể dạy cho họ cách sống tốt đẹp hơn rất nhiều so với hiện tại — nhưng không có ai nghe tôi, họ không có gì để nghe tôi nói...

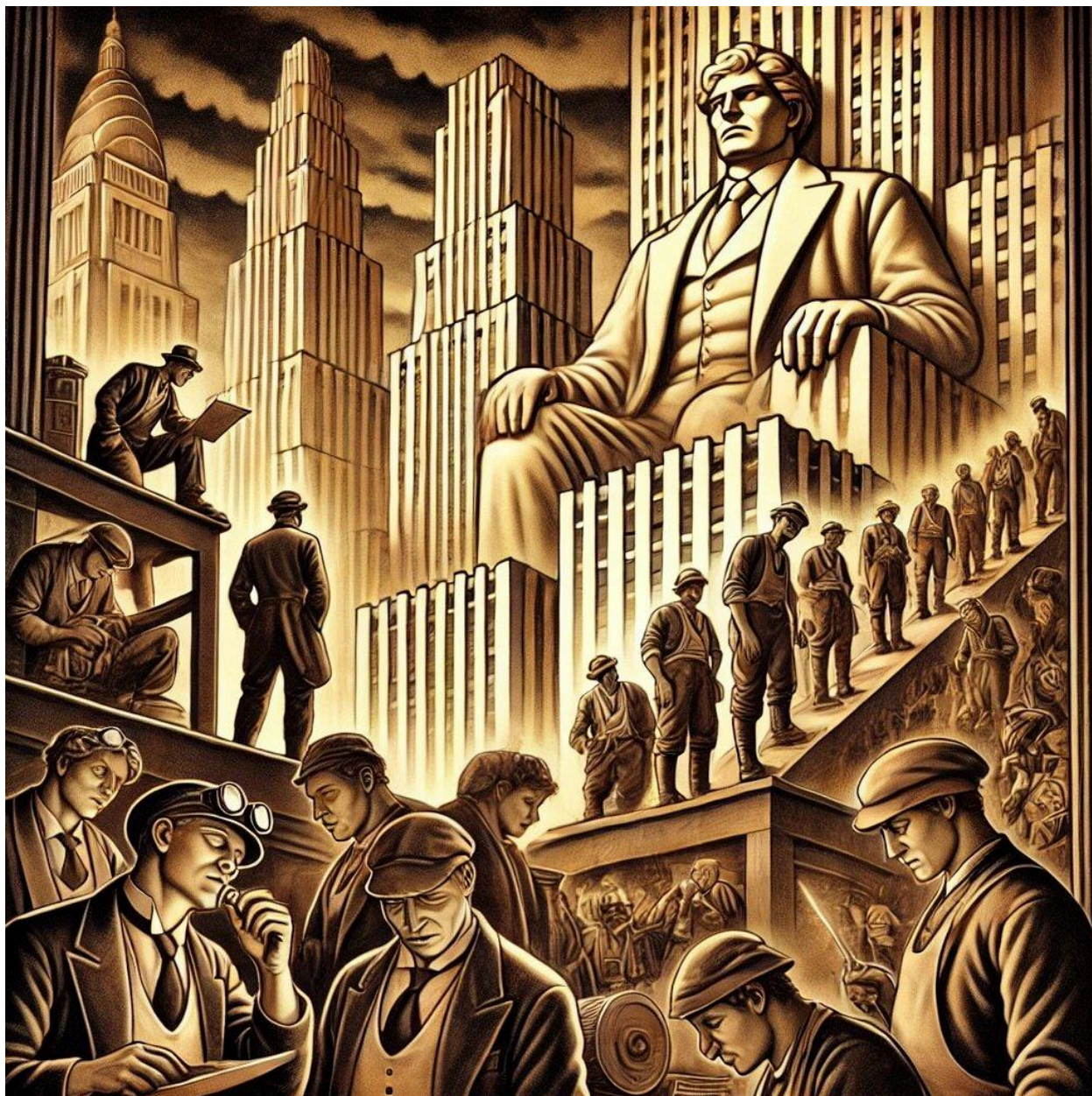
Trí tuệ? Nó là một tia lửa hiếm hoi, mong manh, lóe lên trong chốc lát ở đâu đó giữa con người, rồi vụt tắt. Người ta không thể nói được bản chất của nó, hay tương lai của nó... hay cái chết của nó..."

Cô cố gắng đứng dậy.

"Đừng đi, cô Taggart. Tôi muốn cô hiểu."

Cô ngẩng mặt nhìn anh, với vẻ điềm đạm nhưng thờ ơ. Khuôn mặt cô không hề

nhợt nhạt, nhưng các đường nét của nó hiện ra với một sự chính xác trần trụi, như thể làn da đã mất đi những sắc thái màu sắc.



"Cô còn trẻ," anh nói. "Ở tuổi của cô, tôi cũng từng có niềm tin vững chắc vào sức mạnh vô hạn của lý trí. Cùng một tầm nhìn rực rỡ về con người như một thực thể hợp lý. Nhưng từ đó tôi đã chứng kiến biết bao điều, và tôi đã thất vọng quá nhiều lần... Tôi muốn kể cho cô nghe chỉ một câu chuyện thôi."

Anh đứng bên cửa sổ trong văn phòng của mình. Bên ngoài trời đã tối. Bóng tối

dường như trỗi dậy từ những nét cắt đen của dòng sông, ở phía dưới xa. Vài ánh đèn lấp lánh trên mặt nước, giữa những ngọn đồi ở bờ bên kia. Bầu trời vẫn là màu xanh đậm của hoàng hôn. Một vì sao cô đơn, thấp lừng trên mặt đất, trông bất thường to lớn và làm cho bầu trời thêm phần u ám.

"Khi tôi còn ở Đại học Patrick Henry," anh nói, "tôi có ba học trò. Tôi đã có nhiều sinh viên xuất sắc trong quá khứ, nhưng ba người này là – phần thưởng mà một người thầy khao khát. Nếu cô từng ước được nhận món quà của trí tuệ con người ở trạng thái tốt nhất, trẻ trung và được trao vào tay cô để hướng dẫn, thì họ chính là món quà đó. Trí tuệ của họ là thứ mà người ta mong đợi sẽ thay đổi tương lai của thế giới. Họ đến từ những hoàn cảnh rất khác nhau, nhưng họ là những người bạn không thể tách rời. Họ đã chọn lựa những ngành học thật kỳ lạ. Họ chuyên hai môn – môn của tôi và của Hugh Akston. Vật lý và triết học. Đó không phải là sự kết hợp mà ta thường thấy ngày nay. Hugh Akston là một người đàn ông xuất sắc, một trí óc vĩ đại... khác xa với sinh vật đáng kinh ngạc mà trường Đại học đó bây giờ đã đưa vào vị trí của ông ấy... Akston và tôi đã có chút ghen tỵ nhau vì ba học trò này. Đó là một cuộc thi kiểu thân thiện giữa chúng tôi, vì chúng tôi hiểu nhau; tôi nghe Akston nói một hôm rằng ông coi họ như những người con của mình. Tôi có chút tức giận... vì tôi nghĩ họ là của tôi..."

Anh quay lại nhìn cô. Những nếp nhăn đấng cay của tuổi tác giờ đây đã rõ nét, cắt ngang hai má anh. Anh nói,

"Khi tôi ủng hộ việc thành lập Viện này, một trong ba người đó đã nguyện rửa tôi. Tôi không gặp hấn kể từ đó. Trong vài năm đầu tiên, điều đó đã làm tôi bối rối. Thỉnh thoảng tôi tự hỏi liệu hấn có đúng không... Nhưng điều đó đã không còn làm tôi bận tâm từ lâu rồi."

Anh mỉm cười. Trong nụ cười và trên khuôn mặt anh giờ chỉ còn lại sự đấng cay.

"Ba người đàn ông đó, ba người đã mang trong mình tất cả hy vọng mà món quà trí tuệ có thể ban tặng, ba người mà chúng ta từng trông đợi một tương lai huy hoàng – trong số họ có một người là Francisco d'Anconia, người đã trở thành một tay chơi đồi trụy. Một người khác là Ragnar Danneskjold, người trở thành một kẻ cướp biển

đơn giản. Vậy là hết hy vọng về trí tuệ con người rồi sao?"

"Người thứ ba là ai?" cô hỏi.

Anh nhún vai. "Người thứ ba thậm chí không đạt được danh tiếng rúng rinh như vậy. Hẳn biến mất không dấu vết – vào vùng đất trầm mặc của sự tầm thường. Có lẽ hẳn chỉ là một trợ lý kế toán cấp hai ở đâu đó."

"Đó là lời nói dối! Tôi đã không chạy trốn!" James Taggart hét lên. "Tôi đến đây vì tôi tình cờ bị ốm. Hỏi Tiến sĩ Wilson đi. Đó chỉ là một dạng cúm thôi."

Ông ta sẽ chứng minh điều đó. Và sao anh biết rằng tôi ở đây?"

Dagny đứng giữa căn phòng; trên vòng cổ áo khoác của cô, trên vành mũ còn những bông tuyết đang tan chảy. Cô nhìn quanh, cảm nhận một cảm xúc mà nếu có thời gian, cô cũng sẽ nhận ra đó là nỗi buồn.

Đó là một căn phòng trong ngôi nhà của dinh thự Taggart cũ trên sông Hudson.

Jim đã thừa kế nơi này, nhưng anh hiếm khi đến đây. Thời thơ ấu, đây là phòng làm việc của cha họ. Giờ đây, căn phòng mang không khí hoang tàn của một nơi được sử dụng, nhưng lại trống trải. Có những chiếc bọc ghế trên hầu hết các chiếc ghế ngoại trừ hai chiếc, một lò sưởi lạnh lẽo và hơi ẩm u ám của một máy sưởi điện với dây điện xoắn quanh sàn, một chiếc bàn làm việc với bề mặt kính trống trải.

Jim nằm trên ghế sofa, với một chiếc khăn được quấn như khăn quàng cổ quanh cổ. Cô thấy một khay tàn thuốc đã qua sử dụng đặt trên một chiếc ghế bên cạnh anh, một chai rượu whisky, một cốc giấy héo úa, và những tờ báo hai ngày tuổi vương vãi khắp sàn nhà. Một bức chân dung của ông nội họ treo trên lò sưởi, toàn thân, với hình ảnh một cây cầu sắt trên nền phai dần.

"Tôi không có thời gian để cãi vã, Jim."

"Ý tưởng đó là của anh mà! Tôi hi vọng anh sẽ thú nhận với Ban Giám đốc rằng đó là ý của anh. Chính điều mà cái Kim loại Rearden chết tiệt của anh đã gây ra cho chúng ta! Nếu chúng ta chờ đợi cho đến khi Orren Boyle..." Khuôn mặt chưa cạo râu của anh rạn lên bởi một mớ hỗn độn cảm xúc: hoảng loạn, căm thù, chút thắng lợi, niềm nhẹ nhõm khi hét vào mặt một nạn nhân—và ánh mắt e dè, van xin như mong

manh một tia hy vọng cứu trợ.

Anh tạm dừng lại, còn cô thì không đáp lời. Cô đứng nhìn anh, tay áo cắm sâu vào túi áo khoác của mình.

"Giờ thì không còn gì chúng ta có thể làm được nữa!" anh rên rỉ. "Tôi đã cố gắng gọi điện đến Washington, để họ tịch thu chuyến Phoenix-Durango và giao lại cho chúng ta, dựa trên căn cứ tình trạng khẩn cấp, nhưng họ thậm chí còn không bàn cãi! Họ nói có quá nhiều người phản đối, sợ rằng sẽ tạo ra một tiền lệ ngu ngốc nào đó! ... Tôi đã khiến Liên minh Quốc gia các Tuyến Đường Sắt tạm hoãn thời hạn và cho phép Dan Conway điều hành tuyến đường của hắn thêm một năm—điều đó lẽ ra sẽ cho chúng ta thời gian—nhưng hắn từ chối! Tôi cố gắng thuyết phục Ellis Wyatt và đám bạn của hắn ở Colorado yêu cầu Washington ra lệnh cho Conway tiếp tục hoạt động—nhưng tất cả họ, Wyatt và mấy tên khốn đó, đều từ chối! Họ bảo da của họ, tòi tệ hơn của chúng ta, chắc chắn sẽ bị tiêu tan—nhưng họ vẫn từ chối!"

Cô mỉm cười thoáng qua, nhưng không nói lời nào.

"Giờ thì chúng ta chẳng còn cách nào khác! Chúng ta bị mắc kẹt. Chúng ta không thể từ bỏ tuyến đường sắt chi nhánh đó, và cũng không thể hoàn thành nó. Chúng ta không thể dừng lại, cũng không thể tiếp tục. Chúng ta không có tiền. Không ai dám can thiệp vào chúng ta, như thể có một cây gậy dài mười feet! Chúng ta còn lại gì nếu thiếu Tuyến Rio Norte? Nhưng chúng ta không thể hoàn thành nó. Chúng ta sẽ bị tẩy chay. Chúng ta sẽ bị liệt vào danh sách đen. Hội đoàn công nhân đường sắt đó sẽ kiện chúng ta. Họ sẽ làm vậy, vì có luật quy định về chuyện đó. Chúng ta không thể hoàn thành Tuyến đường đó! Trời ơi! Chúng ta định làm sao bây giờ?"

Cô chờ, rồi lạnh lùng hỏi: "Thế còn, Jim?"

Anh im lặng, ngẩng nhìn cô từ dưới những mí mắt nặng nề.

"Đây không phải là một đề nghị, Jim. Đây là một điều cuối cùng. Chỉ cần nghe và

chấp nhận. Tôi sẽ hoàn thành việc xây dựng Tuyến Rio Norte.

Tôi cá nhân, không phải Taggart Transcontinental. Tôi sẽ xin nghỉ phép khỏi vị trí Phó Chủ tịch. Tôi sẽ thành lập một công ty mang tên riêng mình. Ban Giám đốc của anh sẽ giao Tuyến Rio Norte cho tôi. Tôi sẽ tự đảm nhận vai trò nhà thầu. Tôi sẽ tự huy động vốn. Tôi sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn và duy nhất. Tôi sẽ hoàn thành Tuyến đường đúng hạn. Sau khi anh thấy được những đường ray làm bằng Kim loại Rearden có thể chịu đựng như thế nào, tôi sẽ chuyển giao lại Tuyến đường cho Taggart Transcontinental và tôi sẽ trở lại công việc của mình. Chỉ có thế thôi."

Anh nhìn cô im lặng, lắc lư chiếc dép ngủ treo lơ lửng ở ngón chân. Cô chưa bao giờ nghĩ rằng hy vọng có thể trông xấu xí trên khuôn mặt một người đàn ông, nhưng nó thật sự như vậy: pha trộn với sự xảo quyệt. Cô quay mắt đi, tự hỏi làm sao có thể, trong khoảnh khắc như thế, suy nghĩ đầu tiên của một người đàn ông lại là tìm cách lợi dụng cô.

Rồi, thật nực cười, điều đầu tiên anh nói với giọng lo lắng là:

"Nhưng ai sẽ điều hành Taggart Transcontinental trong thời gian đó?"

Cô cười khúc khích; âm thanh đó làm cô kinh ngạc, dường như nó mang vẻ già nua vì sự đắng cay.

Cô nói: "Eddie Willers."

"Ồ không! Anh không thể làm vậy được!"

Cô cười, theo cách thô lỗ, không có chút niềm vui nào. "Tôi tưởng anh thông minh hơn tôi về những chuyện kiểu này. Eddie sẽ đảm nhận vai trò Phó Chủ tịch Lâm thời. Anh ta sẽ vào văn phòng của tôi và ngồi bên bàn làm việc của tôi. Nhưng anh nghĩ ai sẽ điều hành Taggart Transcontinental?"

"Nhưng tôi không hiểu sao—"

"Tôi sẽ bay bằng máy bay giữa văn phòng của Eddie và Colorado. Hơn nữa, có điện thoại liên lạc địa. Tôi sẽ làm đúng như những gì tôi đã làm. Không có gì thay đổi, ngoại trừ kiểu màn trình diễn mà anh sẽ diễn cho những người bạn của anh... và việc điều đó sẽ khiến tôi gặp chút khó khăn hơn một chút."

"Màn trình diễn gì cơ?"

"Anh hiểu mà, Jim. Tôi không hề hay biết anh và Ban Giám đốc của anh đang rối ren với bao trò chơi kiểu gì. Tôi không biết anh và mấy người đang chơi đùa với bao nhiêu mưu đồ đối đầu nhau, hay phải duy trì bao nhiêu vỏ bọc mâu thuẫn cùng lúc. Tôi không biết và cũng không quan tâm. Tất cả các người cứ ẩn mình sau lưng tôi đi."

Nếu các người sợ hãi, vì các người đã thỏa thuận với những kẻ bạn của họ, những kẻ đang bị đe dọa bởi Kim loại Rearden—thì này, đây là cơ hội để các người giả vờ bảo đảm với họ rằng các người không liên quan, rằng các người không tham gia vào việc này—chính tôi mới làm. Các người có thể giúp họ chửi tôi và lên án tôi."

Các người cứ ở nhà, không dám mạo hiểm và không tạo ra kẻ thù. Chỉ cần tránh xa con đường của tôi thôi."

"Ồ..." anh nói chậm rãi, "dĩ nhiên, những vấn đề liên quan đến chính sách của một hệ thống đường sắt lớn rất phức tạp... trong khi một công ty nhỏ, độc lập, dưới tên của một người, thì có thể đảm nhận được—"

"Đúng vậy, Jim, tôi biết hết rồi. Ngay khi anh thông báo rằng anh sẽ giao Tuyến Rio Norte cho tôi, giá cổ phiếu Taggart sẽ tăng vọt. Những con gián sẽ ngừng bò ra từ những góc khuất không ngờ, vì chúng sẽ không có động lực từ một công ty lớn để cắn phá. Trước khi họ quyết định làm gì với tôi, tôi sẽ hoàn thành Tuyến đường. Còn về phần tôi, tôi không muốn phải đối mặt với anh và Ban Giám đốc của anh, phải tranh cãi, phải cầu xin sự cho phép từ ai. Không có thời gian cho chuyện đó, nếu tôi muốn làm được công việc cần phải làm. Vì vậy, tôi sẽ tự mình làm điều đó."

"Và... nếu anh thất bại?"

"Nếu tôi thất bại, tôi sẽ gánh chịu một mình."

"Anh hiểu rằng, trong trường hợp đó, Taggart Transcontinental sẽ không thể giúp đỡ anh được chút nào sao?"

"Tôi hiểu."

"Anh sẽ không đếm chúng tôi vào kế hoạch sao?"

"Không."

"Anh sẽ cắt đứt mọi mối liên hệ chính thức với chúng tôi, để các hoạt động của anh không ảnh hưởng đến uy tín của chúng tôi sao?"

"Vâng."

"Tôi nghĩ chúng ta nên thống nhất rằng, trong trường hợp thất bại hoặc khi có bê bối công khai xảy ra... thời gian nghỉ phép của anh sẽ trở thành vĩnh viễn... tức là, anh sẽ không được mong đợi trở lại vị trí Phó Chủ tịch."

Cô nhắm mắt lại trong chốc lát. "Được rồi, Jim. Trong trường hợp đó, tôi sẽ không trở lại."

"Trước khi chúng ta chuyển giao Tuyến Rio Norte cho anh, chúng ta phải có một thỏa thuận bằng văn bản rằng anh sẽ chuyển giao lại nó cho chúng ta, cùng với quyền kiểm soát với giá vốn, trong trường hợp Tuyến đường trở nên thành công. Nếu không, anh có thể cố ép chúng ta lấy lời lợi nhuận khổng lồ, vì chúng ta cần Tuyến đường đó."

Chỉ trong chốc lát, trong mắt cô lóe lên chút sốc, rồi cô lạnh lùng đáp, như thể đang vung ra những đồng tiền từ tay để quyên góp:

"Được thôi, Jim. Hãy để điều đó được ghi rõ bằng văn bản."

"Giờ thì về người kế nhiệm tạm thời của anh..."

"Ừ?"

"Anh chẳng thực sự muốn nó là Eddie Willers, phải không?"

"Ừ. Tôi muốn."

"Nhưng hắn thậm chí không thể hành xử như một phó chủ tịch! Hắn không có phong thái, cách cư xử,—"

"Hắn hiểu công việc của mình và của tôi. Hắn biết tôi muốn gì. Tôi tin tưởng hắn. Tôi sẽ có thể làm việc cùng hắn."

"Anh không nghĩ rằng sẽ tốt hơn nếu chọn một trong những người trẻ xuất sắc, có gia đình tốt, có sự duyên dáng xã hội và—"

"Chắc chắn sẽ là Eddie Willers, Jim."

Anh thở dài. "Được rồi. Chỉ là... chúng ta phải cẩn thận với việc này..."

Chúng ta không muốn người ta nghi ngờ rằng vẫn là anh đang điều hành Taggart Transcontinental. Không ai được biết điều đó."

"Mọi người sẽ biết mà, Jim. Nhưng vì không ai dám thừa nhận công khai, nên mọi người cũng sẽ hài lòng."

"Nhưng chúng ta phải giữ gìn vẻ ngoài."

"Ồ, dĩ nhiên rồi! Nếu anh không muốn, anh không cần nhận ra tôi trên đường phố. Anh có thể nói rằng anh chưa từng thấy tôi, và tôi sẽ nói rằng tôi chưa bao giờ nghe đến Taggart Transcontinental."

Anh im lặng, cố gắng suy nghĩ, mắt dán xuống sàn nhà.

Cô quay đầu nhìn ra ngoài khung cửa sổ, nơi khuôn viên bên ngoài hiện lên với màu

xám-trắng đồng đều của mùa đông. Phía xa dưới, trên bờ sông Hudson, cô thấy con đường mà trước đây cô hay trông đợi xe của Francisco chạy qua—cô thấy vách đá bên kia sông, nơi họ trèo lên để tìm những tòa tháp của New York—và ở đâu đó vượt qua khu rừng là những con đường mòn dẫn đến Ga Rockdale. Mặt đất giờ đây phủ đầy tuyết, và những gì còn lại trông như bộ xương của vùng quê mà cô nhớ—một họa tiết mỏng manh của những cành cây trụi vươn mình từ lớp tuyết lên bầu trời.

Mọi thứ xám xịt và trắng muốt, như một bức ảnh, một bức ảnh chết mà ta giữ với hy vọng nhớ lại, nhưng không có quyền năng hồi sinh bất cứ điều gì.

"Em định gọi nó là gì?"

Cô quay lại, ngạc nhiên. "Gì cơ?"

"Em định đặt tên cho công ty của em là gì?"

"Ồ... Chà, có lẽ là Tuyến Dagny Taggart."

"Nhưng... Em có nghĩ đó là một ý hay không? Nó có thể bị hiểu nhầm. Tên Taggart có thể bị coi là—"

"Vậy em muốn anh gọi nó là gì?" cô cắt ngang, giọng nói đầy giận dữ. "Em gọi nó là Miss Nobody sao? Madam X? Hay là John Galt?" Cô dừng lại. Đột nhiên, một nụ cười lạnh lẽo, sáng chói và đầy nguy hiểm nở trên môi cô. "Đó là tên em sẽ đặt: Tuyến John Galt."

"Trời ơi, không được!"

"Được chứ."

"Nhưng nó... chỉ là một cách nói rẻ tiền thôi mà!"

"Anh không thể đùa cợt về một dự án nghiêm túc như thế này được!... Anh không thể thô lỗ và... thiếu phẩm giá như vậy!"

"Anh không được sao?"

"Nhưng vì Chúa ơi, tại sao?"

"Bởi vì nó sẽ làm sốc tất cả những kẻ khác cũng như đã làm sốc anh."

"Anh chưa bao giờ thấy em cố tình tạo hiệu ứng như vậy."

"Lần này em có."

"Nhưng..." Giọng anh trở nên nhỏ nhẹ, gần như mang một âm mưu mê tín: "Nghe này, Dagny, em biết đấy, nó... nó không may mắn... Ý nghĩa của nó là..." Anh dừng lời.

"Ý nghĩa của nó là gì?"

"Em à, anh không biết... Nhưng cách mà người ta sử dụng nó, họ luôn dường như nói ra trong sự—"

"Lo sợ? Tuyệt vọng? Sự vô ích sao?"

"Vâng... vâng, đúng vậy."

"Đó là điều em muốn mang ra chửi họ!"

Sự giận dữ sáng lấp lánh trong mắt cô, ánh nhìn đầu tiên thể hiện niềm thích thú, đã khiến anh hiểu rằng anh phải giữ im lặng.

"Hãy soạn thảo tất cả các giấy tờ và mọi thủ tục rườm rà dưới danh nghĩa Tuyến John Galt," cô ra lệnh.

Anh thở dài. "Thế thì, đó là Tuyến của em."

"Chắc chắn là vậy!"

Anh liếc nhìn cô, ngạc nhiên. Cô đã từ bỏ những phép tắc và phong thái của một phó chủ tịch; cô dường như đang thư giãn một cách thoải mái như những người lao động trong đội bảo trì đường sắt và bọn công nhân xây dựng.

"Về mặt giấy tờ và pháp lý," anh nói, "có thể sẽ gặp một số khó khăn. Chúng ta sẽ phải xin phép từ—"

Cô quay lại đối mặt với anh. Về mặt cô vẫn còn ánh lên nét bạo bạo, dữ dội. Nhưng nó không vui vẻ, cũng không cười. Ánh mắt ấy bỗng mang một nét thô sơ, nguyên thủy. Khi anh nhìn thấy, anh chỉ ước rằng mình không bao giờ phải thấy điều đó nữa.

"Nghe này, Jim," cô nói, giọng nói vang lên theo cách mà anh chưa từng nghe ở bất kỳ ai. "Có một điều mà anh phải làm, là phần trách nhiệm của anh trong thỏa thuận này, và anh nên làm: hãy ngăn chặn những kẻ ở Washington. Hãy đảm bảo rằng họ giao cho tôi tất cả các giấy phép, sự cho phép, các điều lệ và những mớ giấy tờ rác mà luật pháp của họ yêu cầu. Đừng để họ cố gắng ngăn cản tôi. Nếu họ cố... Jim,

người ta nói rằng tổ tiên của chúng ta, Nat Taggart, đã giết một chính trị gia khi người đó từ chối cấp cho ông ta một giấy phép mà ông ta chẳng bao giờ cần phải xin. Anh không biết liệu Nat Taggart có làm vậy hay không. Nhưng anh hãy nghe này: tôi biết ông ấy đã cảm thấy thế nào, nếu ông ấy làm vậy. Nếu không—có lẽ tôi sẽ làm thay cho ông ấy, để hoàn thiện huyền thoại gia đình. Tôi nói thật đấy, Jim."

Francisco d'Anconia ngồi đối diện bàn làm việc của cô. Gương mặt hần trơ trọi, không biểu lộ cảm xúc. Hần im lặng trong suốt lúc Dagny giải thích cho hần, với giọng điệu rõ ràng, khách quan của một cuộc phỏng vấn kinh doanh, về sự thành lập và mục đích của công ty đường sắt của riêng cô. Hần lắng nghe. Hần không thốt nên lời nào.

Cô chưa bao giờ thấy gương mặt hần thể hiện nét mệt mỏi đến mức trông rỗng như vậy.

Không có sự châm biếm, không có niềm vui, cũng không có sự đối đầu; như thể hần không thuộc về những khoảnh khắc đời thường này và không thể bị chạm tới. Tuy nhiên, đôi mắt hần vẫn dõi theo cô một cách chăm chú; dường như chúng nhìn thấu mọi thứ hơn những gì cô có thể ngờ tới; chúng khiến cô liên tưởng đến kính một chiều: cho phép mọi tia sáng đi vào, nhưng không thể thoát ra ngoài.

"Francisco, em mời hần đến đây, bởi vì em muốn hần thấy em trong văn phòng của em. Hần hần chưa bao giờ nhìn thấy nó. Có lẽ trước đây nó đã mang ý nghĩa gì đó đối với hần."

Đôi mắt hần chậm rãi di chuyển để nhìn ngắm văn phòng. Những bức tường chỉ trông trải, ngoại trừ ba thứ: một tấm bản đồ của Taggart Transcontinental—bản vẽ nguyên bản của Nat Taggart, người đã làm hình mẫu cho bức tượng của ông ấy—và một cuốn lịch đường sắt lớn, với những màu sắc thô sơ nhưng vui tươi, kiểu mà mỗi năm được phân phát cho mọi nhà ga dọc theo đường ray Taggart, kiểu mà từng treo ở nơi làm việc đầu tiên của cô tại Rockdale.

Hần đứng dậy. Hần nói nhỏ, "Dagny, vì lợi ích của chính em, và"—có chút do dự

không rõ ràng—"và nhân danh bất cứ chút cảm thông nào mà em có thể dành cho hần, đừng yêu cầu điều mà em sắp yêu cầu.

Đừng. Hãy để hần đi ngay bây giờ."

Đó không giống với hần, và cũng không phải là điều mà cô từng nghĩ mình sẽ nghe từ hần. Sau một lúc, cô hỏi, "Tại sao?"

"Hần không thể trả lời em. Hần không thể trả lời bất kỳ câu hỏi nào. Đó là một trong những lý do tại sao tốt nhất là không bàn luận về chuyện đó."

"Em biết em sắp yêu cầu gì mà?"

"Hần biết." Ánh mắt mà cô dành cho hần như một câu hỏi đầy tự sự, tuyệt vọng đến mức khiến hần phải nói thêm, "Hần biết rằng hần sắp từ chối."

"Tại sao?"

Hần cười một cách nhạt nhẽo, dang rộng hai tay ra, như thể muốn cho cô thấy rằng đó chính là điều mà hần đã dự đoán và mong tránh.

Cô nói nhỏ, "Em phải cố gắng, Francisco. Em phải đưa ra yêu cầu. Đó là phần việc của em. Còn việc anh sẽ làm gì với nó, là việc của anh. Nhưng em sẽ biết rằng em đã cố gắng hết mọi cách."

Hần đứng yên, nhưng hơi cúi đầu đồng ý, và nói, "Hần sẽ lắng nghe, nếu điều đó có giúp em."

"Em cần mười lăm triệu đô la để hoàn thành Tuyến Rio Norte. Em đã huy động được bảy triệu đô la bằng cách cầm cổ phiếu Taggart mà em sở hữu một cách tự do, không gánh nặng. Em không thể huy động thêm được gì nữa. Em sẽ phát hành trái phiếu dưới danh nghĩa công ty mới của em, với mệnh giá tám triệu đô la. Em mời anh đến đây để nhờ anh mua những trái phiếu này."

Hần không đáp lời.

"Em chỉ là một kẻ ăn xin, Francisco, và em đang cầu xin anh giúp đỡ bằng tiền.

Em luôn nghĩ rằng trong kinh doanh người ta không nên ăn xin. Em nghĩ rằng người ta nên tự đứng trên giá trị mà mình có để đưa ra giá trị tương ứng. Nhưng giờ đây không còn vậy nữa, dù em không hiểu làm sao chúng ta có thể hành động theo bất cứ quy tắc nào khác mà vẫn tồn tại. Dựa trên mọi thực tế khách quan, Tuyến Rio

Norte dự định sẽ là đường sắt tốt nhất trong nước. Dựa trên mọi tiêu chuẩn hiện có, nó là khoản đầu tư tốt nhất có thể. Và đó là điều khiến em khổ sở. Em không thể huy động tiền bằng cách đưa ra cho người ta một cơ hội kinh doanh tốt: sự thật là nó tốt đến nỗi khiến người ta từ chối nó. Không có ngân hàng nào mua trái phiếu của công ty em được.

Vậy nên em không thể dựa vào giá trị của bản thân. Em chỉ có thể cầu xin."

Giọng nói của cô phát ra từng từ với sự chính xác khách quan. Cô dừng lại, chờ đợi câu trả lời từ hắn.

Hắn vẫn im lặng.

"Em biết rằng em không có gì để đề nghị anh cả," cô nói. "Em không thể nói chuyện với anh theo cách của một nhà đầu tư. Anh chẳng quan tâm đến việc kiếm tiền. Những dự án công nghiệp từ lâu đã không còn làm anh bận tâm. Vậy nên em sẽ không giả vờ rằng đó là một trao đổi công bằng. Nó chỉ đơn giản là sự ăn xin." Cô hít một hơi, rồi nói, "Hãy cho em số tiền đó như những đồng khẩn cứu, vì với anh nó chẳng có ý nghĩa gì cả."

"Đừng làm vậy," hắn nói, giọng hắn trầm xuống. Cô không rõ âm thanh lạ lùng ấy là do nỗi đau hay do cơn giận; đôi mắt hắn cúi xuống.

"Anh sẽ làm điều đó chứ, Francisco?"

"Không."

Sau một lúc, cô nói, "Em gọi anh đến đây không phải vì em nghĩ anh sẽ đồng ý, mà bởi vì anh là người duy nhất có thể hiểu những gì em đang nói. Vì vậy, em đã phải cố gắng." Giọng cô ngày càng trầm hơn, như thể hy vọng rằng điều đó sẽ khiến cảm xúc khó nhận ra hơn. "Em thấy đấy, em không thể tin rằng anh đã thực sự biến mất... vì em biết rằng anh vẫn còn có thể nghe thấy em. Cách mà anh sống thì đòi hỏi, nhưng cách anh hành xử thì không. Ngay cả cách anh nói về nó cũng không... em đã phải cố gắng..."

Nhưng em không thể tiếp tục vật lộn để hiểu anh được nữa."

"Em hãy nhận một gợi ý. Mâu thuẫn không tồn tại. Mỗi khi em nghĩ rằng em đang đối mặt với một mâu thuẫn, hãy kiểm tra lại những giả thiết của mình. Em sẽ thấy rằng một trong số đó là sai."

"Francisco," cô thì thầm, "tại sao anh không kể cho em biết chuyện gì đã xảy ra với anh?"

"Bởi vì, vào lúc này, câu trả lời sẽ làm em đau đớn hơn sự nghi ngờ."

"Nó có tệ đến vậy sao?"

"Đó là câu trả lời mà em phải tự mình tìm ra."

Cô lắc đầu. "Em không biết phải đưa ra gì cho anh. Em không biết còn điều gì có giá trị với anh nữa. Anh không thấy sao rằng ngay cả một kẻ ăn xin cũng phải đưa ra giá trị đáp lại, phải đưa ra lý do khiến anh có thể muốn giúp đỡ hắn?... Thôi, em đã nghĩ rằng... một thời, điều đó có ý nghĩa rất lớn đối với anh—sự thành công. Thành công trong công nghiệp. Nhớ chăng, chúng ta đã từng nói về điều đó? Anh từng rất nghiêm khắc. Anh kỳ vọng rất nhiều ở em. Anh bảo rằng em nên xứng đáng với điều đó. Em đã làm được. Anh đã từng tự hỏi em sẽ vươn lên thế nào với Taggart Transcontinental." Cô giơ tay, chỉ vào văn phòng. "Đây là mức em đã vươn lên... Vậy nên em đã nghĩ rằng... nếu ký ức về những giá trị vốn là của anh vẫn còn mang một chút ý nghĩa—dù chỉ là để giải trí, hay là một khoảnh khắc buồn bã, hay chỉ đơn giản như... như việc đặt hoa trên mộ—thì có lẽ anh sẽ muốn cho em số tiền đó... nhân danh điều đó."

"Không."

Cô nói, cố gắng, "Số tiền đó sẽ chẳng có ý nghĩa gì với anh—anh đã tiêu xài nó vào những bữa tiệc vô nghĩa, anh còn tiêu tốn nhiều hơn vào các mỏ San Sebastian—"

Hắn liếc mắt lên. Hắn nhìn thẳng vào cô, và cô thấy tia lửa sống động đầu tiên lóe lên trong đôi mắt hắn, một ánh nhìn sáng, tàn nhẫn và, thật khó tin, đầy kiêu hãnh:

như thế đó là một lời buộc tội đã cho hấn sức mạnh.

"Ồ, vâng," cô nói chậm rãi, như thể trả lời cho suy nghĩ của hấn, "em hiểu điều đó. Em đã nguyên rủa anh vì những mớ đó, em đã lên án anh, em đã ném hết sự khinh bỉ của mình vào anh theo mọi cách có thể, và bây giờ em lại quay trở lại với anh—để xin tiền. Giống như Jim, như bất kỳ kẻ ăn mày nào mà anh từng gặp. Em biết đó là một chiến thắng đối với anh, em biết rằng anh có thể cười nhạo em và khinh thường em một cách chính đáng. Thế thì—có lẽ em có thể đưa ra điều đó cho anh. Nếu đó là sự giải trí mà anh muốn, nếu anh thấy vui khi nhìn thấy Jim và mấy kẻ lập kế hoạch Mexico bò lê la... liệu anh có thấy vui không khi làm gãy em? Liệu anh có thấy hài lòng không? Anh có muốn nghe em thừa nhận rằng em đã thua trước anh không? Anh có muốn thấy em bò lê dưới chân anh sao? Nói cho em biết anh muốn điều đó theo hình thức nào, và em sẽ chịu theo."

Hấn di chuyển nhanh đến nỗi cô không kịp để ý cách hấn bắt đầu; đối với cô, dường như chuyển động đầu tiên của hấn chỉ là một cơn rùng mình. Hấn đi vòng quanh bàn làm việc, hấn nắm lấy tay cô và nâng tay ấy lên hôn. Nó bắt đầu như một cử chỉ thể hiện sự tôn kính lớn lao, như thể mục đích của nó là truyền cho cô sức mạnh; nhưng khi hấn giữ môi lên đó, rồi khuôn mặt hấn áp sát vào tay cô, cô biết rằng hấn đang tìm kiếm sức mạnh từ cử chỉ đó cho chính mình.

Hấn thả tay cô, liếc nhìn xuống khuôn mặt cô, nhìn vào vẻ hoang mang sợ hãi trong đôi mắt cô, rồi hấn mỉm cười, không cố giấu rằng nụ cười ấy chứa đựng nỗi khổ, cơn giận và cả sự triu mến.

"Dagny, em muốn bò lê sao? Em không biết từ đó có nghĩa là gì và sẽ chẳng bao giờ biết được. Người ta không bò lê chỉ vì thừa nhận nó một cách chân thật như vậy. Em có cho rằng hấn biết rằng việc em cầu xin hấn là điều dũng cảm nhất mà em có thể làm sao? Nhưng... đừng hỏi hấn, Dagny."

"Nhân danh bất cứ điều gì mà em từng có ý nghĩa với anh... bất cứ điều gì còn sót lại bên trong anh..." cô thì thầm, trong khoảnh khắc em nghĩ rằng mình đã từng thấy

ánh mắt ấy trước đây, rằng đó là cách hắn nhìn dưới ánh sáng rực rỡ của thành phố về đêm, khi hắn nằm cạnh em trên giường lần cuối—em nghe thấy tiếng kêu của hắn, kiểu tiếng kêu mà em chưa bao giờ nghe hắn thốt ra trước đây: "Tình yêu của ta, hắn không thể làm được!"

Rồi, khi họ nhìn nhau, cả hai đều choáng váng im lặng vì kinh ngạc, cô thấy sự thay đổi trên khuôn mặt hắn. Nó đột ngột thô lỗ đến mức như thể hắn vừa lắc một công tắc. Hắn cười, hắn rời xa cô và nói, giọng hắn trở nên quá quen thuộc đến mức kinh khủng vì sự tự nhiên: "Xin lỗi vì sự pha trộn trong phong cách biểu đạt. Hắn đã phải nói như vậy với quá nhiều người phụ nữ, nhưng trong những dịp khác nhau."

Đầu cô cúi xuống, cô ngồi co lại, không quan tâm rằng hắn đã nhìn thấy điều đó.

Khi cô ngẩng đầu lên, cô nhìn hắn một cách thờ ơ. "Được rồi, Francisco. Đó là một màn trình diễn hay. Em đã tin hắn. Nếu đó là cách của anh để hưởng thụ niềm vui mà em đang đề nghị, thì anh đã thành công. Em sẽ không xin anh gì cả."

"Hắn đã cảnh báo em rồi."

"Em không biết anh thuộc phe nào. Em tưởng rằng điều đó là không thể—nhưng đó lại là phe của Orren Boyle và Bertram Scudder và cả thầy cũ của anh."

"Thầy cũ của anh sao?" hắn hỏi một cách sắc bén.

"Tiến sĩ Robert Stadler."

Hắn cười khúc khích, nhẹ nhõm. "Ồ, thằng đó à? Hắn là kẻ cướp bóc cho rằng mục đích của hắn biện minh cho việc tịch thu phương tiện của em." Hắn nói thêm, "Em biết không, Dagny, em hãy nhớ lại anh đã nói mình thuộc phe nào. Một ngày nào đó, hắn sẽ nhắc nhở em điều đó và hỏi em liệu em có muốn nhắc lại không."

"Em sẽ chẳng cần phải nhắc anh đâu."

Hắn quay người rời đi. Hắn giơ tay vẫy chào một cách tự nhiên và nói, "Nếu có thể

xây dựng được, hấn chúc Tuyến Rio Norte may mắn."

"Nó sẽ được xây dựng. Và nó sẽ được gọi là Tuyến John Galt."

"Gì cơ?!"

Đó thật sự là một tiếng thét; cô cười khẽ, với vẻ khinh bỉ. "Tuyến John Galt."

"Dagny, nhân danh trời đất, sao lại như vậy?"

"Anh không thích sao?"

"Anh chọn cái tên đó như thế nào ra?"

"Nó nghe hay hơn ông Nemo hay ông Zero, phải không?"

"Dagny, sao lại là cái tên đó?"

"Bởi vì nó làm anh sợ hãi."

"Anh nghĩ nó tượng trưng cho điều gì?"

"Điều không thể. Điều không đạt được. Và tất cả các người đều sợ Tuyến của em cũng như sợ cái tên đó."

Hấn bắt đầu cười. Hấn cười, không nhìn cô, và cô cảm thấy một cách kỳ lạ rằng hấn đã quên mất cô, rằng hấn đang ở xa, rằng hấn đang cười—trong niềm vui dữ dội xen lẫn sự đắng cay—về điều mà cô chẳng có phần nào liên quan.

Khi hấn quay lại nhìn cô, hấn nói một cách chân thành, "Dagny, nếu em là anh, em sẽ không làm vậy."

Cô nhún vai. "Jim cũng không thích nó, cả."

"Anh có thích điều gì về nó không?"

"Em ghét nó! Em ghét sự kết cục mà tất cả các người đang chờ đợi, sự bỏ cuộc, và câu hỏi vô nghĩa luôn vang lên như một tiếng kêu cầu cứu. Em chán ngấy việc nghe lời van xin về John Galt. Em sẽ chiến đấu với hắn."

Hắn nói nhỏ, "Anh biết điều đó."

"Em sẽ xây dựng một tuyến đường sắt cho hắn. Để hắn đến và tuyên bố nó là của hắn!"

Hắn mỉm cười buồn bã và gật đầu: "Hắn sẽ làm vậy."

Ánh sáng của thép đúc chảy qua trần và vỡ tung trên một bức tường. Rearden ngồi bên bàn làm việc của hắn, trong ánh sáng của một chiếc đèn đơn. Phía ngoài vòng tròn ánh đèn, bóng tối của văn phòng hòa lẫn với bóng tối bên ngoài. Hắn cảm giác như đó là không gian trống, nơi những tia sáng từ lò nung di chuyển tùy ý; như thể chiếc bàn là một chiếc bè treo giữa không trung, giam giữ hai con người trong sự riêng tư. Dagny ngồi đối diện bàn làm việc của hắn.

Cô đã cởi bỏ chiếc áo khoác của mình, và ngồi đó nổi bật trên nền của chiếc áo, một thân hình mảnh mai, căng thẳng trong bộ vest màu xám, tựa nghiêng qua chiếc ghế bành rộng.

Chỉ có bàn tay cô nằm trong ánh sáng, trên mép bàn làm việc; phía bên ngoài, anh thấy nét nhạt nhòa của khuôn mặt cô, màu trắng của chiếc áo sơ mi, hình tam giác của một chiếc cổ áo mở ra.

— "Được rồi, Hank," cô nói, "chúng ta sẽ tiến hành xây dựng một cây cầu mới bằng Kim loại Rearden. Đây là lệnh chính thức của chủ sở hữu hợp pháp của Tuyến John Galt."

Hank mỉm cười, liếc nhìn xuống các bản vẽ của cây cầu đang trải ra dưới ánh sáng trên bàn.

— "Em đã có dịp xem qua sơ đồ mà chúng ta đã nộp chưa?"

– “Rồi. Em không cần nhận xét hay lời khen của anh. Lệnh đã nói lên mọi thứ.”

– “Rất tốt. Cảm ơn em. Anh sẽ bắt đầu lăn tán Kim loại ngay bây giờ.”

– “Anh chẳng muốn hỏi liệu Tuyến John Galt có đủ khả năng để đặt hàng hay hoạt động không sao?”

– “Anh không cần phải hỏi. Việc anh có mặt ở đây đã nói lên điều đó rồi.”

Cô mỉm cười. “Đúng. Mọi thứ đã sẵn sàng, Hank. Em đến đây để thông báo điều đó và để bàn bạc trực tiếp về các chi tiết của cây cầu.”

– “Được rồi, anh tò mò đây: Các chủ nợ trái phiếu của Tuyến John Galt là ai?”

– “Em không nghĩ rằng bất cứ ai trong số họ có đủ khả năng chi trả. Tất cả đều là những doanh nghiệp đang phát triển. Tất cả đều cần tiền cho chính các hoạt động của mình.

Nhưng họ cần Tuyến đó và họ không nhờ ai giúp đỡ.”

Cô rút ra một tờ giấy từ trong túi xách.

– “Đây là John Galt, Inc.,” cô nói, trao tờ giấy qua bàn.

Anh nhận ra hầu hết các tên trên danh sách: “Ellis... Wyatt, Wyatt Oil, Colorado. Ted Nielsen, Nielsen Motors, Colorado. Lawrence Hammond, Hammond Cars, Colorado. Andrew Stockton, Stockton Foundry, Colorado.” Có vài cái tên từ các bang khác; anh chú ý thấy tên: “Kenneth Danagger, Danagger Coal, Pennsylvania.” Số tiền các khoản đầu tư của họ dao động, từ con số năm chữ số cho đến sáu chữ số.

Anh lấy cây bút bi của mình, viết vào dưới cùng của danh sách “Henry Rearden, Rearden Steel, Pennsylvania – 1.000.000 đô la” và ném tờ danh sách lại cho cô.

– “Hank,” cô nói nhỏ, “em không muốn anh phải dính líu vào chuyện này. Anh đã đầu tư quá nhiều vào Kim loại Rearden đến mức nó còn tệ hơn cho anh so với chúng

ta. Anh không đủ khả năng chấp nhận thêm một rủi ro nữa.”

— “Anh chẳng bao giờ nhận những ân huệ,” anh trả lời lạnh lùng.

— “Ý anh là sao?”

— “Anh không bao giờ đòi người khác mạo hiểm nhiều hơn chính anh mạo hiểm cho các dự án của mình. Nếu là một trò đánh bạc, anh sẽ so le bất cứ ai. Em chẳng nhớ rằng con đường đó từng là sân khấu đầu tiên của anh sao?”

Cô gật đầu và nói một cách nghiêm trọng, “Được rồi. Cảm ơn anh.”

— “Nhân tiện, anh không nghĩ mình sẽ mất số tiền này đâu. Anh biết rõ các điều kiện mà theo đó những trái phiếu này có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu theo lựa chọn của anh. Vì vậy, anh kỳ vọng sẽ có lợi nhuận vượt mức — và anh sẽ kiếm được nó cho anh.”

Cô cười. “Chúa ơi, Hank, em đã nói chuyện với quá nhiều kẻ ngu vàng đến nỗi họ gần như làm em tin rằng Tuyến của em là một thất bại không thể cứu vãn! Cảm ơn anh vì đã nhắc nhở em. Vâng, em nghĩ rằng em sẽ kiếm được cho anh lợi nhuận vượt mức đó.”

— “Nếu không có mấy kẻ ngu vàng, chẳng có rủi ro gì cả. Nhưng chúng ta phải đánh bại họ. Chúng ta sẽ làm được.” Anh rút ra hai bức điện báo từ trong đồng giấy trên bàn. “Vẫn còn một vài người tồn tại.” Anh trao cho cô những bức điện báo.

Một bức báo ghi:

“Đã định thực hiện trong vòng hai năm, nhưng tuyên bố của Viện Khoa học Bang buộc tôi phải tiến hành ngay lập tức. Hãy xem đây như một cam kết cho việc xây dựng một đường ống Kim loại Rearden 12 inch, dài 600 dặm, từ Colorado đến Kansas City.

Chi tiết sẽ được gửi sau. Ellis Wyatt.”

Bức điện báo còn lại ghi:

“Liên quan đến cuộc thảo luận của chúng ta về đơn đặt hàng của tôi. Hãy tiến hành. Ken Danagger.”

Anh giải thích thêm, “Hắn cũng không sẵn sàng tiến hành ngay được. Đó là tám ngàn tấn Kim loại Rearden. Kim loại kết cấu.

Dùng cho các mỏ than.”

Họ trao nhìn nhau và mỉm cười. Họ chẳng cần thêm lời bình luận nào nữa.

Anh liếc mắt xuống khi cô trao lại những bức điện báo cho hắn. Làn da trên bàn tay cô trông trong suốt dưới ánh sáng, như bàn tay của một cô gái trẻ với những ngón tay dài, mảnh mai, thoải mái trong chốc lát, bất lực trước sự bảo vệ.

— “Nhà máy đúc Stockton ở Colorado,” cô nói, “sẽ hoàn thành đơn hàng đó cho em — đơn hàng mà Công ty Amalgamated Switch and Signal đã không thể hoàn thành. Họ sẽ liên lạc với anh về Kim loại.”

— “Họ đã liên lạc rồi. Anh hỏi xem em đã làm gì với đội ngũ xây dựng chưa?”

— “Kỹ sư của Nealy vẫn ở lại, những người giỏi nhất, những người em cần. Và hầu hết các trưởng nhóm cũng vậy. Sẽ không quá khó để giữ họ làm việc.

Dù sao thì Nealy cũng chẳng có ích lắm.”

— “Còn vấn đề lao động thì sao?”

— “Có nhiều người đăng ký hơn số lượng em có thể thuê. Em không nghĩ rằng công đoàn sẽ can thiệp. Phần lớn những người đăng ký đều sử dụng tên giả. Họ là thành viên công đoàn. Họ cần việc làm đến tuyệt vọng. Em sẽ bố trí vài người bảo vệ trên Tuyến, nhưng em không mong đợi có rắc rối gì.”

— “Còn Hội đồng Quản trị của anh em trai Jim thì sao?”

— “Họ đều đang hồi hã đưa ra tuyên bố trên báo chí rằng họ không có bất cứ liên hệ

nào với Tuyến John Galt và rằng họ cho rằng đây là một dự án đáng lên án. Họ đã đồng ý với mọi yêu cầu của em.”

Đường vai của cô nhìn căng thẳng, nhưng lại được gánh ra một cách nhẹ nhàng, như thể sẵn sàng cất cánh bay. Sự căng thẳng dường như là điều tự nhiên đối với cô, không phải là dấu hiệu của lo âu, mà là dấu hiệu của niềm thích thú; sự căng thẳng của cả cơ thể cô, qua bộ vest màu xám, lồ mờ hiện ra trong bóng tối, “Eddie Willers đã đảm nhận vị trí Phó Chủ tịch Điều hành,” cô nói. “Nếu anh cần điều gì, hãy liên lạc với hắn. Tối nay em sẽ lên Colorado.”

— “Tối nay?”

— “Vâng. Chúng ta phải bù đắp thời gian. Chúng ta đã mất một tuần.”

— “Em sẽ tự lái máy bay của mình sao?”

— “Vâng. Em sẽ trở lại sau khoảng mười ngày, em dự định sẽ có mặt ở New York một hoặc hai lần mỗi tháng.”

— “Em sẽ ở đâu ở đó?”

— “Ở công trường. Trong một toa xe lửa riêng của em — tức là, toa xe của Eddie, mà em đang mượn.”

— “Em có an toàn không?”

— “An toàn khỏi điều gì cơ?” Rồi cô bật cười, ngạc nhiên. “Chà, Hank, đây là lần đầu tiên anh nghĩ rằng em không phải là đàn ông. Dĩ nhiên, em sẽ an toàn.”

Anh không nhìn cô; anh đang chăm chú vào một bảng số liệu trên bàn.

— “Anh đã nhờ các kỹ sư của mình chuẩn bị bảng tóm tắt chi phí của cây cầu,” anh nói, “và một lịch trình ước tính cho thời gian xây dựng cần thiết. Đó là điều anh muốn bàn bạc với em.” Anh duỗi ra những tờ giấy. Cô ngồi xuống để đọc chúng.

Một mảng ánh sáng chiếu qua khuôn mặt cô. Anh thấy đôi môi cương quyết, gợi cảm với đường nét sắc sảo. Rồi cô ngả người ra sau một chút, và anh chỉ thấy mờ hình dạng của đôi môi ấy cùng những đường nét tối của hàng mi nhắm xuống.

— “Chẳng phải anh đã từng nghĩ vậy sao? — anh tự hỏi. Chẳng phải anh đã nghĩ như vậy kể từ lần đầu tiên gặp em? Chẳng phải anh đã không nghĩ gì khác suốt hai năm qua...?” Anh ngồi im lặng, nhìn chằm chằm vào cô. Anh nghe thấy những lời mà anh chưa bao giờ cho phép bản thân hình thành, những lời mà anh đã cảm nhận, đã biết, nhưng chưa từng đối diện, đã mong muốn hủy diệt bằng cách không bao giờ để chúng được thốt ra trong tâm trí mình. Giờ đây, nó đến một cách đột ngột và sốc, như thể anh đang nói ra với cô... “Kể từ lần đầu tiên gặp em... Chẳng còn gì ngoài cơ thể em, đôi môi ấy của em, và cách em nhìn anh, nếu... Qua từng câu nói anh từng nói với em, qua từng cuộc họp mà em từng cảm thấy an toàn, qua tầm quan trọng của mọi vấn đề chúng ta đã bàn bạc... Em đã tin tưởng anh, phải không? Tin rằng anh sẽ nhận ra sự vĩ đại của em? Suy nghĩ về em như em xứng đáng — như thể em là một người đàn ông?”

“... Anh có nghĩ rằng anh biết mình đã phản bội đến mức nào không? Cuộc gặp gỡ rực sáng duy nhất trong đời anh — người duy nhất mà anh kính trọng — doanh nhân giỏi nhất mà anh biết — đồng minh của anh — đối tác của anh trong trận chiến tuyệt vọng...

Mong muốn thấp hèn nhất trong số tất cả những mong muốn — như câu trả lời của anh cho điều cao cả nhất mà anh từng gặp...

Anh có biết anh là ai không? Anh đã suy nghĩ về điều đó, bởi vì nó lẽ ra phải là điều không thể nghĩ tới. Vì nhu cầu hạ thấp đến mức không bao giờ được chạm tới em, anh chưa bao giờ muốn ai khác ngoài em... Anh chưa biết cảm giác muốn như vậy cho đến lần đầu tiên gặp em. Anh đã nghĩ: Không phải anh, anh không thể bị bại gục bởi nó... Kể từ đó... suốt hai năm... không có một khoảnh khắc nào được nghỉ ngơi... Anh có biết cảm giác muốn đến thế nào không? Em có muốn nghe anh nói những gì anh đã nghĩ khi nhìn em... khi anh thức trắng cả đêm... khi anh nghe giọng em qua

đường dây điện thoại... khi anh làm việc mà không thể đuổi theo nó đi sao?”

“... Để hạ thấp em xuống mức mà em chẳng thể tưởng tượng được—và để em biết rằng chính ta đã làm điều đó. Để biến em thành một xác thịt, để dạy em cảm giác khoái lạc của một con vật, để thấy em cần nó, để thấy em cầu xin ta vì nó, để thấy tinh thần tuyệt vời của em phụ thuộc vào sự đê tiện của nhu cầu em. Để ngắm nhìn em như em vốn có, khi em đối mặt với thế giới bằng sức mạnh sạch sẽ, kiêu hãnh của em—rồi lại thấy em, trong giường của ta, đầu hàng trước bất cứ cơn bốc bất danh nào ta có thể nghĩ ra, trước bất cứ hành động nào ta thực hiện chỉ với mục đích ngắm nhìn sự hổ thẹn của em và mà em sẽ chịu đựng chỉ vì một cảm giác không thể nói thành lời... Ta muốn em—và cho dù ta có bị nguyên rủa vì điều đó thì cũng vậy!...”

Cô đang đọc báo, tựa lưng ra sau trong bóng tối—anh thấy ánh lửa phản chiếu lên mái tóc cô, chảy xuống vai, lan tỏa xuống cánh tay, đến làn da trần truồng của cổ tay.

“... Em có biết bây giờ, trong khoảnh khắc này ta đang nghĩ gì không?...”

Bộ vest màu xám của anh và chiếc cổ áo mở ra của anh... anh trông thật trẻ trung, thật trang nghiêm, thật tự tin... Anh sẽ như thế nào nếu ta búng ngược đầu anh, nếu ta quăng anh xuống trong bộ vest trang trọng đó, nếu ta nâng vấy anh—”

Cô liếc nhìn anh. Anh lại nhìn xuống các tờ giấy trên bàn.

Chút lát sau, anh nói,

“Chi phí thực tế của cây cầu thấp hơn ước tính ban đầu của chúng ta. Em sẽ để ý rằng sức mạnh của cây cầu cho phép sau này có thể lắp thêm một đường ray thứ hai, điều mà, ta nghĩ, khu vực đó sẽ đòi hỏi chỉ trong vài năm tới. Nếu em chia đều chi phí trong khoảng thời gian—”

Anh nói, và cô nhìn khuôn mặt anh trong ánh đèn dầu, đối lập với khoảng trống đen tối của văn phòng. Đèn không còn trong tầm mắt cô nữa, và cô cảm nhận như thể

chính khuôn mặt anh đang soi sáng những tờ giấy trên bàn.

Khuôn mặt anh, cô nghĩ, và sự trong trẻo lạnh lẽo, rục rĩ của giọng nói anh, của tâm trí anh, của ý chí tập trung vào một mục tiêu duy nhất. Khuôn mặt anh như những lời nói của anh—như thể một sợi chỉ chủ đề duy nhất chạy từ cái nhìn điềm tĩnh của đôi mắt, qua những cơ bắp gầy guộc ở má, đến đường nét nhẹ nhàng nhưng có chút khinh bỉ cong xuống của miệng—đó là sợi chỉ của một sự khổ hạnh tàn nhẫn.

Ngày hôm đó bắt đầu với tin thảm họa: một đoàn xe hàng của Atlantic Southern đã va chạm trực diện với một đoàn xe khách, ở New Mexico, trên một khúc cua gắt trong núi, làm rải rác các toa hàng khắp dốc đồi. Những toa xe đó chở năm nghìn tấn đồng, được vận chuyển từ một mỏ ở Arizona đến các nhà máy của Rearden. Rearden đã gọi điện cho tổng giám đốc của Atlantic Southern, nhưng câu trả lời mà anh nhận được là:

“Ôi Chúa ơi, ông Rearden, làm sao chúng tôi có thể biết? Làm sao ai có thể biết mất bao lâu để dọn dẹp đồng đổ nát đó đây?

Một trong những tai nạn tồi tệ nhất mà chúng tôi từng có . . . Tôi không biết, ông Rearden.

Ở khu vực đó chẳng có tuyến đường sắt nào khác. Đường ray bị xé toạc trong vòng khoảng mười hai trăm feet. Đã có một trận lở đá. Xe cứu hộ của chúng tôi không thể xuyên qua. Tôi không biết làm sao chúng tôi có thể đưa những toa xe hàng đó trở lại trên đường ray, hay khi nào. Chắc chắn không sớm hơn hai tuần . . .

Ba ngày? Không thể, ông Rearden! . . . Nhưng chúng tôi không có cách nào khác đâu! . . . Nhưng chắc chắn ông có thể nói với khách hàng của ông rằng đó là một hành động của Chúa!

Nếu ông giữ chúng lại, không ai có thể trách ông trong trường hợp như thế này!”

Trong vòng hai giờ tiếp theo, với sự trợ giúp của thư ký, hai kỹ sư trẻ từ bộ phận giao hàng, một tám bản đồ đường và chiếc điện thoại liên lạc địa, Rearden đã sắp xếp cho một đội xe tải tiến đến hiện trường vụ tai nạn, và cho một chuỗi các toa lật gập xe tại nhà ga gần nhất của Atlantic Southern. Những toa lật đó được mượn từ

Taggart Transcontinental. Những chiếc xe tải được huy động từ khắp New Mexico, Arizona và Colorado. Các kỹ sư của Rearden đã tìm kiếm qua điện thoại các chủ xe tải tư nhân và đã đề nghị mức thanh toán khiến mọi tranh cãi lập tức tan biến.

Đó là lô hàng thứ ba trong tổng số ba lô đồng mà Rearden dự kiến; hai đơn đặt hàng đã không được giao: một công ty đã phá sản, công ty kia thì vẫn đang biện hộ rằng có sự chậm trễ mà họ không thể khắc phục.

Anh đã xử lý việc đó mà không làm gián đoạn chuỗi cuộc hẹn của mình, không nâng giọng, không tỏ ra căng thẳng, bất an hay lo lắng; anh hành động với sự chính xác nhanh nhẹn của một chỉ huy quân sự dưới cơn bão bất ngờ—và Gwen Ives, thư ký của anh, đã hành động như một trung úy điềm tĩnh nhất. Cô là một cô gái cuối những năm hai mươi, với khuôn mặt yên tĩnh hài hòa, cắt cánh, có một nét đặc trưng tương xứng với những thiết bị văn phòng được thiết kế tinh xảo nhất; cô là một trong những nhân viên tàn nhẫn và xuất sắc nhất của anh; cách cô thực hiện nhiệm vụ cho thấy sự sạch sẽ lý trí đến mức coi bất kỳ yếu tố cảm xúc nào trong công việc là một điều vô cùng không thể tha thứ.

Khi tình trạng khẩn cấp qua đi, lời nhận xét duy nhất của cô là,

“Ông Rearden, tôi nghĩ rằng chúng ta nên yêu cầu tất cả các nhà cung cấp của mình vận chuyển qua Taggart Transcontinental.”

“Anh cũng đang nghĩ vậy,” anh đáp; rồi nói thêm, “Gọi điện cho Wire Fleming ở Colorado. Nói với hắn rằng anh đang giữ quyền chọn trên mảnh đất mỏ đồng đó.”

Anh trở lại bàn làm việc, nói chuyện với giám đốc sản xuất qua một chiếc điện thoại và với quản lý mua hàng qua chiếc điện thoại khác, kiểm tra từng ngày và từng tấn quặng có sẵn—anh không thể để cho bất cứ sự chậm trễ nào, dù chỉ một giờ, trong dòng lửa của lò nung: đó là mẻ cuối cùng của đường sắt cho Tuyến John Galt đang được đúc—khi chuông báo động reo và giọng của cô Ives thông báo rằng mẹ anh đang đứng bên ngoài, đòi gặp anh.

Anh đã yêu cầu gia đình không bao giờ đến các nhà máy mà không có cuộc hẹn. Anh

cũng mừng vì họ ghét nơi đó và hiếm khi xuất hiện trong văn phòng của anh. Nhưng bây giờ, anh cảm thấy một cơn bốc bách dữ dội muốn ra lệnh đuổi mẹ mình khỏi cơ sở. Thay vào đó, với nỗ lực lớn hơn cả vấn đề của vụ tai nạn tàu, anh nhẹ nhàng nói, “Được rồi. Hãy bảo bà vào trong.”

Mẹ anh bước vào với vẻ buống bình đối đầu. Bà nhìn văn phòng của anh như thể bà biết nó có ý nghĩa gì đối với anh, như thể bà đang tuyên bố sự phẫn nộ của mình đối với bất cứ điều gì quan trọng hơn bản thân bà đối với anh. Bà mất khá nhiều thời gian để ngồi xuống trong một chiếc ghế bành, sắp xếp và sắp xếp lại túi xách, đôi găng tay, những nếp gấp của chiếc váy của bà, trong khi bà lẩm bẩm, “Thật là lạ khi một người mẹ phải đợi trong phòng chờ và xin phép một thư ký trước khi bà được phép gặp chính người con của bà—”

“Má, có việc gì quan trọng không? Hôm nay con rất bận.”

“Con không phải là người duy nhất có rắc rối đâu. Dĩ nhiên là quan trọng. Bà có nghĩ rằng bà sẽ đi khắp nơi để lái xe đến đây, nếu không quan trọng sao?”

“Chuyện gì vậy?”

“Chuyện về Philip.”

“Ừ?”

“Philip không hạnh phúc.”

“Vậy?”

“Anh ấy cảm thấy không đúng khi phải phụ thuộc vào sự từ thiện của ông và sống nhờ những món quà, không bao giờ có thể tự kiếm được dù chỉ một đô la.”

“Thế nào!” anh nói với một nụ cười ngạc nhiên. “Con đã chờ anh nhận ra điều đó từ lâu rồi.”

“Không ổn đâu, với một người nhạy cảm như anh, khi phải rơi vào tình thế đó.”

“Chắc chắn là không ổn.”

“Tôi vui vì anh đồng ý với bà. Vậy nên điều mà ông cần làm là cho anh ấy một công việc.”

“Một... cái gì cơ?”

“Ông phải cho anh ấy một công việc, ngay tại nhà máy—nhưng là một công việc đẹp, sạch sẽ, dĩ nhiên, có bàn làm việc, văn phòng và một mức lương xứng đáng, để anh ấy không phải làm việc cùng những công nhân thuê ngày và bên cạnh những lò nung bốc mùi hôi.”

Anh biết rằng mình đang nghe bà nói; anh chẳng thể làm cho mình tin được điều đó. “Má, con không đùa mà.”

“Bà chắc chắn không đùa. Bà biết rằng đó là điều mà anh ấy muốn, chỉ là anh ta quá kiêu ngạo để trực tiếp xin ông. Nhưng nếu ông đề nghị cho anh ta và khiến nó trông như thể chính ông đang nhờ anh ta—ồ, con biết anh ta sẽ vui mừng nhận lời. Đó là lý do bà phải đến đây nói chuyện với ông—để anh ta không đoán ra rằng chính bà đã nhắc nhở ông.”

Bản chất của tâm trí anh chẳng dám hiểu được bản chất của những điều mà anh đang nghe. Một suy nghĩ đơn lẻ cắt qua tâm trí anh như một chùm đèn chiếu sáng, khiến anh không thể tưởng tượng nổi làm sao có thể có đôi mắt nào bỏ lỡ điều đó. Suy nghĩ đó bùng nổ ra như một tiếng kêu bối rối: “Nhưng anh ta chẳng biết gì về ngành thép cả!”

“Điều đó có liên quan gì? Anh ta cần một công việc mà.”

“Nhưng anh ta không thể làm được công việc đó.”

“Anh ta cần phải lấy lại tự tin và cảm thấy mình quan trọng.”

“Nhưng anh ta chẳng làm tốt được chút nào cả.”

“Anh ta cần cảm thấy rằng anh ta được trân trọng.”

“Ồ đây? Ông có thể cần anh ta vì sao?”

“Ông thuê rất nhiều người lạ.”

“Con chỉ thuê những người có năng suất. Anh ta có gì để cung cấp chứ?”

“Anh ta là em trai của ông, chẳng phải sao?”

“Điều đó có liên quan gì?”

Bà nhìn nhau với vẻ kinh ngạc, sau đó im lặng vì sốc. Trong chốc lát, họ ngồi nhìn nhau, như thể cách nhau một khoảng cách giữa các hành tinh.

"Anh là em trai của ông," cô nói, giọng cô vang lên như tiếng đĩa than hoa lập đi lập lại một công thức ma thuật mà cô không thể cho phép mình nghi ngờ. "Anh ta cần có vị trí trong cuộc đời. Anh ta cần một mức lương, để anh ta cảm thấy rằng tiền bạc đến với anh ta là xứng đáng, chứ không phải là những đồng hèn ăn xin."

"Xứng đáng sao? Nhưng anh ta chẳng đáng gì đối với anh cả."

"Đó là điều ông nghĩ ngay từ đầu sao? Lợi nhuận của ông? Ông đang yêu cầu giúp đỡ em trai mình, mà ông tính toán để kiếm ra một đồng bạc từ hần, và ông sẽ không giúp hần trừ khi có tiền đền bù cho ông—đúng không?"

Cô nhìn thấy biểu hiện trong ánh mắt anh, rồi quay đi, nhưng nói vội, giọng cô dâng lên:

"Ừ, chắc chắn, ông đang giúp hần—giống như ông giúp bất cứ kẻ ăn xin lang thang nào. Sự giúp đỡ về vật chất—đó là tất cả những gì ông biết hoặc hiểu. Ông đã bao giờ nghĩ đến nhu cầu tinh thần của hần và vị thế mà vị trí đó mang lại cho lòng tự trọng của hần chưa? Hần không muốn sống như một kẻ ăn xin. Hần muốn độc lập với ông."

"Bằng cách nhận từ anh một mức lương mà hần không thể kiếm được cho công việc mà hần không làm được sao?"

"Ông chẳng hề bỏ lỡ điều đó đâu. Ông có đủ người ở đây đang làm ra tiền cho ông mà."

"Ông đang yêu cầu anh giúp hần thực hiện một trò lừa đảo kiểu đó à?"

"Ông không cần phải nói theo cách đó."

"Nó có phải là lừa đảo—hay không?"

"Đó là lý do tại sao anh ta không thể nói chuyện với ông—bởi vì ông không phải là con người. Ông chẳng có chút lòng trắc ẩn, chẳng có cảm xúc đối với em trai mình,

chẳng có sự cảm thông cho cảm xúc của hắn."

"Nó là lừa đảo hay không?"

"Ông chẳng có chút nhân từ nào dành cho bất kỳ ai cả."

"Ông có nghĩ rằng một trò lừa đảo kiểu đó có thể là công bằng sao?"

"Ông là người vô đạo đức nhất sống trên đời—ông chỉ nghĩ đến công bằng! Ông chẳng cảm nhận được tình yêu nào cả!"

Anh đứng dậy, cử động của anh đột ngột và căng thẳng, như thể kết thúc một cuộc phỏng vấn và ra lệnh cho một vị khách rời khỏi văn phòng.

"Má, tôi đang điều hành một nhà máy thép—chứ không phải một trọ mại dâm."

"Henry!" Tiếng thở hổn hển của sự phẫn nộ vang lên vì cách dùng từ của anh, chẳng hơn gì vậy.

"Đừng bao giờ nói chuyện với tôi nữa về việc tìm việc cho Philip. Tôi sẽ không bao giờ cho hắn công việc quét tro. Tôi sẽ không cho hắn bước vào nhà máy của tôi. Tôi muốn ông hiểu rõ điều đó, mãi mãi. Ông có thể cố gắng giúp đỡ hắn bằng mọi cách ông muốn, nhưng đừng bao giờ để tôi thấy ông nghĩ đến nhà máy của tôi như một phương tiện để đạt được mục đích đó."

Những nếp nhăn mềm mại trên cằm bà lộ ra hình dạng giống như một cái nhếch cười khinh bỉ.

"Nhà máy của ông là gì chứ—một ngôi đền thánh nào sao?"

"Tại sao... vâng," anh nói nhẹ nhàng, ngạc nhiên trước suy nghĩ đó.

"Ông chẳng bao giờ nghĩ đến con người và bốn phận đạo đức của mình sao?"

"Tôi không biết ông gọi đạo đức là gì. Không, tôi không nghĩ đến con người—trừ khi, nếu tôi cho Philip một công việc, tôi sẽ không thể đối mặt với bất kỳ người đàn ông

tài giỏi nào cần việc làm và xứng đáng với nó."

Bà đứng dậy. Đầu bà cúi vào vai, và giọng nói của bà, đầy cay nghiệt vì lẽ phải, dường như đẩy những lời lên cao đối với vóc dáng cao lớn, thẳng đứng của anh:

"Đó là sự tàn nhẫn của ông, đó là điều hèn mọn và ích kỷ ở ông. Nếu ông yêu thương em trai mình, ông sẽ cho hắn một công việc mà hắn chẳng xứng đáng—chính vì hắn không xứng đáng, đó mới là tình yêu thật sự, lòng nhân ái và tình anh em. Nếu không, thì tình yêu là gì chứ? Nếu một người xứng đáng được nhận việc, thì không có đức hạnh nào trong việc trao nó cho hắn. Đức hạnh chính là việc ban cho những gì không xứng đáng."

Anh nhìn bà như một đứa trẻ đối diện một cơn ác mộng lạ lẫm, sự ngạc nhiên khiến khuôn mặt anh không biến thành kinh hoàng. Anh chậm rãi nói,

"Má, ông chẳng hiểu những gì ông đang nói. Tôi chẳng bao giờ có thể khinh bỉ bà đến mức tin rằng bà nói vậy thật lòng."

Ánh mắt trên khuôn mặt bà khiến anh kinh ngạc hơn cả mọi điều khác: đó là ánh mắt của sự thất bại, nhưng cũng chứa đựng một sự tinh quái, lạnh lùng và mỉa mai, như thể, trong chốc lát, bà nắm giữ một trí tuệ trần tục khiến bà chế nhạo sự ngây thơ của anh.

Ký ức về ánh mắt ấy còn vang vọng trong tâm trí anh, như một tín hiệu cảnh báo rằng anh đã luồn vào được một vấn đề mà anh cần phải hiểu rõ.

Nhưng anh không thể chạm tay vào nó, anh không thể ép tâm trí mình chấp nhận nó là điều xứng đáng để suy nghĩ, anh chẳng tìm thấy gợi ý nào ngoài cảm giác bất an mờ nhạt và sự ghê tởm—và anh chẳng có thời gian để bận tâm đến nó, anh không thể nghĩ đến nó ngay bây giờ, vì anh đang đối mặt với vị khách tiếp theo ngồi trước bàn làm việc của mình—anh đang lắng nghe một người đàn ông van xin để được sống.

Người đàn ông đó không nói ra như thế, nhưng Rearden biết rằng đó là cốt lõi của

vụ việc. Những gì người đàn ông đó diễn đạt chỉ là một đơn đặt hàng cho năm trăm tấn thép.

Đó là ông Ward, đại diện cho Công ty Ward Harvester của Minnesota.

Đó là một công ty không hoa mỹ với danh tiếng sạch sẽ, loại doanh nghiệp hiếm khi phát triển lớn, nhưng không bao giờ thất bại. Ông Ward là người thuộc thế hệ thứ tư của một gia đình đã sở hữu nhà máy và luôn dốc sức hết mình theo khả năng tận tâm của họ.

Ông là một người đàn ông ở độ tuổi năm mươi, với khuôn mặt vuông vức, trầm mặc. Nhìn ông, ai cũng biết rằng ông cho rằng việc để khuôn mặt của mình thể hiện nỗi đau là điều không đúng mực như việc cởi bỏ quần áo ra nơi công cộng. Ông nói chuyện bằng giọng khô khan, mang tính kinh doanh. Ông giải thích rằng ông luôn giao dịch, như cha ông đã làm, với một trong những công ty thép nhỏ hiện nay đã bị Tập đoàn Associated Steel của Orren Boyle tiếp quản. Ông đã chờ đợi đơn đặt hàng thép cuối cùng của mình suốt một năm. Ông đã mất cả tháng qua cố gắng xin một cuộc phỏng vấn cá nhân với Rearden.

"Tôi biết rằng các nhà máy của ông đang hoạt động hết công suất, ông Rearden," ông nói, "và tôi biết rằng ông không trong vị thế để nhận thêm đơn đặt hàng mới, khi mà những khách hàng lớn nhất, lâu đời nhất của ông đang phải chờ đợi lượt của mình, ông là nhà sản xuất thép duy nhất—ý tôi là, đáng tin cậy—còn lại trong nước. Tôi không biết phải đưa ra lý do gì để thuyết phục ông rằng ông nên tạo điều kiện ngoại lệ cho trường hợp của tôi. Nhưng không còn cách nào khác cho tôi ngoài việc đóng cửa nhà máy của mình mãi mãi, và tôi"—giọng ông dừng lại một chút—"tôi không thể tưởng tượng được việc đóng cửa nhà máy ngay bây giờ... vì vậy tôi nghĩ rằng tôi sẽ nói chuyện với ông, dù tôi chẳng có nhiều cơ hội gì... nhưng tôi vẫn phải thử mọi cách có thể."

Đó là những lời mà Rearden có thể hiểu,

"Tôi ước gì tôi có thể giúp ông," anh nói,

"nhưng đây là thời điểm tồi tệ nhất có thể đối với tôi, vì có một đơn đặt hàng rất lớn, rất đặc biệt phải được ưu tiên trên hết mọi thứ."

"Tôi biết. Nhưng ông có thể nghe tôi một chút không, ông Rearden?"

"Chắc chắn."

"Vì nếu là vấn đề tiền bạc, tôi sẽ trả bất cứ số tiền nào ông yêu cầu. Nếu tôi có thể làm điều đó có lợi cho ông, thì, ông cứ tính thêm bất kỳ khoản phí nào ông muốn, tính gấp đôi giá bình thường, chỉ cần cho tôi thép."

"Tôi sẽ không bận tâm nếu phải bán máy gặt với lỗ trong năm nay, miễn là tôi có thể giữ cửa nhà máy mở. Cá nhân tôi, tôi có đủ khả năng hoạt động thua lỗ trong vài năm nếu cần thiết, chỉ để duy trì—vì tôi nghĩ, mọi chuyện không thể tiếp tục như vậy lâu hơn được nữa, tình hình chắc chắn sẽ cải thiện, phải thế hoặc là chúng ta sẽ—" Ông không nói hết câu. Ông nói kiên quyết, "Chắc chắn sẽ như vậy."

"Chắc chắn sẽ như vậy," Rearden nói.

Ý nghĩ về Đường John Galt lướt qua tâm trí ông như một giai điệu hài hòa dưới tiếng nói tự tin của ông. Đường John Galt đang tiến lên. Những cuộc tấn công vào Metal của ông đã dừng lại. Ông cảm thấy như thể, dù cách nhau hàng dặm trên khắp đất nước, ông và Dagny Taggart hiện đang đứng trong không gian trống, con đường đã được dọn sạch, tự do để hoàn thành công việc. Họ sẽ để chúng ta làm, ông nghĩ. Những lời đó như một bài thánh ca trong đầu ông: Họ sẽ để chúng ta làm.

"Công suất nhà máy của chúng tôi là một nghìn máy gặt mỗi năm," ông Ward nói. "Năm ngoái, chúng tôi sản xuất được ba trăm máy. Tôi đã gom thép từ các cuộc bán phá sản, và xin một vài tấn ở những nơi này nơi khác từ các công ty lớn, và chỉ đi loanh quanh như một kẻ săn mồi đến tất cả những nơi không ngờ tới—thôi, tôi không muốn làm phiền ông với điều đó, chỉ là tôi không bao giờ nghĩ tôi sẽ sống đến lúc tôi phải làm việc như vậy."

"Và trong suốt thời gian đó, ông Orren Boyle cứ thề với tôi rằng ông ta sẽ giao thép vào tuần tới. Nhưng dù ông ta có đổ thép được bao nhiêu, thì nó cũng chỉ đi đến tay khách hàng mới của ông ta, vì lý do nào đó mà không ai chịu nhắc đến, chỉ có điều tôi nghe nói thì đó là những người có ảnh hưởng chính trị nào đó. Và giờ tôi không thể liên lạc được với ông Boyle nữa."

"Ông ta đang ở Washington, đã hơn một tháng rồi. Và tất cả những gì văn phòng của ông ta nói với tôi là họ không thể giúp được, vì họ không thể lấy quặng."

"Đừng lãng phí thời gian với họ," Rearden nói. "Ông sẽ chẳng bao giờ nhận được gì từ bọn họ đâu."

"Ông biết đấy, ông Rearden," ông ta nói với giọng như một phát hiện mà ông không thể hoàn toàn tin vào, "tôi nghĩ có điều gì đó không thật về cách ông Boyle điều hành công việc. Tôi không hiểu ông ta đang làm gì. Họ để một nửa lò của mình không hoạt động, nhưng tháng trước lại có những câu chuyện lớn về Tập đoàn Associated Steel trên tất cả các báo. Về sản lượng của họ sao? Không—mà là về dự án nhà ở tuyệt vời mà ông Boyle vừa xây cho công nhân của ông ta. Tuần trước, là những bộ phim màu mà ông Boyle gửi đến tất cả các trường trung học, chiếu về cách thép được sản xuất và nó mang lại những dịch vụ tuyệt vời như thế nào cho mọi người."

"Giờ ông Boyle còn có một chương trình phát thanh, họ nói về tầm quan trọng của ngành thép đối với đất nước và họ cứ nói rằng chúng ta phải bảo vệ ngành thép nói chung. Tôi không hiểu ông ta có ý gì khi nói về 'ngành thép nói chung.'"

"Tôi hiểu. Đừng bận tâm đến chuyện đó. Ông ta sẽ không thoát được đâu."

"Ông biết đấy, ông Rearden, tôi không thích những người nói quá nhiều về việc mọi thứ họ làm đều vì lợi ích của người khác. Điều đó không đúng, và tôi không nghĩ đó sẽ là điều đúng nếu thực sự là như vậy. Vì vậy tôi sẽ nói rằng lý do tôi cần thép là để cứu lấy công việc của chính tôi. Vì nó là của tôi. Vì nếu tôi phải đóng cửa... ồ, không

ai hiểu điều đó ngày nay đâu."

"Tôi hiểu."

"Vâng... Vâng, tôi nghĩ ông sẽ hiểu... Vậy thì, ông thấy đấy, đó là mối quan tâm đầu tiên của tôi. Nhưng vẫn còn những khách hàng của tôi nữa. Họ đã giao dịch với tôi suốt bao năm qua. Họ đang tin tưởng vào tôi. Giờ gần như không thể tìm được bất kỳ loại máy móc nào ở đâu. Ông có biết tình hình ở Minnesota đang trở nên như thế nào không, khi nông dân không thể có công cụ, khi máy móc hỏng giữa mùa thu hoạch và không có phụ tùng, không có thay thế... chỉ có những bộ phim màu của ông Orren Boyle về... Ồ thôi... Và còn những công nhân của tôi nữa. Một số người trong họ đã làm việc với chúng tôi từ thời cha tôi. Họ không có nơi nào khác để đi. Không phải bây giờ."

Thật không thể, Rearden nghĩ, khi có thể ép thêm thép từ các lò mà mọi lò, mọi giờ, và mọi tấn thép đều đã được lên kế hoạch trước cho các đơn hàng cấp bách trong sáu tháng tới. Nhưng... Đường John Galt, ông nghĩ. Nếu ông có thể làm được điều đó, ông có thể làm bất cứ điều gì.

Ông cảm thấy như thể mình muốn giải quyết mười vấn đề mới cùng lúc.

Ông cảm thấy như thể đây là một thế giới mà chẳng có gì là không thể với ông.

"Nhìn này," ông nói, đưa tay về phía điện thoại, "để tôi kiểm tra với quản đốc của tôi xem chúng tôi đang đổ thép gì trong vài tuần tới. Có thể tôi sẽ tìm được cách mượn một vài tấn từ một số đơn hàng và—"

Ông Ward nhanh chóng quay đi, nhưng Rearden đã kịp nhìn thoáng qua biểu cảm trên khuôn mặt ông ta. Nó quá nhiều đối với ông ta, Rearden nghĩ, và quá ít đối với tôi!

Ông nhấc ống nghe điện thoại lên, nhưng phải đặt xuống vì cửa văn phòng mở tung

và Gwen Ives lao vào.

Dường như không thể tin được rằng cô Ives lại để xảy ra sự vi phạm như vậy, hoặc rằng nét mặt của cô ấy lại có vẻ như một sự biến dạng không tự nhiên, hoặc ánh mắt cô ấy có vẻ như bị mù, hay bước đi của cô ấy có vẻ mất hết kỷ luật đến mức lảo đảo. Cô nói, "Xin lỗi đã làm gián đoạn, ông Rearden," nhưng ông biết cô không nhìn thấy văn phòng, không nhìn thấy ông Ward, chỉ nhìn thấy ông. "Tôi nghĩ tôi phải nói với ông rằng Quốc hội vừa mới thông qua Dự luật Cân bằng Cơ hội."

Chính ông Ward cứng rắn đã la lên, "Ồi Chúa, không! Ồi, không!"—nhìn chằm chằm vào Rearden. Rearden đã bật dậy. Ông đứng một cách bất thường, một vai cúi xuống. Chỉ một khoảnh khắc. Sau đó ông nhìn quanh, như thể lấy lại thị lực, nói, "Xin lỗi," ánh mắt ông bao gồm cả cô Ives và ông Ward, rồi ngồi xuống lại.

"Chúng ta không được thông báo rằng Dự luật đã được đưa ra xem xét sao?" ông hỏi, giọng nói kiểm soát và khô khan.

"Không, ông Rearden. Đường như đó là một động thái bất ngờ và họ chỉ mất có bốn mươi lăm phút."

"Ông có nghe tin gì từ Mouch không?"

"Không, ông Rearden." Cô nhấn mạnh chữ "không". "Là cậu bé ở tầng năm chạy vào thông báo cho tôi rằng cậu ấy vừa nghe thấy trên radio. Tôi đã gọi cho các tờ báo để xác minh. Tôi đã cố liên lạc với ông Mouch ở Washington. Văn phòng của ông ấy không trả lời."

"Chúng ta đã nghe tin từ ông ấy lần cuối khi nào?"

"Mười ngày trước, ông Rearden."

"Được rồi. Cảm ơn, Gwen. Cứ tiếp tục cố gắng liên lạc với văn phòng của ông ấy."

"Vâng, ông Rearden."

Cô ấy bước ra ngoài. Ông Ward đứng dậy, tay cầm mũ. Ông lẩm bẩm, "Tôi đoán là tôi nên..."

"Ngồi xuống!" Rearden quát, giọng gay gắt.

Ông Ward ngoan ngoãn ngồi xuống, nhìn chăm chăm vào ông.

"Chúng ta đã có việc cần giải quyết, phải không?" Rearden nói. Ông Ward không thể định nghĩa cảm xúc làm biến dạng miệng của Rearden khi ông nói. "Ông Ward, điều mà những tên khốn nạn tồi tệ nhất trên trái đất lên án chúng ta, trong số những thứ khác là gì? À đúng, vì khẩu hiệu 'Kinh doanh như thường lệ.' Vậy thì—kinh doanh như thường lệ, ông Ward!"

Ông cầm ống nghe điện thoại và yêu cầu gấp quản đốc của mình. "Này, Pete... Gì cơ? ... Vâng, tôi đã nghe rồi. Đừng bận tâm. Chúng ta sẽ nói chuyện sau. Điều tôi muốn biết là, ông có thể cho tôi thêm năm trăm tấn thép, vượt kế hoạch, trong vài tuần tới không? ... Vâng, tôi biết... Tôi biết là khó. ... Cho tôi biết các ngày và các con số." Ông lắng nghe, nhanh chóng ghi chú trên một tờ giấy. Sau đó ông nói, "Được rồi. Cảm ơn," và cúp máy.

Ông nghiên cứu các con số trong vài phút, ghi một vài phép tính ngắn trên lề tờ giấy. Sau đó ông ngẩng đầu lên.

"Được rồi, ông Ward," ông nói. "Ông sẽ có thép trong mười ngày nữa."

Khi ông Ward ra về, Rearden bước ra phòng ngoài.

Ông nói với cô Ives, giọng nói bình thường, "Gửi điện tín cho Fleming ở Colorado. Anh ấy sẽ hiểu tại sao tôi phải hủy bỏ lựa chọn đó." Cô gật đầu, thể hiện sự tuân lệnh. Cô không nhìn ông.

Ông quay sang người gọi tiếp theo và nói, với cử chỉ mời họ vào văn phòng, "Chào

ông. Mời vào."

Ông sẽ nghĩ về nó sau, ông nghĩ; người ta phải đi từng bước một và phải tiếp tục đi. Lúc này, với sự rõ ràng bất thường, với sự đơn giản tàn nhẫn đến mức gần như dễ dàng, tâm trí ông chỉ chứa một suy nghĩ duy nhất: Không thể để điều này ngừng lại. Câu nói ấy treo lơ lửng, không có quá khứ và tương lai. Ông không nghĩ về điều gì cần phải không ngừng lại, hay tại sao câu này lại quan trọng đến vậy. Nó giữ ông lại và ông tuân theo. Ông đi từng bước một. Ông hoàn thành lịch hẹn đã được lên kế hoạch.

Đến khuya, khi người gọi cuối cùng rời đi và ông ra khỏi văn phòng, phần còn lại trong đội ngũ của ông đã về nhà. Cô Ives ngồi một mình tại bàn làm việc trong một căn phòng trống. Cô ngồi thẳng và cứng, tay nắm chặt trong lòng. Cái đầu không cúi xuống, mà giữ thẳng một cách cứng nhắc, và khuôn mặt cô có vẻ đóng băng. Những giọt nước mắt chảy xuống má cô, không có tiếng động, không có sự chuyển động trên khuôn mặt, chống lại sự kháng cự của cô, ngoài tầm kiểm soát.

Cô nhìn thấy ông và nói khô khan, đầy tội lỗi, như một lời xin lỗi, "Xin lỗi ông, ông Rearden," không cố gắng che giấu khuôn mặt.

Ông tiếp cận cô. "Cảm ơn," ông nói nhẹ nhàng.

Cô nhìn lên ông, ngạc nhiên.

Ông mỉm cười. "Nhưng cô không nghĩ cô đang đánh giá thấp tôi, Gwen? Liệu có phải còn quá sớm để khóc vì tôi không?"

"Tôi có thể chịu đựng tất cả những thứ còn lại," cô thì thầm, "nhưng họ"—cô chỉ vào các tờ báo trên bàn—"họ đang gọi đó là chiến thắng của chống tham lam."

Ông bật cười lớn. "Tôi có thể hiểu tại sao sự xuyên tạc ngôn ngữ Anh lại khiến cô giận dữ," ông nói. "Nhưng còn gì nữa?"

Khi cô nhìn ông, miệng cô dần ra một chút. Nạn nhân mà cô không thể bảo vệ là điểm trấn an duy nhất của cô trong một thế giới đang tan rã xung quanh cô.



Ông nhẹ nhàng đưa tay qua trán cô; đó là một sự phá vỡ nghi thức không bình thường đối với ông, và là một sự công nhận im lặng đối với những điều mà ông không cười. "Về nhà đi, Gwen. Tôi sẽ không cần cô tối nay. Tôi cũng sẽ về nhà chỉ trong một lát. Không, tôi không muốn cô phải đợi."

Đã qua nửa đêm, khi vẫn ngồi tại bàn làm việc, cúi xuống trên các bản thiết kế cây cầu cho Đường John Galt, ông đột ngột ngừng công việc, vì cảm xúc đã đến với ông một cách đột ngột, không thể tránh khỏi nữa, như thể một tấm màn gây tê đã vỡ, ông gục xuống, nửa người vẫn còn giữ một chút kháng cự, ngồi đó, ngực áp vào mép bàn để giữ ông lại, đầu cúi xuống, như thể thành tựu duy nhất còn lại với ông là không để đầu mình rơi xuống bàn. Ông ngồi như vậy một lúc, không ý thức được gì ngoài cơn đau, một cơn đau thét gào không có nội dung và không có giới hạn—ông ngồi, không biết liệu đó là trong đầu hay trong cơ thể mình, bị giảm xuống thành sự xấu xí khủng khiếp của cơn đau làm ngừng trệ suy nghĩ.

Sau một vài phút, mọi chuyện qua đi. Ông ngẩng đầu lên và ngồi thẳng, yên lặng, tựa lưng vào ghế. Giờ ông nhận ra rằng trong việc trì hoãn khoảnh khắc này trong nhiều giờ, ông không phạm phải sự né tránh: ông đã không nghĩ về nó, vì không có gì để nghĩ.

Suy nghĩ—ông tự nhủ một cách bình tĩnh—là một vũ khí người ta sử dụng để hành động. Không có hành động nào có thể thực hiện được.

Suy nghĩ là công cụ giúp một người đưa ra quyết định. Không còn sự lựa chọn nào dành cho ông. Suy nghĩ xác định mục đích và cách thức để đạt được nó. Trong vấn đề cuộc sống bị xé nát từng mảnh từ chính mình, ông không có tiếng nói, không có mục đích, không có cách thức, không có sự bảo vệ.

Ông nghĩ về điều này với sự kinh ngạc. Lần đầu tiên, ông nhận ra rằng mình chưa bao giờ biết sợ hãi vì, trước bất kỳ thảm họa nào, ông đã nắm trong tay liều thuốc toàn năng là khả năng hành động. Không, ông nghĩ, không phải là sự đảm bảo chiến thắng—ai có thể có được điều đó?—chỉ là cơ hội để hành động, cái mà một người cần. Bây giờ ông đang suy ngẫm, một cách vô cảm và lần đầu tiên, về trái tim thực sự của nỗi sợ hãi: bị giao cho sự hủy diệt khi tay bị trói sau lưng.

Vậy thì, tiếp tục đi với đôi tay bị trói, ông nghĩ. Tiếp tục đi trong xiềng xích.

Tiếp tục đi. Nó không thể ngừng lại... Nhưng một giọng nói khác đang nói với ông những điều mà ông không muốn nghe, trong khi ông chống lại, khóc thét qua và chống lại nó: Không có lý do gì để nghĩ về điều đó... không có ích gì... làm gì chứ? ... bỏ qua đi!

Ông không thể dập tắt nó. Ông ngồi im, trên các bản vẽ cây cầu cho Đường John Galt, và nghe thấy những điều được giải phóng từ một giọng nói vừa là âm thanh, vừa là hình ảnh: Họ đã quyết định điều đó mà không có ông.

... Họ không gọi ông, họ không hỏi, họ không để ông lên tiếng... Họ không bị ràng buộc bởi nghĩa vụ phải thông báo cho ông—để cho ông biết rằng họ đã cắt xén một phần cuộc đời của ông và ông phải sẵn sàng bước đi như một kẻ tạt nguyên... Trong tất cả những người có liên quan, dù họ là ai, vì lý do gì, vì nhu cầu gì, ông là người mà họ không cần phải xem xét.

Biển báo ở cuối một con đường dài ghi: Rearden Ore. Nó treo trên các lớp kim loại đen... và trên những năm tháng và đêm dài... trên một chiếc đồng hồ đánh từng giọt máu của ông ra... máu mà ông đã vui vẻ, hân hoan cho đi như một sự trả công cho một ngày xa xôi và một biển báo trên con đường đó... được trả bằng nỗ lực, sức mạnh, trí tuệ, và hy vọng của ông.

Bị phá hủy theo ý thích của một vài người ngồi lại và bỏ phiếu... Ai biết được là những tâm trí nào? ... Ai biết được ai đã đặt họ vào quyền lực?—mục đích của họ là gì?—kiến thức của họ là gì?—ai trong số họ, một mình, có thể lấy được một mảnh quặng từ lòng đất?... Bị phá hủy theo ý thích của những người mà ông chưa bao giờ gặp và những người chưa bao giờ thấy những lớp kim loại đó... Bị phá hủy, chỉ vì họ quyết định như vậy. Quyền gì mà họ có?

Ông lắc đầu. Có những thứ mà một người không nên suy ngẫm, ông nghĩ. Có một sự dơ bẩn của cái ác mà nó làm ô nhiễm người quan sát.

Có một giới hạn đối với những gì một người đàn ông nên thấy. Ông không được nghĩ

về điều này, không được nhìn vào nó, hoặc cố gắng tìm hiểu bản chất của nó.

Cảm thấy yên tĩnh và trống rỗng, ông tự nhủ rằng mình sẽ ổn vào ngày mai. Ông sẽ tha thứ cho mình vì sự yếu đuối của đêm nay, nó giống như những giọt nước mắt người ta được phép khóc trong một đám tang, rồi sau đó người ta học cách sống với một vết thương hở hoặc một nhà máy tàn tật.

Ông đứng dậy và đi ra cửa sổ. Các nhà máy có vẻ như bị bỏ hoang và tĩnh lặng; ông nhìn thấy những tia đỏ yếu ớt trên các ống khói đen, những cuộn hơi dài, các đường chéo của cần cầu và cầu.

Ông cảm thấy một sự cô đơn hoang vắng, loại cô đơn mà ông chưa bao giờ biết đến trước đây.

Ông nghĩ rằng Gwen Ives và ông Ward có thể nhìn vào ông để tìm kiếm hy vọng, sự an ủi, sự phục hồi lòng dũng cảm. Còn ai mà ông có thể tìm kiếm điều đó? Chính ông cũng cần nó, một lần. Ông ước gì mình có một người bạn có thể được phép thấy ông chịu đựng, không giả dối hay bảo vệ, người mà ông có thể dựa vào trong giây lát, chỉ để nói, "Tôi rất mệt," và tìm một chút nghỉ ngơi. Trong tất cả những người mà ông biết, có ai mà ông ước gì có thể ở bên ông lúc này? Ông nghe thấy câu trả lời trong đầu, ngay lập tức và gây sốc: Francisco d'Anconia.

Tiếng cười giận dữ của ông đưa ông trở lại. Sự phi lý của nỗi khao khát khiến ông bình tĩnh lại. Đó là những gì bạn nhận được, ông nghĩ, khi bạn nuông chiều bản thân trong sự yếu đuối.

Ông đứng ở cửa sổ, cố gắng không nghĩ. Nhưng ông vẫn nghe thấy những từ trong đầu: Rearden Ore... Rearden Coal... Rearden Steel... Rearden Metal... Sử dụng chúng làm gì? Tại sao ông đã làm điều đó? Tại sao ông lại muốn làm bất cứ điều gì nữa?...

Ngày đầu tiên của ông trên các mỏ quặng... Ngày mà ông đứng trong gió, nhìn xuống những đồng đồ nát của một nhà máy thép... Ngày mà ông đứng ở đây, trong

văn phòng này, ở cửa sổ này, và nghĩ rằng một cây cầu có thể chịu được những tải trọng không thể tin được chỉ với một vài thanh kim loại, nếu người ta kết hợp một cây cầu chéo với một vòm, nếu người ta xây dựng các đòn bẩy chéo với các thành viên trên cùng uốn cong...

Ông dừng lại và đứng yên. Lúc đó, ông không nghĩ đến việc kết hợp một cây cầu chéo với một vòm, vào ngày hôm đó.

Ngay lập tức, ông ngồi xuống bàn làm việc, cúi xuống, với một đầu gối trên ghế, không có thời gian để nghĩ đến việc ngồi xuống, ông đang vẽ các đường, các đường cong, tam giác, các cột tính toán, không phân biệt trên các bản vẽ, trên bìa bàn, trên thư của ai đó.

Và một giờ sau, ông đang gọi một đường dây dài, ông đang chờ điện thoại reo bên giường trong một toa tàu trên một đường ray phụ, ông nói, "Dagny! Cây cầu của chúng ta—ném tất cả những bản vẽ tôi đã gửi cho cô vào thùng rác đi, vì... Cái gì? ... Oh, cái đó? Mặc kệ cái đó! Đừng bận tâm đến bọn cướp bóc và luật lệ của chúng! Quên đi! Dagny, chúng ta có quan tâm gì đâu! Nghe này, cô biết cái thứ mà cô gọi là Rearden Truss mà cô đã khen ngợi chứ? Nó chẳng có giá trị gì cả. Tôi đã tính ra một cây cầu chéo sẽ vượt qua mọi thứ đã được xây dựng! Cây cầu của cô sẽ chịu được bốn chuyến tàu một lần, đứng vững ba trăm năm và tốn ít hơn cả cái cống rãnh nhất của cô. Tôi sẽ gửi bản vẽ cho cô trong hai ngày, nhưng tôi muốn báo cho cô biết ngay bây giờ. Cô thấy đó, vấn đề là kết hợp một cây cầu chéo với một vòm. Nếu chúng ta lấy các đòn bẩy chéo và...

Cái gì? ... Tôi không nghe được cô. Cô bị cảm à? ... Cô cảm ơn tôi làm gì, còn gì đâu? Đợi tôi giải thích cho cô."

Atlas vươn mình

Phần I: Phi mâu thuẫn

Chương VIII: Tuyến đường John Galt



Người dịch: Zanglink

Người công nhân mỉm cười nhìn Eddie Willers qua bàn.

"Tôi cảm thấy như kẻ trốn chạy," Eddie Willers nói. "Chắc anh biết tại sao tôi không xuất hiện ở đây suốt mấy tháng qua?" Anh chỉ về phía căn tin dưới lòng đất.

"Tôi giờ là phó giám đốc—Phó Giám đốc Phụ trách Vận hành. Lạy Chúa, đừng coi nó là chuyện nghiêm túc. Tôi đã chịu đựng quá lâu rồi, cuối cùng cũng phải trốn đi, dù chỉ một buổi tối... Lần đầu xuống đây ăn tối sau khi 'thăng chức', mọi người nhìn chằm chằm đến nỗi tôi không dám quay lại. Thôi, cứ để họ nhìn.

Anh thì không sao. Tôi mừng là nó chẳng ảnh hưởng gì đến anh..."

"Không, tôi đã không gặp cô ấy suốt hai tuần. Nhưng tôi vẫn nói chuyện với cô ấy qua điện thoại mỗi ngày, đôi khi hai lần một ngày... Vâng, tôi biết cô ấy cảm thấy thế nào: cô ấy thích nó. Chúng ta nghe thấy gì qua điện thoại—chỉ là những dao động âm thanh, phải không? À, giọng cô ấy như thể đang biến thành những dao động ánh sáng—nếu anh hiểu ý tôi. Cô ấy thích việc điều hành trận chiến khủng khiếp ấy một mình và giành chiến thắng... Ồ vâng, cô ấy đang thắng! Anh biết tại sao đã lâu không thấy tin tức gì về Dòng John Galt trên báo không? Vì nó đang vận hành rất tốt... Chỉ có điều... đường ray làm từ Rearden Metal sẽ là loại đường ray vĩ đại nhất từng được xây dựng, nhưng nó có ích gì nếu chúng ta không có đủ động cơ mạnh mẽ để tận dụng nó?"

Hãy nhìn những chiếc đầu máy cũ kỹ còn lại của chúng ta—chúng chỉ đủ sức kéo các đoàn tàu cũ trên những đường ray cũ mà thôi...

Dù vậy, vẫn còn hy vọng. Nhà máy Đầu máy Hợp nhất đã phá sản. Đó là điều may mắn nhất của chúng ta trong vài tuần qua, vì nhà máy của họ đã được Dwight Sanders mua lại. Anh ấy là kỹ sư trẻ tài năng, sở hữu nhà máy chế tạo máy bay tốt nhất trong cả nước. Anh ấy đã phải bán nhà máy máy bay cho em trai mình để tiếp quản United Locomotive.

Đó là vì Dự luật Bình đẳng Cơ hội. Đúng vậy, đó chỉ là thỏa thuận giữa họ, nhưng anh có thể trách anh ấy sao? Dù sao thì giờ chúng ta sẽ thấy những chiếc đầu máy Diesel được sản xuất tại United Locomotive. Dwight Sanders sẽ khởi động công việc... Vâng, cô ấy đang trông cậy vào anh ấy. Sao anh lại hỏi vậy? Vâng, anh ấy rất quan trọng với chúng ta lúc này. Chúng tôi vừa ký hợp đồng cho mười chiếc động cơ Diesel đầu tiên anh ấy sẽ chế tạo. Khi tôi gọi điện báo cô ấy là hợp đồng đã được ký, cô ấy cười và nói: 'Anh thấy chưa? Có gì phải sợ đâu?'... Cô ấy nói thế vì cô ấy biết—tôi chưa bao giờ nói với cô ấy, nhưng cô ấy biết—rằng tôi sợ... Vâng, tôi sợ... Tôi không biết... Tôi sẽ không sợ nếu tôi biết phải làm gì. Nhưng chuyện này... Nói đi, anh có thật sự khinh miệt tôi vì tôi là Phó Giám đốc Vận hành không?..."

Nhưng anh không thấy điều đó tàn nhẫn sao?... Vinh quang gì chứ? Tôi không biết mình thực sự là gì: một tên hề, một bóng ma, một người thay thế, hay chỉ là kẻ giả dối. Khi ngồi trong văn phòng của cô ấy, trong ghế của cô ấy, ở bàn làm việc của cô ấy, tôi còn cảm thấy tồi tệ hơn: tôi cảm thấy như kẻ sát nhân... Đúng, tôi biết mình được coi là người đại diện của cô ấy—và đó sẽ là vinh dự—nhưng... nhưng tôi cảm thấy như thể theo một cách khủng khiếp nào đó mà tôi không hiểu nổi, tôi lại là kẻ sai khiến của Jim Taggart. Tại sao cô ấy phải cần người đại diện? Tại sao cô ấy phải trốn tránh? Tại sao họ lại đuổi cô ấy ra khỏi tòa nhà? Anh có biết cô ấy phải chuyển ra một căn phòng nhỏ trong con hẻm phía sau, đối diện Cổng Đón và Hành lý của chúng ta không? Anh nên ghé thăm nó một lần, đó là văn phòng của John Galt, Inc.

Tuy nhiên, mọi người đều biết rằng cô ấy vẫn là người điều hành Taggart Transcontinental. Tại sao cô ấy phải giấu diếm công việc vĩ đại mà cô ấy đang làm?

Tại sao họ không công nhận cô ấy? Tại sao họ tước đoạt thành tựu của cô ấy—với tôi là kẻ nhận đồ ăn cắp? Tại sao họ làm mọi thứ có thể để ngăn cản cô ấy thành công, khi cô ấy là tất cả những gì còn lại giữa họ và sự diệt vong? Tại sao họ hành hạ cô ấy để trả thù vì đã cứu mạng họ?... Anh sao thế? Tại sao anh nhìn tôi như vậy?... Vâng, tôi đoán anh hiểu rồi... Có điều gì đó về tất cả chuyện này mà tôi không thể định nghĩa, và đó là điều xấu xa. Đó là lý do tôi sợ... Tôi không nghĩ ai có thể thoát khỏi

chuyện này... Anh biết không, thật kỳ lạ, nhưng tôi nghĩ họ cũng biết—Jim và đám người của anh ta và tất cả những người trong tòa nhà đó. Có gì đó tội lỗi và lén lút trong cả nơi này. Tội lỗi, lén lút và chết chóc. Taggart Transcontinental giờ đây giống như một người đã mất linh hồn... một người đã phản bội linh hồn mình... Không, cô ấy không quan tâm. Lần cuối cùng cô ấy đến New York, cô ấy đến bất ngờ—tôi đang ở trong văn phòng của tôi, trong văn phòng của cô ấy—và đột nhiên cửa mở, cô ấy xuất hiện. Cô ấy bước vào và nói: 'Ông Willers, tôi đang tìm một công việc làm quản lý ga, ông có thể cho tôi một cơ hội không?' Tôi muốn nguyên rửa tất cả bọn họ, nhưng tôi phải cười—tôi vui mừng khi thấy cô ấy và cô ấy cười thật vui vẻ.

Cô ấy đến thẳng từ sân bay—mặc quần dài và áo khoác bay—trông thật tuyệt vời—làn da rám nắng như vừa đi nghỉ dưỡng. Cô ấy bắt tôi ngồi lại ở vị trí của mình, trong chiếc ghế của cô ấy, rồi ngồi lên bàn làm việc và nói về cây cầu mới của Dòng John Galt... Không, tôi chưa bao giờ hỏi cô ấy vì sao chọn cái tên đó... Tôi không biết nó có ý nghĩa gì với cô ấy. Có lẽ đó là một thách thức, tôi đoán... Tôi không biết đối với ai... Ồ, không quan trọng, chẳng có gì đâu, chẳng có ai là John Galt, nhưng tôi ước cô ấy đừng dùng cái tên đó. Tôi không thích nó, anh có thích không?... Anh thích sao? Nghe anh nói thế mà chẳng vui vẻ gì cả."

Những cửa sổ của văn phòng Dòng John Galt nhìn ra một con hẻm tối.

Khi nhìn lên từ bàn làm việc, Dagny không thể thấy bầu trời, chỉ có bức tường của một tòa nhà chọc trời bên ngoài tầm nhìn. Đó là bức tường bên của tòa nhà chọc trời Taggart Transcontinental.

Văn phòng mới của cô là hai phòng ở tầng trệt của một tòa nhà nửa sập. Cấu trúc tòa nhà vẫn đứng vững, nhưng các tầng trên đã bị đóng cửa vì không an toàn. Những người thuê nhà ở đây gần như phá sản, chỉ tồn tại nhờ quán tính của quá khứ.

Cô thích nơi này: nó tiết kiệm. Các phòng không có đồ đạc hay người thừa thãi. Đồ đạc được mua từ các cửa hàng đồ cũ. Nhân viên là những người giỏi nhất cô có thể tìm được. Những lần hiếm hoi đến New York, cô không có thời gian để ý đến văn

phòng; cô chỉ quan tâm nó có phục vụ được mục đích hay không.

Cô không hiểu sao đêm nay lại dừng lại để nhìn những vệt mưa mỏng trên kính cửa sổ, nhìn vào bức tường của tòa nhà đối diện.

Đã qua nửa đêm. Số ít nhân viên của cô đã về. Cô sẽ ra sân bay lúc ba giờ sáng để bay về Colorado. Không còn việc gì phải làm, chỉ còn vài báo cáo của Eddie cần đọc. Nhưng với sự đứt đoạn đột ngột của căng thẳng, cô dừng lại, không thể tiếp tục. Những báo cáo như đòi hỏi một nỗ lực vượt quá sức cô. Quá muộn để về nhà ngủ, quá sớm để ra sân bay. Cô nghĩ: "Mình mệt rồi" và nhìn tâm trạng của mình với sự thờ ơ khinh miệt, biết rằng nó sẽ qua đi.

Cô đã bay đến New York ngay sau khi nghe một tin ngắn trên đài. Phát thanh viên nói rằng Dwight Sanders đã rời khỏi công việc kinh doanh, đột ngột, không lý do hay giải thích. Cô vội vã đến New York, hy vọng tìm được anh ấy và ngăn anh ấy lại.

Nhưng khi bay qua lục địa, cô đã cảm thấy sẽ không tìm thấy dấu vết nào của anh ấy.

Cơn mưa mùa xuân lơ lửng trong không khí ngoài cửa sổ như một lớp sương mỏng. Cô ngồi, nhìn sang khoảng trống của Cổng Đón và Hành lý Ga Taggart, nơi những đèn trần lộ ra giữa những xà thép, và vài đồng hành lý nằm trên nền bê tông đã mòn.

Nơi này trông hoang vắng và chết chóc.

Cô liếc nhìn vết nứt sắc trên tường văn phòng. Không một tiếng động. Cô biết mình đang ở một mình trong tòa nhà đổ nát này, như thể cô là người cuối cùng trong thành phố. Một cảm xúc bị kiềm nén nhiều năm trỗi dậy: nỗi cô đơn vượt xa khoảng khắc này, vượt qua cả sự im lặng của căn phòng và sự trống trải ứ đọng của con phố - nỗi cô đơn của một vùng đất xám xịt, nơi chẳng có gì đáng để vươn tới; nỗi cô đơn của tuổi thơ.

Cô đứng dậy và bước đến cửa sổ. Áp mặt vào kính, cô có thể nhìn thấy toàn bộ tòa nhà Taggart, những đường nét của nó hội tụ đột ngột về đỉnh xa xăm trên bầu trời. Cô nhìn lên ô cửa sổ tối của căn phòng từng là văn phòng của mình. Cô cảm thấy như đang sống trong cảnh lưu đày, không thể quay về, bị ngăn cách với tòa nhà bởi nhiều thứ hơn là tấm kính, màn mưa và thời gian trôi qua.

Cô đứng đó, trong căn phòng với vách tường vừa nứt nẻ, áp mặt vào kính cửa sổ, nhìn lên hình dáng không thể với tới của mọi thứ cô yêu thương. Cô không hiểu được bản chất của nỗi cô đơn này. Chỉ có một cách để diễn tả: Đây không phải là thế giới mà tôi mong đợi.

Một lần, khi mười sáu tuổi, nhìn đoạn đường ray dài của Taggart hội tụ về một điểm xa xôi - như những đường nét của tòa nhà chọc trời - cô đã nói với Eddie Willers rằng cô luôn cảm thấy những đường ray ấy được nắm giữ bởi một người đàn ông nào đó ở phía chân trời - không phải cha cô hay bất kỳ ai trong văn phòng - và một ngày nào đó cô sẽ gặp được người ấy.

Cô lắc đầu và quay đi khỏi cửa sổ.

Cô quay lại bàn làm việc, với tay lấy các báo cáo. Nhưng đột nhiên cô khụy xuống, gục đầu lên cánh tay. Đứng, cô nghĩ; nhưng cô không nhúc nhích, không có gì thay đổi, không ai nhìn thấy cô.

Đây là niềm khao khát mà cô chưa bao giờ cho phép mình thừa nhận.

Cô đối diện với nó lúc này. Cô nghĩ: Nếu cảm xúc là phản ứng của con người với những gì thế giới mang lại, nếu cô yêu những đường ray, tòa nhà và nhiều thứ hơn thế - nếu cô yêu cả tình yêu dành cho chúng - vẫn còn một phản ứng lớn nhất mà cô đã bỏ lỡ. Cô nghĩ: Tìm kiếm một cảm xúc sẽ nắm giữ, như tổng hợp của tất cả những gì cô yêu trên trái đất... Tìm kiếm một tâm hồn đồng điệu, người sẽ là ý nghĩa của thế giới của cô, như cô sẽ là của anh ta... Không, không phải Francisco d'Anconia, không phải Hank Rearden, không phải bất kỳ người đàn ông nào cô từng

gặp hay ngưỡng mộ... Một người đàn ông chỉ tồn tại trong nhận thức của cô về khả năng của một cảm xúc chưa từng được trải nghiệm, nhưng cô sẵn sàng hy sinh cả cuộc đời để cảm nhận...

Cô xoay người trong một chuyển động chậm rãi, ngực áp lên bàn làm việc; cô cảm nhận được khao khát trong từng thớ cơ, trong từng dây thần kinh của cơ thể.

Đó có phải là điều em muốn không? Có đơn giản như vậy không? - cô tự hỏi, nhưng biết rằng không đơn giản. Có một mối liên kết không thể phá vỡ giữa tình yêu dành cho công việc và khát khao của thể xác; như thể cái này mang lại quyền sở hữu và ý nghĩa cho cái kia; như thể cái này hoàn thiện cái kia - và khát khao sẽ không bao giờ được thỏa mãn, trừ phi tìm được một người có sự vĩ đại ngang tầm.

Cô nhấn mặt vào cánh tay, lắc đầu chậm rãi như thể phủ nhận. Cô sẽ không bao giờ tìm thấy điều đó. Chỉ có suy nghĩ về cuộc sống có thể như thế nào là tất cả những gì cô sẽ có từ thế giới mà cô từng mong muốn. Chỉ là suy nghĩ đó - và vài khoảnh khắc hiếm hoi, như những tia sáng phản chiếu từ nó trên đường đời - để biết, để nắm bắt, để theo đuổi đến cùng...

Cô ngẩng đầu lên.

Trên vỉa hè của con hẻm, ngoài cửa sổ, cô nhìn thấy bóng dáng một người đàn ông đứng trước văn phòng.

Cửa cách cô vài bước; cô không thể nhìn thấy anh ta hay đèn đường phía xa, chỉ thấy bóng của anh ta trên nền đá vỉa hè. Anh ta đứng yên.

Anh ta đứng sát cửa như thể sắp bước vào, khiến cô chờ đợi tiếng gõ cửa. Nhưng thay vào đó, bóng dáng anh ta bỗng giật lùi đột ngột rồi quay đi.

Khi anh ta dừng lại, chỉ còn thấy bóng vành mũ và vai trên mặt đất. Bóng dáng ấy đứng yên một lúc, rung rinh, rồi lại dài ra khi anh ta quay lại.

Cô không cảm thấy sợ hãi. Cô ngồi im tại bàn, quan sát trong sự ngạc nhiên vô thức. Anh ta dừng lại ở cửa, rồi lùi ra xa; anh ta đứng giữa con hẻm, đi tới đi lui lo lắng rồi lại dừng. Bóng dáng anh ta lắc lư như chiếc đồng hồ quả lắc không đều trên vĩa hè, phản ánh một cuộc chiến không lời: một người đàn ông đang giằng co giữa việc bước vào hay bỏ chạy.



Cô nhìn với một sự tách biệt kỳ lạ. Cô không có quyền phản ứng, chỉ có thể quan

sát. Cô tự hỏi mơ hồ từ xa: Anh ta là ai? Có phải anh ta đang theo dõi cô từ trong bóng tối? Liệu anh ta có thấy cô nằm gục trên bàn, qua khung cửa sổ sáng trống trải? Có phải anh ta nhìn thấy nỗi cô đơn tàn tạ của cô, như cô đang thấy nỗi cô đơn của anh ta? Cô không cảm thấy gì cả.

Họ đang ở trong sự im lặng của một thành phố chết—cô cảm thấy như anh ta cách xa cô hàng dặm, một phản chiếu của nỗi đau vô danh, một người đồng cảnh ngộ, nhưng nỗi khổ của anh ta xa lạ với cô như nỗi khổ của cô với anh ta.

Anh ta đi đi lại lại, khuất khỏi tầm nhìn rồi lại xuất hiện. Cô ngồi nhìn—trên vỉa hè bóng loáng của con hẻm tối—bóng dáng của một nỗi đau không tên.

Bóng dáng ấy lại biến mất. Cô chờ đợi. Nó không quay lại.

Rồi cô bật dậy. Cô đã muốn biết kết quả của cuộc chiến; giờ đây khi anh ta đã thắng—hoặc thua—cô chợt cảm thấy một nhu cầu cấp bách phải biết anh ta là ai và động cơ của anh ta. Cô chạy qua căn phòng tối, xô cửa mở và nhìn ra ngoài.

Con hẻm vắng lặng. Vỉa hè thu hẹp dần vào khoảng không, như một dải gương ướt dưới ánh đèn thừa thớt. Không một bóng người. Cô thấy một lỗ đen của cửa sổ vỡ trong cửa hàng hoang phế. Xung quanh là những cánh cửa nhà trọ. Đối diện hẻm, những vệt mưa lấp lánh dưới ánh đèn treo trên cửa đen ngòm dẫn xuống đường hầm Taggart Transcontinental.

Rearden ký các giấy tờ, đẩy qua bàn và quay đi, ước gì anh có thể vượt qua thời khắc này để nó trở thành quá khứ.

Paul Larkin do dự cầm lấy giấy tờ, nhìn với vẻ mặt cầu hòa. "Chỉ là thủ tục pháp lý thôi, Hank," anh ta nói. "Anh biết đấy, tôi sẽ luôn coi những mỏ quặng này là của anh."

Rearden từ từ lắc đầu; chỉ là cử động cơ học, khuôn mặt anh vô cảm như đang nói

chuyện với người xa lạ.

"Không!" anh nói. "Hoặc tôi sở hữu tài sản, hoặc tôi không sở hữu."

"Nhưng... nhưng anh biết mà, anh có thể tin tôi. Anh không cần lo về nguồn cung quặng. Chúng ta đã thỏa thuận rồi. Anh biết là anh có thể tin tưởng tôi."

"Tôi không biết điều đó. Tôi hy vọng tôi có thể."

"Nhưng tôi đã hứa với anh."

"Tôi chưa bao giờ phải dựa vào lời hứa suông của ai trước đây."

"Tại sao... tại sao anh lại nói vậy? Chúng ta là bạn mà. Tôi sẽ làm bất cứ điều gì anh muốn. Anh sẽ nhận toàn bộ sản phẩm của tôi. Các mỏ vẫn là của anh—vẫn như là của anh. Anh không cần phải lo lắng. Tôi sẽ... Hank, có chuyện gì vậy?"

"Đừng nói nữa."

"Nhưng... nhưng có chuyện gì vậy?"

"Tôi không thích những lời đảm bảo suông. Tôi không muốn bất kỳ sự giả vờ nào về việc tôi an toàn. Tôi không an toàn. Chúng ta đã ký một thỏa thuận mà tôi không thể thực thi. Tôi muốn anh hiểu rõ vị trí của tôi. Nếu anh định giữ lời hứa, đừng nói về nó, hãy làm đi."

"Sao anh lại nhìn tôi như thể lỗi là của tôi? Anh biết tôi cảm thấy thế nào về chuyện này mà. Tôi mua các mỏ chỉ vì muốn giúp anh—ý tôi là, tôi nghĩ anh sẽ thích bán chúng cho một người bạn hơn là cho một kẻ hoàn toàn xa lạ. Không phải lỗi của tôi. Tôi không thích cái dự luật Cân bằng thảm hại đó, tôi không biết ai đứng sau nó, tôi chưa bao giờ nghĩ họ sẽ thông qua nó, và đó là một cú sốc với tôi khi họ—" "Đừng bận tâm nữa."

"Nhưng tôi chỉ—"

"Sao anh cứ khẳng khẳng nói về chuyện này?"

"Tôi..." Giọng Larkin van xin.

"Tôi đã đưa cho anh mức giá tốt nhất, Hank. Luật pháp nói 'đền bù hợp lý.' Lời chào giá của tôi cao hơn bất kỳ ai khác."

Rearden nhìn vào những tờ giấy vẫn còn nằm trên bàn. Anh nghĩ về khoản thanh toán mà những tờ giấy này đã đem lại cho anh từ các mỏ quặng của mình. Hai phần ba số tiền là tiền mà Larkin đã vay từ chính phủ; luật mới có quy định các khoản vay như vậy "để tạo cơ hội công bằng cho những chủ sở hữu mới chưa bao giờ có cơ hội." Hai phần ba số tiền còn lại là một khoản vay mà chính anh đã cấp cho Larkin, một khoản thế chấp mà anh đã nhận trên chính các mỏ của mình. Và tiền của chính phủ, anh chợt nghĩ, số tiền bây giờ được trao cho anh như thanh toán cho tài sản của mình, từ đâu mà có? Công việc của ai đã tạo ra nó?

"Anh không phải lo lắng, Hank," Larkin nói, với giọng van xin khó hiểu.

"Chỉ là một thủ tục giấy tờ thôi."

Rearden mơ hồ tự hỏi Larkin muốn gì từ mình. Anh cảm thấy người đàn ông này đang chờ đợi điều gì đó ngoài sự thật về việc bán mỏ, những lời nào đó mà anh, Rearden, được cho là phải nói ra, một hành động tha thứ mà anh ta mong đợi. Đôi mắt của Larkin, ngay cả trong khoảnh khắc may mắn nhất, vẫn mang ánh nhìn của kẻ ăn xin.

"Sao anh lại giận dữ, Hank? Chỉ là một hình thức mới của thủ tục hành chính pháp lý thôi. Chỉ là một điều kiện lịch sử mới. Không ai có thể làm gì nếu đó là một điều kiện lịch sử. Không ai đáng bị đổ lỗi cả. Nhưng luôn có cách để hòa hợp. Nhìn tất cả những người khác kìa. Họ không phiền. Họ—"

"Họ đang lập ra những con rối để họ kiểm soát, để điều hành các tài sản bị tước đoạt

từ họ. Tôi—"

"Tại sao anh lại dùng những từ ngữ như vậy?"

"Tôi nói thẳng với anh—và tôi nghĩ anh biết—rằng tôi không giỏi những trò chơi kiểu đó. Tôi không có cả thời gian lẫn dạ dày để nghĩ ra một hình thức tống tiền nhằm trói buộc anh và sở hữu các mỏ của tôi thông qua anh. Sở hữu là thứ tôi không chia sẻ. Và tôi không muốn giữ nó nhờ vào sự hèn nhát của anh—bằng cách liên tục đấu trí và giữ một mối đe dọa trên đầu anh. Tôi không làm kinh doanh theo cách đó và tôi không làm việc với những kẻ hèn nhát. Các mỏ là của anh. Nếu anh muốn cho tôi quyền ưu tiên đầu tiên đối với tất cả quặng sản xuất ra, anh sẽ làm vậy. Nếu anh muốn phản bội tôi, thì đó là quyền của anh." Larkin nhìn có vẻ bị tổn thương.

"Điều đó thật không công bằng với anh," anh ta nói; trong giọng nói có một nốt khò khan của sự trách móc chính đáng.

"Tôi chưa bao giờ khiến anh phải nghi ngờ tôi."

Anh ta vội vã cầm những tờ giấy lên. Rearden thấy chúng biến mất vào túi trong áo khoác của Larkin. Anh nhận thấy chiếc áo khoác mở rộng, những nếp nhăn của chiếc áo gi-lê căng chặt trên những vết phệ mỡ, và một vết ố mồ hôi ở nách áo sơ mi. Bất chợt, hình ảnh một khuôn mặt từ hai mươi bảy năm trước hiện lên trong tâm trí anh—khuôn mặt của một mục sư ở góc phố nọ, trong một thị trấn mà anh không còn nhớ rõ. Chỉ còn lại trong ký ức anh những bức tường tối của khu ổ chuột, cơn mưa của một buổi tối mùa thu, và sự ác ý chính đáng từ cái miệng nhỏ của người đàn ông, căng ra để hét vào bóng tối:

"...lý tưởng cao cả nhất—rằng con người sống vì lợi ích của anh em mình, rằng người mạnh làm việc vì người yếu, rằng người có khả năng phục vụ người không có..."

Rồi anh thấy cậu bé từng là Hank Rearden ở tuổi mười tám. Anh thấy sự căng thẳng trên khuôn mặt, bước đi nhanh nhẹn, cơ thể say sưa với năng lượng của những đêm

không ngủ, cái ngẩng đầu kiêu hãnh, đôi mắt sáng rõ, kiên định và tàn nhẫn—đôi mắt của một người đàn ông tự lái mình không thương xót đến những gì anh ta khao khát. Và anh thấy Paul Larkin lúc đó—một thanh niên với khuôn mặt của đứa trẻ già nua, nụ cười lấy lòng, không vui, cầu xin được tha thứ, van nài vũ trụ cho một cơ hội. Nếu ai đó đã chỉ cho Hank Rearden trẻ tuổi thấy rằng đây sẽ là đích đến của những bước chân anh ta, của người đang vắt kiệt sức lực từ những gân cơ đau nhức của mình... Đó không phải là một suy nghĩ, mà như một cú đâm thẳng vào đầu anh. Rồi, khi có thể suy nghĩ lại, Rearden biết cậu bé anh từng là sẽ cảm thấy gì: một khao khát muốn nghiền nát cái thứ hèn mọn là Larkin thành từng mảnh ướn nhẹp. Anh chưa từng trải qua cảm xúc như thế. Phải mất một lúc anh mới nhận ra đó chính là điều người ta gọi là thù hận. Anh nhận thấy khi Larkin đứng dậy rồi đi, lảo bầm những lời chào tạm biệt, anh ta có vẻ bị tổn thương, với vẻ mặt trách móc, miệng mím chặt, như thể chính Larkin mới là người bị hại. Khi bán các mỏ than cho Ken Danagger, chủ công ty than lớn nhất Pennsylvania, Rearden tự hỏi tại sao anh gần như không cảm thấy đau đớn. Anh không thấy thù hận. Ken Danagger là người đàn ông năm mươi tuổi, với khuôn mặt cứng rắn, khép kín; ông ta đã bắt đầu sự nghiệp như một thợ mỏ.

Khi Rearden giao cho ông ta quyền sở hữu tài sản mới, Danagger nói một cách bình thản:

"Tôi không nghĩ là tôi đã nói với anh rằng bất kỳ than nào anh mua từ tôi, anh sẽ mua với giá gốc."

Rearden liếc nhìn ông ta, ngạc nhiên:

"Điều đó trái luật," anh nói.

"Chẳng ai sẽ biết tôi đưa anh bao nhiêu tiền mặt ngay trong phòng khách của anh đâu."

"Anh đang nói về một khoản giảm giá."

"Tôi đang nói vậy."

"Điều đó trái hai chục đạo luật. Họ sẽ trừng phạt anh nặng hơn tôi nếu bắt gặp anh làm vậy."

"Chắc chắn rồi. Đó là sự bảo vệ của anh—để anh không phải ở trong tình thế phải chịu sự độ lượng của lòng tốt của tôi."

Rearden mỉm cười; đó là nụ cười vui vẻ, nhưng anh nhắm mắt lại như thể bị một cú đánh. Sau đó anh lắc đầu:

"Cảm ơn," anh nói. "Nhưng tôi không phải là người như vậy. Tôi không mong ai làm việc cho tôi với giá gốc."

"Tôi cũng không phải là người như vậy," Danagger nói, giọng gay gắt. "Này, Rearden, anh nghĩ tôi không biết mình đang nhận được gì sao? Tiền bạc không thể đền đáp được điều đó. Không phải trong thời buổi này."

"Anh đâu phải người tự nguyện đấu giá mua tài sản của tôi. Chính tôi đã yêu cầu anh mua nó. Tôi ước có người như anh trong ngành quặng để tiếp quản các mỏ của tôi, nhưng không có ai cả. Nếu anh muốn giúp tôi, đừng đề nghị giảm giá. Thay vào đó, hãy để tôi trả anh giá cao hơn bất kỳ ai khác—cứ tính tôi khoản nào anh muốn, miễn là tôi được ưu tiên lấy than. Tôi sẽ lo phần của mình. Chỉ cần đảm bảo tôi có than."

"Anh sẽ có nó."

Rearden tự hỏi tại sao mình không nhận được hồi âm nào từ Wesley Mouch. Những cuộc gọi của anh đến Washington vẫn không được trả lời. Cuối cùng, anh nhận được một lá thư ngắn gọn thông báo rằng ông Mouch đã từ chức. Hai tuần sau, anh đọc trên báo rằng Wesley Mouch đã được bổ nhiệm làm Phó Điều phối viên Cục Kế hoạch Kinh tế và Tài nguyên Quốc gia.

Đừng bận tâm về chuyện đó—Rearden tự nhủ trong những đêm tĩnh lặng, cố kìm nén cảm xúc mới mẻ và bất ngờ mà anh không muốn cảm nhận—thế giới có một cái ác không thể tả, anh biết vậy, và chẳng ích gì khi đào sâu vào chi tiết của nó. Anh chỉ cần làm việc thêm một chút nữa thôi. Một chút nữa thôi. Đừng để nó chiến thắng.

Những dầm thép và giàn của cây cầu Rearden Metal đang được sản xuất hàng ngày tại các nhà máy cán thép. Chúng được chuyển đến công trường của Dòng John Galt, nơi những hình dáng đầu tiên của kim loại xanh-xanh vươn ra không gian, bắc qua hẻm núi, lấp lánh dưới những tia nắng đầu xuân.

Anh không còn thời gian cho nỗi đau, không còn sức cho cơn giận. Trong vài tuần, mọi chuyện đã kết thúc; những tia chớp của sự thù hận đã tắt và không quay lại.

Anh đã lấy lại được sự tự tin và kiểm soát bản thân vào tối hôm gọi điện cho Eddie Willers:

"Eddie, tôi đang ở New York, tại khách sạn Wayne-Falkland. Đến ăn sáng với tôi vào sáng mai nhé. Có vài chuyện tôi muốn bàn với anh."

Eddie Willers đến cuộc hẹn với một cảm giác tội lỗi nặng nề.

Anh vẫn chưa hết sốc về Dự luật Cân bằng Cơ hội; nó để lại trong anh một nỗi đau âm ỉ như vết bầm của một cú đánh. Anh không còn thích nhìn thành phố nữa: giờ đây nó như đang ẩn chứa mối đe dọa của điều gì đó độc ác và mơ hồ. Anh sợ phải đối mặt với những nạn nhân của dự luật; anh cảm thấy như chính mình, Eddie Willers, cũng phải chịu một phần trách nhiệm theo cách nào đó mà anh không thể giải thích được.

Khi nhìn thấy Rearden, cảm giác đó tan biến. Không có dấu hiệu nào của một nạn nhân trong thái độ của Rearden. Bên ngoài cửa sổ phòng khách sạn, ánh nắng xuân lấp lánh trên các ô cửa kính thành phố, bầu trời xanh nhạt như mới tinh, các văn

phòng vẫn chưa mở cửa, và thành phố không còn vẻ thù địch nữa mà tràn đầy niềm vui và hy vọng sẵn sàng hành động—giống như Rearden vậy. Anh trông khỏe khoắn sau giấc ngủ ngon, mặc áo choàng tắm, như thể không muốn lãng phí thời gian mặc đồ, không muốn trì hoãn niềm vui của công việc.

"Chào buổi sáng, Eddie. Xin lỗi vì đã đánh thức anh sớm. Đây là thời điểm duy nhất tôi có. Sau bữa sáng, tôi phải quay lại Philadelphia. Chúng ta có thể nói chuyện trong khi ăn."

Chiếc áo choàng tắm anh mặc là loại vải flannel màu xanh đậm, thêu chữ "H R" màu trắng trên túi ngực. Anh trông trẻ trung, thư thái, hoàn toàn thoải mái trong căn phòng này và trong thế giới này.

Eddie nhìn người phục vụ đẩy bàn ăn vào phòng với sự nhanh nhẹn, khiến anh cảm thấy tỉnh táo. Anh nhận ra mình đang tận hưởng vẻ tinh khiết của khăn trải bàn trắng và ánh nắng lấp lánh trên bộ đồ bạc, trên hai bát đá viên đựng ly nước cam; anh không ngờ những thứ này lại có thể mang đến niềm vui sướng khoái đến vậy.

"Tôi không muốn gọi điện bàn dài với Dagny về chuyện này," Rearden nói. "Cô ấy đã có đủ việc phải làm rồi. Chúng ta có thể giải quyết trong vài phút, anh và tôi."

"Nếu tôi có thẩm quyền làm điều đó."

Rearden mỉm cười:

"Anh có." Anh nghiêng người về phía trước.

"Eddie, tình hình tài chính của Taggart Transcontinental hiện giờ thế nào? Tuyệt vọng à?"

"Còn tệ hơn thế, ông Rearden."

"Anh có đủ khả năng trả lương không?"

"Chưa. Chúng tôi đã giấu chuyện này khỏi báo chí, nhưng tôi nghĩ ai cũng biết cả. Chúng tôi đang nợ khắp hệ thống và Jim sắp hết cách biện minh rồi."

"Anh có biết khoản thanh toán đầu tiên cho các thanh thép Rearden Metal sẽ đến vào tuần tới không?"

"Vâng, tôi biết."

"Vậy thì, ta hãy thỏa thuận về việc hoãn nợ. Tôi sẽ cho anh một kỳ gia hạn—anh không phải trả gì cho đến sáu tháng sau khi Dòng John Galt khai trương."

Eddie Willers đặt cốc cà phê xuống với một tiếng động khô khốc. Anh không thốt nên lời.

Rearden cười khúc khích:

"Sao vậy? Anh có thẩm quyền chấp nhận mà, phải không?"

"Ông Rearden... tôi không biết... phải nói gì."

"Sao phải nghĩ, chỉ cần nói 'đồng ý' là đủ."

"Đồng ý, ông Rearden." Giọng Eddie nhỏ đến mức khó nghe.

"Tôi sẽ soạn giấy tờ và gửi cho anh. Anh có thể báo Jim và bảo anh ta ký."

"Vâng, ông Rearden."

"Tôi không thích giao dịch với Jim. Anh ta sẽ phí hai tiếng đồng hồ để tự thuyết phục bản thân rằng mình đang khiến tôi tin là anh ta đang ban ơn cho tôi khi chấp nhận."

Eddie ngồi lặng lẽ, nhìn xuống đĩa.

"Có chuyện gì vậy?"

"Ông Rearden, tôi muốn... cảm ơn... nhưng không từ ngữ nào đủ để—"

"Nghe này, Eddie. Anh có tố chất của một doanh nhân giỏi, nên anh nên hiểu rõ vài điều. Trong những tình huống thế này, đừng cảm ơn. Tôi không làm việc này vì Taggart Transcontinental. Đây là vấn đề đơn giản, thực tế và ích kỷ từ phía tôi. Tại sao tôi phải thu tiền ngay lúc này, khi điều đó có thể giáng đòn chí tử vào công ty của anh? Nếu công ty anh không tốt, tôi đã thu tiền ngay và nhanh chóng rồi. Tôi không làm từ thiện và không đánh cược vào những kẻ bất tài. Nhưng các anh vẫn là tuyến đường sắt tốt nhất trong nước. Khi Tuyến John Galt hoàn thành, công ty các anh sẽ vững mạnh nhất về tài chính. Vì vậy tôi có lý do chính đáng để chờ đợi. Hơn nữa, các anh gặp khó khăn vì đường sắt của tôi. Tôi muốn thấy các anh thành công."

"Tôi vẫn phải cảm ơn ông, ông Rearden... vì điều gì đó còn lớn lao hơn cả từ thiện."

"Không. Anh không thấy sao? Tôi vừa nhận được một khoản tiền rất lớn... mà tôi không muốn. Tôi không thể đầu tư vào nó. Nó chẳng có ích gì với tôi cả... Vì vậy, theo một cách nào đó, tôi vui vì có thể dùng số tiền đó để chống lại những kẻ như họ trong cùng một cuộc chiến. Chính họ đã tạo ra cơ hội để tôi cho anh gia hạn, giúp anh chiến đấu với họ."

Anh thấy Eddie nhăn mặt, như thể bị đánh trúng vết thương.

"Đó mới là điều tồi tệ!"

"Cái gì?"

"Những gì họ đã làm với ông—và cách ông đáp trả. Ý tôi là—" Anh ngừng lại. "Xin thứ lỗi, ông Rearden. Tôi biết đây không phải cách nói chuyện trong công việc."

Rearden mỉm cười.

"Cảm ơn, Eddie. Tôi hiểu ý anh. Nhưng quên chuyện đó đi. Mặc kệ họ."

"Vâng. Chỉ là... ông Rearden, tôi có thể nói điều này không? Tôi biết nó không đúng

đắn và tôi không nói với tư cách phó giám đốc."

"Được, nói đi."

"Tôi không cần phải nói với ông đề nghị của ông có ý nghĩa thế nào với Dagny, với tôi, với mọi người lương thiện ở Taggart Transcontinental. Ông biết rồi. Và ông biết ông có thể tin chúng tôi. Nhưng... nhưng thật khủng khiếp khi Jim Taggart lại được hưởng lợi từ việc này, khi ông là người cứu anh ta và những kẻ như anh ta, sau khi họ—"

Rearden cười.

"Eddie, chúng ta cần gì phải bận tâm đến những kẻ như anh ta? Chúng ta đang lái một chuyến tàu tốc hành, còn họ chỉ ngồi trên nóc, huênh hoang về việc dẫn đầu. Tại sao phải quan tâm? Chúng ta đủ sức mạnh để kéo họ theo—phải không?"

"Điều đó sẽ không đứng vững."

Mặt trời mùa hè tạo những vệt sáng rực trên cửa sổ thành phố và những tia lửa lấp lánh trong bụi đường. Những cột nhiệt dao động qua không khí, từ mái nhà lên trang giấy trắng của lịch. Cổ máy lịch vẫn chạy, đánh dấu những ngày cuối tháng Sáu.

"Điều đó sẽ không đứng vững," người ta nói. "Khi họ chạy chuyến tàu đầu tiên trên Tuyến John Galt, đường ray sẽ nứt. Họ sẽ không thể đến được cầu. Nếu họ đến được, cây cầu sẽ sập dưới đầu máy."

Từ những sườn núi Colorado, các chuyến tàu hàng lăn bánh trên đường sắt Phoenix-Durango, đi về phía bắc đến Wyoming và tuyến chính của Taggart Transcontinental, về phía nam đến New Mexico và tuyến chính của Atlantic Southern. Những đoàn tàu chở dầu trải rộng theo mọi hướng từ các mỏ dầu Wyatt đến các ngành công nghiệp ở những bang xa xôi. Không ai nói về chúng. Trong nhận thức của công chúng, những chuyến tàu chở dầu di chuyển lặng lẽ như những tia

sáng và, như những tia sáng, chỉ được chú ý khi chúng trở thành ánh sáng của đèn điện, nhiệt của lò nung, sự chuyển động của động cơ; nhưng như thế, chúng không được để ý, chúng được coi là hiển nhiên.

Tuyến đường Phoenix-Durango sẽ ngừng hoạt động vào ngày 25 tháng Bảy.

"Hank Rearden là một con quái vật tham lam," người ta nói. "Nhìn xem hắn kiếm được bao nhiêu tiền. Hắn có bao giờ làm gì để đáp lại không? Hắn có bao giờ thể hiện chút lương tâm xã hội nào không? Tiền, đó là tất cả những gì hắn quan tâm. Hắn sẽ làm bất cứ điều gì vì tiền. Hắn có bận tâm gì đến việc người ta chết khi cây cầu của hắn sập đâu?"

"Những người Taggart đã là một bầy kèn kèn qua nhiều thế hệ," người ta nói. "Điều đó nằm trong máu họ. Hãy nhớ rằng người sáng lập gia đình này là Nat Taggart, kẻ cặn bã nổi tiếng nhất từng sống, kẻ đã vắt kiệt đất nước để tạo ra gia tài riêng. Anh có thể chắc chắn rằng một Taggart sẽ không ngần ngại mạo hiểm tính mạng người khác để kiếm lợi nhuận. Họ mua đường ray kém chất lượng vì nó rẻ hơn thép—họ quan tâm gì đến thảm họa và những thi thể bị nghiền nát, một khi đã thu được tiền vé?"

Mọi người nói như vậy đơn giản vì người khác nói thế. Họ không biết tại sao những lời này được truyền đi và lặp lại khắp nơi. Họ không đưa ra lý do, cũng chẳng đòi hỏi lý do. "Lý trí," như Dr. Pritchett đã nói với họ, "là một trong những mê tín ngây thơ nhất."

"Nguồn gốc của ý kiến công chúng ư?" Claude Slagenhop nói trong một bài phát biểu trên đài. "Chẳng có nguồn gốc nào cả. Đó là phản xạ tự phát chung. Là phản ứng của bản năng tập thể từ tâm trí tập thể."



Orren Boyle đã có cuộc phỏng vấn với Globe, tạp chí tin tức có lượng phát hành lớn nhất. Cuộc phỏng vấn tập trung vào trách nhiệm xã hội nghiêm trọng của các nhà luyện kim, nhấn mạnh rằng tính mạng con người phụ thuộc vào chất lượng của kim loại trong nhiều công việc quan trọng. "Theo tôi, không nên biến con người thành chuột thí nghiệm để thử nghiệm sản phẩm mới," ông nói, không nhắc đến tên ai.

"Không, tôi không nói cây cầu đó sẽ sập," trưởng phòng luyện kim của Associated

Steel nói trong một chương trình truyền hình. "Tôi không hề nói vậy. Tôi chỉ nói rằng nếu có con, tôi sẽ không để chúng đi trên chuyến tàu đầu tiên qua cây cầu đó. Nhưng đó chỉ là ý kiến cá nhân thôi, chẳng có gì hơn, chỉ vì tôi rất yêu trẻ con."

"Tôi không khẳng định thiết bị của Rearden-Taggart sẽ sập," Bertram Scudder viết trong tạp chí *The Future*. "Có thể sập, có thể không. Đó không phải vấn đề chính. Vấn đề là: xã hội có biện pháp bảo vệ nào trước sự kiêu ngạo, ích kỷ và tham lam của hai cá nhân không kiểm chế, những người chưa từng thể hiện bất kỳ hành động vì cộng đồng nào? Hai người này dường như sẵn sàng đánh cược mạng sống của đồng loại vào những phán đoán tự phụ của họ, bất chấp ý kiến của đa số chuyên gia công nhận. Xã hội có nên cho phép điều đó không? Nếu nó sập, liệu có quá muộn để có biện pháp phòng ngừa? Có phải như khóa chuồng sau khi ngựa đã chạy mất? Từ lâu, bài viết này đã cho rằng một số loại ngựa nên được cầm cương và khóa lại, theo các nguyên tắc xã hội chung."

Một nhóm tự xưng là "Ủy ban Công dân Vô Tư" đã thu thập chữ ký cho bản kiến nghị yêu cầu các chuyên gia chính phủ nghiên cứu Tuyến John Galt trong một năm trước khi cho phép tàu chạy. Bản kiến nghị khẳng định những người ký chỉ có "cảm giác trách nhiệm công dân" làm động lực. Balph Eubank và Mort Liddy là những người ký đầu tiên. Kiến nghị được đăng tải rộng rãi trên báo chí và nhận được sự chú ý cùng bình luận tôn trọng, bởi nó đến từ những người được cho là vô tư.

Không có chỗ nào dành cho việc đưa tin về tiến độ xây dựng Tuyến John Galt. Không phóng viên nào được cử đến hiện trường. Chính sách chung của báo chí đã được một biên tập viên nổi tiếng tuyên bố cách đây năm năm: "Không có sự thật khách quan. Mỗi báo cáo về sự thật chỉ là ý kiến của ai đó. Do đó, việc viết về sự thật là vô ích."

Một số doanh nhân muốn tìm hiểu giá trị thương mại của Rearden Metal. Họ tiến hành khảo sát, không phải bằng cách thuê nhà luyện kim kiểm tra mẫu hay kỹ sư thăm công trường, mà bằng một cuộc thăm dò công khai. Mười nghìn người, được

cho là đại diện cho mọi tầng lớp trí thức, được hỏi: "Bạn có đi trên Tuyến John Galt không?" Câu trả lời áp đảo là: "Không, thưa ngài."

Không có tiếng nói công khai nào bảo vệ Rearden Metal. Và chẳng ai để ý rằng cổ phiếu Taggart Transcontinental đang âm thầm tăng giá trên thị trường.

Có những người quan sát và thận trọng hành động. Ông Mowen mua cổ phiếu Taggart dưới tên chị gái. Ben Nealy mua dưới tên một người họ hàng. Paul Larkin mua dưới bí danh. "Tôi không thích dính vào chuyện gây tranh cãi," một người trong số họ nói.

"Ồ, đúng rồi, tất nhiên là việc xây dựng đang diễn ra theo đúng tiến độ," James Taggart nói với Hội đồng Quản trị, nhún vai. "Ồ, đúng rồi, các bạn có thể yên tâm. Chị gái tôi không phải là con người, mà chỉ là một động cơ đốt trong, nên không ai nên ngạc nhiên về sự thành công của cô ấy."

Khi James Taggart nghe tin đồn rằng một số dầm cầu đã bị nứt và sập, làm chết ba công nhân, anh ta bật dậy và chạy đến văn phòng thư ký, ra lệnh gọi đến Colorado. Anh ta đứng chờ, dựa vào bàn thư ký như tìm kiếm sự bảo vệ, ánh mắt mất tập trung như thể hoảng loạn. Tuy nhiên, miệng anh ta bỗng cong lên thành một nụ cười gượng gạo: "Tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì để thấy mặt Henry Rearden ngay bây giờ." Khi nghe tin đồn đó là sai sự thật, anh ta nói: "Tạ ơn Chúa!"

Nhưng giọng anh ta có chút thất vọng.

"Thôi nào!" Philip Rearden nói với bạn bè khi nghe cùng tin đồn. "Có lẽ anh ta cũng có thể thất bại một lần. Có lẽ anh trai vĩ đại của tôi không vĩ đại như anh ta nghĩ."

"Anh yêu," Lillian Rearden nói với chồng, "em đã bảo vệ anh hôm qua, tại buổi trà nơi các phụ nữ nói rằng Dagny Taggart là người tình của anh... Ôi, đừng nhìn em như vậy! Em biết điều đó thật nực cười và em đã mắng họ. Chỉ là những bà bạn ngớ ngẩn không thể tưởng tượng ra lý do nào khác mà một người phụ nữ lại đứng về phía anh,

chống lại tất cả mọi người vì Kim loại của anh. Dĩ nhiên, em biết rõ hơn thế. Em biết người phụ nữ Taggart đó hoàn toàn vô cảm và không quan tâm đến anh chút nào—và, anh yêu, em biết nếu anh có đủ can đảm làm việc như vậy, mà anh không có, anh sẽ không đi tìm một cái máy tính bỏ túi trong bộ đồ may đo, mà sẽ tìm một cô gái tóc vàng, nữ tính trong dàn hợp xướng—ồ, Henry, em chỉ đùa thôi! —đừng nhìn em như vậy!"

"Dagny," James Taggart nói buồn bã, "chúng ta sẽ làm gì đây? Taggart Transcontinental đã mất đi sự ủng hộ!"

Dagny cười, vui vẻ với khoảnh khắc ấy, như thể niềm vui luôn thường trực trong cô và chỉ cần một chút tác động là đủ bùng lên. Cô cười thoải mái, miệng mở rộng. Răng cô trắng sáng, nổi bật trên khuôn mặt rám nắng. Đôi mắt cô nhìn xa xăm, như đã quen với những khoảng không rộng lớn. Trong những lần gần đây đến New York, anh ta nhận thấy cô nhìn anh như thể không còn thấy anh nữa.

"Chúng ta sẽ làm gì đây? Công chúng đang chống đối chúng ta!"

"Jim, anh còn nhớ câu chuyện về Nat Taggart không? Ông ấy nói rằng ông chỉ ghen tị với một đối thủ, người đã nói 'Mặc kệ công chúng!' Ông ấy ước mình đã nói câu đó."

Vào những ngày hè, trong sự tĩnh lặng nặng nề của các buổi tối thành phố, có những khoảnh khắc khi một người đàn ông hoặc phụ nữ cô đơn—trên ghế công viên, ở góc phố, bên cửa sổ mở—bắt gặp trong tờ báo một dòng ngắn về tiến độ của Tuyến đường John Galt, và nhìn thành phố với tia hy vọng bất chợt. Họ là những người rất trẻ, khao khát thấy những sự kiện như thế này xảy ra—hoặc những người rất già, từng chứng kiến một thế giới nơi những điều như vậy diễn ra. Họ không quan tâm đến đường sắt, không biết gì về kinh doanh, chỉ biết rằng có ai đó đang chiến đấu chống lại khó khăn và đang chiến thắng. Họ không ngưỡng mộ mục đích của những người chiến đấu, họ tin vào tiếng nói công luận—nhưng khi đọc về sự phát triển của Tuyến đường, họ cảm nhận được tia sáng hy vọng và tự hỏi tại sao nó lại khiến

những vấn đề của họ dễ dàng hơn.

Im lặng, chỉ có bãi hàng của Taggart Transcontinental ở Cheyenne và văn phòng Tuyến đường John Galt trong con hẻm tối biết rằng hàng hóa đang được chuyển vào và đơn đặt hàng cho các toa tàu đang chồng chất—cho chuyến tàu đầu tiên chạy trên Tuyến đường John Galt. Dagny Taggart đã thông báo rằng chuyến tàu đầu tiên sẽ không phải là tàu tốc hành chở đầy nhân vật nổi tiếng và chính trị gia như thường lệ, mà là một chuyến tàu chở hàng đặc biệt.

Hàng hóa đến từ các trang trại, từ các xưởng gỗ, từ các mỏ trên khắp đất nước, từ những nơi xa xôi mà phương tiện sinh tồn cuối cùng của họ là các

nhà máy mới của Colorado. Không ai viết về những người vận chuyển này, vì họ là những người không vô tư.

"Này, thưa cô Taggart," đại diện của Liên đoàn Kỹ sư Loco nói, "tôi không nghĩ chúng tôi sẽ cho phép cô điều khiển chuyến tàu đó."

Dagny ngồi sau chiếc bàn cũ kỹ, dựa lưng vào bức tường loang lổ trong văn phòng.

Cô nói, không hề cử động: "Cút khỏi đây."

Đó là câu nói chưa từng được nghe trong các văn phòng sáng bóng của giám đốc đường sắt. Anh ta có vẻ hoang mang. "Tôi đến để nói với cô—"

"Nếu anh có gì muốn nói, hãy nói lại từ đầu."

"Chuyện gì?"

"Đừng nói với tôi là anh sẽ cho phép tôi làm gì."

"À, ý tôi là chúng tôi sẽ không để người của chúng tôi điều khiển tàu của cô."

"Vậy thì khác."

"À, đó là những gì chúng tôi đã quyết định."

"Ai đã quyết định điều đó?"

"Ủy ban. Những gì cô đang làm là vi phạm quyền con người. Cô không thể bắt người ta ra ngoài để chết—khi cây cầu đó sập—chỉ để kiếm tiền cho cô."

Cô lấy một tờ giấy trắng và đưa cho anh ta. "Viết ra đi," cô nói, "và chúng ta sẽ ký hợp đồng theo điều khoản đó."

"Hợp đồng gì?"

"Rằng không ai trong liên minh của anh sẽ bao giờ được lái một chiếc máy trên Tuyến đường John Galt."

"Khoan... chờ đã... tôi chưa nói—"

"Anh không muốn ký hợp đồng như vậy sao?"

"Không, tôi—"

"Sao không, nếu anh biết chắc rằng cây cầu sẽ sập?"

"Tôi chỉ muốn—"

"Tôi biết anh muốn gì. Anh muốn kiểm soát người của anh thông qua công việc tôi giao—và kiểm soát tôi thông qua người của anh. Anh muốn tôi cung cấp việc làm, nhưng lại muốn ngăn tôi có việc để giao. Bây giờ tôi sẽ cho anh một lựa chọn."

Chuyến tàu đó sẽ chạy. Anh không có quyền quyết định điều đó. Nhưng anh có thể chọn liệu nó sẽ do một trong những người của anh lái hay không. Nếu anh không cho phép họ làm, tàu vẫn sẽ chạy, dù tôi phải tự lái. Nếu cây cầu sập, sẽ không còn đường sắt nào tồn tại. Nhưng nếu nó không sập, không ai trong liên minh của anh sẽ có cơ hội làm việc trên Tuyến đường John Galt. Nếu anh nghĩ tôi cần người của anh hơn họ cần tôi, hãy quyết định dựa trên điều đó. Nếu anh biết tôi có thể lái tàu, còn

họ không thể xây dựng đường sắt, hãy quyết định dựa trên điều đó. Vậy anh có cấm người của anh lái chuyến tàu đó không?"

"Tôi không nói chúng tôi sẽ cấm. Tôi chưa nói gì về việc cấm cả. Nhưng... cô không thể ép người ta mạo hiểm tính mạng khi chưa ai từng làm điều này."

"Tôi sẽ không ép buộc ai phải thực hiện chuyến đi đó."

"Vậy cô sẽ làm gì?"

"Tôi sẽ yêu cầu người tình nguyện."

"Và nếu không ai tình nguyện?"

"Vậy đó là vấn đề của tôi, không phải của anh."

"Được rồi, tôi sẽ khuyên họ từ chối."

"Tùy anh. Khuyên họ điều gì cũng được. Nói với họ bất cứ điều gì anh muốn. Nhưng hãy để họ tự quyết định. Đừng cấm đoán."

Thông báo xuất hiện tại mọi ga của hệ thống Taggart, được ký bởi "Edwin Willers, Phó Chủ tịch Phụ trách Vận hành." Nó yêu cầu các kỹ sư muốn lái chuyến tàu đầu tiên trên Tuyến đường John Galt hãy thông báo cho văn phòng của ông Willers, không muộn hơn 11 giờ sáng ngày 15 tháng 7.

Đúng 10 giờ 45 phút sáng ngày 15 tháng 7, điện thoại reo trong văn phòng cô. Đó là Eddie, gọi từ tầng trên của Tòa nhà Taggart. "Dagny, tôi nghĩ cô nên đến đây." Giọng anh nghe lạ lẫm.

Cô vội vã băng qua đường, xuống những hành lang lót đá hoa cương, đến cửa vẫn mang tên "Dagny Taggart" trên kính.

Cô mở cửa.

Phòng trước văn phòng chật kín người. Họ đứng chen chúc giữa các bàn làm việc, sát các bức tường. Khi cô bước vào, họ cởi mũ và im lặng. Cô nhìn thấy những mái đầu bạc, những đôi vai răn rỏi, những gương mặt tươi cười của nhân viên tại bàn làm việc và gương mặt của Eddie Willers ở cuối phòng.

Mọi người đều hiểu không cần phải nói gì thêm.

Eddie đứng bên cửa mở của văn phòng cô. Đám đông tách ra để cô đi qua. Anh chỉ vào phòng, rồi chỉ vào đồng thư và điện tín.

"Dagny, tất cả bọn họ," anh nói. "Mọi kỹ sư của Taggart Transcontinental. Những ai có thể đã đến đây, một số từ tận Chi nhánh Chicago." Anh chỉ vào đồng thư. "Đây là phần còn lại."

"Chỉ có đúng ba người tôi chưa nhận được tin: một người đang nghỉ phép ở rừng phía Bắc, một người đang nằm viện, và một người đang ngồi tù vì lái xe ẩu—bằng xe riêng của anh ta."

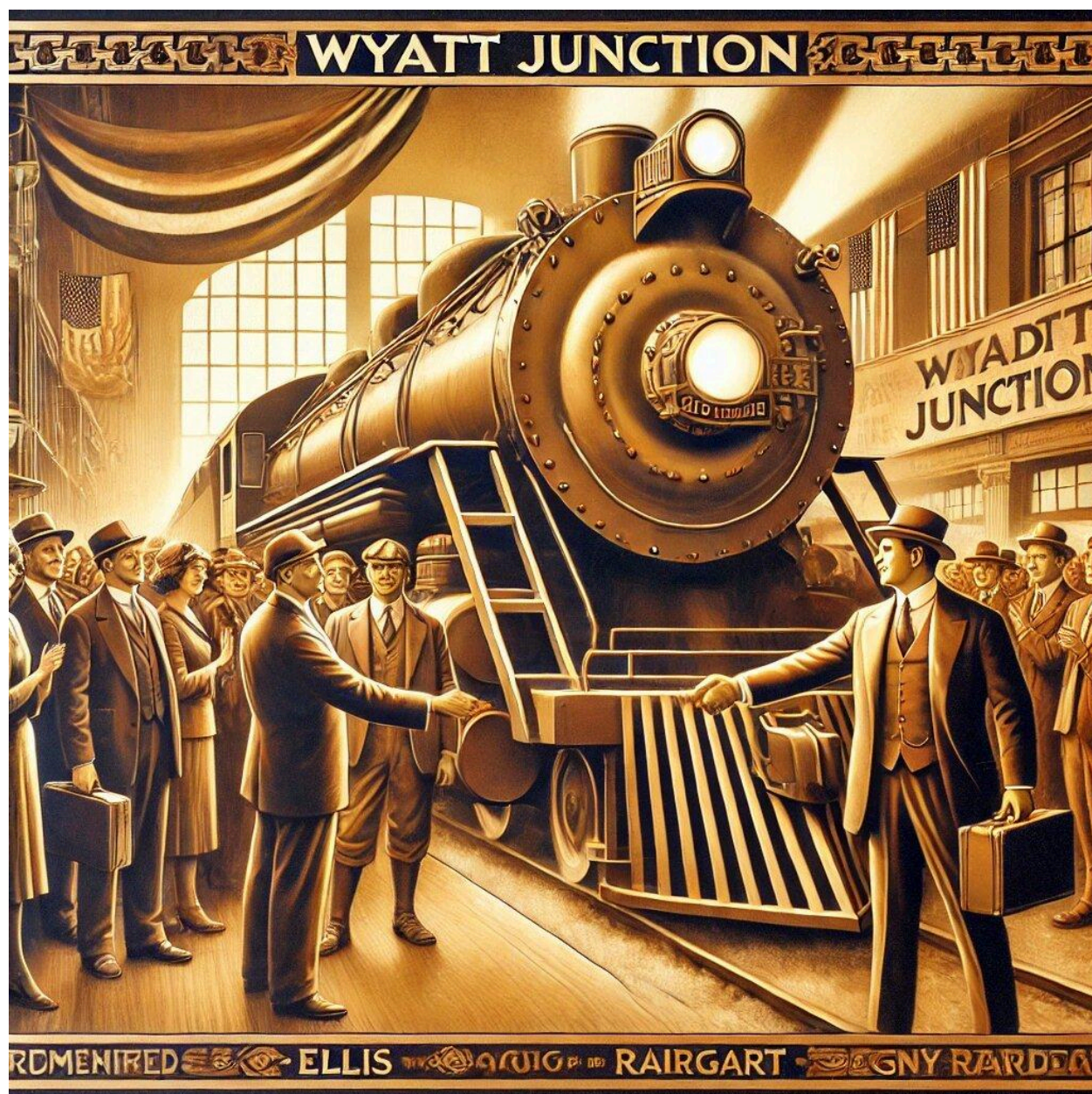
Cô nhìn những người đàn ông. Cô thấy những nụ cười kiềm nén trên những gương mặt nghiêm trang. Cô gật đầu, như thể công nhận. Cô đứng im lặng một lúc, đầu cúi xuống, như đang chấp nhận một phán quyết—một phán quyết cho cô, cho từng người đàn ông trong phòng và cho cả thế giới bên ngoài những bức tường tòa nhà này.

"Cảm ơn," cô nói.

Hầu hết những người đàn ông đã gặp cô nhiều lần. Nhìn cô lúc này, khi cô ngẩng đầu lên, nhiều người trong số họ chợt nhận ra—với sự ngạc nhiên và lần đầu tiên—rằng khuôn mặt vị Phó Chủ tịch Vận hành của họ là khuôn mặt một người phụ nữ, và nó thật đẹp.

Một người phía sau đám đông bỗng hô lớn, giọng vui vẻ: "Chết tiệt với Jim Taggart!"

Tiếng hoan hô vang dội đáp lại. Các người đàn ông cười, reo hò, vỗ tay. Phản ứng ấy có vẻ quá mức với câu nói đó. Nhưng câu nói đã cho họ có để bày tỏ điều họ cần. Họ như đang vỗ tay cho người phát ngôn, trong một thách thức bất chấp đối với quyền lực.



Nhưng mọi người trong phòng đều biết họ đang thực sự hoan hô ai.

Cô giơ tay lên. "Chúng ta vội quá," cô nói, mỉm cười. "Đợi thêm một tuần nữa. Đó mới

là lúc chúng ta nên ăn mừng. Và tin tôi đi, chúng ta sẽ làm điều đó!"

Họ bốc thăm cho chuyến đi. Cô rút từ đồng giấy chứa tên của họ một mảnh giấy gấp. Người trúng thăm không có mặt trong phòng, nhưng anh ta là một trong những người giỏi nhất hệ thống: Pat Logan, kỹ sư của tàu Taggart Comet thuộc Bộ phận Nebraska.

"Điện cho Pat và nói với anh ta là anh ta đã bị giáng chức xuống lái tàu hàng," cô nói với Eddie. Cô thêm vào như thể là quyết định phút cuối, dù không lừa được ai, "À phải, nói với anh ta rằng tôi sẽ đi cùng trong cabin của đầu máy trên chuyến đó."

Một kỹ sư già bên cạnh cô mỉm cười và nói: "Tôi biết cô sẽ làm thế, cô Taggart."

Rearden đang ở New York khi Dagny gọi điện từ văn phòng. "Hank, ngày mai tôi sẽ tổ chức họp báo."

Anh cười lớn. "Không đời nào!"

"Có đấy." Giọng cô nghiêm túc, nhưng là kiểu nghiêm túc nguy hiểm.

"Báo chí đột nhiên phát hiện ra tôi và đang đặt câu hỏi. Tôi sẽ trả lời họ."

"Chúc vui vẻ."

"Tôi sẽ vui. Anh có ở thành phố ngày mai không? Tôi muốn anh tham gia."

"Được thôi. Tôi không muốn bỏ lỡ."

Các phóng viên đến dự họp báo tại văn phòng Tuyển đường John Galt đều là những người trẻ. Họ được huấn luyện để tin rằng công việc của mình là che giấu bản chất sự việc trước thế giới. Công việc hàng ngày của họ là làm khán giả cho một nhân vật công chúng phát biểu về lợi ích công cộng bằng những cụm từ được chọn lọc kỹ để không mang ý nghĩa cụ thể nào. Họ được phép ghép các từ theo bất kỳ cách nào, miễn là không tạo thành một chuỗi có nghĩa rõ ràng.

Họ không thể hiểu nổi cuộc phỏng vấn họ đang tham dự.

Dagny Taggart ngồi sau chiếc bàn trong văn phòng trông như tầng hầm một khu ổ chuột. Cô mặc bộ vest xanh đậm với áo sơ mi trắng được may khéo léo, tạo vẻ ngoài trang nghiêm, gần như quân sự. Cô ngồi thẳng lưng, cách cư xử trang trọng một cách nghiêm túc, có lẽ hơi quá nghiêm túc.

Rearden ngồi trong góc, ngả người trên chiếc ghế bành cũ, chân dài gác qua tay ghế, người tựa vào tay ghế còn lại. Cách cư xử của anh thoải mái một cách dễ chịu, có lẽ hơi quá dễ chịu.

Với giọng đều đều như báo cáo quân sự, không cần tham khảo giấy tờ, nhìn thẳng vào các phóng viên, Dagny liệt kê các chi tiết kỹ thuật về Tuyến đường John Galt. Cô đưa ra con số chính xác về loại ray, sức chứa cầu, phương pháp xây dựng và chi phí. Sau đó, với giọng khô khan của một chuyên gia ngân hàng, cô giải thích triển vọng tài chính và nêu rõ khoản lợi nhuận lớn dự kiến. "Vậy là hết," cô nói.

"Hết ư?" Một phóng viên hỏi. "Cô không có thông điệp nào cho công chúng sao?"

"Đó chính là thông điệp của tôi."

"Nhưng quái quỷ—ý tôi là, cô không định tự bảo vệ mình sao?"

"Để làm gì?"

"Chẳng phải cô muốn biện minh cho Tuyến đường của mình sao?"

"Tôi đã làm rồi."

Một người đàn ông với nét mặt như đang chế giễu hỏi, "Vậy tôi muốn biết, như Bertram Scudder đã nói, chúng ta có biện pháp bảo vệ nào nếu Tuyến đường của cô thất bại?"

"Đừng đi trên đó."

Một người khác hỏi, "Cô không định nói cho chúng tôi động cơ xây dựng Tuyến đường đó sao?"

"Tôi đã nói rồi: lợi nhuận tôi mong đợi có được."

"Ôi, cô Taggart, đừng nói vậy!" Một phóng viên trẻ kêu lên. Anh ta mới vào nghề, vẫn còn thật thà với công việc, và không hiểu sao cảm thấy có thiện cảm với Dagny Taggart. "Đó là điều không nên nói. Mọi người đang bàn tán về cô đấy."

"Thật sao?"

"Tôi chắc cô không có ý đó và... và tôi chắc cô muốn làm rõ điều này."

"Được, nếu anh muốn tôi làm rõ. Lợi nhuận trung bình của ngành đường sắt là hai phần trăm vốn đầu tư. Một ngành làm được nhiều thế mà giữ lại ít như vậy nên tự xem là vô đạo đức. Như tôi đã giải thích, với chi phí và lượng vận chuyển dự kiến, Tuyến đường John Galt sẽ mang lại lợi nhuận không dưới mười lăm phần trăm trên khoản đầu tư. Dĩ nhiên, ngày nay bất kỳ lợi nhuận nào trên bốn phần trăm đều bị coi là cho vay nặng lãi. Tuy nhiên, tôi sẽ cố gắng hết sức để Tuyến đường John Galt đạt mười phần trăm lợi nhuận cho tôi, nếu có thể. Đó là động cơ tôi xây dựng Tuyến đường này. Tôi đã nói đủ rõ chưa?"

Cậu phóng viên trẻ nhìn cô bất lực. "Cô không có ý nói là kiếm lợi nhuận cho bản thân, phải không cô Taggart? Ý tôi là, cô làm vì các cổ đông nhỏ, đúng không?" cậu ta gợi ý đầy hy vọng.

"Không, tôi là một trong những cổ đông lớn nhất của Taggart Transcontinental, nên phần lợi nhuận của tôi sẽ là một trong những phần lớn nhất. Còn ông Rearden thậm chí còn ở vị trí thuận lợi hơn, vì ông ấy không có cổ đông nào để chia sẻ lợi nhuận—hay là ông muốn tự mình phát biểu, ông Rearden?"

"Được, rất vui lòng," Rearden nói. "Vì công thức của Rearden Metal là bí mật cá nhân của tôi, và vì kim loại này có chi phí sản xuất thấp hơn rất nhiều so với những gì các

ông có thể tưởng tượng, tôi dự định sẽ vắt kiệt công chúng với lợi nhuận lên đến 25% trong vài năm tới."

"Ý ông là gì khi nói vắt kiệt công chúng, ông Rearden?" cậu bé hỏi.

"Nếu kim loại của chúng tôi bền gấp ba lần và giá chỉ bằng một nửa như trong quảng cáo, thì công chúng có được một món hời hay không?"

"Ồ, ông đã chú ý đến điều đó sao?" Rearden nói.

"Các ông có nhận ra là các ông đang nói cho báo chí không?" người đàn ông với nét mặt châm biếm hỏi.

"Nhưng, ông Hopkins," Dagny nói, với vẻ ngạc nhiên lịch sự, "có lý do gì khiến chúng tôi lại nói chuyện với ông, nếu không phải vì báo chí?"

"Chắc các ông không muốn tôi trích dẫn tất cả những gì các ông nói đấy chứ?"

"Tôi hy vọng ông sẽ trích dẫn chính xác lời chúng tôi. Ông có thể giúp tôi ghi chép lại nguyên văn được không?"

Cô ngừng lại để xem họ chuẩn bị bút, rồi nói rõ ràng: "Cô Taggart nói—trích—Tôi dự định sẽ kiếm được một khoản lợi nhuận lớn từ Tuyến đường John Galt. Tôi sẽ làm được điều đó. Hết trích. Cảm ơn rất nhiều."

"Có câu hỏi nào không, thưa các ông?" Rearden hỏi.

Không có câu hỏi nào.

"Bây giờ tôi sẽ kể cho các ông về việc khai trương Tuyến đường John Galt," Dagny nói. "Chuyến tàu đầu tiên sẽ khởi hành từ ga Taggart Transcontinental ở Cheyenne, Wyoming, vào lúc 4 giờ chiều ngày 22 tháng 7. Đây sẽ là một chuyến tàu hàng đặc biệt gồm 80 toa. Nó sẽ được điều khiển bởi một đầu máy Diesel bốn đơn vị công suất 8.000 mã lực—tôi đang thuê từ Taggart Transcontinental cho dịp này. Chuyến

tàu sẽ chạy thẳng đến Wyatt Junction, Colorado, với tốc độ trung bình 100 dặm một giờ. Xin lỗi các ông?" cô hỏi khi nghe thấy tiếng còi trầm.

"Cô nói gì, cô Taggart?"

"Tôi nói, 100 dặm một giờ—bất kể độ dốc, khúc cua hay bất cứ điều gì."

"Sao cô không giảm tốc độ xuống mức bình thường thay vì... Cô Taggart, cô không nghĩ đến công chúng sao?"

"Tôi đang nghĩ đến công chúng đấy. Nếu không có dư luận, tốc độ trung bình 65 dặm một giờ đã là đủ."

"Ai sẽ điều khiển chuyến tàu đó?"

"Chúng tôi đã gặp khó khăn về việc này. Tất cả kỹ sư của Taggart đều tình nguyện. Cả thợ đốt lửa, kiểm tra phanh và điều khiển tàu cũng vậy. Chúng tôi phải bốc thăm cho từng vị trí. Kỹ sư sẽ là Pat Logan của tàu Taggart Comet, thợ đốt lửa là Ray McKim. Tôi sẽ đi cùng họ trong cabin đầu máy."

"Không thể nào!"

"Xin mời các ông đến dự buổi khai trương ngày 22 tháng 7. Báo chí được chào đón nồng nhiệt. Trái với thông lệ của tôi, tôi đã trở thành một kẻ nghiện quảng bá. Thật đấy. Tôi muốn có đèn pha, micro và máy quay truyền hình. Tôi đề xuất các ông đặt vài máy quay quanh cây cầu. Nếu nó sụp đổ, các ông sẽ có những cảnh quay tuyệt vời."

"Cô Taggart," Rearden hỏi, "sao cô không đề cập đến việc tôi sẽ đi cùng trong đầu máy?"

Cô nhìn anh qua phòng, và trong một khoảnh khắc, chỉ còn hai người họ nhìn nhau. "Vâng, tất nhiên rồi, ông Rearden," cô đáp.

Cô không gặp lại anh cho đến khi họ nhìn nhau qua sân ga Taggart ở Cheyenne, vào ngày 22 tháng 7.

Cô không tìm kiếm ai khi bước ra sân ga: các giác quan của cô như hòa vào nhau, đến nỗi cô không thể phân biệt bầu trời, mặt trời hay âm thanh của đám đông khổng lồ—chỉ còn một cảm giác choáng ngợp và ánh sáng.

Nhưng anh là người đầu tiên cô nhìn thấy, và cô không thể nói rõ anh đã đứng đó bao lâu, vì dường như anh luôn ở đó. Anh đứng bên đầu máy của tàu John Galt, nói chuyện với ai đó ngoài tầm nhận thức của cô. Anh mặc quần xám và áo sơ mi, trông như một thợ máy chuyên nghiệp, nhưng mọi người xung quanh đều nhìn chằm chằm vì anh là Hank Rearden của Rearden Steel. Cô ngược nhìn thấy chữ TT trên mặt trước đầu máy, những đường nét của nó nghiêng về phía sau, hướng vào không gian.

Qua khoảng cách và đám đông, ánh mắt anh tìm đến cô ngay khi cô xuất hiện. Họ nhìn nhau và cô biết anh cảm nhận giống cô. Đây không phải một cuộc phiêu lưu trang trọng với tương lai phụ thuộc vào nó, mà chỉ đơn giản là ngày họ tận hưởng. Công việc của họ đã hoàn thành. Trong khoảnh khắc này, không có tương lai. Họ đã giành được hiện tại.

Chỉ khi một người cảm thấy mình thực sự quan trọng, như cô đã nói với anh, họ mới có thể cảm thấy thật sự nhẹ nhõm. Dù chuyến tàu có ý nghĩa gì với người khác, với họ, chính họ là ý nghĩa duy nhất của ngày hôm nay. Dù người khác tìm kiếm điều gì trong cuộc sống, quyền được cảm nhận khoảnh khắc này là tất cả những gì họ muốn. Qua sân ga, họ như đang nói với nhau điều đó.

Rồi cô quay đi.

Cô chợt nhận ra mình đang bị mọi người nhìn chằm chằm, những người đang vây quanh, và cô đang mỉm cười đáp lại các câu hỏi.

Cô không ngờ đám đông lại đông đến thế. Họ tràn ngập sân ga, các đường ray, quảng trường phía ngoài nhà ga; họ chen chúc trên mái những toa tàu và ở cửa sổ của mọi tòa nhà có thể nhìn thấy. Một điều gì đó đã thu hút họ đến đây, một bầu không khí đặc biệt đã khiến James Taggart muốn dự lễ khai trương Tuyến đường John Galt. Cô đã ngăn cấm điều đó. "Nếu anh đến, Jim," cô tuyên bố, "tôi sẽ cho người đuổi anh ra khỏi ga của chính anh. Đây là sự kiện mà anh không được phép tham dự." Thay vào đó, cô chọn Eddie Willers đại diện cho Taggart Transcontinental.

Nhìn đám đông, cô đồng thời cảm thấy ngạc nhiên vì họ chú ý đến mình - bởi sự kiện này quá riêng tư đến mức dường như không thể chia sẻ - và một cảm giác thỏa mãn rằng họ nên có mặt ở đây, họ nên được chứng kiến, vì cảnh tượng của một thành tựu là món quà tuyệt vời nhất mà con người có thể trao tặng nhau.

Cô không còn oán giận ai trên đời này nữa. Những khó khăn cô từng trải qua giờ đã lùi xa như một màn sương, nỗi đau vẫn còn đó nhưng không còn khả năng gây tổn thương. Chúng không thể đứng vững trước thực tại của khoảnh khắc này, ý nghĩa của ngày hôm nay rõ ràng và mãnh liệt như ánh nắng chiếu lên bề mặt sáng bóng của đầu máy - điều mà giờ đây ai cũng phải thấy rõ, không ai có thể phủ nhận, và cô không còn lý do để căm ghét ai.

Eddie Willers đang quan sát cô. Anh đứng trên sân ga, xung quanh là các giám đốc Taggart, trưởng các bộ phận, lãnh đạo thành phố và quan chức địa phương - những người đã phải qua nhiều cuộc tranh cãi, hối lộ hoặc đe dọa để cấp phép cho tàu chạy qua các khu dân cư với tốc độ một trăm dặm một giờ. Hôm nay, trong sự kiện này, chức Phó giám đốc của anh mới thực sự có ý nghĩa và anh đảm nhận nó một cách xứng đáng. Dù đang trò chuyện với những người xung quanh, mắt anh vẫn dõi theo Dagny qua đám đông. Trong bộ quần áo sơ mi màu xanh, cô không bận tâm đến nhiệm vụ chính thức - đã giao phó cho anh - mà giờ đây chỉ quan tâm đến đoàn tàu, như thể cô chỉ là một thành viên trong tổ lái.

Cô nhìn thấy anh, tiến lại gần và bắt tay; nụ cười của cô như một lời tóm tắt cho mọi điều họ không cần nói ra. "Này Eddie, giờ anh thực sự là người của Taggart Transcontinental rồi."

"Vâng," anh đáp, giọng trầm và nghiêm trang.

Các phóng viên đang đặt câu hỏi, họ kéo cô ra xa. Họ cũng hỏi anh: "Ông Willers, chính sách của Taggart Transcontinental với tuyến đường này là gì?" "Vây Taggart Transcontinental chỉ đơn thuần là người quan sát không có lợi ích gì, phải không, ông Willers?"

Anh cố gắng trả lời. Anh đang nhìn ánh nắng trên đầu máy Diesel, nhưng trong tâm trí hiện lên hình ảnh mặt trời chiếu qua khoảng trống giữa rừng cây và một cô bé mười hai tuổi hứa rằng anh sẽ giúp cô điều hành tuyến đường sắt một ngày nào đó.

Anh đứng từ xa quan sát đoàn tàu chuẩn bị ra mắt, các thành viên tổ lái xếp hàng trước đầu máy để chụp ảnh. Dagny và Rearden mỉm cười như đang chụp ảnh kỷ nghỉ. Pat Logan, kỹ sư trưởng - người đàn ông thấp, vạm vỡ với mái tóc điểm bạc và khuôn mặt lạnh lùng khó hiểu - tạo dáng với vẻ thờ ơ hài hước.

Ray McKim, người đốt lửa trẻ tuổi lực lưỡng, cười vừa ngượng ngùng vừa tự hào. Những thành viên khác trong đoàn tàu trông như sắp nháy mắt với máy ảnh. Một nhiếp ảnh gia cười lớn: "Các người không thể làm ra vẻ lo lắng được sao? Tôi biết biên tập viên muốn thế."

Dagny và Rearden đang trả lời phỏng vấn báo chí. Không còn chút mĩa mai hay cay đắng nào trong câu trả lời của họ. Họ đang tận hưởng khoảnh khắc này. Họ nói chuyện như thể mọi câu hỏi đều xuất phát từ thiện ý.

Không ai nhận ra khi nào, nhưng điều đó đã trở thành sự thật khi một phóng viên hỏi nhân viên kiểm tra phanh: "Các anh mong đợi điều gì trong chuyến đi này? Anh nghĩ các anh sẽ đến nơi chứ?"

"Tôi nghĩ chúng tôi sẽ đến," anh ta đáp, "và anh cũng vậy, anh bạn."

"Ông Logan, ông có con không? Ông đã mua bảo hiểm bổ sung chưa? Tôi chỉ nghĩ đến cây cầu thôi."

"Đừng lo về cây cầu cho đến khi tôi đến đó," Pat Logan đáp, giọng khinh thường.

"Ông Rearden, làm sao ông biết đường ray của ông sẽ chịu được?"

"Người phát minh ra máy in," Rearden đáp, "làm sao ông ta biết được?"

"Thưa cô Taggart, điều gì sẽ giữ một đoàn tàu bảy nghìn tấn trên cây cầu ba nghìn tấn?"

"Phán đoán của tôi," cô đáp.

Các phóng viên, những người vốn khinh miệt nghề nghiệp của mình, không hiểu sao hôm nay lại thấy phấn khích đến thế. Một người trong số họ, chàng trai trẻ với nhiều năm thành công và ánh mắt chằm biếm như già trước tuổi, bỗng thốt lên: "Tôi biết mình muốn làm gì: Tôi ước được làm người đưa tin!"

Kim đồng hồ trên nhà ga chỉ 3:45. Đoàn tàu bắt đầu di chuyển về phía cuối ga xa nhất. Tiếng ồn và chuyển động của đám đông dần lắng xuống. Không hện mà cùng, mọi người bắt đầu đứng yên.

Người điều phối đã nhận được thông báo từ các nhân viên vận hành dọc tuyến đường ray uốn lượn qua các ngọn núi đến mỏ dầu Wyatt cách ba trăm dặm. Anh ta bước ra khỏi nhà ga và, nhìn về phía Dagny, ra hiệu đường ray đã thông. Đứng bên đầu máy, Dagny giơ tay lặp lại cử chỉ, xác nhận đã nhận và hiểu tín hiệu.

Dòng xe tải dài của tàu kéo dài tít tắp như một chuỗi xương sống. Khi cánh tay của người chỉ huy quét qua không khí, cô vung tay đáp lại.

Rearden, Logan và McKim đứng im lặng như thể trong tư thế chào, nhường cho cô

lên trước. Khi cô bắt đầu leo lên các bậc thang bên hông đầu máy, một phóng viên chợt nghĩ đến câu hỏi mình chưa hỏi.

"Cô Taggart," anh gọi với theo, "John Galt là ai?"

Cô quay lại, tay bám vào thanh kim loại, treo mình trong khoảnh khắc trên đầu đám đông.

"Chúng ta chính là người đó!" cô đáp.

Logan theo cô vào cabin, rồi đến McKim; Rearden vào sau cùng, và cánh cửa đầu máy đóng lại với âm thanh chắc chắn của kim loại được niêm phong.

Những ngọn đèn treo trên cầu tín hiệu tỏa sáng xanh trong bầu trời.

Những đèn xanh dọc đường ray thấp thoáng trên mặt đất, kéo dài vào khoảng không nơi đường ray uốn cong, và một ngọn đèn xanh đứng tại khúc quanh, trước những chiếc lá mùa hè xanh mướt như thể chúng cũng là đèn.

Hai người đàn ông giữ dải ruy băng lụa trắng căng ngang đường ray trước đầu máy. Họ là giám sát viên Chi nhánh Colorado và kỹ sư trưởng của Nealy, người vẫn ở lại làm việc. Eddie Willers sẽ cắt dải ruy băng họ đang cầm để khai trương tuyến đường mới.

Các nhiếp ảnh gia sắp xếp anh cẩn thận, với cây kéo trong tay, lưng quay về phía đầu máy. Họ giải thích rằng sẽ yêu cầu anh thực hiện nghi lễ này hai hoặc ba lần để có nhiều lựa chọn ảnh; họ đã chuẩn bị sẵn cuộn ruy băng mới. Anh định tuân theo, nhưng rồi đột ngột dừng lại. "Không," anh nói dứt khoát.

"Không phải là giả mạo."

Với giọng điệu uy nghiêm của một phó giám đốc, anh ra lệnh, chỉ tay vào máy ảnh: "Lùi lại—lùi xa ra. Chỉ chụp một bức khi tôi cắt nó, rồi tránh ra ngay."

Họ tuân lệnh, vội vã lùi xuống phía dưới đường ray. Chỉ còn một phút nữa. Eddie quay lưng lại với máy ảnh, đứng giữa đường ray đối diện với đầu máy. Anh cầm kéo sẵn sàng trên dải ruy băng trắng. Anh bỏ mũ và ném sang một bên. Anh ngược nhìn đầu máy. Một làn gió nhẹ làm tóc vàng của anh tung bay. Đầu máy sừng sững như một tấm khiên bạc khổng lồ mang biểu tượng của Nat Taggart.

Eddie Willers giờ tay khi kim đồng hồ nhà ga chỉ đúng bốn giờ.

"Mở đi, Pat!" anh gọi.

Ngay khi đầu máy bắt đầu tiến lên, anh cắt đứt dải ruy băng trắng và nhảy khỏi đường ray.

Từ đường ray phụ, anh thấy cửa sổ cabin lướt qua và Dagny vẫy tay chào. Rồi đầu máy khuất dạng, và anh đứng nhìn theo sân ga đông đúc hiện lên rồi biến mất khi những toa xe hàng lướt qua.

Những đường ray xanh biếc trải dài đón đoàn tàu như hai tia sáng tỏa ra từ một điểm vô định ngoài đường chân trời. Khi họ tiến tới, các thanh ray dần hòa vào một dòng chảy mượt mà lăn dưới bánh xe. Một vết mờ bám vào hông đầu máy, sát mặt đất. Cây cối và cột điện vụt hiện rồi vụt qua như thể bị kéo giật lại. Những cánh đồng xanh mượt trải dài trong một dòng chảy êm đềm. Ở rìa bầu trời, dãy núi trường kỳ đảo ngược chuyển động như đang đuổi theo đoàn tàu.

Cô không cảm thấy bánh xe dưới sàn. Chuyển động là một chuyến bay êm ái nhờ lực kéo liên tục, như thể đầu máy đang lơ lửng trên đường ray, trượt trên một dòng điện. Cô không cảm nhận được tốc độ. Thật kỳ lạ khi những đèn xanh tín hiệu cứ liên tục xuất hiện và lướt qua họ mỗi vài giây. Cô biết các đèn tín hiệu cách nhau hai dặm.

Kim đồng hồ tốc độ trước mặt Pat Logan chỉ đúng một trăm.

Cô ngồi trên ghế người đốt lửa, thỉnh thoảng liếc nhìn Logan. Anh hơi khom người

về phía trước, thoải mái, một tay nhẹ đặt trên cần ga như thể vô tình; nhưng ánh mắt anh luôn dõi theo đường ray phía trước. Anh mang dáng vẻ tự tin của một chuyên gia, tự nhiên đến mức có vẻ thờ ơ, nhưng đó là sự tự tin của một sự tập trung tốt độ, sự tập trung vào công việc với một quyết tâm tuyệt đối. Ray McKim ngồi trên ghế phía sau họ. Rearden đứng giữa cabin.

Anh đứng thẳng, tay cho vào túi quần, chân dang rộng vững vàng trước chuyển động, mắt hướng về phía trước. Không còn gì khác thu hút sự chú ý của anh ngoài đường ray: anh chỉ nhìn vào đường ray.

Quyền sở hữu—cô nghĩ, liếc nhìn anh—liệu những người hoài nghi về sự tồn tại của nó có hiểu được bản chất của nó? Không, nó không nằm trong giấy tờ, con dấu, giấy phép và quyền hạn. Nó hiện diện ngay đây—trong ánh mắt của anh.

Âm thanh tràn ngập cabin như một phần của không gian họ đang băng qua. Tiếng rền rĩ trầm của động cơ—tiếng lách cách sắc của các bộ phận kim loại va chạm—và tiếng ngân cao, trong của kính rung động.

Cảnh vật lướt qua—bể chứa nước, cây cối, túp lều, silo ngũ cốc.

Chúng chuyển động như cần gạt nước: vươn lên, vẽ thành đường cong rồi rơi xuống. Những dây điện đua với đoàn tàu, nhấp nhô từ cột này sang cột khác trong nhịp điệu đều đặn, như đường ghi nhịp tim trên màn hình được vẽ lên bầu trời.

Cô nhìn về phía trước, vào làn sương mờ che khuất đường ray và khoảng cách, một làn sương có thể xé toạc bất cứ lúc nào để lộ ra hình dạng của thảm họa. Cô tự hỏi vì sao mình lại cảm thấy an toàn hơn bao giờ hết khi ở trên tàu, an toàn ở nơi mà nếu có chướng ngại vật xuất hiện, ngực và tấm kính chắn của cô sẽ là những thứ đầu tiên va chạm. Cô mỉm cười khi nhận ra câu trả lời: đó là sự an toàn của việc dẫn đầu, với tầm nhìn trọn vẹn và hiểu biết đầy đủ về hành trình của mình—không phải cảm giác mù quáng bị lôi kéo vào những điều chưa biết bởi một sức mạnh vô hình phía trước.

Đó là cảm giác tuyệt vời nhất của sự tồn tại: không phải niềm tin, mà là sự hiểu biết.

Những tấm kính cửa sổ trong cabin làm cho sự trải rộng của các cánh đồng trở nên mênh mông hơn: mặt đất dường như rộng mở cùng chuyển động như nó mở ra trước tầm mắt.

Tuy vậy không có gì là xa vời hay ngoài tầm với. Cô vừa thoáng thấy một hồ nước phía trước—và trong khoảnh khắc tiếp theo, cô đã ở bên nó, rồi đi qua.

Đó là một sự rút ngắn kỳ lạ giữa cái nhìn và sự chạm đến, cô nghĩ, giữa ước muốn và sự thỏa mãn, giữa—những từ ngữ sắc bén lướt qua tâm trí cô sau một dừng lại bất ngờ—giữa linh hồn và thể xác. Trước tiên là hình ảnh, rồi đến hình thể vật lý để diễn đạt nó. Trước tiên là suy nghĩ, rồi đến chuyển động có mục đích đi xuống con đường thẳng của một đường ray đơn để đạt được mục tiêu đã chọn. Liệu một điều có thể có ý nghĩa mà không có điều kia không? Liệu không phải là ác ý khi ước muốn mà không hành động—hoặc hành động mà không có mục đích? Điều gì đang khuấy phá thế giới này, cố gắng phá vỡ sự kết nối giữa chúng và đặt chúng chống lại nhau?

Cô lắc đầu. Cô không muốn suy nghĩ hay tự hỏi tại sao thế giới phía sau cô lại như vậy. Cô không quan tâm. Cô đang bay xa khỏi nó với tốc độ một trăm dặm một giờ. Cô nghiêng người ra ngoài cửa sổ bên cạnh và cảm nhận làn gió của tốc độ thổi tóc cô bay khỏi trán. Cô nằm xuống, chỉ cảm nhận được niềm vui mà nó mang lại.

Tuy nhiên tâm trí cô vẫn không ngừng chạy. Những mảnh vỡ suy nghĩ bay qua sự chú ý của cô như những cột dây điện bên cạnh đường ray. Vui sướng thể chất?—cô nghĩ. Đây là một chiếc tàu làm từ thép... chạy trên những đường ray của Rearden Metal... được di chuyển bởi năng lượng của dầu cháy và các máy phát điện... đó là một cảm giác thể chất của chuyển động vật lý qua không gian... nhưng liệu đó có phải là nguyên nhân và ý nghĩa của những gì tôi cảm thấy ngay bây giờ?

Liệu họ có gọi đó là một niềm vui thấp kém, tầm thường—cảm giác mà tôi sẽ không

quan tâm nếu đường ray gãy vụn dưới chúng ta ngay lúc này—nó sẽ không gãy—nhưng tôi sẽ không quan tâm, vì tôi đã trải nghiệm điều này? Một niềm vui thể xác, vật chất, hạ thấp?

Cô mỉm cười, nhắm mắt lại, gió lùa qua tóc cô.

Cô mở mắt và thấy Rearden đang đứng nhìn xuống cô. Đó là ánh nhìn giống như khi anh nhìn vào đường ray. Cô cảm thấy sức mạnh ý chí của mình bị đánh gục bởi một cú đòn mờ nhạt khiến cô không thể cử động. Cô giữ ánh mắt anh, nằm ngửa trên ghế, làn gió ấn chiếc áo mỏng lên cơ thể cô.

Anh quay đi, và cô lại nhìn vào cảnh vật đang rách toạc ra trước mắt.

Cô không muốn suy nghĩ, nhưng âm thanh của suy nghĩ vẫn tiếp tục như tiếng ồn của động cơ dưới tiếng ầm ầm của máy. Cô nhìn quanh cabin. Mái thép mịn màng của trần cabin, cô nghĩ, và hàng rivet ở góc giữ những tấm thép lại với nhau—ai đã làm chúng? Sức mạnh thô sơ của cơ bắp con người? Ai đã làm cho bốn đồng hồ và ba cần gạt ở trước Pat Logan có thể giữ được sức mạnh kinh khủng của mười sáu động cơ phía sau và truyền nó đến sự điều khiển nhẹ nhàng của một bàn tay?

Những thứ này và năng lực từ chúng—đây có phải là thứ mà con người coi là xấu? Đây có phải là điều họ gọi là mối quan tâm hèn hạ với thế giới vật chất? Đây có phải là trạng thái bị nô lệ bởi vật chất? Đây có phải là sự đầu hàng của linh hồn con người trước thân xác của mình?

Cô lắc đầu, như thể muốn vứt chủ đề này ra ngoài cửa sổ và để nó vỡ vụn đâu đó dọc theo đường ray. Cô nhìn mặt trời chiếu trên những cánh đồng mùa hè. Cô không cần phải suy nghĩ, vì những câu hỏi này chỉ là những chi tiết của một sự thật mà cô đã biết và luôn luôn biết. Hãy để chúng đi qua như những trụ điện báo. Cái cô biết giống như những sợi dây điện bay trên không trung, tạo thành một đường thẳng không ngừng. Những từ ngữ cho nó, cho chuyến hành trình này, cho cảm giác

của cô, và cho toàn bộ trái đất của con người là: Nó thật đơn giản và thật đúng đắn!

Cô nhìn ra ngoài đồng. Cô đã nhận thấy từ lâu những hình bóng con người vụt qua với một sự đều đặn kỳ lạ bên cạnh đường ray. Nhưng chúng đi qua quá nhanh khiến cô không thể hiểu được ý nghĩa cho đến khi, như những khung hình của một cuốn phim, những ánh sáng thoáng qua hòa vào nhau và cô hiểu ra. Cô đã cho bảo vệ đường ray kể từ khi hoàn thành, nhưng cô không thuê dây người mà cô thấy được dàn dài dọc theo lối đi. Một bóng người đơn độc đứng ở mỗi trụ mile. Có người là những cậu bé học sinh, người khác thì già đến mức dáng hình của họ như cong lên chống lại bầu trời. Tất cả họ đều cầm vũ khí, từ những khẩu súng trường đắt tiền đến những khẩu súng trường cổ xưa. Tất cả họ đều đội mũ xe lửa. Họ là con cái của những nhân viên Taggart và những người làm nghề xe lửa đã nghỉ hưu sau một đời phục vụ cho Taggart. Họ đến, không ai gọi, để bảo vệ chuyến tàu này. Khi đầu máy đi qua họ, mỗi người đều đứng nghiêm, chào bằng một cử chỉ quân sự và giơ súng lên.

Khi cô nhận ra điều đó, cô bất ngờ cười lớn, với sự đột ngột của một tiếng thét. Cô cười, run rẩy như một đứa trẻ; tiếng cười của cô giống như những tiếng nức nở của sự giải thoát. Pat Logan gật đầu với cô một nụ cười nhẹ; anh đã nhận ra đội ngũ bảo vệ từ lâu. Cô nghiêng người ra ngoài cửa sổ, cánh tay cô vung vẩy rộng, vẫy chào những người đàn ông bên đường ray.

Trên đỉnh một ngọn đồi xa, cô nhìn thấy một đám đông người, cánh tay họ vung vẩy trên nền trời. Những ngôi nhà xám của một ngôi làng rải rác dưới thung lũng bên dưới, như thể đã bị bỏ quên sau khi bị vứt xuống đó một lần; những đường mái uốn cong, xệ xuống và những năm tháng đã rửa trôi màu sắc của tường nhà. Có lẽ qua nhiều thế hệ đã sống ở đó mà không có gì để đánh dấu sự qua đi của ngày tháng ngoài chuyển động của mặt trời từ đông sang tây.

Bây giờ, những người đàn ông này đã leo lên đỉnh đồi để xem một sao chổi đầu bạc xé ngang qua cánh đồng của họ như tiếng kèn của một tiếng hò kéo dài qua một

khoảng lặng lâu.

Khi những ngôi nhà bắt đầu xuất hiện nhiều hơn, gần đường ray hơn, cô thấy những người đứng ở cửa sổ, trên hiên, trên mái nhà xa. Cô thấy đám đông chặn các con đường ở các chỗ giao cắt ngang qua đường ray. Những con đường trôi qua như các nan của chiếc quạt, và cô không phân biệt được các hình bóng con người, chỉ có cánh tay họ vẫy chào tàu như những nhánh cây vẫy trong gió của tốc độ. Họ đứng dưới những ngọn đèn đỏ cảnh báo, dưới những biển báo nói: "Dừng lại. Nhìn. Nghe."

Nhà ga mà họ lướt qua với tốc độ một trăm dặm một giờ là một bức tượng sống từ nền đến mái, người người chen chúc. Cô thoáng thấy những cánh tay vẫy chào, những chiếc mũ tung lên trời, và một bó hoa bay vút về phía đầu máy.

Những dặm đường trôi qua, họ vút qua các thị trấn và nhà ga mà không dừng lại, nơi đám đông tụ tập chỉ để ngắm nhìn, cổ vũ và hy vọng. Dưới mái hiên phủ bồ hóng của những nhà ga cổ kính là những vòng hoa, trên những bức tường rêu phong là những dải cờ đỏ-trắng-xanh. Khung cảnh gợi nhớ những bức ảnh trong sách lịch sử xe lửa mà cô từng say mê hồi còn đi học—thời kỳ người dân đổ ra đường chào đón chuyến tàu đầu tiên. Như thời của Nat Taggart, khi ông đi khắp đất nước và những điểm dừng chân được đánh dấu bởi những gương mặt háo hức chờ đón thành tựu. Cô đã tưởng thời kỳ đó đã qua, nhiều thế hệ trôi qua không có gì để chào đón ngoài những vết nứt ngày càng lan rộng trên những bức tường Nat Taggart xây dựng. Vậy mà giờ đây, người ta lại đến, như thuở ấy, được thôi thúc bởi cùng một cảm xúc.

Cô liếc nhìn Rearden. Anh đứng tựa vào tường, đứng dưng với đám đông và sự ngưỡng mộ của họ. Anh đang quan sát màn trình diễn của đường ray và tàu với ánh mắt chuyên gia, với sự tập trung nghề nghiệp. Dáng vẻ của anh cho thấy anh sẽ gạt phăng mọi suy nghĩ kiểu "Họ thích nó," trong khi trong đầu anh chỉ vang lên "Nó hoạt động!"

Dáng người cao của anh trong bộ đồ xám giản dị—quần dài và áo sơ mi—toát lên vẻ sẵn sàng hành động. Chiếc quần càng làm nổi bật đôi chân dài của anh, dáng đứng

nhẹ nhàng mà vững chãi, như thể anh luôn sẵn sàng lao về phía trước. Áo sơ mi ngăn tay để lộ sức mạnh tinh gọn của cánh tay, cổ áo mở hé làn da săn chắc của ngực.

Cô vội quay đi, chợt nhận ra mình đã nhìn anh quá lâu. Nhưng hôm nay không còn quá khứ hay tương lai—cô không để những suy nghĩ vương vী vào hàm ý—cô không thấy gì xa hơn ngoài cảm giác mãnh liệt về sự hiện diện của anh bên cạnh, về không gian kín bưng họ đang chia sẻ. Sự gần gũi của anh làm tăng thêm nhận thức của cô về khoảnh khắc này, như những đường ray của anh làm tăng thêm cảm giác bay bổng của con tàu.

Cô cố tình quay lại nhìn anh. Anh đang nhìn cô.

Anh không né tránh, mà giữ ánh mắt cô, lạnh lùng và chủ ý.

Cô mỉm cười thách thức, không cho phép mình hiểu hết ý nghĩa của nụ cười, chỉ biết đó là đòn tấn công sắc bén nhất cô có thể giáng vào gương mặt bất động của anh. Cô bỗng khao khát muốn thấy anh run rẩy, muốn kéo một tiếng thét ra khỏi anh. Cô từ từ quay đi, tận hưởng niềm vui liều lĩnh, tự hỏi sao mình lại thấy khó thở.

Cô ngả người vào ghế, nhìn về phía trước, biết rằng anh cũng ý thức về cô như cô về anh. Cô tìm thấy niềm vui trong cảm giác tự nhận thức đặc biệt này. Mỗi cử động—khi cô vất chéo chân, khi tựa tay lên bệ cửa sổ, khi vén tóc khỏi trán—đều được nhấn mạnh bởi câu hỏi không lời: Anh có thấy không?

Những thị trấn đã lùi xa. Đường ray vươn lên qua vùng đất ngày càng khó tiếp cận. Những thanh ray khuất dần sau các khúc quanh, những dãy đồi dần áp sát, như thể những cánh đồng bằng đang được gấp lại thành nếp. Những vách đá phẳng của Colorado tiến sát đường ray—và khoảng không mênh mông của bầu trời thu hẹp lại thành những dãy núi xanh xám.

Phía xa, họ thấy một làn khói mờ từ các ống khói nhà máy—rồi đến lưới của một trạm điện và cột thép của một công trình. Denver đang ở phía trước.

Cô liếc nhìn Pat Logan. Anh hơi cúi người về phía trước; cô nhận thấy sự căng thẳng nhẹ trong những ngón tay và ánh mắt anh. Anh cũng hiểu như cô—thật nguy hiểm khi vượt qua một thành phố với tốc độ này.

Những khoảnh khắc tiếp theo đến với họ như một chuỗi liên tục. Đầu tiên là những hình dáng riêng lẻ của các nhà máy lướt qua cửa sổ—rồi chúng hòa vào nhau thành những mảng mờ ảo của các con phố—tiếp đến là chớp đường ray trải rộng trước mặt, như miệng phễu hút họ vào ga Taggart, chỉ có một ánh đèn xanh nhỏ chiếu sáng mặt đất—từ cabin cao, họ thấy những toa hàng lướt qua như những dải mái nhà phẳng—hố đen của nhà ga ập đến—họ lao vào một vụ nổ âm thanh, tiếng bánh xe va vào kính mái vòm, và tiếng reo hò từ đám đông đang cuộn sóng như chất lỏng trong bóng tối giữa các cột thép—họ lao về phía vòm sáng và những đèn xanh treo trong bầu trời mở rộng phía xa, những đèn xanh như tay nắm cửa không gian, mở ra từng cánh cửa một trước mặt họ. Phía sau, những gì biến mất dần là các con phố đông đúc, những cửa sổ mở với bóng người, tiếng còi xe, và—từ đỉnh một tòa nhà chọc trời xa xa—đám tuyết giấy lấp lánh trong không khí, được ném lên bởi ai đó vừa thấy một viên đạn bạc lao qua thành phố đang đứng im ngấm nhìn.

Rồi họ lại ra ngoài, trên một con dốc đá—và bỗng nhiên, những ngọn núi hiện ra trước mặt, như thể thành phố vừa ném họ vào một bức tường đá granit, chỉ có một vách đá mỏng giữ họ lại đúng lúc. Họ bám theo vách đá thẳng đứng, mặt đất đổ dốc xuống, và những tầng đá khổng lồ vặn xoắn vươn lên che khuất mặt trời, để họ lao qua một hoàng hôn xanh xám, không thấy đâu là đất, đâu là trời.

Đường ray uốn thành những vòng xoắn giữa các bức tường đá dường như đang tiến đến nghiền nát họ. Nhưng thỉnh thoảng đường ray cắt ngang qua, và những ngọn núi tách ra như hai cánh ở đầu tàu—một bên xanh rì những cây thông thẳng tắp như những mũi kim, tạo thành tấm thảm dày đặc—bên kia đỏ nâu của đá trần.

Qua cửa sổ mở, cô nhìn xuống thấy mặt ngoài của động cơ treo lơ lửng trên không. Xa dưới, một dòng suối mảnh mai đổ từ vách đá này sang vách đá khác, những cây

dương xỉ uốn mình xuống nước như những ngọn bạch dương lung linh. Cô thấy đuôi động cơ, những toa hàng ôm theo mặt đá granit—và cách xa hàng dặm bên dưới, những đường ray xanh lam vặn xoắn sau đoàn tàu.

Một bức tường đá bất ngờ xuất hiện trước mặt, lấp đầy kính chắn gió, làm tối cabin, gần đến mức dường như không còn thời gian để tránh. Nhưng cô nghe tiếng rít của bánh xe trên khúc cua, ánh sáng lại vỡ tung—và cô thấy một đoạn đường ray trải dài trên một kệ đá hẹp. Kệ đá kết thúc trong không trung. Mũi động cơ chĩa thẳng lên trời. Chỉ có hai dải kim loại xanh lam uốn cong theo kệ đá ngăn họ lại.

Để chịu đựng sức tấn công của mười sáu động cơ, cô nghĩ, đẩy bảy nghìn tấn thép và hàng hóa, để kìm giữ và điều khiển nó qua khúc cua—thật là một kỳ tích từ hai dải kim loại không rộng hơn cánh tay cô. Điều gì làm nên khả năng này? Sức mạnh nào đã cho một cấu trúc vô hình của các phân tử quyền năng mà sinh mạng của họ và của tất cả những người đang chờ đợi tám mươi toa hàng đang phụ thuộc vào? Cô thấy khuôn mặt và đôi tay của một người đàn ông trong ánh sáng lò nung phòng thí nghiệm, bên trên chất lỏng trắng của mẫu kim loại.

Một cảm xúc không kìm nén được bỗng quét qua người cô, như thể có gì đó vỡ òa bên trong. Cô quay về phía cửa động cơ, mở nó ra đón làn sóng âm thanh gào thét và hòa mình vào nhịp đập của trái tim máy.

Trong thoáng chốc, dường như cô chỉ còn lại thính giác, và trong tai chỉ có một tiếng hét dài, lên xuống, lên xuống. Cô đứng trong căn phòng kim loại rung động, nhìn những máy phát điện khổng lồ. Cô muốn nhìn thấy chúng, vì cảm giác chiến thắng trong cô gắn liền với chúng, với tình yêu của cô dành cho chúng, với lý do của sự nghiệp cô đã chọn. Trong sự trong trẻo bất thường của một cảm xúc mãnh liệt, cô cảm thấy như sắp nắm bắt được điều gì đó chưa từng biết mà cần phải biết. Cô cười lớn, dù không nghe thấy tiếng cười; không gì có thể nghe thấy qua tiếng nổ liên hồi. "Tuyến đường John Galt!" cô hét lên, để cảm nhận giọng mình bị cuốn đi khỏi môi.

Cô di chuyển chậm dọc theo chiều dài của các đơn vị động cơ, xuống một hành lang hẹp giữa các động cơ và bức tường. Cô cảm thấy mình như một kẻ xâm nhập thiếu khiêm tốn, như thể đã lên vào trong một sinh vật sống, dưới làn da bạc của nó, và đang nhìn thấy sự sống đập trong những xi-lanh kim loại xám, trong những cuộn dây xoắn, trong những ống kín, trong những vòng quay dữ dội của các lưỡi dao trong những lồng dây. Sự phức tạp khổng lồ của hình dạng trên đầu cô được dẫn qua những kênh vô hình, và sức mạnh đang dâng trào trong nó được chuyển đến những kim chỉ mảnh mai trên các đồng hồ kính, đến những đèn đỏ và xanh nhấp nháy trên các bảng điều khiển, đến những tủ cao, thanh mảnh ghi chữ "Điện áp cao."

Tại sao cô luôn cảm thấy niềm vui và sự tự tin khi nhìn vào các cỗ máy? — cô tự hỏi. Trong những hình dạng khổng lồ này, hai yếu tố của sự vô nhân tính đều vắng mặt: sự thiếu nguyên nhân và sự thiếu mục đích. Mỗi bộ phận của động cơ là một câu trả lời cho câu hỏi "Tại sao?" và "Làm gì?" — như những bước đi của một cuộc đời được định hướng bởi trí tuệ mà cô tôn thờ. Các động cơ là một bộ luật đạo đức được đúc trong thép.

Chúng sống, cô nghĩ, vì chúng là hiện thân vật chất của một sức mạnh sống — của trí tuệ đã nắm bắt được toàn bộ sự phức tạp này, đặt ra mục đích và trao cho nó hình hài. Trong khoảnh khắc, cô thấy như thể các động cơ trở nên trong suốt và cô đang nhìn thấy mạng lưới thần kinh của chúng. Đó là một mạng kết nối, tinh vi và quan trọng hơn tất cả các dây điện của chúng: những mối liên kết hợp lý được tạo ra bởi trí óc con người đã sáng tạo ra từng bộ phận của chúng.

Chúng sống, cô nghĩ, nhưng linh hồn điều khiển chúng từ xa. Linh hồn ấy nằm trong mỗi người có khả năng đạt được thành tựu này. Nếu linh hồn biến mất khỏi trái đất, các động cơ sẽ ngừng hoạt động, vì đó là sức mạnh duy trì chúng — không phải dầu dưới sàn dưới chân cô sẽ trở về thành bùn nguyên thủy, không phải các xi-lanh thép sẽ thành vết gỉ trên tường hang động lạnh lẽo của những kẻ man rợ — mà là sức mạnh của một trí tuệ sống, sức mạnh của tư duy, lựa chọn và mục đích.

Cô bước về phía cabin, cảm thấy muốn cười, muốn quỳ xuống hay giơ tay lên, khao khát giải phóng cảm xúc đang dâng trào, dù biết rằng nó không có cách nào diễn tả.

Cô dừng bước. Cô thấy Rearden đứng bên cầu thang dẫn vào khoang lái. Anh nhìn cô như thể hiểu rõ lý do cô chạy trốn và cảm xúc của cô. Họ đứng im, cơ thể họ hóa thành ánh mắt gặp nhau qua lối đi hẹp. Nhịp đập trong cô hòa cùng nhịp đập của động cơ — và cô cảm thấy cả hai đều bắt nguồn từ anh; nhịp đập mạnh mẽ xóa tan ý chí của cô. Họ quay về khoang lái, im lặng, biết rằng giữa họ vừa có một khoảnh khắc không thể nói thành lời.

Những vách đá phía trước bừng sáng trong màu vàng óng. Những dải bóng đổ dài trong thung lũng bên dưới. Mặt trời đang lặn sau các đỉnh núi phía tây. Họ đang tiến về phía tây và lên cao, hướng về phía mặt trời. Bầu trời chuyển sang màu xanh lục lam của những đường ray khi họ nhìn thấy những ống khói trong thung lũng xa xa. Đó là một trong những thị trấn mới của Colorado, những thị trấn mọc lên như những nhánh phát triển từ các mỏ dầu Wyatt. Cô thấy những đường nét góc cạnh của các ngôi nhà hiện đại, mái phẳng, và những tấm kính lớn. Khoảng cách quá xa để nhận ra người dân. Trong khoảnh khắc cô nghĩ họ không thể nhìn thấy đoàn tàu từ xa như vậy, một tên lửa phóng lên từ giữa các tòa nhà, bay vút qua thị trấn và nổ tung thành một đài phun sao vàng trên bầu trời đang tối dần. Những người mà cô không thể thấy đang nhìn vệt sáng của đoàn tàu trên sườn núi và gửi đến một lời chào — một ngọn lửa đơn độc trong đêm, biểu tượng của niềm vui hay tiếng kêu cứu.

Sau khúc ngoặt kế tiếp, trong khung cảnh xa xăm, cô thấy hai chấm đèn điện, trắng và đỏ, thấp trên nền trời. Không phải máy bay — cô nhận ra những hình nón của các giàn thép đỡ chúng — và khi cô nhận ra đó là những giàn khoan dầu của Wyatt, cô thấy đường ray đổ dốc, mặt đất mở rộng như thể những ngọn núi bị đẩy ra — và dưới chân, ở chân đồi Wyatt, đối diện với khe núi tối đen, hiện ra cây cầu Rearden Metal.

Họ lao xuống dốc, cô quên mất độ nghiêng và những khúc cua rộng của đoạn giảm tốc, cảm giác như đoàn tàu đang lao xuống không kiểm soát. Cây cầu hiện ra trước mắt — một đường hầm vuông vắn bằng lưới kim loại, vài thanh thép đan chéo trong không trung, ánh lên màu xanh lam dưới tia nắng hoàng hôn xuyên qua khe núi. Có một đám đông tối đen bên cầu, nhưng họ mờ dần trong nhận thức của cô. Tiếng bánh xe ngày càng lớn hòa với một giai điệu âm nhạc theo nhịp bánh xe, cứ lôi kéo tâm trí cô, càng lúc càng mạnh — bỗng vang vọng trong khoang lái, dù cô biết chỉ có trong đầu mình: Concerto số năm của Richard Halley. Cô tự hỏi: anh ấy viết nó cho khoảnh khắc này ư? Anh ấy có cảm nhận được cảm giác này không? Họ đi nhanh hơn, rời khỏi mặt đất, như bị những ngọn núi đẩy bật lên tựa một tấm bạt, giờ đây đang bay qua không gian — đây không phải bài kiểm tra công bằng, cô nghĩ, ta sẽ không chạm vào cây cầu đó — cô thấy khuôn mặt Rearden phía trên, nhìn vào mắt anh và ngả đầu ra sau, để mặt mình lặng im trong không khí dưới khuôn mặt anh — họ nghe tiếng vang kim loại, tiếng trống dưới chân — những đường chéo của cây cầu vẽ một vệt trên cửa sổ như tiếng gậy kim loại chạy trên hàng rào — rồi cửa sổ bỗng trong suốt, quỹ đạo lao xuống đưa họ lên một ngọn đồi, những giàn khoan dầu Wyatt đứng đưa trước mặt — Pat Logan quay lại, nhìn Rearden với nụ cười nhẹ — và Rearden nói: "Đó là vậy."

Biển hiệu trên mép mái nhà ghi: Wyatt Junction. Cô nhìn chằm chằm, cảm thấy có điều gì đó kỳ lạ, cho đến khi nhận ra: biển hiệu đứng yên. Cú sốc lớn nhất của chuyến đi là nhận thức rằng động cơ đã dừng lại.

Cô nghe tiếng nói vọng lại từ đâu đó, nhìn xuống thấy người đứng trên sân ga. Khi cửa khoang lái bật mở, cô biết mình phải xuống trước tiên và bước ra ngoài.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, cô cảm nhận được sự mảnh mai của cơ thể, cảm giác nhẹ nhõm khi đứng vững trên mặt đất giữa luồng không khí trong lành. Cô nắm chặt thanh kim loại và bắt đầu leo xuống thang. Mới được nửa chặng, cô cảm thấy bàn tay một người đàn ông đột ngột ấn vào xương sườn và eo, kéo cô khỏi bậc thang, xoay người trong không trung rồi đặt xuống đất. Cô không thể tin người đang cười

trước mặt mình là Ellis Wyatt. Khuôn mặt căng thẳng, khinh miệt mà cô nhớ giờ đã thay bằng sự thuần khiết, hào hứng, và niềm vui rạng rỡ như một đứa trẻ trong thế giới của riêng mình.

Cô dựa vào vai anh, chân còn chưa vững trên mặt đất bất động, với cánh tay anh ôm quanh người, cô cười và nghe anh nói, rồi đáp lại: "Nhưng anh không biết là chúng ta sẽ làm được sao?"

"Mọi người đều tự hỏi tôi đang làm gì với nó. Dầu đá phiến. Bao nhiêu năm trước họ đã từ bỏ việc khai thác dầu từ đá phiến vì quá đắt đỏ? Hãy đợi xem quy trình tôi phát triển. Nó sẽ là dầu rẻ nhất từng bán vào mặt họ, một nguồn cung vô tận, chưa khai thác, khiến những mỏ dầu lớn nhất trông chỉ như vũng bùn. Tôi đã yêu cầu một đường ống chưa? Hank, chúng ta sẽ phải xây dựng đường ống theo mọi hướng để... Ôi, xin lỗi. Tôi chưa kịp giới thiệu bản thân khi nói chuyện với anh ở ga tàu. Tôi thậm chí chưa nói tên mình."

Rearden cười. "Tôi đã đoán ra rồi."

"Xin lỗi, tôi không thích lơ là, nhưng tôi quá hứng khởi."

"Anh hứng khởi về điều gì?" Dagny hỏi, mắt nheo lại như thể đang trêu chọc.

Wyatt nhìn cô một lúc, câu trả lời mang một sắc thái nghiêm túc kỳ lạ, dù giọng nói vẫn đang mỉm cười. "Về cái tát đẹp nhất mà tôi từng nhận và xứng đáng."

"Anh có ý nói là cuộc gặp đầu tiên của chúng ta?"

"Tôi nói về cuộc gặp đầu tiên của chúng ta."

"Đừng nói vậy. Anh đã đúng."

"Tôi đúng. Về mọi thứ trừ cô. Dagny, để tìm thấy một ngoại lệ sau bao năm... Ôi, mặc kệ họ đi! Cô có muốn tôi bật radio lên nghe họ nói gì về hai người tối nay không?"

"Không."

"Tốt. Tôi không muốn nghe họ. Cứ để họ nuốt những bài diễn văn của chính mình. Bây giờ họ đang nhảy lên chiếc xe buýt này — và chúng ta chính là chiếc xe buýt đó."

Anh nhìn Rearden. "Cậu cười gì vậy?"

"Tôi luôn tò mò muốn biết anh như thế nào."

"Tôi chưa bao giờ có cơ hội để là chính mình — ngoại trừ tối nay."

"Anh sống một mình ở đây, cách biệt thế này sao?"

Wyatt chỉ về phía cửa sổ. "Tôi chỉ cách vài bước so với... tất cả."

"Còn những người khác thì sao?"

"Tôi có phòng khách cho khách làm ăn. Tôi muốn giữ khoảng cách hàng dặm với tất cả những người còn lại." Anh nghiêng người rót thêm rượu vào ly của họ. "Hank, sao cậu không chuyển đến Colorado? Quên New York và Bờ Đông đi! Đây mới là thủ đô của Phục hưng. Phục hưng lần thứ hai — không phải tranh sơn dầu hay nhà thờ — mà là những giàn khoan dầu, nhà máy điện và động cơ làm từ Rearden Metal. Họ đã có Thời kỳ Đá và Thời kỳ Sắt, giờ sẽ là Thời kỳ Rearden Metal — vì kim loại của cậu đã mở ra vô số khả năng cho chúng ta."

"Tôi sẽ mua vài dặm vuông ở Pennsylvania," Rearden nói.

"Những mảnh đất quanh nhà máy của tôi. Thực ra, xây một chi nhánh ở đây như tôi muốn sẽ rẻ hơn, nhưng cậu biết vì sao tôi không thể — và mặc kệ họ! Tôi vẫn sẽ đánh bại họ. Tôi sẽ mở rộng nhà máy — và nếu cô ấy có thể cung cấp dịch vụ vận tải ba ngày đến Colorado, tôi sẽ cho các cậu một cuộc đua xem ai sẽ trở thành thủ đô của Phục hưng!"

"Cho tôi một năm," Dagny nói, "để vận hành các chuyến tàu trên John Galt Line, cho

tôi thời gian để gắn kết hệ thống Taggart — và tôi sẽ cho các anh dịch vụ vận tải ba ngày xuyên lục địa, trên đường ray Rearden Metal từ bờ biển này sang bờ biển kia!"

"Ai đó đã nói rằng anh ta cần một điểm tựa?" Ellis Wyatt nói. "Cho tôi một con đường không bị cản trở và tôi sẽ chỉ cho họ cách di chuyển cả trái đất!"

Cô tự hỏi điều gì khiến tiếng cười của Wyatt cuốn hút đến vậy. Giọng nói của họ, kể cả giọng cô, mang một sắc thái mà cô chưa từng nghe thấy. Khi họ đứng dậy khỏi bàn, cô ngạc nhiên nhận ra rằng những ngọn nến là nguồn sáng duy nhất trong phòng — nhưng cô cảm thấy như đang ngồi trong ánh sáng rực rỡ.

Ellis Wyatt nâng ly rượu, nhìn vào khuôn mặt họ và nói, "Chúc cho thế giới như nó đang hiện hữu ngay lúc này!"

Anh uống cạn ly trong một hơi.

Cô nghe thấy tiếng ly vỡ khi va vào tường, ngay khi nhìn thấy một chuyển động xoáy — từ vòng cung cơ thể anh đến cánh tay vung lên, đến cơn thịnh nộ của bàn tay khi ném ly qua phòng. Đó không phải cử chỉ lễ nghi để ăn mừng, mà là biểu hiện của sự giận dữ phản kháng, một hành động dữ dội thay cho tiếng hét đau đớn.

"Ellis," cô thì thầm, "có chuyện gì vậy?"

Anh quay lại nhìn cô. Cùng với cơn giận đột ngột, ánh mắt anh trở nên trong trẻo, khuôn mặt bình thản; điều khiến cô sợ hãi là nụ cười nhẹ nhàng của anh. "Xin lỗi," anh nói. "Đừng bận tâm. Chúng ta hãy cứ nghĩ rằng nó sẽ kéo dài."

Dưới đất, ánh trăng vẽ nên những vệt sáng khi Wyatt dẫn họ lên cầu thang ngoài trời đến tầng hai, nơi có hành lang mở dẫn đến các phòng khách. Anh chúc họ ngủ ngon và họ nghe tiếng bước chân xa dần. Ánh trăng dường như hút hết âm thanh như đã hút hết màu sắc. Tiếng bước chân mờ dần vào quá khứ xa xăm, và khi chúng tắt hẳn, sự im lặng mang một chất cô đơn kéo dài vô tận, như thể không còn ai ở

gần.

Cô không quay lại phòng của mình. Anh không di chuyển. Dưới chân họ chỉ có một lan can mỏng và khoảng không gian. Những bậc thang sắc nét hạ xuống, bóng đổ lặp lại các đường chéo thép của giàn khoan, vẽ những nét đen rõ ràng trên những mảng đá sáng. Vài ánh đèn trắng và đỏ rung rinh trong không khí trong vắt như những giọt mưa đọng trên cạnh giàn thép. Xa xa trong khoảng không, ba chấm nhỏ màu xanh lục xâu thành một đường, bám dọc theo đường ray Taggart.

Xa hơn nữa, ở tận cùng khoảng không, dưới chân một khúc cong trắng, một chiếc cầu lưới treo lơ lửng.

Cô cảm nhận một nhịp điệu vô thanh vô hình, một cảm giác căng thẳng đang đập, như thể bánh xe của John Galt Line vẫn đang lao đi.

Chậm rãi, đáp lại và chống lại một lời gọi không lời, cô quay lại nhìn anh. Ánh mắt cô bắt gặp trên khuôn mặt anh khiến cô chợt nhận ra rằng cô đã biết đây sẽ là đích đến của hành trình. Ánh nhìn ấy không giống như cách người ta dạy đàn ông thể hiện—không phải sự căng cứng của cơ bắp, không phải đôi môi chảy xệ hay cơn đói vô thức. Những đường nét trên khuôn mặt anh căng lại, tạo ra một vẻ trong trẻo kỳ lạ, một sự chính xác sắc bén của hình thể, khiến nó trở nên tinh khiết và trẻ trung. Miệng anh căng thẳng, đôi môi hơi kéo vào trong, làm nổi bật đường viền. Chỉ có đôi mắt anh là mờ đục, mí mắt dưới sưng lên, ánh nhìn chứa đựng điều gì đó giống như sự căm ghét và đau đớn. Cú sốc lan tỏa thành cơn tê liệt khắp cơ thể cô—một sức ép chặt nơi cổ họng và dạ dày—không gì ngoài một cơn co thắt im lặng khiến cô không thể thở. Nhưng những gì cô cảm thấy, không có từ ngữ nào diễn đạt được, là: Vâng, Hank, vâng—bây giờ—vì đây là một phần của cùng một trận chiến, theo cách nào đó mà tôi không thể gọi tên... vì đây là sự tồn tại của chúng ta, chống lại họ... khả năng vĩ đại của chúng ta, thứ mà họ hành hạ chúng ta, khả năng hạnh phúc... Bây giờ, như thế này, không lời hay câu hỏi... vì chúng ta muốn nó... Như một hành động thù hận, như cú quất sắc lẹm của roi quất quanh cơ thể: cô cảm thấy anh ôm chặt lấy cô, đôi

chân cô bị kéo về phía anh, ngực cô uốn cong ra sau dưới sức ép của anh, môi anh trên môi cô. Bàn tay cô di chuyển từ vai xuống eo rồi xuống chân anh, giải phóng khát khao chưa từng thổ lộ trong mọi cuộc gặp gỡ với anh. Khi rời môi khỏi anh, cô cười không thành tiếng, đắc thảng, như thể nói: Hank Rearden—Hank Rearden nghiêm khắc, không thể chạm tới, của văn phòng như tu viện, của các cuộc họp kinh doanh và đàm phán gay gắt—giờ anh có nhớ chúng không?—Tôi nghĩ về điều đó, tận hưởng niềm vui biết rằng tôi đã đưa anh đến đây. Anh không cười, khuôn mặt căng thẳng, là khuôn mặt của kẻ thù, anh giật đầu cô và hôn lại, như thể đang gây ra vết thương. Cô cảm nhận anh run rẩy và nghĩ rằng đây chính là tiếng kêu cô muốn ép ra từ anh—sự đầu hàng qua những mảnh vỡ của kháng cự đau đớn. Nhưng cô cũng biết ngay lúc ấy rằng chiến thắng thuộc về anh, tiếng cười của cô là món quà dành cho anh, sự phản kháng của cô chính là sự quy phục, mục đích của mọi sức mạnh mãnh liệt trong cô chỉ để làm cho chiến thắng của anh trở nên lớn lao hơn—anh giữ cơ thể cô sát vào anh, như thể nhấn mạnh ý muốn để cô biết rằng cô giờ chỉ là công cụ phục vụ thỏa mãn của anh—và chiến thắng của anh, cô biết, là khao khát của cô để anh biến cô thành như thế. Dù tôi là ai, cô nghĩ, dù tôi có niềm tự hào về con người mình, về lòng can đảm, về công việc, về trí tuệ và tự do của tôi—đó là những gì tôi dâng hiến cho anh vì niềm vui của thể xác anh, đó là những gì tôi muốn anh sử dụng để phục vụ anh—và việc anh muốn nó phục vụ anh là phần thưởng lớn nhất tôi có thể có. Ánh đèn sáng trong hai căn phòng phía sau họ. Anh nắm cổ tay cô và kéo cô vào phòng anh, ra hiệu để cô hiểu rằng anh không cần bất kỳ dấu hiệu đồng thuận hay kháng cự nào. Anh khóa cửa, nhìn vào mặt cô. Đứng thẳng, nhìn thẳng vào anh, cô với tay tắt đèn trên bàn. Anh tiến lại. Anh bật lại đèn bằng cử chỉ khinh miệt của cổ tay. Cô thấy anh cười lần đầu tiên, nụ cười chậm rãi, mỉa mai, gợi cảm, nhấn mạnh mục đích hành động của anh. Anh đẩy cô nằm xuống giường, xé rách quần áo cô. Mặt cô áp sát vào anh, môi cô di chuyển xuống cổ, xuống vai anh. Cô biết rằng mỗi cử chỉ khao khát của cô đều đánh vào anh như một cú đấm, rằng có một cơn rừng mình tức giận khó tin trong anh—nhưng không cử chỉ nào có thể thỏa mãn cơn khát của anh về mọi bằng chứng khao khát từ cô. Anh

đứng nhìn xuống thân thể trần truồng của cô, cúi người, cô nghe giọng anh—một tuyên bố chiến thắng khinh miệt hơn là câu hỏi: "Em muốn nó chứ?" Câu trả lời của cô gần như là hơi thở hổn hển hơn là từ ngữ, mắt nhắm nghiền, môi hé mở: "Vâng." Cô biết rằng cảm giác trên da tay là vải áo sơ mi của anh, đôi môi trên miệng cô là của anh, nhưng trong phần còn lại không có ranh giới giữa sự tồn tại của anh và của cô, như thể không có sự phân chia giữa thể xác và tinh thần. Qua tất cả những bước đi của những năm tháng đã qua, những bước trên con đường được chọn trong lòng trung thành duy nhất: tình yêu với sự tồn tại—được chọn trong nhận thức rằng không gì được ban tặng miễn phí, rằng con người phải tạo ra khát vọng của chính mình và mọi hình thức thực hiện nó—qua những bước đi của việc tạo hình kim loại, đường ray và động cơ—họ đã tiến bước bằng sức mạnh của niềm tin rằng con người tái tạo trái đất để thụ hưởng, rằng tinh thần con người mang lại ý nghĩa cho vật chất vô tri bằng cách tạo hình nó phục vụ mục đích đã chọn. Con đường đã dẫn họ đến khoảnh khắc khi, đáp lại giá trị cao nhất của mình, trong một sự ngưỡng mộ không thể diễn tả bằng bất kỳ hình thức tri ân nào khác, tinh thần của một người khiến cơ thể trở thành sự cống hiến, tái tạo nó—như bằng chứng, như sự phê chuẩn, như phần thưởng—trở thành một cảm giác duy nhất với cường độ niềm vui đến mức không cần bất kỳ sự phê chuẩn nào khác cho sự tồn tại của một người. Anh nghe tiếng rên rỉ từ hơi thở cô, cô cảm nhận được sự run rẩy của cơ thể anh, trong cùng một khoảnh khắc.

Atlas vươn mình

Phần I: Phi mâu thuẫn

Chương IX: Thánh thiện & thế tục



Người dịch: Zanglink

Cô nhìn những dải sáng lấp lánh trên làn da cánh tay mình, trải dài như những chiếc vòng tay từ cổ tay đến vai. Đó là những vết nắng xuyên qua rèm chớp cửa sổ của một căn phòng xa lạ. Cô thấy một vết bầm trên khuỷu tay, những giọt máu đã khô. Cánh tay cô đặt trên tấm chăn phủ lấy cơ thể. Cô cảm nhận được đôi chân và hông mình, nhưng phần còn lại của cơ thể chỉ là một cảm giác nhẹ bẫng, như thể cô đang lơ lửng trong một chiếc lồng được dệt từ những tia nắng.

Quay sang nhìn anh, cô nghĩ: Từ vẻ lạnh lùng của anh, từ phong thái khép kín cứng nhắc, từ niềm kiêu hãnh không bao giờ để lộ cảm xúc—đến tận lúc này, đến Hank Rearden đang nằm cạnh cô, sau những giờ phút bạo liệt mà họ không thể gọi tên, không bằng lời nói hay ánh sáng ban ngày—nhưng điều đó vẫn còn trong mắt họ khi họ nhìn nhau, điều mà họ muốn gọi tên, muốn nhấn mạnh, muốn ném thẳng vào mặt nhau.

Anh thấy khuôn mặt của một cô gái trẻ, đôi môi gợi ý một nụ cười, như thể niềm rạng rỡ là trạng thái tự nhiên của cô. Một lọn tóc rơi trên má xuống bờ vai trần, đôi mắt cô nhìn anh như thể sẵn sàng chấp nhận bất cứ điều gì anh muốn nói, cũng như đã sẵn sàng chấp nhận mọi điều anh muốn làm.

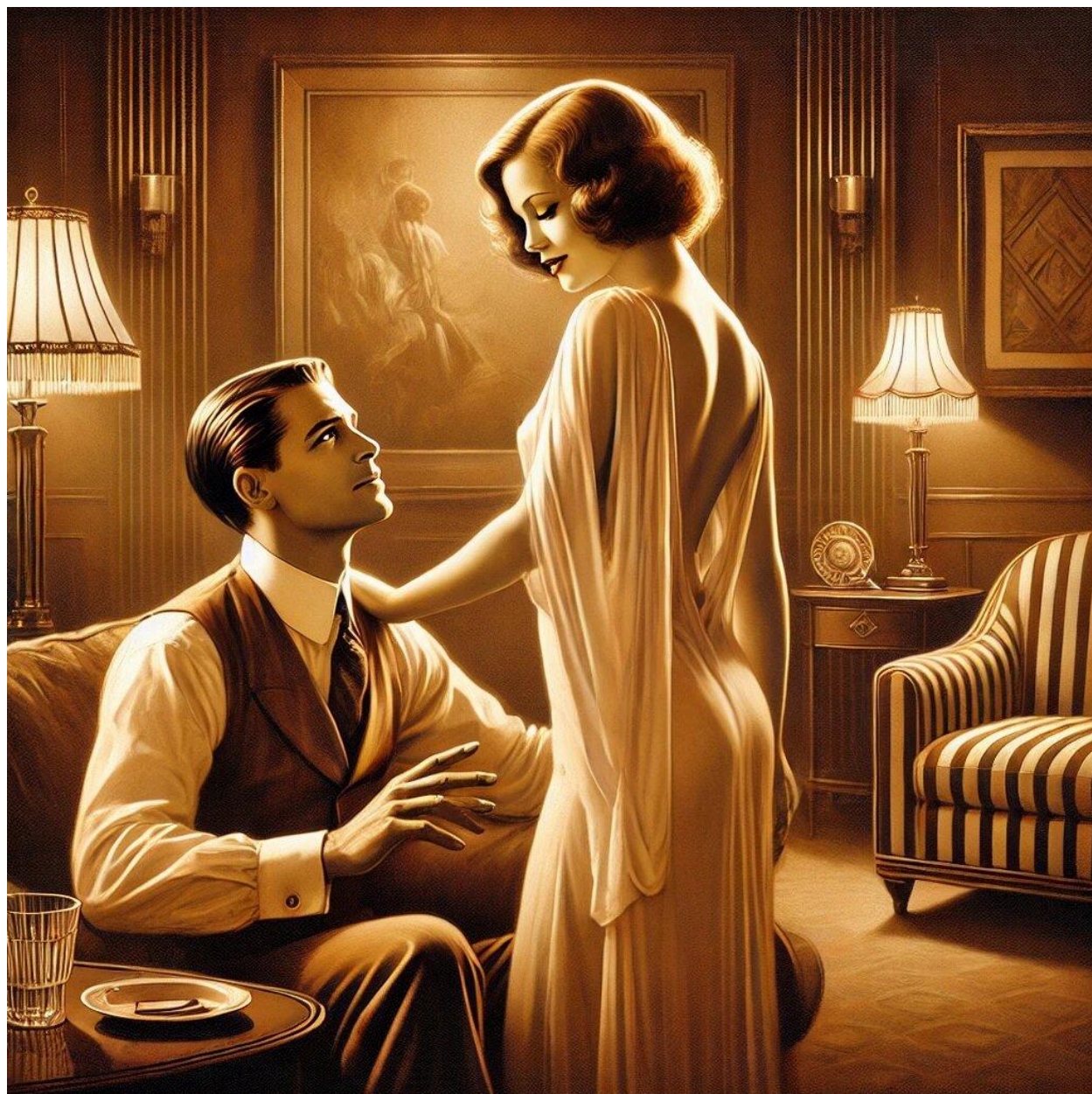
Anh vươn tay và nhẹ nhàng gạt lọn tóc khỏi má cô, cẩn thận như thể nó mong manh. Anh giữ nó bằng đầu ngón tay và nhìn vào khuôn mặt cô. Rồi đột nhiên, những ngón tay anh siết chặt lấy nó và đưa lên môi. Cách anh áp môi vào lọn tóc là sự dịu dàng, nhưng cách anh nắm chặt nó là tuyệt vọng.

Anh ngã người xuống gối và nằm im, mắt nhắm lại. Khuôn mặt anh trông trẻ trung, bình yên. Nhìn khuôn mặt đó, thoáng chốc không còn sự căng thẳng kiềm chế, cô chợt nhận ra nỗi bất hạnh mà anh đã chịu đựng; nhưng nó đã qua rồi, cô nghĩ, tất cả đã kết thúc.

Anh ngồi dậy, không nhìn cô. Khuôn mặt anh lại trở về vẻ trống rỗng, khép kín.

Anh nhặt quần áo từ sàn lên và mặc vào, đứng giữa phòng, hơi quay lưng về phía cô.

Anh không hành động như thể cô không hiện diện, mà như thể sự hiện diện của cô không còn quan trọng. Những động tác của anh khi cài cúc áo, siết chặt dây thắt lưng, có sự chính xác nhanh nhẹn của một người đang thực hiện nghĩa vụ.



Cô nằm dựa vào gối, nhìn anh, tận hưởng dáng vẻ của anh khi cử động. Cô thích chiếc quần xám và chiếc áo sơ mi—người thợ cơ khí lành nghề của Tuyến đường John Galt, cô nghĩ, trong những vệt sáng và bóng tối, như một tù nhân sau song sắt.

Nhưng đó không còn là song sắt nữa, mà là những kẽ hở của bức tường mà Tuyến đường John Galt đã phá vỡ, là dấu hiệu đầu tiên của những gì đang chờ đợi họ bên ngoài, phía sau rèm chớp—cô nghĩ về chuyến đi trở lại, trên tuyến đường sắt mới, với chuyến tàu đầu tiên từ Ngã ba Wyatt—chuyến đi trở lại văn phòng của cô trong Tòa nhà Taggart và tất cả những gì giờ đây đã rộng mở để cô giành lấy. Nhưng cô có thể để nó chờ đợi, cô không muốn nghĩ đến nó, cô đang nghĩ về cảm giác đầu tiên khi môi anh chạm vào môi cô—cô tự do cảm nhận nó, giữ lấy khoảnh khắc mà không có điều gì khác quan trọng—cô mỉm cười thách thức về phía những vệt trời bên ngoài rèm chớp.

"Tôi muốn cô biết điều này."

Anh đứng bên giường, đã mặc đồ chỉnh tề, nhìn xuống cô. Giọng anh phát ra chậm rãi, rõ ràng, không có sắc thái. Cô ngược lên nhìn anh, ngoan ngoãn chờ đợi. Anh nói:

"Những gì tôi cảm thấy với cô là sự khinh miệt. Nhưng nó chẳng là gì so với sự khinh miệt tôi dành cho chính mình. Tôi không yêu cô. Tôi chưa bao giờ yêu ai cả."

"Tôi muốn cô ngay từ giây phút đầu tiên nhìn thấy cô. Tôi muốn cô như một gã đàn ông muốn một ả điếm—với cùng một lý do và mục đích. Tôi đã dành hai năm để tự nguyện rửa bản thân, vì tôi nghĩ cô cao quý hơn loại ham muốn này."

"Nhưng cô không phải vậy. Cô cũng là một con thú hèn hạ như tôi. Lẽ ra tôi nên ghê tởm khi phát hiện ra điều đó, nhưng tôi không. Hôm qua, tôi đã sẵn sàng giết bất kỳ ai dám nói rằng cô có thể làm những điều tôi đã khiến cô làm. Hôm nay, tôi sẵn sàng đánh đổi cả mạng sống để nó không thể khác đi—để cô không thể là gì khác ngoài người đàn bà truy lạc mà cô là. Tất cả sự vĩ đại mà tôi từng thấy ở cô—tôi cũng không muốn đánh đổi nó lấy tài năng đậm đặc của cô trong những khoái cảm thú tính. Chúng ta đã từng là hai con người vĩ đại, phải không? Tự hào về sức mạnh của mình. Vậy mà đây là tất cả những gì còn lại—và tôi không muốn tự lừa dối mình nữa."

Anh nói chậm rãi, như thể đang tự quát roi vào mình. Trong giọng anh không có cảm xúc, chỉ là một nỗ lực trống rỗng; không phải giọng điệu của người muốn nói, mà là âm thanh méo mó, đau đớn của một nghĩa vụ.

"Tôi từng tự hào rằng không bao giờ cần ai. Nhưng tôi cần cô."

"Tôi từng kiêu hãnh vì luôn hành động theo niềm tin của mình. Nhưng tôi đã khuất phục trước một khao khát mà tôi khinh miệt. Đó là ham muốn đã hạ thấp lý trí, ý chí, sự tồn tại của tôi thành một sự lệ thuộc đáng khinh vào cô—không phải vào Dagny Taggart mà tôi ngưỡng mộ—mà vào thể xác cô, vào bàn tay cô, vào miệng cô và những giây phút co giật của cơ thể cô. Tôi chưa từng phá vỡ lời thề nào. Giờ đây tôi đã phá vỡ lời thề tôi giữ suốt đời. Tôi chưa từng làm điều gì phải che giấu. Giờ đây tôi phải dối trá, phải lẩn tránh, phải ẩn mình."

"Tất cả những gì tôi từng muốn, tôi đều có thể tuyên bố công khai và đạt được trước mắt cả thế giới. Nhưng giờ đây, ham muốn duy nhất của tôi là thứ mà tôi ghê tởm khi phải gọi tên. Thế nhưng nó vẫn là ham muốn duy nhất của tôi."

"Tôi sẽ có được cô—tôi sẵn sàng từ bỏ mọi thứ tôi sở hữu vì điều đó: nhà máy, kim loại, thành tựu cả đời tôi. Tôi sẽ có được cô với cái giá không chỉ là bản thân tôi, mà là cả lòng tự trọng của tôi—và tôi muốn cô biết điều đó."

"Bây giờ, nếu cô muốn tát tôi, cứ làm đi. Tôi ước gì cô làm vậy."

Cô lắng nghe, ngồi thẳng dậy, giữ chặt tấm chăn ngang cổ để che thân. Ban đầu, anh thấy đôi mắt cô tối sầm vì cú sốc không thể tin được. Rồi dường như cô đang lắng nghe với sự chăm chú hơn, nhưng lại nhìn thấy nhiều hơn là gương mặt anh, dù mắt cô vẫn dán chặt vào anh. Cô trông như đang chăm chú nghiên cứu một sự thật chưa từng đối diện. Anh cảm thấy như có một tia sáng ngày càng rực rỡ trên mặt mình, vì anh thấy sự phản chiếu của nó trên khuôn mặt cô khi cô nhìn anh—anh thấy cú sốc biến mất, rồi đến sự kinh ngạc—anh thấy gương mặt cô trở nên bình thản lạ thường,

vừa tĩnh lặng vừa rực rỡ.

Khi anh dừng lại, cô bật cười.

Điều khiến anh sửng sốt là tiếng cười đó không hề có sự tức giận. Cô cười một cách đơn giản, nhẹ nhàng, đầy vui sướng, như thể được giải thoát—không phải tiếng cười của người vừa tìm ra lời giải cho một vấn đề, mà là của người nhận ra rằng vấn đề chưa bao giờ tồn tại.

Cô hất tấm chăn ra với một động tác dứt khoát, cố ý.

Cô đứng dậy. Cô nhìn thấy quần áo của mình trên sàn và hất chúng sang một bên.

Cô đứng đối diện anh, hoàn toàn trần trụi. Cô nói: "Em muốn anh, Hank. Em còn là một con thú hơn cả những gì anh nghĩ. Em đã muốn anh ngay từ lần đầu tiên gặp—và điều duy nhất em hối tiếc là đã không nhận ra điều đó sớm hơn. Em không hiểu tại sao, suốt hai năm qua, những khoảnh khắc rực rỡ nhất đối với em lại là những lúc em ở văn phòng anh, khi em có thể ngẩng đầu lên nhìn anh. Em không hiểu bản chất của cảm xúc ấy trong sự hiện diện của anh, cũng không hiểu lý do. Giờ thì em đã hiểu. Đó là tất cả những gì em muốn, Hank. Em muốn anh trên giường của em—và anh hoàn toàn tự do với em trong tất cả quãng thời gian còn lại. Anh không cần phải giả vờ—đừng nghĩ về em, đừng cảm nhận, đừng bận tâm—em không cần tâm trí, ý chí, bản thể hay linh hồn anh, miễn là anh đến với em vì ham muốn thấp hèn nhất của anh. Em là một con thú không muốn gì khác ngoài khoái cảm mà anh khinh bỉ—nhưng em muốn nó từ anh. Anh sẵn sàng từ bỏ mọi đỉnh cao đức hạnh vì nó, còn em—em không có gì để từ bỏ cả. Em thấp hèn đến mức sẵn sàng đánh đổi cảnh đẹp nhất trên thế giới chỉ để nhìn thấy anh trong buồng lái của một đầu máy. Và khi nhìn thấy nó, em không thể nào thờ ơ được."

Anh không cần lo rằng giờ đây anh phụ thuộc vào em. Chính em mới là người phụ thuộc vào mọi ý muốn của anh. Anh có thể có em bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu, với bất kỳ điều kiện nào. Anh gọi đó là sự nhờ nhờ trong tài năng của em ư? Nó còn

ràng buộc em với anh chặt hơn bất cứ tài sản nào khác mà anh sở hữu. Anh có thể làm gì em tùy thích—em không sợ thừa nhận điều đó—em chẳng có gì để bảo vệ khỏi anh, chẳng có gì để giữ lại. Anh nghĩ điều này là mối đe dọa đối với thành tựu của anh, nhưng với em thì không. Em sẽ ngồi ở bàn làm việc và làm việc, và khi mọi thứ trở nên khó chịu, em sẽ nghĩ rằng phần thưởng của mình là được ở bên anh tối nay.

Anh gọi đó là sự đòi bại ư? Em còn đòi bại hơn anh nhiều: anh coi đó là tội lỗi của mình, còn em—là niềm tự hào. Em tự hào về điều này hơn bất cứ điều gì em đã làm, tự hào hơn cả việc xây dựng Đường sắt. Nếu ai đó hỏi đâu là thành tựu đáng tự hào nhất của em, em sẽ nói: Em đã ngủ với Hank Rearden. Em đã giành được điều đó.

Khi anh ném cô xuống giường, cơ thể họ gặp nhau như hai âm thanh vỡ òa trong không khí căn phòng: tiếng rên rỉ đau đớn của anh và tiếng cười của cô.

Mưa trong màn đêm tuy không nhìn thấy được, nhưng lấp lánh như những tua rua sáng chói dưới ánh đèn góc phố. Lục lọi trong túi, James Taggart phát hiện ra mình đã làm mất khăn tay.

Anh chửi thề, với sự oán giận cay độc, như thể việc mất khăn, cơn mưa và cơn cảm lạnh là một âm mưu cá nhân chống lại anh.

Những vĩa hè phủ một lớp bùn loãng mỏng; anh cảm thấy sự nhóp nhép dưới đế giày và cái lạnh len lỏi qua cổ áo. Anh không muốn đi tiếp cũng chẳng muốn dừng lại. Anh không có nơi nào để đến.

Rời khỏi văn phòng sau cuộc họp Hội đồng Quản trị, anh chợt nhận ra mình không còn cuộc hẹn nào khác, rằng phía trước là một buổi tối dài và không ai để cùng giết thời gian.

Trang nhất các tờ báo đang gào thét về chiến thắng của Đường sắt John Galt, như radio đã gào thét suốt đêm qua. Cái tên Taggart Transcontinental trải dài trên các

tiêu đề khắp lục địa, như đường ray của nó, và anh đã mỉm cười đáp lại những lời chúc mừng.

Anh đã mỉm cười, ngồi ở đầu bàn dài trong cuộc họp Hội đồng, trong khi các Giám đốc bàn về sự tăng vọt của cổ phiếu Taggart trên thị trường chứng khoán. Họ cẩn thận yêu cầu xem thỏa thuận bằng văn bản giữa anh với em gái—chỉ để chắc chắn, họ nói—và nhận xét rằng nó hoàn hảo, không có kẽ hở, không còn nghi ngờ gì nữa rằng cô ấy sẽ phải chuyển giao Đường sắt ngay lập tức cho Taggart Transcontinental. Họ nói về tương lai rực rỡ và món nợ biết ơn mà công ty nợ James Taggart.

Anh ngồi suốt cuộc họp, chỉ mong nó kết thúc nhanh để về nhà. Nhưng khi bước ra đường, anh nhận ra nhà lại là nơi duy nhất anh không dám đến tối nay. Anh không thể ở một mình, không trong vài giờ tới, nhưng cũng chẳng có ai để gọi.

Anh không muốn gặp ai cả. Anh cứ nhìn thấy ánh mắt của những người trong Hội đồng khi họ nói về sự vĩ đại của anh: một ánh nhìn mờ ám, vừa khinh thường anh vừa, đáng sợ hơn, khinh thường chính họ.

Anh bước đi, cúi đầu, những giọt mưa như kim châm vào da cổ. Anh ngoảnh mặt đi mỗi khi đi ngang qua sạp báo. Những tờ báo dường như hét vào mặt anh cái tên John Galt Line, và một cái tên khác mà anh không muốn nghe: Ragnar Danneskjold.

Một con tàu chở hàng viện trợ khẩn cấp đến Nhà nước Nhân dân Na Uy đã bị Ragnar Danneskjold chiếm giữ đêm qua. Câu chuyện ấy khiến anh bối rối theo một cách riêng tư mà anh không thể giải thích. Cảm giác ấy dường như có điểm chung với những gì anh cảm thấy về Đường sắt John Galt.

Tại vì mình bị cảm, anh nghĩ; nếu không bị cảm, anh đã không thấy thế này. Một người không thể mong đợi mình ở phong độ tốt nhất khi đang bị cảm—đó đâu phải lỗi của anh—họ muốn anh làm gì tối nay, ca hát và nhảy múa chăng? Anh cúi kính đặt câu hỏi với những vị thẩm phán vô hình của tâm trạng không ai chứng kiến. Anh

lục túi tìm khăn tay lần nữa, rửa thơm rồi quyết định tốt hơn hết là nên dừng lại đầu đó mua ít khăn giấy.

Bên kia quảng trường của một khu phố từng sầm uất, anh thấy ánh đèn từ cửa sổ một cửa hàng giá rẻ, vẫn mở cửa đầy hy vọng vào giờ muộn này. Lại thêm một nơi sắp đóng cửa sớm thôi, anh nghĩ khi băng qua quảng trường; ý nghĩ đó mang đến cho anh một niềm thích thú kỳ lạ.

Bên trong, dưới ánh đèn chói chang, vài cô bán hàng mệt mỏi đứng giữa những quầy hàng vắng vẻ, và tiếng nhạc đinh tai của một bản thu đang phát cho một khách hàng đơn độc, lơ đãng ở góc phòng. Âm nhạc nuốt chửng giọng nói sắc lạnh của Taggart khi anh yêu cầu mua khăn giấy, giọng điệu ngụ ý rằng cô bán hàng phải chịu trách nhiệm cho cơn cảm của anh.

Cô gái quay lại lấy hàng sau lưng, nhưng chợt dừng lại, liếc nhìn anh với vẻ tò mò kỳ lạ. Cô cầm gói khăn giấy trong tay, ngập ngừng, nhìn anh chăm chú như đang cố xác nhận điều gì đó.

"Ông có phải là James Taggart không?" cô hỏi.

"Phải!" anh gắt. "Sao?"

"Ôi!"

Cô thốt lên như đứa trẻ vừa thấy pháo hoa; cô nhìn anh với ánh mắt thường chỉ dành cho các ngôi sao điện ảnh.

"Tôi thấy ảnh ông trên báo sáng nay, ông Taggart," cô nói nhanh, má ửng đỏ rồi thoảng qua. "Bài báo nói đó là một thành tựu vĩ đại và chính ông đã làm tất cả, chỉ là ông không muốn ai biết."

"Ồ," Taggart nói, môi nở nụ cười.

"Ông trông y hệt như trong ảnh," cô nói đầy kinh ngạc, rồi thêm, "Thật không thể tin

được là ông lại xuất hiện ở đây, bằng xương bằng thịt!"

"Có gì không nên sao?" Giọng anh đầy thích thú.

"Ý tôi là, cả nước đang bàn tán về chuyện đó, và ông—người đã làm nên tất cả—lại đứng ngay đây! Tôi chưa từng gặp ai quan trọng cả. Chưa từng được gần điều gì quan trọng, ý tôi là chưa bao giờ được chứng kiến một sự kiện đáng lên báo."

Anh chưa từng trải nghiệm cảm giác sự hiện diện của mình khiến một nơi chốn bừng sáng: cô gái như thể không còn mệt mỏi, như thể cửa hàng tạp hóa nhỏ bé này vừa biến thành một sân khấu đầy kịch tính và kỳ diệu.

"Ông Taggart, có đúng như báo nói về ông không?"

"Họ nói gì?"

"Về bí mật của ông."

"Bí mật gì?"

"À, họ nói khi mọi người tranh cãi về cây cầu của ông, về việc nó có đứng vững không, ông chẳng tranh luận gì, chỉ tiếp tục công việc, vì ông biết nó sẽ đứng vững khi không ai dám chắc—vậy nên tuyến đường sắt này là dự án của Taggart và ông là linh hồn đằng sau, nhưng ông giữ kín vì không cần ai ghi nhận công lao."

Anh đã đọc bản tin do bộ phận Quan hệ Công chúng phát hành. "Phải," anh nói, "đúng vậy." Ánh mắt cô khiến anh cảm thấy như thể đó là sự thật.

"Ông thật tuyệt vời, ông Taggart."

"Cô luôn nhớ rõ những gì đọc trên báo như vậy sao?"

"Sao không chứ—tôi nghĩ vậy—tất cả những điều thú vị. Những điều lớn lao. Tôi thích đọc về chúng. Chẳng bao giờ có điều gì lớn lao xảy đến với tôi cả."

Cô nói một cách vui vẻ, không chút tự thương hại. Giọng nói và cử chỉ của cô mang một sức sống trẻ trung, dứt khoát. Cô có mái tóc xoăn nâu ánh đỏ, đôi mắt đặt xa nhau, vài nốt tàn nhang trên sống mũi hơi héch. Anh nghĩ người ta sẽ gọi khuôn mặt cô là ưa nhìn nếu họ để ý, nhưng chẳng có gì đặc biệt để chú ý. Đó là một khuôn mặt bình thường, ngoại trừ ánh nhìn sắc sảo, đầy háo hức—một ánh nhìn luôn chờ đợi điều kỳ diệu ẩn sau mỗi góc khuất của thế giới.

"Ông Taggart, cảm giác làm một vĩ nhân như thế nào?"

"Cảm giác làm một cô bé thế nào?"

Cô cười. "Tuyệt lắm."

"Vậy thì cô tốt hơn tôi rồi đấy."

"Ồ, sao ông lại nói thế—"

"Có lẽ cô may mắn vì không dính líu gì đến những sự kiện lớn trên báo chí. Lớn lao. Cô gọi cái gì là lớn lao?"

"Ừm... quan trọng."

"Cái gì là quan trọng?"

"Ông mới là người nên nói cho tôi biết điều đó, ông Taggart."

"Không có gì là quan trọng cả."

Cô nhìn anh đầy hoài nghi. "Chính ông nói vậy, vào ngay đêm nay!"

"Tôi không cảm thấy tuyệt vời chút nào, nếu đó là điều cô muốn biết. Tôi chưa bao giờ cảm thấy mình tầm thường hơn lúc này."

Anh ngạc nhiên khi thấy cô đang chăm chú quan sát khuôn mặt mình với vẻ quan tâm mà chưa ai từng dành cho anh. "Ông mệt mỏi rồi, ông Taggart," cô nói, giọng

ngghiêm túc. "Hãy mặc kệ bọn họ đi."

"Bọn họ nào?"

"Bất kỳ ai đang khiến ông chán nản. Như vậy là không đúng."

"Cái gì không đúng?"

"Ông đã vượt qua bao nhiêu khó khăn và chiến thắng tất cả, vậy nên bây giờ ông đáng được tận hưởng. Ông xứng đáng với điều đó."

"Vậy cô đề nghị tôi tận hưởng thế nào?"

"Ồ, tôi không biết. Nhưng tôi nghĩ ông sẽ tổ chức một buổi tiệc đêm nay—một bữa tiệc với những nhân vật quan trọng, sâm panh, và những món quà như chìa khóa thành phố—chứ không phải đi lang thang một mình, mua khăn giấy, trong số những việc lố bịch nhất!"

"Đưa tôi mấy cái khăn giấy đó trước khi cô quên mất," anh nói, đưa cho cô một xu.

"Còn về bữa tiệc sang trọng, có bao giờ cô nghĩ rằng có thể tôi không muốn gặp ai tối nay không?"

Cô suy nghĩ ngghiêm túc. "Không," cô nói. "Tôi chưa từng nghĩ đến điều đó. Nhưng tôi có thể hiểu tại sao ông lại không muốn."

"Tại sao?" Đó là một câu hỏi mà anh không có câu trả lời.

"Không ai thực sự xứng đáng với ông, ông Taggart," cô đáp một cách đơn giản, không phải như một lời nịnh bợ, mà như một sự thật hiển nhiên.

"Cô nghĩ vậy sao?"

"Tôi không nghĩ là tôi thích con người cho lắm, ông Taggart. Phần lớn bọn họ."

"Tôi cũng vậy. Không một ai."

"Tôi nghĩ một người như ông—ông sẽ không biết họ có thể xấu xa đến mức nào, và cách họ cố đè bẹp ông, lợi dụng ông nếu ông để họ làm vậy. Tôi tưởng những người vĩ đại trên thế giới có thể thoát khỏi bọn họ và không phải lúc nào cũng bị lũ ký sinh bám theo, nhưng có lẽ tôi đã nhầm."

"Ký sinh?"

"Ồ, đó là cách tôi tự nhủ khi mọi thứ trở nên tồi tệ—rằng tôi phải chiến đấu để thoát ra, để không bị những thứ tồi tệ đó cắn xé suốt đời—nhưng có lẽ ở đâu cũng thế, chỉ là lũ ký sinh càng lớn hơn."

"Lớn hơn nhiều."

Cô im lặng, như thể đang suy ngẫm điều gì đó. "Thật buồn cười," cô nói, giọng chán nản với một ý nghĩ riêng.

"Gì buồn cười?"

"Tôi từng đọc một cuốn sách nói rằng những người vĩ đại luôn bất hạnh, và càng vĩ đại—càng bất hạnh. Tôi không hiểu tại sao. Nhưng có lẽ nó đúng."

"Đúng hơn cô nghĩ nhiều."

Cô nhìn đi nơi khác, khuôn mặt thoáng vẻ bối rối.

"Sao cô lại quan tâm đến những người vĩ đại đến thế?" anh hỏi. "Cô là kiểu người tôn thờ anh hùng sao?"

Cô quay lại nhìn anh. Anh thấy ánh sáng của một nụ cười thâm lặng trong đôi mắt cô, trong khi khuôn mặt vẫn giữ vẻ nghiêm nghị. Đó là cái nhìn cá nhân sâu sắc nhất mà anh từng nhận được, nhưng giọng nói của cô vẫn điềm tĩnh, khách quan.

"Ông Taggart, ngoài họ ra, còn gì để ngưỡng mộ chứ?"

Một âm thanh chói tai, không hẳn là chuông cũng không hẳn là còi, vang lên đột

ngột, kéo dài với sự khó chịu đến buốt óc.

Cô giật mình như vừa tỉnh giấc vì tiếng chuông báo thức, rồi thở dài. "Giờ đóng cửa rồi, ông Taggart," cô nói, giọng đầy tiếc nuối.

"Đi lấy mũ của cô đi—tôi sẽ đợi cô bên ngoài," anh nói.

Cô sững sờ nhìn anh, như thể trong vô vàn khả năng của cuộc sống, đây là điều cô chưa bao giờ nghĩ đến.

"Không đùa chứ?" cô thì thầm.

"Không đùa."

Cô quay ngoắt lại và chạy như bay về phía cửa phòng nhân viên, quên hết mọi thứ—quầy hàng, công việc, và cả những quy tắc e dè của phụ nữ về việc không được tỏ ra háo hức trước lời mời của đàn ông.

Anh đứng nhìn theo, mắt hơi nheo lại. Anh không bao giờ gọi tên cảm xúc của mình—đó là quy tắc duy nhất anh luôn giữ vững; anh chỉ đơn giản cảm nhận nó—và cảm xúc này đem lại sự dễ chịu, thế là đủ. Nhưng cảm xúc ấy lại bắt nguồn từ một suy nghĩ mà anh không muốn thoát ra. Anh đã gặp nhiều cô gái từ tầng lớp thấp hơn, những người giả vờ ngưỡng mộ anh và buông những lời nịnh bợ vụng về với ý đồ rõ ràng. Anh không thích họ, cũng không ghét họ; anh chỉ thấy chút thú vị trong sự nhàm chán khi coi họ là những người ngang hàng trong một trò chơi mà cả hai bên đều hiểu rõ. Nhưng cô gái này thì khác. Những lời không được nói ra trong tâm trí anh là: *Con ngốc bé nhỏ này thực sự nghĩ vậy.*

Việc anh đứng sốt ruột chờ cô ngoài vỉa hè dưới trời mưa, rằng cô là người duy nhất anh cần đêm nay, không làm anh bận tâm hay thấy mâu thuẫn. Anh không gọi tên bản chất của nhu cầu ấy. Những gì không được đặt tên hay nói ra thì không thể mâu thuẫn.

Khi cô bước ra, anh nhận thấy sự tương phản kỳ lạ giữa vẻ bên lén và tư thế đầu ngẩng cao của cô. Cô mặc chiếc áo mưa xấu xí, với một cái ghim cài áo rỏ tiền trên ve áo càng khiến nó tệ hơn, cùng chiếc mũ nhỏ điểm những bông hoa nhung đặt đầy thách thức giữa mái tóc xoăn. Nhưng kỳ lạ thay, tư thế ngẩng cao đầu của cô lại khiến bộ trang phục trở nên thu hút; nó cho thấy cô mặc bất cứ thứ gì cũng toát lên khí chất riêng.

"Muốn đến chỗ tôi uống chút gì không?" anh hỏi.

Cô gật đầu lặng lẽ, nghiêm túc, như thể không dám tin vào khả năng đáp lời phù hợp của mình. Rồi cô nói, không nhìn anh, như thể đang nói với chính mình: "Anh không muốn gặp ai tối nay, nhưng anh lại muốn gặp tôi..." Anh chưa từng nghe giọng nói nào vừa tự hào vừa nghiêm trang đến thế.

Trong taxi, cô im lặng ngắm nhìn những tòa nhà chọc trời họ đi ngang qua. Một lúc sau, cô nói: "Tôi nghe nói những chuyện như thế này có thể xảy ra ở New York, nhưng chưa bao giờ nghĩ nó lại xảy đến với mình."

"Cô đến từ đâu?"

"Buffalo."

"Có gia đình không?"

Cô ngập ngừng. "Tôi đoán là có. Ở Buffalo."

"Cô nói 'đ đoán là có' nghĩa là sao?"

"Tôi đã bỏ đi."

"Tại sao?"

"Tôi nghĩ nếu muốn trở thành ai đó, tôi phải rời khỏi họ, rời đi hẳn."

"Tại sao? Đã có chuyện gì xảy ra sao?"

"Không có gì xảy ra cả. Và cũng chẳng có gì sẽ xảy ra. Đó là điều tôi không chịu nổi."

"Ý cô là sao?"

"Ừ thì... tôi nghĩ tôi nên nói thật với anh, ông Taggart. Bố tôi chưa bao giờ là người tốt, mẹ tôi thì chẳng quan tâm liệu ông ấy có tốt hay không. Tôi là người duy nhất trong bảy anh chị em có công việc ổn định, trong khi những người khác lúc nào cũng gặp xui xẻo theo cách này hay cách khác—và tôi chán ngấy điều đó. Tôi nghĩ nếu không thoát ra, tôi cũng sẽ mục ruỗng như họ. Thế là một ngày nọ, tôi mua vé tàu và rời đi. Không nói lời tạm biệt. Họ thậm chí còn không biết là tôi đi đâu."

Cô khẽ cười, như thể chợt nhận ra điều gì đó. "Ông Taggart," cô nói, "đó là một chuyến tàu của Taggart."

"Cô đến đây khi nào?"

"Sáu tháng trước."

"Và cô chỉ có một mình?"

"Vâng," cô nói với vẻ hạnh phúc.

"Cô muốn làm gì?"

"Chà, anh biết đấy—làm nên sự nghiệp, vươn thật xa."

"Xa đến đâu?"

"Ồ, tôi không biết, nhưng... nhưng con người có thể làm được nhiều điều trên thế giới này. Tôi đã thấy những bức ảnh về New York và tôi nghĩ"—cô chỉ vào những tòa nhà chọc trời bên ngoài cửa sổ taxi, mờ ảo sau những vệt mưa—"Tôi nghĩ, ai đó đã xây dựng những tòa nhà đó—họ không chỉ ngồi đó than vãn về nhà bếp bẩn thỉu, mái dột, ống nước tắc và thế giới thật khốn nạn... Ông Taggart"—cô rùng mình và

nhìn thẳng vào anh—"chúng tôi nghèo đến cùng cực và chẳng ai bận tâm. Đó là điều tôi không thể chịu nổi—họ thực sự chẳng quan tâm gì cả. Không đủ quyết tâm để nhấc một ngón tay. Không đủ ý chí để dọn rác. Và người phụ nữ hàng xóm cứ nói rằng tôi có nghĩa vụ phải giúp đỡ họ, rằng chẳng có gì quan trọng với tôi, với bà ta hay với bất kỳ ai, bởi vì dù sao thì cũng chẳng ai làm được gì!"

Đằng sau ánh mắt rực sáng của cô, anh thấy một điều gì đó vừa đau đớn vừa kiên định.

"Tôi không muốn nói về họ," cô nói. "Không phải với anh. Chuyện này—việc tôi gặp anh—đó là điều họ không thể có được. Đó là thứ tôi sẽ không chia sẻ với họ. Nó thuộc về tôi, không phải của họ."

"Cô bao nhiêu tuổi?" anh hỏi.

"Mười chín."

Khi nhìn cô dưới ánh sáng trong phòng khách, anh nghĩ rằng cô sẽ có vóc dáng đẹp nếu được ăn uống đầy đủ hơn; cô quá gầy so với chiều cao và cấu trúc xương của mình. Cô mặc chiếc váy đen chật chội, cũ kỹ, cố làm cho bớt đơn điệu bằng những chiếc vòng nhựa màu mè lắc lư trên cổ tay. Cô đứng ngấm căn phòng như thể đó là một viện bảo tàng, nơi cô không dám chạm vào bất cứ thứ gì và phải ghi nhớ tất cả một cách thành kính.

"Bạn tên gì?" anh hỏi.

"Cherryl Brooks."

"Vây ngồi xuống đi."

Anh pha đồ uống trong im lặng, trong khi cô ngồi lặng lẽ, rụt rè trên mép ghế bành. Khi anh đưa cho cô cốc nước, cô uống vài ngụm nhỏ, rồi giữ cốc trong tay. Anh biết rằng cô không cảm nhận được vị của thức uống, không để tâm đến nó, và không có

thời gian để quan tâm.

Anh uống một ngụm, rồi đặt cốc xuống với vẻ bức bối—anh cũng chẳng muốn uống. Anh đi qua lại trong phòng, biết rằng ánh mắt cô dõi theo mình, tận hưởng cảm giác đó, tận hưởng cảm giác về tầm quan trọng to lớn mà từng cử động của anh, từ cúc áo đến dây giày, từ đèn bàn đến gạt tàn, đều được thể hiện trong ánh mắt dịu dàng và ngưỡng mộ của cô.

"Ông Taggart, điều gì khiến ông không vui vậy?"

"Tại sao cô lại quan tâm đến việc tôi có vui hay không?"

"Bởi vì... nếu ông không có quyền được vui và tự hào, thì ai có chứ?"

"Đó chính là điều tôi muốn biết—ai có?" Anh quay phắt lại nhìn cô, những lời tuôn ra như thể một van áp suất bị bung. "Anh ta đâu phải là người phát minh ra quặng sắt và lò cao, đúng không?"

"Ai cơ?"

"Rearden. Anh ta không phát minh ra luyện kim, hóa học hay nén khí. Anh ta không thể tạo ra Kim Loại của mình nếu không có hàng nghìn người khác. Kim Loại của anh ta! Tại sao anh ta lại nghĩ đó là của riêng mình? Tại sao anh ta lại cho rằng đó là phát minh của mình? Mọi người đều dựa vào công sức của người khác. Chẳng ai thực sự phát minh ra điều gì cả."

Cô ngạc nhiên nói: "Nhưng quặng sắt và những thứ kia đã có từ lâu rồi. Tại sao không ai khác tạo ra Kim Loại ấy, mà chỉ có ông Rearden làm được?"

"Anh ta không làm vì mục đích cao cả nào cả, anh ta chỉ làm vì lợi nhuận của mình, chưa bao giờ vì lý do khác."

"Vậy thì có gì sai, thưa ông Taggart?" Sau đó cô khẽ cười, như thể vừa tìm ra lời giải cho một câu đố. "Điều đó thật vô lý, thưa ông Taggart. Ông không thực sự nghĩ vậy

đầu. Ông biết rằng ông Rearden xứng đáng với mọi thành công của mình, và ông cũng vậy. Ông nói những điều đó chỉ vì khiêm tốn thôi, trong khi ai cũng biết những thành tựu tuyệt vời mà ông, ông Rearden và chị gái của ông đã đạt được—chị gái của ông hẳn là một người phi thường!"

"Thật sao? Cô nghĩ vậy à? Cô ấy là một người phụ nữ cứng rắn, vô cảm, cả đời chỉ biết xây dựng đường sắt và cầu, không vì lý tưởng cao cả nào, mà chỉ vì đó là thứ cô ấy thích làm. Nếu cô ấy thích thì có gì đáng ngưỡng mộ? Tôi không chắc đó là điều vĩ đại—xây dựng tuyến đường cho những nhà công nghiệp giàu có ở Colorado, trong khi còn nhiều người nghèo ở những vùng khó khăn đang thiếu phương tiện đi lại."

"Nhưng, thưa ông Taggart, chính ông đã đấu tranh để xây dựng tuyến đường đó."

"Vâng, vì đó là nghĩa vụ của tôi—với công ty, cổ đông và nhân viên. Nhưng đừng mong tôi thích thú với nó. Tôi không chắc đó là điều vĩ đại—phát minh ra Kim Loại phức tạp này, trong khi nhiều quốc gia đang cần sắt thép đơn giản—cô có biết không, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thậm chí không có đủ đinh để lợp mái nhà cho người dân?"

"Nhưng... tôi không thấy đó là lỗi của ông."

"Phải có ai đó lo liệu chuyện này. Ai đó có tầm nhìn vượt ra ngoài cái ví tiền của mình. Không ai có lòng nhân ái trong thời buổi này—khi nỗi đau khổ đang bao trùm quanh ta—sẽ dành mười năm cuộc đời chỉ để nghịch ngợm với một đồng kim loại giả tạo. Cô nghĩ đó là điều tuyệt vời ư? Đó chẳng phải tài năng gì cả, mà chỉ là một cái vô cùng đến mức cô không thể đập vỡ dù có đổ cả tấn thép của anh ta lên đầu! Có nhiều người tài năng hơn thế trên đời này, nhưng cô không thấy họ trên các mặt báo và cô cũng chẳng chạy đến ngắm họ ở các nút giao đường sắt—bởi họ không thể phát minh ra những cây cầu không sập trong khi nỗi thống khổ của nhân loại đang đè nặng tâm hồn!"

Cô nhìn anh im lặng, tôn trọng, vẻ hào hứng vui mừng đã dịu lại, ánh mắt trầm

xuống. Anh cảm thấy dễ chịu hơn.

Anh cầm cốc lên, uống một ngụm, rồi bất chợt cười khúc khích khi nhớ ra điều gì đó.

"Thật sự là buồn cười," anh nói, giọng dễ chịu và sống động hơn, như đang tâm sự với một người bạn. "Cô nên thấy Orren Boyle hôm qua, khi tin tức đầu tiên từ Wyatt Junction được phát trên đài! Anh ta tái mét—tôi nói thật đấy, tái nhợt như con cá ươn! Cô biết anh ta làm gì tối qua để đối phó với tin xấu không? Thuê một căn hộ ở khách sạn Valhalla—cô biết khách sạn đó rồi đấy—và lần cuối tôi nghe, anh ta vẫn còn ở đó, say bí tỉ, ôm ấp mấy người bạn đặc biệt và một nửa số phụ nữ ở khu Amsterdam Avenue!"

"Ông Boyle là ai?" cô hỏi, ngơ ngác.

"À, một gã mập ú hay có thói quen làm quá khả năng của mình. Một kẻ thông minh nhưng đôi khi lại quá thông minh. Cô phải thấy mặt anh ta hôm qua! Tôi thích điều đó lắm. Còn Dr. Floyd Ferris nữa—cái tên láu cá đó chẳng thích chút nào, ồ không!—Dr. Ferris thanh nhã của Viện Khoa học Nhà nước, người phục vụ nhân dân với bộ từ vựng bóng loáng. Anh ta xử lý cũng khá, tôi phải công nhận, dù cô có thể thấy sự cay đắng trong từng câu chữ—trong cuộc phỏng vấn sáng nay, anh ta nói: 'Đất nước đã trao Kim Loại đó cho Rearden, giờ chúng tôi mong anh ta trả lại điều gì cho đất nước.' Thật tài tình, nhất là khi nghĩ đến việc ai đã hưởng lợi từ chiếc tàu hồng đó... à, có lẽ cô hiểu rồi đấy. Còn hơn cả Bertram Scudder—ông ta chỉ nói được 'Không bình luận' khi báo chí hỏi ý kiến. 'Không bình luận'—từ Bertram Scudder, người chưa từng ngậm miệng kể từ ngày chào đời, bất kể được hỏi hay không, từ thơ Abyssinian đến tình trạng nhà vệ sinh nữ trong ngành dệt! Và Dr. Pritchett, lão ngốc già, đang rêu rao rằng ông ta biết chắc Rearden không phát minh ra Kim Loại đó—vì một nguồn tin đáng tin cậy giấu tên nào đó bảo rằng Rearden đã ăn cắp công thức từ một nhà phát minh nghèo khổ mà ông ta đã giết!"

Anh cười vui vẻ. Cô lắng nghe như thể đang nghe một bài giảng toán học cao cấp,

chẳng hiểu gì cả, thậm chí không nắm được cách dùng từ của anh—một phong cách khiến mọi thứ càng bí ẩn hơn, vì cô chắc chắn những lời này từ miệng anh mang ý nghĩa khác hẳn nếu người khác nói ra.

Anh rót đầy cốc và uống cạn, niềm vui bỗng nhiên tan biến.

Anh sụp người xuống ghế bành đối diện cô, nhìn lên từ dưới vầng trán hói, đôi mắt mờ đục.

"Cô ấy sẽ về ngày mai," anh nói, âm thanh như tiếng cười không vui.

"Ai cơ?"

"Chị gái tôi. Chị gái đáng yêu của tôi.Ồ, chắc chắn chị ấy sẽ nghĩ mình tuyệt vời lắm, phải không?"

"Ông không thích chị gái mình sao, thưa ông Taggart?" Anh phát ra âm thanh giống như trước, ý nghĩa rõ ràng đến mức không cần câu trả lời nào khác.

"Tại sao vậy?" cô hỏi.

"Vì chị ấy nghĩ mình giỏi. Chị ấy có quyền gì mà nghĩ vậy? Ai có quyền nghĩ mình giỏi? Không ai giỏi cả."

"Ông không thực sự nghĩ vậy đâu, thưa ông Taggart."

"Tôi nghĩ thế đấy. Chúng ta chỉ là những con người—và con người là gì? Một sinh vật yếu đuối, xấu xí, tội lỗi, sinh ra đã như vậy, thối rữa tận xương—vì thế khiêm tốn là đức tính duy nhất con người nên có. Ta nên dành cả đời quỳ gối, cầu xin tha thứ cho sự tồn tại bẩn thỉu của mình. Khi một người nghĩ mình giỏi—đó là lúc họ thối rữa nhất. Kiêu hãnh là tội lỗi tồi tệ nhất, bất kể người đó đã làm được gì."

"Nhưng nếu một người biết việc mình làm là tốt thì sao?"

"Thì họ nên xin lỗi vì điều đó."

"Xin lỗi ai?"

"Xin lỗi những người chưa làm được điều đó."

"Tôi... tôi không hiểu."

"Đương nhiên cô không hiểu. Phải mất nhiều năm học hỏi ở những tầm cao của trí tuệ mới hiểu được. Cô đã bao giờ nghe về *Những Mâu Thuẫn Siêu Hình của Vũ Trụ* của Tiến sĩ Simon Pritchett chưa?" Cô lắc đầu, sợ hãi. "Cô biết cái gì là tốt không? Ai biết cái gì là tốt? Ai có thể biết được? Không có điều gì là tuyệt đối—như Tiến sĩ Pritchett đã chứng minh không thể bác bỏ. Không có gì là tuyệt đối cả. Mọi thứ chỉ là quan điểm. Làm sao cô biết cây cầu đó không sập?"

"Cô chỉ nghĩ là nó không sập thôi. Làm sao cô biết có cây cầu nào thật sự tồn tại?"

"Cô nghĩ một hệ thống triết học—như của Tiến sĩ Pritchett—chỉ là thứ học thuật, xa vời, không thực tế ư? Không phải đâu. Ôi, hoàn toàn không phải vậy!"

"Nhưng, thưa ông Taggart, cái Tuyến đường mà ông xây dựng—"

"Ồ, Tuyến đường đó là gì chứ? Nó chỉ là một thành tựu vật chất, có đáng gì đâu? Có gì vĩ đại trong những thứ vật chất không?"

Chỉ có những sinh vật thấp kém mới há hốc mồm trước cây cầu đó—khi có biết bao điều cao cả hơn trong cuộc sống. Nhưng những điều cao cả ấy có bao giờ được công nhận không? Không! Nhìn con người xem. Tất cả những huyền ảo và các trang bìa báo về một sự sắp đặt khéo léo của những mảnh vụn vật chất. Họ có quan tâm đến những vấn đề cao cả hơn không? Họ có bao giờ đưa những hiện tượng tinh thần lên trang bìa không? Họ có chú ý hay trân trọng một người có tâm hồn tinh tế hơn không? Và cô còn thắc mắc tại sao một người vĩ đại phải chịu đựng bất hạnh trong thế giới tha hóa này!" Anh nghiêng người về phía trước, nhìn cô chăm chăm. "Tôi sẽ

nói với cô... tôi sẽ nói cho cô biết... bất hạnh chính là dấu hiệu của đức hạnh. Nếu một người thực sự, thực sự bất hạnh, điều đó có nghĩa anh ta là một con người ưu việt."

Anh thấy vẻ mặt cô bối rối, lo lắng. "Nhưng, thưa ông Taggart, ông đã có mọi thứ ông muốn. Giờ ông có tuyến đường sắt tốt nhất cả nước, báo chí gọi ông là nhà điều hành doanh nghiệp vĩ đại nhất thời đại, họ nói cổ phiếu công ty ông đã mang lại cho ông một gia tài chỉ trong một đêm, ông có mọi thứ ông có thể mong muốn—ông có hạnh phúc không?"

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi của câu trả lời, cô cảm thấy sợ hãi, nhận ra nỗi sợ đột ngột trong anh. Anh đáp, "Không."

Cô không hiểu sao giọng mình lại trở nên thì thào. "Ông sẽ thích hơn nếu cây cầu đó sập ư?"

"Tôi không nói vậy!" anh quát lên. Rồi anh nhún vai và khoát tay trong một cử chỉ khinh miệt. "Cô không hiểu đâu."

"Xin lỗi... Ôi, tôi biết tôi còn nhiều điều phải học lắm!"

"Tôi đang nói về một khát khao cho điều gì đó còn lớn hơn cả cây cầu đó."

"Một khát khao mà không gì vật chất có thể thỏa mãn được."

"Chuyện gì vậy, thưa ông Taggart? Ông muốn gì?"

"Ôi, lại nữa rồi! Ngay khi cô hỏi 'Ông muốn gì?' là cô đã quay về thế giới thô thiển, vật chất, nơi mọi thứ đều phải được đánh dấu và đo đếm. Tôi đang nói đến những điều không thể gọi tên bằng ngôn từ vật chất... những tầm cao của tinh thần mà con người không bao giờ với tới được..."

"Thành tựu của con người có ý nghĩa gì đâu? Trái đất chỉ là một hạt bụi quay trong

vũ trụ—cây cầu đó có ý nghĩa gì với hệ mặt trời?"

Một tia hiểu biết vui vẻ chọt lóe lên trong mắt cô. "Thật tuyệt vời, ông Taggart, khi nghĩ rằng thành tựu của chính ông chưa đủ tốt với ông. Tôi đoán dù ông đã đi xa đến đâu, ông vẫn muốn tiến xa hơn nữa. Ông có tham vọng. Đó là điều tôi ngưỡng mộ nhất: tham vọng. Ý tôi là, làm những việc, không dừng lại và bỏ cuộc, mà là tiếp tục làm. Tôi hiểu rồi, ông Taggart... dù tôi không hiểu hết tất cả những suy nghĩ cao siêu."

"Chị sẽ học."

"Ôi, tôi sẽ học thật chăm chỉ!"

Ánh nhìn ngưỡng mộ của cô không thay đổi. Anh bước qua phòng, di chuyển trong ánh nhìn đó như trong một luồng ánh sáng dịu dàng. Anh đi đến quầy bar để rót thêm đồ uống. Một chiếc gương treo ở vách sau quầy bar. Anh thoáng nhìn thấy hình ảnh của chính mình: cơ thể cao gầy méo mó bởi tư thế ngả nghiêng, như thể đang cố tình phủ nhận vẻ đẹp của con người, mái tóc thưa thớt, miệng mềm yếu và ủ rũ. Anh chợt nhận ra rằng cô không nhìn thấy con người thật của anh: cái cô nhìn thấy là hình ảnh anh hùng của một người xây dựng, với đôi vai thẳng tự hào và mái tóc bay trong gió. Anh bật cười lớn, cảm thấy đây là một trò đùa tuyệt vời dành cho cô, một cảm giác thỏa mãn mơ hồ như cảm giác chiến thắng: niềm kiêu hãnh khi đã qua mặt được cô.

Nhâm nhi thức uống, anh liếc nhìn cửa phòng ngủ và nghĩ đến cái kết quen thuộc cho một cuộc phiêu lưu kiểu này. Anh nghĩ rằng việc đó sẽ dễ dàng: cô gái quá rụt rè để kháng cự. Anh thấy ánh sáng đồng đỏ nhạt từ mái tóc cô khi cô ngồi, đầu cúi xuống dưới ánh đèn—và một mảnh da mịn màng, sáng rực trên vai cô. Anh quay đi. Làm gì nữa nhỉ?

— anh nghĩ.

Cảm giác ham muốn anh cảm thấy chẳng qua chỉ là một cảm giác khó chịu về mặt thể xác. Xung lực mãnh liệt nhất thúc đẩy anh hành động không phải là suy nghĩ về cô gái, mà là nghĩ về tất cả những người đàn ông sẽ không bỏ lỡ cơ hội như thế này. Anh thừa nhận với bản thân rằng cô là một người tốt hơn nhiều so với Betty Pope, có lẽ là người tốt nhất mà anh từng gặp. Nhưng thừa nhận đó không khiến anh cảm thấy gì cả. Anh hoàn toàn trống rỗng. Triển vọng về niềm vui không đáng với công sức bỏ ra; anh chẳng còn ham muốn trải nghiệm niềm vui nữa.

"Trễ rồi," anh nói. "Cô sống ở đâu? Để tôi rót cho cô một ly nữa rồi đưa cô về."

Khi anh nói lời tạm biệt với cô ở cửa một ngôi nhà trọ tồi tàn trong khu ổ chuột, cô do dự, đấu tranh để không hỏi một câu mà cô khao khát được hỏi, "Liệu tôi..." cô bắt đầu, rồi dừng lại.

"Chuyện gì?"

"Không, không có gì cả!"

Anh biết câu hỏi đó là: "Liệu tôi có gặp lại anh không?" Việc không trả lời mang lại cho anh niềm vui, dù anh biết chắc rằng cô sẽ gặp lại anh.

Cô liếc nhìn anh lần nữa, như thể đó có thể là lần cuối, rồi nói một cách nghiêm túc, giọng nhẹ nhàng: "Ông Taggart, tôi rất biết ơn ông, vì ông... Ý tôi là, bất kỳ người đàn ông nào khác cũng sẽ cố gắng... Ý tôi là, đó là điều duy nhất họ muốn, nhưng ông thì tốt hơn thế nhiều, ôi, tốt hơn rất nhiều!"

Anh nghiêng người về phía cô với một nụ cười nhẹ, quan tâm. "Cô sẽ làm vậy à?" anh hỏi.

Cô lùi lại, đột ngột hoảng sợ trước những lời của chính mình. "Ôi, tôi không có ý đó!" cô thở hắt ra. "Ôi trời, tôi không có ám chỉ gì hay... hay..." Cô đỏ mặt giận dữ, quay người chạy đi, biến mất lên những bậc thang dốc dài của ngôi nhà trọ.

Anh đứng trên vỉa hè, cảm thấy một cảm giác kỳ lạ, nặng nề và mơ hồ của sự thỏa mãn: cảm giác như thể anh đã thực hiện một hành động đức hạnh—và như thể anh đã trả thù được những người đã đứng vỗ tay dọc theo ba trăm dặm của Tuyến đường John Galt.

Khi chuyến tàu của họ đến Philadelphia, Rearden để cô lại mà không nói một lời, như thể những đêm trong hành trình trở về của họ không đáng được nhắc đến trong thực tại ban ngày của những sân ga đông đúc và những đầu máy xe lửa đang chạy—thực tại mà anh tôn trọng. Cô tiếp tục đi New York, một mình. Nhưng vào tối muộn, chuông cửa căn hộ của cô vang lên và Dagny biết rằng cô đã mong đợi điều đó.

Anh không nói gì khi bước vào, chỉ nhìn cô, và sự hiện diện im lặng ấy còn thân mật hơn bất kỳ lời chào nào. Trên khuôn mặt anh thoáng hiện một nụ cười khinh bỉ nhẹ, vừa thừa nhận vừa chế giễu sự hiểu biết của anh về những giờ phút chờ đợi của cả hai. Anh đứng giữa phòng khách, từ từ quan sát xung quanh; đây là căn hộ của cô, nơi đã ám ảnh tâm trí anh suốt hai năm qua, nơi anh không dám nghĩ đến mà vẫn cứ nghĩ đến, nơi anh không thể bước vào—và giờ đây anh đã vào với quyền sở hữu bình thường, không báo trước. Anh ngồi xuống ghế bành, duỗi chân ra—và cô đứng trước mặt anh, như thể đang chờ được phép ngồi xuống, và điều đó khiến cô thấy vui.

"Tôi có nên nói với cô rằng cô đã làm một công việc tuyệt vời khi xây dựng Tuyến đường đó không?" anh hỏi. Cô nhìn anh sững sốt; anh chưa bao giờ khen cô công khai như vậy. Sự ngưỡng mộ trong giọng nói anh là thật, nhưng nụ cười chế giễu vẫn còn trên môi, và cô cảm thấy anh đang nói vì một mục đích nào đó mà cô chưa đoán ra. "Tôi đã dành cả ngày trả lời câu hỏi về cô—về Tuyến đường, Kim loại và tương lai. Chuyện đó, và đếm các đơn hàng cho Kim loại.

Chúng đến với tốc độ hàng nghìn tấn mỗi giờ. Chín tháng trước, tôi không thể nhận được một câu trả lời nào. Hôm nay, tôi phải tắt điện thoại để tránh những người đang khẩn thiết muốn đặt hàng Kim loại Rearden.

Cô làm gì hôm nay?"

"Tôi không biết nữa. Cố lắng nghe các báo cáo của Eddie—cố tránh xa mọi người—cố tìm phương tiện vận tải để thêm tàu vào Tuyến đường John Galt, vì lịch trình hiện tại không đủ cho khối lượng công việc tích tụ chỉ trong ba ngày."

"Nhiều người muốn gặp cô hôm nay, phải không?"

"Vâng, đúng vậy."

"Họ sẽ làm bất cứ điều gì chỉ để được nói chuyện với cô, phải không?"

"Tôi... tôi đoán vậy."

"Các phóng viên cứ hỏi tôi về cô. Một cậu bé từ tờ báo địa phương nói rằng cô là một người phụ nữ vĩ đại. Cậu ấy bảo sẽ sợ khi nói chuyện với cô, nếu có cơ hội. Cậu ấy nói đúng. Tương lai mà họ đang run sợ—nó sẽ như cô đã tạo ra, vì cô có sự can đảm mà họ không thể tưởng tượng nổi."

Tất cả những con đường dẫn đến sự giàu có mà họ đang tranh giành, chính sức mạnh của cô đã mở ra. Sức mạnh để đứng vững trước mọi người.

Sức mạnh để không nhận ra ý chí nào ngoài ý chí của chính mình."

Cô nín thở, cảm nhận một cú sốc sâu sắc: cô đã hiểu mục đích của anh. Cô đứng thẳng, hai tay buông thõng, mặt nghiêm nghị, như trong sự chịu đựng không nao núng; cô đón nhận lời khen như đón một trận đòn của những lời sỉ nhục.

"Họ cũng cứ hỏi cô nhiều câu hỏi, phải không?" Anh nói mãnh liệt, nghiêng người về phía cô. "Và họ nhìn cô với sự ngưỡng mộ."

Họ nhìn như thể cô đứng trên đỉnh núi và họ chỉ có thể cúi đầu từ xa. Phải không?"

"Vâng," cô thì thầm.

"Họ nhìn cô như thể họ biết rằng không ai có thể lại gần, không thể nói chuyện với cô, thậm chí không thể chạm vào vạt váy của cô. Họ biết thế và đó là sự thật. Họ nhìn cô với sự tôn trọng, phải không? Họ ngưỡng mộ cô?"

Anh nắm lấy cánh tay cô, kéo cô quỳ xuống, xoay người cô áp sát vào chân mình, rồi cúi xuống hôn lên môi cô. Cô cười khẽ, tiếng cười chế giễu, nhưng mắt cô nhắm hờ trong khoái cảm.

Vài giờ sau, khi họ nằm cạnh nhau, tay anh vuốt ve cơ thể cô, anh bất ngờ hỏi, kéo cô vào vòng tay, cúi xuống—và cô nhận ra qua ánh mắt dữ dội, qua hơi thở đứt quãng trong giọng nói trầm và vững vàng của anh, câu hỏi bật ra như thể nó đã giày vò anh quá lâu: "Những người đàn ông khác đã có cô là ai?"

Anh nhìn cô như thể câu hỏi là một cảnh tượng sống động, một cảnh tượng anh ghê tởm nhưng không thể bỏ qua; cô nghe thấy sự khinh bỉ trong giọng anh, sự căm ghét, nỗi đau—và một sự háo hức kỳ lạ không liên quan đến đau đớn; anh hỏi câu hỏi đó, giữ chặt cô trong vòng tay.

Cô trả lời bình thản, nhưng anh thấy ánh sáng nguy hiểm trong mắt cô, như một lời cảnh báo rằng cô hiểu anh quá rõ. "Chỉ có một người khác thôi, Hank."

"Khi nào?"

"Khi tôi mười bảy tuổi."

"Kéo dài bao lâu?"

"Vài năm."

"Anh ta là ai?"

Cô rút lui, tựa vào tay anh; anh nghiêng người lại gần, mặt căng thẳng; cô nhìn thẳng vào mắt anh. "Tôi sẽ không trả lời."

"Em có yêu anh ta không?"

"Tôi sẽ không trả lời."

"Em có thích ngủ với anh ta không?"

"Đúng!"

Tiếng cười trong mắt cô như một cái tát vào mặt anh, mang theo hiểu biết rằng đây chính là câu trả lời mà anh vừa sợ vừa muốn.

Anh vặn tay cô ra sau, giữ cô không thể cự quây, ép ngực cô sát vào mình; cô cảm nhận cơn đau xé qua vai, nghe thấy sự giận dữ và âm thanh khàn đặc đầy khoái cảm trong giọng anh:

"Anh ta là ai?"

Cô không trả lời, chỉ nhìn anh với đôi mắt tối sẫm nhưng kỳ lạ rực sáng. Anh thấy rằng dù miệng cô méo đi vì đau đớn, nó vẫn mang hình dáng của một nụ cười chế giễu.

Dưới nụ hôn của anh, nụ cười ấy dần chuyển thành vẻ đầu hàng.

Anh giữ chặt cơ thể cô, như thể bạo lực và tuyệt vọng trong cách anh chiếm lấy cô có thể xóa sạch kẻ địch vô danh kia khỏi quá khứ, khỏi sự tồn tại của cô. Hơn thế nữa, như thể điều đó có thể biến mọi phần trong con người cô, kể cả hình bóng kẻ địch, thành công cụ cho khoái cảm của anh. Qua những cử động háo hức khi cô ôm chặt lấy anh, anh biết đây chính là cách cô muốn bị chiếm đoạt.

Một băng chuyền di chuyển ngược với những dải lửa trên bầu trời, nâng than lên đỉnh tháp xa xa, như thể vô số xô đen nhỏ đang không ngừng di chuyển khỏi mặt đất, cắt chéo qua hoàng hôn. Tiếng động khắc nghiệt, xa xăm vẫn vọng lại qua tiếng leng keng của những sợi xích đang được một chàng trai mặc đồng phục xanh siết chặt vào các cơ cấu, cố định chúng vào những toa xe trên đường ray của Công ty Bi

Bearings Quinn ở Connecticut.

Ông Mowen của Công ty Switch và Signal Amalgamated đứng quan sát bên kia đường. Ông dừng lại xem trên đường về từ nhà máy, người khoác chiếc áo mưa nhẹ căng trên thân hình lùn tròn, đầu đội mũ derby trên mái tóc xám pha vàng.

Không khí đầu tháng Chín se lạnh. Mọi cánh cổng nhà máy Quinn đều mở toang trong khi công nhân và cần cẩu di chuyển máy móc ra ngoài. Ông Mowen nghĩ, trông giống như người ta đang lấy đi các bộ phận nội tạng, chỉ để lại một cái xác.

"Lại thêm một cái nữa?" ông Mowen hỏi, vung tay về phía nhà máy dù đã biết câu trả lời.

"Hả?" chàng trai đáp, không nhận ra ông đang đứng đó.

"Thêm một công ty nữa chuyển đến Colorado?"

"Ừ."

"Đây là công ty thứ ba từ Connecticut trong hai tuần qua," ông Mowen nói. "Và nhìn những gì đang xảy ra ở New Jersey, Rhode Island, Massachusetts và dọc bờ biển Đại Tây Dương..."

Chàng trai không nhìn cũng chẳng có vẻ lắng nghe. "Như một vòi nước rò rỉ vậy," ông Mowen nói tiếp, "tất cả nước đều chảy về Colorado. Tất cả tiền bạc." Chàng trai vung dây xích qua rồi khéo léo trèo lên khối hàng phủ bạt.

"Người ta có lẽ nên có chút tình cảm với quê hương, chút lòng trung thành chứ... Nhưng họ cứ bỏ đi. Tôi không hiểu chuyện gì đang xảy ra với mọi người nữa."

"Tại Dự luật đó," chàng trai đáp.

"Dự luật gì?"

"Dự luật Cân bằng Cơ hội."

"Ý anh là sao?"

"Nghe nói ông Quinn đã lên kế hoạch mở chi nhánh ở Colorado từ năm ngoái. Dự luật đã phá hỏng kế hoạch đó hoàn toàn. Giờ ông ấy quyết định chuyển đi, mang theo tất cả."

"Tôi không thấy điều đó đúng đắn. Dự luật là cần thiết. Thật xấu hổ—những công ty lâu đời đã có mặt ở đây hàng thế hệ..."

"Lẽ ra phải có một luật..."

Chàng trai làm việc nhanh nhẹn, thành thạo, như thể anh ta thích công việc này. Phía sau lưng anh, băng chuyền vẫn tiếp tục dâng cao vào bầu trời.

Bốn ống khói xa xa đứng như những cột cờ, khói cuộn chậm rãi quanh thân, tựa những lá cờ rủ trong ánh chiều đỏ rực.

Ông Mowen đã sống cùng những ống khói trên đường chân trời ấy từ thời cha và ông nội. Ông đã nhìn băng chuyền từ cửa sổ văn phòng suốt ba mươi năm. Việc Công ty Bi Bearings Quinn biến mất khỏi bên kia đường từng là điều không tưởng; ông đã biết về quyết định của Quinn nhưng không tin; hay đúng hơn, ông tin như cách ông tin mọi điều mình nghe và nói: như những âm thanh không gắn kết với thực tại. Giờ đây ông biết đó là sự thật. Ông đứng bên những toa xe trên đường ray, như thể vẫn còn cơ hội ngăn chúng lại.

"Điều này không đúng," ông nói với cả đường chân trời, dù chỉ có chàng trai trên cao mới nghe được.

"Đâu còn như thời cha tôi nữa. Tôi đâu phải ông lớn gì. Tôi chẳng muốn đấu tranh với ai cả. Thế giới này sao vậy?" Không ai đáp lời. "Còn anh—họ có đưa anh đi Colorado không?"

"Tôi á? Không. Tôi không làm ở đây. Chỉ là lao động tạm thời thôi. Giúp chuyển đồ ra ngoài."

"Vậy anh sẽ đi đâu khi họ chuyển đi?"

"Tôi chưa biết."

"Anh sẽ làm gì nếu còn nhiều công ty chuyển đi nữa?"

"Chờ xem thôi."

Ông Mowen liếc nhìn lên hoài nghi: không rõ câu trả lời đó dành cho ông hay cho chàng trai. Nhưng chàng trai vẫn tập trung vào công việc, không nhìn xuống.

Anh ta tiếp tục, đến những hình dạng phủ vải bạt trên chiếc xe chở hàng tiếp theo, và ông Mowen đi theo, nhìn lên anh ta, cầu xin điều gì đó trong không gian: "Tôi có quyền lợi, phải không? Tôi sinh ra ở đây. Tôi đã mong các công ty cũ vẫn ở đây khi tôi lớn lên. Tôi đã hy vọng sẽ điều hành nhà máy như cha tôi đã làm. Một người là một phần của cộng đồng mình, anh ta có quyền tin vào nó, phải không? Phải có cách giải quyết chuyện này chứ."

"Chuyện gì cơ?"

"Ồ, tôi biết anh nghĩ nó tuyệt vời lắm—con bùng nổ của Taggart và Rearden Metal, con sốt vàng ở Colorado, và cái không khí say sưa ở đó, với Wyatt và nhóm của anh ta mở rộng sản xuất như những nồi nước sôi tràn! Mọi người đều nghĩ nó tuyệt vời—đó là tất cả những gì anh nghe thấy ở mọi nơi—người ta hân hoan, lên kế hoạch như lũ trẻ sáu tuổi trong kỳ nghỉ. Cứ như đây là một tuần trăng mật quốc gia hay một ngày Quốc khánh kéo dài vô tận!"

Chàng trai không nói gì.

"Vâng, tôi không nghĩ vậy," ông Mowen nói, hạ giọng. "Các tờ báo cũng không nói

vậy—để ý điều đó chứ—các tờ báo chẳng nói gì cả."

Ông Mowen không nghe thấy câu trả lời, chỉ có tiếng leng keng của các xích.

"Tại sao tất cả họ lại chạy đến Colorado?" ông hỏi. "Họ có gì ở đó mà chúng ta không có?"

Chàng trai cười. "Có lẽ là vì thứ mà các ông có mà họ không có."

"Cái gì?" Chàng trai không trả lời. "Tôi chẳng thấy gì cả. Đó là một nơi lạc hậu, nguyên thủy, thiếu văn minh. Họ thậm chí còn không có một chính phủ hiện đại. Đó là chính phủ tồi tệ nhất trong tất cả các tiểu bang. Lười biếng nhất. Nó chẳng làm gì cả—ngoài việc duy trì tòa án và sở cảnh sát."

Nó chẳng giúp ích gì cho người dân. Nó không giúp ai cả. Tôi không hiểu sao tất cả các công ty tốt nhất của chúng ta lại muốn chạy đến đó."

Chàng trai nhìn xuống ông, nhưng không trả lời.

Ông Mowen thở dài. "Mọi chuyện không ổn," ông nói. "Dự luật Cân bằng Cơ hội là một ý tưởng hợp lý. Phải có cơ hội cho tất cả mọi người. Thật đáng tiếc khi những người như Quinn lợi dụng điều đó. Sao ông ấy không để người khác bắt đầu sản xuất bi bạc đạn ở Colorado? Tôi ước người dân Colorado để chúng ta yên. Nhà máy Stockton ở đó không có quyền tham gia vào ngành công tắc và tín hiệu. Đó là công việc của tôi suốt nhiều năm, tôi có quyền ưu tiên. Thật không công bằng, cạnh tranh như thú dữ thế này, người mới không nên được phép chen vào. Tôi sẽ bán công tắc và tín hiệu ở đâu? Có hai tuyến đường sắt lớn ở Colorado."

Giờ Phoenix-Durango đã biến mất, chỉ còn lại Taggart Transcontinental. Thật không công bằng—họ ép Dan Conway ra ngoài. Phải có chỗ cho cạnh tranh... Và tôi đã chờ sáu tháng để có một đơn đặt hàng thép từ Orren Boyle—giờ ông ta nói không thể hứa hẹn gì, vì Rearden Metal đã phá nát thị trường của ông ta. Có một cơn sốt mua Metal, Boyle phải thu hẹp sản xuất. Thật không công bằng—Rearden được phép phá

hoại thị trường của người khác như thế... Và tôi cũng muốn có Rearden Metal, tôi cần nó—nhưng làm sao có được? Anh ta có hàng chờ dài tới ba tiểu bang—không ai lấy được một mẫu, trừ những người bạn cũ của anh ta như Wyatt và Danagger. Thật không công bằng. Đó là phân biệt đối xử. Tôi cũng giỏi như người khác. Tôi có quyền được một phần Metal đó."



Chàng trai nhìn lên. "Tuần trước tôi đã ở Pennsylvania," anh nói. "Tôi đã thấy các nhà

máy Rearden. Thật là một nơi sôi động! Họ đang xây bốn lò luyện thép mới, và sáu lò nữa đang trên đường đến... Lò mới," anh nói, nhìn về phía nam. "Không ai xây lò mới trên bờ biển Đại Tây Dương trong suốt năm năm qua..." Đứng trên bầu trời, trên đỉnh một động cơ phủ vải bạt, anh nhìn về phía hoàng hôn với nụ cười mơ màng đầy háo hức và khao khát, như thể đang ngắm nhìn viễn cảnh xa xôi của tình yêu. "Họ bận rộn..." anh nói.

Rồi nụ cười của anh vụt tắt; cách anh giật mạnh tay cầm chiếc cru-fin là lần đầu tiên phá vỡ sự mượt mà trong chuỗi động tác của anh - như thể một cơn giận bùng lên.

Ông Mowen nhìn ra đường chân trời, nhìn những băng chuyền, bánh xe và khói—làn khói đã lắng xuống nặng nề, yên ắng trong không khí chiều tà, trải dài thành một màn sương mờ về phía thành phố New York đâu đó sau hoàng hôn. Ông thấy an lòng khi nghĩ về New York với vòng tròn thiêng liêng của nó—vòng tròn của ống khói, bồn gas, cần cầu và dây điện cao thế. Ông cảm nhận được dòng chảy của sức mạnh len lỏi qua từng công trình xấu xí trên con phố quen thuộc; ông thích nhìn hình ảnh chàng trai trên cao kia, có điều gì đó an ủi trong cách anh làm việc, điều gì đó hòa hợp với đường chân trời... Nhưng ông Mowen tự hỏi tại sao mình lại cảm thấy một vết nứt đang âm thầm hình thành, đang từ từ ăn mòn những bức tường tưởng chừng vững chãi, vĩnh cửu.

"Phải làm điều gì đó," ông Mowen nói. "Một người bạn của tôi vừa phá sản tuần trước—kinh doanh dầu mỏ—có vài giếng dầu ở Oklahoma—không thể cạnh tranh với Ellis Wyatt. Thật không công bằng. Họ phải cho những doanh nghiệp nhỏ cơ hội. Họ phải giới hạn sản lượng của Wyatt. Anh ta không nên được phép sản xuất nhiều đến mức làm ngập thị trường... Hôm qua tôi kẹt ở New York, phải bỏ xe lại đó và đi tàu về nhà, không thể đỗ xăng được vì họ bảo thành phố đang thiếu dầu... Mọi thứ đang rất tồi tệ. Phải làm gì đó thôi..."

Nhìn ra đường chân trời, ông Mowen tự hỏi đâu là mối đe dọa vô hình kia và ai là kẻ đang phá hủy nó.

"Anh định làm gì về chuyện này?" chàng trai hỏi.

"Tôi ư? Tôi không biết. Tôi đâu phải người quan trọng gì. Tôi không thể giải quyết các vấn đề quốc gia. Tôi chỉ muốn kiếm sống thôi. Tất cả những gì tôi biết là phải có ai đó làm điều gì đó... Mọi thứ đang rất tồi tệ... Này—tên anh là gì?"

"Owen Kellogg."

"Này, Kellogg, anh nghĩ thế giới này sẽ ra sao?"

"Anh không muốn biết đâu."

Một tiếng còi vang lên từ tháp canh xa xa, báo hiệu ca đêm, và ông Mowen chợt nhận ra đã muộn. Ông thở dài, cài lại áo khoác rồi quay đi.

"À, mọi việc đang được tiến hành," ông nói. "Các biện pháp đang được thực hiện. Quốc hội vừa thông qua một dự luật trao thêm quyền hạn cho Cục Kế hoạch Kinh tế và Tài nguyên Quốc gia. Họ đã bổ nhiệm một người rất giỏi làm Điều phối viên Chính. Tôi chưa từng nghe nói về ông ta trước đây, nhưng báo chí nói ông ta là người đáng chú ý. Tên ông ta là Wesley Mouch."

Dagny đứng bên cửa sổ phòng khách, nhìn ra thành phố.

Đã muộn và những ánh đèn như những tia lửa cuối cùng còn lại, lấp lánh trên tàn tro của một đồng lửa trại.

Cô cảm thấy bình yên và ước có thể giữ tâm trí mình lắng đọng để cảm xúc theo kịp, để nhìn lại từng khoảnh khắc của tháng vừa qua. Cô chưa kịp cảm nhận việc mình đã trở lại văn phòng tại Taggart Transcontinental; công việc quá bận rộn đến nỗi cô quên mất đây là sự trở về sau cuộc lưu đày. Cô không để tâm đến những gì Jim nói khi cô trở về, hay liệu anh có nói gì không. Chỉ có một người mà cô muốn biết phản ứng; cô đã gọi đến khách sạn Wayne-Falkland, nhưng họ cho biết Senor Francisco d'Anconia đã về Buenos Aires.

Cô nhớ lại khoảnh khắc ký tên mình ở cuối trang giấy pháp lý dài - khoảnh khắc chấm dứt tuyến đường John Galt. Giờ đây nó lại là tuyến đường Rio Norte của Taggart Transcontinental - dù các nhân viên đường sắt vẫn không chịu từ bỏ tên cũ. Cô cũng thấy khó từ bỏ; việc không được gọi nó là "John Galt" đòi hỏi một nỗ lực, và cô tự hỏi tại sao điều đó lại khiến cô cảm thấy buồn man mác.

Một tối nọ, vì một cơn bốc đồng, cô rẽ qua góc tòa nhà Taggart để nhìn lần cuối văn phòng John Galt, Inc. trong con hẻm. Cô không rõ mình muốn gì - chỉ là muốn nhìn thấy nó, cô nghĩ.

Một hàng rào gỗ đã được dựng dọc vỉa hè: tòa nhà cũ đang bị phá dỡ, cuối cùng cũng đầu hàng. Cô trèo qua hàng rào và dưới ánh đèn đường - nơi từng chiếu bóng một người lạ trên vỉa hè - cô nhìn qua cửa sổ văn phòng cũ. Tầng trệt trống không; vách ngăn đã bị tháo dỡ, những ống nước vỡ treo lủng lẳng từ trần nhà, và đồng hồ nát ngổn ngang dưới sàn. Không còn gì để nhìn.

Cô đã hỏi Rearden liệu anh có phải là người đứng ngoài cửa sổ văn phòng cô đêm xuân năm trước, đấu tranh với ước muốn bước vào. Nhưng ngay cả trước khi anh trả lời, cô đã biết đó không phải anh. Cô không giải thích lý do mình hỏi vậy. Cô không hiểu tại sao ký ức đó vẫn thường làm cô day dứt.

Ngoài cửa sổ phòng khách, hình chữ nhật của tờ lịch sáng rực như một tấm thẻ vận chuyển nhỏ trong bầu trời đen. Nó hiển thị: 2 tháng 9. Cô mỉm cười đầy kiêu hãnh, nhớ lại cuộc đua với những trang lịch đang thay đổi; giờ đây không còn thời hạn, không rào cản, không đe dọa, không giới hạn nào nữa.

Cô nghe tiếng chìa khóa xoay trong ổ - âm thanh cô hằng mong đợi tối nay.

Rearden bước vào, như anh vẫn thường làm, dùng chiếc chìa khóa cô đã trao - lời thông báo duy nhất. Anh ném mũ và áo khoác xuống ghế với cử chỉ quen thuộc; anh mặc bộ đồ ăn tối đen trang trọng.

"Chào," cô nói.

"Tôi vẫn đang chờ một tối không thấy anh ở đây," anh đáp, "khi đó anh sẽ phải gọi đến văn phòng Taggart Transcontinental."

"Tối nào? Không nơi nào khác sao?"

"Ghen à, Hank?"

"Không. Chỉ tò mò xem cảm giác ấy thế nào."

Anh đứng nhìn cô qua căn phòng, cố tình không lại gần, kéo dài niềm vui khi biết mình có thể làm thế bất cứ lúc nào. Cô mặc váy xám bó sát của bộ đồ công sở cùng áo sơ mi trắng trong suốt kiểu đàn ông; chiếc áo phồng lên nơi eo, càng làm nổi bật đường cong thon thả của hông cô; dưới ánh đèn phía sau, anh có thể thấy dáng người mảnh mai của cô trong vòng tròn phồng của lớp vải.

"Buổi tiệc thế nào?" cô hỏi.

"Cũng được. Tôi rời đi ngay khi có thể. Sao cô không đến? Cô được mời mà."

"Tôi không muốn thấy anh ở nơi công cộng."

Anh liếc nhìn cô, như thể ngẫm xác nhận đã hiểu trọn vẹn ý nghĩa câu trả lời; rồi nét mặt anh chuyển thành nụ cười nửa miệng đầy thích thú. "Cô đã bỏ lỡ nhiều đấy. Hội đồng Quốc gia Công nghiệp Kim loại sẽ không dám tổ chức lại buổi tiệc này nếu có thể."

"Chuyện gì đã xảy ra?"

"Chẳng có gì. Chỉ toàn những bài phát biểu."

"Đó có phải thử thách với anh không?"

"Không... Có, theo một cách nào đó... Tôi thực sự muốn tận hưởng nó."

"Để tôi rót cho anh ly đồ uống nhé?"

"Ừ, cô làm đi."

Cô quay người. Anh giữ cô lại, đặt tay lên vai cô từ phía sau; anh ngả đầu cô ra sau và hôn lên môi. Khi anh ngẩng lên, cô kéo đầu anh xuống lần nữa, cử chỉ đòi hỏi quyền sở hữu, như thể khẳng định quyền được làm thế của mình. Rồi cô lùi lại.

"Thôi, đừng rót nữa," anh nói. "Tôi không thực sự muốn uống, chỉ muốn thấy cô phục vụ tôi thôi."

"Vậy để tôi phục vụ anh."

"Không."

Anh mỉm cười, duỗi người trên ghế dài, hai tay khoanh dưới đầu. Đây là ngôi nhà đầu tiên anh thực sự cảm thấy như ở nhà.

"Biết không, phần tệ nhất của buổi tiệc là tất cả mọi người chỉ mong nó kết thúc nhanh chóng," anh nói. "Tôi không hiểu tại sao họ lại phải tổ chức nó. Họ không cần phải làm vậy—chắc chắn không phải vì tôi."

Cô cầm hộp thuốc lá đưa cho anh, rồi giữ bật lửa gần đầu điếu thuốc, với cử chỉ phục vụ có chủ ý. Cô mỉm cười đáp lại tiếng cười khẽ của anh, rồi ngồi xuống tay ghế đối diện.

"Sao anh lại nhận lời mời của họ, Hank?" cô hỏi. "Anh vẫn luôn từ chối tham gia với họ mà."

"Tôi không muốn từ chối một lời đề nghị hòa bình—khi tôi đã đánh bại họ và họ biết điều đó. Tôi sẽ không bao giờ tham gia với họ, nhưng một lời mời làm khách danh dự—tôi nghĩ họ là những người thua cuộc tốt. Tôi cho rằng đó là sự hào phóng của họ."

"Họ hào phóng à?"

"Cô định nói: tôi sao?"

"Hank! Sau tất cả những gì họ đã làm để ngăn cản anh—"

"Tôi thắng rồi, phải không? Vậy nên tôi nghĩ... Cô biết không, tôi không trách họ vì đã không nhận ra giá trị của Kim loại sớm hơn—miễn là cuối cùng họ cũng nhìn nhận được nó. Mỗi người học theo cách riêng và vào thời điểm của họ. Tất nhiên, tôi biết có nhiều sự nhát gan, ghen tị và đạo đức giả ở đó, nhưng tôi nghĩ đó chỉ là bề ngoài. Bây giờ, khi tôi đã chứng minh được lý lẽ của mình, khi tôi đã chứng minh nó quá rõ ràng—tôi nghĩ động cơ thực sự của họ khi mời tôi là sự trân trọng Kim loại, và..."

Cô mỉm cười khi anh ngừng lại; cô biết câu nói mà anh đã tự cắt ngang: "và vì điều đó, tôi sẽ tha thứ cho bất kỳ ai về bất cứ điều gì."

"Nhưng không phải vậy," anh nói. "Và tôi không thể hiểu động cơ của họ là gì. Dagny, tôi không nghĩ họ có bất kỳ động cơ nào cả. Họ không tổ chức buổi tiệc này để làm tôi vui, hay để nhận được gì từ tôi, hay để giữ thể diện với công chúng. Không có mục đích nào cả. Họ thực sự không quan tâm khi lên án Kim loại—và họ cũng không quan tâm bây giờ. Họ không thực sự sợ tôi sẽ đẩy họ khỏi thị trường—họ thậm chí không bận tâm đến điều đó. Cô biết buổi tiệc đó giống cái gì không? Như thể họ nghe nói rằng có những giá trị người ta phải tôn trọng và đây là cách để tôn vinh chúng—nên họ chỉ làm theo động tác, như những bóng ma bị kéo đi bởi tiếng vang từ một thời đại tốt đẹp hơn. Tôi... Tôi không chịu nổi điều đó."

Cô nói, mặt căng thẳng, "Và anh không nghĩ mình hào phóng!"

Anh liếc nhìn cô; mắt anh sáng lên với vẻ thích thú.

"Sao họ lại làm anh tức giận đến vậy?"

Cô nói, giọng thấp để giấu đi sự dịu dàng, "Anh muốn tận hưởng nó..."

"Có lẽ tôi đáng nhận điều đó. Tôi không nên kỳ vọng gì cả. Tôi không biết mình đã muốn gì."

"Tôi biết."

"Tôi chưa bao giờ thích những dịp như thế. Tôi không hiểu sao lại kỳ vọng lần này sẽ khác... Cô biết không, tôi đến đó với cảm giác như Kim loại đã thay đổi tất cả, ngay cả con người."

"Ồ vâng, Hank, tôi biết!"

"Chà, đó là nơi sai lầm để tìm kiếm điều gì đó... Cô nhớ không? Cô đã từng nói rằng những buổi lễ chỉ nên dành cho những ai có điều gì đó để ăn mừng."

Chấm lửa trên điều thuốc của cô dừng giữa không trung; cô ngồi yên. Cô chưa bao giờ nói

với anh về bữa tiệc đó hay bất kỳ điều gì liên quan đến nhà của anh. Một lúc sau, cô trả lời nhẹ nhàng, "Tôi nhớ."

"Anh biết em có ý gì... Em đã biết từ lúc đó."

Anh nhìn thẳng vào cô. Cô hạ mắt xuống.

Anh im lặng một lúc; khi nói lại, giọng anh vui vẻ. "Điều tệ nhất về con người không phải những lời xúc phạm họ đưa ra, mà là những lời khen. Tôi không chịu nổi kiểu khen họ thốt ra tối nay, đặc biệt khi họ cứ nói rằng mọi người đều cần tôi—họ, thành phố, đất nước và cả thế giới, tôi đoán vậy. Rõ ràng, ý tưởng của họ về vinh quang tối cao là được những người khác cần đến. Tôi không thể chịu được những người cần tôi." Anh liếc nhìn cô. "Em có cần tôi không?"

Cô đáp, giọng nghiêm túc, "Cần lắm."

Anh cười. "Không. Không phải theo cách tôi muốn nói. Em không nói giống họ."

"Em đã nói như thế nào?"

"Như một người giao dịch—trả tiền cho những gì mình muốn. Họ nói như những kẻ ăn xin, dùng cái cốc thiếc làm biên nhận yêu cầu."

"Em... trả tiền à, Hank?"

"Đừng giả vờ ngây thơ. Em biết rõ tôi muốn nói gì."

"Vâng," cô thì thầm; cô mỉm cười.

"À, quên họ đi!" anh nói vui vẻ, duỗi chân, thay đổi tư thế trên ghế dài, nhấn mạnh sự thư giãn. "Tôi không hợp làm người nổi tiếng. Dù sao cũng không quan trọng nữa. Ta không cần quan tâm họ nghĩ gì. Họ sẽ để ta yên. Phía trước chỉ toàn đường thẳng. Sắp tới là gì, thưa Phó Tổng giám đốc?"

"Một tuyến đường xuyên lục địa bằng Kim loại Rearden."

"Em muốn bao lâu?"

"Sáng mai. Ba năm nữa tôi sẽ có nó."

"Em nghĩ mình làm được trong ba năm chứ?"

"Nếu như John Galt... nếu như tuyến đường Rio Norte vẫn hoạt động tốt như bây giờ."

"Nó sẽ còn tốt hơn nữa. Đây mới chỉ là khởi đầu."

"Tôi đã lên kế hoạch trả góp. Khi tiền về, tôi sẽ bắt đầu dỡ đường ray chính, từng đoạn một, và thay bằng đường ray Kim loại Rearden."

"Được thôi. Bất cứ lúc nào em muốn bắt đầu."

"Tôi sẽ chuyển những thanh ray cũ sang các tuyến nhánh—chúng sẽ không tồn tại được lâu nếu tôi không làm vậy. Ba năm nữa, em sẽ đi trên Kim loại của mình vào San Francisco, nếu ai đó muốn tổ chức tiệc ở đó."

"Ba năm nữa, tôi sẽ có nhà máy đúc Kim loại Rearden ở Colorado, Michigan và Idaho. Đó là kế hoạch trả góp của tôi."

"Nhà máy của riêng em? Các chi nhánh?"

"Ừ."

"Vậy còn Dự luật Bình đẳng Cơ hội?"

"Em không nghĩ nó sẽ tồn tại được ba năm nữa đâu, phải không?"

Chúng ta đã chứng minh đủ rồi, tất cả những thứ rác rưởi đó sẽ bị quét sạch. Cả nước đang đứng về phía chúng ta. Ai còn muốn ngăn cản nữa? Ai sẽ nghe những lời ba hoa ấy? Có một nhóm vận động hành lang của những người tốt đang làm việc ở Washington ngay lúc này. Họ sẽ khiến Dự luật Bình đẳng bị loại bỏ trong phiên họp tới."

"Tôi... hy vọng vậy."

"Tôi đã vất vả trong những tuần qua để khởi động các lò mới, nhưng giờ mọi thứ đã ổn, chúng đang được xây dựng, tôi có thể ngồi lại thư giãn. Tôi có thể ngồi ở bàn làm việc, thu tiền, thư giãn như kẻ ăn bám, nhìn đơn hàng Kim loại đổ về và chơi trò ưu ái khắp nơi... Này, chuyến tàu sớm nhất đến Philadelphia sáng mai là khi nào?"

"À, tôi không biết."

"Không biết à? Phó Tổng giám đốc Vận hành để làm gì thế? Tôi phải có mặt ở nhà máy lúc bảy giờ sáng mai. Có chuyến nào chạy khoảng sáu giờ không?"

"Khoảng 5:30 sáng là chuyến đầu tiên, tôi nghĩ vậy."

"Em sẽ đánh thức tôi đúng giờ để kịp chuyến đó, hay muốn giữ tàu lại cho tôi?"

"Tôi sẽ đánh thức anh."

"Được rồi."

Cô đứng lên, nhìn anh khi anh im lặng. Anh trông mệt mỗi khi vào phòng; giờ những nét mệt mỏi đã biến mất khỏi khuôn mặt anh.

"Dagny," anh hỏi đột ngột, giọng anh thay đổi, mang một nét ẩn chứa, nghiêm túc, "Sao em không muốn gặp tôi ở nơi công cộng?"

"Tôi không muốn là một phần trong... cuộc sống chính thức của anh."

Anh không trả lời; một lúc sau, anh hỏi bình thường, "Lần nghỉ phép gần nhất của em là khi nào?"

"Tôi nghĩ là hai... không, ba năm trước."

"Em đã làm gì?"

"Tôi đã đi đến Adirondacks một tháng. Nhưng về sau một tuần."

"Tôi đã làm vậy năm năm trước. Nhưng là ở Oregon." Anh nằm ngửa, nhìn lên trần.

"Dagny, chúng ta đi nghỉ cùng nhau đi. Chúng ta sẽ lái xe đi vài tuần, đến bất cứ đâu, chỉ lái xe, trên những con đường nhỏ, nơi không ai biết chúng ta. Ta sẽ không để lại địa chỉ, không xem báo, không gọi điện thoại—không có bất kỳ cuộc sống chính thức nào cả."

Cô đứng dậy, tiến lại gần anh, đứng bên cạnh ghế, nhìn xuống anh, ánh sáng từ chiếc đèn phía sau lưng; cô không muốn anh nhìn thấy khuôn mặt và nỗ lực cô đang cố không mỉm cười.

"Anh có thể nghỉ vài tuần mà, phải không?" anh nói. "Mọi thứ đã ổn và đi đúng hướng rồi. An toàn rồi. Ta sẽ không có cơ hội nào như thế này trong ba năm tới."

"Được rồi, Hank," cô nói, cố giữ giọng bình thản và không cảm xúc.

"Em sẽ đi cùng tôi chứ?"

"Khi nào anh muốn bắt đầu?"

"Vào sáng thứ Hai."

"Được rồi."

Cô quay người định bước đi. Anh túm lấy cổ tay cô, kéo xuống, xoay người cô nằm dài trên người anh, giữ cô lại, không thoải mái như khi cô ngã xuống, một tay nắm tóc cô, ép môi cô vào môi anh, tay kia di chuyển từ xương vai dưới lớp áo mỏng xuống eo, xuống chân. Cô thì thầm, "VẬY mà anh bảo tôi không cần anh...!"

Cô rút tay ra khỏi anh, đứng dậy, vén tóc khỏi mặt. Anh nằm yên, nhìn lên cô, mắt híp lại với ánh sáng đặc biệt, vừa chăm chú vừa mĩa mai. Cô liếc nhìn xuống: một quai váy lót đã đứt, chiếc váy treo chéo từ vai này sang hông kia, để lộ bầu ngực cô dưới lớp áo blouse trong suốt. Cô đưa tay lên chỉnh quai váy. Anh vỗ nhẹ tay cô xuống. Cô cười, hiểu ý và đáp lại ánh mắt trêu chọc của anh. Cô bước chậm rãi qua phòng, cố tình dựa vào chiếc bàn đối diện anh, tay nắm mép bàn, vai ngẩng cao. Đó là sự tương phản mà anh thích—vẻ nghiêm túc trong bộ trang phục và cơ thể nửa trần của cô, nữ giám đốc đường sắt là người phụ nữ thuộc về anh.

Anh ngồi dậy, tựa người thoải mái trên ghế, chân bắt chéo duỗi về phía trước, tay đút túi, nhìn cô như đang thẩm định một tài sản quý giá.

"Em có nói là em muốn một tuyến đường xuyên lục địa bằng Kim loại Rearden không, thưa Phó Tổng giám đốc?" anh hỏi. "Nếu tôi không cho em thì sao? Giờ tôi có thể chọn khách hàng và đặt bất kỳ mức giá nào tôi muốn. Một năm trước, tôi đã có

thể yêu cầu em ngủ với tôi để đổi lấy nó."

"Tôi ước gì anh đã làm vậy."

"Em có làm không?"

"Tất nhiên."

"Như một giao dịch? Như một món hàng?"

"Nếu anh là người mua. Anh sẽ thích điều đó, phải không?"

"Anh thì sao?"

"Có..." cô thì thầm.

Anh tiến lại gần, nắm vai cô và đặt môi lên ngực cô qua lớp vải mỏng. Rồi giữ cô lại, anh im lặng nhìn cô thật lâu.

"Em đã làm gì với chiếc vòng tay đó?" anh hỏi.

Họ chưa từng nhắc đến nó; cô im lặng một lúc để giọng nói thêm vững vàng. "Tôi giữ nó," cô đáp.

"Tôi muốn em đeo nó."

"Nếu có ai đoán ra, anh sẽ gặp rắc rối nhiều hơn tôi."

"Đeo vào đi."

Cô lấy ra chiếc vòng tay Kim loại Rearden. Không nói gì, cô đưa nó cho anh, nhìn thẳng vào mắt anh, chiếc dây xích xanh lục lam lấp lánh trong lòng bàn tay. Giữ ánh mắt cô, anh khóa chiếc vòng lên cổ tay cô. Khi tiếng khóa cài khẽ vang lên dưới ngón tay anh, cô cúi đầu hôn lên tay anh.

Đất đai trôi qua dưới mui xe. Từ những ngọn đồi Wisconsin, con đường cao tốc hiện

ra như dấu vết duy nhất của con người, một cây cầu mỏng manh vắt qua biển cỏ, cây bụi và rừng cây. Biển cỏ gợn sóng nhẹ nhàng với những vệt vàng cam, điểm xuyết vài nét đỏ trên sườn đồi và những vũng xanh sẫm lại trong các hõm đất, dưới bầu trời xanh thẫm. Giữa khung cảnh như bức tranh bưu thiếp, mui xe lấp lánh như tác phẩm của người thợ kim hoàn, ánh mặt trời nhảy múa trên thép crom và lớp men đen phản chiếu bầu trời.

Dagny tựa vào góc cửa sổ, duỗi thẳng chân; cô tận hưởng không gian rộng rãi, thoải mái của ghế xe và hơi ấm mặt trời trên vai; cô nghĩ phong cảnh thật đẹp.

"Điều tôi muốn thấy," Rearden nói, "là một tấm biển quảng cáo."

Cô cười: anh đã đọc được suy nghĩ im lặng của cô. "Bán gì và cho ai? Cả tiếng đồng hồ rồi chúng ta chẳng thấy một chiếc xe hay ngôi nhà nào."

"Đó là điều tôi không thích." Anh hơi nghiêng người về phía trước, tay đặt trên vô lăng, nhíu mày. "Nhìn con đường kia xem."

Dải bê tông dài đã bạc màu thành xám trắng như xương khô trong sa mạc, như thể mặt trời và tuyết đã xóa sạch dấu vết của bánh xe, dầu mỡ, carbon và vệt bóng của chuyển động. Cỏ xanh mọc lên từ những khe nứt sắc cạnh trên bê tông. Nhiều năm qua không ai sử dụng hay bảo trì con đường này, nhưng vết nứt không nhiều.

"Đây là con đường tốt," Rearden nói. "Nó được xây để bền vững. Người xây dựng hẳn có lý do chính đáng để tin rằng nó sẽ phục vụ được lưu lượng giao thông lớn trong nhiều năm tới."

"Đúng vậy..."

"Tôi không thích vẻ ngoài của nó."

"Tôi cũng không." Rồi cô cười. "Nhưng nghĩ xem bao nhiêu lần chúng ta đã nghe người ta phàn nàn rằng biển quảng cáo phá hỏng vẻ đẹp của cảnh vật."

"VẬY đây là cảnh vật chưa bị hủy hoại để họ ngưỡng mộ." Cô thêm vào, "Họ chính là những người tôi ghét."

Cô không muốn cảm thấy nổi bất an len lỏi như một vết nứt mảnh dưới niềm vui của ngày hôm nay. Nổi bất an ấy đã xuất hiện nhiều lần trong ba tuần qua, khi nhìn cảnh vật trôi qua dưới mui xe. Cô mỉm cười: mui xe là điểm bất động duy nhất trong tầm nhìn của cô trong khi đất đai trôi qua, là trung tâm, là tiêu điểm, là nơi trú ẩn an toàn giữa một thế giới mờ ảo, tan rã... mui xe trước mặt và bàn tay Rearden trên vô lăng bên cạnh... cô mỉm cười, hài lòng để khung cảnh này trở thành thế giới của mình.

Sau tuần đầu tiên của cuộc lang thang, khi họ lái xe không định hướng giữa những ngã ba đường xa lạ, một sáng nọ anh hỏi cô, "Dagny, nghỉ ngơi có nhất thiết phải vô nghĩa không?" Cô cười đáp, "Không. Anh muốn xem nhà máy nào?" Anh mỉm cười—vì tội lỗi mà anh không cần gánh vác, vì những lời giải thích không cần thiết—và nói, "Có một mỏ quặng bỏ hoang gần Vịnh Saginaw. Họ bảo nó đã kiệt quệ."

Họ lái xe qua Michigan đến mỏ quặng đó. Họ đi bộ qua những vách đá của hố mỏ bỏ hoang, nơi di tích của cần cầu cũ vươn lên như bộ xương cong về phía bầu trời, và một chiếc hộp cơm trưa gỉ sét lăn lông lốc dưới chân họ. Cô cảm thấy một cú đâm của nổi bất an, sắc lẹm hơn cả nỗi buồn—nhưng Rearden hào hứng nói, "Kiệt quệ ư! Tôi sẽ cho họ thấy tôi có thể khai thác bao nhiêu tấn quặng và kiếm được bao nhiêu tiền từ nơi này!" Trên đường về, anh nói, "Nếu tìm được người phù hợp, tôi sẽ mua mỏ này cho anh ta ngay sáng mai và bắt đầu khai thác."

Ngày hôm sau, khi họ lái xe về phía tây nam hướng đến đồng bằng Illinois, anh bỗng lên tiếng sau một hồi im lặng, "Không, tôi phải đợi đến khi họ bãi bỏ Dự luật đã. Người có khả năng làm việc ở mỏ đó sẽ không cần tôi chỉ dạy. Còn người cần tôi chỉ dạy thì chẳng có giá trị gì."

Họ có thể nói về công việc một cách tự nhiên, với niềm tin chắc chắn rằng người kia

sẽ hiểu. Nhưng họ chưa bao giờ nói về nhau. Anh cư xử như thể sự gần gũi mãnh liệt giữa họ là một sự thật thể xác vô danh, không nên được gọi tên trong giao tiếp giữa hai tâm hồn. Mỗi đêm, cô nằm trong vòng tay anh như thể bên một người xa lạ, người để cô thấy từng cơn rung mình chạy qua cơ thể, nhưng không bao giờ để lộ liệu những cảm xúc đó có tạo nên phản ứng gì trong tâm hồn anh. Cô nằm trần trụi bên anh, chỉ có chiếc vòng Kim loại Rearden trên cổ tay.

Cô biết anh ghét phải ký tên "Ông và Bà Smith" trong sổ đăng ký của những khách sạn tồi tàn ven đường. Những buổi tối, cô nhận ra sự giận dữ thể hiện qua đôi môi căng thẳng khi anh ký những cái tên giả họ đã nghĩ ra—giận dữ với những kẻ đã khiến sự giả dối trở nên cần thiết. Cô thờ ơ nhận thấy vẻ lén lút quen thuộc trong cách cư xử của nhân viên khách sạn, như thể ngầm ám chỉ rằng cả khách lẫn nhân viên đều là đồng phạm trong một tội lỗi nhục nhã: tội tìm kiếm niềm vui. Nhưng cô biết điều đó chẳng còn quan trọng khi họ ở riêng với nhau, khi anh ôm cô vào lòng và đôi mắt anh trở nên trong sáng, vô tội.

Họ lái xe qua những thị trấn nhỏ, những con đường hẻo lánh, những nơi họ đã không ghé thăm nhiều năm. Cô cảm thấy bất an khi nhìn những thị trấn đó. Mãi sau cô mới nhận ra điều thiếu vắng nhất: một lớp sơn mới. Những ngôi nhà đứng như những người đàn ông trong bộ quần áo nhàu nát, đã mất đi ý chí đứng thẳng: mái vòm như vai xuôi, bậc thềm cong như đường viền áo sờn, cửa sổ vỡ được vá bằng ván gỗ. Người dân nhìn chằm chằm vào chiếc xe mới, không phải như nhìn một thứ hiếm có, mà như thể dáng hình đen bóng lấp lánh kia là vật thể từ một thế giới khác. Phố xá thưa thớt xe cộ, phần lớn là xe ngựa. Cô đã quên mất hình dáng và công dụng thực sự của sức ngựa kéo; cô không muốn thấy nó quay trở lại.

Cô không cười vào ngày hôm đó ở chỗ giao cắt đường sắt, khi Rearden cười khúc khích chỉ tay về phía đoàn tàu của một tuyến đường sắt nhỏ đang lạch bạch từ sau ngọn đồi, với đầu máy cũ kỹ phả khói đen qua ống khói cao.

"Ôi trời, Hank, không buồn cười chút nào!"

"Tôi biết," anh nói.

Họ đã đi được bảy mươi dặm và một giờ trôi qua khi cô lên tiếng, "Hank, anh có tưởng tượng được không—một ngày nào đó Tàu Lửa Taggart sẽ bị kéo qua lục địa bởi một chiếc tàu đốt than như thế?"

"Có chuyện gì với em vậy? Tỉnh táo lại đi."

"Xin lỗi... Chỉ là tôi nghĩ mọi việc sẽ vô ích—tất cả các tuyến đường mới của tôi, tất cả lò nung mới của anh—nếu chúng ta không tìm được ai có thể sản xuất động cơ Diesel. Và phải tìm được nhanh."

"Ted Nielsen của Colorado là người của em."

"Vâng, nếu anh ta tìm được cách mở nhà máy mới. Anh ta đã đầu tư quá nhiều vào trái phiếu của Tuyến đường John Galt."

"Đó là một khoản đầu tư sinh lời, phải không?"

"Đúng vậy, nhưng nó đã kìm hãm anh ta. Giờ anh ta sẵn sàng tiến lên, nhưng không thể tìm được dụng cụ. Không có dụng cụ cơ khí nào để mua, ở đâu cũng không, với giá nào cũng không. Chỉ toàn lời hứa và sự trì hoãn. Anh ta đang lục lọi khắp đất nước, tìm kiếm đồ cũ để tái chế từ các nhà máy đã đóng cửa. Nếu anh ta không bắt đầu sớm..."

"Anh ta sẽ bắt đầu thôi. Ai có thể ngăn anh ta được?"

"Hank," cô chợt nói, "chúng ta có thể đến một nơi tôi muốn xem không?"

"Được thôi, bất cứ đâu. Nơi nào?"

"Ở Wisconsin. Ngày xưa có một công ty động cơ lớn ở đó, thời của cha tôi. Chúng tôi có tuyến đường nhánh phục vụ nó, nhưng đã đóng tuyến đó khoảng bảy năm trước—khi họ đóng cửa nhà máy. Giờ có lẽ nó là một trong những khu vực suy thoái."

Có thể vẫn còn máy móc ở đó mà Ted Nielsen có thể dùng được. Có thể chúng bị bỏ quên—nơi đó hoang vắng và không có phương tiện giao thông nào đến được."

"Tôi sẽ tìm ra nó. Tên nhà máy là gì?"

"Nhà máy Motor Thế Kỷ Hai Mươi."

"Ồ, tất nhiên! Đó là một trong những công ty động cơ tốt nhất thời tôi còn trẻ, có lẽ là tốt nhất. Tôi nhớ có điều gì đó kỳ lạ về việc nó đóng cửa... nhưng không nhớ rõ là gì."

Họ mất ba ngày hỏi thăm đường, cuối cùng cũng tìm thấy con đường bỏ hoang. Giờ họ đang lái xe qua những tán lá vàng lấp lánh như biển vàng, hướng đến nhà máy Motor Thế Kỷ Hai Mươi.

"Hank, nếu có chuyện gì xảy ra với Ted Nielsen thì sao?" cô chợt hỏi trong lúc họ lái xe im lặng.

"Sao lại có chuyện gì với anh ta?"

"Tôi không biết, nhưng... nhìn Dwight Sanders đi. Anh ta đã biến mất. United Locomotives giờ cũng xong rồi. Và những nhà máy khác không đủ khả năng sản xuất động cơ Diesel. Tôi không còn tin vào lời hứa nữa. Và... một con tàu hỏa có ích gì nếu không có động cơ?"

"Vậy thì mọi thứ sẽ có ích gì, bất kể là gì, nếu thiếu nó?"

Những chiếc lá lấp lánh, rung rinh trong gió. Chúng trải dài hàng dặm, từ cỏ đến bụi rậm rồi đến cây cối, chuyển động với đủ sắc màu của lửa; như thể đang ăn mừng một mục đích đã hoàn thành, rực cháy trong sự phong phú hoang dại, không ai chạm đến.

Rearden mỉm cười. "Có điều gì đó đặc biệt ở vùng hoang vu này. Tôi bắt đầu thích nó rồi. Một vùng đất mới chưa ai khám phá." Cô gật đầu vui vẻ. "Đất tốt đấy—nhìn cách

mọi thứ phát triển kia. Tôi sẽ dọn sạch đám cỏ này và xây dựng một—"

Rồi họ ngừng cười. Cái xác họ nhìn thấy trong đám cỏ bên vệ đường là một chiếc bình rĩ sét với những mảnh kính vỡ—di tích của một máy bơm xăng cũ.

Đó là thứ duy nhất còn sót lại. Những cột trụ cháy đen, mảng bê tông và ánh lấp lánh của bụi kính—vốn là một trạm xăng—giờ đã bị đám cỏ nuốt chửng, chỉ có thể nhận ra nếu nhìn thật kỹ, và có lẽ sẽ biến mất hoàn toàn sau một năm nữa.

Họ quay đi. Họ tiếp tục lái xe, không muốn biết thêm những gì ẩn dưới hàng dặm cỏ dại. Trong im lặng, họ cùng cảm nhận một sự ngạc nhiên như một gánh nặng: ngạc nhiên về tốc độ và mức độ mà thiên nhiên đã xóa sạch dấu vết con người.

Con đường kết thúc đột ngột sau một khúc cua của ngọn đồi. Chỉ còn vài mảng bê tông nhô lên khỏi đoạn đường dài đầy vết lún và bùn đất. Bê tông đã bị đập nát và mang đi; ngay cả cỏ cũng không thể mọc trong dải đất trơ trụi còn lại. Trên đỉnh đồi xa xa, một cột dây điện đơn độc đứng nghiêng về phía bầu trời, như một cây thánh giá trên nghĩa địa mệnh mông.

Họ mất ba giờ và một lớp xe để lết từng bước qua vùng đất mềm không có đường, qua những hố sâu và vết lún do bánh xe, để đến được khu định cư trong thung lũng bên kia ngọn đồi có cột điện.

Vài ngôi nhà vẫn đứng vững trong bộ xương của thị trấn công nghiệp năm xưa. Mọi thứ có thể mang đi đều đã biến mất; chỉ một số ít người còn ở lại. Những công trình bỏ hoang đứng như những đống đổ nát; chúng bị tàn phá không phải bởi thời gian, mà bởi bàn tay con người: những tấm ván bị giật ra bờ bãi, mái nhà thủng lỗ chỗ, những hầm ngầm bị đào xới tung. Như thể những bàn tay mù quáng đã vơ vét mọi thứ có thể dùng được cho nhu cầu trước mắt, không màng đến ngày mai.

Những ngôi nhà còn người ở nằm rải rác giữa đống đổ nát; chỉ có làn khói từ ống khói là dấu hiệu sống duy nhất trong thị trấn. Một khung bê tông—từng là ngôi

trường—đứng ở rìa thị trấn; nó như một chiếc sọ người với những hốc mắt trống rỗng của các ô cửa sổ không kính, và vài sợi tóc còn sót lại dưới dạng những dây điện đứt.

Ngoài thị trấn, trên ngọn đồi xa, là nhà máy của Công ty Motor Thế Kỷ Hai Mươi. Những bức tường, mái nhà và ống khói của nó vẫn đứng vững như một pháo đài không thể xâm phạm. Nó có vẻ còn nguyên vẹn, nếu không tính đến chiếc thùng nước bạc nghiêng sang một bên.

Họ không thấy dấu vết đường nào dẫn đến nhà máy trong những dặm đồi núi và cây cối um tùm. Họ lái xe đến trước cửa ngôi nhà đầu tiên thấy có làn khói mỏng manh bốc lên. Cửa mở ra. Một bà lão đảo bước ra khi nghe tiếng động cơ. Bà cong queo và sưng phù, đi chân trần, mặc bộ đồ may từ bao tải bột mì. Bà nhìn chiếc xe không chút ngạc nhiên hay tò mò; đó là ánh mắt trống rỗng của một sinh vật đã mất khả năng cảm nhận điều gì ngoài sự kiệt quệ.

"Có thể chỉ tôi đường đến nhà máy không?" Rearden hỏi.

Bà lão không trả lời ngay; bà nhìn như thể không hiểu tiếng Anh. "Nhà máy gì?" bà hỏi.

Rearden chỉ tay. "Cái kia."

"Nó đóng cửa rồi."

"Tôi biết là nó đóng cửa. Nhưng có đường nào đến đó không?"

"Tôi không biết."

"Có đường nào không?"

"Có đường trong rừng."

"Có đường nào cho xe hơi đi được không?"

"Có thể."

"Vậy đường nào tốt nhất để đi?"

"Tôi không biết."

Qua cửa mở, họ có thể thấy bên trong nhà bà.

Có một cái bếp ga không dùng được, lò nướng của nó chứa đầy giẻ rách làm ngăn kéo. Ở góc phòng là một cái bếp đá thô sơ, vài khúc gỗ cháy dở nằm dưới một cái ấm cũ kỹ, những vệt muội than kéo dài lên tường. Một vật màu trắng tựa vào chân bàn—một cái bồn rửa bằng sứ lấy từ phòng tắm nào đó, bên trong chất đầy bắp cải héo úa. Một ngọn nến tallow cắm trong chai thủy tinh đặt trên bàn. Sàn nhà đã mất hết lớp sơn; những tấm ván được chùi đến mức có màu xám ẩm ướt, như thể phản ánh nỗi đau trong xương của người đã quỳ xuống chùi rửa và thất bại trong cuộc chiến với lớp bụi bẩn ngấm sâu vào gỗ.

Một nhóm trẻ em rách rưới lặng lẽ tụ tập sau lưng người phụ nữ, từng đứa một. Chúng nhìn chiếc xe không với ánh mắt tò mò trong sáng của trẻ thơ, mà với vẻ căng thẳng của những sinh vật hoang dã, sẵn sàng biến mất khi thấy dấu hiệu nguy hiểm.

"Đến nhà máy bao xa?" Rearden hỏi.

"Mười dặm," người phụ nữ đáp, rồi thêm, "Có thể năm."

"Thị trấn kế tiếp cách bao xa?"

"Không có thị trấn kế tiếp."

"Chắc phải có những thị trấn khác quanh đây. Cách bao xa?"

"Ừ. Đâu đó."

Bên cạnh ngôi nhà, những mảnh vải bạc màu phơi trên dây—thực chất là một sợi

dây điện báo. Ba con gà bới đất trong những luống rau xơ xác; một con khác đậu trên thanh ngang làm từ đoạn ống nước. Hai con heo lội trong vũng bùn lẫn rác, dưới chân chúng là những mảnh bê tông vỡ của con đường cao tốc cũ.

Họ nghe tiếng kéo kệt từ xa và thấy một người đàn ông đang múc nước từ giếng công cộng bằng dây cáp. Họ nhìn theo bóng ông chậm rãi trên phố, hai xô nước quá nặng so với đôi tay gầy guộc. Không ai đoán được tuổi ông.

Ông dừng lại khi đến gần, nhìn chiếc xe. Đôi mắt ông liếc nhìn những người lạ rồi vội quay đi, đầy nghi ngại và e dè.

Rearden rút tờ mười đô la đưa cho ông: "Ông có thể chỉ chúng tôi đường đến nhà máy không?"

Người đàn ông nhìn tờ tiền với vẻ thờ ơ u ám, không nhúc nhích, không đưa tay nhận, vẫn nắm chặt hai xô nước. Nếu ai muốn thấy một người không tham lam, Dagny nghĩ, thì người đó đang đứng ngay đây.

"Chúng tôi không cần tiền ở đây," ông nói.

"Ông không làm việc để kiếm sống sao?"

"Có."

"Vậy ông dùng gì làm tiền?"

Người đàn ông đặt hai xô xuống, như chợt nhận ra không cần phải đứng vác nặng.

"Chúng tôi không dùng tiền," ông nói. "Chúng tôi chỉ trao đổi đồ đạc với nhau."

"Ông giao dịch với người ở các thị trấn khác thế nào?"

"Chúng tôi không đi đến thị trấn khác."

"Có vẻ cuộc sống ở đây không dễ dàng."

"Chuyện đó liên quan gì đến ông?"

"Không. Chỉ tò mò thôi. Tại sao mọi người vẫn ở lại đây?"

"Ông già tôi từng có cửa hàng tạp hóa ở đây. Nhưng nhà máy đóng cửa rồi."

"Sao ông không chuyển đi?"

"Đi đâu?"

"Đâu cũng được."

"Đi đâu làm gì?"

Dagny nhìn chăm chăm vào hai xô nước: những thùng vuông với tay cầm bằng dây thừng—chúng đã từng là thùng dầu.

"Nghe này," Rearden nói, "ông có thể chỉ chúng tôi đường đến nhà máy không?"

"Có nhiều con đường."

"Có con đường nào xe có thể đi được không?"

"Tôi đoán là có."

"Con nào?"

Người đàn ông cân nhắc một cách nghiêm túc trong vài giây. "Thế này, nếu ông rẽ trái ở gần trường, đi tiếp đến cây sồi cong, thì có một con đường tốt ở đó—khi trời không mưa trong vài tuần."

"Lần cuối trời mưa là khi nào?"

"Hôm qua."

"Có con đường nào khác không?"

"Ừ, ông có thể đi qua cánh đồng Hanson, xuyên qua khu rừng, rồi có một con đường tốt, vững chãi ở đó, chạy xuống tận con suối."

"Có cầu qua suối không?"

"Không."

"Còn đường nào khác?"

"Ừ, nếu ông muốn con đường dành cho xe, thì có một con đường trải nhựa ở phía bên kia đất nhà Miller, là con đường tốt nhất cho xe, ông chỉ cần rẽ phải ở gần trường và—"

"Nhưng con đường đó không đến nhà máy, đúng không?"

"Không, không đến nhà máy."

"Được rồi," Rearden nói. "Chúng ta sẽ tự tìm đường."

Anh vừa ấn nút khởi động thì một viên đá bất ngờ văng vào kính chắn gió. Kính không vỡ, nhưng một mạng nứt hình mặt trời lan ra khắp mặt kính. Họ thấy một đứa trẻ rách rưới chạy vụt khỏi góc phố, cười vang, và nghe tiếng cười chói tai của lũ trẻ đáp lại từ những ô cửa sổ và khe hở.

Rearden nén lại một lời nguyên rủa. Người đàn ông nhìn vô cảm qua đường phố, khẽ nhíu mày. Người phụ nữ đứng đó, không phản ứng. Cô đứng im lặng, quan sát, không chút quan tâm hay mục đích, như một hợp chất hóa học trên phim chụp—hấp thụ hình ảnh chỉ vì chúng hiện diện, nhưng không bao giờ hình thành ấn tượng về những gì mình nhìn thấy.

Dagny quan sát người phụ nữ trong vài phút. Về ngoài phình to, mất hết đường nét của cơ thể không phải do tuổi tác hay sự lãng quên: trông như thể cô đang mang thai. Điều này tưởng chừng không thể, nhưng nhìn kỹ hơn, Dagny nhận ra tóc cô không phải màu xám bụi mà là màu tóc tự nhiên, và khuôn mặt chỉ có vài nếp nhăn.

Chỉ có đôi mắt trống rỗng, đôi vai khom và những bước chân lê lết mới tạo ra dấu ấn của tuổi già.

Dagny nghiêng người ra ngoài và hỏi, "Bà bao nhiêu tuổi?"

Người phụ nữ nhìn cô, không phải với sự tức giận, mà như thể đó là một câu hỏi vô nghĩa. "37," bà đáp.

Họ đã lái xe qua năm dãy nhà cũ thì Dagny lên tiếng.

"Hank," cô nói, giọng hoảng sợ, "Bà ấy chỉ hơn tôi hai tuổi!"

"Đúng."

"Trời ơi, làm sao họ lại rơi vào tình trạng như vậy?"

Anh nhún vai. "Ai là John Galt?"

Điều cuối cùng họ thấy khi rời khỏi thị trấn là một bảng quảng cáo. Một thiết kế vẫn còn rõ nét trên những mảnh giấy bong tróc, in trên nền xám chết—màu sắc đã phai tàn. Nó quảng cáo một chiếc máy giặt.

Xa xa ngoài cánh đồng, họ thấy bóng dáng một người đàn ông di chuyển chậm chạp, bị biến dạng bởi sự xấu xí của một nỗ lực thể chất vượt quá khả năng con người: ông đang đẩy một cái cày bằng tay.

Họ đến nhà máy của Công ty Ô tô Thế kỷ Hai Mươi sau hai dặm và hai giờ. Khi leo lên đồi, họ đã biết cuộc tìm kiếm của họ là vô ích. Một ổ khóa rỉ sét treo trên cửa chính, nhưng những cửa sổ khổng lồ đã vỡ và nơi này mở cửa cho tất cả—cho những con sóc, những con thỏ và những chiếc lá khô nằm la liệt bên trong.

Nhà máy đã bị moi ruột từ lâu. Những máy móc lớn được di dời một cách có tổ chức—chỉ còn lại những lỗ tròn ngay ngắn trên nền bê tông. Phần còn lại đã bị những kẻ cướp bóc lấy đi tùy tiện. Giờ chỉ còn rác rưởi mà ngay cả những người lang

thang nghèo khổ nhất cũng thấy vô giá trị: những mảnh vụn xoắn vặn rỉ sét, những thanh gỗ, thạch cao và mảnh kính—cùng những cầu thang thép vẫn còn vững chãi, uốn lượn đẹp mắt lên mái nhà.

Họ dừng lại trong đại sảnh, nơi một tia sáng xuyên chéo qua lỗ hổng trên trần. Tiếng bước chân của họ vang vọng rồi chết dần trong những căn phòng trống rỗng. Một con chim vụt bay từ giữa những xà thép, lướt lên bầu trời như một vệt cánh vội vã.

"Ta nên xem qua nó, phòng khi," Dagny nói. "Anh đi các xưởng, em đi các khu phụ. Hãy làm nhanh nhất có thể."

"Anh không muốn để em đi một mình. Anh không biết những tầng lầu hay cầu thang đó có còn an toàn không."

"Ồ, vớ vẩn! Em có thể tìm đường trong một nhà máy—hoặc trong một đồng đồ nát. Hãy làm nhanh lên. Em muốn ra khỏi đây."

Khi cô đi qua những sân vườn im lặng—nơi những cây cầu thép vẫn treo trên cao, vẽ nên những đường nét hình học hoàn hảo trên nền trời—cô chỉ ước mình không phải nhìn thấy bất cứ thứ gì, nhưng cô buộc mình phải nhìn.

Như thể đang phải mổ xẻ cơ thể người mình yêu thương, cô di chuyển ánh mắt tựa một chiếc đèn rơi tự động, rỗng rãi, nghiền chặt. Cô bước đi nhanh chóng—không dừng lại ở đâu cả.

Cô dừng lại ở một căn phòng từng là phòng thí nghiệm. Cuộn dây khiến cô chú ý. Nó nhô ra từ đồng đồ đặc. Cô chưa từng thấy kiểu bố trí dây như thế này, nhưng nó gợi lên điều gì đó quen thuộc, như chạm vào một ký ức mơ hồ xa xăm. Cô với tay ra nhưng không thể di chuyển nó—đường như nó là một phần của vật gì đó bị chôn vùi trong đồng đồ.

Căn phòng này hẳn đã từng là phòng thí nghiệm—nếu cô đoán đúng từ những mảnh

vỡ còn sót lại trên tường: nhiều ổ điện, những đoạn cáp nặng, ống dẫn chì, ống thủy tinh và tủ tích hợp treo trôi không hề không cửa. Trong đồng hồ có nhiều mảnh kính, cao su, nhựa và kim loại, cùng những mảnh vụn đen xám của tấm bảng đen. Những mẫu giấy khô cứng vương vãi trên sàn. Xen lẫn là những thứ không thuộc về căn phòng: bao bì bắp rang, chai rượu và một tạp chí thú tội.

Cô cố kéo cuộn dây ra. Nó không nhúc nhích; là một phần của vật thể lớn hơn. Cô quỳ xuống và bắt đầu đào bới.

Tay rướm máu, người đầy bụi, cô đứng dậy nhìn vật mình vừa phát hiện. Đó là phần còn lại của một mô hình động cơ đã vỡ. Dù hầu hết các bộ phận đã mất, nhưng vẫn đủ để thấy được hình dáng và mục đích ban đầu.

Cô chưa từng thấy động cơ kiểu này hay bất cứ thứ gì tương tự.

Cô không thể hiểu thiết kế kỳ lạ của các bộ phận hay chức năng chúng được tạo ra để thực hiện.

Cô xem xét những ống kim loại xỉn màu và những mối nối hình dạng kỳ dị. Cô cố đoán công dụng của chúng, tâm trí lướt qua mọi loại động cơ mình biết và mọi công việc mà các bộ phận có thể thực hiện.

Không có gì phù hợp với mô hình này. Nó giống một động cơ điện, nhưng cô không đoán được nó dùng nhiên liệu gì. Không phải hơi nước, dầu, hay bất cứ thứ gì cô có thể nghĩ đến.

Cô thở hổn hển, không phải bằng âm thanh mà bằng một cú giật mình khiến cô ngã vào đồng hồ đặc. Chống tay và đầu gối, cô bò qua đồng hồ nát, chộp lấy mọi mẫu giấy trong tầm mắt, vứt chúng đi và tiếp tục tìm kiếm. Tay cô run rẩy.

Cô tìm thấy một phần điều mình hy vọng vẫn còn. Đó là một xấp giấy đánh máy mỏng được kẹp lại—phần còn sót của một bản thảo. Phần đầu và cuối đã mất; những trang còn lại dưới chiếc kẹp cho thấy độ dày ban đầu của nó. Giấy đã ngả vàng và

gion. Bản thảo mô tả về động cơ.

Từ nhà máy trống không, Rearden nghe tiếng Dagny hét lên, "Hank!" Nghe như tiếng kêu hoảng loạn.

Anh chạy về phía tiếng gọi. Anh thấy cô đứng giữa phòng, tay chảy máu, tất rách, quần áo lấm bụi, nắm chặt xấp giấy trong tay.

"Hank, cái này trông như thế nào?" cô hỏi, chỉ vào mảnh vỡ lìa dưới chân; giọng cô vừa mạnh mẽ vừa ám ảnh như người đang choáng váng vì sốc, tách biệt khỏi thực tại. "Cái này trông như thế nào?"

"Em có bị thương không? Chuyện gì xảy ra vậy?"

"Không! ... Không, đừng nhìn tôi! Tôi ổn mà. Nhìn cái này đi. Anh có biết đó là gì không?"

"Em làm gì với mình vậy?"

"Tôi phải đào nó ra. Tôi ổn mà."

"Em đang run đấy."

"Anh cũng sẽ vậy thôi, ngay bây giờ. Hank! Nhìn đi. Nhìn và nói xem anh nghĩ đó là cái gì."

Anh liếc nhìn xuống, rồi nhìn kỹ hơn—sau đó ngồi xuống sàn, chăm chú nghiên cứu vật thể đó.

"Đây là một cách lạ để lắp ráp động cơ," anh nói, nhúu mày.

"Đọc cái này," cô nói, giơ những trang giấy ra.

Anh đọc, ngẩng đầu lên và thốt lên, "Trời ơi!"

Cô ngồi xuống sàn bên cạnh anh, và họ im lặng một lúc lâu.



"Đó là cuộn dây," cô nói. Tâm trí cô như đang chạy đua, không theo kịp những điều mà cú sốc đột ngột vừa mở ra, và lời nói của cô chồng chéo lên nhau. "Cuộn dây là thứ tôi để ý đầu tiên—vì tôi đã từng thấy những bản vẽ tương tự, không hoàn toàn giống, nhưng gần như vậy, từ nhiều năm trước khi còn đi học. Nó trong một cuốn sách cũ, được cho là không thể thực hiện từ lâu rồi—nhưng tôi thích đọc mọi thứ về

động cơ xe lửa. Sách viết rằng đã có một thời, những người đàn ông nghiên cứu về nó—họ làm thí nghiệm nhiều năm, nhưng không giải quyết được và đành bỏ cuộc. Nó bị lãng quên qua nhiều thế hệ. Tôi không nghĩ có nhà khoa học nào hiện nay còn nghĩ đến nó. Nhưng có người đã làm được."

"Có người đã giải quyết được nó, ngay bây giờ! ... Hank, anh hiểu không?"

"Những người xưa đã cố phát minh động cơ có thể rút điện tĩnh từ không khí, chuyển hóa nó và tự tạo năng lượng khi hoạt động. Họ thất bại. Họ bỏ cuộc." Cô chỉ vào hình dạng vỡ vụn. "Nhưng đây, nó đây."

Anh gật đầu. Anh không cười. Anh ngồi nhìn phần còn lại, chìm trong suy tư; có vẻ không phải là những ý nghĩ vui vẻ.

"Hank! Anh không hiểu ý nghĩa của nó sao? Đây là cuộc cách mạng lớn nhất trong động cơ điện kể từ động cơ đốt trong—còn lớn hơn thế! Nó xóa bỏ tất cả—và làm mọi thứ trở nên khả thi. Quên Dwight Sanders và những người khác đi! Ai còn muốn nhìn vào động cơ Diesel nữa? Ai còn phải lo về dầu, than hay trạm tiếp nhiên liệu? Anh có thấy điều tôi thấy không? Một đầu máy xe lửa hoàn toàn mới, nhỏ bằng nửa động cơ Diesel nhưng mạnh gấp mười. Một máy phát điện tự động, chỉ cần vài giọt nhiên liệu, không giới hạn năng lượng. Phương tiện sạch nhất, nhanh nhất, rẻ nhất từng được phát minh. Anh có thấy nó sẽ làm gì cho ngành giao thông và đất nước ta—chỉ trong một năm nữa thôi?"

Không có tia sáng phấn khích nào trên mặt anh. Anh nói chậm rãi, "Ai thiết kế nó? Tại sao nó lại bị bỏ lại đây?"

"Chúng ta sẽ tìm ra."

Anh cân nhắc những trang giấy trong tay. "Dagny," anh hỏi, "nếu không tìm được người chế tạo, em có thể tái tạo động cơ này từ những gì còn lại không?"

Cô suy nghĩ một lúc lâu, rồi thốt ra một từ nghe như chìm xuống: "Không."

"Không ai có thể. Anh ấy đã làm mọi thứ hoàn hảo. Nó hoạt động—theo những gì viết ở đây. Đây là thứ vĩ đại nhất tôi từng thấy. Đã từng là vậy. Ta không thể làm nó hoạt động lại. Để bổ sung những gì thiếu, cần một bộ óc vĩ đại như của anh ấy."

"Tôi sẽ tìm anh ấy—dù phải bỏ mọi thứ đang làm."

"—nếu anh ấy còn sống."

Cô nghe ra ẩn ý trong giọng anh. "Sao anh lại nói vậy?"

"Tôi không nghĩ anh ấy còn sống. Nếu còn sống, liệu anh ấy có để một phát minh như thế này mục nát trong đồng rác không? Liệu anh ấy có từ bỏ một thành tựu vĩ đại như vậy không? Nếu anh ấy còn sống, em đã có những đầu máy xe lửa tự phát điện từ lâu rồi. Và em sẽ không phải đi tìm anh ấy, vì cả thế giới này đã biết đến tên tuổi của anh ấy rồi."

"Tôi không nghĩ mô hình này được chế tạo cách đây lâu lắm."

Anh nhìn vào những tờ bản thảo và lớp gỉ sét trên động cơ. "Khoảng mười năm trước, tôi đoán vậy. Có thể hơn một chút."

"Chúng ta phải tìm anh ấy hoặc ai đó biết về anh ấy. Điều này quan trọng hơn—"

"—bất kỳ thứ gì đang được sở hữu hay sản xuất hiện nay. Nhưng tôi không nghĩ chúng ta sẽ tìm được anh ấy. Và nếu không tìm được, sẽ không ai có thể lặp lại kỳ công này. Không ai có thể tái tạo động cơ của anh ấy. Không còn đủ mạnh nữa. Chỉ còn lại một dấu vết, một dấu vết vô giá, nhưng phải cần một bộ óc chỉ xuất hiện một lần trong thế kỷ mới hoàn thành được nó. Anh có thấy các nhà thiết kế động cơ hiện nay đang thử không?"

"Không."

"Không còn nhà thiết kế hàng đầu nào nữa. Đã nhiều năm rồi không có ý tưởng mới trong ngành động cơ. Đó là một nghề đang dần chết — hoặc đã chết."

"Hank, anh có hiểu động cơ đó sẽ có ý nghĩa thế nào nếu được chế tạo không?"

Anh khẽ cười. "Tôi sẽ nói: nó sẽ thêm khoảng mười năm vào cuộc đời của mỗi người trong đất nước này — nếu tính đến việc nó sẽ làm mọi thứ trở nên dễ dàng và rẻ hơn để sản xuất, giải phóng bao nhiêu giờ lao động cho những công việc khác, và công việc của mỗi người sẽ mang lại nhiều giá trị hơn. Đầu máy xe lửa ư? Còn ô tô, tàu thủy và máy bay với động cơ như thế này nữa. Rồi máy cày. Và các nhà máy điện. Tất cả đều được kết nối với nguồn năng lượng vô tận, không tốn tiền nhiên liệu, chỉ cần vài đồng để duy trì bộ chuyển đổi. Động cơ đó có thể khiến cả đất nước này chuyển động và bừng sáng. Nó sẽ mang ánh sáng điện đến mọi góc ngách, kể cả những ngôi nhà của những người chúng ta đã thấy dưới thung lũng."

"Nó sẽ làm được như vậy sao? Phải, nó sẽ làm được. Tôi nhất định sẽ tìm ra người đã chế tạo nó."

"Chúng ta sẽ cố gắng."

Anh đứng bật dậy, nhưng dừng lại để liếc nhìn phần còn lại của động cơ hỏng và nói, với một tiếng cười không vui: "Đó là động cơ cho Tuyến John Galt."

Sau đó, anh nói với giọng quyết đoán của một nhà điều hành: "Trước tiên, chúng ta sẽ tìm văn phòng nhân sự của họ. Chúng ta sẽ tìm hồ sơ của họ, nếu còn gì. Ta cần biết tên của nhóm nghiên cứu và kỹ sư. Tôi không biết ai đang sở hữu nơi này, và tôi nghi là sẽ khó tìm ra chủ nhân, nếu không họ đã không để nó xuống cấp thế này. Sau đó, chúng ta sẽ kiểm tra từng phòng trong phòng thí nghiệm. Rồi chúng ta sẽ đưa một số kỹ sư đến đây để xem xét những phần còn lại."

Họ bắt đầu đi, nhưng cô dừng lại một lúc trên ngưỡng cửa.

"Hank, động cơ đó là thứ quý giá nhất trong nhà máy này," cô nói khẽ. "Nó còn quý"

hơn cả toàn bộ nhà máy và tất cả những gì nó từng chứa đựng. Vậy mà nó bị bỏ quên, vứt lại trong đồng rác. Nó là thứ duy nhất không ai thấy đáng để lấy đi."

"Đó là điều khiến tôi lo sợ về chuyện này," anh đáp.

Họ nhanh chóng tìm thấy văn phòng nhân sự qua tấm biển còn sót lại trên cửa, nhưng đó là thứ duy nhất còn lại. Bên trong trống rỗng, không có đồ đạc, không có giấy tờ, chỉ còn những mảnh vỡ của cửa sổ vỡ nát.

Họ quay lại phòng chứa động cơ. Quỳ xuống và bò trên sàn, họ kiểm tra từng mảnh vụn của đồng đồ nát.

Có rất ít thứ để tìm. Họ lướt qua những tờ giấy chứa ghi chú thí nghiệm, nhưng không tờ nào nhắc đến động cơ, cũng chẳng còn trang nào của bản thảo. Những vỏ bắp rang và chai rượu cho thấy loại "đội quân xâm lược" nào đã đi qua đây—như những đợt sóng cuốn trôi những mảnh vỡ của sự hủy hoại vào những vực thẳm vô hình.

Họ bỏ qua vài mảnh kim loại có thể thuộc về động cơ, nhưng chúng quá nhỏ để có giá trị. Động cơ trông như thể đã bị tháo rời một số bộ phận, có lẽ bởi ai đó nghĩ có thể dùng chúng cho mục đích thông thường. Những gì còn lại quá xa lạ để ai quan tâm.

Cơn giận dữ trào dâng, cô quỳ gối, lòng bàn tay ép xuống sàn đầy bụi, cảm nhận cơn phấn nộ run rẩy trong mình—một cơn giận tức tưởi, vô vọng trước cảnh tượng phá hoại. Cô tự hỏi liệu có phải ai đó đã dùng dây của động cơ để treo tã trên dây phơi—liệu bánh xe của nó đã thành ròng rọc trên giếng làng—liệu xi-lanh của nó giờ có phải là chậu hoa phong lữ trên bậu cửa sổ của người yêu gã sở hữu chai rượu kia?

Trên đỉnh đồi, còn sót lại chút ánh sáng, nhưng một làn sương xanh đang phủ xuống thung lũng, và sắc đỏ vàng của lá cây loang lên bầu trời thành những vệt hoàng hôn.

Màn đêm buông xuống khi họ kết thúc. Cô đứng dậy, dựa vào khung cửa sổ trống để

cảm nhận làn gió mát trên trán. Bầu trời xanh thẫm. "Nó đáng lẽ đã làm cả đất nước này chuyển động và bùng sáng." Cô nhìn xuống động cơ rồi nhìn ra đất nước. Bỗng nhiên cô rên lên, một cơn rùng mình mạnh mẽ xâm chiếm cơ thể, và đầu cô gục xuống cánh tay, vẫn dựa vào khung cửa sổ.

"Chuyện gì vậy?" anh hỏi.

Cô không trả lời.

Anh nhìn ra ngoài. Xa dưới thung lũng, trong màn đêm đang buông, vài vệt sáng mờ nhạt tỏa ra từ những ngọn nến mờ.

Atlas vươn mình

Phần I: Phi mâu thuẫn

Chương X: Ngọn lửa của Wyatt



Người dịch: Zanglink

"Lạy Chúa tôi, thưa bà!" người thư ký của Văn phòng Hồ sơ nói. "Không ai biết ai sở hữu nhà máy đó nữa. Tôi e rằng sẽ chẳng ai biết được."

Người thư ký ngồi tại chiếc bàn trong văn phòng tầng trệt, nơi bụi phủ dày trên các hồ sơ và hiếm khi có khách ghé thăm. Anh ta nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi có chiếc ô tô sáng bóng đậu trong quảng trường lầy lội — vốn từng là trung tâm của một thị trấn phát triển. Anh nhìn hai vị khách lạ với ánh mắt thần thờ.

"Tại sao?" Dagny hỏi.

Anh chỉ vào đồng giấy tờ vừa lấy ra từ hồ sơ, vẻ mặt bất lực. "Tòa án sẽ phải quyết định ai là chủ sở hữu, nhưng tôi không nghĩ bất kỳ tòa án nào có thể làm được điều đó. Nếu có tòa nào chịu xử. Mà tôi nghĩ chẳng có đâu."

"Tại sao vậy? Chuyện gì đã xảy ra?"

"À, nó đã bị bán đi — tôi nói về Twentieth Century, tức là Công ty Động cơ Thế kỷ Hai Mươi. Nó bị bán hai lần cùng lúc cho hai nhóm chủ sở hữu khác nhau. Đó là một vụ bê bối lớn hai năm trước, và giờ chỉ còn lại..." — anh chỉ vào đồng giấy tờ — "một đồng hồ sơ nằm đây chờ phiên tòa. Tôi không thấy làm sao một thẩm phán có thể gỡ rối được quyền sở hữu này — hay bất kỳ quyền gì khác."

"Anh có thể kể chi tiết hơn không?"

"À, chủ sở hữu hợp pháp cuối cùng là Công ty Thế Cháp Nhân Dân, ở Rome, Wisconsin, một thị trấn cách nhà máy 30 dặm về phía bắc. Đó là một công ty ồn ào, chuyên quảng cáo rầm rộ về cho vay dễ dàng. Mark Yonts điều hành công ty đó. Không ai biết anh ta từ đâu tới và giờ đã đi đâu, nhưng sáng hôm sau khi Công ty Thế Cháp Nhân Dân sụp đổ, người ta phát hiện Yonts đã bán nhà máy động cơ Thế kỷ Hai Mươi cho một nhóm người từ South Dakota, đồng thời dùng nó làm tài sản thế chấp vay tiền từ một ngân hàng ở Illinois. Khi họ kiểm tra nhà máy, họ phát hiện anh ta đã tháo dỡ toàn bộ máy móc và bán từng phần — chỉ có Chúa mới biết bán

cho ai và ở đâu. Thành ra có vẻ như ai cũng sở hữu nhà máy — mà thực ra chẳng ai cả. Hiện giờ, người dân South Dakota, ngân hàng và luật sư đại diện cho các chủ nợ của Công ty Thế Chấp Nhân Dân đang kiện tụng nhau. Tất cả đều tuyên bố quyền sở hữu nhà máy, nhưng không ai được phép động đến một bánh xe nào trong đó — dù chẳng còn bánh xe nào để mà động tới."

"Mark Yonts có điều hành nhà máy trước khi bán nó không?"

"Trời ơi, không đâu thưa bà! Anh ta không phải tuýp người điều hành bất cứ thứ gì. Anh ta chẳng muốn kiếm tiền, chỉ muốn chiếm đoạt thôi. Tôi đoán anh ta đã lấy được nhiều hơn bất kỳ ai có thể kiếm được từ nhà máy đó."

Anh ta tự hỏi tại sao người đàn ông tóc vàng với vẻ mặt lạnh lùng, ngồi cạnh người phụ nữ trước bàn mình, lại nhìn ra cửa sổ với ánh mắt nghiêm nghị, hướng về phía chiếc ô tô của họ, nơi có một vật thể lớn được bọc vải, buộc chặt dưới nắp khoang hành lý.

"Chuyện gì đã xảy ra với các hồ sơ của nhà máy?"

"Bà muốn nói đến loại hồ sơ nào ạ?"

"Các hồ sơ sản xuất, hồ sơ công việc và hồ sơ nhân sự của họ."

"Ồ, giờ thì không còn gì hết. Đã có rất nhiều vụ cướp bóc xảy ra. Mọi chủ sở hữu mới đều đã lấy đi những đồ đạc hay bất cứ thứ gì có thể mang ra ngoài, bất chấp cảnh sát đã khóa cửa. Còn giấy tờ và những thứ tương tự — tôi đoán tất cả đều bị dân từ Starnesville mang đi, đó là thị trấn dưới thung lũng, nơi người dân đang rất khó khăn gần đây. Có lẽ họ đã đốt hết làm củi rồi."

"Ở đây có ai còn làm việc ở nhà máy đó không?" Rearden hỏi.

"Không, thưa ông. Không còn ai ở đây cả. Họ đều chuyển xuống Starnesville."

"Tất cả sao?" Dagny thì thầm; cô đang nghĩ về đồng đồ nát. "Cả... các kỹ sư nữa?"

"Vâng, thưa bà. Đó là thị trấn nhà máy mà. Họ đều đã đi từ lâu rồi."

"Anh có nhớ tên của ai từng làm việc ở đó không?"

"Không, thưa bà."

"Chủ sở hữu cuối cùng điều hành nhà máy là ai?" Rearden hỏi.

"Lạy Chúa, thưa ngài. Giờ không ai biết ai sở hữu nhà máy đó nữa. Tôi nghĩ sẽ chẳng ai biết được," người thư ký nói.

Anh ta ngồi tại chiếc bàn trong văn phòng tầng trệt, nơi bụi phủ dày trên các hồ sơ và hiếm khi có khách ghé thăm. Anh nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi chiếc ô tô sáng bóng đậu trong quảng trường lầy lội — vốn từng là trung tâm của một thị trấn phát triển. Anh nhìn hai vị khách lạ với ánh mắt thẫn thờ.

"Ông có thể cho chúng tôi biết tên tất cả các chủ sở hữu từ trước đến nay không?" Rearden hỏi.

"Không, thưa ông. Chúng tôi đã có một vụ hỏa hoạn ở tòa án cũ cách đây ba năm, và tất cả hồ sơ cũ đã bị mất. Tôi không biết ông có thể tìm chúng ở đâu."

"Ông có biết làm thế nào mà Mark Yonts có thể mua được nhà máy đó không?"

"Vâng, tôi biết. Anh ta mua từ Thị trưởng Bascom của Rome. Còn Thị trưởng Bascom có được nó bằng cách nào thì tôi không rõ."

"Thị trưởng Bascom bây giờ ở đâu?"

"Vẫn còn ở Rome."

"Cảm ơn ông rất nhiều," Rearden nói và đứng dậy. "Chúng tôi sẽ đến gặp ông ấy."

Khi họ đến cửa, người thư ký hỏi, "Ông đang tìm kiếm điều gì, thưa ngài?"

"Chúng tôi đang tìm một người bạn," Rearden nói. "Một người bạn đã mất, người từng làm việc trong nhà máy đó."

Thị trưởng Bascom của Rome, Wisconsin, ngồi dựa lưng vào ghế; ngực và bụng ông ta tạo thành hình quả lê dưới lớp áo sơ mi bản.

Không khí ngột ngạt bởi ánh nắng và bụi bặm trên hiên nhà. Ông vung tay, chiếc nhẫn trên ngón tay lóe sáng với viên đá topaz kém chất lượng.

"Chẳng ích gì đâu, thưa bà, hoàn toàn vô ích," ông nói. "Hỏi người dân quanh đây cũng chẳng được gì. Không ai còn làm việc trong nhà máy, và chẳng ai nhớ nhiều về họ. Hầu hết các gia đình đã rời đi, số còn lại ở đây thì — nói thật là — chỉ toàn rác rưởi."

Ông đã mời hai vị khách ngồi xuống ghế, nhưng không phiền khi người phụ nữ thích đứng tựa vào lan can. Ông ngả người, đánh giá thân hình cao của cô; hàng thương hạng, ông nghĩ, nhưng người đàn ông đi cùng chắc chắn là người giàu có.

Dagny đứng nhìn phố xá Rome. Có những ngôi nhà, vỉa hè, đèn đường, thậm chí một biển quảng cáo nước giải khát; nhưng tất cả trông như thể chỉ còn vài giờ nữa, thị trấn này cũng sẽ trở thành một Starnesville khác.

"Không, chẳng có hồ sơ nhà máy nào còn nữa," Thị trưởng Bascom nói. "Nếu bà muốn tìm những thứ đó thì chẳng khác nào đuổi theo lá bay trong bão. Chẳng ai quan tâm đến giấy tờ nữa. Khi mọi thứ đang sụp đổ, người ta chỉ cần những thứ thực tế, vật chất thôi, phải không?"

Qua cửa sổ đầy bụi, họ có thể nhìn thấy phòng khách của ông: những tấm thảm Ba Tư trải trên sàn gỗ cong vênh, một quầy bar di động với những dải crom dọc theo bức tường đã ố màu vì nước mưa thấm từ năm ngoái, và một chiếc radio đặt tiền với

chiếc đèn dầu đặt trên đó.

"Đúng vậy, tôi đã bán nhà máy cho Mark Yonts. Mark là một chàng trai tốt, năng động và vui vẻ. Dĩ nhiên, anh ta có làm vài việc không đúng quy tắc, nhưng ai mà chẳng vậy? Tất nhiên, anh ta đã đi hơi quá xa. Điều đó tôi không ngờ tới. Tôi cứ tưởng anh ta đủ thông minh để không vượt quá giới hạn pháp luật — dù giờ đây luật lệ cũng chẳng còn là gì."

Thị trưởng Bascom mỉm cười, nhìn họ với ánh mắt thẳng thừng. Đôi mắt ông ta sắc lẹm nhưng thiếu trí tuệ, nụ cười tươi nhưng không chút tử tế.

"Tôi không nghĩ các vị là thám tử," ông nói, "nhưng dù có là vậy, tôi cũng chẳng lo. Tôi không nhận được đồng hoa hồng nào từ Mark, anh ta không chia sẻ công việc làm ăn với tôi, và tôi cũng chẳng biết anh ta đã đi đâu." Ông thở dài. "Tôi thích gã đó. Giá mà hắn ở lại. Đừng bận tâm đến mấy bài giảng đạo đức. Hắn phải sống chứ, phải không? Hắn đâu có tệ hơn ai, chỉ là khôn ngoan hơn thôi. Có người bị bắt, có người không — chỉ có thế... Không, tôi không biết hắn định làm gì với nhà máy sau khi mua. Dĩ nhiên, hắn trả tôi nhiều hơn giá trị thực của cái đồng đồ nát đó. Dĩ nhiên, hắn đang giúp tôi khi mua nó. Không, tôi không ép hắn phải mua. Không cần thiết. Tôi đã giúp hắn vài lần trước đó. Luật pháp như cao su vậy, và một thị trưởng có thể kéo giãn chúng một chút cho bạn bè. Có gì đâu? Đó là cách duy nhất để làm giàu trong thế giới này," ông liếc nhìn chiếc ô tô đen sang trọng, "như ông chắc hẳn đã biết."

"Ông đã nói về nhà máy," Rearden nói, cố nén giận.

"Điều tôi không chịu nổi," Thị trưởng Bascom nói, "là những kẻ cứ nói về nguyên tắc. Chẳng nguyên tắc nào có thể lấp đầy bình sữa cả. Điều duy nhất quan trọng trong đời là của cải vật chất, thực tế. Giờ không phải lúc bàn về lý thuyết, khi mọi thứ đang sụp đổ quanh ta. Tôi thì không muốn thất bại. Cứ để họ giữ lấy ý tưởng của họ, tôi sẽ lấy nhà máy. Tôi không cần ý tưởng, tôi chỉ cần đủ ba bữa mỗi ngày."

"Tại sao ông lại mua nhà máy đó?"

"Tại sao người ta lại mua công ty? Để vắt kiệt những gì có thể. Tôi biết nhận ra cơ hội tốt khi thấy nó. Đó là một cuộc đấu giá phá sản và chẳng ai thèm đấu giá cái đồng đồ nát đó. Thế nên tôi mua được với giá bèo. Tôi cũng không cần giữ lâu, Mark đã mua lại từ tôi chỉ sau vài tháng. Dĩ nhiên, đó là một vụ làm ăn khôn ngoan, nếu tôi tự nhận xét."

"Nhà máy có đang hoạt động khi ông tiếp quản không?"

"Không. Nó đã đóng cửa."

"Ông có cố mở lại nó không?"

"Không, tôi là người thực tế."

"Ông có nhớ tên ai từng làm việc ở đó không?"

"Không. Tôi chưa từng gặp họ."

"Ông có lấy thứ gì ra khỏi nhà máy không?"

"À, để tôi kể cho ông nghe. Tôi đã xem qua—và thứ tôi thích là cái bàn của ông già Jed. Ông già Jed Starnes ấy. Ông ta là người quan trọng thời của ông ấy. Chiếc bàn tuyệt đẹp, gỗ mahogany dày. Thế là tôi mang về nhà. Còn có một người điều hành nào đó, tôi không biết là ai, có phòng tắm với vòi sen cửa kính khắc hình nàng tiên cá, thật nghệ thuật, còn đẹp hơn cả tranh sơn dầu. Tôi đã chuyển vòi sen đó về đây. Tôi đã sở hữu nó mà, phải không? Tôi có quyền lấy thứ gì đó có giá trị từ cái nhà máy đó chứ."

"Cuộc bán tài sản phá sản của ai vậy, khi ông mua nhà máy đó?"

"Ồ, đó là vụ sập ngân hàng Community National ở Madison. Một cú sập thảm khốc! Nó suýt đánh sập cả bang Wisconsin—đặc biệt là khu vực này. Có người nói chính

nhà máy động cơ này làm sập ngân hàng, người khác bảo đó chỉ là giọt nước tràn ly, vì Community National đã đầu tư thiếu thận trọng ở nhiều bang. Eugene Lawson là người đứng đầu ngân hàng. Họ gọi ông ta là 'Người ngân hàng có trái tim'. Ông ta từng nổi tiếng ở đây cách đây vài năm."

"Lawson có điều hành nhà máy không?"

"Không. Ông ta chỉ đổ tiền vào đó, nhiều đến mức không thể nào thu hồi từ cái đồng đồ nát ấy. Khi nhà máy phá sản, đó là giọt nước cuối cùng khiến ngân hàng sụp đổ. Ngân hàng đóng cửa ba tháng sau." Ông thở dài. "Cú sốc này khiến dân ở đây điều đứng. Ai cũng có tiền tiết kiệm trong Community National."

Thị trưởng Bascom nhìn thị trấn của mình qua tay vịn hiên, vẻ tiếc nuối.

Ông chỉ sang một người phụ nữ bên kia đường—một người quét dọn tóc bạc đang khó nhọc quỳ gối lau cầu thang một ngôi nhà.

"Thấy bà ấy không? Đó là một ví dụ đấy. Ngày xưa họ là những người khá giả, đáng kính. Chồng bà ấy có cửa hàng đồ khô. Ông ấy làm việc cả đời để lo cho bà ấy khi về già, và ông ấy đã làm được—chỉ có điều tiền lại gửi trong Community National."

"Ai điều hành nhà máy khi nó phá sản?"

"Ồ, một công ty ma có tên Amalgamated Service, Inc. Chỉ là cái vỏ rỗng thôi. Xuất hiện từ hư vô rồi lại biến mất vào hư vô."

"Những người của công ty đó đâu rồi?"

"Mảnh vỡ của một cái vỏ rỗng thì đi đâu? Cứ thử tìm khắp các bang xem."

"Eugene Lawson đâu rồi?"

"Ồ, ông ta á? Ông ấy vẫn khỏe. Đang làm việc ở Washington—trong Cục Kế hoạch Kinh tế và Tài nguyên Quốc gia."

Rearden bật dậy, cơn giận dữ khiến anh đứng phắt lên, nhưng cố kìm chế: "Cảm ơn về thông tin."

"Không có gì, bạn tôi ơi," Thị trưởng Bascom đáp nhẹ nhàng. "Tôi không biết các ông đang tìm gì, nhưng nói thật nhé, bỏ đi thì hơn. Chẳng còn gì để vót vát từ cái nhà máy đó đâu."

"Tôi đã nói với ông là chúng tôi đang tìm một người bạn."

"Thì cứ việc. Chắc là bạn tốt lắm, khi các ông chịu khó đi tìm thế này, cả ông và vị phu nhân xinh đẹp không phải vợ ông đây."

Dagny thấy mặt Rearden tái nhợt, môi anh căng thành một đường mảnh, khó phân biệt với làn da. "Giữ cái miệng bản thủ của ông..." anh vừa mở lời thì cô đã bước vào giữa.

"Sao ông nghĩ tôi không phải là vợ anh ấy?" cô hỏi bình thản.

Thị trưởng Bascom nhìn họ, ngạc nhiên trước phản ứng của Rearden. Ông ta nói câu đó không ác ý, chỉ như một kẻ lừa đảo đang khoe mẽ với đồng bọn.

"Thưa bà, tôi đã từng trải nhiều," ông nói thân mật. "Vợ chồng không nhìn nhau như thể họ có một phòng ngủ trong đầu đâu. Ở đời này, hoặc là có đạo đức, hoặc là có niềm vui. Không thể có cả hai đâu, thưa bà, không thể nào."

"Tôi đã hỏi anh ấy một câu," cô nói với Rearden, giọng đủ để khiến anh im lặng. "Và ông ấy đã cho tôi một câu trả lời thú vị đấy."

"Nếu bà muốn nghe lời khuyên," Thị trưởng Bascom nói, "mua một chiếc nhẫn cưới ở tiệm một đồng mà đeo vào. Không phải lúc nào cũng hiệu quả, nhưng cũng có ích đấy."

"Cảm ơn," cô đáp. "Tạm biệt."

Phong thái nghiêm nghị, đầy kiểm chế của cô như một mệnh lệnh buộc Rearden im lặng theo về xe.

Họ đã đi được vài dặm khỏi thị trấn khi anh cất tiếng, không nhìn cô, giọng khẩn thiết và trầm: "Dagny, Dagny, Dagny... Anh xin lỗi!"

"Tôi không sao."

Ngay sau đó, khi thấy nét mặt anh đã lấy lại bình tĩnh, cô nói: "Đừng bao giờ tức giận với người ta vì họ nói sự thật."

"Sự thật đó không phải việc của ông ta."

"Đánh giá của ông ta về sự thật ấy không phải việc của anh hay của tôi."

Anh nói qua kẽ răng, không phải để đáp lại mà như thể đó là suy nghĩ duy nhất đập vào tâm trí, thành những lời anh không muốn thốt ra: "Anh không thể bảo vệ em khỏi cái kẻ đê tiện đó..."

"Tôi không cần được bảo vệ."

Anh im lặng, không nhìn cô.

"Hank, khi nào anh nguôi giận, ngày mai hay tuần sau, hãy nghĩ về lời giải thích của người đàn ông đó và xem liệu anh có nhận ra điều gì không."

"Ông có chuyển bất cứ thứ gì ra khỏi nhà máy không?"

"À, để tôi kể cho ông nghe. Tôi đã xem qua—và thứ tôi thích nhất là cái bàn của ông già Jed. Ông già Jed Starnes ấy. Ông ta là người quan trọng trong thời của mình. Chiếc bàn tuyệt đẹp, gỗ mahogany dày. Thế là tôi mang về nhà. Còn có một người điều hành nào đó, tôi không rõ là ai, có phòng tắm với vòi sen cửa kính khắc hình nàng tiên cá, thật nghệ thuật, còn đẹp hơn cả tranh sơn dầu. Tôi đã chuyển vòi sen đó về đây. Mình đã sở hữu nó mà, phải không? Mình có quyền lấy thứ gì đó có giá trị

từ cái nhà máy đó."

"Cuộc bán tài sản phá sản của ai vậy, khi ông mua nhà máy?"



"Ồ, đó là vụ sập của ngân hàng Community National ở Madison. Trời ơi, một cú sập kinh khủng! Suýt nữa đã kéo sập cả bang Wisconsin—chắc chắn là khu vực này rồi. Có người nói chính nhà máy động cơ này làm sập ngân hàng, người khác bảo đó chỉ là giọt nước tràn ly, vì Community National đã đầu tư liều lĩnh ở ba bốn bang.

Eugene Lawson là người đứng đầu. Họ gọi ông ta là 'Người ngân hàng có trái tim'. Ông ta khá nổi tiếng ở đây cách đây hai ba năm."

"Lawson có điều hành nhà máy không?"

"Không. Ông ta chỉ cho vay một khoản tiền khổng lồ, nhiều đến mức chẳng bao giờ có thể thu hồi từ cái đồng đồ nát đó. Khi nhà máy phá sản, đó là giọt nước cuối cùng khiến ngân hàng sụp đổ. Ngân hàng sụp ba tháng sau." Ông thở dài. "Cú sốc này khiến dân ở đây điều đúng. Ai cũng có tiền tiết kiệm trong Community National."

Thị trưởng Bascom nhìn thị trấn của mình qua tay vịn hiên, vẻ tiếc nuối.

Ông chỉ sang một người phụ nữ bên kia đường: một người quét dọn tóc bạc, đang khó nhọc quỳ xuống lau cầu thang một ngôi nhà.

"Thấy bà ấy không? Đây là ví dụ điển hình. Ngày xưa họ là người khá giả, đáng kính. Chồng bà ấy có cửa hàng tạp hóa. Ông ấy làm việc cả đời để lo cho bà ấy lúc về già, và đã làm được—chỉ có điều tiền lại gửi trong Community National."

"Ai điều hành nhà máy khi nó phá sản?"

"Ồ, một công ty vớ vẩn tên là Amalgamated Service, Inc. Chỉ là cái vỏ rỗng. Xuất hiện từ hư vô rồi lại biến mất vào hư vô."

"Những người của công ty đó đâu rồi?"

"Mảnh vỡ của một quả bóng xẹp bay đi đâu? Cứ thử tìm khắp các bang xem."

"Eugene Lawson đâu rồi?"

"Ồ, ông ta á? Ông ấy vẫn khỏe. Có việc ở Washington—trong Cục Kế hoạch Kinh tế và Tài nguyên Quốc gia."

Rearden bật dậy, cơn giận khiến anh đứng phắt lên, nhưng cố kìm chế: "Cảm ơn về

thông tin."

"Không có gì, bạn tôi ơi," Thị trưởng Bascom đáp nhẹ nhàng. "Tôi không biết các ông đang tìm gì, nhưng nói thật nhé, bỏ đi thì hơn. Chẳng còn gì để vớt vát từ cái nhà máy đó đâu."

"Tôi đã nói với ông là chúng tôi đang tìm một người bạn."

"Thì cứ việc. Chắc là bạn tốt lắm, khi các ông chịu khó đi tìm thế này, cả ông và vị phu nhân xinh đẹp không phải vợ ông đây."

Dagny thấy mặt Rearden tái nhợt, môi anh căng thành một đường mảnh, khó phân biệt với làn da. "Giữ cái miệng bản thủ của ông..." anh vừa mở lời thì cô đã bước vào giữa.

"Sao ông nghĩ tôi không phải là vợ anh ấy?" cô hỏi bình thản.

Thị trưởng Bascom nhìn họ, ngạc nhiên trước phản ứng của Rearden. Ông ta nói câu đó không ác ý, chỉ như một kẻ lừa đảo đang khoe mẽ với đồng bọn.

"Thưa bà, tôi đã từng trải nhiều," ông nói thân mật. "Vợ chồng không nhìn nhau như thể họ có một phòng ngủ trong đầu đâu. Ở đời này, hoặc là có đạo đức, hoặc là có niềm vui. Không thể có cả hai đâu, thưa bà, không thể nào."

"Tôi đã hỏi anh ấy một câu," cô nói với Rearden, giọng đủ để khiến anh im lặng. "Và ông ấy đã cho tôi một câu trả lời thú vị đấy."

"Nếu bà muốn lời khuyên," Thị trưởng Bascom nói, "mua một chiếc nhẫn cưới ở tiệm một đồng mà đeo vào. Không phải lúc nào cũng hiệu quả, nhưng cũng có ích đấy."

"Cảm ơn," cô đáp. "Tạm biệt."

Phong thái nghiêm nghị, kiểm chế của cô như một mệnh lệnh khiến Rearden im lặng theo cô về xe.

Họ đã đi được vài dặm khi anh lên tiếng, không nhìn cô, giọng khản khản và thấp:
"Dagny, Dagny, Dagny... Anh xin lỗi!"

"Tôi không sao."

Khi thấy nét mặt anh đã lấy lại được bình tĩnh, cô nói: "Đừng bao giờ tức giận với người ta vì họ nói sự thật."

"Sự thật đó không phải việc của ông ta."

"Đánh giá của ông ta về sự thật đó không phải việc của anh hay của tôi."

Anh nói qua kẽ răng, không phải để đáp lại mà như thể một suy nghĩ bật thành lời ngoài ý muốn: "Anh không thể bảo vệ em khỏi cái kẻ đê tiện đó..."

"Tôi không cần sự bảo vệ."

Anh im lặng, không nhìn cô.

"Hank, khi nào anh nguôi giận, có thể là ngày mai hay tuần sau, hãy nghĩ về lời giải thích của người đàn ông đó và xem liệu anh có nhận ra điều gì không."

Anh quay sang nhìn cô nhưng không nói gì.

Một lúc sau, anh mới lên tiếng, giọng mệt mỏi và bình tĩnh: "Chúng ta không thể gọi New York và bảo kỹ sư của mình đến đây tìm nhà máy. Chúng ta không thể gặp họ ở đây. Chúng ta không thể để lộ ra rằng đã cùng nhau tìm thấy động cơ... Tôi đã quên hết những điều đó... ở đó... trong phòng thí nghiệm."

"Để tôi gọi Eddie khi tìm được điện thoại. Tôi sẽ bảo anh ấy cử hai kỹ sư từ đội Taggart đến. Tôi chỉ ở đây một mình, trong kỳ nghỉ của mình—đó là tất cả những gì họ biết và cần biết."

Họ lái xe hai trăm dặm mới tìm được đường dây điện thoại đường dài. Khi cô gọi cho

Eddie Willers, anh ta thở hổn hển khi nghe giọng cô.

"Dagny! Lạy Chúa, em đang ở đâu?"

"Ở Wisconsin. Có chuyện gì vậy?"

"Tôi không biết làm sao liên lạc với em. Em phải về ngay. Càng sớm càng tốt."

"Chuyện gì đã xảy ra?"

"Chưa có gì—nhưng có vài chuyện đang diễn ra... Em phải ngăn chúng lại, nếu em có thể. Nếu ai đó có thể."

"Chuyện gì vậy?"

"Em có đọc báo không?"

"Không."

"Tôi không thể nói qua điện thoại. Tôi không thể tiết lộ mọi chi tiết."

Dagny, em sẽ nghĩ tôi điên, nhưng tôi nghĩ họ đang lên kế hoạch giết chết Colorado."

"Tôi sẽ về ngay," cô nói.

Cắt sâu vào đá granite của Manhattan, dưới Ga Taggart, có những đường hầm từng được dùng làm đường phụ, vào thời giao thông chảy qua mọi động mạch của nhà ga suốt ngày đêm. Nhu cầu không gian đã giảm dần qua năm tháng cùng với sự suy giảm của giao thông, và các đường hầm phụ đã bị bỏ hoang như những dòng sông cạn; chỉ còn vài vệt sáng xanh le lói trên đá granite, trên những đường ray rỉ sét dưới lòng đất.

Dagny đặt phần còn lại của động cơ vào một két sắt trong một đường hầm—két sắt này từng chứa máy phát điện dự phòng đã bị tháo dỡ từ lâu. Cô không tin tưởng đám

thanh niên vô dụng trong đội nghiên cứu của Taggart; chỉ có hai kỹ sư thực sự tài năng có thể đánh giá được phát hiện của cô. Cô đã chia sẻ bí mật với họ và cử họ đi tìm nhà máy ở Wisconsin. Sau đó, cô giấu động cơ ở nơi không ai biết đến sự tồn tại của nó.

Khi những người làm việc mang động cơ xuống kết và rời đi, cô định theo họ và khóa cửa thép, nhưng cô dừng lại, chìa khóa trong tay, như thể sự im lặng và cô độc đột ngột buộc cô phải đối mặt với vấn đề đã ám ảnh cô suốt những ngày qua—như thể đây là lúc cô phải đưa ra quyết định.

Toa xe văn phòng của cô đang đợi ở một sân ga, nối với đuôi đoàn tàu sắp khởi hành đến Washington trong vài phút nữa. Cô đã hẹn gặp Eugene Lawson, nhưng tự nhủ sẽ hủy cuộc hẹn và hoãn cuộc tìm kiếm—nếu cô nghĩ ra được cách đối phó với những điều vừa phát hiện khi về New York, những điều Eddie đã khấn khoản nhờ cô ngăn chặn.

Cô cố gắng suy nghĩ, nhưng không thấy cách nào để chiến đấu, không có luật lệ nào để tuân theo, không có vũ khí nào để sử dụng. Cảm giác bất lực thật kỳ lạ, mới mẻ đối với cô; cô chưa từng thấy khó khăn khi đối mặt với vấn đề và đưa ra quyết định. Nhưng đây không phải là một vấn đề—đây là một làn sương mù vô hình, vô định, nơi mọi thứ cứ thành hình rồi chuyển động trước khi có thể nhìn thấy, như những cục bán đông trong chất lỏng chưa hoàn toàn đông đặc—như thể mắt cô chỉ còn thị giác ngoại vi, cảm nhận được những mảng mờ của thảm họa đang bao vây, nhưng cô không thể chuyển hướng nhìn, không còn khả năng di chuyển và tập trung ánh mắt.

Liên minh các Kỹ sư Tàu hỏa đang yêu cầu giảm tốc độ tối đa của tất cả các đoàn tàu trên tuyến John Galt xuống còn sáu mươi dặm một giờ. Liên minh các Người điều khiển và Kỹ sư Tàu hỏa đang yêu cầu giảm chiều dài của tất cả các đoàn tàu hàng trên tuyến John Galt xuống còn sáu mươi toa.

Các bang Wyoming, New Mexico, Utah và Arizona đang yêu cầu số lượng tàu chạy ở

Colorado không được vượt quá số lượng tàu chạy ở mỗi bang láng giềng.

Một nhóm do Orren Boyle lãnh đạo đang yêu cầu thông qua Luật Bảo vệ Sinh kế, hạn chế sản lượng Rearden Metal ngang bằng với sản lượng của bất kỳ nhà máy thép nào có công suất tương đương. Một nhóm do ông Mowen lãnh đạo đang yêu cầu thông qua Luật Phân chia Công bằng để cung cấp cho mọi khách hàng một lượng Rearden Metal như nhau.

Một nhóm do Bertram Scudder lãnh đạo đang yêu cầu thông qua Luật Ổn định Công cộng, ngăn cấm các công ty kinh doanh ở Đông Mỹ rời khỏi bang của họ.

Wesley Mouch, Điều phối viên Cao cấp của Cục Kế hoạch Kinh tế và Tài nguyên Quốc gia, liên tục đưa ra các tuyên bố mơ hồ, chỉ lặp đi lặp lại các cụm từ "quyền khẩn cấp" và "nền kinh tế mất cân bằng".

"Dagny, bằng quyền gì?" Eddie Willers hỏi, giọng anh trầm lặng nhưng vang lên như một tiếng kêu. "Bằng quyền gì họ làm tất cả những điều này?"

Bằng quyền gì?"

Cô đối mặt với James Taggart trong văn phòng anh ta và nói: "Jim, đây là trận chiến của anh. Tôi đã chiến đấu trận của tôi. Anh là chuyên gia đối phó với bọn cướp. Hãy ngăn chặn chúng lại."

Taggart nói, không nhìn cô: "Cô không thể mong muốn điều hành nền kinh tế quốc gia theo ý riêng."

"Tôi không muốn điều hành nền kinh tế quốc gia! Tôi chỉ muốn những người điều hành nền kinh tế của anh đừng quấy rối tôi! Tôi có một con đường sắt phải điều hành—và tôi biết điều gì sẽ xảy ra với nền kinh tế quốc gia của anh nếu con đường sắt của tôi sụp đổ!"

"Tôi không thấy cần phải hoảng loạn."

"Jim, tôi có cần phải giải thích cho anh rằng thu nhập từ tuyến Rio Norte Line là tất cả những gì đang giữ chúng ta khỏi sụp đổ không? Rằng chúng ta cần từng xu, từng vé, từng chuyến hàng—càng nhanh càng tốt?" Anh ta không trả lời. "Khi chúng ta phải vất kiệt từng chiếc Diesel hỏng hóc, khi chúng ta không có đủ tàu để phục vụ Colorado—điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta giảm tốc độ và chiều dài đoàn tàu?"

"Ừ, quan điểm của các công đoàn cũng có lý do của họ."

"Với việc nhiều đường sắt đóng cửa và nhiều người lao động thất nghiệp, họ cho rằng tốc độ cao trên tuyến Rio Norte Line là không công bằng—họ muốn thêm tàu để công việc được chia đều—họ cảm thấy không công bằng khi chúng ta nhận được mọi lợi ích từ đoạn đường sắt mới, họ cũng muốn một phần."

"Ai muốn một phần? Để trả cho cái gì?" Anh ta không trả lời. "Ai sẽ chịu chi phí khi dùng hai tàu làm việc của một tàu?" Anh ta không trả lời. "Anh sẽ lấy tàu và động cơ ở đâu?" Anh ta không trả lời. "Những người đó sẽ làm gì sau khi họ khiến Taggart Transcontinental biến mất?"

"Tôi hoàn toàn có ý định bảo vệ quyền lợi của Taggart Transcontinental."

"Làm thế nào?" Anh ta không trả lời. "Làm thế nào—nếu anh giết chết Colorado?"

"Chúng ta nên lo cho những người cần cơ hội sống sót trước khi nghĩ đến việc tạo cơ hội cho người khác mở rộng."

"Nếu anh giết chết Colorado, thì những kẻ cướp của anh sẽ sống sót bằng gì?"

"Anh luôn phản đối mọi biện pháp xã hội tiến bộ. Tôi nhớ anh đã tiên đoán thảm họa khi chúng ta thông qua Quy tắc Chống-động-vật-người—nhưng thảm họa đã không xảy ra."

"Bởi vì tôi đã cứu anh, đồ khốn kiếp! Lần này tôi không thể cứu anh được!" Anh ta nhún vai, không nhìn cô. "Và nếu tôi không làm được, ai sẽ làm?" Anh ta không trả

lời.

Điều đó không có vẻ thực với cô, ở đây, dưới lòng đất. Nghĩ về nó, cô biết mình không thể tham gia vào trận chiến của Jim. Không có hành động nào cô có thể thực hiện chống lại những kẻ có suy nghĩ mơ hồ, động cơ không rõ ràng, mục đích chưa được nêu ra và đạo đức không xác định. Cô không thể nói gì với họ—họ sẽ không nghe, không đáp lại. Vũ khí là gì, cô tự hỏi, trong một thế giới mà lý trí không còn là vũ khí nữa? Đó là một thế giới mà cô không thể bước vào. Cô phải để nó cho Jim và tin vào lợi ích cá nhân của anh ta. Mơ hồ, cô cảm thấy lạnh người khi nhận ra rằng lợi ích cá nhân không phải là động cơ của Jim.

Cô nhìn vào vật trước mắt, một tủ kính chứa phần còn lại của động cơ. Người đã tạo ra động cơ này—ý nghĩ ập đến như một tiếng kêu tuyệt vọng. Cô cảm thấy bất lực trong một thoáng, khao khát tìm được anh ta, dựa vào anh ta và để anh ta chỉ lối. Một trí tuệ như của anh ta hẳn sẽ biết cách chiến thắng trận chiến này.

Cô nhìn quanh. Trong thế giới ngẫm sạch sẽ và hợp lý của những đường hầm dưới lòng đất, không gì khẩn thiết bằng việc tìm ra người đã chế tạo động cơ. Cô tự hỏi: Liệu cô có nên trì hoãn để tranh luận với Orren Boyle?—để lý giải với ông Mowen?—để van xin Bertram Scudder? Cô hình dung ra động cơ hoàn chỉnh, được lắp vào một đầu máy kéo đoàn tàu hai trăm toa trên đường ray Rearden Metal với tốc độ hai trăm dặm một giờ. Khi viễn cảnh đó trong tầm tay, cô có nên từ bỏ nó để mặc cả về sáu mươi dặm và sáu mươi toa không? Cô không thể hạ mình sống trong một thế giới nơi trí óc cô sẽ vỡ tung dưới áp lực phải kiềm chế để không vượt qua sự bất tài. Cô không thể tuân theo quy tắc: Im lặng—giữ im lặng—chậm lại—đừng làm hết sức mình, vì điều đó không được mong muốn!

Cô quay lưng quyết đoán và rời khỏi kết, lên tàu đi Washington.

Khi khóa cửa thép, có vẻ như cô nghe thấy tiếng vang nhẹ của bước chân. Cô nhìn dọc theo đường cong tối của đường hầm.

Không ai trong tầm mắt; chỉ có chuỗi đèn xanh lam lấp lánh trên những bức tường granite ẩm ướt.

Rearden không thể chiến đấu với những băng đảng đòi hỏi luật lệ mới. Anh phải chọn: hoặc chiến đấu với chúng, hoặc giữ cho nhà máy hoạt động. Anh đã mất nguồn cung quặng sắt. Anh phải chọn một trong hai trận chiến. Không còn thời gian cho cả hai.

Khi trở lại, anh phát hiện một lô hàng quặng đã không được giao. Không có tin tức hay lời giải thích nào từ Larkin. Khi được triệu đến văn phòng Rearden, Larkin xuất hiện ba ngày sau cuộc hẹn, không một lời xin lỗi. Anh ta nói, không nhìn vào Rearden, môi mím chặt trong vẻ mặt tự tôn đầy căm ghét: "Cuối cùng, anh không thể ra lệnh cho người ta chạy đến văn phòng anh bất cứ lúc nào anh muốn."

Rearden nói chậm rãi, cẩn trọng: "Tại sao quặng không được giao?"

"Tôi không chịu nổi sự lăng mạ, tôi đơn giản không chịu đựng được sự lăng mạ về điều tôi không thể kiểm soát. Tôi có thể điều hành mỏ như anh đã làm, tôi đã làm mọi việc anh làm—tôi không hiểu sao mọi thứ lại cứ sai sót bất ngờ thế này. Tôi không thể bị đổ lỗi vì những điều bất ngờ đó."

"Anh đã chuyển quặng đi đâu tháng trước?"

"Tôi định chuyển phần của anh, tôi hoàn toàn có ý định như vậy, nhưng chúng tôi mất mười ngày sản xuất vì cơn bão ở phía bắc Minnesota—tôi đã định gửi quặng cho anh, nên anh không thể trách tôi, vì ý định của tôi hoàn toàn chân thành."

"Vậy nếu một trong các lò nung của tôi hỏng, tôi có thể cho ý định của anh vào để nó chạy không?"

"Đó là lý do tại sao không ai có thể làm việc hay nói chuyện với anh—vì anh là người vô nhân tính."

"Tôi vừa biết trong ba tháng qua, anh đã không chuyển quặng bằng tàu hỏa mà bằng đường sắt. Tại sao?"

"Thực ra, tôi có quyền điều hành công việc của mình theo cách tôi thấy phù hợp."

"Tại sao anh lại sẵn sàng trả chi phí cao hơn?"

"Anh quan tâm làm gì? Tôi đâu tính phí đó cho anh."

"Anh sẽ làm gì khi phát hiện ra mình không thể trả nổi cước phí đường sắt và đã phá hủy việc vận chuyển bằng hỏa?"

"Tôi chắc anh không hiểu được bất kỳ cân nhắc nào ngoài tiền bạc, nhưng một số người còn xem trọng trách nhiệm xã hội và lòng yêu nước của họ."

"Trách nhiệm gì?"

"À, tôi nghĩ một công ty đường sắt như Taggart Transcontinental là thiết yếu với phúc lợi quốc gia và đó là nghĩa vụ công cộng của mọi người phải hỗ trợ tuyến nhánh Minnesota của Jim, dù nó đang lỗ."

Rearden nghiêng người về phía trước; anh bắt đầu thấy những mối liên kết trong chuỗi sự kiện mà trước đây anh chưa hiểu. "Anh đã gửi quặng cho ai tháng trước?" anh hỏi đều đặn.

"À, dù sao đó cũng là việc riêng của tôi..."

"Chắc chắn là gửi cho Orren Boyle, đúng không?"

"Anh không thể yêu cầu mọi người hy sinh cả ngành thép quốc gia vì lợi ích cá nhân của anh..."

"Ra ngoài," Rearden nói bình tĩnh. Chuỗi sự kiện giờ đã rõ ràng với anh.

"Đừng hiểu lầm tôi, tôi không có ý—"

"Ra ngoài."

Larkin rời đi.

Sau đó là những ngày đêm tìm kiếm khắp lục địa qua điện thoại, điện tín, máy bay—khảo sát những mỏ khai thác bị bỏ hoang và sắp bị bỏ hoang—những cuộc họp vội vã, căng thẳng tại các bàn trong góc tối của những nhà hàng vô danh. Qua bàn, Rearden phải quyết định mình có thể mạo hiểm bao nhiêu tiền chỉ dựa vào một bằng chứng duy nhất: gương mặt, thái độ và giọng nói của một người. Anh ghét việc phải coi sự trung thực như một ân huệ, nhưng vẫn mạo hiểm, đổ tiền vào tay những kẻ vô danh để đổi lấy những lời hứa suông, những khoản vay không chữ ký cho các chủ mỏ giả đang phá sản. Tiền được trao và nhận lén lút như một cuộc trao đổi giữa những kẻ tội phạm, bằng tiền mặt không dấu vết. Tiền đổ vào những hợp đồng vô hiệu—cả hai bên đều biết trong trường hợp lừa đảo, người bị lừa sẽ bị trừng phạt thay vì kẻ lừa đảo—nhưng vẫn đổ vào để dòng quỹ đạo tiếp tục chảy vào lò luyện, để những lò luyện tiếp tục đổ ra dòng kim loại trắng.

"Thưa ông Rearden," người quản lý mua sắm của nhà máy hỏi, "nếu ông tiếp tục như vậy, lợi nhuận của ông sẽ ở đâu?"

"Chúng ta sẽ bù lại bằng tấn thép," Rearden đáp một mồi. "Chúng ta có thị trường vô hạn cho Rearden Metal."

Người quản lý mua sắm là một người đàn ông cao tuổi, tóc bạc, khuôn mặt gầy guộc, khô khan, với trái tim mà ai cũng bảo chỉ dành cho việc vắt kiệt từng đồng xu. Ông đứng trước bàn làm việc của Rearden, im lặng nhìn thẳng vào anh, đôi mắt lạnh lùng nheo lại đầy nghiêm nghị. Đó là ánh nhìn thấu hiểu sâu sắc nhất mà Rearden từng thấy.

Không còn lựa chọn nào khác, Rearden nghĩ, như anh đã nghĩ suốt những ngày đêm qua. Anh không biết vũ khí nào khác ngoài việc trả giá cho những gì mình muốn, trao giá trị đổi giá trị, không đòi hỏi gì từ tự nhiên mà không đổi công sức, không

đòi hỏi gì từ con người mà không đổi sản phẩm. Vũ khí là gì, anh tự hỏi, khi giá trị không còn là vũ khí nữa?

"Thị trường vô hạn, thưa ông Rearden?" người quản lý mua sắm hỏi khô khan.

Rearden liếc nhìn ông. "Có lẽ tôi không đủ thông minh để thực hiện những giao dịch cần thiết trong thời đại này," anh đáp, trả lời những suy nghĩ không lời đang treo lơ lửng trên bàn.

Người quản lý mua sắm lắc đầu. "Không, thưa ông Rearden, chỉ có một trong hai. Cùng một bộ óc không thể làm cả hai việc. Hoặc ông giỏi điều hành nhà máy, hoặc ông giỏi chạy đến Washington."

"Có lẽ tôi nên học cách của họ."

"Ông không thể học được và nó cũng vô ích. Ông sẽ không thắng trong bất kỳ giao dịch nào. Ông không hiểu sao? Chính ông mới là người có thứ để bị cướp đi."

Khi còn lại một mình, Rearden cảm thấy cơn giận dữ chói mắt, như nó vẫn đến với anh, đau đớn, đơn độc và đột ngột như một cú sốc điện—cơn giận bùng nổ từ nhận thức rằng không thể giao dịch với cái ác thuần túy, với cái ác trần trụi, có ý thức mà không cần biện minh. Nhưng khi anh cảm thấy khao khát chiến đấu và tiêu diệt trong chính nghĩa tự vệ—anh lại thấy khuôn mặt béo ú cười của Thị trưởng Bascom và nghe giọng nói kéo dài: "...anh và quý cô duyên dáng không phải vợ của anh."

Lúc đó không còn chính nghĩa nào, và cơn đau của cơn giận trở thành nỗi nhục nhã của sự khuất phục. Anh không có quyền kết tội ai—anh nghĩ—để lên án bất cứ điều gì, để chiến đấu và chết trong vinh quang, để tuyên bố sự chứng thực của đức hạnh. Những lời hứa bị phá vỡ, những ham muốn chưa thú nhận, sự phản bội, dối trá, lừa gạt—anh đã phạm tất cả. Còn hình thức tham nhũng nào để anh khinh miệt? Mức độ không quan trọng, anh nghĩ; người ta không mặc cả với tội ác.

Anh không nhận ra—khi ngồi gục xuống bàn, nghĩ về sự trung thực mà mình không

còn có thể tuyên bố, về cảm giác công lý đã mất—rằng chính sự trung thực cứng nhắc và cảm giác công lý khắc nghiệt của anh đang đánh bật vũ khí duy nhất khỏi tay mình. Anh sẽ chiến đấu với lũ cướp, nhưng không còn sự phẫn nộ và ngọn lửa. Anh sẽ chiến đấu, nhưng chỉ như một kẻ tội lỗi đối đầu với những kẻ khác. Anh không thốt ra những lời đó, nhưng cơn đau là hiện thân của chúng, cơn đau xấu xí nói rằng: Ai tôi mà dám ném viên đá đầu tiên?

Anh để cơ thể mình rơi xuống bàn... Dagny, anh nghĩ, Dagny, nếu đây là cái giá phải trả, anh sẽ trả... Anh vẫn là một thương nhân không biết gì khác ngoài việc thanh toán đầy đủ cho những ham muốn của mình.

Mãi đến khi về nhà, anh lặng lẽ vội vã lên cầu thang vào phòng ngủ. Anh ghét bản thân vì phải hạ mình đến mức lén lút, nhưng anh đã làm vậy hầu hết các tối trong nhiều tháng qua. Cảnh tượng gia đình mình trở nên không thể chịu đựng; anh không hiểu tại sao. Đừng ghét họ vì tội lỗi của mình, anh tự nhủ, nhưng mơ hồ biết rằng đó không phải gốc rễ của sự căm ghét này.

Anh đóng cửa phòng ngủ như kẻ trốn chạy đang tìm một khoảnh khắc tạm bình yên. Anh di chuyển thật khẽ, cúi đầu để đi ngủ: anh không muốn bất kỳ âm thanh nào tiết lộ sự hiện diện của mình với gia đình, thậm chí không muốn họ nghĩ đến sự tồn tại của anh.

Anh vừa mặc xong đồ ngủ và dừng lại để châm thuốc thì cửa phòng mở ra. Người duy nhất được phép vào phòng không cần gõ cửa chưa bao giờ tự nguyện vào, nên anh phải nhìn chằm chằm một lúc mới tin đó là Lillian.

Cô mặc bộ trang phục Empire màu chartreuse nhạt, váy xếp li buông rủ từ đường eo cao; thoát nhìn khó phân biệt đó là váy dạ hội hay áo ngủ - hóa ra là áo ngủ.

Cô dừng lại ở cửa, dáng hình quyến rũ hiện lên trong ánh sáng.

"Tôi biết không nên tự giới thiệu với người lạ," cô nói nhẹ nhàng, "nhưng tôi buộc

phải làm vậy: tôi là bà Rearden." Anh không đoán được đó là châm biếm hay cầu xin.

Cô bước vào, đóng cửa một cách bình thản với vẻ chủ nhân.

"Có chuyện gì vậy, Lillian?" anh hỏi nhẹ nhàng.

"Anh yêu, đừng thú nhận quá lộ liễu thế"—cô chậm rãi bước qua phòng, đi qua giường anh và ngồi xuống ghế bành—"mà cũng đừng tỏ ra quá khiêm nhường. Như thế là thừa nhận tôi cần lý do đặc biệt để chiếm thời gian của anh. Hay tôi nên đặt lịch qua thư ký?"

Anh đứng giữa phòng, điều thuốc vẫn trên môi, lặng lẽ nhìn cô.

Cô cười. "Lý do của tôi đặc biệt đến mức anh sẽ không bao giờ nghĩ tới: cô đơn, anh yêu. Anh có phiền không nếu tôi xin chút thời gian quý báu? Anh có phiền nếu tôi ở đây mà không cần lý do chính đáng?"

"Không," anh đáp nhẹ, "nếu cô muốn."

"Tôi chẳng có gì quan trọng để nói—không đơn hàng triệu đô, không thỏa thuận xuyên lục địa, không đường sắt, không cầu. Ngay cả chính trị cũng không. Tôi chỉ muốn trò chuyện như một người phụ nữ về những điều không quan trọng."

"Tiếp đi."

"Henry, không có cách nào tế nhị hơn để ngăn tôi sao?" Cô có vẻ thành thật cầu xin.

"Tôi còn nói gì được nữa? Giả sử tôi muốn kể về cuốn tiểu thuyết mới Balph Eubank đang viết—anh ấy định tặng nó cho tôi—liệu điều đó có khiến anh quan tâm?"

"Chỉ cần là sự thật thì—không."

Cô cười. "Vậy nếu tôi không muốn sự thật thì sao?"

"Vậy thì tôi không biết nói gì," anh đáp—và cảm thấy máu dồn lên não, căng như một cái tát, khi chợt nhận ra sự giả dối trong việc tự nhận mình chân thật; anh nói điều

đó thành thật, nhưng nó ngằm khoe khoang điều mà giờ anh không còn quyền có. "Tại sao cô lại muốn điều đó, nếu không phải sự thật?" anh hỏi. "Để làm gì?"

"Giờ anh thấy đấy, đó là sự tàn nhẫn của những người có lương tâm. Anh sẽ không hiểu điều này—phải không?—nếu tôi nói rằng sự cống hiến thực sự là sẵn sàng nói dối, lừa gạt và giả tạo để làm người khác hạnh phúc—để tạo ra thực tế họ muốn, khi họ không thích thực tại hiện có."

"Không," anh nói chậm rãi, "tôi sẽ không hiểu điều đó."

"Thật ra rất đơn giản. Khi anh nói một người phụ nữ đẹp rằng cô ấy đẹp, anh cho cô ấy được gì? Đó chỉ là sự thật, chẳng tốn gì của anh. Nhưng khi anh nói với một người phụ nữ xấu rằng cô ấy đẹp, anh đã tôn vinh cô ấy bằng cách bóp méo khái niệm về cái đẹp. Yêu một người phụ nữ vì đức hạnh thật vô nghĩa. Cô ấy xứng đáng, đó là sự đền đáp, không phải món quà. Nhưng yêu cô ấy vì tật xấu mới là món quà thực sự, không xứng đáng và không được xứng đáng. Yêu cô ấy vì tật xấu là làm ô uế mọi đức hạnh vì cô ấy—đó mới là sự cống hiến thực sự của tình yêu, vì anh hy sinh lương tâm, lý trí, sự chính trực và lòng tự trọng quý giá của mình."

Anh nhìn cô với ánh mắt trống rỗng. Nó nghe như một sự hư hỏng không thể tưởng tượng nổi, và anh tự hỏi tại sao cô lại nói ra điều này.

"Tình yêu là gì, anh yêu, nếu không phải là hy sinh bản thân?" cô tiếp tục nhẹ nhàng, như thể đang trò chuyện trong phòng khách. "Hy sinh bản thân là gì, nếu không phải từ bỏ những điều quý giá và thiêng liêng nhất? Nhưng tôi không mong anh hiểu điều này. Không phải một người thanh khiết như anh."

"Đó là sự ích kỷ khổng lồ của người thanh khiết. Anh sẽ để cả thế giới diệt vong còn hơn là làm ô nhiễm bản thân bởi một vết nhơ đáng xấu hổ."

Anh nói chậm rãi, giọng căng thẳng và trang trọng: "Tôi chưa bao giờ tuyên bố là mình thanh khiết."

Cô cười. "Vậy hiện tại anh đang làm gì? Đang cho tôi một câu trả lời chân thành phải không?" Cô nhún vai, để lộ đôi vai trần.

"Ôi, anh yêu, đừng nghiêm túc với tôi! Tôi chỉ đang nói chuyện thôi."

Anh vùi đầu vào gạt tàn, không đáp lời.

"Anh yêu," cô nói, "thực ra tôi đến đây chỉ vì nhớ ra mình có một người chồng và muốn xem anh ấy trông thế nào."

Cô quan sát anh đứng đối diện, dáng người cao thẳng, căng cứng, được tôn lên bởi bộ đồ ngủ màu xanh đậm.

"Anh rất quyến rũ," cô nói. "Anh trông tốt hơn nhiều—những tháng gần đây. Trẻ hơn. Có nên nói là hạnh phúc hơn không? Anh trông bớt căng thẳng hơn."

"Ôi, tôi biết anh vội vã hơn bao giờ hết và hành động như một chỉ huy trong cuộc không kích, nhưng đó chỉ là bề ngoài. Anh bớt căng thẳng hơn—bên trong."

Anh nhìn cô, kinh ngạc. Điều đó đúng; anh chưa từng nhận ra hay thừa nhận với chính mình. Anh tự hỏi khả năng quan sát của cô sâu sắc đến mức nào.

Cô hiếm khi gặp anh những tháng gần đây. Anh không vào phòng cô kể từ khi trở về từ Colorado. Anh tưởng cô sẽ vui khi họ tách biệt. Giờ anh tự hỏi điều gì khiến cô nhạy cảm với sự thay đổi trong anh—trừ phi đó là một cảm xúc sâu đậm hơn anh từng nghĩ.

"Tôi không nhận ra điều đó," anh nói.

"Nó thực sự rất hợp với anh—và thật ngạc nhiên, vì anh đã trải qua những tháng ngày khó khăn đến thế."

Anh tự hỏi liệu cô có định hỏi không. Cô dừng lại, như thể chờ đợi câu trả lời, nhưng không thúc giục mà tiếp tục vui vẻ: "Tôi biết anh đang gặp đủ loại rắc rối ở nhà

máy—rồi tình hình chính trị cũng ngày càng u ám, phải không? Nếu họ thông qua những đạo luật đang bàn tới, hẳn sẽ ảnh hưởng nặng đến anh?"

"Đúng vậy. Nó sẽ ảnh hưởng. Nhưng đó có phải là chủ đề em quan tâm không, Lillian?"

"Ồ, nhưng nó có chứ!" Cô ngẩng đầu nhìn thẳng vào anh; đôi mắt cô mang vẻ trống rỗng, mơ hồ mà anh đã từng thấy—một cái nhìn cố ý bí ẩn và tự tin rằng anh sẽ không thể giải mã. "Nó rất quan trọng với em... dù không phải vì những tổn thất tài chính có thể xảy ra," cô nói thêm, giọng mềm mại.

Lần đầu tiên anh tự hỏi liệu sự ác ý, mỉa mai, những lời xúc phạm hèn nhát dưới vỏ bọc nụ cười của cô có phải là điều ngược lại với những gì anh vẫn nghĩ—không phải một cách tra tấn, mà là một hình thức tuyệt vọng méo mó; không phải ý muốn làm anh đau khổ, mà là lời thú nhận về nỗi đau của chính cô; một sự tự vệ cho lòng kiêu hãnh của người vợ không được yêu thương, một lời cầu xin thầm kín—rằng sự tinh tế, ẩn ý trong cách cư xử của cô, điều van xin được thấu hiểu, không phải là sự thù ghét công khai, mà là tình yêu bị giấu kín. Ý nghĩ đó khiến anh sững sờ. Nó làm cảm giác tội lỗi trong anh lớn hơn bao giờ hết.

"Nếu chúng ta đang nói về chính trị, Henry, em vừa có một suy nghĩ thú vị. Phe mà anh đại diện—khẩu hiệu mà tất cả các anh hay dùng là gì ấy nhỉ? 'Sự thiêng liêng của hợp đồng'—có phải không?"

Cô thấy ánh mắt anh thoáng loé lên, sự tập trung hiện rõ trong đôi mắt - phản ứng đầu tiên với điều cô vừa chạm đến. Cô bật cười lớn.

"Nói tiếp đi," anh nói, giọng trầm như một lời đe dọa.

"Anh yêu, để làm gì chứ? Anh đã hiểu rất rõ ý em rồi."

"Em định nói gì?" Giọng anh trở nên sắc lạnh, không chút cảm xúc.

"Anh thực sự muốn đẩy em đến mức phải hạ mình than phiền sao? Chuyện này quá đổi tầm thường, một lời phàn nàn quá đổi phổ biến—dù em đã nghĩ mình có một người chồng tự hào là khác biệt với những kẻ tầm thường. Anh có muốn em nhắc lại rằng anh từng thề sẽ biến hạnh phúc của em thành mục tiêu của đời anh không? Và rằng giờ đây, anh thậm chí không thể nói em đang hạnh phúc hay bất hạnh, vì anh còn chẳng quan tâm đến sự tồn tại của em?"

Anh cảm thấy tất cả như một cơn đau thể xác—mọi thứ đang xé nát anh cùng một lúc. Những lời cô nói như một lời cầu xin, anh nghĩ—và cảm nhận dòng chảy tăm tối, nóng rực của tội lỗi. Anh cảm thấy thương hại—một sự thương hại lạnh lẽo và xấu xí, không chút tình cảm. Anh cảm thấy một cơn giận mơ hồ, như một tiếng nói anh cố bóp nghẹt, đang gào thét trong ghê tởm: Tại sao ta phải chịu đựng những lời dối trá thối nát và méo mó của cô ta? Tại sao ta phải chấp nhận sự tra tấn chỉ vì thương hại? Tại sao chính ta lại phải gánh vác gánh nặng vô vọng này, cố gắng bảo vệ một cảm xúc mà cô ta không dám thừa nhận, một cảm xúc mà ta không thể hiểu, không thể đáp lại, cũng không thể đoán được?

—nếu cô ấy yêu ta, tại sao kẻ hèn nhát đó không nói thẳng ra để cả hai đối mặt với nó?

Anh nghe thấy một giọng nói khác, mạnh mẽ hơn, vang lên đều đều: Đừng đổ lỗi cho cô ấy, đó là trò lừa cũ rích của những kẻ hèn nhát—mày mới là kẻ có tội—dù cô ấy có làm gì, cũng chẳng là gì so với tội lỗi của mày—cô ấy đúng—điều đó khiến mày thấy ghê tởm, phải không, khi biết rằng cô ấy đúng?—cứ để nó khiến mày buồn nôn đi, thằng phản bội khốn kiếp—cô ấy đúng!

"Điều gì sẽ khiến em hạnh phúc, Lillian?" anh hỏi, giọng vô hồn.

Cô mỉm cười, ngả người ra ghế, thư thái; ánh mắt vẫn dõi theo từng biểu cảm trên mặt anh.

"Ôi, trời ơi!" cô nói, giọng đầy chán chường. "Đó là một câu hỏi lách luật. Một cách

để trốn tránh trách nhiệm."

Cô đứng dậy, buông thõng hai cánh tay với một cái nhún vai, vươn người trong một cử động mềm mại, duyên dáng mà bất lực.

"Điều gì sẽ khiến em hạnh phúc ư, Henry? Đáng lẽ anh phải nói cho em biết. Đáng lẽ anh phải là người khám phá ra điều đó. Em không biết. Anh phải tạo ra nó và trao nó cho em. Đó là niềm tin của anh, nghĩa vụ của anh, trách nhiệm của anh. Nhưng anh không phải người đàn ông đầu tiên rũ bỏ lời hứa đó. Đó là món nợ dễ từ chối nhất. Ôi, anh sẽ không bao giờ chậm trễ trong việc thanh toán một lô quặng sắt. Chỉ là một cuộc đời thôi mà."

Cô bước chậm rãi qua căn phòng, tà váy xanh vàng cuộn thành những làn sóng dài quanh người.

"Em biết những yêu cầu như thế này thật không thực tế," cô nói. "Em không có thể chấp với anh, không tài sản đảm bảo, không súng, không xiềng xích. Em chẳng có gì ràng buộc anh cả, Henry—ngoại trừ danh dự của anh."

Anh đứng đó, nhìn cô như thể phải dồn hết sức lực để giữ ánh mắt trên khuôn mặt cô, để tiếp tục nhìn, để chịu đựng hình ảnh ấy. "Em muốn gì?" anh hỏi.

"Anh yêu, có nhiều điều anh có thể tự đoán ra, nếu anh thực sự muốn biết em muốn gì. Chẳng hạn, khi anh đã tránh mặt em trắng trợn suốt nhiều tháng qua, chẳng lẽ em không muốn biết lý do sao?"

"Anh rất bận."

Cô nhún vai. "Một người vợ mong đợi mình là mối quan tâm hàng đầu trong cuộc đời chồng. Em không ngờ rằng khi anh thề từ bỏ tất cả những người khác, điều đó lại không bao gồm lò luyện kim."

Cô tiến lại gần hơn, và với một nụ cười thích thú đầy mỉa mai, cô vòng tay qua anh.

Phản ứng của anh là bản năng, dữ dội—như một chú rể trẻ trước cái chạm không mong muốn của một cô gái điếm—anh giật mạnh cánh tay cô ra và đẩy cô sang một bên.

Anh đứng sững, bị sốc bởi sự tàn nhẫn của chính mình.

Cô nhìn anh, khuôn mặt lộ rõ vẻ bàng hoàng, không còn vẻ bí ẩn, không còn giả vờ hay che giấu; dù có tính toán thế nào, đây là điều cô chưa từng ngờ tới.

"Anh xin lỗi, Lillian..." anh nói, giọng trầm, đầy chân thành và đau đớn.

Cô không đáp.

"Anh xin lỗi... Chỉ là anh rất mệt," anh nói thêm, giọng vô cảm; anh bị đánh gục bởi ba lời dối trá—một trong số đó là sự phản bội mà anh không dám đối diện. Và nó không phải là sự phản bội đối với Lillian.

Cô khẽ cười. "Chà, nếu công việc của anh mang lại hiệu quả như vậy, có lẽ tôi sẽ chấp nhận thôi. Tha lỗi cho tôi, tôi chỉ đang cố gắng làm tròn bổn phận. Tôi cứ ngỡ anh là kẻ chỉ biết hưởng thụ, không bao giờ vượt lên trên bản năng của một con thú dưới cồng rãnh. Tôi không phải loại đàn bà thuộc về nơi đó." Cô nói nhanh, không khóc, không suy nghĩ. Trong đầu cô chỉ có một dấu hỏi, lướt qua mọi khả năng.

Chính câu cuối cùng đó khiến anh đột ngột quay sang nhìn cô, một cách đơn giản, trực diện, không còn mang tâm thế phòng thủ.

"Lillian, mục đích sống của em là gì?" anh hỏi.

"Thật là một câu hỏi thô thiển! Không ai có tri thức lại đi hỏi như thế."

"Vậy những người có tri thức làm gì với cuộc đời họ?"

"Có lẽ họ không cố gắng làm gì cả. Đó chính là sự khai sáng của họ."

"Họ làm gì với thời gian của mình?"

"Họ chắc chắn không dành nó để sản xuất ống nước."

"Nói anh nghe, tại sao em cứ liên tục châm chọc như vậy? Anh biết em khinh miệt ống nước. Em đã làm rõ điều đó từ lâu rồi."

Sự khinh miệt của em chẳng có ý nghĩa gì với anh cả. Tại sao cứ phải nhắc đi nhắc lại?"

Anh tự hỏi tại sao câu nói đó lại tác động đến cô; anh không biết bằng cách nào, nhưng anh chắc chắn rằng nó đã đánh trúng đích.

Anh tự hỏi tại sao anh lại cảm thấy chắc chắn rằng đó chính là điều cần nói ra.

Cô hỏi, giọng khô khan, "Mục đích của cuộc thẩm vấn bất ngờ này là gì?"

Anh đáp đơn giản, "Anh muốn biết liệu có điều gì thực sự em mong muốn không. Nếu có, anh muốn trao nó cho em, nếu anh có thể."

"Anh muốn mua nó ư? Đó là tất cả những gì anh biết—trả giá để có thứ mình muốn. Anh nghĩ mọi thứ đơn giản thế sao? Không, điều tôi muốn không phải là vật chất."

"Đó là gì?"

"Anh."

"Lillian, em nói vậy nghĩa là sao? Không phải theo nghĩa thông thường đó chứ?"

"Không, không theo nghĩa thông thường."

"Vậy thì theo nghĩa nào?"

Cô đứng ở cửa, quay lại, ngẩng đầu nhìn anh với một nụ cười lạnh lẽo.

"Anh sẽ không bao giờ hiểu được," cô nói rồi bước ra ngoài.

Nỗi dày vò còn sót lại trong anh là nhận thức rằng cô sẽ không bao giờ muốn rời xa anh, còn anh thì không bao giờ có quyền rời đi—ý nghĩ rằng anh nợ cô ít nhất một sự thừa nhận yếu ớt của lòng trắc ẩn, của sự tôn trọng đối với một cảm xúc mà anh không thể hiểu hay đáp lại. Anh nhận ra mình không thể gọi lên cho cô điều gì ngoài sự khinh miệt—một sự khinh miệt kỳ lạ, tuyệt đối, không thể lay chuyển bởi lòng thương hại, lời trách móc hay những lời cầu xin công bằng của anh. Và điều khó chịu nhất là sự ghê tởm đầy kiêu hãnh đối với chính phán quyết của mình, đối với yêu cầu rằng anh phải xem bản thân thấp kém hơn người phụ nữ mà anh khinh bỉ.

Rồi điều đó không còn quan trọng nữa, tất cả lùi xa vào một khoảng cách mơ hồ, chỉ để lại ý nghĩ rằng anh sẵn sàng chịu đựng mọi thứ—để lại anh trong trạng thái vừa căng thẳng vừa bình yên—bởi vì anh nằm trên giường, mặt úp vào gối, nghĩ về Dagny, về cơ thể mảnh mai, nhạy cảm của cô đang duỗi ra bên cạnh anh, run rẩy dưới sự chạm nhẹ của ngón tay anh. Anh ước cô đang ở New York. Nếu cô ở đó, anh sẽ lập tức đến ngay, ngay giữa đêm.

Eugene Lawson ngồi sau bàn làm việc như thể đó là bảng điều khiển của một máy bay ném bom đang chỉ huy cả một lực địa. Nhưng đôi lúc, anh ta quên mất điều đó và ngã người xuống, các cơ bắp thả lỏng trong bộ vest, như thể đang hờn dỗi với thế giới. Phần duy nhất trên khuôn mặt mà anh ta không thể kiểm soát chính là miệng; nó nhô ra một cách khó chịu trên khuôn mặt gầy guộc, thu hút ánh nhìn của bất kỳ ai đang lắng nghe. Khi anh ta nói, chuyển động lan qua môi dưới, vụn vụn phần thịt ẩm ướt thành những cử động thừa thãi.

"Tôi không hề thấy xấu hổ," Eugene Lawson nói. "Cô Taggart, tôi muốn cô biết rằng tôi không hề xấu hổ về sự nghiệp trước đây của mình khi làm chủ tịch Ngân hàng Quốc gia Cộng đồng Madison."

"Tôi không hề đề cập đến sự xấu hổ," Dagny lạnh lùng đáp.

"Tôi không thể bị buộc tội về đạo đức, vì tôi đã mất tất cả tài sản khi ngân hàng đó sụp đổ. Theo tôi, tôi có quyền tự hào về sự hy sinh đó."

"Tôi chỉ muốn hỏi anh về Công ty Động cơ Thế kỷ Hai mươi—"

"Tôi rất sẵn lòng trả lời mọi câu hỏi. Tôi không có gì phải che giấu. Lương tâm tôi trong sạch. Nếu cô nghĩ chủ đề này khiến tôi bối rối, thì cô đã nhầm."

"Tôi muốn hỏi về những người sở hữu nhà máy vào thời điểm anh cấp khoản vay cho—"

"Họ là những người hoàn toàn tốt. Họ là một khoản đầu tư đáng tin cậy—dĩ nhiên, tôi đang nói theo góc độ con người, không phải theo khía cạnh tiền bạc lạnh lùng mà các ngân hàng như cô quen thuộc. Tôi cấp khoản vay cho họ vì họ cần tiền. Nếu con người cần tiền, thế là đủ với tôi. Tiêu chí của tôi là nhu cầu, cô Taggart, không phải lòng tham. Cha và ông tôi xây dựng Ngân hàng Quốc gia Cộng đồng chỉ để tích lũy của cải. Tôi đã đặt tài sản của họ vào việc phục vụ một lý tưởng cao cả hơn. Tôi không ngồi trên đồng tiền và đòi thế chấp từ những người nghèo cần vay vốn. Trái tim là thế chấp của tôi. Dĩ nhiên, tôi không mong ai ở đất nước duy vật này hiểu được. Phần thưởng tôi nhận được không phải loại mà những người như cô, cô Taggart, có thể trân trọng. Những người từng ngồi trước bàn làm việc của tôi không ngồi như cách cô đang ngồi. Họ khiêm nhường, bất định, mệt mỏi vì lo âu, sợ hãi khi nói chuyện. Phần thưởng của tôi là những giọt nước mắt biết ơn trong mắt họ, giọng nói run rẩy, những lời chúc phúc, người phụ nữ đã hôn tay tôi khi tôi cấp khoản vay mà bà ta đã cầu xin vô vọng ở khắp nơi khác."

"Anh có thể cho tôi biết tên của những người sở hữu nhà máy động cơ không?"

"Nhà máy đó rất quan trọng với khu vực. Tôi hoàn toàn đúng khi cấp khoản vay đó. Nó tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn công nhân không có nguồn sống nào khác."

"Anh có quen ai trong số những người làm việc trong nhà máy không?"

"Tất nhiên. Tôi biết hết họ. Tôi quan tâm đến con người, không phải máy móc. Tôi quan tâm đến khía cạnh con người của ngành công nghiệp, không phải sổ sách."

Cô nghiêng người về phía trước, háo hức. "Anh có biết kỹ sư nào từng làm việc ở đó không?"

"Kỹ sư á? Không, không. Tôi dân chủ hơn thế nhiều. Tôi quan tâm đến những công nhân thực sự—những người lao động phổ thông. Họ đều biết tôi. Tôi vào xưởng và họ vẫy tay chào, 'Chào Gene.' Đó là cách họ gọi tôi—Gene. Nhưng tôi chắc điều này không khiến cô quan tâm. Nó là quá khứ rồi. Giờ nếu cô thực sự đến Washington để nói chuyện về đường sắt của cô"—anh ta ngồi thẳng lên một cách nhanh nhẹn, lấy lại tư thế của phi công ném bom—"tôi không biết liệu tôi có thể hứa với cô sự cân nhắc đặc biệt nào không, vì tôi phải đặt lợi ích quốc gia lên trên mọi đặc quyền hay lợi ích cá nhân—"

"Tôi không đến để nói chuyện với anh về đường sắt của tôi," cô nói, nhìn anh với vẻ bối rối. "Tôi không có hứng thú nói chuyện với anh về đường sắt của tôi."

"Không à?" Anh ta nghe có vẻ thất vọng.

"Không. Tôi đến để tìm hiểu thông tin về nhà máy động cơ. Anh có thể nhớ ra tên của bất kỳ kỹ sư nào đã làm việc ở đó không?"

"Tôi không nghĩ mình đã từng hỏi tên họ. Tôi không quan tâm đến đám ký sinh trong văn phòng và phòng thí nghiệm. Tôi quan tâm đến những công nhân thực sự—những người có bàn tay chai sạn, giữ cho nhà máy vận hành. Họ là bạn của tôi."

"Anh có thể cho tôi biết một vài cái tên không? Bất kỳ ai từng làm việc ở đó?"

"Cô Taggart thân mến, chuyện đó đã quá lâu rồi, có hàng nghìn người, làm sao tôi nhớ được?"

"Anh không thể nhớ một người nào, dù chỉ một người sao?"

"Tôi chắc chắn không thể. Có quá nhiều người đã đi qua cuộc đời tôi, tôi không thể nhớ từng giọt nước trong đại dương."

"Anh có quen thuộc với công việc sản xuất của nhà máy đó không? Với loại công việc họ đã làm—hoặc dự định làm?"

"Tất nhiên. Tôi rất quan tâm đến tất cả các khoản đầu tư của mình. Tôi thường xuyên đến kiểm tra nhà máy. Họ làm rất tốt. Họ đạt được những kỳ tích. Điều kiện nhà ở của công nhân là tốt nhất trong cả nước. Tôi thấy rèm ren ở mọi cửa sổ và hoa trên bậu cửa sổ. Mỗi ngôi nhà đều có một mảnh vườn riêng. Họ đã xây một trường học mới cho trẻ em."

"Anh có biết gì về công việc của phòng thí nghiệm nghiên cứu của nhà máy không?"

"Có, có, họ có một phòng thí nghiệm nghiên cứu tuyệt vời, rất tiên tiến, rất năng động, với tầm nhìn xa và kế hoạch lớn."

"Anh có nhớ từng nghe về... kế hoạch sản xuất một loại động cơ mới không?"

"Động cơ? Động cơ gì, cô Taggart? Tôi không có thời gian cho những chi tiết vụn vặt đó. Mục tiêu của tôi là tiến bộ xã hội, thịnh vượng toàn cầu, tình anh em và tình yêu. Tình yêu, cô Taggart ạ. Đó là chìa khóa của mọi thứ. Nếu con người học cách yêu thương nhau, họ sẽ giải quyết được mọi vấn đề."

Cô quay đi, không muốn nhìn những cử động nhơn nhót trên miệng hắn.

Một tảng đá khắc chữ tượng hình Ai Cập đặt trên bệ ở góc phòng—bức tượng nữ thần Hindu với sáu cánh tay nhện trong hốc tường—và một biểu đồ khổng lồ với những con số toán học rối rắm, trông như bảng thống kê doanh số của công ty bán hàng qua thư, treo trên tường.

"Vậy nên, nếu cô đang nghĩ về đường sắt của mình, cô Taggart—tất nhiên là cô đang nghĩ đến nó, xét đến tình hình hiện tại—tôi phải nhấn mạnh rằng, dù phúc lợi quốc

gia là ưu tiên hàng đầu của tôi, đến mức tôi sẵn sàng hy sinh lợi nhuận của bất kỳ ai, nhưng tôi chưa bao giờ làm ngơ trước một lời cầu xin lòng thương..."

Cô nhìn hần và hiểu rõ hần muốn gì, động cơ nào đang thúc đẩy hần tiếp tục.

"Tôi không muốn bàn về đường sắt của tôi," cô nói, cố giữ giọng bình thản, mặc dù cô muốn gào lên vì ghê tởm. "Bất cứ điều gì ông cần nói về vấn đề đó, xin hãy nói với anh trai tôi, ông James Taggart."

"Tôi nghĩ rằng vào lúc này, cô sẽ không muốn bỏ lỡ cơ hội hiếm có để tự bào chữa trước—"

"Ông có giữ bất kỳ hồ sơ nào về nhà máy động cơ không?"

Cô ngồi thẳng người, hai tay siết chặt.

"Hồ sơ nào? Tôi đã nói với cô rằng tôi mất sạch mọi thứ khi ngân hàng sụp đổ." Cơ thể hần chùng xuống, vẻ quan tâm tan biến. "Nhưng tôi không bận tâm. Những gì tôi mất chỉ là của cải vật chất. Tôi không phải người đầu tiên chịu đau khổ vì lý tưởng. Tôi thất bại vì lòng tham ích kỷ của những kẻ xung quanh. Tôi không thể xây dựng hệ thống tình anh em và tình yêu trong một tiểu bang nhỏ, giữa quốc gia toàn những kẻ chạy theo lợi nhuận. Không phải lỗi của tôi. Nhưng tôi sẽ không để họ đánh gục mình. Tôi sẽ không dừng lại. Tôi đang chiến đấu—trên quy mô lớn hơn—vì đặc quyền được phục vụ đồng loại. Hồ sơ ư, cô Taggart? Hồ sơ tôi để lại ở Madison được khắc sâu trong trái tim những người nghèo, những người chưa từng có cơ hội."

Cô không muốn thốt ra lời nào không cần thiết, nhưng không thể ngăn mình khi hình ảnh bà lao công già cặm cùi cọ rửa bậc thềm hiện lên. "Ông đã quay lại vùng đó kể từ đó chưa?" cô hỏi.

"Đó không phải lỗi của tôi!" hần hét lên. "Đó là lỗi của bọn giàu có, những kẻ vẫn còn tiền nhưng không chịu hy sinh để cứu ngân hàng của tôi và người dân Wisconsin! Cô

không thể trách tôi! Tôi đã mất tất cả!"

"Ông Lawson," cô nói, cố kìm nén, "ông có nhớ người đứng đầu tập đoàn sở hữu nhà máy không? Tập đoàn mà ông đã cho vay tiền. Nó có tên là Amalgamated Service, đúng không? Ai là chủ tịch?"

"À, hẳn ta à? Phải, tôi nhớ. Hẳn tên Lee Hunsacker. Một thanh niên đầy tiềm năng, nhưng đã thất bại nặng nề."

"Bây giờ hẳn ở đâu? Ông có biết địa chỉ không?"

"À—tôi tin là hẳn đang ở đâu đó bên Oregon. Grangeville, Oregon."

Thư ký của tôi có thể cho cô địa chỉ của anh ta. Nhưng tôi không thấy có gì đáng quan tâm... Cô Taggart, nếu cô đang nghĩ đến việc gặp ông Wesley Mouch, hãy để tôi nói cho cô biết rằng ông Mouch rất coi trọng ý kiến của tôi trong các vấn đề về đường sắt và những thứ khác—"

"Tôi không có ý định gặp ông Mouch," cô nói và đứng dậy.

"Nhưng... tôi không hiểu. Thực sự, mục đích của cô khi đến đây là gì?"

"Tôi đang tìm một người từng làm việc cho Công ty Động cơ Thế kỷ Hai Mươi."

"Tại sao cô muốn tìm anh ta?"

"Tôi muốn anh ta làm việc cho đường sắt của tôi."

Ông ta đang rộng hai tay, vẻ không tin và phẫn nộ.

"Vào thời điểm này, khi những vấn đề sống còn đang được quyết định, cô lại lãng phí thời gian để tìm một nhân viên? Tin tôi đi, số phận đường sắt của cô phụ thuộc vào ông Mouch nhiều hơn bất kỳ nhân viên nào cô có thể tìm thấy."

"Chào ông," cô nói.

Khi cô quay đi, ông ta thốt lên bằng giọng run rẩy cao vút: "Cô không có quyền khinh miệt tôi."

Cô dừng lại và nhìn ông ta. "Tôi chưa bày tỏ bất kỳ ý kiến nào."

"Tôi hoàn toàn vô tội. Tôi đã mất hết tiền vì một mục đích tốt đẹp. Động cơ của tôi thuần khiết. Tôi không muốn gì cho bản thân. Tôi chưa bao giờ tìm kiếm điều gì cho riêng mình. Cô Taggart, tôi có thể tự hào nói rằng trong suốt đời mình, tôi chưa từng kiếm được một đồng lợi nhuận nào!"

Giọng cô bình tĩnh, vững vàng và trang nghiêm: "Ông Lawson, tôi nghĩ tôi nên nói cho ông biết rằng trong tất cả những điều một người có thể nói, đó là câu đáng khinh nhất."

"Tôi chưa bao giờ có cơ hội!" Lee Hunsacker nói.

Ông ta ngồi giữa căn bếp, bên cái bàn lộn xộn đầy giấy tờ.

Ông ta cần cạo râu và giặt áo sơ mi. Khó đoán được tuổi của ông ta: lớp da sừng húp trên khuôn mặt trông trơn nhẵn và trống rỗng, chưa hề chịu tác động của trải nghiệm; nhưng mái tóc hoa râm và đôi mắt mờ đục lộ vẻ mệt mỏi kiệt sức. Ông ta bốn mươi hai tuổi.

"Không ai cho tôi cơ hội. Tôi hy vọng họ hài lòng với những gì họ đã biến tôi thành. Nhưng đừng nghĩ tôi không nhận ra điều đó. Tôi biết họ đã cướp mất quyền thừa kế của tôi. Đừng để họ giả vờ tốt bụng. Họ chỉ là lũ đạo đức giả thói tha."

"Ai?" Dagny hỏi.

"Tất cả mọi người," Lee Hunsacker nói. "Bản chất con người là tồi tệ, chẳng ích gì khi giả vờ khác đi. Công lý ư? Hừ! Nhìn đi!" Ông ta vung tay chỉ quanh phòng. "Một người như tôi bị đẩy đến tình cảnh này!"

Ngoài cửa sổ, ánh sáng ban trưa như hoàng hôn xám xịt giữa những mái nhà u ám và

hàng cây trụi của một nơi không phải vùng quê, cũng chẳng bao giờ thành thị trấn. Sự ẩm đậm và ẩm thấp ngấm vào từng bức tường căn bếp. Bát đĩa ăn sáng chất đống trong bồn rửa; một nồi hầm sôi lăn tăn trên bếp, tỏa mùi hơi nước béo ngậy của thịt rẻ tiền; một chiếc máy đánh chữ phủ bụi nằm giữa đống giấy trên bàn.

"Công ty Động cơ Thế kỷ Hai Mươi," Lee Hunsacker nói, "là một trong những cái tên lừng lẫy nhất trong lịch sử công nghiệp Mỹ. Tôi đã là chủ tịch công ty đó. Tôi đã sở hữu nhà máy đó. Nhưng họ không cho tôi cơ hội."

"Ông không phải là chủ tịch Công ty Động cơ Thế kỷ Hai Mươi, đúng không? Tôi tin ông từng đứng đầu một tập đoàn tên là Amalgamated Service?"

"Đúng, đúng, nhưng cũng như nhau thôi. Chúng tôi đã tiếp quản nhà máy của họ. Chúng tôi đã định làm tốt như họ, thậm chí còn tốt hơn. Chúng tôi cũng quan trọng không kém. Jed Starnes là cái thá gì chứ? Chẳng qua chỉ là một thợ sửa xe ở xó xỉnh nào đó — cô có biết đó là cách ông ta bắt đầu không? — chẳng có chút nền tảng gì. Gia đình tôi thuộc tầng lớp thượng lưu New York. Ông nội tôi từng là thành viên quốc hội. Đâu phải lỗi của tôi khi cha tôi không đủ tiền mua xe riêng cho tôi khi đi học. Tất cả những cậu trai khác đều có xe. Họ có gì hơn tôi chứ? Khi tôi vào đại học—" Ông ta chợt dừng lại. "Cô nói cô đến từ tờ báo nào?"

Cô đã nói tên mình, nhưng không hiểu sao lại thấy nhẹ nhõm khi ông ta không nhận ra, và cô cũng không muốn giải thích thêm. "Tôi không nói rằng tôi đến từ một tờ báo," cô đáp. "Tôi cần thông tin về nhà máy động cơ đó vì mục đích riêng, không phải để đăng báo."

"Ồ." Ông ta tỏ vẻ thất vọng rồi tiếp tục với giọng bức bối, như thể cô vừa cố tình xúc phạm ông ta. "Tôi nghĩ có thể cô đến phỏng vấn trước vì tôi đang viết hồi ký." Ông ta chỉ đóng giấy trên bàn. "Và tôi có rất nhiều chuyện để kể. Tôi định—Ồi, chết tiệt!" Ông ta chợt nhớ ra điều gì đó.

Ông ta lao đến bếp, nhấc nắp nồi lên và khuấy nồi hầm một cách tức tối, không để

tâm đến việc mình đang làm. Ông ta quăng cái thìa ướt xuống bếp, để mỡ nhỏ giọt vào lò gas, rồi quay lại bàn.

"Ừ, tôi sẽ viết hồi ký nếu có ai cho tôi cơ hội," ông ta nói. "Làm sao tôi có thể tập trung vào việc nghiêm túc khi phải làm những việc như thế này?" Ông ta hất đầu về phía bếp.

"Bạn bè ư! Bọn họ nghĩ vì cưu mang tôi nên có thể bóc lột tôi như một người phu khuân vác! Chỉ vì tôi không có chỗ nào khác để đi. Họ sống sung sướng, những người bạn cũ 'tốt đẹp' của tôi. Hắn ta chẳng bao giờ động tay vào việc nhà, chỉ ngồi cả ngày trong cửa hàng văn phòng phẩm tồi tàn của mình — làm sao so được với cuốn sách tôi đang viết? Còn cô ta thì đi chợ rồi bảo tôi trông nồi hầm vô nghĩa của cô ta. Cô ta biết một nhà văn cần sự yên tĩnh và tập trung, nhưng cô ta có quan tâm không? Cô biết hôm nay cô ta làm gì không?" Ông ta nghiêng người qua bàn, chỉ đồng bát đĩa trong bồn rửa. "Cô ta đi chợ, để nguyên đồng bát đĩa ăn sáng đó và nói sẽ rửa sau. Tôi biết cô ta muốn gì. Cô ta mong tôi sẽ rửa chúng. Được thôi, tôi sẽ chơi lại cô ta. Tôi sẽ để nguyên chúng như thế."

"Ông có thể cho tôi hỏi về nhà máy động cơ không?"

"Đừng tưởng nhà máy động cơ là tất cả cuộc đời tôi. Trước đây tôi đã giữ nhiều vị trí quan trọng. Tôi từng tham gia các doanh nghiệp sản xuất dụng cụ y tế, bao bì giấy, mũ nam và máy hút bụi. Tất nhiên, những thứ đó không cho tôi nhiều cơ hội. Nhưng nhà máy động cơ — đó mới là cơ hội lớn của tôi. Đó là điều tôi chờ đợi."

"Vậy ông có được nó như thế nào?"

"Đó là định mệnh của tôi. Đó là giấc mơ thành hiện thực. Nhà máy đã bị đóng cửa — phá sản. Những người thừa kế của Jed Starnes đã quản lý nó đến phá sản rất nhanh. Tôi không biết chính xác chuyện gì đã xảy ra, nhưng có điều gì đó kỳ lạ ở đó khiến công ty phá sản. Những người làm đường sắt đã đóng chi nhánh. Không ai muốn mua, không ai chịu đấu giá. Nhưng nó vẫn ở đó, nhà máy vĩ đại ấy, với đầy đủ trang

thiết bị, máy móc — những thứ đã tạo ra hàng triệu đô cho Jed Starnes. Đó là cơ sở tôi muốn, cơ hội tôi xứng đáng có. Vì vậy, tôi tập hợp vài người bạn, chúng tôi thành lập Tập đoàn Dịch vụ Hợp nhất và gom được chút tiền. Nhưng chúng tôi không đủ, cần một khoản vay để khởi đầu. Đó là khoản đầu tư hoàn toàn an toàn, chúng tôi là những chàng trai trẻ bắt đầu sự nghiệp vĩ đại, đầy nhiệt huyết và hy vọng cho tương lai.

Nhưng bạn nghĩ có ai khuyến khích chúng tôi không? Không có.

"Không phải dám kèn kền tham lam đã chiếm hết mọi đặc quyền! Làm sao chúng tôi có thể thành công khi không ai chịu cho chúng tôi một nhà máy? Chúng tôi làm sao cạnh tranh được với lũ nhãi con thừa kế cả chuỗi nhà máy?"

"Chúng tôi không xứng đáng có cơ hội hay sao? Đừng nhắc với tôi về công lý! Tôi đã làm việc cật lực như một con chó, tìm kiếm người cho vay. Nhưng tên khốn Midas Mulligan đã đẩy tôi vào đường cùng."

Cô ngồi thẳng dậy. "Midas Mulligan?"

"Phải, cái gã ngân hàng trông như tài xế xe tải và cũng hành xử y như vậy!"

"Ông biết Midas Mulligan sao?"

"Biết chứ! Tôi là người duy nhất đánh bại được hắn — dù chẳng ích gì!"

Vào những lúc kỳ lạ, với cảm giác bất an, cô tự hỏi — như khi nghe về những con tàu ma trôi dạt trên biển hay những ánh sáng bí ẩn lóe lên trên bầu trời — về sự biến mất của Midas Mulligan. Không có lý do gì để cô phải giải đáp những câu đố này, ngoại trừ việc chúng là những điều bí ẩn không đáng là bí ẩn: chúng không thể vô cớ, nhưng không lý do nào có thể giải thích được chúng.

Midas Mulligan từng là người giàu nhất và do đó bị chỉ trích nhiều nhất trong nước. Ông chưa từng thua lỗ trong bất kỳ khoản đầu tư nào; mọi thứ ông chạm vào đều

biến thành vàng. "Vì tôi biết phải chạm vào cái gì," ông nói. Không ai hiểu được cách đầu tư của ông: ông từ chối những thương vụ được cho là hoàn hảo, nhưng lại đổ tiền vào những dự án mà không ngân hàng nào dám động đến. Qua năm tháng, ông đã kích hoạt những làn sóng thành công công nghiệp bất ngờ, ngoạn mục lan tỏa khắp đất nước. Chính ông đã đầu tư vào Rearden Steel lúc khởi đầu, giúp Rearden mua lại các nhà máy thép bỏ hoang ở Pennsylvania. Khi một nhà kinh tế gọi ông là kẻ đánh bạc liều lĩnh, Mulligan đáp: "Lý do anh không bao giờ giàu được là vì anh nghĩ những gì tôi làm là đánh bạc."

Người ta đồn rằng khi giao dịch với Midas Mulligan, có một quy tắc bất thành văn: nếu người xin vay đề cập đến nhu cầu cá nhân hay bất kỳ cảm xúc nào, cuộc phỏng vấn sẽ kết thúc và họ sẽ không bao giờ được gặp lại ông Mulligan.

"Được chứ," Midas Mulligan đã nói khi được hỏi liệu ông có thể chỉ ra ai xấu hơn kẻ có trái tim khép kín trước lòng thương xót. "Đó là kẻ dùng lòng thương xót của người khác như một vũ khí."

Trong sự nghiệp dài của mình, ông bỏ qua mọi chỉ trích công khai, ngoại trừ một lần. Tên thật của ông là Michael; khi một nhà báo thuộc nhóm nhân đạo gọi ông là Midas Mulligan và biệt danh đó trở thành lời mỉa mai, Mulligan đã ra tòa yêu cầu đổi tên thành "Midas." Đơn được chấp thuận.

Trong mắt người đương thời, ông phạm phải tội không thể tha thứ: ông tự hào về sự giàu có của mình.

Đây là những gì Dagny nghe được về Midas Mulligan; cô chưa từng gặp ông. Bảy năm trước, Midas Mulligan đã biến mất.

Một buổi sáng, ông rời nhà và không bao giờ trở lại. Hôm sau, khách hàng tại Ngân hàng Mulligan ở Chicago nhận thông báo yêu cầu rút tiền vì ngân hàng sẽ đóng cửa. Cuộc điều tra sau đó cho thấy Mulligan đã lên kế hoạch đóng cửa từ trước một cách tỉ mỉ; nhân viên chỉ việc thực hiện theo chỉ thị. Đây là vụ đóng cửa ngân hàng có trật

tự nhất mà đất nước từng chứng kiến. Mỗi người gửi tiền đều nhận lại đủ số tiền, kể cả lãi suất. Mọi tài sản của ngân hàng được bán cho các tổ chức tài chính khác. Khi kiểm tra sổ sách, người ta thấy mọi thứ đều khớp hoàn toàn, không thiếu một xu; không có gì thừa; Ngân hàng Mulligan đã biến mất.

Không tìm thấy manh mối nào về động cơ của Mulligan, số phận của ông hay khối tài sản hàng triệu đô la. Cả con người lẫn tài sản của ông đều biến mất như thể chưa từng tồn tại. Không một ai được báo trước về quyết định này, cũng không có sự kiện nào có thể giải thích được nó. Mọi người đặt câu hỏi: nếu ông muốn nghỉ hưu, tại sao không bán cơ nghiệp của mình để thu về lợi nhuận khổng lồ thay vì phá hủy nó? Không ai có câu trả lời. Ông sống độc thân, không gia đình, không bạn bè.

Người hầu của ông chỉ biết rằng sáng hôm đó, ông rời nhà như thường lệ và không bao giờ quay lại.

Trong nhiều năm, Dagny cứ day dứt về sự phi lý trong việc Mulligan biến mất — như thể một tòa nhà chọc trời ở New York bỗng nhiên biến mất trong đêm, chỉ để lại một khoảng đất trống trên góc phố. Một người như Mulligan, với khối tài sản khổng lồ như vậy, không thể đơn giản ẩn mình được. Một tòa nhà chọc trời không thể lạc mất — nó sẽ vươn cao trên bất kỳ cánh đồng hay khu rừng nào được chọn làm nơi ẩn náu. Ngay cả khi bị phá hủy, đổ đống nát cũng không thể không ai nhận ra. Vậy mà Mulligan đã biến mất — và trong suốt bảy năm qua, giữa vô số tin đồn, phỏng đoán, lý thuyết, những câu chuyện trên báo cuối tuần và các nhân chứng tuyên bố đã gặp ông khắp nơi trên thế giới, vẫn không có manh mối nào đưa ra được lời giải thích hợp lý.

Trong số những câu chuyện ấy, có một câu chuyện phi lý đến mức Dagny tin là thật: không có gì trong bản chất của Mulligan có thể khiến người ta bịa ra nó. Người ta kể rằng người cuối cùng gặp ông vào buổi sáng xuân hôm ấy là một bà lão bán hoa ở góc phố gần Ngân hàng Mulligan tại Chicago. Bà kể rằng ông dừng lại mua bó hoa chuông xanh đầu tiên của năm. Khuôn mặt ông rạng rỡ hạnh phúc hơn bất cứ ai bà

từng thấy; ông trông như một chàng trai trẻ đang bước vào một chân trời rộng mở của cuộc đời; mọi dấu vết của đau đớn và căng thẳng, những vết tích thời gian trên gương mặt đều tan biến, chỉ còn lại niềm hân hoan và sự thanh thản. Ông cầm bó hoa như một hành động bộc phát, nháy mắt với bà lão như thể muốn chia sẻ một câu chuyện vui. Ông nói: "Bà có biết tôi yêu cuộc sống này đến nhường nào không?" Bà nhìn ông, bối rối, và ông bước đi, vung bó hoa như một quả bóng — một dáng người cao ráo, thẳng thắn trong bộ vest doanh nhân, dần khuất xa giữa những tòa nhà văn phòng vững chãi, dưới ánh nắng xuân lấp lánh trên những ô cửa kính.

"Midas Mulligan là một thằng khốn nạn với dấu đô la in trên trái tim," Lee Hunsacker nói trong khi ngửi mùi hắc của nồi hầm. "Tương lai của tôi chỉ phụ thuộc vào nửa triệu đô la — chẳng là gì với hắn cả, vậy mà khi tôi xin vay tiền, hắn từ chối thẳng thừng chỉ vì tôi không có tài sản thế chấp. Làm sao tôi có thể có tài sản thế chấp khi chẳng ai cho tôi cơ hội làm việc lớn? Tại sao hắn cho người khác vay mà không cho tôi? Đúng là phân biệt đối xử! Hắn thậm chí còn không quan tâm đến cảm xúc của tôi — hắn bảo rằng với thành tích thất bại trong quá khứ, tôi không đủ tư cách để sở hữu một cái xe đẩy rau, nói chi đến nhà máy động cơ. Thất bại gì chứ? Tôi có thể làm gì khi mấy người bán tạp hóa ngu ngốc không chịu hợp tác về các hộp giấy? Hắn lấy quyền gì phán xét khả năng của tôi? Tại sao tương lai của tôi phải phụ thuộc vào ý kiến độc đoán của một gã độc quyền ích kỷ? Tôi không chịu đựng nổi. Tôi sẽ không để yên. Tôi đã kiện hắn."

"Anh kiện hắn?"

"Phải, tôi kiện. Có thể nghe lạ với mấy tiểu bang bảo thủ phía Đông, nhưng Illinois có một đạo luật nhân đạo, tiến bộ cho phép tôi làm vậy. Đây là vụ kiện đầu tiên thuộc loại này, nhưng tôi có một luật sư thông minh, cấp tiến đã tìm ra cách thực hiện. Đó là một đạo luật khẩn cấp kinh tế quy định không ai được phân biệt đối xử vì bất kỳ lý do gì trong các vấn đề liên quan đến kế sinh nhai. Nó được tạo ra để bảo vệ công nhân, nhưng cũng áp dụng cho tôi và các đối tác, đúng không? Chúng tôi ra tòa, khai về những khó khăn trong quá khứ, trích dẫn lời Mulligan nói tôi không đủ

tư cách điều hành xe đẩy rau, và chứng minh rằng tất cả thành viên Amalgamated Service đều không có uy tín, không có tín dụng, không có cách kiếm sống – do đó, mua nhà máy động cơ là cơ hội duy nhất để chúng tôi mưu sinh. Vì vậy, Midas Mulligan không có quyền phân biệt đối xử, và chúng tôi có quyền yêu cầu khoản vay theo luật. Ôi, chúng tôi có một vụ kiện hoàn hảo, nhưng thẩm phán Narragansett chủ tọa phiên tòa – một trong những thẩm phán kiểu cũ, như thầy tu trong tòa án, suy nghĩ như nhà toán học và chẳng bao giờ hiểu được khía cạnh nhân văn của vấn đề. Ông ta ngồi đó như pho tượng đá – như những pho tượng công lý bị bịt mắt. Cuối cùng, ông ta chỉ đạo bồi thẩm đoàn tuyên án có lợi cho Midas Mulligan và nói những lời cay độc về tôi cùng các đối tác. Nhưng chúng tôi kháng cáo lên tòa trên – và họ đã đảo ngược phán quyết, buộc Mulligan phải cho chúng tôi vay theo điều kiện của chúng tôi. Hắn có ba tháng để thực hiện, nhưng trước khi hết hạn, một chuyện không ai giải thích nổi đã xảy ra – hắn biến mất vào hư vô, cả hắn lẫn ngân hàng. Không còn một xu nào để thu hồi khoản vay hợp pháp của chúng tôi. Chúng tôi đã chi rất nhiều tiền thuê thám tử tìm hắn – ai mà chẳng làm vậy? – nhưng rồi đành bỏ cuộc."

"Không," Dagny nghĩ, "không, ngoài cảm giác buồn nôn mà nó mang lại, vụ kiện này chẳng tồi tệ hơn những chuyện khác mà Midas Mulligan đã phải chịu đựng suốt những năm qua. Hắn đã chịu bao tổn thất dưới những luật lệ công bằng kiểu tương tự, dưới những quy định và sắc lệnh đã khiến hắn mất đi những khoản tiền lớn hơn nhiều. Hắn đã chịu đựng và chiến đấu, làm việc cật lực hơn. Không có gì lạ khi vụ kiện này không thể làm hắn gục ngã."

"Chuyện gì đã xảy ra với thẩm phán Narragansett?" cô hỏi bất chợt, và tự hỏi vì sao tiềm thức lại khiến mình đặt câu hỏi này. Cô không biết nhiều về thẩm phán Narragansett, nhưng cô đã nghe và nhớ tên ông ta, vì đó là một cái tên rất đặc trưng cho châu Mỹ Bắc. Giờ cô chợt nhận ra rằng cô chẳng nghe gì về ông ta suốt nhiều năm qua.

"Ồ, ông ta về hưu," Lee Hunsacker nói.

"Ông ta về hưu?" Câu hỏi bật ra như một phản xạ.

"Ừ."

"Khi nào?"

"Ồ, khoảng sáu tháng sau."

"Ông ta làm gì sau khi về hưu?"

"Tôi không biết. Tôi không nghĩ là ai đó đã nghe tin ông ta từ đó."

Anh ta tự hỏi vì sao cô trông có vẻ sợ hãi. Một phần nỗi sợ mà cô cảm nhận được là vì chính cô cũng không thể giải thích được lý do. "Làm ơn, kể cho tôi nghe về nhà máy động cơ," cô nói, giọng hơi run.

"À, Eugene Lawson của Ngân hàng Quốc gia Community ở Madison cuối cùng đã cho chúng tôi vay tiền để mua nhà máy – nhưng ông ta chỉ là một kẻ keo kiệt tồi thôi, không đủ tiền để cứu chúng tôi khi phá sản. Đó không phải lỗi của chúng tôi. Chúng tôi gặp đủ thứ khó khăn từ đầu. Làm sao chúng tôi có thể điều hành nhà máy khi không có đường sắt? Chúng tôi không có quyền được có một đường sắt sao? Tôi đã cố thuyết phục họ mở lại tuyến đường nhánh, nhưng bọn người ở Taggart Trans—"

Anh ta dừng lại. "Này, cô có phải là một trong những người nhà Taggart không?"

"Tôi là Phó Chủ tịch Điều hành của Taggart Transcontinental."

Trong một khoảnh khắc, anh ta nhìn cô như ngó ra; cô thấy rõ cuộc đấu tranh giữa nỗi sợ hãi, sự phục thù và lòng căm ghét trong đôi mắt mờ đục của anh ta. Kết quả là một tiếng gầm đột ngột: "Tôi không cần các người đại gia đâu! Đừng nghĩ là tôi sợ các người. Đừng mong tôi phải cầu xin một công việc. Tôi không cầu xin ai cả. Tôi cá

là các người không quen nghe người khác nói như vậy, phải không?"

"Ông Hunsacker, tôi rất trân trọng nếu ông có thể cung cấp cho tôi thông tin tôi cần về nhà máy."

"Muộn rồi! Có chuyện gì vậy? Lương tâm cô đang cắn rứt à? Các người để Jed Starnes trở nên giàu có nhờ nhuốc từ nhà máy đó, nhưng chẳng bao giờ cho chúng tôi một cơ hội. Đó là cùng một nhà máy. Chúng tôi làm tất cả những gì hắn làm. Chúng tôi bắt đầu ngay việc sản xuất loại động cơ vốn là sản phẩm kiếm tiền lớn nhất của hắn. Rồi một kẻ mới toanh chẳng ai biết đến mở một nhà máy rẻ tiền ở Colorado, với tên gọi Nielsen Motors, cho ra đời một động cơ mới cùng loại với mẫu Starnes, nhưng bán với giá chỉ bằng một nửa! Chúng tôi chẳng thể làm gì với chuyện đó, đúng không? Với Jed Starnes, không có đối thủ hủy diệt nào xuất hiện trong thời của hắn, nhưng chúng tôi phải làm sao? Làm sao chúng tôi có thể đấu lại cái Nielsen đó, khi chẳng ai cho chúng tôi động cơ để cạnh tranh với hắn?"

"Bạn có tiếp quản phòng thí nghiệm nghiên cứu của Starnes không?"

"Đúng, đúng, nó ở đó. Tất cả đều ở đó."

"Cả nhân viên của ông ấy nữa?"

"Ôi, một số người trong số họ. Nhiều người đã đi rồi khi nhà máy bị đóng cửa."

"Nhân viên nghiên cứu của ông ấy?"

"Họ đã đi rồi."

"Bạn có thuê người nghiên cứu mới không?"

"Ừ, ừ, có một số – nhưng để tôi nói cho bạn nghe, tôi không có nhiều tiền để chi cho những thứ như phòng thí nghiệm, khi tôi không bao giờ có đủ tiền để thở. Tôi thậm chí không thể trả các hóa đơn tôi nợ vì những công việc hiện đại hóa và trang trí lại thiết yếu mà tôi phải làm – nhà máy đó thật sự lạc hậu trong mọi mặt từ góc độ hiệu

quả của con người. Các văn phòng điều hành chỉ có tường vôi trần trụi và một nhà vệ sinh nhỏ xíu. Bất kỳ nhà tâm lý học hiện đại nào cũng sẽ nói rằng chẳng ai có thể làm việc hiệu quả trong một môi trường u ám như vậy. Tôi phải có một bảng màu tươi sáng hơn trong văn phòng của mình, và một phòng tắm hiện đại decente với vòi sen riêng. Hơn nữa, tôi đã chi một khoản tiền lớn cho một căn tin mới, một phòng chơi và phòng nghỉ cho công nhân. Chúng tôi phải có tinh thần, đúng không? Ai cũng biết rằng con người được hình thành bởi các yếu tố vật chất trong nền tảng của mình, và rằng trí óc của con người được hình thành bởi công cụ sản xuất của họ. Nhưng mọi người không chờ đợi các quy luật của sự quyết định kinh tế tác động lên chúng tôi. Chúng tôi chưa bao giờ có một nhà máy động cơ trước đây. Chúng tôi phải để công cụ điều chỉnh tâm trí của mình, phải không? Nhưng chẳng ai cho chúng tôi thời gian."

"Bạn có thể kể cho tôi về công việc của nhóm nghiên cứu của bạn không?"

"Ồ, tôi có một nhóm các chàng trai trẻ rất triển vọng, tất cả đều có bằng cấp từ các trường đại học hàng đầu. Nhưng điều đó chẳng có ích gì cho tôi. Tôi không biết họ đang làm gì. Tôi nghĩ họ chỉ ngồi đó, ăn lương mà thôi."

"Ai là người phụ trách phòng thí nghiệm của bạn?"

"Chết tiệt, làm sao tôi còn nhớ được điều đó bây giờ?"

"Bạn có nhớ tên của bất kỳ nhân viên nghiên cứu nào không?"

"Bạn nghĩ tôi có thời gian để gặp từng người thuê một không?"

"Có ai trong số họ từng đề cập đến bất kỳ thí nghiệm nào với... một loại động cơ hoàn toàn mới không?"

"Động cơ gì cơ? Để tôi nói cho bạn nghe, một giám đốc điều hành như tôi thì không có thời gian để lang thang quanh các phòng thí nghiệm. Tôi dành phần lớn thời gian của mình ở New York và Chicago, cố gắng huy động tiền để giữ cho công ty hoạt

động."

"Ai là giám đốc điều hành của nhà máy?"

"Anh chàng rất tài giỏi tên là Roy Cunningham. Anh ta chết năm ngoái trong một vụ tai nạn ô tô. Họ nói là lái xe khi say rượu."

"Bạn có thể cho tôi biết tên và địa chỉ của bất kỳ cộng sự nào của bạn không? Ai mà bạn nhớ được?"

"Tôi không biết họ đã đi đâu. Tôi chẳng có tâm trạng để theo dõi việc đó."

"Bạn có lưu giữ bất kỳ hồ sơ nào của nhà máy không?"

"Chắc chắn là có."

Cô ngồi thẳng dậy với vẻ hào hứng. "Bạn có thể cho tôi xem chúng không?"

"Chắc chắn rồi!"

Anh ta có vẻ háo hức đáp ứng; anh ta lập tức đứng dậy và vội vã ra khỏi phòng. Khi quay lại, anh ta mang theo một cuốn album dày chứa các bài phỏng vấn của anh ta trên báo chí và các thông cáo của đại lý báo chí.

"Tôi cũng là một trong những nhà công nghiệp lớn," anh ta tự hào nói. "Tôi là một nhân vật quốc gia, như bạn thấy đấy. Cuộc đời tôi sẽ làm nên một cuốn sách có ý nghĩa sâu sắc về con người. Tôi đã viết nó từ lâu rồi, nếu tôi có đủ công cụ sản xuất phù hợp." Anh ta đập mạnh lên chiếc máy đánh chữ. "Tôi không thể làm việc với cái đồ chết tiệt này. Nó bỏ qua khoảng trống. Làm sao tôi có thể tìm thấy cảm hứng và viết một cuốn sách bán chạy với một chiếc máy đánh chữ cứ bỏ qua khoảng trống?"

"Cảm ơn ông, ông Hunsacker," cô nói. "Tôi nghĩ đây là tất cả những gì ông có thể cho tôi biết." Cô đứng dậy. "Ông không biết Starnes thừa kế đi đâu rồi sao?"

"Ồ, họ đã chạy trốn sau khi phá hủy nhà máy. Có ba người—hai con trai và một cô

con gái. Lần cuối tôi nghe nói, họ đang trốn ở Durance, Louisiana."

Khi cô quay đi, cái nhìn cuối cùng cô thấy của Lee Hunsacker là anh ta đột ngột lao tới bếp, nhấc nắp nồi lên rồi thả xuống sàn, vừa chửi rửa vừa xoa ngón tay bông—nồi hầm đã cháy khét.

Chẳng còn lại bao nhiêu từ tài sản của Starnes, và càng ít hơn nữa từ những người thừa kế.

"Cô sẽ không muốn gặp họ đâu, cô Taggart," trưởng công an Durance, Louisiana nói. Ông là một người đàn ông lớn tuổi với phong thái chậm rãi và kiên định, khuôn mặt mang vẻ đăng cay không phải vì thù hận mù quáng, mà vì trung thành với những nguyên tắc rõ ràng. "Trên đời này có đủ hạng người—kẻ giết người, tội phạm tâm thần—nhưng không hiểu sao, tôi nghĩ những người họ Starnes này là loại người mà người tử tế không nên gặp. Họ xấu xa, cô Taggart ạ. Lạnh lùng và xấu xa..."

"Vâng, họ vẫn ở trong thị trấn—hai người. Người thứ ba đã chết. Tự sát. Chuyện xảy ra cách đây bốn năm. Một câu chuyện xấu xí. Anh ta là người trẻ nhất trong ba người, Eric Starnes. Một kẻ đã ngoài bốn mươi vẫn cứ than vãn về tâm hồn nhạy cảm của mình. Anh ta cần tình yêu, đó là cái có của anh ta. Các phụ nữ lớn tuổi nuôi dưỡng anh ta, khi họ có thể. Rồi anh ta bắt đầu theo đuổi một cô gái mười sáu tuổi, một cô bé ngoan không muốn dính dáng gì đến anh ta."

Cô gái kết hôn với chàng trai đã đính hôn với mình. Vào ngày cưới, Eric Starnes đột nhập vào nhà họ. Khi đôi vợ chồng trẻ trở về từ nhà thờ sau lễ cưới, họ tìm thấy anh ta chết trong phòng ngủ của họ—một cái chết thảm khốc, với cổ tay bị cắt... Tôi nói thế này—một người tự sát trong im lặng, ta có thể tha thứ. Ai dám phán xét nỗi đau của người khác hay giới hạn những gì họ có thể chịu đựng? Nhưng kẻ biến cái chết của mình thành trò hề để hại người khác, kẻ dùng mạng sống của mình như một vũ khí của ác ý—không thể tha thứ cho hắn, không có lý do biện minh. Hấn hừ hồng tận xương tủy, và thay vì được thương xót hay than khóc như hắn mong muốn, hắn chỉ đáng bị người đời khinh bỉ... Vâng, đó là Eric Starnes. Tôi có thể chỉ cho cô nơi tìm

hai người còn lại, nếu cô muốn."



Cô tìm thấy Gerald Starnes trong khu nhà trọ, nằm co quắp trên giường. Tóc anh ta vẫn đen, nhưng bộ râu trắng trên cằm như làn sương phủ trên khuôn mặt trống rỗng. Anh ta say mèm. Mỗi khi nói, một tiếng cười vô nghĩa thoát ra—âm thanh của sự ác ý mơ hồ. "Nó sụp đổ rồi, cái nhà máy vĩ đại ấy. Đó là điều đã xảy ra. Nó sụp xuống. Điều đó có làm bà cô phiền lòng không? Nhà máy thối nát. Mọi thứ đều thối

nát. Tôi nên xin lỗi ai đó, nhưng tôi sẽ không. Tôi chẳng quan tâm. Mọi người phát điên khi cố duy trì cái trò hề này, khi tất cả đều là rác rưởi—rác đen, từ xe cộ, nhà cửa đến cả linh hồn con người—chẳng có gì quan trọng cả. Bà phải thấy cái cách bọn văn nhân nhảy múa khi tôi huyết sáo, khi tôi còn tiền. Giáo sư, nhà thơ, trí thức, những kẻ cứu thế và yêu nhân loại. Tôi huyết sáo kiểu gì cũng vui. Tôi đã muốn làm điều tốt, nhưng giờ thì thôi. Chẳng có điều tốt nào cả. Chẳng có cái điều tốt đêch gì trong cái vũ trụ chết tiệt này. Tôi không muốn tắm thì tôi không tắm, thế thôi. Muốn biết gì về nhà máy thì hỏi chị tôi ấy. Chị tôi với cái quỹ tín thác không ai động được vào, nên chị ấy thoát thân an toàn. Giờ thì nghèo rớt, không còn filet mignon với sốt Béarnaise, nhưng có cho tôi một xu nào không? Kế hoạch vĩ đại thất bại ấy là ý tưởng của chị ấy không kém gì của tôi, vậy mà có cho tôi một xu nào không? Hah! Cứ đi mà tìm cô công nương ấy. Tôi quan tâm gì đến cái nhà máy? Nó chỉ là một đồng máy móc dầu mỡ. Tôi bán hết—quyền lợi, yêu cầu, danh hiệu—đổi lấy một ly rượu. Tôi là người Starnes cuối cùng đây. Từng là một cái tên vĩ đại đấy—Starnes. Tôi bán nó cho bà. Bà nghĩ tôi là gã ăn mày hôi hám, nhưng tất cả bọn họ cũng thế thôi, kể cả mấy bà quý tộc như bà. Tôi đã muốn làm điều tốt cho nhân loại. Hah! Tôi ước họ chết trong dầu sôi. Thật vui. Tôi ước họ chết ghen. Có gì quan trọng đâu? Có gì quan trọng chứ?"

Giường bên cạnh, một gã ăn mày tóc bạc, người gầy guộc quay người trong giấc ngủ, rên rĩ; một đồng tiền xu rơi xuống sàn từ đồng giẻ rách của hắn. Gerald Starnes nhặt nó lên và bỏ vào túi. Anh liếc nhìn Dagny. Những nếp nhăn trên khuôn mặt anh như một nụ cười độc ác.

"Muốn đánh thức hắn dậy và gây chuyện không?" anh ta hỏi. "Nếu bạn làm thế, tôi sẽ nói bạn đang nói dối."

Căn bungalow hôi hám, nơi cô tìm thấy Ivy Starnes, nằm ở rìa thị trấn, bên bờ sông Mississippi. Những sợi rêu và những mảnh lá sấp treo làm cho cây cối dường như đang rỉ nước; những tấm rèm quá nhiều, treo lủng lẳng trong không khí tù đọng của

căn phòng nhỏ, cũng có vẻ như vậy. Mùi hôi phát ra từ những góc không được lau dọn và từ những nén hương cháy trong những chiếc bình bạc dưới chân những thần thánh Đông Á méo mó. Ivy Starnes ngồi trên một chiếc gối như một vị Phật mệt mỏi. Miệng cô là một vết lõm nhỏ, miệng đồng danh của một đứa trẻ đòi sự ngưỡng mộ — trên khuôn mặt tái nhợt của một phụ nữ đã qua ngưỡng năm mươi. Mắt cô là hai vũng nước tĩnh lặng, không có sự sống. Giọng cô đều đặn, như mưa rơi: "Tôi không thể trả lời những câu hỏi bạn đang hỏi, cô gái. Phòng thí nghiệm nghiên cứu? Các kỹ sư? Tại sao tôi phải nhớ bất cứ điều gì về họ? Chính cha tôi là người quan tâm đến những vấn đề đó, không phải tôi. Cha tôi là một người xấu, chỉ quan tâm đến công việc. Ông không có thời gian cho tình yêu, chỉ có tiền. Anh em chúng tôi sống ở một cõi khác. Mục đích của chúng tôi không phải là tạo ra những món đồ, mà là làm điều tốt.

Chúng tôi đã mang đến một kế hoạch vĩ đại, mới mẻ cho nhà máy. Đã mười một năm rồi.

Chúng tôi đã bị đánh bại bởi lòng tham, sự ích kỷ và bản tính thú tính của con người. Đó là cuộc xung đột vĩnh viễn giữa tinh thần và vật chất, giữa linh hồn và thể xác. Họ không chịu từ bỏ thân thể của mình, đó là tất cả những gì chúng tôi yêu cầu họ. Tôi không nhớ bất kỳ người nào trong số những người đó. Tôi không muốn nhớ... Các kỹ sư? Tôi tin là chính họ đã gây ra bệnh hemophilia... Vâng, đó là những gì tôi nói: bệnh hemophilia — sự rò rỉ chậm — mất máu không thể cầm lại. Họ bỏ đi trước.

Họ bỏ rơi chúng tôi, người này đến người khác... Kế hoạch của chúng tôi? Chúng tôi đã thực hiện một nguyên lý lịch sử cao quý: "Từ mỗi người theo khả năng của họ, cho mỗi người theo nhu cầu của họ." Mọi người trong nhà máy, từ người lau dọn đến giám đốc, đều nhận cùng một mức lương — mức tối thiểu cần thiết.

Hai lần mỗi năm, tất cả chúng tôi tụ họp trong một cuộc họp chung, nơi mỗi người trình bày yêu cầu của mình về những gì họ cho là nhu cầu của mình. Chúng tôi đã bỏ phiếu cho mỗi yêu cầu, và ý chí của đa số quyết định nhu cầu và khả năng của mỗi người. Thu nhập của nhà máy được phân phối theo đó. Phần thưởng dựa trên nhu cầu, và hình phạt dựa trên khả năng. Những người có nhu cầu lớn nhất theo

quyết định bỏ phiếu nhận được nhiều nhất. Những người không tạo ra nhiều như họ có thể, theo bỏ phiếu, bị phạt và phải làm thêm giờ không lương để trả tiền phạt.

Đó là kế hoạch của chúng tôi. Nó dựa trên nguyên lý vô tư. Nó yêu cầu con người không được động lực bởi lợi ích cá nhân, mà bởi tình yêu thương đối với anh em của họ."

Dagny nghe thấy một giọng nói lạnh lùng, kiên quyết vang lên đâu đó trong lòng cô: Hãy nhớ nó — nhớ thật kỹ — không phải lúc nào cũng có thể thấy được cái ác thuần túy — hãy nhìn vào nó — nhớ nó — và một ngày nào đó bạn sẽ tìm được từ ngữ để gọi tên bản chất của nó... Cô nghe được nó qua tiếng hét của những giọng nói khác, la hét trong sự bạo lực vô vọng: "Chẳng là gì cả — tôi đã nghe điều này rồi — tôi nghe thấy ở khắp nơi — chẳng có gì ngoài những lời sáo rỗng đó — sao tôi không thể chịu nổi? — Tôi không thể chịu đựng được — tôi không thể chịu đựng được!"

"Chuyện gì với cô thế, cô gái? Sao cô lại đứng dậy như vậy? Sao cô lại run rẩy? ... Cái gì? Nói to lên đi, tôi không thể nghe thấy cô... Kế hoạch đó đã hoạt động thế nào? Tôi không muốn thảo luận về nó.

Mọi thứ trở nên tồi tệ và ngày càng xấu đi theo từng năm. Nó đã khiến tôi mất niềm tin vào bản chất con người. Trong bốn năm, một kế hoạch được tạo ra không phải bằng những tính toán lạnh lùng của trí óc, mà bởi tình yêu thuần khiết của trái tim, đã kết thúc trong một mớ hỗn độn của cảnh sát, luật sư và thủ tục phá sản. Nhưng tôi đã nhận ra sai lầm của mình và thoát khỏi nó. Tôi đã chấm dứt với thế giới của máy móc, các nhà sản xuất và tiền bạc — thế giới bị nô lệ bởi vật chất. Tôi đang học cách giải phóng tinh thần, như được tiết lộ trong những bí mật vĩ đại của Ấn Độ: sự giải thoát khỏi thân thể, chiến thắng trên tự nhiên vật lý, sự chiến thắng của tinh thần trên vật chất."

Qua ánh sáng trắng chói mắt của cơn giận, Dagny thấy một dải bê tông dài đã từng là con đường, với cỏ mọc từ những vết nứt, và hình ảnh của một người đàn ông bị xoắn vặn bởi cày tay.

"Nhưng, cô gái à, tôi đã nói tôi không nhớ... Tôi không biết tên họ, tôi không biết tên

ai, tôi không biết những kẻ mạo hiểm nào cha tôi có thể đã có trong phòng thí nghiệm đó!"

"Không nghe tôi sao?... Tôi không quen bị hỏi kiểu như vậy... Đừng tiếp tục lặp lại nữa. Cô không biết từ nào khác ngoài 'kỹ sư' sao?... Cô không nghe tôi sao? Có chuyện gì vậy? Tôi — tôi không thích khuôn mặt của cô... Cô tránh xa tôi ra. Tôi không biết cô là ai, tôi chưa bao giờ làm hại cô, tôi là một bà già, đừng nhìn tôi như vậy... Lùi lại! Đừng đến gần tôi, không tôi sẽ gọi người! Tôi sẽ... À, vâng, vâng, tôi biết rồi!"

"Kỹ sư trưởng. Vâng. Ông ta là người đứng đầu phòng thí nghiệm. Vâng."

"William Hastings. Đó là tên ông ta — William Hastings. Tôi nhớ rồi."

"Ông ta đi đến Brandon, Wyoming. Ông ta nghỉ việc ngay sau khi chúng tôi giới thiệu kế hoạch. Ông ta là người thứ hai rời bỏ chúng tôi... Không. Không, tôi không nhớ ai là người đầu tiên. Hẳn ta không phải ai quan trọng."

Người phụ nữ mở cửa có mái tóc đã ngả màu xám và dáng vẻ điềm tĩnh, quý phái. Mất một lúc Dagny mới nhận ra rằng bộ đồ của bà chỉ là một chiếc váy ngủ cotton đơn giản. "Tôi có thể gặp ông William Hastings không?" Dagny hỏi.

Người phụ nữ nhìn cô một lúc ngắn ngủi, ánh mắt có chút kỳ lạ, vừa tò mò vừa nghiêm túc. "Tôi có thể hỏi tên của cô không?"

"Tôi là Dagny Taggart, của công ty Taggart Transcontinental."

"Ồ, mời cô vào, cô Taggart. Tôi là bà William Hastings."

Giọng nói của bà có một sự nghiêm túc trong từng âm tiết, như một lời cảnh báo. Cử chỉ của bà lịch sự, nhưng không mỉm cười.

Đó là một ngôi nhà khiêm tốn ở ngoại ô của một thị trấn công nghiệp. Những cành cây trụi lá cắt ngang bầu trời xanh lạnh lẽo trên đỉnh đồi dẫn lên ngôi nhà. Tường

phòng khách màu xám bạc; ánh sáng mặt trời chiếu vào đế pha lê của chiếc đèn chao trắng; qua một cánh cửa mở, một góc ăn sáng được dán giấy chấm đỏ trên nền trắng.

"Cô có quen biết chồng tôi trong công việc không, cô Taggart?"

"Không. Tôi chưa bao giờ gặp ông Hastings. Nhưng tôi muốn gặp ông ấy về một vấn đề công việc quan trọng."

"Chồng tôi đã qua đời cách đây năm năm, cô Taggart."

Dagny nhắm mắt lại; cú sốc lặng lẽ như chìm xuống, mang theo những kết luận không cần nói thành lời: Đây chính là người đàn ông cô đang tìm kiếm, và Rearden đã đúng - đây là lý do tại sao chiếc động cơ bị bỏ lại trên đồng phế liệu.

"Tôi rất tiếc," cô nói, vừa với bà Hastings vừa với chính mình.

Nụ cười buồn pha chút hài hước hiện rõ trên khuôn mặt bà Hastings. "Đó là điều tôi cũng muốn biết," bà nói. "Nhưng tôi e rằng tôi sẽ không bao giờ biết được. Tôi biết lý do ông ấy rời khỏi nhà máy - đó là vì kế hoạch vô lý mà những người thừa kế của ông Starnes đã thiết lập. Ông ấy không chịu làm việc trong những điều kiện đó hay cho những người như vậy."

Nhưng còn một điều khác nữa. Tôi luôn cảm thấy có chuyện gì đó đã xảy ra ở Twentieth Century Motors mà ông ấy không bao giờ kể với tôi."

"Tôi rất muốn biết bất kỳ manh mối nào mà bà có thể chia sẻ."

"Tôi không có manh mối nào cả. Tôi đã cố gắng đoán nhưng rồi đành từ bỏ. Tôi không thể hiểu hay giải thích được. Nhưng tôi biết chắc rằng đã có chuyện gì đó."

Khi chồng tôi rời Twentieth Century, chúng tôi chuyển đến đây và ông ấy nhận việc làm trưởng phòng kỹ thuật tại Acme Motors. Đó là một công ty đang phát triển và thành công lúc bấy giờ. Công việc đó mang lại cho chồng tôi điều ông ấy yêu thích.

Ông ấy vốn không phải người hay xung đột nội tâm, luôn chắc chắn về hành động của mình và sống hòa bình với bản thân. Nhưng suốt năm sau khi rời Wisconsin, ông ấy như bị giày vò bởi điều gì đó, như thể đang đấu tranh với một vấn đề cá nhân không thể giải quyết. Một buổi sáng cuối năm đó, ông thông báo đã từ chức khỏi Acme Motors, sẽ nghỉ hưu và không làm việc ở đâu nữa. Dù yêu công việc như chính cuộc đời mình, ông trông lại bình thản, tự tin và hạnh phúc - lần đầu tiên kể từ khi chúng tôi đến đây. Ông yêu cầu tôi đừng hỏi về lý do. Tôi không hỏi và cũng không phản đối. Chúng tôi có ngôi nhà này, có tiền tiết kiệm, đủ sống khiêm tốn cho quãng đời còn lại. Tôi không bao giờ biết lý do của ông. Chúng tôi sống ở đây, bình lặng và rất hạnh phúc. Ông ấy dường như cảm thấy mãn nguyện sâu sắc, có được sự bình an lạ thường mà tôi chưa từng thấy trước đây. Không có gì khác thường trong sinh hoạt của ông - trừ việc thỉnh thoảng, rất hiếm khi, ông ra ngoài mà không nói đi đâu hay gặp ai. Trong hai năm cuối đời, mỗi mùa hè ông đi xa một tháng mà không cho tôi biết điểm đến. Ngoài ra, ông sống như thường lệ. Ông học rất nhiều và dành thời gian nghiên cứu kỹ thuật riêng trong tầng hầm. Tôi không biết ông làm gì với các ghi chú và mô hình thí nghiệm. Sau khi ông mất, tôi không tìm thấy dấu vết gì của chúng trong tầng hầm."

Ông qua đời cách đây năm năm vì căn bệnh tim mà ông đã mắc từ lâu."

Dagny hỏi trong tuyệt vọng: "Bà có biết tính chất các thí nghiệm của ông ấy không?"

"Không. Tôi biết rất ít về kỹ thuật."

"Bà có quen biết những người bạn hay đồng nghiệp chuyên môn của ông ấy, những người có thể biết về nghiên cứu của ông không?"

"Không. Khi làm việc tại Twentieth Century Motors, ông làm việc quá nhiều giờ đến nỗi chúng tôi hiếm có thời gian cho nhau và chỉ dành riêng cho nhau những lúc đó. Chúng tôi không có đời sống xã hội. Ông không bao giờ đưa đồng nghiệp về nhà."

"Khi ông ấy làm việc tại Twentieth Century, ông có bao giờ nhắc đến một động cơ

mà ông đã thiết kế không - một loại động cơ hoàn toàn mới có thể thay đổi cả ngành công nghiệp?"

"Động cơ? Có. Có, ông ấy đã nhắc đến nó vài lần. Ông ấy nói đó là một phát minh có tầm quan trọng không thể đo lường được. Nhưng không phải ông ấy thiết kế nó. Đó là phát minh của một trợ lý trẻ của ông ấy."

Bà ấy nhìn thấy biểu cảm trên khuôn mặt của Dagny, và nói chậm rãi, giọng dò xét nhưng không trách móc, chỉ buồn bã pha chút thích thú: "Tôi hiểu rồi."

"Ồ, tôi xin lỗi!" Dagny nói, nhận ra cảm xúc của mình đã hiện rõ trên mặt và chuyển thành một nụ cười như tiếng thở phào nhẹ nhõm.

"Không sao đâu. Tôi hiểu mà. Cô đang tìm người phát minh ra chiếc động cơ đó, phải không? Tôi không biết ông ấy còn sống hay không, nhưng tôi không có lý do gì để nghĩ rằng ông ấy đã mất."

"Tôi sẽ đánh đổi nửa đời mình để biết ông ấy còn sống — và để tìm được ông ấy. Quan trọng đến vậy đấy, bà Hastings. Ông ấy là ai?"

"Tôi không biết. Tôi không biết tên hay bất cứ điều gì về ông ấy. Tôi chưa từng gặp ai trong số nhân viên của chồng tôi. Ông ấy chỉ nói với tôi rằng ông có một kỹ sư trẻ, người mà một ngày nào đó sẽ làm thay đổi cả thế giới."

"Chồng tôi chỉ quan tâm đến khả năng của người khác. Tôi nghĩ đây là người duy nhất mà ông ấy thực sự quý mến. Ông ấy không nói ra, nhưng tôi có thể nhận ra qua cách ông ấy nói về người trợ lý trẻ này. Tôi nhớ — ngày ông ấy báo chiếc động cơ đã hoàn thành — giọng ông ấy khi nói, 'Và cậu ta mới chỉ 26 tuổi!' Đó là khoảng một tháng trước khi Jed Starnes qua đời. Sau đó, ông ấy không bao giờ nhắc đến động cơ hay người kỹ sư trẻ này nữa."

"Bà không biết chuyện gì đã xảy ra với người kỹ sư trẻ đó sao?"

"Không."

"Bà không thể gợi ý cách nào để tìm được ông ấy sao?"

"Không."

"Bà không có manh mối nào, không có đầu mối nào giúp tôi biết tên ông ấy sao?"

"Không. Nhưng nói tôi nghe, chiếc động cơ đó có giá trị rất lớn phải không?"

"Giá trị hơn bất kỳ ước lượng nào tôi có thể đưa ra."

"Thật lạ. Vì có lần, vài năm sau khi chúng tôi rời Wisconsin, tôi đã hỏi chồng tôi chuyện gì đã xảy ra với phát minh mà ông ấy nói là rất vĩ đại ấy, và sẽ làm gì với nó."

Ông ấy nhìn tôi với ánh mắt kỳ lạ và trả lời, 'Không làm gì cả.'"

"Tại sao?"

"Ông ấy không chịu nói với tôi."

"Bà có nhớ ai đã làm việc tại Twentieth Century không? Ai đó có thể biết về người kỹ sư trẻ đó? Bạn của ông ấy?"

"Không, tôi... Khoan đã! Khoan đã, tôi nghĩ tôi có thể cho cô một manh mối. Tôi có thể chỉ cô cách tìm một người bạn của ông ấy. Tôi không biết tên người bạn đó, nhưng tôi biết địa chỉ. Đó là một câu chuyện kỳ lạ. Để tôi kể cô nghe. Một buổi tối — khoảng hai năm sau khi chúng tôi đến đây — chồng tôi ra ngoài và tôi cần xe tối hôm đó, nên ông ấy nhờ tôi đón ở nhà hàng nhà ga sau bữa tối. Ông ấy không nói đang ăn tối với ai. Khi tôi lái xe đến, tôi thấy ông ấy đứng ngoài nhà hàng với hai người đàn ông. Một người trẻ và cao. Người kia lớn tuổi, trông rất quý phái. Tôi vẫn nhớ rõ họ; họ có khuôn mặt không thể nào quên. Chồng tôi thấy tôi và rời khỏi họ. Họ đi về phía sân ga, nơi một chuyến tàu sắp đến. Chồng tôi chỉ về phía người đàn ông trẻ và nói, 'Cô thấy cậu ta không? Đó là cậu bé tôi đã kể.' 'Cậu ta là người phát

minh vĩ đại về động cơ phải không?' 'Cậu ta đã từng là như vậy.'"

"Và ông ấy không nói gì thêm?"

"Không, không nói gì thêm. Đây là chuyện xảy ra cách đây chín năm. Mùa xuân năm ngoái, tôi đi thăm anh trai ở Cheyenne. Một buổi chiều, anh ấy đưa cả nhà đi lái xe đường dài. Chúng tôi lên một vùng hoang dã tuyệt đẹp trên núi Rockies và dừng lại tại một quán ăn bên đường. Một người đàn ông lớn tuổi, tóc xám đứng sau quầy. Tôi cứ nhìn chăm chăm vào ông ấy trong khi ông làm bánh sandwich và pha cà phê cho chúng tôi—tôi biết mình đã từng thấy khuôn mặt đó ở đâu đó, nhưng không thể nhớ ra. Chỉ khi chúng tôi lái xe đi xa khỏi quán ăn, tôi mới nhớ ra. Cô nên đến đó."

Nó nằm trên đường 86, trong núi, phía tây Cheyenne, gần một khu công nghiệp nhỏ bên cạnh xưởng đúc đồng Lennox. Nghe có vẻ lạ, nhưng tôi chắc chắn về điều này: người đầu bếp trong quán ăn đó chính là người đàn ông tôi đã thấy tại ga xe lửa cùng với thân tượng trẻ tuổi của chồng tôi."

Quán ăn nằm trên đỉnh một con dốc dài, gồ ghề. Những bức tường kính phản chiếu ánh sáng mượt mà lên những tảng đá và hàng thông chạy dọc theo các bậc thang xuống hoàng hôn. Phía dưới tối om, nhưng trong quán ăn vẫn còn một ánh sáng đều đặn, tựa như vũng nước nhỏ sót lại sau thủy triều rút.

Dagny ngồi ở cuối quầy, ăn một chiếc bánh hamburger.

Đó là món ăn ngon nhất cô từng nếm—sản phẩm của những nguyên liệu đơn giản và kỹ năng phi thường. Hai người công nhân vừa ăn xong; cô đang chờ họ ra về.

Cô nhìn chăm chú người đàn ông sau quầy. Anh ta mảnh mai và cao, với vẻ quý phái thường thấy trong lâu đài cổ hay văn phòng chính ngân hàng. Nhưng điều đặc biệt là anh khiến sự quý phái ấy trở nên phù hợp ở đây, sau quầy quán ăn. Anh mặc áo bếp trắng như thể đó là bộ vest đón tiếp. Có sự điêu luyện trong cách anh làm việc—những động tác dễ dàng, thông minh và tiết kiệm. Khuôn mặt gầy với mái tóc

xám hòa hợp cùng ánh mắt lạnh lùng; đầu đó sau vẻ nghiêm khắc lễ độ, thoáng hiện nét hài hước, nhẹ đến mức biến mất nếu ai cố nhận diện.

Hai người công nhân ăn xong, trả tiền và rời đi, mỗi người để lại một đồng xu mười cent tiền tip. Cô quan sát người đàn ông khi anh lấy đĩa, bỏ đồng xu vào túi áo bếp trắng, lau quầy với sự chính xác nhanh nhẹn. Rồi anh quay lại nhìn cô. Đó là ánh nhìn không mang tính cá nhân, không phải để mời trò chuyện, nhưng cô chắc chắn anh đã nhận ra bộ đồ New York, đôi giày cao gót, và vẻ ngoài của người phụ nữ không lãng phí thời gian. Ánh mắt lạnh lùng, quan sát của anh dường như nói rằng anh biết cô không thuộc về nơi này và đang chờ đợi để khám phá mục đích của cô.

"Việc kinh doanh thế nào?" cô hỏi.

"Khá tệ. Họ sẽ đóng cửa xưởng đúc Lennox vào tuần tới, nên tôi cũng phải đóng cửa sớm và chuyển đi." Giọng anh rõ ràng, lịch sự mà không thân mật.

"Đi đâu?"

"Tôi chưa quyết định."

"Anh định làm gì?"

"Tôi không biết. Tôi đang nghĩ đến việc mở một gara, nếu tìm được vị trí thích hợp ở một thị trấn nào đó."

"Ồi không! Anh giỏi công việc của mình quá, không nên thay đổi. Anh không nên làm gì ngoài việc là một đầu bếp."

Một nụ cười kỳ lạ, thanh thoát thoáng qua môi anh. "Không?" anh hỏi một cách lịch sự.

"Không! Anh có muốn một công việc ở New York không?" Anh nhìn cô, sững sốt. "Tôi nghiêm túc đấy. Tôi có thể cho anh một công việc ở một công ty đường sắt lớn, phụ

trách bộ phận ăn uống trên xe."

"Tôi có thể hỏi lý do vì sao cô lại muốn vậy không?"

Cô nâng chiếc bánh hamburger lên, vẫn còn gói trong khăn giấy trắng.

"Đó là một lý do."

"Cảm ơn. Còn những lý do khác?"

"Tôi không nghĩ anh đã từng sống ở thành phố lớn, nếu không anh sẽ biết rằng thật khó tìm được người có năng lực cho bất kỳ công việc nào."

"Tôi biết đôi chút về điều đó."

"Vậy sao? Anh có muốn một công việc ở New York với mức lương mười nghìn đô một năm không?"

"Không."

Cô đang say mê với niềm vui khi phát hiện và muốn tưởng thưởng cho tài năng. Cô nhìn anh, sững sốt. "Tôi nghĩ anh không hiểu ý tôi," cô nói.

"Tôi hiểu."

"Anh từ chối một cơ hội như thế này sao?"

"Phải."

"Tại sao?"

"Đó là chuyện cá nhân."

"Tại sao anh lại làm công việc này, khi anh có thể có việc tốt hơn?"

"Tôi không tìm kiếm việc tốt hơn."

"Anh không muốn cơ hội thăng tiến và kiếm tiền sao?"

"Không. Sao cô lại khẳng khái vậy?"

"Vì tôi ghét nhìn thấy tài năng bị lãng phí!"

Anh nói chậm rãi, thận trọng: "Tôi cũng vậy."

Có điều gì đó trong giọng nói của anh khiến cô cảm nhận được mối liên kết của một cảm xúc sâu sắc mà cả hai đều chia sẻ; nó phá vỡ nguyên tắc vốn ngăn cô kêu gọi sự giúp đỡ. "Tôi phát ngấy với họ rồi!" Giọng cô bật lên, một tiếng kêu bất ngờ. "Tôi khao khát được nhìn thấy bất kỳ ai có khả năng làm tốt công việc của mình!"

Cô đặt mu bàn tay lên mắt, cố kìm nén cơn tuyệt vọng mà cô chưa từng thừa nhận; cô không biết nó sâu đến mức nào, hay những gì cô đã phải chịu đựng trong cuộc tìm kiếm này ít ỏi ra sao.

"Tôi xin lỗi," anh nói khẽ. Nghe không giống lời xin lỗi, mà như một lời bày tỏ sự cảm thông.

Cô liếc nhìn anh. Anh mỉm cười, và cô hiểu rằng nụ cười đó nhằm phá vỡ mối liên kết mà anh cũng cảm nhận được: một nụ cười mang chút mỉa mai lịch thiệp. Anh nói, "Nhưng tôi không nghĩ cô đã đi từ New York đến tận đây chỉ để tìm đầu bếp đường sắt ở vùng Rockies."

"Không. Tôi đến vì lý do khác." Cô nghiêng người về phía trước, hai cánh tay chống vững trên quầy, lấy lại bình tĩnh và tự chủ, nhận ra đây là một đối thủ đáng gờm. "Anh có biết một kỹ sư trẻ làm việc cho Công ty Động cơ Thế kỷ Hai Mươi khoảng mười năm trước không?"

Cô đếm từng giây trong im lặng; cô không thể xác định được bản chất ánh mắt anh nhìn mình, chỉ biết đó là ánh nhìn đặc biệt chăm chú.

"Có, tôi biết," anh đáp.

"Anh có thể cho tôi tên và địa chỉ của anh ấy không?"

"Để làm gì?"

"Điều quan trọng là tôi phải tìm được anh ấy."

"Người đó? Anh ta quan trọng gì?"

"Anh ta là người quan trọng nhất trên thế giới."

"Thật sao? Tại sao vậy?"

"Anh có biết gì về công việc của anh ấy không?"

"Biết."

"Anh có biết anh ấy đã nảy ra một ý tưởng có hậu quả to lớn như thế nào không?"

Anh dừng lại một lúc. "Tôi có thể hỏi cô là ai không?"

"Dagny Taggart. Tôi là Phó Chủ tịch—"

"Vâng, cô Taggart. Tôi biết cô là ai."

Anh nói với sự tôn trọng khách quan. Nhưng ánh mắt anh như thể vừa tìm được câu trả lời cho một câu hỏi đặc biệt nào đó, và giờ đây không còn chút ngạc nhiên.

"Vậy cô hẳn biết rằng sự quan tâm của cô không phải vô ích," cô nói. "Tôi có khả năng cho anh ta cơ hội anh ta cần và sẵn sàng trả bất cứ giá nào anh ta yêu cầu."

"Xin hỏi điều gì khiến cô quan tâm đến anh ta?"

"Chiếc động cơ của anh ấy."

"Làm sao cô biết về chiếc động cơ đó?"

"Tôi tìm thấy một mảnh vỡ của nó trong đồng đồ nát của nhà máy Twentieth Century. Không đủ để tái tạo hay hiểu cách nó hoạt động, nhưng đủ để biết rằng nó đã hoạt động và đó là phát minh có thể cứu lấy đường sắt của tôi, đất nước và nền kinh tế toàn thế giới."

"Đừng yêu cầu tôi kể về hành trình tìm kiếm chiếc động cơ và nhà phát minh của nó. Điều đó không quan trọng, ngay cả cuộc sống và công việc của tôi cũng không quan trọng lúc này—không gì quan trọng ngoài việc tôi phải tìm ra anh ấy. Đừng hỏi tại sao tôi đến với anh. Anh là điểm cuối của con đường. Hãy nói cho tôi biết tên anh ấy."

Anh lắng nghe không cử động, ánh mắt nhìn thẳng vào cô, như thể đang nắm bắt và cất giữ cẩn thận từng lời cô nói, không để lộ chút manh mối nào về ý định của mình. Sau một hồi im lặng, anh nói: "Hãy từ bỏ đi, cô Taggart. Cô sẽ không tìm được anh ta."

"Tên anh ấy là gì?"

"Tôi không thể nói cho cô biết gì về anh ta."

"Anh ấy còn sống không?"

"Tôi không thể nói."

"Tên của anh là gì?"

"Hugh Akston."

Qua vài giây im lặng cố lấy lại bình tĩnh, cô tự nhủ: "Cô đang hoảng loạn... đừng ngớ ngẩn... chỉ là trùng hợp về tên..." Nhưng cô biết, với sự chắc chắn và nỗi sợ hãi không thể giải thích, rằng đây chính là Hugh Akston.

"Hugh Akston?" cô lắp bắp. "Nhà triết học?... Người cuối cùng của những người ủng hộ lý trí?"

"Vâng," anh đáp một cách vui vẻ. "Hoặc là người đầu tiên trong sự trở lại của họ."

Anh không tỏ ra ngạc nhiên trước phản ứng sững sốt của cô, nhưng dường như không thấy cần phải để tâm đến điều đó. Cách cư xử của anh rất thoải mái, gần như thân thiện, như thể anh chẳng thấy cần phải giấu giếm danh tính và cũng không hề tức giận khi bị phát hiện.

"Tôi không nghĩ có mấy người trẻ ngày nay còn nhận ra tên tôi hay hiểu được ý nghĩa của nó," anh nói.

"Nhưng... nhưng anh làm gì ở đây?" Cô chỉ vào căn phòng. "Điều này thật vô lý!"

"Thật vậy sao?"

"Đây là một thí nghiệm? Một nhiệm vụ bí mật? Anh đang nghiên cứu gì đó cho một mục đích đặc biệt?"

"Không, cô Taggart. Tôi chỉ đang kiếm sống." Giọng nói và cách diễn đạt của anh mang vẻ chân thành giản dị.

"Tiến sĩ Akston, tôi... điều này không thể tin được... Anh là một nhà triết học... nhà triết học vĩ đại nhất còn sống... một danh tính bất tử... tại sao anh lại làm việc này?"

"Chính vì tôi là một nhà triết học, cô Taggart."

Cô chợt nhận ra — dù cảm giác như mọi điều chắc chắn và hiểu biết đều tan biến — rằng anh sẽ không giúp cô, rằng những câu hỏi đều vô nghĩa, và anh sẽ không giải thích gì cả, không về số phận của nhà phát minh hay của chính anh.

"Hãy từ bỏ đi, cô Taggart," anh nói nhẹ nhàng, như thể đã đọc được suy nghĩ của cô.

"Đây là một cuộc tìm kiếm vô vọng, càng vô vọng hơn vì cô không biết nhiệm vụ bất

khả thi mà cô đã chọn. Tôi muốn giúp cô tránh khỏi những căng thẳng khi cố nghĩ ra lý lẽ, mưu mẹo hay lời cầu xin để lấy được thông tin. Hãy tin tôi, điều đó là không thể. Cô nói tôi là điểm cuối của con đường. Đúng vậy, đây là ngõ cụt. Đừng lãng phí tiền bạc và công sức vào việc điều tra: đừng thuê thám tử. Họ sẽ chẳng tìm ra gì đâu. Cô có thể bỏ qua lời cảnh báo của tôi, nhưng tôi nghĩ cô đủ thông minh để hiểu rằng tôi biết mình đang nói gì. Hãy từ bỏ đi. Bí mật mà cô đang tìm kiếm lớn hơn nhiều so với một phát minh động cơ chạy bằng điện khí quyển. Tôi chỉ có một gợi ý: Trong bản chất và sự tồn tại của hiện thực, mâu thuẫn không thể tồn tại. Nếu cô thấy khó tin khi một phát minh thiên tài bị bỏ quên trong đống đổ nát, và một nhà triết học lại làm đầu bếp quán ăn — hãy xem xét lại những giả định của cô. Cô sẽ thấy một trong số chúng là sai."

Cô giật mình: cô nhớ đã nghe điều này trước đây từ Francisco. Rồi cô chợt nhớ ra người đàn ông này chính là một trong những thầy giáo của anh ấy.

"Vâng, Tiến sĩ Akston," cô nói. "Tôi sẽ không hỏi về chuyện đó nữa. Nhưng anh có cho phép tôi hỏi một câu về một chủ đề hoàn toàn khác không?"

"Được chứ."

"Tiến sĩ Robert Stadler từng nói với tôi rằng khi anh dạy ở Đại học Patrick Henry, anh có ba học trò mà cả anh và ông ấy đều quý mến, ba bộ óc xuất chúng mà anh kỳ vọng sẽ có tương lai rực rỡ. Một người trong số họ là Francisco d'Anconia."

"Đúng vậy. Người thứ hai là Ragnar Dannekskjold."

"Nhân tiện — đây không phải câu hỏi chính của tôi — người thứ ba là ai?"

"Tên anh ta sẽ chẳng có ý nghĩa gì với cô. Anh ta không nổi tiếng."

"Tiến sĩ Stadler nói rằng anh và ông ấy đã tranh giành ba học trò này, vì cả hai đều xem họ như con trai."

"Tranh giành ư? Ông ấy đã mất họ rồi."

"Cho tôi hỏi, ông có tự hào về những gì ba người này đã trở thành không?"

Anh nhìn ra xa, về phía những tia sáng mờ dần của hoàng hôn trên những tảng đá xa xôi; khuôn mặt anh như một người cha đang nhìn những đứa con đang đổ máu trên chiến trường. Anh trả lời: "Tự hào hơn cả những gì tôi từng hy vọng."

Trời đã gần tối. Anh quay lại, rút một gói thuốc lá từ túi và lấy ra một điếu, nhưng dừng lại khi chợt nhớ ra sự hiện diện của cô. Anh đưa gói thuốc cho cô. Cô lấy một điếu, anh châm diêm, rồi thổi tắt, chỉ còn lại hai điểm lửa nhỏ trong bóng tối của căn phòng kính và những ngọn núi xa xa.

Cô đứng dậy, trả tiền và nói: "Cảm ơn, Tiến sĩ Akston. Tôi sẽ không quấy rầy ông bằng mưu mẹo hay lời cầu xin. Tôi sẽ không thuê thám tử. Nhưng tôi phải nói với ông rằng tôi sẽ không từ bỏ — tôi phải tìm ra nhà phát minh của chiếc động cơ đó. Tôi sẽ tìm ra ông ấy."

"Không cho đến khi ông ấy chọn tìm cô — như ông ấy sẽ làm."

Khi cô đi đến xe, anh bật đèn trong quán, và cô nhận thấy điều đáng kinh ngạc: cái tên "Hugh Akston" được viết rõ ràng trên hộp thư bên vệ đường.

Cô đã lái xe khá xa trên con đường uốn khúc, đèn quán ăn đã khuất sau lưng, khi cô nhận ra hương vị đặc biệt của điếu thuốc anh đưa — khác hẳn bất kỳ điếu thuốc nào cô từng hút. Cô đưa mẫu thuốc lên ánh sáng bảng điều khiển, tìm tên thương hiệu. Không có tên, chỉ có một biểu tượng: dấu hiệu đồng đô la được đóng dấu vàng trên lớp giấy trắng mỏng.

Cô nhìn kỹ nó, chưa từng thấy thương hiệu này trước đây.

Cô chợt nhớ đến ông lão ở quầy xì gà của Ga Taggart và mỉm cười, nghĩ đây sẽ là một mẫu vật cho bộ sưu tập của ông. Cô dập tắt điếu thuốc và bỏ mẫu vào túi xách.

Tàu số 57 đã xếp hàng trên đường ray, sẵn sàng khởi hành đến Wyatt Junction khi cô đến Cheyenne. Sau khi trả xe tại gara, cô bước ra sân ga Taggart. Còn nửa giờ trước chuyến tàu chính đi New York. Cô đi đến cuối sân ga và mệt mỏi tựa vào một cây đèn, không muốn bị nhân viên nhận ra hay nói chuyện với ai — cô cần nghỉ ngơi. Vài nhóm người đứng rải rác trên sân ga vắng vẻ; những cuộc trò chuyện sôi nổi đang diễn ra, và báo chí xuất hiện nhiều hơn thường lệ.

Cô nhìn những ô cửa sổ sáng đèn của tàu số 57 — như một khoảnh khắc nhẹ nhõm giữa cảnh chiến thắng. Tàu số 57 chuẩn bị lăn bánh trên tuyến đường John Galt, qua các thị trấn, qua những khúc cua của núi non, vượt qua những tín hiệu xanh nơi người dân đã đứng vẫy tay cổ vũ và những thung lũng nơi tên lửa đã bay lên trời hè. Những chiếc lá uốn cong vẫn treo trên cành bên ngoài mái tàu, và hành khách khoác áo lông và khăn choàng khi bước lên. Họ di chuyển tự nhiên như một việc thường ngày, với sự an tâm của những người đang chờ đợi một điều hiển nhiên... "Chúng ta đã làm được" — cô nghĩ — "ít nhất, điều này đã xong."

Một cuộc trò chuyện tình cờ của hai người đàn ông phía sau bỗng đánh thức cô khỏi dòng suy nghĩ.

"Nhưng những đạo luật không nên được thông qua vội vã như vậy."

"Chúng không phải đạo luật, mà là chỉ thị."

"Vậy thì nó bất hợp pháp."

"Không, không bất hợp pháp đâu. Quốc hội đã thông qua đạo luật tháng trước, cho phép ông ấy ban hành chỉ thị."

"Tôi không nghĩ những chỉ thị kiểu này nên đột ngột xuất hiện trước mặt mọi người như một cú đấm."

"Này, đây là tình huống khẩn cấp quốc gia, làm gì có thời gian bàn luận."

"Nhưng tôi thấy nó không đúng và không hợp lý. Làm sao Rearden có thể làm được điều này, khi nó nói ở đây—"

"Sao cô phải lo cho Rearden? Anh ta đủ giàu để làm bất cứ điều gì."

Cô lập tức chạy đến quầy báo gần nhất và giật lấy một tờ báo chiều.

Nó ở trên trang nhất. Wesley Mouch, Giám đốc điều hành của Cục Kế hoạch Kinh tế và Tài nguyên Quốc gia, đã phát hành một loạt chỉ thị "trong một động thái bất ngờ" và "vì tình trạng khẩn cấp quốc gia," theo tờ báo. Các chỉ thị được liệt kê như sau: Tất cả tuyến đường sắt trong nước phải giảm tốc độ tối đa xuống 60 dặm một giờ, giảm độ dài tàu xuống tối đa 60 toa, và mỗi tiểu bang trong một khu vực gồm năm tiểu bang lân cận phải chạy cùng số lượng tàu — đất nước được chia thành các khu vực với mục đích này.

Các nhà máy thép toàn quốc phải giới hạn sản lượng mỗi loại hợp kim kim loại ngang bằng với sản lượng của các nhà máy khác trong cùng phân hạng công suất. Họ cũng phải cung cấp một phần hợp lý của bất kỳ hợp kim nào cho mọi khách hàng có nhu cầu.

Tất cả cơ sở sản xuất trong nước, không phân biệt quy mô hay loại hình, bị cấm di dời khỏi vị trí hiện tại, trừ khi được Cục Kế hoạch Kinh tế và Tài nguyên Quốc gia cấp phép đặc biệt.

Để bù đắp chi phí phát sinh cho các công ty đường sắt và "giảm nhẹ quá trình điều chỉnh," tất cả trái phiếu đường sắt — dù có bảo đảm hay không, có thể chuyển đổi hay không — được hoãn thanh toán lãi suất và gốc trong năm năm.

Để có ngân sách thực thi các chỉ thị này, một khoản thuế đặc biệt được áp đặt lên Colorado "vì tiểu bang này có khả năng giúp các tiểu bang nghèo hơn gánh vác phần lớn gánh nặng của tình trạng khẩn cấp quốc gia." Khoản thuế này là 5% doanh thu bán hàng của các công ty công nghiệp Colorado.

Cô bật ra một tiếng kêu — điều mà cô chưa từng cho phép mình làm, vì cô luôn tự hào có thể tự tìm ra câu trả lời. Nhưng khi nhìn thấy một người đàn ông đứng cách đó vài bước — không phải một gã ăn xin rách rưới — cô không kìm được tiếng kêu của lý trí trước một bóng hình con người: "Chúng ta sẽ làm gì đây?"

Gã ăn xin nhếch môi cười mỉa mai và nhún vai: "Ai là John Galt?"

Nỗi sợ hãi trong tâm trí cô không phải về Taggart Transcontinental, không phải về hình ảnh Hank Rearden bị giăng xé giữa hai thái cực — mà là về Ellis Wyatt. Xóa nhòa mọi thứ khác, choán hết tâm trí cô, không còn chỗ cho lời nói hay thắc mắc, như một câu trả lời chói lòa cho những câu hỏi chưa kịp đặt ra, hai hình ảnh hiện lên: Ellis Wyatt đứng bất khuất trước bàn làm việc của cô, nói: "Bây giờ cô có thể hủy diệt tôi; tôi có thể phải đi; nhưng nếu tôi đi, tôi sẽ kéo tất cả các người theo" — và cảnh anh ta bạo liệt xoay người ném võ chiếc ly vào tường.

Những hình ảnh ấy chỉ để lại trong cô một ý thức: cảm giác về một thảm họa không tưởng đang cận kề, và cô phải chạy nhanh hơn nó. Cô phải đến gặp Ellis Wyatt và ngăn anh ta lại. Cô không biết phải ngăn điều gì. Cô chỉ biết rằng cô phải ngăn anh ta.

Dù có nằm dưới đồng đồ nát của một tòa nhà hay bị xé nát bởi bom đạn trong một cuộc không kích, miễn là còn tồn tại, cô biết rằng hành động là nghĩa vụ tối thượng của con người, bất kể cảm xúc ra sao. Cô chạy xuống sân ga, tìm thấy trưởng ga và ra lệnh: "Giữ chuyến tàu số 57 cho tôi!" Rồi cô chạy đến buồng điện thoại riêng trong bóng tối cuối sân ga và đọc số nhà của Ellis Wyatt cho tổng đài viên.

Cô đứng tựa vào vách buồng điện thoại, mắt nhắm nghiền, lắng nghe tiếng quay kim loại chết chóc của một chiếc chuông vọng từ xa. Nó không mang lại câu trả lời. Tiếng chuông cứ vang lên trong những cơn co giật đột ngột, như mũi khoan xuyên qua tai cô, qua cơ thể cô.

Cô siết chặt ống nghe như thể nó vẫn là một sợi dây kết nối, dù không ai để ý.

Cô ước tiếng chuông kêu to hơn. Cô quên rằng âm thanh mình nghe không phải là tiếng chuông trong nhà anh ấy. Cô không nhận ra mình đang hét lên "Ellis, đừng! Đừng! Đừng mà!" — cho đến khi giọng lạnh lùng, trách móc của tổng đài viên vang lên: "Bên kia không trả lời."

Cô ngồi bên cửa sổ toa tàu số 57, lắng nghe tiếng bánh xe lách cách trên đường ray Rearden Metal. Cô ngồi đó, buông xuôi, lắc lư theo chuyển động của tàu. Mặt kính đen bóng che khuất khung cảnh cô không muốn nhìn thấy. Đây là chuyến đi thứ hai của cô trên tuyến đường John Galt, và cô cố không nghĩ đến chuyến đi đầu tiên.

Các chủ nợ, cô nghĩ, các chủ nợ của tuyến đường John Galt — họ đã tin tưởng giao phó tiền bạc, những khoản tiết kiệm và thành quả của bao năm tháng, họ đã đặt cược vào năng lực của cô, tin tưởng vào công sức của cô và của chính họ — và giờ cô bị ép buộc phản bội họ vào một cái bẫy của kẻ cướp: sẽ không có tàu, không có sinh khí của hàng hóa, tuyến đường John Galt chỉ là một ống thoát nước để Jim Taggart thực hiện thỏa thuận và rút sạch tài sản của họ, không công, vào túi mình, đổi lại việc để người khác rút kiệt đường sắt của anh ta. Trái phiếu của tuyến đường John Galt, sáng nay còn là bảo chứng cho sự an toàn và tương lai của chủ sở hữu, chỉ trong một giờ đã trở thành những mảnh giấy vô giá trị, không tương lai, không quyền lực, chỉ còn quyền đóng cửa và dừng bánh xe của hy vọng cuối cùng của đất nước. Và Taggart Transcontinental không còn là một nhà máy sống, được nuôi dưỡng bằng máu từ công sức của nó, mà là một kẻ ăn thịt thời đại, nuốt chửng những đứa con chưa ra đời của sự vĩ đại.

Thuế Colorado, cô nghĩ, thuế thu từ Ellis Wyatt để nuôi sống những kẻ có nhiệm vụ trói buộc và bóp nghẹt anh ta, những kẻ sẽ đứng canh để đảm bảo anh ta không có tàu, không có toa chở dầu, không có đường ống Rearden Metal. Ellis Wyatt bị tước quyền tự vệ, không còn tiếng nói, không còn vũ khí, và tệ hơn: bị biến thành công cụ tự hủy diệt, người cung cấp lương thực và vũ khí cho kẻ thù của chính mình. Ellis

Wyatt bị siết cổ bằng chính năng lượng rực rỡ của mình như một sợi thòng lọng — Ellis Wyatt, người đã mơ về khai thác dầu đá phiến vô tận và một thời Phục Hưng lần thứ hai...



Cô ngồi khom người, đầu gối lên tay, người ngã xuống bệ cửa sổ — trong khi những đường cong lớn của đường ray xanh lá và xanh lam, những ngọn núi, thung lũng và thị trấn mới của Colorado trôi qua trong bóng tối, không được nhìn thấy.

Cú giật phanh đột ngột khiến cô bật dậy. Đó là điểm dừng ngoài lịch trình, và sân ga nhỏ đông nghịt người, tất cả đều nhìn về một hướng. Hành khách xung quanh chen chúc sát cửa sổ, nhìn chằm chằm. Cô bật dậy, chạy xuống lối đi, xuống bậc thang, vào làn gió lạnh quét qua sân ga.

Trong khoảnh khắc trước khi nhìn thấy và tiếng hét của cô cắt đứt những tiếng nói của đám đông, cô đã biết điều mình sẽ thấy. Qua khe núi, ánh sáng chiếu rực bầu trời, tạo những gợn sáng lấp lư trên mái và tường nhà ga, ngọn đồi của Wyatt Oil là một tấm thảm lửa rực rỡ.

Sau này, khi họ nói với cô rằng Ellis Wyatt đã biến mất, chỉ để lại tấm bảng đóng vào cột ở chân đồi, khi cô nhìn nét chữ tay của anh ta, cô cảm thấy như mình đã biết trước những từ này: "Tôi để lại nó như khi tôi tìm thấy nó. Hãy tiếp quản. Nó là của bạn."